

**BỘ
TỐT CÙNG
HẠNH PHÚC**

ARUNDHATI ROY

TAO DÀN

NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

Thiên Nga dịch

BỘ TỘI CÙNG HẠNH PHÚC

Tác giả: ARUNDHATI ROY

Người dịch: Thiên Nga

Phát hành: Tao Đàn

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn

—★—

ebook©vctvegroup

*Dành tặng,
Những người chưa khuấy nguôi*

Ý ta là, những chuyện đó đều ở lòng người...

NÂZIM HIKMET

Đến giờ huyền diệu, mặt trời đã lặn nhưng ánh sáng chưa tắt, từng đàn doi gở mình khỏi đám cây đa trong khu nghĩa địa lâu đời rồi dạt qua thành phố tựa khói. Khi bầy doi đi, đàn quạ trở về. Tiếng chúng huyền náo về nhà cũng không sao khỏa lấp được cảnh im ắng còn lại khi đàn chim sẻ biến đi, cùng lũ kền kền lưng bạc lâu đời, kẻ canh giữ người chết hơn trăm triệu năm nay đã bị xóa sổ. Kền kền chết vì nhiễm độc diclofenac. Thứ aspirin dành cho bò, cho gia súc uống để giãn cơ, dịu đau và tăng sản lượng sữa, phát tác - phát tác rồi - thành chất độc thần kinh ở loài kền kền lưng bạc. Mỗi con bò hay trâu cho sữa được ngoi sức nhờ hóa chất chết đi đều thành mồi độc cho kền kền. Khi gia súc biến thành những cỗ máy chế biến bơ sữa tốt hơn, khi thành phố ăn nhiều kem, bánh quy bơ, bánh xốp, kẹo sô cô la hơn, khi họ uống nhiều sữa lắc vị xoài hơn, thì cổ kền kền bắt đầu gục xuống như thể chúng đã mệt và đơn giản là không còn tỉnh táo được nữa. Dãi nhều xuống từ mỏ thành chòm râu bạc, rồi từng con một trên cành rơi rụng xuống đất, chết.

Không mấy ai nhận thấy lũ chim già thân thiện ra đi. Còn quá nhiều thứ khác để trông chờ.

¹ LỮ CHIM GIÀ BAY ĐÂU MÀ CHẾT?

Chị sống trong nghĩa địa như một cái cây. Lúc bình minh chị tiễn bầy quạ đi đón lũ dơi về. Lúc chạng vạng chị làm ngược lại. Giữa hai ca chị chuyện trò với bóng ma đám kền kền lù lù trên cành cao của mình. Chị cảm nhận được móng chúng bấu nhẹ như cái nhói nơi chi cụt. Chị đoán chúng không mấy vui khi phải cáo từ khỏi câu chuyện.

Ngày mới dọn đến, chị chịu đựng hàng tháng trời cái tàn nhẫn vô tình như cây cối - không chùn bước. Chị không quay lại xem thằng nhóc nào ném đá mình, không nghiền cổ đọc những lời lăng mạ rạch trên thân mình. Khi thiên hạ đặt biệt danh cho chị - thằng hề không rạp xiếc, hoàng hậu không lâu đài - chị để cái xúc phạm lùa qua cành lá như làn gió hiu hiu và dùng tiếng nhạc lá lao xao như dầu thơm xoa dịu cơn đau.

Phải sau khi Ziauddin, lão thầy tế mù có lần chủ trì lễ cầu kinh ở Fatehpuri Masjid, làm bạn và bắt đầu lui tới thăm chị thì xóm giềng mới thấy cũng đã đến lúc để chị được yên.

Đã lâu rồi, một gã biết tiếng Anh nói rằng tên chị mà viết ngược lại (bằng tiếng Anh) đọc là Majnu. Trong câu

chuyện Laila và Majnu tiếng Anh, gã nói, Majnu được gọi là Romeo còn Laila là Juliet. Chị thấy điều đó khôi hài. “Ý anh là tôi biến câu chuyện của họ thành ra *khichdi** à?” Chị hỏi. “Thế họ sẽ làm sao khi biết Laila thật ra là Majnu còn Romi là Juli?” Lần sau gặp chị, Gã Biết Tiếng Anh nói mình đã nhầm. Tên chị đọc ngược là Mujna, đó không phải tên mà cũng chẳng có nghĩa gì cả. Chị đáp lại, “Cũng chẳng sao. Tôi là tất cả mấy người họ, tôi là Romi và Juli, tôi là Laila và Majnu. Còn Mujna hả, sao lại không được? Ai nói tên tôi là Anjum? Tôi không phải Anjum, tôi là Anjuman. Tôi là *mehfil*, tôi là một buổi tụ họp. Có đủ mặt mọi người mà cũng chẳng có ai, có mọi thứ mà cũng không có gì. Anh còn muốn mời ai nữa không? Ai cũng được mời hết.”

Gã Biết Tiếng Anh nói chị thật thông minh mới nghĩ ra được vậy. Gã nói chính mình cũng chưa từng nghĩ đến điều ấy. Chị nói, “Với trình độ tiếng Urdu vậy thì làm sao anh nghĩ ra được? Anh nghĩ gì thế? Tiếng Anh tự động làm cho người ta thông minh à?”

Gã cười xòa. Chị cười vào tiếng cười của gã. Hai người chia nhau một miếng thuốc đầu lọc. Gã kêu ca là thuốc lá Wills Navy Cut đã ngăn lại to và đúng là chẳng đáng đồng tiền. Chị nói mình thì lúc nào cũng thích thuốc này hơn Four Square hay Red & White quá đàn ông.

Giờ chị không nhớ gã tên gì. Có lẽ là vì chị chưa từng biết. Gã biệt tích từ lâu, Gã Biết Tiếng Anh, không cần biết là đi đâu. Còn chị đang sống trong khu nghĩa địa sau lưng

bệnh viện nhà nước. Để bầu bạn thì đã có cái tủ thép Godrej mà trong đó chị cất nhạc - những băng đĩa trữ xức - một cây đàn harmonium cũ, quần áo, nữ trang, mấy cuốn thơ của cha, mấy cuốn album ảnh và dăm bài báo cắt ra còn sót lại sau đám cháy ở Khwabgah. Chị treo chìa khóa bằng sợi chỉ đen cùng với cây tăm xỉa răng bằng bạc cong veo đeo nơi cổ. Chị ngủ trên tấm thảm Ba Tư sòn tro chỉ mà ban ngày chị cất vào tủ khóa lại, rồi ban đêm trải ra giữa hai nắm mộ (nói chơi với nhau thôi, không bao giờ cùng hai nắm mộ trong hai đêm liền). Chị vẫn hút. Vẫn hiệu Navy Cut.

Một sáng, chị đang đọc báo cho lão thầy tế già, mà rõ ràng lão chẳng lắng nghe gì cả, làm bộ tình cờ hỏi: “Có đúng là người Ấn giáo các chị cũng được chôn, không phải hỏa táng?”

Đánh hơi thấy rắc rối, chị nói lảng đi. “Đúng ư? Cái gì là đúng? Chân lý là cái gì?”

Không sẵn lòng bị đánh lạc hướng khỏi câu thăm dò, thầy tế lẩm nhẩm đáp như máy. “*Sach Khuda hai. Khuda hi Sach hai.*” Chân lý là Thượng Đế. Thượng Đế là Chân lý. Thứ minh triết có sẵn sau mấy xe tải sơn hình vẽ chữ chạy rầm rập trên xa lộ. Rồi lão nheo cặp mắt mù xanh đục mà thì thào hỏi tinh quái: “Nói tôi nghe, đám các chị, khi chết, họ chôn các chị ở đâu? Ai tắm rửa thi thể? Ai đọc kinh cầu nguyện?”

Anjum im lặng hồi lâu. Thế rồi chị cúi người qua mà thì

thào đáp lại, chẳng giống cây chút nào: “Thầy tế Sahib này, khi người ta nói về sắc màu - đỏ, lam, cam, khi người ta tả bầu trời lúc hoàng hôn, hay trăng lên trong tháng Ramadan - trong đầu thầy nghĩ đến cái gì?”

Tổn thương nhau trầm trọng, gần như chí tử, hai người ngồi lặng câm bên nhau trên nắm mộ vô danh ngập nắng, máu tuôn ồ ạt. Rốt cuộc Anjum là người phá tan không khí im lặng.

“Thầy nói tôi nghe,” chị nói. “Thầy mới là thầy tế Sahib, không phải tôi. Lũ chim già bay đi đâu mà chết? Chúng rơi như đá trên trời xuống đầu mình hay sao? Mình có giẫm phải xác chúng giữa đường không? Thầy không nghĩ rằng Thượng Đế, Đấng Tối Cao, người đã đưa chúng ta xuống trần gian cũng đã lo liệu đâu đó để đưa chúng ta đi hay sao?”

Hôm ấy thầy tế đến chơi mà về sớm hơn mọi ngày. Anjum nhìn lão ra về, tóc tóc tóc quanh co giữa rừng mộ, cây gậy làm mắt cho lão phát tiếng nhạc khi chạm phải chai lọ rỗng và ống tiêm dùng rồi la liệt trên lối đi. Chị không ngăn lão. Chị biết lão sẽ trở lại. Dù có vờ vĩnh khôn khéo thế nào chị cũng nhận ra cái đơn độc ngay khi thấy. Chị cảm nhận được rằng trong một cách lan man kỳ lạ nào đó, lão cần bóng râm của chị cũng chẳng khác nào chị cần bóng râm của lão. Nhờ kinh nghiệm mà chị đã học được rằng Nhu Cầu là một nhà kho đủ sức chứa kha khá thứ tàn nhẫn.

Dù cuộc chia tay với Khwabgah không hề thân ái, Anjum cũng biết những ước mơ cùng bí mật của nó không phải của riêng mình chị mà phụ bạc.

2

KHWABGAH

Chị là đứa thứ tư trong năm người con, chào đời trong một đêm tháng Giêng lạnh giá, bên ngọn đèn dầu (cúp điện), ở Shahjahanabad, thành cổ Delhi. Dì Ahlam, bà mẹ giúp chị chào đời, quấn chị trong hai lớp khăn san rồi đặt vào vòng tay mẹ và nói: “Là con trai.” Trong hoàn cảnh như vậy, nhầm lẫn của bà âu cũng là điều dễ hiểu.

Lần đầu có mang được một tháng thì bà Jahanara cùng chồng quyết định rằng nếu đứa bé là con trai thì họ sẽ đặt tên là Aftab. Ba đứa đầu của họ là con gái. Họ đã chờ Aftab của mình sáu năm trời. Cái đêm thẳng bé ra đời là đêm hạnh phúc nhất đời bà Jahanara.

Sáng hôm sau, khi mặt trời lên và căn phòng đã sạch sẽ ấm áp, bà cởi khăn quấn Aftab bé bỏng ra. Bà thăm dò hình hài bé nhỏ - mắt mũi đầu cổ nách ngón tay ngón chân - với nỗi sướng sung thỏa lòng, thông thả. Đó là khi bà phát hiện ra, nép bên dưới bộ phận của nam giới, là thứ nhỏ xíu, chưa thành hình, nhưng rõ ràng là một bộ phận của nữ giới.

Có lẽ nào một người mẹ lại khiếp sợ chính đứa con mình đẻ ra? Bà Jahanara thì có. Phản ứng đầu tiên của bà là cảm thấy tim mình thắt lại còn xương cốt hóa thành tro. Phản

ứng thứ hai là nhìn lại lần nữa cho chắc mình không nhầm. Phản ứng thứ ba là rụt lại trước thứ mình vừa tạo ra trong khi ruột bà quặn thắt và một dòng phân rỉ dọc hai giò. Phản ứng thứ tư là nghĩ đến nước giết quách cả mình và đứa con. Phản ứng thứ năm là bế đứa bé lên ôm chặt để lần sờ cái khe ngăn giữa thế giới bà biết và những thế giới mà bà đã không biết có tồn tại. Tại đó, dưới vực sâu, quay tít mù trong bóng tối, mọi điều bà vẫn biết chắc cho đến giờ phút này, từng thứ một, từ cái vụn vặt nhất cho đến cái lớn lao nhất, đã không còn có nghĩa lý với bà nữa. Trong tiếng Urdu, ngôn ngữ duy nhất bà biết, mọi thứ, không chỉ sinh vật mà *mọi* thứ - thậm, quần áo, sách vở, bút nghiên, nhạc cụ - đều có giới tính. Mọi thứ đều hoặc là giống đực hoặc là giống cái, đàn ông hoặc đàn bà. Mọi thứ chỉ trừ đứa con của bà. Thì lẽ tất nhiên bà cũng biết có một từ để chỉ những thứ giống như thằng bé - *hijra**. Thật ra là hai từ, *hijra* và *kinnar**. Nhưng hai từ đâu có làm nên một ngôn ngữ.

Có thể sống bên ngoài ngôn ngữ được chăng? Lẽ đương nhiên câu hỏi này không bật ra thành từ ngữ với bà, hoặc như một câu sáng sủa dễ hiểu. Nó hiện ra với bà như một tiếng thét phôi thai, vô thanh.

Phản ứng thứ sáu là bà đi tẩy uế mình và quyết lòng tạm thời không nói cho ai hay. Ngay cả chồng bà. Phản ứng thứ bảy là bà nằm xuống cạnh Aftab và thư giãn. Như Chúa của người Cơ Đốc, sau khi đã tạo ra Trời và Đất. Có điều trong

trường hợp của Chúa thì Người nghỉ ngơi sau khi đã tỏ tường thế giới mình tạo ra, còn đằng này bà Jahanara nghỉ ngơi sau khi cái thứ mà bà tạo ra làm đảo lộn hết cảm nhận về thế giới của bà.

Suy cho cùng thì đó không hẳn là âm đạo thực thụ, bà tự nhủ. Những đường rãnh của nó không mở (bà kiểm rồi). Nó chỉ là một miếng thịt thừa, một thứ nhỏ xíu. Nó sẽ khép lại, lành lặn, hay tiêu tan không chừng. Bà sẽ đi viếng mọi đền thờ mình biết để cầu xin Thượng Đế rủ lòng thương. Ngài sẽ làm thế. Bà biết ngài sẽ làm thế. Ngài đã làm vậy rồi cũng nên, theo những cách mà bà chưa hiểu hết.

Ngay hôm đầu tiên cảm thấy đủ sức ra khỏi nhà, bà Jahanara ẵm Aftab sơ sinh theo đến *dargah** thờ Hazrat Sarmad Shaheed, từ nhà đi bộ mười phút, tỵ là tới. Lúc đó bà chưa được nghe câu chuyện của Hazrat Sarmad Shaheed, nên không hề biết cái gì đã đưa bước chân mình quả quyết như vậy về phía đền thờ ông. Có lẽ ông đã gọi bà tìm đến ông. Cũng có thể bà bị thu hút bởi người kỳ lạ bà vẫn thấy cắm chốt ở đó trên đường mình thường cuốc bộ đến chợ Meena, hạng người mà thời trẻ bà còn chẳng thèm liếc mắt tới trừ khi họ đi ngang lối bà. Bỗng đâu họ dường như trở thành những người quan trọng nhất trên đời.

Không phải mọi người đến viếng đền thờ Hazrat Sarmad Shaheed đều biết câu chuyện của ông. Người thì biết dăm ba phần, người thì mù tịt, người thì bịa theo kiểu riêng mình. Hầu như ai cũng biết ông là thương nhân Armenia

gốc Do Thái, từ Ba Tư lặn lội đến tận Delhi đeo đuổi tình yêu của đời mình. Không mấy ai biết tình yêu của đời ông là Abhay Chand, một chàng trai người Hindu ông gặp ở Sindh. Hầu hết đều biết ông bỏ đạo Do Thái và theo đạo Hồi. Ít người biết cuộc tầm đạo cuối cùng đã dẫn ông đến chỗ chối bỏ cả đạo Hồi chính thống. Hầu như ai cũng biết ông từng là một fakir* lỏa thể sống trên đường phố Shahjahanabad trước khi bị xử trảm công khai. Ít người biết lý do ông bị hành hình không phải vì khỏa thân nơi công cộng mà là vì phản giáo. Hoàng đế lúc bấy giờ là Aurangzeb, cho gọi Sarmad vào triều và bắt ông chứng tỏ mình là một tín đồ Hồi giáo chân chính bằng cách tụng Kalima: *la ilaha illallah, Mohammed-ur rasul Allah* - Không có Thượng Đế nào ngoài thánh Allah, và Mohammed là Sứ giả của người. Sarmad lỏa lồ đứng giữa sân triều Pháo Đài Đỏ trước mặt bồi thẩm đoàn gồm các viên quan tòa và giáo sĩ. Mây trên trời dừng trôi, chim đang bay ngưng lặng và không khí trong pháo đài đặc quánh không sao xuyên thủng khi ông cất giọng tụng Kalima. Nhưng vừa tụng thì ông đã dừng. Ông chỉ tụng mỗi cụm từ đầu: *la ilaha*. Không có Thượng Đế. Ông không tụng thêm được, ông nhất quyết vậy, cho đến bao giờ ông đi trọn con đường tầm đạo và một lòng một dạ theo Allah. Cho đến khi đó, ông nói, tụng Kalima thì chỉ là nhại cầu nguyện mà thôi. Aurangzeb, được các quan tòa hậu thuẫn, ban lệnh trảm Sarmad.

Thật sai lầm nếu như theo đó mà cho rằng những ai

không biết câu chuyện đời Hazrat Sarmad Shaheed vẫn đến đánh lễ ông thì chỉ đến trong sự dốt nát, không đếm xỉa mấy đến sự thật và lịch sử. Bởi lẽ bên trong đền, vong linh bất khuất của Sarmad, mãnh liệt, hữu hình và chân thật hơn bao nhiêu dữ kiện lịch sử bồi tụ được, hiển linh với những ai cầu xin ông ban phước. Nó ca tụng (nhưng không bao giờ rao giảng) hiệu lực của tâm linh hơn là bí tích, sự dung dị hơn là thói xa hoa và tình yêu siêu việt, ngoan cường ngay cả khi đứng trước viễn cảnh diệt vong. Vong linh của Sarmad cho phép những ai tìm đến câu chuyện của ông biến thành bất kỳ thứ gì họ thấy cần.

Khi bà Jahanara trở thành gương mặt quen thuộc tại đền thờ thì bà nghe (rồi thuật lại) câu chuyện Sarmad bị xử trảm trên những bậc cấp ở Jama Masjid* trước một biển người yêu quý ông tề tựu về để tiễn biệt. Đầu ông vẫn tiếp tục ngâm nga những bài thơ tình ngay cả khi đã lìa khỏi thân, rồi ông nhặt cái đầu đang ngâm thơ, thản nhiên như cái cách một tay lái mô tô ngày nay cầm mũ bảo hiểm lên, bước lên những bậc cấp vào Jama Masjid, và rồi, cũng thản nhiên như vậy, đi thẳng lên Thiên đàng. Vì vậy mà bà Jahanara kể (cho bất kì ai sẵn lòng nghe), trong đền thờ nhỏ xíu của Hazrat Sarmad (bám chặt như con sao biển dưới chân những bậc cấp phía đông Jama Masjid, ngay chính chỗ máu ông đổ xuống đọng thành vũng), sàn nhà đỏ, vách tường đỏ và trần nhà cũng đỏ. Hơn ba trăm năm đã trôi qua, bà nói, vậy mà không sao rửa sạch máu của

Hazrat Sarmad. Bất kể người ta sơn đến ông màu gì, bà quả quyết, cuối cùng rồi nó cũng tự hóa đỏ.

Lần đầu đi qua đám người này - những người bán tinh dầu và bùa hộ mạng, những người giữ giày dép cho khách hành hương, người tàn tật, hội ăn xin, những người vô gia cư, những con dê được vỗ béo để giết thịt trong ngày Eid* và đám hoạn nhân lớn tuổi, lặng lẽ cư trú dưới tấm bạt bên ngoài điện thờ - và bước vào gian phòng màu đỏ nhỏ xíu, bà Jahanara bình tâm lại. Những thanh âm đường phố chỉ còn mờ nhạt và dường như từ đâu xa lắc vọng về. Bà ngồi một góc với đứa bé ngủ trong lòng, nhìn thiên hạ, Hồi giáo lẫn Ấn giáo, bước vào riêng lẻ hay thành cặp, buộc những sợi chỉ đỏ, vòng tay đỏ và những mảnh giấy vào lan can bao quanh ngôi mộ, cầu xin được Sarmad ban phước. Phải đến khi bà để ý thấy một ông lão trong mờ có làn da khô đét, tựa giấy và chòm râu thưa thưa dưới ánh sáng mờ mờ ngồi trong một góc, người đổ tới đổ lui, lặng lẽ khóc như thể trái tim ông đã nát tan, lúc đó bà Jahanara mới để nước mắt mình tuôn rơi. *Đây là con trai của con, Aftab, bà khấn thầm với Hazrat Sarmad. Con đem nó đến đây với ngài. Xin hãy phù hộ cho nó. Và dạy cho con biết cách yêu thương nó.*

Hazrat Sarmad đã làm vậy.



Suốt những năm đầu đời Aftab, bí mật của bà Jahanara

vẫn được an toàn. Trong lúc chờ cho bộ phận nữ giới của nó kín miệng lại, bà giữ rịt thằng bé bên mình và quyết liệt che chở cho nó. Ngay cả khi thằng con sau là Saqib ra đời rồi bà cũng không chịu để Aftab một mình đi quá xa bà. Mọi người không xem đó là cách cư xử lạ đời ở một người đàn bà đã chờ đợi quá mỏi mòn và quá tha thiết một đứa con trai.

Khi lên năm, Aftab bắt đầu theo học trường madrassa* tiếng Urdu-Hindi dành cho con trai ở Chooriwali Gali (hẻm bán vòng tay). Trong vòng một năm thằng bé đã biết tụng gần hết cuốn kinh Koran bằng tiếng Ả Rập, dù không rõ nó hiểu được bao nhiêu - bao đứa trẻ khác cũng vậy. Aftab khá hơn đám học sinh thông thường, nhưng ngay từ lúc còn nhỏ thì cũng đã rõ thiên phú thật sự của cậu là âm nhạc. Aftab có một giọng hát ngọt ngào, chân thật và chỉ nghe qua một lần là bắt nhịp được ngay. Cha mẹ quyết định cho cậu đến học thầy Hameed Khan, một nhạc công trẻ tài ba dạy nhạc cổ Hindustan cho các nhóm trẻ con trong khu nhà chật chội của anh ở Chandni Mahal. Aftab bé bỏng chưa bao giờ bỏ một buổi học nào. Khi lên chín thì nó đã có thể hát cả hai mươi phút *bada khayal** trong điệu Yaman, Durga và Bhairav rồi then thừng lướt giọng khỏi nốt giáng trong điệu Pooriya Dhanashree như viên đá nảy thia lia qua mặt hồ. Nó hát Chaiti và Thumri cũng tài nghệ và đỉnh đặc như kỹ nữ Lucknow. Mới đầu thiên hạ thấy thích thú và thậm chí còn cổ vũ nữa, nhưng rồi chẳng mấy chốc tiếng khúc khích

và trêu chọc của mấy đứa trẻ khác bắt đầu: *Thằng cu đó là con hĩm. Nó chẳng phải thằng cũng chẳng phải con. Nó vừa là thằng vừa là con. Con-thằng, thằng-con. Hi! Hi! Hi!*

Khi những châm chọc trở nên không chịu đựng nổi thì Aftab không đến lớp nhạc nữa. Nhưng thầy Hameed mê tí tẹo, bèn ngỏ ý dạy riêng một mình. Vậy nên những giờ học nhạc vẫn tiếp tục, nhưng Aftab không chịu đến trường nữa. Cùng lúc đó thì niềm hi vọng trong bà Jahanara đã ít nhiều tàn lụi. Không thấy có dấu hiệu gì của việc sắp lành miệng đâu cả. Bà xoay xở khất lại chuyện cắt bao quy đầu cho thằng bé được đôi năm với một loạt lí do bịa đặt. Nhưng Saqib - đứa em đang chờ đến lượt, nên bà biết mình không trì hoãn được nữa. Cuối cùng bà đã làm điều phải làm. Bà thu hết can đảm kể cho chồng nghe, bật khóc nức nở rồi cứ thút thít vì buồn khổ cũng như nhẹ lòng nữa, vì cuối cùng đã có người để bà san sát con ác mộng.

Chồng bà, Mulaqat Ali, là một *hakim*, thầy lang, cũng là người yêu thơ tiếng Urdu và Ba Tư. Cả đời ông làm việc cho gia đình một thầy lang khác - thầy lang Abdul Majid, người sáng lập nhãn hiệu nước quả nổi tiếng Rooh Afza (tiếng Ba Tư nghĩa là “Thần dược tâm hồn”). Rooh Afza, được làm từ hạt khurfa (rau sam), nho, cam, dưa hấu, bạc hà, cà rốt, chút cải bó xôi, khus khus*, sen, hai loại hoa huệ tây và ít nước cất hoa hồng Damask, nhằm làm thuốc bổ. Nhưng thiên hạ phát hiện ra rằng bỏ hai muỗng nhỏ thứ xi rô màu hồng ngọc lóng lánh vào trong cốc sữa lạnh hay ngay cả

nước lọc thôi thì không những có vị ngon lành mà còn là thức uống phòng vệ hữu hiệu trước những mùa hè thiêu đốt của Delhi và các bệnh sốt lỵ theo làn gió sa mạc thổi vào. Chẳng mấy chốc cái ban đầu là thuốc đã biến thành thứ nước giải khát mùa hè phổ biến nhất trong vùng. Rooh Afza trở thành một hãng kinh doanh phát đạt và là một thương hiệu nổi tiếng. Suốt bốn mươi năm nó bá chủ thị trường, sản phẩm từ các trụ sở trong thành cổ vươn xa về phía nam tới tận Hyderabad và xa về phía tây tới Afghanistan. Thế rồi Chia cắt* xảy ra. Động mạch cảnh của Thượng Đế rách toạc trên đường biên giới mới giữa Ấn Độ với Pakistan và cả triệu người chết vì thù hận. Láng giềng trở mặt như thể chưa từng quen biết nhau, chưa từng dự đám cưới của nhau, chưa từng hát bài ca của nhau. Thành cổ tan hoang. Những gia đình cũ đi lánh nạn (người Hồi giáo). Những gia đình mới dọn vào (người Ấn giáo) và định cư xung quanh tường thành. Rooh Afza bị đình đốn nặng nề, nhưng sớm phục hồi và mở một chi nhánh ở Pakistan. Một phần tư thế kỷ nữa, sau vụ thảm sát ở Đông Pakistan, nó mở thêm một chi nhánh ở đất nước mới toanh Bangladesh. Nhưng rồi cuộc, thứ thần dược tâm hồn vốn sống sót qua bao cuộc chiến và sự khai sinh đẫm máu ba đất nước mới, như hầu hết mọi thứ ở đời, đã bị Coca-Cola đánh bại.

Đã đành Mulaqat Ali là nhân viên được thầy lang Abdul Majid tín nhiệm và đánh giá cao, nhưng tiền lương ông kiếm được lại không đủ để trang trải cuộc sống. Nên ngoài

giờ làm việc ông còn khám bệnh tại nhà. Bà Jahanara đắp đổi thu nhập gia đình bằng những gì kiếm được từ những chiếc mũ vải bông trắng Gandhi bà may và bán sỉ cho các chủ tiệm người Ấn ở Chandni Chowk*.

Mulaqat Ali có gia phả trực hệ về đến tận Hoàng đế Mông cổ Thành Cát Tư Hãn qua người con trai thứ hai của ngài là Sát Hợp Đài. Ông có một cây phả hệ tỉ mỉ viết trên một tấm giấy da nứt nẻ và một cái rương thiếc nho nhỏ đầy cả những tờ giấy giòn rụm, ố vàng mà ông tin rằng chúng thực được cái ông tự xưng và giải thích làm sao mà hậu duệ của các pháp sư ở sa mạc Gobi, những người thờ phụng Bầu trời xanh bao la, từng bị cho là kẻ thù của Hồi giáo, lại trở thành tổ tiên của triều đại Mogul cai trị Ấn Độ hàng thế kỷ, và làm sao mà chính gia đình của Mulaqat Ali, hậu duệ của các vua Mogul, thuộc nhánh Sunni, lại trở thành Shia. Thi thoảng, có lẽ cứ vài năm, ông lại mở rương ra khoe giấy tờ với một phóng viên đến thăm, mà thường thì họ không lắng nghe kĩ càng và cũng chẳng xem trọng ông. Cùng lắm thì buổi phỏng vấn dài cũng chỉ đáng một câu kể lấu lỉnh, mua vui trong số đặc biệt cuối tuần về Old Delhi. Nếu đó là một trang đôi, một hình chân dung nhỏ của Mulaqat Ali có thể cũng được đăng cùng vài bức ảnh cận cảnh ẩm thực Mogul, những bức chụp toàn cảnh phụ nữ Hồi giáo trùm burqa* trên những chiếc xích lô miệt mài đạp qua các con hẻm chật hẹp bẩn thỉu, và tất nhiên bắt buộc phải có cái nhìn từ trên cao xuống hàng nghìn đàn ông Hồi giáo đội

mũ trắng, ngồi thành từng khối đều tắp, cúi mình cầu nguyện trong Jama Masjid. Một số độc giả xem những bức hình này là bằng chứng cho thấy Ấn Độ đã thành công trong việc gắn kết chủ nghĩa thế tục và bao dung giữa các tín ngưỡng, số khác thì xem với một chút nhẹ nhõm rằng dân Hồi giáo ở Delhi chừng như cũng khá vừa lòng trong khu ghetto* nhộn nhịp của họ. Lại cũng có những người xem đó như bằng chứng cho thấy tín đồ Hồi giáo không mong “hòa nhập” và đang bận sinh con đẻ cái cũng như tổ chức đội ngũ, sẽ sớm trở thành mối đe dọa cho Ấn giáo Ấn Độ. Những kẻ tán thành quan điểm này đang giành được ảnh hưởng với tốc độ báo động.

Bất kể cái được đăng hay không được đăng trên báo, đến tận tuổi lắm cẩm Mulaqat Ali vẫn luôn mời khách vào mấy căn phòng nhỏ xiu của ông với cái cao nhĩa đã tàn phai của một người hoàng tộc. Ông kể về quá khứ với lòng tự trọng nhưng không bao giờ với nỗi hoài niệm. Ông mô tả trong thế kỷ 13, tổ tiên mình đã trị vì một đế chế trải dài từ những xứ sở ngày nay gọi mình là Việt Nam và Triều Tiên, một mạch đến tận Hungary và vùng Balkan, từ Bắc Siberia cho đến cao nguyên Deccan ở Ấn, đế chế rộng lớn nhất thế giới từng biết. Ông thường kết lại buổi phỏng vấn bằng cách ngâm một cặp câu tiếng Urdu của một trong những nhà thơ ông yêu thích, Mir Taqi Mir:

*Jis sar ko ghurur aaj hai yaan taj-vari ka
Kal uss pe yahin shor hai phir nauhagari ka.*

Cái đầu hôm nay kiêu căng khoe mũ miện
Mai kia cũng nơi này giàn giụa khóc than.

Khách của ông, những sứ thần lão xược của một tầng lớp cai trị mới, hầu như cũng chẳng biết cái ngạo mạn trẻ người non dạ của mình, không thấm hết cái ẩn ý trong cặp câu được đưa ra, như một miếng thức ăn phải nuốt cho trôi bằng một chén trà ngọt và đặc, nhỏ bằng hột mít. Lẽ tất nhiên họ hiểu đó là bài ai điệu cho một đế chế đã suy tàn mà đường ranh giới với các ngoại bang đã co cụm về khu ghetto cái bản bao quanh là tường thành đổ nát của cổ thành. Và phải, họ nhận ra rằng đó còn là một câu cảm thán ngậm ngùi cho tình cảnh ngặt nghèo của riêng Mulaqat Ali. Điều đã trôi tuột qua họ là cặp câu thơ như một miếng thức ăn ma mãnh, một miếng bánh samosa* lọc lừa, một lời cảnh báo bọc trong tiếng tang thương, được đem ra mời với cái nhún nhường giả tạo bởi một người đàn ông uyên thâm, hoàn toàn tin chắc rằng người nghe dốt đặc tiếng Urdu, một thứ ngôn ngữ mà như hầu hết những người nói thứ tiếng đó, cũng đang dần dần *ghetto hóa*.

Niềm đam mê thi ca của Mulaqat Ali không chỉ là một sở thích tách bạch với công việc thầy lang. Ông tin rằng thơ ca có thể chữa trị, hoặc ít nhất cũng tiến rất xa trong việc chữa trị gần như mọi phiền não. Ông thường kê thơ cho bệnh nhân như các thầy lang khác kê đơn thuốc. Ông có thể lôi từ trong kho tàng đáng nể của mình ra một cặp câu

thơ tương thích kỳ lạ cho từng chứng bệnh, từng trường hợp, từng tâm trạng và từng biến chứng khó thấy trong bầu không khí chính trị. Thói quen này làm cho cuộc sống quanh ông dường như sâu sắc hơn nhưng cũng đồng thời đỡ rạch ròi hơn nó vốn có. Nó truyền vào mọi thứ một cảm giác ngưng đọng mông lung, một cảm giác rằng mọi chuyện xảy ra đều đã từng xảy ra đâu đó. Rằng nó đã được viết, được hát, được bình phẩm và được ghi vào danh mục lịch sử. Rằng không thể có cái gì là mới cả. Có lẽ vì vậy mà người trẻ quanh ông vẫn thường cao chạy xa bay, cười khúc khích khi đánh hơi thấy một cặp thơ đang cận kề.

Khi bà Jahanara kể ông nghe về Aftab, có lẽ lần đầu tiên trong đời Mulaqat Ali không có một cặp thơ nào phù hợp cho tình huống này. Phải mất một lúc rồi ông mới hoàn hồn sau cú sốc phút đầu. Khi đã tỉnh táo lại, ông quở vợ đã không cho ông biết sớm hơn. Thời thế đã thay đổi, ông nói. Giờ là Thời hiện đại. Ông tin chắc là có một giải pháp y khoa đơn giản nào đó cho cái rắc rối của con trai họ. Họ sẽ tìm một bác sĩ ở New Delhi, tránh xa những xì xầm đàm tiếu cứ tiếp diễn trong các khu phố ở cổ thành. Đấng Tối Cao sẽ phù hộ cho những kẻ biết tự giúp mình, ông nói vợ có hơi nghiêm khắc.

Một tuần sau, mặc bộ đồ đẹp dễ nhất, với một Aftab không vui mặc bộ *pathan* màu xám thép nam tính cùng một áo chèn đen thêu, một chiếc mũ ôm sát đầu và đôi hài mũi cong vút như thuyền gondola, họ lên đường đến

Nizamuddin Basti trong một chiếc xe ngựa kéo. Mục đích bề ngoài của chuyến đi là đi xem mặt cô dâu tương lai cho thằng cháu Aijaz - con út của anh trai Mulaqat Ali, tên là Qasim, người đã chuyển đến sống ở Pakistan sau Chia cắt và làm việc cho chi nhánh của Rooh Afza ở Karachi. Lý do đích thực đó là họ đã có hẹn với bác sĩ Ghulam Nabi, người tự xưng mình là một “chuyên gia giới tính”.

Bác sĩ Nabi lấy làm tự hào là người ăn nói bộc trực, có tư chất chính xác, khoa học. Khám cho Aftab xong ông phán, về y học mà nói, thằng bé không phải là một hijra - một người nữ mắc kẹt trong hình hài nam - dù vì những mục đích thực tiễn thì dùng từ đó cũng được. Ông nói Aftab là một trường hợp hiếm gặp của người lưỡng tính, có những đặc điểm của cả nam lẫn nữ, dù nhìn bề ngoài thì các đặc điểm nam giới có vẻ như trội hơn. Ông nói mình có thể giới thiệu một bác sĩ phẫu thuật sẽ bít bộ phận nữ giới, khâu nó lại. Ông cũng có thể kê vài thứ thuốc viên. Nhưng như ông nói, vấn đề không chỉ đơn thuần nằm ở bề nổi. Dù chữa trị chắc hẳn là có hiệu quả, song có lẽ “những khuynh hướng hijra” sẽ không bao giờ mất hẳn. (*Fitrat* là từ ông dùng để chỉ “các khuynh hướng”.) Ông không thể đoán chắc sẽ thành công mỹ mãn. Mulaqat Ali, đã sẵn sàng tâm lý vợ lấy chồng, mừng rỡ. “Các khuynh hướng ư?” Ông hỏi. “Khuynh hướng thì không vấn đề gì. Ai cũng có vài khuynh hướng này khác... khuynh hướng luôn có thể lo liệu được.”

Dù chuyến đi đến gặp bác sĩ Nabi không đem lại giải

pháp tức thời cho những gì Mulaqat Ali thấy là tai họa của Aftab, song nó giúp ích cho Mulaqat Ali rất nhiều. Nó cho ông tọa độ để xác định vị trí của bản thân, để làm yên con tàu đang nhấp nhô hiểm nghèo trên đại dương mịt mù không có các cặp câu thơ. Giờ đây ông có thể biến nỗi khổ não của mình thành một vấn đề thiết thực, hướng mỗi quan tâm và nghị lực vào cái gì đó mà ông hiểu rõ: Làm sao gom đủ tiền cho ca phẫu thuật?

Ông cắt giảm chi tiêu trong nhà, lập danh sách những người quen và họ hàng mà ông có thể vay mượn. Đồng thời, ông bắt tay vào dự án văn hóa là in sâu chất nam tính vào Aftab. Ông truyền cho nó tình yêu thi ca và không khuyến khích hát xướng Thumri với Chaiti. Ông thức đến khuya, kể cho Aftab nghe những câu chuyện về tổ tiên chiến binh và lòng dũng cảm của họ nơi trận mạc. Aftab vẫn không xúc động. Nhưng khi nó nghe câu chuyện Thiết Mộc Chân - Thành Cát Tư Hãn - cưới được người vợ xinh đẹp là Borte Khatun, khi nàng bị bộ tộc thù địch bắt cóc và Thiết Mộc Chân gần như đơn thương độc mã đấu với cả đạo quân để giành lại nàng bởi vì ông yêu nàng quá đỗi, Aftab thấy mình muốn được giống như nàng.

Trong khi các chị và em trai đến trường thì Aftab ngồi hàng giờ trên ban công bé xíu ở nhà nhìn xuống Chitli Qabar - cái miếu nhỏ xíu thờ con dê đốm mà người ta đồn là có các phép thần thông - và con phố tấp nập chạy ngang miếu rồi nhập vào Matia Mahal Chowk. Cậu nhanh chóng

học được phách nhịp của khu xóm, chủ yếu thì đó là một tràng chửi rửa tiếng Urdu - *Tao đê mẹ mày ra bây giờ, đi mà chơi chị mày đi, tao lấy dái mẹ mày ra mà thề đó* - mỗi ngày năm lần bị cắt ngang vì tiếng gọi cầu nguyện từ Jama Masjid và vài nhà thờ Hồi giáo nhỏ nữa trong phố cổ. Khi Aftab ngồi lom lom trông chừng, ngày này qua ngày khác, không riêng cái gì cả, chú Guddu bán cá chanh chua sáng sớm bày xe cá tươi lấp loáng giữa chợ, cũng chắc chắn như mặt trời mọc đằng đông và lặn đằng tây, sẽ thuôn dài ra thành Wasim, người bán naan khatai* buổi chiều - cao ráo, hòa nhã; rồi ông này sẽ teo lại thành Yunus, người bán trái cây buổi tối - nhỏ nhắn, gầy nhom; ông này, lúc tối khuya, sẽ rộng ra và phình lên thành cụ Hassan - người bè bè bán biryani* dê ngon nhất Matia Mahal mà ông dọn ra đĩa từ một cái nồi đồng to sụ. Một sáng mùa xuân Aftab trông thấy một người đàn bà cao lớn, hông hẹp, thoa son môi tươi rực rỡ, mang giày cao gót nhũ vàng và mặc một *salwar kameez** bằng xa tanh màu xanh lục óng chuốt đang mua vòng tay của Mir - người bán vòng kiềm luôn trông coi Chitli Qabar. Hàng đêm ông cất vòng trong mộ khi đóng cửa miếu và quán. (Ông cũng xoay xở sao cho các giờ làm việc sít sao.) Aftab chưa từng thấy ai như người phụ nữ dong dong tô son. Cậu chạy nháo nhào xuống cầu thang dốc đứng ra đường rồi kín đáo theo sau khi chị ta mua giò dê, kẹp tóc, ổi, và sửa lại quai giày xăng đan.

Cậu muốn được giống như chị ta.

Cậu bám theo chị ta suốt con phố đến tận Cổng Turkman rồi đứng lâu thật lâu bên ngoài cánh cửa sơn màu xanh lam mà chị ta vừa khuất dạng bên trong. Không một phụ nữ bình thường nào lại được khệnh khạng xuống đường phố Shahjahanabad mà ăn mặc như thế. Phụ nữ bình thường ở Shahjahanabad choàng burqa hoặc ít ra cũng trùm kín đầu cùng mọi phần trên cơ thể chỉ chừa hai bàn tay và hai bàn chân. Người phụ nữ Aftab đi theo được ăn mặc và bước đi như vậy chỉ vì chị ta không phải là đàn bà. Bất kể chị ta là gì, Aftab cũng muốn được giống như thế. Nó muốn được giống chị ta thậm chí còn hơn muốn trở thành Borte Khatun. Nó muốn được như chị lung linh đi ngang những hàng thịt mà xác từng con dê lột da treo lủng lẳng như trường thành bằng thịt; nó muốn cười duyên khi đi ngang tiệm cắt tóc nam Lối sống Mới mà Iliyaas thợ cắt tóc đã hót cho anh hàng thịt gây nhom Liaqat rồi vuốt Brylcreem cho bóng láng. Nó muốn xòe bàn tay sơn móng ra với cổ tay đeo cả chùm vòng, yếu điệu vạch mang cá lên xem có tươi không rồi mới trả giá. Nó muốn nhú cái *salwar* lên chút xíu khi bước qua vũng nước - chỉ vừa đủ để khoe mấy chiếc lắc chân bằng bạc.

Bộ phận nữ giới của Aftab nào chỉ là một miếng thịt thừa.

Nó bắt đầu chia thời gian ra giữa các giờ học nhạc và lảng vảng bên ngoài cánh cửa xanh lam của ngôi nhà ở Gali Dakotan mà người phụ nữ cao to đó sống. Nó biết tên chị

ta là Bombay Silk và còn bảy người nữa giống chị, Bulbul, Razia, Heera, Baby, Nimmo, Mary và Gudiya, họ sống với nhau trong *haveli** có cánh cửa sơn màu xanh lam, và họ có một *ustad*, sư phụ, gọi là Kulsoom Bi, lớn tuổi hơn tất cả bọn họ, người đứng đầu trong nhà. Aftab biết rằng *haveli* của họ được gọi là Khwabgah - Ngôi Nhà Ước Mơ.

Mới đầu nó bị xua đi vì mọi người, kể cả những người sống trong Khwabgah, đều biết Mulaqat Ali và không muốn chọc giận ông. Nhưng mặc kệ khiển trách và hình phạt nào đang đợi, Aftab vẫn cứng đầu quay lại vị trí gác của mình, ngày này qua ngày khác. Đó là nơi duy nhất trên đời nó cảm thấy không khí nhường chỗ cho nó. Khi nó đến, không khí dường như xê dịch, xịch qua một bên, như đưa bạn học nhường chỗ cho nó trên băng ghế ở lớp. Sau khoảng vài tháng, bằng cách chạy việc vặt, giúp xách túi và nhạc cụ khi họ đi diễn trong thành phố, bằng xoa bóp bàn chân mỗi một cho họ cuối ngày làm việc, cuối cùng Aftab cũng đã lọt được vào Khwabgah. Cuối cùng thì ngày cũng rạng khi nó được phép vào nhà. Nó bước vào mái nhà bình thường, đồ nát đó cứ như bước qua cổng Thiên đường.

Cánh cổng màu xanh mở vào một khoảng sân lát đá có tường cao, có cái bơm tay ở một góc và một cây lựu ở góc khác. Tại đó có hai phòng xây sau một hàng hiên sâu hút có cột rãnh máng. Phần nóc của một trong mấy phòng đã võng xuống còn tường đổ sụm thành đống gạch vụn mà một gia đình mèo đã lấy làm nhà. Căn phòng chưa rõ ràng

thì rộng hơn, còn khá tốt. Những bức tường màu xanh lá nhạt nhạt, tróc lở được xếp kín bốn tủ gỗ và hai tủ thép Godrej dán đầy ảnh các tài tử điện ảnh - Madhubala, Waheeda Rehman, Nargis, Dilip Kumar (tên thật là Muhammad Yusuf Khan), thầy Dutt và anh chàng Johnny Walker địa phương (Badraddin Jamaluddin Kazi), một diễn viên hài có thể khiến người sấu muộn nhất thế giới cũng phải cười. Một tủ có tấm gương mờ dài bằng cả người gắn trên cửa. Ở một góc khác có cái bàn trang điểm tả tơi cũ mèm. Một chức đài treo sứt mẻ ọp ẹp chỉ một bóng còn sáng và một cây quạt cánh dài, màu nâu sậm, thông xuống từ vòm trần cao. Cái quạt có những phẩm tính như người - nàng ta bền lễn, ử ê và khó lường. Nàng cũng có tên, Usha. Usha không còn trẻ nữa nên thường phải dùng cây chổi cán dài tán tỉnh đám chột rồi nàng mới chịu làm việc, xoay tròn như một vũ nữ múa cột rừ rờ. Sư phụ Kulsoom Bi ngủ trên chiếc giường độc nhất trong tư dinh với Birbal con vệt đuôi dài của bà, trong cái lồng phía đầu giường. Birbal sẽ quang quác lên như thể đang bị giết thịt nếu Kulsoom Bi không gần chú ban đêm. Thời gian Birbal thức, chú ta đủ sức văng một câu cũng tầm vũ khí hủy diệt hàng loạt luôn bắt đầu bằng hai chữ nửa cạnh khóe, nửa cột nhà *Ai Hai!* mà chú ta học lóm được từ các bạn cùng nhà. Câu chửi đồng Birbal khoái nhất là câu thường nghe thấy nhất ở Khwabgah: *Saali Randi Hijra* (Lũ dĩ Hijra chơi chị gái). Birbal rành rẽ mọi biến thể. Chú ta có thể lảm bảm, nói điệu, đùa chơi, trêu mếu hay giận dữ thật tình đầy cay đắng.

Những người khác đều ngủ ngoài hiên, ban ngày chần chieu cuộn lại như những cái gối ôm khổng lồ. Đông đến, khi khoảng sân trở nên lạnh ngắt và mù sương, tất cả sẽ chen chúc trong phòng của Kulsoom Bi. Lối vào nhà vệ sinh băng qua đồng gạch vụn của căn phòng đổ nát. Mọi người thay phiên nhau tắm ở chỗ cái bơm tay. Một cầu thang chật hẹp, dốc đến kỳ quặc dẫn lên nhà bếp ở tầng một. Cửa sổ nhà bếp nhìn ra mái vòm nhà thờ Thánh Ba Ngôi.

Mary là người duy nhất theo đạo Cơ Đốc trong số những người sống ở Khwabgah. Chị không đi nhà thờ, nhưng chị đeo một thánh giá nhỏ nơi cổ. Gudiya và Bulbul đều theo Ấn giáo và thỉnh thoảng cũng có đi viếng đền nào cho phép họ vào. Còn lại là tín đồ Hồi giáo. Họ đến viếng Jama Masjid và những đền thờ cho phép họ vào chính diện (bởi vì không như những phụ nữ bình thường, các hijra không bị xem là ô uế vì họ không hành kinh). Thế nhưng người nam tính nhất trong Khwabgah lại có kinh nguyệt. Bismillah ngủ trên gác, trên thêm nhà bếp. Chị là một phụ nữ nhỏ nhắn, dẻo dai, da ngăm đen có giọng như tiếng còi xe buýt. Chị cải đạo sang Hồi giáo và dọn vào Khwabgah vài năm trước (hai chuyện không liên quan gì nhau) sau khi người chồng, một tài xế xe buýt cho Tập đoàn Vận tải Delhi, đuổi chị ra khỏi nhà vì không sinh cho hắn một đứa con. Lẽ tất nhiên hắn không bao giờ chột nghĩ biết đâu mình là nguyên nhân họ hiếm muộn. Bismillah (trước đây là Bimla) trông coi bếp núc và canh giữ Khwabgah khỏi những kẻ đột nhập

không ai muốn, với cái dữ dằn tàn nhẫn của một tên anh chị Chicago nhà nghề. Đám trai trẻ bị cấm ngặt vào Khwabgah nếu chưa được chị nói rõ là cho phép. Ngay cả các khách quen, như khách hàng tương lai của Anjum - Gã Biết Tiếng Anh - cũng không được vào mà phải tự thu xếp hẹn hò với nhau. Bạn của Bismillah trên sân hiên là Razia, bị điên và mất trí nhớ nên không còn biết mình là ai hay mình từ đâu đến. Razia không phải là một hijra. Chị là đàn ông thích ăn mặc như đàn bà. Tuy vậy, chị không muốn bị xem là đàn bà, mà là một người đàn ông muốn làm đàn bà. Từ lâu chị đã không còn cố giải thích sự khác nhau cho mọi người (kể cả các hijra). Ngày ngày Razia cho bồ câu ăn trên mái nhà và lái mọi cuộc chuyện trò sang một âm mưu bí mật, mà chị phát hiện ra, vẫn chưa áp dụng của chính phủ (*dao-pech*, chị gọi vậy) dành cho các hijra và những người như chị. Theo âm mưu này, bọn họ sẽ sống chung trong một khu dân cư được chính phủ trợ cấp và không còn phải kiếm sống bằng cách làm cái mà chị gọi là *badtameezi* - hành vi đồi bại nữa. Chủ đề khác Razia nói là chính phủ trợ cấp cho mèo hoang. Vì một lý do nào đó mà đầu óc không còn ký ức, không còn bám víu vào đâu của chị cứ hướng tới không sai chệch khỏi những âm mưu của chính phủ.

Người đầu tiên thật sự là bạn của Aftab ở Khwabgah là Nimmo Gorakhpuri, trẻ nhất trong đám và là người duy nhất học hết trung học. Nimmo đã bỏ nhà ở Gorakhpur, nơi

mà cha chị là chuyên viên cao cấp ở Bưu điện Trung tâm. Dù làm bộ giả dận hơn nhiều song thật ra Nimmo chỉ hơn Aftab sáu hay bảy tuổi. Chị thấp và tròn trĩnh với mái tóc xoắn dày, cặp lông mày tuyệt mỹ cong vút như cặp đại đao, hàng mi dày lạ lùng. Chị hẳn sẽ rất xinh đẹp nếu lông mặt không mọc nhanh khiến vùng da gò má trông xanh xanh dưới lớp phấn son, ngay cả khi chị cạo đi rồi. Nimmo bị ám ảnh thời trang phụ nữ phương Tây và chăm chăm giữ bộ sưu tập tạp chí thời trang mua trong phiên chợ sách cũ ngày Chủ nhật trên vỉa hè ở Daryaganj, cách Khwabgah năm phút đi bộ. Naushad, người bán sách, mua tạp chí từ người thu gom rác làm việc cho các Đại sứ quán nước ngoài ở Shantipath, rồi để dành lại, bán cho Nimmo với khoản giảm giá thật hấp dẫn.

“Mày có biết vì sao Thượng Đế tạo ra hijra không?” Một buổi chiều, chị ta hỏi Aftab trong lúc lật một cuốn *Vogue* quần mép năm 1967, nấn ná ở chỗ mấy cô tóc vàng chân trần hút hồn chị.

“Không biết, vì sao?”

“Là để thí nghiệm. Ngài quyết định tạo ra cái gì đó, một sinh vật không thể có hạnh phúc. Nên ngài tạo ra bọn tao.”

Lời chị nói thoi vào Aftab với sức mạnh của một cú đánh hữu hình. “Sao chị nói vậy được? Ở đây các chị ai cũng hạnh phúc mà! Đây là Khwabgah!” Nó nói, càng lúc càng thêm hoảng hốt.

“Ai hạnh phúc ở đây hả? Toàn là vờ vịt giả tạo cả thôi,”

Nimmo nói gọn lỏn, chẳng buồn ngược mắt khỏi cuốn tạp chí. “Ở đây chẳng ai hạnh phúc cả. Không thể có. *Arre yaar*, nghĩ đi, những gì làm người bình thường như mày thấy không vui? Tao không có ý nói *mày*, mà những người lớn như mày - cái gì làm họ không vui? Giá cả tăng, tiền học cho con cái, chồng vũ phu, vợ ngoại tình, bạo động Ấn giáo với Hồi giáo, cuộc chiến Ấn - Pakistan, những thứ *bên ngoài* mà cuối cùng rồi cũng sẽ yên. Nhưng với bọn tao thì giá cả tăng hay học phí hay những ông chồng vũ phu hay những bà vợ ngoại tình tất thấy đều ở *bên trong* bọn tao. Bạo loạn nằm *bên trong* bọn tao. Chiến tranh nằm *bên trong* bọn tao. Ấn - Pakistan ở *bên trong* bọn tao. Nó sẽ không bao giờ yên. *Không thể* nào yên.”

Aftab muốn phản bác lại chị ta hết mức, muốn nói rằng chị ta sai bét rồi, bởi vì *cậu* đang thấy hạnh phúc, hạnh phúc hơn bao giờ hết. Cậu là bằng chứng sống cho thấy Nimmo Gorakhpuri đã sai, đúng không? Nhưng cậu không nói gì, bởi lẽ điều đó kéo theo chuyện tiết lộ mình không phải là “người bình thường”, chuyện đó thì cậu chưa sẵn sàng.

Chỉ khi cậu lên mười bốn, khi đó Nimmo đã bỏ Khwabgah theo một tài xế xe buýt Bộ Vận tải (ít lâu sau hẳn cũng bỏ rơi chị ta mà về lại với gia đình), Aftab mới hiểu hết những gì chị ta muốn nói. Cả người cậu bỗng bắt đầu phát động cuộc chiến chống lại chính bản thân. Cậu cao lên và có cơ bắp. Lại còn lông lá nữa. Hoảng loạn, cậu

cổ tẩy lông trên mặt và người bằng Burnol - dầu nóng làm da cậu thâm đen từng mảng. Rồi cậu thử dùng kem tẩy lông Anne của Pháp xoáy của mấy bà chị (cậu sớm bị phát hiện vì kem đó có mùi như cái cống mở nắp). Cậu tĩa hai lông mày rậm rì thành cặp lưỡi liềm mỏng tang và không cân đối bằng cái nhíp tự làm trông giống cái kềm hơn. Cậu nổi cục yết hầu cứ chạy lên chạy xuống. Aftab chỉ muốn xé nó ra khỏi cổ họng. Tiếp đến là cái tố cáo phũ phàng hơn cả - thứ cậu không làm gì được. Cậu vỡ giọng. Một giọng nam ồm ồm, mạnh mẽ xuất hiện thế chỗ cái giọng ngọt ngào, cao vút. Nó làm Aftab thấy gớm và sợ chính mình mỗi khi cất tiếng. Cậu trở nên trầm lặng, chỉ nói như là nước cuối cùng, khi đang chẳng dừng. Cậu ngưng hát. Khi Aftab nghe nhạc, ai để ý thì cũng sẽ nghe thấy tiếng ngâm nga ri ri như côn trùng, cao vút, khó nghe dường như thoát ra từ cái lỗ kim trên đỉnh đầu cậu. Thuyết phục cỡ nào, kể cả chính thầy Hameed đi nữa, cũng không dụ được Aftab hát một bài nào. Cậu không bao giờ hát nữa, trừ lúc nhại theo mà giấu mấy bài hát phim tiếng Hindi tại các buổi họp mặt tục tũ của hijra hay khi (trong khả năng chuyên môn) họ ập đến các buổi lễ lạt của người bình thường - đám cưới, thôi nôi, tiệc tân gia - nhảy nhót, hát hò bằng giọng chát chúa, dữ dội, chúc phúc, hăm he làm bể mặt chủ tiệc (bằng cách khoe chỗ kín mỡ xẻ của mình ra) và làm hồng dịp vui bằng cách chửi thề, bày trò tục tũ không tưởng tượng nổi nếu không được trả thù lao. (Đây là ý Razia muốn nói khi chị dùng từ *badtameezi*, và là điều Nimmo Gorakhpuri

nhắc đến khi chị nói, “Bọn tao là chó rừng sống bằng hạnh phúc của người khác, bọn tao là lũ đi săn hạnh phúc.” *Khushi-khor** là cụm từ chị dùng.)

Một khi âm nhạc đã từ bỏ Aftab rồi thì không còn lý do gì để cậu tiếp tục sống trong cái mà hầu hết người thường nghĩ là thế giới thực - còn dân hijra gọi *Duniya* - Thế giới. Một đêm nọ Aftab trộm ít tiền và vài món quần áo tử tế của các chị rồi dọn đến sống ở Khwabgah. Bà Jahanara, chưa từng biết đến sự ngại ngùng, lặn lội tìm cậu về. Nhưng cậu không chịu. Cuối cùng bà bỏ về sau khi bắt sư phụ Kulsoom Bi hứa rằng ít nhất vào những ngày cuối tuần, sẽ bắt Aftab mặc đồ con trai bình thường và đưa nó về thăm nhà. Sư phụ Kulsoom Bi đã cố giữ đúng lời hứa, nhưng việc thu xếp này chỉ kéo được vài tháng.

Vậy là ở tuổi mười lăm, cách nơi dòng tộc cậu đã sống bao thế kỷ có mấy trăm mét, Aftab bước qua một ngưỡng cửa bình thường để vào một vũ trụ khác. Đêm đầu tiên với tư cách là người thường trú trong Khwabgah, nó nhảy múa trong sàn theo bài hát ai cũng thích trong bộ phim ai cũng mê - *Pyar Kiya To Darna Kya* trong *Mughal-e-Azam*. Đêm tiếp theo tại một buổi lễ nhỏ, cậu được tặng một dupatta* xanh lá của Khwabgah và được thọ giáo những luật lệ nghi tiết chính thức biến cậu thành một thành viên của cộng đồng hijra. Aftab trở thành Anjum, đệ tử của sư phụ Kulsoom Bi thuộc Delhi gharana*, một trong bảy Hijragharana theo vùng ở trong nước, đứng đầu mỗi nơi là

một Nayak, thủ lĩnh, tất cả được một thủ lĩnh tối cao dẫn dắt.

Dù không bao giờ đến đó thăm con nữa, trong nhiều năm bà Jahanara vẫn gửi đồ ăn nóng đến Khwabgah mỗi ngày. Nơi duy nhất bà với Anjum gặp nhau là tại đền thờ Hazrat Sarmad Shaheed. Ở đó họ sẽ ngồi với nhau một lúc, Anjum cao gần một mét tám, đầu chị nghiêm trang trùm một dupatta kết kim tuyến chỉ vàng, và bà Jahanara nhỏ thó, mái tóc đã bắt đầu điểm bạc dưới tấm burqa đen. Có khi hai người lén lút nắm tay nhau, về phần mình, Mulaqat Ali ít có khả năng chấp nhận nổi hoàn cảnh này. Trái tim tan nát của ông không bao giờ lành. Dù vẫn tiếp tục trả lời các cuộc phỏng vấn, ông không bao giờ riêng tư hay công khai nhắc đến cái bất hạnh đã ập xuống triều đại Thành Cát Tư Hãn. Ông chọn cắt đứt mọi quan hệ với con trai. Ông không bao giờ gặp Anjum hay nói chuyện với chị nữa. Thỉnh thoảng họ đi ngang qua nhau ngoài đường và liếc nhìn nhau, nhưng không bao giờ chào hỏi. Không bao giờ.

Qua nhiều năm, Anjum trở thành hijra lừng danh nhất Delhi. Các nhà làm phim tranh giành chị, các tổ chức phi chính phủ đầu tư cho chị, phóng viên nước ngoài trao số điện thoại của chị cho nhau như thứ ơn nghĩa làm ăn, cùng số của Bệnh viện Chim, Phoolan Devi, nữ thổ phỉ đã quy hàng được gọi là “nữ tặc”*, và một số để liên lạc người đàn bà cứ một mực nói mình là phu nhân xứ Oudh sống trong một phế tích xưa trong rừng Ridge cùng gia nhân và những

ngọn chúc đài trong khi bà ta đòi quyền làm chủ một vương quốc không tồn tại. Trong các cuộc phỏng vấn, người ta thường khuyến khích Anjum kể về những bậc đãi và tàn nhẫn của cha mẹ Hồi giáo truyền thống, anh chị em và hàng xóm mà người đối thoại tưởng chị từng phải chịu trước khi trốn nhà đi. Lần nào họ cũng thất vọng khi chị nói rằng cha mẹ yêu thương mình nhiều đến nhường nào và *chị* mới là người tàn nhẫn. “Người khác có những câu chuyện khủng khiếp, kiểu mà mấy người thích viết,” chị thường nói. “Sao không nói với *họ* đi?” Nhưng dĩ nhiên báo chí không làm việc theo cách ấy. Chị là người được chọn. Phải là chị, dù cho câu chuyện của chị được sửa đổi đôi chút cho vừa với khẩu vị và kỳ vọng của độc giả.

Khi đã thành người thường trú trong Khwabgah rồi, cuối cùng thì Anjum cũng được mặc những bộ quần áo mà chị khao khát - những kurta* vải the đính kim sa, salwar vùng Patiala xếp nếp, những sharara*, gharara*, lắc chân bạc, vòng tay thủy tinh và bông tai lủng lẳng. Chị xỏ mũi rồi đeo một khoen mũi đính hạt đá cầu kỳ, kẻ mắt bằng phấn kohl, đánh mắt xanh và tô cho mình một đôi môi mọng hình cánh cung kiểu Madhubala bằng son đỏ bóng loáng. Tóc chị không chịu mọc thật dài, nhưng cũng đủ để kéo ra sau rồi tết vào một bím tóc giả. Chị có khuôn mặt mạnh mẽ, như tượng tạc và cái mũi khoằm trông uy nghi như của cha. Chị không đẹp như kiểu Bombay Silk, nhưng chị gợi cảm hơn, hấp dẫn hơn, xinh trai theo cách một số đàn bà vẫn vậy. Bề

ngoài đó kết hợp với chuyện chị quyết lòng theo một kiểu nữ tính thái quá, lố lằng khiến cho đàn bà tự nhiên, thực sự trong vùng - ngay cả những người không trùm burqa kín bung - trông âm u và lạt lẽo. Chị học cách đánh hông quá lố khi bước, giao tiếp bằng cả mấy ngón tay xòe ra đúng điệu hijra vỗ cái đốp như súng và có thể nghĩa là bất cứ gì - Có, không, có thể, *Wah! Behen ka Lauda* (Dái con chị mày), *Bhonsadi ke* (Đồ lỗ đít chui ra). Chỉ một hijra khác mới giải mã được ý nghĩa cụ thể của từng cái vỗ tay cụ thể vào từng thời điểm cụ thể.

Ngày sinh nhật thứ mười tám của Anjum, Kulsoom Bi mở một bữa tiệc cho chị ở Khwabgah. Hijra từ khắp thành phố đổ về, một số từ ngoại ô lên. Lần đầu tiên trong đời Anjum được mặc sari, một sari màu đỏ tươi, với một choli* lưng trần. Đêm ấy chị mơ thấy mình là tân nương trong đêm vu quy. Thức dậy chị đau đớn thấy khoái lạc bộc lộ ra nơi bộ xiêm y mới đẹp đẽ của mình là lạc thú của người nam. Đây không phải lần đầu chuyện này xảy ra, nhưng vì lẽ nào đó, có thể vì tấm sari, chị cảm thấy nổi ê chề chưa khi nào thấm thía đến vậy. Chị ngồi trong sân tru lên như con sói, đánh thùm thụp vào đầu và giữa hai chân, gào thét với cái đau tự hành xác. Sư phụ Kulsoom Bi, không lạ gì với những trò tuồng này, đưa chị một viên an thần và dìu về phòng bà.

Khi Anjum bình tĩnh lại sư phụ Kulsoom Bi ôn tồn nói với chị theo cách trước đây bà chưa từng nói. Không phải xấu hổ về bất cứ điều gì cả, sư phụ Kulsoom Bi bảo chị, bởi vì

hijra là những người được chọn, con cưng của Đấng Tối Cao. Bà nói từ *hijra* nghĩa là Thể xác cho Tánh linh ngu. Trong giờ sau đó Anjum biết được rằng các Tánh linh là một đám đa dạng và thế giới của Khwabgah cũng phức tạp, nếu không nói là nhiều hơn Thế giới (Duniya). Người Ấn giáo, Bulbul và Gudiya, cả hai đều đã trải qua một lễ hoạn theo nghi thức tôn giáo chính thống (vô cùng đau đớn) ở Bombay trước khi đến Khwabgah. Bombay Silk và Heera cũng muốn làm điều tương tự, nhưng họ là tín đồ Hồi giáo nên tin rằng đạo Hồi cấm họ thay đổi giới tính trời cho, nên họ cũng xoay xở thế nào đó trong những ràng buộc này. Baby, như Razia, là đàn ông vẫn muốn là đàn ông nhưng lại là đàn bà trong mọi mặt khác. Còn về sư phụ Kulsoom Bi, bà nói mình không đồng tình với cách giải thích của Bombay Silk và Heera về đạo Hồi. Bà và Nimmo Gorakhpuri - thuộc hai thế hệ khác nhau - đã đi phẫu thuật. Bà nói mình biết một bác sĩ Mukhtar, một người đáng tin cậy, kín miệng và không đi rêu rao về bệnh nhân của mình khắp hang cùng ngõ hẻm Old Delhi. Bà bảo Anjum nên suy nghĩ kỹ rồi quyết định xem mình muốn làm gì. Anjum mất tận ba phút mới quyết ý được.

Bác sĩ Mukhtar làm ta thấy yên bụng hơn bác sĩ Nabi ngày trước. Ông nói mình có thể cắt bỏ bộ phận nam giới của chị và cố gắng cải thiện âm vật sẵn có của chị. Ông còn giới thiệu những thứ thuốc viên làm giọng chị hết trầm và giúp ngực chị nở nang. Phải giảm giá, Kulsoom Bi khẳng

khăng. Thì giảm giá, bác sĩ Mukhtar bằng lòng. Kulsoom Bi trả tiền cho ca phẫu thuật và hormone; Anjum trả lại cho bà trong nhiều năm, nhiều đợt cho đến khi hết.

Ca phẫu thuật rất khó khăn, giai đoạn hồi phục còn khó hơn, nhưng cuối cùng thì nó như một sự giải cứu. Anjum cảm thấy như thể một làn sương mù bốc thoát khỏi máu mình và cuối cùng chị đã có thể nghĩ thông suốt. Tuy nhiên, âm đạo của bác sĩ Mukhtar hóa ra là đồ dỏm. Nó cũng hoạt động, nhưng không phải theo cách ông nói, sau hai ca phẫu thuật điều chỉnh cũng không. Dù vậy ông không ngổ ý hoàn tiền, toàn bộ hay một phần. Ngược lại, ông tiếp tục sống sung túc bằng cách bán các bộ phận cơ thể dỏm, kém phẩm cho những người tuyệt vọng. Ông qua đời như một người phát đạt, có hai căn nhà ở Laxmi Nagar, mỗi thằng con một căn, cô con gái của ông thì lấy một nhà thầu xây dựng giàu có ở Rampur.

Đã đành Anjum biến thành một người tình được săn đón, một kẻ đem lại lạc thú điều luyện, con khoái cảm chị có khi mặc tấm sari đỏ chóa là lần cuối trong đời chị. Và mặc dù các “khuyh hướng” mà bác sĩ Nabi đã nói trước với cha chị vẫn còn, mấy viên thuốc của bác sĩ Mukhtar cũng làm giọng chị hết trầm thật. Nhưng nó hạn chế độ ngân, làm thô âm sắc và khiến nó có cái kiểu khào khào, kỳ dị mà đôi khi nghe như có hai giọng đang cãi nhau thay vì một. Nó làm người khác sợ, nhưng không làm chủ nhân của nó sợ như cái giọng trời cho trước kia. Nhưng nó cũng không làm

chị hài lòng.

Anjum sống trong Khwabgah với tấm thân vá víu và ước mơ nửa vời hơn ba mươi năm.

Chị đã bốn mươi sáu khi thông báo mình muốn rời đi. Mulaqat Ali đã qua đời. Bà Jahanara gần như nằm liệt giường, sống với Saqib và gia đình anh trong một phần nhà cũ ở Chitli Qabar (nửa còn lại cho một thanh niên lạ thuê, anh ta rụt rè và sống giữa từng chồng sách tiếng Anh cũ giữa sàn, trên giường và trên bất kỳ mặt phẳng nào). Thi thoảng Anjum cũng được phép đến chơi, nhưng không được ở lại. Khwabgah thành nhà cho một thế hệ cư dân mới; lớp cũ chỉ còn sư phụ Kulsoom Bi, Bombay Silk, Razia, Bismillah và Mary ở lại.

Anjum không có nơi nào để đi.



Có lẽ vì lý do này mà không ai nghĩ chị làm thật.

Những thông báo đóng kịch về chuyện bỏ đi và tự tử tới nơi là phản ứng khá quen thuộc trước những cơn cuồng ghen, những mưu mô không bao giờ dứt và lòng trung thành cứ liên tục thay đổi vốn là một phần trong đời sống hằng ngày ở Khwabgah. Một lần nữa, mọi người khuyên đi gặp bác sĩ và uống thuốc. Họ nói thuốc của bác sĩ Bhagat chữa được tất. Mọi người đều dùng cả. “Tôi đâu phải là Mọi Người,” Anjum nói, và chuyện đó làm nổ ra một loạt xì xào khác (bệnh vực và kích bác) về những cạm bẫy của tính

kiêu hãnh và chị nghĩ mình là ai?

Chị *nghĩ* mình là ai? Không nhiều, hoặc khá nhiều, tùy theo ta nhìn nhận điều đó thế nào. Chị có những hoài bão, đúng. Và chúng đã đi trọn một vòng rồi. Giờ đây chị muốn trở lại cuộc đời và sống như một người bình thường. Chị muốn làm mẹ, thức dậy trong mái nhà của mình, mặc đồng phục cho Zainab, đưa nó đến trường với sách vở và hộp đồ ăn trưa, vấn đề là những hoài bão như vậy, từ một người như chị, là vừa phải hay quá đáng?

Zainab là người duy nhất Anjum yêu thương. Anjum bắt gặp con bé vào một chiều lộng gió ba năm về trước khi mũ cầu nguyện trên đầu tín đồ bay thốc và bong bóng của người bán bóng bay dạt cả qua một bên. Con bé có một mình và khóc bù lu bù loa trên những bậc cấp ở Jama Masjid, một con chuột ốm o đến đau lòng, hai mắt mở to khiếp sợ. Anjum đoán con bé lên ba. Nó mặc một bộ salwar kameez xanh xỉn và trùm tấm hijab* trắng bẩn thỉu. Khi Anjum đứng lù lù trước mặt và đưa một ngón tay ra cho nó nắm, con bé ngược lên một cái, nắm lấy ngón tay chị rồi cứ khóc âm ỉ không thôi. Con Chuột-trùm-hijab nào có biết cái cử chỉ tin cậy tự nhiên đó đã thổi bùng lên một cơn giông bão thế nào trong lòng chủ nhân của ngón tay mà nó nắm lấy. Bị một sinh linh bé bỏng làm ngơ thay vì khiếp sợ đã làm dịu đi được (ít ra cũng một chút) cái mà từ lâu Nimmo Gorakhpuri đã sắc sảo gọi là cuộc chiến Ấn - Pakistan. Các bè cánh giao tranh bên trong Anjum im tiếng. Cơ thể chị có

cảm giác như một chủ nhà rộng lượng thay vì chiến trường. Nó giống như đang chết, hay được sinh ra? Anjum không phân định được. Trong trí tưởng tượng của chị thì nó có cái đầy đặn, cái cảm giác vẹn toàn, cảm giác là phân nửa của một đôi. Chị cúi xuống bế Chuột lên và đu đưa trong vòng tay, miệng cứ rì rầm với nó bằng cả hai cái giọng đang cãi nhau. Ngay cả điều đó cũng không làm con bé sợ hay quên mất cái nhiệm vụ bù lu bù loa. Anjum cứ đứng đấy một lúc, mỉm cười sung sướng, còn sinh linh nhỏ bé trên tay chị thì cứ khóc. Rồi chị để nó xuống mấy bậc thang, mua cho nó cái kẹo bông màu hồng tươi và cố làm nó nguôi bằng cách ba hoa vô ý những chuyện người lớn, mong giết thời gian cho đến khi bất kể ai là người nhà con bé đến đón. Hóa ra đó là cuộc trò chuyện một chiều, xem ra Chuột không biết gì mấy về mình, ngay cả tên nó, và dường như cũng không muốn nói chuyện. Đến khi chén xong cây kẹo bông (hoặc cái kẹo đã chén xong nó), con bé có một bộ râu hồng và những ngón tay dính nhớp. Tiếng bù lu bù loa dịu lại thành tiếng nấc, cuối cùng thành im lặng. Anjum ngồi lại với nó trên bậc thang nhiều giờ, chờ có người đến tìm nó, hỏi những người qua đường có biết ai lạc mất một đứa trẻ không. Khi trời sập tối và những cánh cửa gỗ lớn của Jama Masjid đóng lại, Anjum thấy Chuột lên vai cõng về Khwabgah. Về nhà chị bị quở trách và rằng điều nên làm trong tình huống này là báo với ban quản lý Masjid đã bắt gặp một đứa trẻ lạc. Sáng hôm sau, chị làm vậy. (Phải nói là miễn cưỡng, kéo lê chân, hi vọng hảo huyền, bởi đến lúc

này Anjum đã thương quá đi rồi.)

Suốt tuần sau đó, nhiều thánh đường Hồi giáo phát đi thông báo nhiều lần mỗi ngày. Không có ai đến nhận lại Chuột. Vài tuần trôi qua, vẫn không ai đến tìm. Vậy là mặc nhiên, Zainab - cái tên Anjum chọn cho con bé - ở lại Khwabgah và được nhiều người mẹ (và, có thể nói là nhiều người cha) yêu thương hơn mong ước của mọi đứa trẻ. Con bé nhanh chóng quen với cuộc sống mới, điều này cho thấy nó không quá gắn bó với cuộc sống cũ. Dần dà Anjum tin rằng nó bị bỏ rơi chứ không phải đi lạc.

Mới mấy tuần con bé đã bắt đầu gọi Anjum là “mẹ” (vì Anjum bắt đầu xưng như vậy rồi). Những người khác trong nhà (do Anjum giám hộ) được gọi là “apa” (dì, trong tiếng Urdu), còn Mary, vì chị là người Cơ Đốc, là dì Mary. Sư phụ Kulsoom Bi và Bismillah thành “badi nani” và “chhoti nani” - bà ngoại lớn và bà ngoại nhỏ. Chuột hấp thụ tình thương như cát hút nước biển. Rất nhanh chóng con bé biến thành một cô nàng táo tợn, rõ ràng có các khuynh hướng âm ỉ, như chuột gộc (chuyện đó thì cũng khó mà dạy bảo).

Trong khi đó thì người mẹ ngày một thêm ngớ ngẩn. Chị lấy làm lạ chuyện một con người *có thể* yêu thương một người khác quá nhiều và quá trọn vẹn như vậy. Lúc đầu, ngỡ ngỡ trong lĩnh vực này, chị chỉ biết bộc lộ tình cảm theo cách lảng xảng, tíu tít, như đứa trẻ với thú cưng đầu tiên. Chị mua cho Zainab cả mớ đồ chơi và quần áo không cần thiết (vá y dún, tay phồng và mấy đôi giày kêu chút chút của

Trung Quốc có đèn nhấp nháy dưới đế), chị tắm rửa, mặc đồ thay đồ cho nó nhiều lần không cần thiết, vuốt dầu, thắt bím rồi lại gỡ ra, cột rồi tháo tóc cho nó với những sợi ruy băng cùng màu và khác màu mà chị cuộn cất trong một hộp thiếc cũ. Chị cho con bé ăn đủ thứ, dắt nó đi dạo trong khu lân cận, và khi thấy Zainab yêu động vật, chị mua cho con bé một chú thỏ - nó bị một con mèo giết chết ngay trong đêm đầu ở Khwabgah - rồi một con dê đực với chòm râu kiểu giáo sĩ sống trong sân nhà và cứ chốc chốc, với vẻ mặt tỉnh bơ, lia những viên phân dê bóng loáng ra tứ tung.

Khwabgah đã tươm tất hơn so với nhiều năm trước. Căn phòng đồ nát đã được sửa sang lại và họ xây thêm một phòng bên trên phòng đó ở tầng một, giờ đây Anjum với Mary ở chung. Anjum ngủ với Zainab trên nệm dưới sàn, tấm thân dài cuộn lại quanh đứa bé chỏ che như bức tường thành. Ban đêm chị nhẹ nhàng hát ru nó ngủ, giống lời thì thầm hơn là bài hát. Khi Zainab đã đủ lớn để hiểu biết, Anjum bắt đầu kể chuyện trước giờ ngủ cho nó nghe. Mới đầu các câu chuyện hoàn toàn không phù hợp với một đứa nhỏ. Đó là cố gắng có phần vụng về của Anjum bù đắp lại thời gian đã mất, rót mình vào ký ức và tâm thức của Zainab, để tiết lộ mình mà không cần kỹ xảo, để họ thuộc về nhau trọn vẹn. Vậy là chị dùng Zainab làm một kiểu bến tàu cho mình dỡ hàng xuống - những niềm vui và bi kịch của chị, những bước ngoặt gột rửa trong đời chị. Còn lâu mới dỗ ngủ được Zainab, nhiều câu chuyện làm con bé gặp

ác mộng hoặc làm nó thức thao láo hàng giờ, sợ hãi và quạu cọ. Có nhiều khi Anjum kể mà khóc. Zainab bắt đầu sợ giờ đi ngủ và nhắm tịt mắt, giả ngủ để khỏi phải nghe tiếp một chuyện nữa. Thế nhưng, dần dà, Anjum (nhờ một số dì trẻ góp ý) nghĩ ra một đường lối biên tập. Các câu chuyện đã tỏ ra vô hại cho con nít, nên rốt cuộc Zainab lại trông chờ tới cái lệ buổi tối này.

Chuyện nó thích nhất là *cầu vượt* - Anjum kể một tối chị cùng các bạn cuốc bộ về nhà muộn từ khu dân cư quân sự* ở Nam Delhi đến tận cổng Turkman. Họ có năm, sáu người, chung diện, trông lộng lẫy sau một đêm truy hoan tại nhà một người tên Seth giàu có ở khối D. Tiệc xong họ quyết định đi bộ một lát để hít thở không khí trong lành. Thời ấy trong thành phố có thứ gọi là không khí trong lành, Anjum bảo Zainab. Khi họ đi được nửa đường qua cầu vượt ở khu dân cư quân sự - cầu vượt duy nhất ở thành phố vào thời đó - trời đổ mưa. Và có ai làm gì được khi trời đổ mưa trên cầu vượt?

“Họ phải đi tiếp thôi,” Zainab nói, với giọng điệu người lớn, hiểu biết.

“Đúng rồi. Vậy nên bọn mẹ đi tiếp,” Anjum nói. “Rồi chuyện gì xảy ra?”

“Rồi mẹ muốn tè!”

“Rồi mẹ muốn tè!”

“Nhưng mẹ không dừng được!”

“Mẹ không dừng được.”

“Mẹ phải đi tiếp!”

“Mẹ phải đi tiếp.”

“Nên mình tè trong ghagra*!” Zainab sẽ la lên, vì con bé ở cái tuổi mà thứ gì có dính dáng tới ị, tè và đánh rắm đều là cao trào, hoặc có lẽ là điểm *chính*, của cả câu chuyện.

“Đúng vậy, và cảm giác tuyệt nhất trần đời,” Anjum sẽ nói, “ướt lướt thướt trong mưa trên cái cầu vượt lớn, vắng tanh đó, đi dưới bảng quảng cáo khổng lồ vẽ một phụ nữ mình mẩy ướt nhem lau khô người bằng cái khăn Bombay Dyeing.”

“Cái khăn đó thì to như tấm thảm!”

“To như tấm thảm, đúng rồi.”

“Rồi mẹ hỏi bà ta cho mượn khăn để lau được không.”

“Rồi bà đó nói sao?”

“Bà ta nói, *Nahin*! Nahin! Nahin!*”

“Bà ta nói, *Nahin! Nahin! Nahin!* Vậy nên bọn mẹ ướt sũng, và bọn mẹ cứ đi tiếp...”

“Nước đái *garam-garam* (ấm) chảy xuống hai chân *thanda-thanda* (lạnh)!”

Tất nhiên đến lúc này thì Zainab sẽ ngủ thiếp đi, miệng vẫn nhoẻn cười. Mọi chút xiu nghịch cảnh và bất hạnh đều phải cắt bỏ khỏi các câu chuyện Anjum kể. Nó thích khi Anjum biến thành một mỹ nhân ngư trẻ trung, sống một đời lung linh tiếng nhạc và nhảy múa, mặc những xiêm y lộng lẫy, móng tay móng chân sơn bóng và có từng đám

người ngưỡng mộ.

Và thế là, theo cách như vậy, để chiều lòng Zainab, Anjum bắt đầu viết lại cuộc đời mình giản dị hơn, hạnh phúc hơn. Việc viết lại cuộc đời đã bắt đầu biến Anjum thành một người đơn giản hơn, hạnh phúc hơn.

Chẳng hạn, được cắt bỏ khỏi câu chuyện *cầu vượt* là sự việc xảy ra trong năm 1976, ở đỉnh điểm *Tình trạng khẩn cấp* do Indira Gandhi ban bố kéo dài hai mươi một tháng. Thằng con trai thứ được nuông chiều của bà, Sanjay Gandhi, là thủ lĩnh Đoàn Thanh niên (cánh trẻ trong đảng cầm quyền), và đang ít nhiều điều hành đất nước, xem nó như thể là đồ chơi riêng. Dân quyền bị đình chỉ, báo chí bị kiểm duyệt, và lấy danh nghĩa kiểm soát dân số, hàng nghìn đàn ông (hầu hết là người Hồi giáo) bị lừa vào các trại và bị cưỡng bức triệt sản. Một luật mới - đạo luật Duy trì nội an - cho phép chính phủ thích bắt ai là bắt. Các nhà tù đầy nhóc, và một đám thuộc hạ của Sanjay Gandhi được tháo dây cho nhảy xổ vào dân chúng để thi hành sắc lệnh của hắn.

Vào đêm có câu chuyện *cầu vượt*, buổi tụ tập - một tiệc cưới - mà Anjum cùng các bạn sà tới bị cảnh sát giải tán. Chủ tiệc cùng ba vị khách bị bắt giải đi trong xe cảnh sát. Không ai biết vì sao. Arif, tài xế chiếc xe van đã chở Anjum cùng các bạn đến nơi tổ chức buổi lễ, cố nhồi hành khách lên xe tẩu thoát. Vì cái lão xược này mà mấy đốt ngón tay trái và đầu gối bên phải của anh ta bị đập nát. Hành khách

của anh ta bị lôi xềnh xệch khỏi chiếc Matador, bị đá đít như thể họ là lũ hề rạp xiếc và được chỉ thị rút xéo, chạy một hơi về nhà nếu không muốn bị bắt lại vì tội mãi dâm và trò tục tĩu. Họ sợ thất kinh cắm đầu chạy, như những con quỳ, trong bóng tối và màn mưa như trút, son phấn trôi còn nhanh hơn chân chạy nhiều, y trang mỏng tang đắm nước vương vãi bước chân và làm chậm nhịp độ. Đúng, đó chỉ là một chút bề mặt thường ngày cho dân hijra, không có gì khác thường, lại chẳng thấm tháp gì so với những khổ nạn người khác chịu trong suốt những tháng hải hùng ấy.

Nó chẳng thấm tháp gì, nhưng nó vẫn là cái gì đó.

Đã đành Anjum có cắt xén bớt, song câu chuyện *cầu vượt* vẫn giữ lại đôi nét sự thật. Chẳng hạn, đêm hôm đó trời mưa thật. Quả là Anjum vừa chạy vừa tè. Đúng là có một bảng quảng cáo khăn tắm Bombay Dyeing trên cầu vượt khu dân cư Defence. Và người phụ nữ trong tấm quảng cáo đúng là đã thắng thùng không chịu cho mượn tấm khăn.



Còn một năm nữa Zainab mới đủ tuổi đến trường, nhưng người mẹ đã bắt đầu chuẩn bị cho sự kiện này. Chị về thăm nhà cũ, và được em trai Saqib cho phép, đem bộ sưu tập sách của Mulaqat Ali về Khwabgah. Mọi người thường thấy chị ngồi xếp bằng trước cuốn sách để mở (không phải kinh Koran), mấp máy môi trong khi ngón tay lần theo một dòng

trên trang, hay đổ người tới lui với hai mắt nhắm nghiền, suy ngẫm về điều mình vừa đọc, hoặc có lẽ nạo vét đầm lầy ký ức để tìm lại điều gì đó chị từng biết.

Khi Zainab lên năm, Anjum dẫn con bé đến chỗ thầy Hameed để bắt đầu học hát. Rõ ràng ngay từ đầu là âm nhạc không phải thiên hướng của nó. Con bé cứ ngo ngoạ không yên suốt buổi học, trăm lần như một đánh sai nốt đến mức gần như tự chuyện đó đã là một kỹ năng. Thầy Hameed nhần nại, từ tâm thương lắc đầu như thể có con ruồi làm phiền và ngậm trà ấm căng phồng hai má trong lúc ông nhấn giữ phím đàn harmonium, nghĩa là ông muốn học trò thử lại lần nữa. Trong dịp họa hoằn Zainab cũng tới gần gần đúng nốt, ông sẽ sung sướng gật gù nói, “Thế mới là cậu bé của ta!” - một câu ông học được trong phim *Tom và Jerry* trên kênh hoạt hình, kênh ông ưa thích và xem cùng đàn cháu (đang học ở một trường sử dụng tiếng Anh). Đó là hình thức khen ngợi cao nhất của ông, bất kể học trò là gái hay trai. Ông ban lời khen đó cho Zainab không phải vì con bé xứng đáng, mà vì niềm tình Anjum và ký ức ông có là chị (hoặc thằng bé - khi chị còn là Aftab) đã từng hát hay nhường nào. Anjum ngồi đến hết mọi tiết học. Tiếng ri ri như côn trùng cao vút qua cái lỗ trên đầu lại xuất hiện, lần này như một người trợ giáo cẩn trọng ra sức rèn cái giọng bất trị của Zainab và giữ cho nó chân thực. Vô ích thôi. Chuột Gộc không biết hát.

Hóa ra, cái Zainab thật sự say mê là động vật. Con bé là

nổi kinh hoàng trên đường phố ở cổ thành. Nó muốn thả hết những con gà trắng sắp chết, gần trụi lông, bị nhồi nhét trong những cái lồng bẩn thỉu và chất chồng lên nhau bên ngoài mấy hàng thịt, trò chuyện với tất cả lũ mèo phóng ngang lối nó đi và tha về nhà hết mọi lứa chó con cù bơ cù bất nó bắt gặp đắm mình trong máu me lòng ruột trôi qua các cống rãnh toang hoác. Nó không chịu nghe khi người ta nói nó rằng với người Hồi giáo thì chó là ô uế - *najis* - và không nên chạm vào. Nó không chùn bước trước những con chuột cống to sụ, tua tủa chạy nhốn nháo dọc con đường nó phải đi mỗi ngày; dường như nó không sao quen được cảnh từng đụn móng gà vàng khè, chân dê bị chặt ra, từng núi đầu dê với những cặp mắt xanh, mù lòa nhìn trân trân, những bộ óc dê trắng ngọc trai lác lư như thạch trong những tô thép lớn.

Ngoài con dê cưng mà nhờ Zainab, sống sót kỷ lục qua ba mùa Bakr-Eid* không bị giết thịt, Anjum còn mua cho con bé một con gà trống đẹp mã mà nó đáp lại cái ôm chào mừng của cô chủ mới bằng một cái mổ hằn học. Zainab khóc to, đau lòng nhiều hơn là đau đớn. Cái mổ kiềm chế nó, nhưng tình thương con bé dành cho gà trống vẫn không vơi bớt. Mỗi lần Tình yêu Gà trống dâng lên con bé sẽ ôm chân Anjum hôn chụt chụt mấy cái lên đầu gối của mẹ, vừa hôn vừa quay đầu nhìn khát khao trù mẩn con gà trống, để bên được yêu thương và bên được hôn không băn khoăn gì về chuyện đang diễn ra và những nụ hôn ấy thực ra là dành

cho ai. Về nhiều mặt, cái ngớ ngẩn của Anjum đối với Zainab phản chiếu tương ứng trong cái ngớ ngẩn của Zainab đối với động vật. Thế nhưng có dị hiên với sinh vật sống đến mấy cũng không ngăn con bé ham ăn thịt. Mỗi năm ít nhất hai lần Anjum dẫn con bé đến sở thú trong Purana Qila, Pháo đài cổ, để xem tê giác, hà mã và nhân vật yêu thích của nó, chú vượn con đảo Borneo.

Ít tháng sau khi được nhận vào nhà trẻ, ban B của trường Mầm Non ở Daryaganj - vợ chồng Saqib đăng ký làm cha mẹ chính thức cho nó - Chuột Gộc thường ngày vẫn khỏe chột đở bệnh. Bệnh tình không nghiêm trọng, nhưng dai dẳng, làm con bé gầy mòn, bệnh này lại khiến nó dễ bị sang bệnh khác, sốt rét nối tiếp cúm nối tiếp hai đợt sốt vi rút, một đợt thì nhẹ, đợt thứ hai đáng lo hơn. Anjum lo quỳnh theo con bé một cách vô ích, và không đếm xỉa đến những câu nhàu về chuyện chị lơ là phận sự ở Khwabgah (giờ đây chủ yếu mang tính điều hành, quản trị), chăm sóc Chuột Gộc ngày đêm cùng cái hoang tưởng len lén, lớn dần. Chị đâm đinh ninh rằng ai đó ganh tức vận may của chị đã nguyên rủa Zainab. Mũi tên nghi ngờ cứ đều đều chỉ về hướng Saeeda, một thành viên khá mới trong Khwabgah. Saeeda trẻ hơn Anjum nhiều và là người thứ hai được Zainab yêu mến. Chị ta đã tốt nghiệp và biết tiếng Anh. Quan trọng hơn, chị ta biết sử dụng ngôn ngữ mới của thời đại - chị ta dùng những thuật ngữ như *cis-Man** rồi *FtoM** và *MtoF**, trong các cuộc phỏng vấn chị gọi mình là

“người chuyển giới”. Anjum thì trái lại, chế nhạo cái vụ chị gọi là “trans-france”*, và ương bướng khẳng khẳng nói mình là một hijra.

Cũng như nhiều người thuộc thế hệ trẻ hơn, Saeeda thay qua đổi lại dễ dàng giữa mấy bộ salwar kameez truyền thống và Âu phục - quần jean, váy, áo cổ yếm khoe tấm lưng dài, săn chắc. Những gì còn thiếu trong phong vị địa phương và nét duyên cổ kính thì chị ta bù đắp lại còn nhiều hơn bằng những hiểu biết hiện đại, kiến thức luật và việc tham gia các nhóm Quyền bình đẳng giới (chị đã từng diễn thuyết ở hai hội thảo nữa chứ). Tất cả những điều đó đặt chị ta vào một liên minh khác với Anjum. Đã thế, Saeeda lại còn từng tí một hất cẳng Anjum ra khỏi vị trí số một trong truyền thông. Báo chí nước ngoài đã chê những nét lạ cổ xưa mà chuộng thế hệ trẻ hơn. Những nét lạ đã không còn phù hợp cho hình ảnh Ấn Độ Mới - một cường quốc hạt nhân và một điểm đến mới nổi cho ngành tài chính quốc tế. Sư phụ Kulsoom Bi, sỏi cái già quý quyết, đánh hơi được những làn gió đổi thay này và thấy được lợi ích đổ dồn vào Khwabgah. Vậy nên Saeeda, dù chưa đủ thâm niên, đang cạnh tranh sít sao với Anjum để tiếp quản vị trí sư phụ của Khwabgah khi sư phụ Kulsoom Bi quyết định từ nhiệm, chuyện này thì như nữ hoàng Anh, dường như bà chẳng vội vàng gì mấy.

Sư phụ Kulsoom Bi vẫn là người quyết định chính ở Khwabgah, nhưng bà không trực tiếp can dự vào những

việc thường ngày. Sáng nào bị chứng viêm khớp hành hạ, bà được cho nằm dài trên chõng đan trong sân, để tắm nắng cùng những hũ chanh và xoài ngâm, bột mì rải trên báo để đuổi mọt. Khi trời nắng gắt, bà sẽ trở vào trong nhà để được nắn chân và thoa dầu mù tạc lên những nếp nhăn. Giờ đây bà ăn mặc như đàn ông, kurta dài màu vàng - vàng bởi vì bà là môn đệ của Hazrat Nizamuddin Auliya - và một xà rồng kẻ ô. Bà vẫn nhúm tóc bạc lơ thơ phủ không kín da đầu lên thành búi nhỏ kẹp sau đầu. Có những hôm, bạn cũ của bà là cụ Haji, bán thuốc lá và trầu dưới phố, sẽ đến chơi cùng cuộn băng video có bộ phim muôn đời ưa thích của họ, *Mnghal-e-Azam*. Cả hai thuộc nằm lòng từng bài hát và từng dòng thoại. Thế là họ hát và đọc lời theo cuốn băng. Họ tin rằng sẽ không còn ai viết tiếng Urdu được như vậy nữa và sẽ không còn diễn viên nào độ được diễn xướng của Dilip Kumar. Khi thì sư phụ Kulsoom Bi sắm vai Hoàng đế Akbar và Hoàng tử Salim con ông, nhân vật nam chính trong phim, còn cụ Haji đóng vai Anarkali (diễn viên Madhubala đóng), nữ nô lệ mà Hoàng tử Salim đem lòng yêu thương; khi thì họ đổi vai cho nhau. Thật ra màn biểu diễn chung của họ, trên hết là để tang cho hào quang đã tắt và ngôn ngữ đang chết.

Một tối, Anjum đang ở trong phòng trên gác chườm gác lạnh lên trán nóng rực của Chuột Gộc thì nghe xôn xao dưới sân - tiếng la, chân chạy, người hét. Phản xạ tự nhiên của chị là cho rằng một ngọn lửa đã bùng lên. Chuyện này

cũng thường xảy ra - một chùm dây điện trần rối nùi giăng trên các đường phố có thói quen tùy hứng tóe lửa. Chị bé Zainab lên và chạy xuống cầu thang. Mọi người đều xúm lại trước cái ti vi để trong phòng của sư phụ Kulsoom Bi, mặt sáng lên theo ánh đèn ti vi nhấp nháy. Một máy bay dân dụng đã đâm vào một tòa nhà chọc trời. Một nửa máy bay vẫn còn chìa ra, lơ lửng giữa không trung như một món đồ chơi đã hỏng, bập bênh. Ít giây sau một máy bay thứ hai đâm vào tòa nhà thứ hai và biến thành một quả cầu lửa. Những cư dân vốn lắm mồm của Khwabgah im lặng sững sờ theo dõi khi hai tòa nhà rã sụn xuống như những cột cát. Khói và bụi trắng xóa khắp nơi. Ngay cả bụi trông cũng khác - sạch sẽ và xa lạ. Người li ti như kiến nhảy nhào khỏi tòa chọc trời trôi xuống như những tàn tro.

Đây không phải là phim, phát thanh viên nói. Chuyện đang thật sự diễn ra. Ở Mỹ. Một thành phố tên là New York.

Khoảng im lặng lâu nhất trong lịch sử Khwabgah cuối cùng vỡ tan vì một câu hỏi thâm thúy.

“Bên đó họ có nói tiếng Urdu không?” Bismillah hỏi.

Không ai đáp lời.

Nỗi bàng hoàng trong phòng ngấm vào Zainab nên con bé cựa quậy tỉnh con mê sảng để rồi lại chìm vào con mê sảng khác. Nó chưa quen cảnh chiếu lại trên truyền hình, nên nó đếm có mười máy bay đâm vào mười tòa nhà.

“Tổng cộng là mười,” nó tỉnh táo thông báo, bằng tiếng

Anh mới học ở trường Mầm Non, rồi đưa cái má mồm mĩm, hăm hập vào đúng chỗ của nó là cổ Anjum.

Bùa ngải để trừ ếm Zainab đã khiến cả thế giới sinh bệnh. *Sifli jaadu** này ghê gớm thật. Anjum lén liếc xéo qua Saeeda để xem chị ta đang trơ tráo ăn mừng thành công của mình hay làm bộ ngây thơ. Con khốn xảo quyệt cũng làm bộ bàng hoàng như ai.



Đến tháng Mười hai thì Old Delhi đã tràn ngập các gia đình Afghanistan chạy trốn chiến đấu cơ vù vù trên vùng trời của họ như bầy muỗi trái mùa và bom rơi như mưa thép. Đương nhiên các con buôn chính trị cỡ lớn (trong phố cổ bao gồm mọi chủ tiệm và giáo sĩ) đều có giả thiết riêng. Còn lại, không ai thật sự hiểu chính xác những người dân khốn khổ đó thì có dính dáng gì đến hai tòa nhà chọc trời ở Mỹ. Nhưng làm sao họ hiểu được? Còn ai ngoài Anjum biết công trình sư của cuộc tàn sát tập thể này không phải Osama bin Laden, tên khủng bố, cũng chẳng phải George W. Bush, Tổng thống Hoa Kỳ, mà là một thế lực hùng mạnh hơn, lén lút hơn: Saeeda (tên khai sinh Gul Mohammed), thường trú ở Khwabgah, Gali Dakotan, Delhi -110006, Ấn Độ.

Để hiểu rõ hơn chính trị ở thế giới mà Chuột Gộc đang lớn lên, và để hóa giải hay ít ra cũng chặn trước *sifli jaadu* của Saeeda có học, người mẹ bèn cẩn thận đọc báo và theo

dối tin tức trên truyền hình (khi nào mấy người kia chịu để chị đổi kênh khỏi mấy bộ phim truyền hình).

Mấy máy bay đâm vào hai tòa chọc trời ở Mỹ cũng thành mối lợi cho nhiều người ở Ấn Độ. Thủ tướng - nhà thơ của đất nước cùng một số bộ trưởng thâm niên là thành viên của một tổ chức lâu đời tin rằng Ấn Độ về cơ bản là một quốc gia Ấn giáo, và rằng cũng như Pakistan đã tự tuyên bố là một Cộng hòa Hồi giáo, Ấn Độ cũng nên tuyên bố mình là một Cộng hòa Ấn giáo. Một số người ủng hộ và nhà tư tưởng của tổ chức này công khai ngưỡng mộ Hitler, đồng thời ví người Hồi giáo ở Ấn Độ với người Do Thái ở Đức. Giờ đây, bỗng đâu, khi sự thù địch với người Hồi giáo gia tăng, tổ chức bèn thấy như thế cả thế giới đang về phe nó. Thủ tướng - nhà thơ có bài diễn văn nói nhịu, hùng hồn, trừ ra những khoảng dừng lâu đến phát bực khi ông để lạc mất dòng lập luận, chuyện này thì khá thường xuyên. Ông già rồi nhưng có cái kiểu lúc phát biểu lại hất đầu như trai trẻ, như các ngôi sao điện ảnh Bombay những năm 1960. “Tín đồ Hồi giáo, chúng không ưa Người Khác,” ông nói như thơ bằng tiếng Hindi, rồi ngừng một hồi lâu lắc, ngay cả là so với chuẩn của ông. “Đức Tin chúng muốn rắc gieo bằng Khủng Bố.” Ông đã ứng khẩu cặp câu này, nên cực kỳ tự mãn. Mỗi lần ông nói *Hồi giáo* hay *tín đồ Hồi giáo* thì tất nói nhịu của ông nghe ngọng nghịu như con nít. Trong hệ thống tôn giáo mới, ông được xem là một người ôn hòa. Ông cảnh báo rằng những gì xảy ra ở Mỹ có thể dễ dàng

xảy ra ở Ấn Độ và rằng đã đến lúc chính phủ thông qua một đạo luật mới chống khủng bố làm biện pháp phòng ngừa cho chắc ăn.

Mỗi ngày Anjum, dù còn xa lạ với tin tức, đều xem tường thuật trên truyền hình về những vụ đánh bom và tấn công khủng bố bùng nổ lan tràn như dịch sốt rét. Báo chí tiếng Urdu đăng những câu chuyện về các thanh niên Hồi giáo thiệt mạng trong cái mà cảnh sát gọi là “các cuộc đụng độ”, hoặc bị bắt tại trận đang lên kế hoạch tấn công khủng bố và bị bắt giam. Một luật mới được thông qua cho phép giam giữ nghi phạm mà không xét xử nhiều tháng trời. Chưa gì các nhà tù đã đầy kín thanh niên Hồi giáo. Anjum tạ ơn Thượng Đế vì Zainab là con gái. Như vậy an toàn hơn nhiều.

Mùa đông đến, Chuột Gộc phát cơn ho nặng, tận trong phổi. Anjum cho nó mấy muỗng sữa ấm với nghệ, ban đêm thức trắng lắng nghe tiếng khò khè hen suyễn của con bé, cảm thấy bất lực cực kỳ. Chị đến viếng đền thờ Hazrat Nizamuddin Auliya và thưa với một khadim* ít máu con buồn hơn mà chị quen về bệnh tình của Zainab và hỏi ông làm sao để chị hóa giải *sifli jaadu* của Saeeda. Sự việc đã vượt khỏi tầm kiểm soát, chị phân trần, và vì giờ nó đã liên lụy nhiều hơn là số phận của một bé gái, chị, Anjum, người duy nhất biết vấn đề là gì, có trách nhiệm. Chị đã sẵn sàng làm bất cứ gì để có thể đạt được mục đích. Chị đã sẵn sàng trả bất kỳ giá nào, chị nói, ngay cả khi nó có nghĩa là bước

tới giá treo cổ. Phải ngăn Saeeda lại. Chị cần khadim ban phước. Chị trở nên cường điệu và xúc động, thiên hạ bắt đầu trở lên nhìn nên khadim phải trấn an chị. Ông hỏi từ lúc Zainab bước vào đời chị thì chị đã đến viếng đền thờ Hazrat Gharib Nawaz ở Ajmer chưa. Khi chị đáp rằng vì lý do này, lý do kia mà chị chưa đi được, ông dạy rằng đó mới là vấn đề, không phải *sifli jaadu* của ai cả. Ông hơi nghiêm khắc với chị về chuyện để mình đi tin vào mấy thứ phép phù thủy tà thuật khi mà Hazrat Gharib Nawaz có đó để phù hộ cho chị. Anjum vẫn chưa bị thuyết phục lắm, nhưng thừa nhận rằng ba năm trời mà không đến viếng Ajmer Sharif là một sơ sót nghiêm trọng của mình.

Đến cuối tháng Hai thì Zainab khỏe lại đủ để Anjum cảm thấy chị có thể rời con bé vài ngày. Cụ Zakir, chủ kiêm giám đốc điều hành hàng hoa A-1, bằng lòng đi cùng Anjum. Cụ Zakir là một người bạn của Mulaqat Ali và biết Anjum từ lúc chị lọt lòng. Giờ cụ độ bảy mươi mấy, già quá rồi không còn thấy gương mặt vì bị thấy đi cùng một hijra. Tiệm của cụ, tiệm hoa A-1, cơ bản là một bộ xi măng cao ngang hông, rộng một mét vuông, nằm dưới ban công nhà cũ của Anjum, ngay góc mà Chitli Qabar nhìn ra khu chợ Matia Mahal. Cụ Zakir đã thuê sạp của Mulaqat Ali - giờ là của Saqib - và đã điều hành hàng hoa A-1 hơn năm mươi năm nay. Cả ngày cụ ngồi trên tấm vải bạt, kết những tràng hoa hồng đỏ rồi những râu tiên mới cứng mà cụ gấp thành hình những cái quạt tí hon hay những chú chim nhỏ, cho

chú rể đeo trong lễ nikah*. Thách thức chính đối với cụ là luôn giữ cho hoa hồng tươi và ẩm còn tờ tiền cứng và khô bên trong khoảng không gian chật hẹp của tiệm. Cụ Zakir nói mình cần đến Ajmer rồi đi tiếp tới Ahmedabad ở Gujarat nơi cụ có chút việc bên nhà vợ. Anjum sẵn sàng cùng cụ đi Ahmedabad hơn là liều chịu quấy rối và ê chề (cả vì bị thấy cũng như *không* được thấy) mà chị sẽ phải hứng chịu nếu từ Ajmer về một mình. Về phần mình, cụ Zakir, giờ đã ốm yếu, nên vui vẻ nếu có người xách giúp hành lý. Cụ có ý là khi ở Ahmedabad, họ có thể đến viếng đền thờ Wali Dakhani, một nhà thờ Urdu thế kỷ 17, được gọi là Nhà thơ của Tình yêu, người mà Mulaqat Ali từng vô cùng mến mộ, và cũng là để xin ông ban phước. Hai người chốt lại kế hoạch du hành bằng cách vừa cười vừa ngâm một cặp câu ông sáng tác - một trong những cặp câu Mulaqat Ali ưa thích nhất:

Jisey ishq ka tiir kaari lage

Usey zindagi kyuun na bhari lage

Với kẻ trúng tên thần Tình Ái

Chẳng phải đời đã thành gánh nặng?

Vài ngày sau họ đón tàu đi. Họ lưu lại Ajmer Sharif hai ngày. Anjum chen lấn qua đám tín đồ đông nghịt để mua một tấm chadar* xanh vàng giá một nghìn rupee làm lễ vật cúng Hazrat Gharib Nawaz nhân danh Zainab. Cả hai hôm chị đều gọi điện thoại công cộng về Khwabgah. Đến ngày

thứ ba, lo lắng cho Zainab, chị gọi lần nữa từ nhà ga Ajmer ngay trước khi lên tàu tốc hành Gharib Nawaz đi Ahmedabad. Sau đó thì không có tin tức gì từ chị hay cụ Zakir nữa. Con trai cụ gọi cho nhà ngoại ở Ahmedabad. Điện thoại đã tắt.



Mặc dù họ không nghe được gì về Anjum, song tin tức từ Gurajat thật kinh hoàng. Một toa hành khách bị cái mà báo chí ban đầu gọi là “lũ vô lại” châm lửa đốt. Sáu mươi tín đồ Ấn giáo hành hương bị thiêu sống. Họ đang trên đường trở về nhà sau chuyến đi đến Ayodhya mà họ mang theo gạch làm lễ để đặt móng cho một ngôi đền Ấn giáo lớn mà họ muốn xây trên địa điểm từng có một thánh đường Hồi giáo cổ. Thánh đường Babri Masjid này mười năm trước đã bị một đám đông gào thét triệt hạ. Một Bộ trưởng Nội các cấp cao (lúc bấy giờ thuộc phe đối lập, và đã từng đứng nhìn đám đông gào thét đánh sập thánh đường) nói vụ đốt toa tàu nhất định là hành động của khủng bố Pakistan. Cảnh sát bắt giữ hàng trăm người Hồi giáo - theo cách nhìn của họ thì thấy đều là người Pakistan sang tiếp tay - trong khu vực xung quanh nhà ga theo luật chống khủng bố mới và ném họ vào tù. Thủ hiến của Gujarat, một thành viên trung thành trong Tổ chức (cũng như Bộ trưởng Nội vụ và Thủ tướng), vào thời điểm đó, đang sẵn sàng tái tranh cử. Ông ta xuất hiện trên truyền hình trong kurta màu vàng nghệ

với một vạch màu đỏ tươi trên trán, và với đôi mắt lạnh lẽo vô hồn, ra lệnh đem thi thể tín đồ Ấn giáo hành hương cháy đen đến Ahmedabad, thủ phủ của bang, bày ra cho công chúng đến viếng. Một “phát ngôn viên không chính thức” hay lẩn tránh thông báo không chính thức rằng mọi hành động sẽ được đáp trả bằng một phản lực ngang bằng và ngược chiều. Lẽ đương nhiên ông không công nhận Newton, bởi vì trong bầu không khí hiện hành, lập trường được chính thức chuẩn y là người Ấn giáo cổ đại đã phát minh ra cả nền khoa học.

“Phản lực”, nếu quả thực là như vậy, không ngang bằng cũng không ngược chiều. Giết chóc tiếp diễn nhiều tuần và không chỉ giới hạn trong các thành phố. Từng đám đông được trang bị kiếm, đinh ba và quần khăn màu vàng nghệ. Chúng nắm trong tay danh sách địa chính nhà cửa, doanh nghiệp và cửa tiệm của người Hồi giáo. Chúng có từng đồng bình ga (điều này xem ra lý giải được sự thiếu hụt xăng dầu vài tuần trước đó). Khi người bị thương được đưa tới bệnh viện, các đám đông tấn công bệnh viện. Cảnh sát không chịu lập biên bản các vụ giết hại. Họ nói khá hợp lý rằng họ cần thấy xác người. Nghe đâu cảnh sát thường dự phần trong các đám đông, và một khi các đám đông đã xong xuôi công chuyện thì thi thể đã không còn giống thi thể nữa.

Không ai cãi lại khi Saeeda (người yêu thương Anjum và

hoàn toàn không hay biết chuyện Anjum nghi ngờ mình) đề nghị tắt máy máy phim truyền hình đi mà bật tin tức lên, để sẵn phòng khi nhờ chút cơ may nào đó, họ vớ được chút manh mối về chuyện xảy ra cho Anjum và cụ Zakir. Khi đám phóng viên sôi nổi, mặt mày đỏ phừng hò hét vào camera trực tiếp từ các trại tị nạn mà hàng chục nghìn người Hồi giáo ở Gujarat giờ đây đang tá túc, ở Khwabgah họ tắt tiếng đi và soi kỹ phong hình đằng sau, những mong thoáng thấy Anjum với cụ Zakir xếp hàng nhận thức ăn hay chăn mền, hay đang túm tụm trong lều. Nhân thể họ biết ra là đền thờ Wali Dakhani đã bị san bằng và một đường nhựa được xây lấp lên, xóa sạch mọi dấu vết cho thấy nó từng tồn tại. (Cảnh sát hay các đám đông hay Thủ hiến cũng không làm được gì những người tiếp tục để hoa giữa lòng đường nhựa mới từng là nơi có đền thờ. Khi hoa bị nghiền nát nát dưới những bánh xe phóng nhanh, hoa mới sẽ xuất hiện. Mà ai làm gì được mối gắn kết giữa hoa nát và thi ca?) Saeeda gọi cho mọi nhà báo và nhân viên tổ chức phi chính phủ chị quen mà cầu cứu. Không ai giúp được gì. Nhiều tuần trôi qua vẫn bật vô âm tín. Zainab đã khỏi bệnh và đi học lại, nhưng ngoài giờ học con bé quạu cọ và cứ bám rịt Saeeda cả ngày cả đêm.



Hai tháng sau, khi giết chóc đã bắt đầu vơi bớt và chỉ còn lác đác, con trai cả của cụ Zakir là Mansoor, làm

chuyến thứ ba đến Ahmedabad để tìm cha. Để đề phòng anh cạo râu và đeo chỉ puja đỏ trên cổ tay, hi vọng bị tưởng là tín đồ Ấn giáo. Anh không bao giờ tìm được cha, dù anh cũng đã biết ra chuyện xảy ra với ông. Hỏi thăm lần hồi dẫn anh đến một trại tị nạn nhỏ bên trong thánh đường ở ngoại ô Ahmedabad, ở đó anh tìm được Anjum tại khu dành cho nam giới, và đưa chị về Khwabgah.

Chị đã cắt tóc. Chỗ tóc còn lại giờ đây nằm trên đầu chị như cái nón bảo hiểm có hai miếng che tai. Chị ăn mặc như một viên chức quen với quần đàn ông vải bông nâu sẫm và áo sơ mi safari kẻ ô tay ngắn. Chị sụt cân khá nhiều.

Zainab, dù một thoáng hoảng hốt với bề ngoài mới mẻ, đàn ông của Anjum, đã quên sợ ào vào vòng tay chị mà ré lên sung sướng. Anjum ôm chặt nó, nhưng thờ ơ đáp lại nước mắt, câu hỏi và cái ôm hôn đón mừng của những người khác, như thể những lời chào hỏi của họ là cực hình mà chị không còn cách nào khác đành phải chịu. Họ đau lòng và hơi hoảng sợ vì sự lạnh nhạt của chị, nhưng rộng lượng khác thường trong sự đồng cảm và quan tâm.

Ngay khi có thể, Anjum liền về phòng. Mấy tiếng sau chị đi ra, mặc quần áo bình thường, thoa son trang điểm và cài vài cái kẹp xinh xinh trên tóc. Chẳng mấy chốc đã rõ là chị không muốn nói về chuyện đã xảy ra. Chị không chịu trả lời các câu hỏi về cụ Zakir. “Đó là ý Thượng Đế,” chị chỉ nói chừng ấy.

Trong thời gian Anjum vắng mặt, Zainab đã bắt đầu ngủ

dưới lầu với Saeeda. Nó quay lại ngủ cùng Anjum, nhưng Anjum nhận thấy con bé đã bắt đầu gọi cả Saeeda là “mẹ”.

“Nếu cô ấy là Mẹ, vậy thì ta là ai?” Mấy ngày sau Anjum hỏi Zainab. “Chẳng ai có hai mẹ cả.”

“Mẹ *badi*,” Zainab nói. Mẹ lớn.

Sư phụ Kulsoom Bi chỉ thị để cho Anjum được yên, làm gì chị muốn đến chừng nào thì tùy chị.

Điều Anjum muốn là được yên.

Chị im lặng, lạ làm sao, hầu hết thời gian ngồi với mớ sách. Trong một tuần chị đã dạy cho Zainab tụng cái gì đó mà không ai trong Khwabgah hiểu nổi. Anjum nói đó là một bài tụng tiếng Phạn, chú *Gayatri*. Chị đã học được ngày còn trong trại ở Gujarat. Người ở đó nói nên học nó để khi lâm vào tình cảnh có đám đông thì họ tụng để cố giả làm tín đồ Ấn giáo. Dù cả con bé lẫn Anjum đều không biết bài chú có nghĩa gì, Zainab học rất nhanh và vui vẻ tụng mỗi ngày ít nhất hai chục bận, lúc thay đồ đi học, lúc soạn sách vở, lúc cho dê ăn:

Om bhur bhuvah svaha

Tat savitur varenyam

Bhargo devasya dhimahi

Dhiyo yo nah pracodayat

Một buổi sáng Anjum rời nhà, dẫn Zainab theo. Nó đã quay về với một Chuột Gộc thay hình đổi dạng hoàn toàn.

Tóc con bé đã được cắt ngắn và nó mặc đồ con trai; một bộ Pathan của trẻ con, áo khoác thêu, hài mũi cong lên như thuyền gondola.

“VẬY an toàn hơn,” Anjum nói như để giải thích. “Gujarat có thể tràn đến Delhi không biết lúc nào. Ta sẽ gọi nó là Mahdi.”

Tiếng Zainab gào khóc còn nghe được suốt dọc đường - bởi mấy con gà trong lồng và mấy con cún dưới mương.

Một cuộc họp khẩn được triệu tập. Nó được ấn định trong hai tiếng đồng hồ cắt điện định kỳ để không ai kêu ca là phải bỏ lỡ phim truyền hình nhiều tập trên ti vi. Zainab được cho đến chơi cả buổi tối với mấy đứa cháu nhà cụ Hassan. Con gà trống của nó ở trong chỗ ngủ thường lệ trên giá bên cạnh ti vi. Sư phụ Kulsoom Bi ngồi nhòm trên giường mà chủ trì cuộc họp, lưng dựa một chăn bông cuộn lại. Mọi người còn lại đều ngồi trên sàn. Anjum sung sĩa lấp ló bên ngưỡng cửa. Trong ánh sáng xanh lam xì xèo của cái đèn dầu Petromax, gương mặt Kulsoom Bi trông tựa một lòng sông đã cạn khô, mái tóc bạc trắng thưa dần là dòng sông băng lùi xa khỏi nơi con sông từng khởi nguồn. Bà đeo vào bộ răng giả mới không thoải mái cho dịp này. Bà nói với vẻ uy phong và có cảm giác rất kịch. Lời bà dường như nhắm vào những người mới gia nhập Khwabgah, nhưng giọng điệu bà lại nhắm vào Anjum.

“Ngôi nhà này, gia đình này, có một lịch sử liên tục cũng lâu đời như chính thành đô đổ nát này,” bà nói. “Những bức

tường tróc lở này, mái nhà dột nát này, khoảng sân đầy nắng này - thấy đều đã từng đẹp đẽ. Những sàn nhà này từng được trải những tấm thảm chõ thảng từ Isfahan về, trần nhà được trang trí gương. Khi Shahenshah Shah Jahan xây Pháo Đài Đỏ và Jama Masjid, khi ngài dựng nên cố thành, ngài cũng cho xây cả cái dinh thự nhỏ của chúng ta. Cho chúng ta. Hãy luôn nhớ - chúng ta không phải là hijra *bất kỳ ở bất kỳ* đâu. Chúng ta là những hijra của Shahjahanabad. Những nhà cai trị của chúng ta đã đủ tin tưởng mà giao vợ và mẹ cho chúng ta hầu hạ. Chúng ta có thời được tự do đi lại trong khu vực riêng của họ, zenana*, trong Pháo Đài Đỏ. Giờ tất cả đã không còn, những vị Hoàng đế hùng mạnh cùng Hoàng hậu của họ. Nhưng *chúng ta* thì vẫn còn đây. Hãy nghĩ về điều đó và tự hỏi tại sao lại như thế."

Pháo Đài Đỏ vẫn luôn đóng vai trò chính khi sư phụ Kulsoom Bi kể lại lịch sử Khwabgah. Ngày trước, khi bà còn khỏe mạnh, một chuyến đến pháo đài để xem chương trình *Âm thanh và Ánh sáng* là phần bắt buộc trong lễ nhập môn cho người mới đến. Họ thường đi cả nhóm, diện bộ xiêm y đẹp nhất, hoa cài trên tóc, nắm tay nhau, liều mạng đâm đầu vào xe cộ lưu thông ở Chandni Chowk - một cảnh hỗn loạn xe hơi, xe buýt, xích lô và xe ngựa do những người mà dù đi với tốc độ chậm đến khổ sở thì không hiểu sao cũng cố gắng bạt mạng.

Pháo đài sừng sững bên trên cố thành, một nền sa thạch

đồ sộ, che phủ một phần chân trời đến nỗi người trong vùng ngừng chú ý tới nó. Nếu sư phụ Kulsoom Bi không đòi, có lẽ không đời nào có ai ở Khwabgah thu hết can đảm mà bước vào, ngay cả là Anjum, người đã sinh ra và lớn lên dưới bóng của nó. Một khi họ băng qua hào - đặc cả rác rến muối mòng - rồi đi qua cổng lớn, thành phố không còn tồn tại nữa. Lũ khỉ hai mắt ti hí, dữ tợn đi xuôi ngược tường thành đá sa thạch sừng sững được xây theo tỉ lệ và sự tao nhã mà đầu óc ngày nay không sao cảm nhận được. Bên trong pháo đài là một thế giới khác, một thời gian khác, một không khí khác (có mùi cần sa rõ rệt) và một bầu trời khác - không phải cái vệt hẹp bằng một con phố thấp thoáng qua chằng chịt dây điện, mà là bầu trời bao la, trong đó điều hâu bay lượn, cao và tĩnh lặng, tận trên các luồng khí nóng.

Buổi diễn *Âm thanh và Ánh sáng* là một lối kể được Chính phủ cũ chuẩn y (Chính quyền mới chưa động tay đến) về lịch sử Pháo Đài Đỏ và các Hoàng đế ngồi trong đó mà trị vì suốt hơn hai trăm năm - từ Shah Jahan, người dựng nên nó, cho đến Bahadur Shah Zafar, Mogul cuối cùng, bị người Anh cho đi đày sau cuộc nổi dậy bất thành năm 1857. Đó là chính sử duy nhất sư phụ Kulsoom Bi biết, dù cách bà hiểu có thể phi chính thống hơn ý đồ của sử gia. Trong những chuyến thăm quan, bà và nhóm nhỏ của mình ngồi cùng khán giả còn lại, chủ yếu là du khách và học sinh, trên những băng ghế gỗ mà bên dưới muối như từng

đám mây dày đặc sinh sống. Để khỏi bị đốt, khán giả bắt đầu dĩ phải có tư thế ngồi thờ ơ và rung đùi suốt mọi lễ đăng quang, chiến trận, tàn sát, chiến thắng và bại vong.

Vùng quan tâm đặc biệt của sư phụ Kulsoom Bi là giữa thế kỷ 18, dưới triều Hoàng đế Mohammed Shah Rangeela, tương truyền là một người đam mê khoái lạc, âm nhạc và hội họa - ông hoàng Mogul vui tính nhất. Bà dẫn trước đám đồ đệ đặc biệt để ý đến năm 1739. Nó mở màn bằng tiếng vỗ ngựa rầm rập từ đằng sau khán giả rồi đi qua pháo đài, lúc đầu còn mờ nhạt rồi mỗi lúc một to hơn To Hơn TO HƠN. Đó là đội kỵ binh của Nadir Shah phóng một mạch từ Ba Tư về, phi nước đại qua Ghazni, Kabul, Kandahar, Peshawar, Lahore và Sirhind, cướp bóc hết thành phố này đến thành phố khác khi phi về Delhi. Các tướng lĩnh của Hoàng đế Mohammed Shah đã cảnh báo ngài về cái biến cố lớn đang đến gần. Bình thản, ngài ra lệnh cho nhạc tiếp tục chơi. Đến lúc này của buổi diễn thì đèn trong Diwan-e-Khas - phòng khánh tiết sẽ trở nên rùng rợn. Tím, đỏ, xanh lá. Khu khuê phòng sẽ sáng lên ánh hồng (dĩ nhiên) và vang vọng tiếng đàn bà cười, tiếng lụa là loạt soạt, tiếng lắc chân *canh canh canh*. Thế rồi, bỗng đâu, giữa những âm thanh êm ái, vui vẻ của đàn bà ấy vọng đến tiếng khúc khích rõ mồn một, trầm đục, tách bạch, khàn khàn, làm duyên làm dáng của một hoạn quan.

“*Kìa!*” Sư phụ Kulsoom Bi sẽ kêu lên, như một nhà nghiên cứu bướm vừa chớp được một con bướm đêm hiếm

có. “Mọi người có nghe thấy không? *Chúng ta* đấy. Đó là tổ tiên chúng ta, lịch sử của chúng ta, câu chuyện của chúng ta. Chưa bao giờ chúng ta là thứ dân, mọi người thấy đó, chúng ta cũng thuộc hàng ngũ người làm trong cung.”

Khoảnh khắc trôi qua trong chớp mắt. Nhưng điều đó không quan trọng. Cái quan trọng là nó đã *tồn tại*. Có mặt trong lịch sử, dù chỉ là một tiếng cười tủm tỉm không hơn, thì khác biệt một trời một vực với việc vắng mặt trong đó, bị gạch sổ hoàn toàn. Suy cho cùng, một tiếng tủm tỉm có thể trở thành chỗ đặt chân trên bức vách dốc đứng tương lai.

Sư phụ Kulsoom Bi sẽ nổi cơn thịnh nộ nếu có ai bỏ lỡ tiếng khúc khích khi bà đã dốc hết công sức chỉ ra. Thật ra là giận dữ đến độ để tránh cái có thể biến thành màn ê mặt trước thiên hạ, những người mới được người cũ khuyên giả vờ đã nghe ra cho dù không nghe được.

Có lần Gudiya cố nói cho bà hay rằng dân hijra có một chỗ đứng đặc biệt trong tình thương và sự kính trọng trong thần thoại học Ấn giáo. Chị kể cho sư phụ Kulsoom Bi câu chuyện rằng, khi thần Ram và vợ, Sita, và em trai Laxman của ngài bị trục xuất khỏi vương quốc suốt mười bốn năm, thần dân do yêu kính vua mình, đã đi theo, nguyện là nhà vua có đi đến đâu họ cũng sẽ đi theo. Khi họ ra tới ngoại vi của Ayodhya thì bắt đầu có rừng, Ram quay lại thần dân mà dạy, “Ta muốn tất cả đàn ông, đàn bà các người quay về nhà và chờ đến khi ta trở về.” Không thể bất tuân vua

mình, đàn ông, đàn bà kéo nhau về. Chỉ có các hijra là trung kiên chờ ngài ở bìa rừng rờn rã mười bốn năm, bởi vì ngài đã quên nhắc tới họ.

“VẬY là chúng ta được nhớ đến như những kẻ bị lãng quên?” Sư phụ Kulsoom Bi vặc. “A! A!”

Anjum còn nhớ như in lần đầu mình đến Pháo Đài Đỏ vì những lý do riêng. Đó là lần đầu chị đi chơi sau khi bình phục ca phẫu thuật của bác sĩ Mukhtar. Trong lúc họ xếp hàng mua vé thì hầu hết thiên hạ trở mắt nhìn du khách nước ngoài, những người đứng xếp hàng riêng và vé đắt hơn. Du khách nước ngoài thì lại trở mắt nhìn các hijra, nhất là Anjum. Một thanh niên - tay hippy có ánh nhìn sâu hút và bộ ria dài như Jesus - nhìn chị đầy ngưỡng mộ. Chị nhìn lại anh ta. Trong tưởng tượng của chị, anh ta biến thành Hazrat Sarmad Shaheed. Chị mừng tượng anh ta đứng kiêu hãnh và trần truồng, một dáng người mong manh, mảnh khảnh, trước khi bồi thắm đoàn những quan tòa có râu quai nón tà ác, không nao núng thậm chí khi họ tuyên cáo anh ta tội chết. Chị hơi bất ngờ khi du khách bước tới chỗ chị.

“Cô đẹp lắm,” anh ta nói. “Một tấm hình? Được không?”

Đó là lần đầu tiên có người muốn chụp hình chị. Phổng mũi, chị làm duyên làm dáng hất bím tóc thắt ruy băng đỏ qua vai và nhìn sư phụ Kulsoom Bi để xin phép. Bà cho phép. Thế là chị tạo dáng chụp hình, lóng ngóng dựa vào tường thành sa thạch, vai uốn ra sau còn cầm thì nghềch

lên, vừa trơ trẽn mà cũng vừa bền lễn.

“Cảm ơn,” người thanh niên nói. “Cảm ơn nhiều lắm.”

Chị không bao giờ được xem bức hình, nhưng tấm hình đó là khởi đầu của cái gì đó.

Bây giờ nó đâu rồi? Có trời mới biết.



Tâm trí lan man của Anjum quay lại với cuộc họp trong phòng sư phụ Kulsoom Bi.

Sự suy đồi và vô kỷ luật của những nhà cầm quyền chính là cái khiến đế chế Mughal suy vong, sư phụ Kulsoom Bi nói. Các Hoàng tử bông lơn với nữ nô lệ, Hoàng đế trần truồng chạy nhông, sống cuộc đời dư dật trong khi muôn dân đói khát - một đế chế như vậy thì làm sao có hi vọng sống sót? Tại sao nó *lại nên* sống sót? (Không ai từng nghe bà đóng vai Hoàng tử Salim trong *Mughal-e-Azam* mà lại đoán được rằng bà đã kích ông quyết liệt như vậy. Cũng không ai ngờ rằng, đã đành bà tự hào về sự cổ kính của Khwabgah và cái thân cận của nó với hoàng gia, bà ôm lòng hậm hực của một người xã hội chủ nghĩa về cái trác táng của các vua chúa Mughal và cảnh lầm than của trăm họ). Rồi bà tiếp tục biện hộ cho lối sống có khuôn phép và kỷ luật thép, hai thứ mà theo bà là dấu ấn của Khwabgah - sức mạnh và lẽ phải của nó đã sống sót qua bao đời, trong khi những thứ mạnh hơn, hùng vĩ hơn lại diệt vong.

Người thường ở đời - họ thì biết gì về chuyện sống một đời của hijra là thế nào? Họ biết gì về những nội quy, kỷ luật và hi sinh? Ngày nay có ai biết rằng đã có thời tất cả bọn họ, trong đó có bà, chính sư phụ Kulsoom Bi, buộc phải đi xin của bố thí ở các ngã tư đèn xanh đèn đỏ? Họ đã lập thân từ nơi đó, từng chút từng chút một, từ nhục nhĩ này đến nhục nhĩ khác. Khwabgah được gọi là Khwabgah, sư phụ Kulsoom Bi nói, bởi vì đó là nơi những con người đặc biệt, những người *có phước*, mang theo những giấc mơ không thực hiện được ngoài đời đến đây. Ở Khwabgah, Tánh linh mắc kẹt trong những hình hài sai lệch được giải thoát. (Vấn đề chuyện gì sẽ xảy ra nếu Tánh linh là một người nam mắc kẹt trong hình hài nữ thì không được nhắc đến.)

Tuy nhiên, sư phụ Kulsoom Bi nói, *tuy nhiên* - và khoảng dừng theo sau thì cũng xứng tầm với Thủ tướng - nhà thơ nói nhịu - chỉ dụ trung tâm của Khwabgah là *manzoori*. Ứng thuận. Người ngoài đời rêu rao tin đồn độc địa là hijra bắt cóc các bé trai rồi hoạn chúng. Bà không biết và không thể nói được liệu những chuyện này có xảy ra ở nơi nào khác hay không, nhưng ở Khwabgah, có Thượng Đế làm chứng, không có gì xảy ra mà không có *manzoori*.

Rồi bà quay lại với chủ đề cụ thể trước mắt. Đấng Tối Cao đã trả Anjum về lại với chúng ta, bà nói. Chị không chịu kể cho chúng ta chuyện gì đã xảy ra với mình và cụ Zakir ở Gujarat, chúng ta cũng không thể ép chị. Chúng ta

chỉ còn biết phỏng đoán. Và cảm thông. Nhưng dù cảm thông chúng ta cũng không thể để cho những nguyên tắc của mình bị vi phạm. Ép một đứa bé gái sống như một đứa con trai trái ý nó, dẫu vì sự an toàn đi chăng nữa, là cầm tù con bé, không phải giải phóng nó. Không thể nào để chuyện đó xảy ra trong Khwabgah của chúng ta. Không thể.

“Nó là con *tôi*,” Anjum nói. “*Tôi* sẽ quyết định. Tôi có thể rời nơi này và đem con bé đi theo nếu tôi muốn.”

Không hề hoang mang vì tuyên bố này, thật ra mọi người lại nhẹ nhõm khi thấy một dấu hiệu là nữ hoàng rắc rối ngày xưa trong Anjum vẫn còn sống và khỏe mạnh. Họ không có lý do gì phải lo bởi vì chị tuyệt không có nơi nào để đi.

“Chị muốn đi đâu thì tùy, nhưng con bé phải ở lại đây,” sư phụ Kulsoom Bi nói.

“Nãy giờ bà nói về *manzoori*, giờ bà lại muốn quyết định thay con bé ư?” Anjum nói. “Ta sẽ hỏi ý con bé. Zainab sẽ muốn đi với tôi.”

Cải lại sư phụ Kulsoom Bi kiểu này được cho là không thể chấp nhận được. Ngay cả là với người vừa qua khỏi một cuộc tàn sát. Ai nấy đợi phản ứng.

Sư phụ Kulsoom Bi nhắm mắt và bảo lấy cái chăn cuộn lại sau lưng bà đi. Bỗng dưng thấy mệt, bà quay mặt vào tường và cuộn người, kê khuỷu tay làm gối. Mắt vẫn nhắm nghiền và giọng nghe như phát ra từ đâu xa lắc, bà chỉ thị

Anjum đến gặp bác sĩ Bhagat và nhớ phải uống thuốc bác sĩ kê.

Cuộc họp kết thúc. Các thành viên giải tán. Đèn Petromax được đem ra khỏi phòng rít lên như con mèo bị chọc tức.



Anjum đã không nói thực bụng mình, nhưng đã nói ra rồi thì cái ý định ra đi cứ bám lấy và quẩn quanh chị như con trăn.

Chị không chịu đến gặp bác sĩ Bhagat, nên một phái đoàn ít người do Saeeda dẫn đầu đi thay chị. Bác sĩ Bhagat là một người nhỏ nhắn có ria mép tĩa tốt như nhà binh, người sức nức mùi phấn rôm Dreamflower của Pond. Ông có cái kiểu lẹ làng như chim và cái lối cứ ít phút lại ngắt lời bệnh nhân hay chính mình bằng cái khịt mũi khan, bồn chồn kèm theo ba tiếng gõ bút tốc tốc tốc lên mặt bàn. Cẳng tay phủ kín lông đen dày nhưng đầu lại ít nhiều bị hói. Ông đã cạo lông tạo một đường to trên cổ tay trái, đeo lên một cái băng tay kiểu như người chơi quần vợt, bên trên ông đeo chiếc đồng hồ vàng nặng trĩu để ông có cái nhìn rõ ràng, thông thoáng về thời gian. Sáng hôm đó, ông ăn mặc như mọi ngày - bộ vét safari vải bông trắng phau và đôi sandal trắng bóng. Một cái khăn trắng sạch máng trên lưng ghế. Phòng khám của ông nằm trong một khu thổ tả, nhưng ông lại là một người rất ưa sạch sẽ. Còn là người tốt

nữa.

Phái đoàn kéo cả đám vào rồi ngồi xuống ghế dựa nào có được, vài người ngồi vắt vẻo trên tay ghế của người khác. Bác sĩ Bhagat đã quen thấy bệnh nhân từ Khwabgah đi một lúc hai, ba người (họ không bao giờ đi một mình). Ông có hơi bất ngờ vì cái đám đông ập đến chỗ ông sáng hôm ấy.

“Ai trong các chị là bệnh nhân?”

“Không ai cả, bác sĩ Sahib à.”

Saeeda, người phát ngôn, thỉnh thoảng có thêm những diễn giải minh họa của mấy người kia, cố mô tả thật kỹ lưỡng cách cư xử khác trước của Anjum - cái ử ê, cái cộc cằn, việc *đọc*, và nghiêm trọng nhất, không phục tùng. Chị kể cho bác sĩ nghe bệnh tình của Zainab và lo lắng của Anjum. (Đương nhiên chị không làm sao biết về giả thuyết *sifli jaadu* của Anjum và vai trò của mình trong đó.) Sau khi hội ý kỹ lưỡng với nhau, phái đoàn quyết định chừa ra câu chuyện Gujarat bởi vì:

(a) Họ không biết chuyện gì, nếu có, đã xảy ra với Anjum ở đó.

Và,

(b) Bởi vì bác sĩ Bhagat có một bức tượng hơi to to bằng bạc (cũng có thể nó chỉ được mạ bạc) thần Ganesh để trên bàn và luôn có khói cuộn lên từ que nhang mới cắm trên vôi ngài.

Đương nhiên không có kết luận cụ thể nào được rút ra

từ chi tiết sau, nhưng nó khiến họ không rõ quan điểm của ông về chuyện xảy ra ở Gujarat. Nên họ chọn cách thận trọng thái quá.

Bác sĩ Bhagat (ông, cũng như hàng triệu tín đồ Ấn giáo thành tâm khác, thật ra thất kinh vì bước chuyển biến trong tình hình ở Gujarat) lắng nghe chăm chú, khịt khịt và gõ gõ bút trên mặt bàn, đôi mắt sáng, tròn xoe lồ lộ vì cặp tròng dày cộp gắn trong cặp kính gọng vàng. Ông nhú mày và ngẫm nghĩ một lúc về những gì được nghe kể, rồi hỏi Anjum muốn đi khỏi Khwabgah dẫn đến chuyện Đọc hay là Đọc dẫn chị tới chỗ muốn ra đi. Phái đoàn không nhất trí được với nhau về điểm này. Một người trẻ hơn trong đoàn, Meher, khai rằng Anjum có nói với chị ta là muốn quay lại với đời để giúp người nghèo. Câu này khiến mọi người râm ran vui vẻ. Bác sĩ Bhagat, không cười, hỏi vì sao họ nghĩ chuyện đó buồn cười.

“Arre, bác sĩ Sahib à, người nghèo nào lại muốn được *bọn tôi* giúp hả?” Meher nói, thế là cả bọn cười rinh rích trước ý nghĩ nhát ma người nghèo bằng cách ngỏ lời giúp đỡ.

Trên thếp giấy kê toa, bác sĩ Bhagat viết bằng chữ li ti, nắn nót: *Bệnh nhân vốn bản tính chan hòa, ngoan ngoãn, vui tươi giờ đây bộc lộ kiểu tính cách bất tuân, nổi loạn.*

Ông bảo họ đừng lo. Ông kê cho họ một đơn thuốc. Thuốc (mà ông luôn kê cho mọi người) sẽ giúp chị bình tâm lại, ông nói, và cho chị vài giấc ngủ ngon, sau đó thì ông sẽ

cần gấp trực tiếp chị.

Anjum nhất định không chịu uống thuốc.

Dần dà, tính trầm lặng ở chị nhường chỗ cho cái gì khác, cái gì đó bồn chồn và cáu kỉnh. Nó chảy qua huyết quản chị như cuộc nổi loạn ngấm ngấm, một sự quật khởi điên cuồng chống lại cả đời hạnh phúc phỉnh phờ mà chị cảm thấy mình bị tuyên án.

Chị bỏ thêm đơn thuốc của bác sĩ Bhagat vào những thứ mình đã chất đống trong sân, những thứ chị từng cung quý, rồi quệt que diêm. Trong số những thứ bị đốt có:

Ba cuốn phim tài liệu (về chị)

Hai cuốn sách hình bóng loáng (hình chị)

Bảy hình minh họa trong các tạp chí nước ngoài (về chị)

Một album các bài cắt ra từ báo nước ngoài bằng hơn mười ba thứ tiếng bao gồm cả tờ *New York Times*, *London Times*, *Guardian*, *Boston Globe*, *Globe and Mail*, *Le Monde*, *Corriere della Sera*, *La Stampa* và *Die Zeit* (viết về chị).

Khói từ đồng lửa bốc lên khiến mọi người, kể cả con dê, sặc sụa. Khi tro nguội, chị trét tro lên mặt và tóc. Đêm đó Zainab dọn quần áo, giày dép, cặp sách và hộp bút chì hình tên lửa vào tủ của Saeeda. Nó không chịu ngủ với Anjum nữa.

“Mẹ không bao giờ thấy hạnh phúc cả,” là lý do chính xác, tàn nhẫn nó đưa ra.

Lòng tan nát, Anjum lôi hết đồ trong tủ thép Godrej ra,

gói ghém những y trang lộng lẫy - những bộ gharara bằng satin cùng sari đính kim sa, mấy đôi bông tai, lắc chân và vòng thủy tinh - vào các rương thiếc. Chị may cho mình hai bộ Pathan, một màu xám bồ câu và một màu nâu bùn; chị mua một cái áo đi mưa đã cũ và một đôi giày nam mà chị mang không tất. Một chiếc xe Tempo ọp ẹp tới và thế là cái tủ và các rương thiếc được chất lên. Chị bỏ đi mà không nói mình đi đâu.

Ngay cả khi ấy cũng không ai xem nặng chị. Họ tin chắc chị sẽ quay lại.



Chỉ với cuộc xe Tempo mười phút từ Khwabgah, vậy là lại một lần nữa Anjum bước vào một thế giới khác.

Đó là một khu nghĩa địa chưa người xâm chiếm, đồ nát, không lớn lắm và chỉ thỉnh thoảng mới có người chôn. Ranh giới phía bắc của nó giáp với một bệnh viện công và nhà xác nơi lưu giữ xác của người cù bơ cù bất cùng người chết chưa được nhận trong thành phố cho đến khi cảnh sát quyết định phải xử lý ra sao. Hầu hết được mang đến lò thiêu của thành phố. Nếu dễ nhận ra là người Hồi giáo thì họ được chôn trong những ngôi mộ không rõ rệt mà dần dà sẽ biến mất và đóng góp cho sự màu mỡ của đất với cái xanh um khác thường của những cây cổ thụ.

Những ngôi mộ được chính thức xây chỉ có chưa tới hai trăm. Những ngôi mộ xưa thì cầu kỳ hơn, có bia bằng đá

cắm thạch chạm khắc, những cái mới đây thì thô sơ hơn. Nhiều thế hệ gia đình Anjum được chôn ở đây - Mulaqat Ali, cha mẹ ông, ông bà của ông. Chị của Mulaqat Ali là bà Zeenat Kauser (bác của Anjum) được chôn cạnh ông. Sau Chia cắt, bà đã dọn tới Lahore, sống ở đấy được mười năm thì bà bỏ chồng con đó mà quay về Delhi, bà nói không thể sống ở đâu khác ngoài gần bên Jama Masjid ở Delhi. (Vì lý do nào đó mà thánh đường Badshahi ở Lahore không làm được cái thay thế.) Qua khỏi ba trận cảnh sát tìm cách phát văng bà với tư cách gián điệp Pakistan, bà Zeenat Kauser ở lại luôn Shahjahanabad trong căn phòng nhỏ xíu có cái bếp và tầm nhìn ra thánh đường yêu dấu của mình. Bà chia phòng với một góa phụ trạc tuổi mình. Bà kiếm sống bằng cách cung cấp korma dê cho một nhà hàng trong phố cổ mà các đoàn du khách nước ngoài đến thưởng thức món ăn địa phương. Ngày nào bà cũng khuấy đúng một cái nồi trong suốt ba mươi năm và có mùi korma như đàn bà khác thơm mùi tinh dầu và nước hoa. Ngay cả khi sự sống đã lìa xa, bà được chôn trong mộ có mùi như một bữa ăn Old Delhi ngon lành. Kế bên bà Zeenat Kauser là thi hài Bibi Ayesha, chị cả của Anjum, chết vì bệnh lao. Xa hơn một chút là mộ của dì Ahlam, bà mụ đỡ đẻ Anjum. Những năm trước khi chết, dì Ahlam đậm lẩn thẩn và béo phì. Dì thường uy phong lướt trên đường phố cổ, như một nữ hoàng bản thủ, mái tóc bấn cuộn bết lại thành tấm khăn lau cái ghét như thể vừa tươi tắn bước ra từ bồn tắm sữa lừ. Dì luôn xách theo một bao phân urê Kisan tả tơi nhồi

đầy những chai nước khoáng rỗng, những cánh điều rách nát, những tờ áp phích và biểu ngữ gấp cẩn thận bị bỏ lại sau các cuộc mít tinh chính trị lớn tổ chức gần chợ Ramlila. Những ngày lằm lì hơn, dì Ahlam sẽ xấp lại bắt chuyện với những kẻ mà dì đã giúp chào đời, hầu hết đã là đàn ông, đàn bà có con cái riêng, chửi mắng họ bằng thứ lời lẽ xấu xa nhất, nguyên rủa ngày họ sinh ra. Những lời lăng mạ của dì chưa bao giờ làm méch lòng ai; mọi người thường phản ứng lại bằng cái cười nhảu ngượng ngùng đến tận mang tai của mấy người được gọi lên sân khấu làm chuột lang trong các trò ảo thuật. Dì Ahlam luôn được mời ăn, luôn được mời tá túc. Dì nhận đồ ăn - đầy hân học - cứ như dì đang ban đại ân cho người mời, nhưng dì khước từ lời mời tá túc. Dì cứ nhất định ở ngoài trời suốt những mùa hè nóng nực nhất và mùa đông giá rét nhất. Một sáng mọi người thấy dì đã chết, ngồi thẳng tắp bên ngoài tiệm văn phòng phẩm photo Alif Zed, hai tay ôm bao phân urê Kisan của dì. Bà Jahanara nhất mực phải chôn dì trong nghĩa địa của dòng họ. Bà cho người tắm rửa mặc đồ cho thi thể và mời thầy tế đọc kinh lần cuối. Suy cho cùng, dì Ahlam đã đỡ đẻ cho cả năm đứa con của bà.

Kế bên mộ dì Ahlam là mộ của một phụ nữ có ghi (bằng tiếng Anh) “Begum Renata Mumtaz Madam”. Begum Renata là một vũ công múa bụng người Romania lớn lên ở Bucharest mơ về Ấn Độ và các hình thức múa cổ truyền của nó. Mới mười chín tuổi cô đã quá giang xe băng châu

lục tới Delhi. Nơi cô gặp phải một tay sư phụ dạy Kathak xoàng xĩnh lợi dụng thân xác cô nhưng chẳng dạy múa cho cô là mấy. Để kiếm sống, cô bèn biểu diễn tạp kỹ tại Rosebud Rest-O-Bar tọa lạc trong vườn hồng - dân địa phương gọi là vườn không có hoa hồng - trong phế tích Feroz Shah Kotla, thành phố thứ năm trong bảy thành cổ của Delhi. *Nghệ danh* của Renata là Mumtaz. Cô chết trẻ sau mối tình ngang trái vì một tên lừa đảo chuyên nghiệp cao chạy xa bay cùng toàn bộ tiền cô dành dụm được. Renata tiếp tục ngóng chờ dù biết hẳn đã lừa dối mình. Cô đâm quần trí, thử dùng bùa ngải và gọi hồn. Cô bắt đầu có những lần xuất thần hồi lâu, khi đó da cô nổi mụn nhọt lở loét còn giọng trầm đục và lạo xạo như đàn ông. Hoàn cảnh cô qua đời vẫn chưa rõ ràng, dù ai cũng cho đó là quyền sinh. Chính Roshan Lal, trưởng phục vụ lăm lè ở quán Rosebud Rest-O-Bar, người cộc lốc ưa răn dạy, tai họa cho mọi cô vũ công (và là cái bia cho mọi đùa cợt của họ), cũng ngạc nhiên khi anh tự đứng ra lo tang ma và đem hoa viếng mộ cô, một lần, hai lần, và rồi trước khi anh kịp nhận ra thì mỗi thứ Ba (ngày anh được nghỉ làm). Anh là người cho xây bia khắc tên cô và là người chủ trương “duy tu” cho nó, như anh nói. Chính anh là người thêm “Begum” và “Madam”, tiền tố và hậu tố sau khi chết vào tên cô trên tấm bia. Renata Mumtaz mất đến nay đã mười bảy năm. Roshan Lal bị giãn tĩnh mạch chạy lên tận ống quyển khằng khiu và bị điếc một bên tai, nhưng anh vẫn đến, lạch cạch vào nghĩa địa trên chiếc xe đạp đen cũ kỹ, đem hoa tươi - cúc huân

chương, những bông hồng hạ giá, và khi túng ngặt thì vài xâu hoa nhài mua của bọn trẻ ở mấy trục đèn giao thông.

Ngoài những ngôi mộ chính ra còn có vài ngôi mộ mà xuất xứ gây tranh cãi. Ví dụ như ngôi mộ chỉ ghi sơ sài “Badshah”. Một số người một mực cho rằng Badshah là một Hoàng tử Mughal nhỏ bị người Anh treo cổ sau cuộc nổi loạn năm 1857, trong khi những người khác lại tin ông là một nhà thơ Sufi người Afghanistan. Một ngôi mộ khác chỉ có vồn vện cái tên “Islahi”. Có người nói ông là tướng trong đội quân của Hoàng đế Shah Alam II, người khác thì cương quyết nói ông là tên ma cô trong vùng bị một cô gái điếm ông lừa dối đâm đến chết vào những năm 1960. Bao giờ cũng vậy, mọi người tin vào điều họ muốn tin.

Đêm đầu ở nghĩa địa, sau một vòng làm quen, Anjum kê cái tủ Godrej và ít tư trang gần mộ Mulaqat Ali rồi trải thảm cùng chăn mền ra giữa mộ dì Ahlam với mộ Begum Renata Mumtaz Madam. Chẳng có gì phải ngạc nhiên, chị không ngủ. Không phải là có ai trong nghĩa địa quấy phá chị - không có quỷ đến làm quen, không có ma đến dọa ám. Đám nghiệm xì ke ở phía bắc nghĩa địa - những cái bóng chỉ đậm hơn bóng đêm một chút - túm năm tùm ba trên mấy gò rác thải bệnh viện giữa cả biển bông băng bẩn và ống tiêm dùng rồi, dường như chẳng hề chú ý đến chị. Phía nam, từng cụm người vô gia cư ngồi quanh đồng lửa nấu bữa ăn đạm bạc, ám mùi khói. Chó hoang, mạnh khỏe hơn người, lễ phép ngồi cách một quãng, lễ phép đợi đồ thừa.

Trong khung cảnh đó, bình thường thì Anjum đã gặp mỗi nguy nào đó. Nhưng nỗi phiền muộn chở che cho chị. Cuối cùng cũng được cởi trói khỏi định lệ xã hội, nó vươn lên quanh chị vô cùng đường bệ - một pháo đài, có thành lũy, tháp canh, ngục thất và những bức tường rì rầm như một đám đông đang tiến đến. Chị rồn rảng đi khắp các gian buồng mạ vàng của nó như một kẻ lánh nạn chạy trốn chính mình. Chị cố xua đi cái đám người vàng nghệ với nụ cười vàng nghệ truy đuổi chị cùng những hài nhi bị đâm xuyên trên đầu mũi đinh ba vàng nghệ, nhưng chúng không chịu giải tán. Chị cố sập cửa không tiếp cù Zakir, nằm gập ngay ngắn giữa lòng đường, như một con chim gập bằng tiền cứng giòn của cù. Nhưng cù cứ đi theo chị, người gập lại, xuyên qua những lần cửa đóng trên tấm thảm bay. Chị cố quên đi cách cù nhìn chị ngay trước khi ánh sáng trong mắt cù lịm tắt. Nhưng cù không để chị quên.

Chị cố nói với cù rằng chị đã can đảm chống cù khi chúng lôi chị khỏi tấm thân đã không còn sự sống của cù.

Nhưng chị biết thừa mình đã không làm vậy.

Chị cố không còn hay biết nữa những gì chúng đã làm với bao người khác - chúng làm đàn ông gập lại còn đàn bà duỗi ra. Cuối cùng chúng xé toạc tứ chi họ rồi chất lên đám lửa.

Nhưng chị biết thừa là mình biết.

Chúng.

Chúng nào?

Đội quân của Newton, được triển khai để tung ra một phản lực ngang bằng và ngược chiều. Ba mươi nghìn con vệt đuôi dài vàng nghệ với vuốt thép và mỏ dính máu, cả đám nhất loạt quàng quạc:

Mussulman ka ek hi sthan! Qabristan ya Pakistan!

Chỉ có một chỗ cho tín đồ Hồi giáo! Nghĩa địa hoặc Pakistan!

Anjum, giả chết, nằm vắt qua người cụ Zakir. Xác giả của một đàn bà giả. Nhưng bấy vệt, dù chúng là - hay giả vờ là - người ăn chay đích thực (đây là điều kiện tối thiểu để tòng quân), hít hít đánh hơi với vẻ bộ tịch và thuần thực của chó săn. Đương nhiên chúng tìm thấy chị. Ba mươi nghìn giọng cùng hòa âm, nhại giọng Birbal của sư phụ Kulsoom Bi:

Ai Hai! Saali Randi Hijra! Đã đực hijra. Đã đực hijra Hồi giáo.

Một giọng khác vang lên, cao và lo lắng, một con chim khác:

Nahi yaar, mat maro, Hijron ka maarna apshagun hota hai.

Đừng giết nó, người anh em, giết hijra xui xẻo lắm.

Xui xẻo!

Không gì khiến lũ giết người kia khiếp sợ cho bằng gặp xui xẻo. Suy cho cùng, chính vì để ngừa xui xẻo mà mấy

ngón tay nắm chặt gươm chém xoèn xoẹt và dao găm loang loáng mới đeo đầy đá may mắn khảm trong những chiếc nhẫn vàng dày cui. Để ngựa xui xẻo mà mấy cổ tay nắm dùi cui sắt nện người ta đến chết điểm trang sợi chỉ đỏ puja được các mẹ trù mền buộc cho. Đã có bao biện pháp phòng ngựa này rồi, cố ý rước xui xẻo về làm gì?

Thế nên chúng đứng lù lù trước mặt và bắt chị hô khẩu hiệu của chúng.

Bharat Mata Ki Jail Vande Mataram!

Chị hô. Khóc lóc, run rẩy, nhục nhã hơn xa cơn ác mộng kinh khiếp nhất.

Chiến thắng cho Mẹ Ân! Kính chào Mẹ Ân!

Chúng để chị sống. Không chết. Không thương tích. Không gập lại hay duỗi. Một mình chị thôi. Để *chúng* được ban cho may mắn.

May mắn của lũ đồ tể.

Chị chỉ là vậy thôi. Và chị càng sống lâu, chị càng mang lại nhiều may mắn cho chúng.

Chị cố không còn hay biết gì cái chi tiết nhỏ đó khi chị rồn rảng đi qua pháo đài của riêng mình. Nhưng chị không làm được. Chị biết rõ là mình biết rõ là mình biết rõ.

Ông Thủ hiến với đôi mắt lạnh lẽo và cái trán đỏ tươi sẽ đi tiếp để giành thắng lợi đợt tuyển cử tiếp theo. Ngay cả khi Chính phủ của Thủ tướng - nhà thơ ở trung ương đã đổ, ông vẫn đặc cử hết lượt này đến lượt khác ở Gujarat. Vài

người tin rằng ông phải chịu trách nhiệm về các vụ thảm sát, nhưng những kẻ bầu ông thì gọi ông là Gujarat ka Lalla. Con cưng của Gujarat.



Anjum sống trong nghĩa địa hàng tháng trời, một cái bóng thân tàn ma dại, ám ảnh còn hơn cả mọi ma quỷ oan hồn trú ngụ nơi đây, phục kích các tang quyến đến chôn người đã khuất với nỗi đau dữ dội, mặc sức đến mức vượt xa nỗi đau của họ. Chị thôi không chăm chút ăn mặc nữa, không nhuộm tóc nữa. Tóc bạc trắng từ chân tóc, rồi bất chợt xuống tới nửa chừng lại đen tuyền, khiến chị trông, ừm... *văn vện*. Lông mặt, thứ chị từng sợ gần như hơn bất cứ thứ gì, xuất hiện trên cằm và hai má như sương giá lơ mờ (may làm sao cả đời tiêm hormone rẻ tiền đã ngăn nó mọc rậm rì thành cả bộ râu). Một cái răng cửa, đỏ đậm vì nhai trầu, lung lay trong nướu. Khi chị nói hay cười, mà cũng rất hiếm khi, cái răng cứ thụt lên thụt xuống thấy dễ sợ, như một phím đàn harmonium gõ nốt riêng. Nhưng mà cái dễ sợ cũng có điểm hay - nó làm thiên hạ khiếp hãi và khiến lũ nhóc hư đốn, văng tục, ném đá tránh xa.

Ông D. D. Gupta, một khách hàng của Anjum lúc trước, cảm tình ông dành cho chị đã vượt lên ham muốn trần tục từ lâu, lần tìm ra chị và đến nghĩa địa thăm. Ông là một nhà thầu ở Karol Bagh chuyên mua và cung cấp vật liệu xây dựng - thép, xi măng, đá, gạch. Ông trích một lô ít gạch

và vài tấm amiăng từ công trình của một khách hàng giàu có qua giúp Anjum xây một cái chái nhỏ, tạm bợ - không có gì bày biện, chỉ là một phòng kho để chị cất đồ đạc khóa lại nếu cần. Thỉnh thoảng ông Gupta đến thăm chị cho yên bụng là chị được chu cấp và không làm gì thiệt thân. Khi ông chuyển đến Baghdad sau khi Mỹ xâm lược Iraq (để tranh thủ nhu cầu tường bê tông gia cố đang tăng cao), ông nhờ vợ cho tài xế mỗi tuần ít nhất ba lần đem đến cho Anjum một bữa ăn nóng. Bà Gupta, nghĩ mình là một Gopi, nữ nhân sùng bái thần Krishna, theo người xem chỉ tay cho bà, đang sống hết kiếp thứ bảy và là cuối cùng trong vòng luân hồi. Điều này cho bà đặc quyền muốn ăn ở sao cũng được mà không phải lo đền tội trong kiếp sau. Bà cũng có những dan díu của mình, mặc dù bà cứ nói khi đạt khoái cảm thì cái đê mê bà cảm thấy đó là đối với một thần linh chứ không phải cho nhân tình. Bà rất mê chồng nhưng lại nhẹ nhõm khi mình đỡ phải lo cho cái ham muốn của ông, nên rất vui vẻ giúp ông chút chuyện nhỏ này.

Trước khi đi, ông Gupta mua cho Anjum một chiếc điện thoại di động rẻ tiền và chỉ cho chị làm sao để trả lời (những cuộc gọi đến thì không tốn tiền) và làm sao để gọi lại cho ông, cái ông mô tả là “cuộc gọi nhớ” nếu chị cần nói chuyện với ông. Mới một tuần Anjum đã làm mất, nên khi ông Gupta gọi từ Baghdad về thì một tên say xỉn nghe máy cứ khóc lóc và đòi nói chuyện với mẹ hắn.

Ngoài thịnh tình này Anjum còn đón tiếp những vị khách

khác nữa. Saeeda dẫn Zainab đến vài lần, con bé hình như tàn nhẫn, nhưng thật ra là bị tổn thương. (Khi Saeeda nhận ra rằng những lần đến thăm này khiến cả Anjum lẫn Zainab quá đau lòng, chị không đưa nó đến nữa.) Em trai của Anjum, Saqib, mỗi tuần đến một lần. Dích thân sư phụ Kulsoom Bi, có bạn là cụ Haji, và có khi là Bismillah đi kèm, ngồi xích lô đến. Bà lo liệu cho Anjum được nhận khoản trợ cấp nhỏ từ Khwabgah, gửi đến cho chị bằng tiền mặt trong phong bì vào mỗi đầu tháng.

Người đến thăm nhiều nhất là thầy Hameed. Ngày nào ông cũng đến trừ các thứ Tư và Chủ nhật, đến lúc bình minh hay chạng vạng, ngồi trên một mộ ai đó với cây đàn harmonium của Anjum rồi bắt đầu buổi *riaz** đầy ám ảnh, Raag Lalit buổi sáng, Raag Shuddh Kalyan lúc chiều hôm - *Turn bin kaim khabar mori lait...* Còn ai ngoài bạn hỏi thăm tôi? Ông cố tình lờ đi những tiếng hò hét xúc phạm yêu cầu bài hit mới nhất của Bollywood hay qawwali* nổi tiếng (mười lần thì hết chín lần là *Dum-a-Dum Mast Qalandar*) của bọn ma cà bông và đám trôi sông lạc chợ xúm lại bên ngoài đường ranh vô hình của cái mà do đồng thuận được đánh dấu là lãnh thổ của Anjum. Thỉnh thoảng những cái bóng thăm thương bên rìa nghĩa địa đứng dậy trong cơn chệnh choáng mơ màng vì rượu hay ma túy và lờ đờ nhảy theo nhịp điệu riêng. Khi ánh sáng tàn lụi (hay hừng lên) và giọng nhẹ nhàng của thầy Hameed ngân lên trên khung cảnh điêu tàn và những cư dân tàn tạ, Anjum ngồi xếp

bằng đầu lưng với thầy Hameed trên nắm mộ của Begum Renata Mumtaz Madam. Chị không chịu nói chuyện hay nhìn ông. Ông cũng chẳng bận lòng. Nhìn đôi vai im lìm của chị là ông biết chị đang lắng nghe. Ông hiểu chị quá rõ; ông tin rằng nếu không phải ông, thì chắc chắn là âm nhạc, cũng sẽ thấu hiểu chị như vậy.

Nhưng lòng tốt hay sự tàn nhẫn gì cũng không dụ được Anjum quay về với đời sống cũ ở Khwabgah. Phải nhiều năm thì sóng triều buồn đau và sợ hãi mới dịu đi. Những chuyến viếng thăm hàng ngày của thầy tế Ziauddin, những trò cãi vặt (và có khi thâm sâu) giữa họ, và lời yêu cầu Anjum mỗi sáng đọc báo cho lão nghe, góp phần lôi chị về với đời. Dần dà Pháo đài Phiên muộn thu nhỏ lại thành một chốn trú ngụ có kích cỡ đáng được. Nó trở thành mái nhà; một chốn cho nỗi sầu lắng xuống và có thể, lường trước được - khủng khiếp, nhưng đáng tin. Lũ người vàng nghệ tra gươm vào bao, hạ đỉnh ba xuống và hiền lành quay về với cuộc sống làm lưng hàng ngày, mở cửa, tuân lệnh, đánh đập vợ và chờ thời cho đến chuyến du ngoạn đầm máu kế tiếp. Lũ vẹt vàng nghệ cụp móng vuốt và trở lại màu xanh, ngụy trang trong những cành cây đa mà lũ kền kền lưng bạc và chim sẻ đã biết tắm. Những đàn ông gấp khúc và đàn bà duỗi dài đến thăm ít thường xuyên hơn. Chỉ có cụ Zakir, gập mình gọn gàng, là không chịu đi cho. Nhưng cuối cùng, thay vì cứ lảo đảo đi theo, ông dọn vào ở với chị và trở thành người bầu bạn thường trực dễ chịu.

Anjum lại bắt đầu chải chuốt. Chị nhuộm tóc, biến nó thành màu cam rực lửa. Chị đi tẩy lông mặt, nhổ cái răng lung lay và trồng lại cái mới. Một cái răng trắng bóc giờ đây sáng bóng như ngà voi giữa những chân răng đỏ đậm tưởng là răng. Nhìn chung nó chỉ đỡ đáng ngại hơn trật tự trước một chút. Chị vẫn mặc mấy bộ Pathan nhưng đặt may những bộ mới màu dịu hơn, xanh nhạt và hồng phấn, chị mặc cùng với mấy tấm dupatta* đính kim sa và in hoa cũ. Chị đã tăng cân chút xíu nên mặc vừa vặn áo quần mới thật quyến rũ, thoải mái.

Nhưng Anjum không bao giờ quên mình chỉ là May mắn của Bọn đồ tể. Đến hết đời, ngay cả khi nó có vẻ khác đi, mối quan hệ của chị với Phần Đời Còn Lại vẫn cứ bấp bênh và liều lĩnh.

Khi Pháo đài Phiên muộn thu nhỏ lại thì cái lán tôn của Anjum to lên. Mới đầu nó lớn lên thành cái chòi vừa kê một chiếc giường, rồi thành một túp nhà nhỏ có căn bếp bé xíu. Để không lôi kéo những chú ý không nên, chị chừa phần tường bên ngoài lại lam nham lở nhở. Bên trong chị quét vữa rồi sơn một sắc hồng vân anh khác lạ. Chị xây cái nóc bằng sa thạch có xà sắt đỡ, nó cho chị một sân thượng mà khi đông đến, chị kê cái ghế nhựa ngồi hong tóc và sưởi hai ống chân nứt nẻ đóng vảy, trong khi quan sát lãnh địa của người chết. Để sơn cửa chính và cửa sổ chị chọn màu quả hồ trăn nhạt. Chuột Gộc, giờ đang sắp thành thiếu nữ, lại bắt đầu đến thăm chị. Con bé luôn đến cùng Saeeda, và

không bao giờ ở lại qua đêm. Anjum không bao giờ yêu cầu hay nài nỉ, hay ngay cả để lộ tình cảm. Nhưng nỗi đau từ vết thương không bao giờ dịu, không bao giờ vui. Về chuyện này thì trái tim chị thực tình là không chịu lành.

Cứ vài tháng chính quyền thành phố lại dán thông cáo trên cửa trước nhà Anjum nói rằng nghiêm cấm những người chiếm đất sống trong nghĩa địa, và mọi công trình xây dựng chưa được cấp phép đều sẽ bị đập bỏ trong vòng một tuần. Chị nói với họ rằng mình không sống trong nghĩa địa, chị đang chết mòn trong đó - và chuyện này thì không cần chính quyền thành phố cho phép bởi vì chị được chính Thượng Đế cho phép rồi.

Các quan chức thành phố đến gặp chị không ai đủ đàn ông để đưa vấn đề đi xa hơn, để rồi chịu cái rủi ro bị bẽ mặt vì những khả năng đã thành huyền thoại của chị. Còn nữa, như bao người khác, họ sợ bị hijra trù mật. Vậy nên họ chọn đường lối đầu dịu và những nhiều vật. Họ đành chịu một khoản tiền không phải là không đáng kể trả cho họ, cùng với một bữa ăn không phải đồ chay, vào ngày Diwali* và cả ngày Eid. Hai bên còn thỏa thuận là nếu mở mang coi nói căn nhà thì khoản tiền cũng sẽ tăng lên tương ứng.

Dần dà Anjum cho xây bao lấy mộ phần của người thân và dựng các phòng xung quanh. Mỗi phòng có một ngôi mộ (hoặc hai) và một chiếc giường. Hoặc hai. Chị xây một nhà tắm riêng biệt và một nhà vệ sinh có hố tự hoại riêng. Nước thì chị dùng máy bơm tay công cộng. Thầy tế Ziauddin,

đang bị vợ chồng con trai đối xử tệ bạc, sớm thành khách thường trực. Lão chẳng mấy khi về nhà nữa. Anjum bắt đầu đem vài phòng cho những du khách nghèo mạt thuê (quảng cáo thì tuyệt đối chỉ rỉ tai nhau). Cũng không có mấy khách thuê vì hiển nhiên môi trường và khung cảnh, ấy là chưa nói chính chị chủ nhà trọ, không phải ai cũng ưa. Còn nữa, cũng phải nói rằng không phải ai cũng hợp ý chủ nhà trọ. Anjum thất thường và phi lý trong chuyện nhận ai và đuổi ai - thường với sự thô lỗ vô cớ và hoàn toàn vô lý đến mức gần như lãng nhục (*Ai kêu mà y tới đây? Đi mà tự vọc dít mà y đi*), đôi lúc cùng tiếng gào ma quái, man dại.

Cái hay của nhà trọ trong nghĩa địa là không như mọi khu vực khác trong thành phố, kể cả những chỗ xa hoa nhất, nó không phải chịu cảnh cúp điện. Ngay cả trong mùa hè. Đó là bởi vì Anjum câu trộm điện từ nhà xác, nơi thi thể cần đông lạnh thường trực. (Người bản cùng của thành phố nằm đấy trong cái lộng lẫy có điều hòa chưa bao giờ trải qua lúc còn sống.) Anjum gọi nhà trọ là Jannat. Thiên đường. Chị để ti vi mở cả ngày đêm. Chị nói mình cần tiếng ồn để bình tâm. Chị năng xem tin tức và trở thành nhà phân tích chính trị sắc sảo. Chị còn xem những bộ phim truyền hình tiếng Hindi và các kênh điện ảnh tiếng Anh. Chị đặc biệt thích mấy bộ phim ma cà rồng hạng B của Hollywood và cứ xem đi xem lại chừng đó phim. Tất nhiên chị không thể hiểu lời thoại, nhưng chị hiểu ma cà rồng khá rõ.

Lâu dần nhà trọ Jannat trở thành tụ điểm cho dân hijra, những người mà vì những lý do này họ đã bỏ đi hoặc bị trục xuất khỏi mạng lưới Hijra Gharana vốn được quản lý chặt chẽ. Khi tiếng lành đồn xa về nhà trọ mới xây trong nghĩa địa, bạn bè thuở xưa lại xuất hiện, khó tin nhất là Nimmo Gorakhpuri. Khi mới gặp, Anjum và chị ta ôm nhau mà khóc như những người yêu bất hạnh tái hợp sau bao lâu xa cách. Nimmo thành khách quen, thường ở lại một hơi hai, ba ngày với Anjum. Chị ta lớn phổng, có một vóc dáng đầy đà, lộng lẫy, đeo trang sức, xức nước hoa và chải chuốt không chê vào đâu được. Chị ta lái chiếc Maruti 800 nhỏ màu trắng từ Mewat tới, cách Delhi hai giờ xe, ở đó chị ta sở hữu hai căn hộ và một nông trại nhỏ. Chị đã thành một đầu nậu nhập dê nước ngoài về bán giá cao cho người Hồi giáo giàu có ở Delhi và Bombay để giết thịt trong ngày Bakr-Eid. Chị ta cười khúc khích kể cho bạn cũ nghe những mảnh lời thương trường và mô tả những thủ đoạn gian lận vỗ béo dê trong đêm, cũng như các thủ đoạn làm giá dê trên thị trường trước ngày Eid. Chị ta nói năm sau sẽ bán hàng trên mạng. Anjum với chị cùng đồng ý là vì những ngày tươi đẹp xưa, họ sẽ cùng ăn mừng ngày Bakr-Eid sắp tới ở nghĩa địa với món hàng ngon nhất Nimmo có trong kho. Chị ta cho Anjum xem hình mấy con dê trong cái điện thoại di động mới phô trương. Chị ta bị ám ảnh với mấy con dê cũng như đã có thời ám ảnh thời trang phụ nữ phương Tây. Chị chỉ Anjum cách phân biệt giống dê Jamnapari với

Barbari, giống dê Etawa với Sojat. Rồi chị cho Anjum xem một tin nhắn có con gà trống dường như gáy “*Ya Allah!*” mỗi khi đập cánh. Anjum phục sát đất. *Ngay cả một con gà mái ngu ngơ cũng biết!* Từ đó trở đi niềm tin trong chị thêm sâu đậm.

Giữ lời, Nimmo Gorakhpuri tặng Anjum một con dê con lông đen có cặp sừng cong, như trong Kinh Thánh, Nimmo nói, cùng loại với con Hazrat Ibrahim hiến tế trên núi thay cho đứa con trai duy nhất của mình là Ishaq, chỉ khác là con của họ lông trắng. Anjum cho con dê vào một phòng riêng (với một nắm mồi riêng) và trù mẩn nuôi nấng nó. Chị cố yêu thương nó nhiều như Ibrahim yêu thương Ishaq. Suy cho cùng, tình thương là yếu tố tách sự hiến tế với việc giết mổ bình thường hàng ngày. Chị tết cho nó cái vòng cổ kim tuyến và đeo chuông vào cổ chân nó. Nó cũng yêu quý chị, đi đâu nó cũng đi theo. (Chị cẩn thận tháo chuông ở cổ chân nó giấu đi khi Zainab đến chơi, bởi chị biết thứ đó sẽ dẫn đến chuyện gì.) Đến ngày Eid năm đó, phố cổ nhan nhản lạc đà vô dụng với những hình xăm đã phai, trâu và dê to như mấy con ngựa non, chờ bị giết thịt. Con dê của Anjum đã cao lớn, hơn một mét, đầy cả thịt nạc và thịt bắp, cặp mắt vàng nghiêng nghiêng. Mọi người đến nghĩa địa chỉ để được xem nó.

Anjum dẫn trước Imran Qureishi, ngôi sao đang lên trong đám đồ trẻ mới ở Shahjahanabad, để làm lễ hiến tế. Anh ta đã được vài người đặt hàng trước rồi nên nói

phải chiều tối mới đến được. Sáng ngày Bakr-Eid, Anjum biết nếu mình không thân chinh đến phố cổ đem anh ta về, bọn người chen ngang sẽ giành anh ta trước. Ăn mặc như đàn ông, trong bộ Pathan sạch sẽ, ủi thẳng, chị bỏ cả buổi sáng lẻo đẻo theo Imran từ nhà này sang nhà khác, góc phố này sang góc phố khác khi anh lo công chuyện. Cái hẹn cuối là với một chính trị gia, cựu thành viên của Hội đồng Lập pháp, đã thua lần bầu cử trước vì một chênh lệch phiếu bầu mất mặt. Để giảm thiểu thất bại và cho cử tri thấy rằng mình đã chuẩn bị cho đợt bầu cử tiếp theo, ông ta quyết định làm mặt khỏe khoang lòng mộ đạo thật hậu hĩ. Một con trâu nước láng mượt, béo tốt, da thoa dầu bóng loáng, bị lôi qua những đường phố chật hẹp chỉ rộng bằng thân mình nó, đến chỗ giao lộ có chỗ trống để xoay trở. Được đặt chéo, trói vào cột đèn với hai chân trước bị buộc chằng, nó cũng lọt khít vào cái gọi là giao lộ. Thiên hạ nô nức, mặc quần áo mới, bu đen ở cửa lớn, cửa sổ, ban công nhỏ xíu và sân thượng để xem Imran làm lễ hiến tế. Anh ta tới, len qua đám đông, mảnh khảnh, lạng lẽ, khiêm tốn. Khi tiếng rì rầm của đám đông ồn lên thì da con trâu bèn giật giật và mắt nó đảo quanh. Cái đầu to sụ với cặp sừng quét ra sau thành hình cung tròn dài bắt đầu quay tới quay lui, như thể nó đang say sưa theo một buổi hòa nhạc cổ điển. Bằng một động tác judo khéo léo Imran và phụ tá vật con trâu nằm nghiêng. Trong nháy mắt anh ta đã cắt đứt tĩnh mạch cổ của nó rồi tránh khỏi dòng suối máu vọt thẳng, đồng điệu cùng nhịp đập của trái tim thoi thóp. Máu phun

trên cửa chớp cửa tiệm đã kéo xuống, lên mặt các chính trị gia tươi cười trên những áp phích cũ kỹ rách bươm dán trên tường. Máu huyết tràn xuống đường ngang qua xe máy, xe tay ga, xe xích lô và xe đạp đang dừng. Mấy cô bé mang đôi dép dính cườm ré lên bước tránh đường đi của nó. Bọn con trai làm bộ không sợ gì, còn những đứa nghịch ngợm hơn giẫm nhẹ lên mấy vũng đỏ lôm rôi trầm trồ nhìn dấu giày đỏ máu của mình. Phải mất một lúc con trâu mới cạn máu mà chết. Xong xuôi, Imran mổ bụng moi nội tạng ra để giữa đường - tim, lá lách, dạ dày, gan, ruột. Vì con đường dốc xuôi, chúng bắt đầu trượt đi như những con thuyền hình thù kỳ lạ trên dòng sông máu. Phụ tá của Imran giải cứu chúng và đặt lại trên nền đất bằng phẳng hơn. Công đoạn lột da xẻ thịt sẽ được nhóm hỗ trợ thực hiện. Siêu sao lau con dao pha vào miếng giẻ, đưa mắt nhìn đám đông, bắt gặp ánh mắt Anjum thì gật đầu kín đáo. Anh ta len qua đám đông và đi khỏi. Anjum đuổi kịp anh ta ở ngã tư kế tiếp. Đường phố tấp nập. Da dê, sừng dê, sọ dê, óc dê và lòng ruột dê được gom lại, tách bạch ra và xếp thành từng đụn. Phân trong ruột được tống ra rồi được rửa kỹ và đun thành xà phòng và keo. Lũ mèo cắp chiến lợi phẩm ngon lành chạy trốn. Không có gì bị đổ đi.

Imran cùng Anjum đi bộ tới cổng Turkman rồi từ đó họ bắt xe lam về nghĩa địa.

Anjum, tạm thời lúc này làm người đàn ông trong nhà, gơ con dao trên con dê xinh đẹp của chị và đọc kinh.

Imran cắt tĩnh mạch nó, đè nó xuống khi nó giần giật và máu trào ra. Trong vòng hai mươi phút con dê đã được lột da, chặt thành từng miếng dễ dùng, rồi Imran ra về. Anjum phân thịt dê ra thành từng gói nhỏ để chia vật tế lễ như Kinh dạy: một phần ba cho gia đình, một phần ba cho bà con họ hàng, một phần ba cho người nghèo. Chị cho Roshan Lal, sáng đó đến để chào hỏi chị nhân ngày Eid, một gói đựng lười và một miếng đùi. Chị giữ lại những miếng ngon nhất cho Zainab, vừa tròn mười hai, và cho thầy Hameed.

Tối đó đám nghiên được một bữa ngon lành. Anjum, Nimmo Gorakhpuri và thầy tế Ziauddin ngồi trên sân thượng chén ba món thịt dê và cả núi cơm. Nimmo tặng Anjum một điện thoại di động có cài sẵn tin nhắn gà trống. Anjum ôm chị ta mà nói giờ đây mình cảm thấy có một đường dây trực tiếp với Thượng Đế. Họ xem tin nhắn gà trống thêm mấy bận nữa. Họ mô tả tỉ mỉ đoạn phim cho thầy tế Ziauddin, lão lắng nghe bằng mắt nhưng không hứng thú như họ với giá trị đầy thuyết phục của nó. Xong Anjum nhét cái điện thoại mới an toàn trong ngực. Cái này thì chị không làm mất. Ít tuần sau, nhờ sự giúp đỡ tận tình của anh tài xế vẫn đem tin nhắn từ ông chủ đến cho Anjum, D. D. Gupta có được số điện thoại mới của chị và lại liên lạc với chị từ Iraq, nơi mà xem ra ông quyết định sinh sống.

Buổi sáng sau ngày Bakr-Eid, nhà trọ Jannat đón người khách thường trực thứ hai - một thanh niên tự xưng là

Saddam Hussain. Anjum biết anh ít nhưng thích anh nhiều, nên chị cho anh thuê một phòng với giá bèo nhất - rẻ hơn thuê một phòng trong thành cổ.

Lần đầu Anjum gặp Saddam, anh làm việc trong nhà xác. Anh là một trong chừng mười thanh niên làm công việc lo liệu tử thi. Các bác sĩ Ấn giáo được yêu cầu tiến hành giải nghiệm cho mình là đẳng cấp cao nên không chịu động đến xác người chết vì sợ ô uế. Người thực chất lo liệu tử thi và tiến hành khám nghiệm tử thi được thuê làm lao công và thuộc về đẳng cấp quét rác và thợ thuộc da từng được gọi là Chamar*. Các bác sĩ, như hầu hết người Ấn giáo, coi khinh và xem họ là tiện dân không nên động vào. Các bác sĩ thường đứng cách xa lấy khăn tay bịt mũi và hò hét chỉ thị cho nhân viên rạch ở đâu và phải làm sao với lực phủ ngũ tạng. Có mỗi Saddam là người Hồi giáo trong số nhân viên vệ sinh làm việc trong nhà xác. Như họ, anh cũng trở thành gần như một bác sĩ phẫu thuật nghiệp dư.

Saddam có cái cười nhanh và hàng mi trông như vừa tập thể hình ra. Anh luôn triu mến chào hỏi Anjum và thường chạy mấy việc vặt vãnh cho chị - mua trứng và thuốc lá (chị không tin tưởng giao ai đi mua rau) hay hứng giúp xô nước nơi cái máy bơm những hôm chị đau lưng. Thỉnh thoảng, khi công việc ở nhà xác đỡ tấp nập (thường là vào tháng Chín đến tháng Mười một, khi người ngoài đường không chết như ruồi vì cái nóng, cái lạnh, hay sốt xuất huyết), Saddam sẽ tạt vào, Anjum pha trà và họ chia nhau điều

thuốc. Một ngày nọ anh biệt tăm mà không nhắn một lời. Khi chị hỏi, đồng nghiệp nói anh cãi nhau với một bác sĩ nên bị đuổi việc rồi. Khi anh lại xuất hiện vào buổi sáng sau ngày Eid đó, sau cả năm trời, anh trông hơi gầy guộc, hơi tả tơi, đi theo sau là một con ngựa cái lông trắng cũng gầy guộc, tả tơi như vậy mà anh nói tên là Payal. Anh ăn mặc sành điệu, quần jean áo thun đỏ có hàng chữ *Your Place or Mine?* (Chỗ của anh hay tôi?) Anh đeo kính râm ngay cả khi ở trong nhà. Anh cười khi Anjum trêu chọc, nhưng nói rằng chuyện đó không liên quan gì đến thời trang cả. Anh kể chị nghe câu chuyện kỳ lạ làm sao mà mắt anh bị bỏng vì một cái cây.

Sau khi bị đuổi việc ở nhà xác, Saddam nói, anh lang bạt từ việc này sang việc kia - anh giúp việc trong cửa tiệm, làm lơ xe buýt, bán báo ở nhà ga New Delhi và rút cuộc, do cùng đường, làm thợ hồ ở một công trình xây dựng. Một nhân viên bảo vệ của công trường đã thành bạn và đưa Saddam đến gặp chủ của anh, bà Sangeeta, hi vọng bà ta sẽ cho anh một công việc. Bà Sangeeta là một góa phụ mốp míp, xởi lởi, dù cho thuộc tip người vui vẻ và mê những bài hát Bollywood, nhưng là nhà tuyển dụng nhãn tâm, có công ty vệ sĩ dịch vụ Bảo vệ Bình An Vô Sự (BAVS)*, điều hành nhóm thường trực năm trăm vệ sĩ. Văn phòng bà, dưới tầng hầm một xưởng đóng chai, nằm trong vành đai công nghiệp mới mọc lên ở ngoại ô Delhi. Người ăn lương của bà ta làm việc mười hai tiếng mỗi ngày và sáu ngày một tuần. Bà

Sangeeta lấy hoa hồng hết sáu mươi phần trăm lương, nên họ khó mà đủ ăn và có một mái nhà che đầu. Thế nhưng họ vẫn lũ lượt đổ tới chỗ bà ta đến hàng nghìn - lính giải ngũ, công nhân bị sa thải, từng đoàn tàu đầy nhóc dân làng cùng quần, chân ướt chân ráo lên thành phố, người có học, người thất học, người đủ ăn, người đói khát. “Có nhiều công ty bảo vệ có văn phòng nằm cạnh nhau,” Saddam kể Anjum nghe. “Bọn tôi tạo nên một cảnh tượng thật khủng vào mỗi đầu tháng khi đến lãnh lương... hàng nghìn người... Ta có cảm tưởng như trong thành phố này chỉ có ba hạng người - bảo vệ, người cần bảo vệ, và trộm cướp.”

Bà Sangeeta nằm trong số những người trả lương cao hơn. Vì vậy mà bà ta có tiêu chuẩn chọn người. Bà ta thuê những người trông đỡ suy dinh dưỡng và cho họ nửa ngày huấn luyện - cơ bản là bà ta dạy họ cách đứng thẳng người, cách chào hỏi, cách nói “Vâng, thưa ông”, “Không, thưa ông”, “Chào buổi sáng, thưa ông” và “Chúc ngủ ngon, thưa ông”. Bà trang bị cho họ mũ, một cà vạt thắt sẵn gắn trên cái vòng co giãn, và hai bộ đồng phục có thêu chữ BAVS trên cầu vai. (Họ phải đóng một khoản thế chân cao hơn giá đồng phục phòng khi họ bỏ trốn mà không hoàn trả.) Bà ta rải nhúm quân của mình khắp thành phố. Họ canh giữ nhà dân, trường học, nông trang, ngân hàng, các cây ATM, cửa hiệu, trung tâm mua sắm, sảnh rạp phim, các khu dân cư có cổng bảo vệ, khách sạn, nhà hàng cùng các Đại sứ quán và Cao ủy của những nước nghèo hơn. Saddam

khai với bà Sangeeta tên mình là Dayachand (bởi vì thằng ngu nào cũng biết rằng trong xu thế thịnh hành thì một vệ sĩ có cái tên Hồi giáo sẽ được cho là sự mâu thuẫn về ngữ nghĩa). Là người có học, dễ coi, có sức khỏe tốt, anh dễ dàng nhận được việc. “Tôi sẽ để mắt đến anh,” bà Sangeeta bảo anh ngay hôm đầu tiên, nhìn từ đầu đến chân vẻ hài lòng. “Nếu anh chứng tỏ là một nhân viên tốt, trong vòng ba tháng tôi sẽ cho anh lên làm giám sát.” Bà cử anh đi trong nhóm mười hai nhân viên đến Bảo tàng Nghệ thuật đương đại Quốc gia, nơi mà một trong những nghệ sĩ đương đại nổi tiếng nhất Ấn Độ, một người xuất thân từ tỉnh ly vươn lên hàng ngôi sao quốc tế, đang tổ chức một buổi triển lãm cá nhân. An ninh cho buổi triển lãm được giao cho công ty Bình An Vô Sự.

Các vật triển lãm, những vật dụng hằng ngày làm bằng thép không gỉ - bể thép, xe máy thép, cân thép một bên có trái cây thép còn bên kia là những quả cần thép, tủ thép xếp đầy áo quần bằng thép, một bàn ăn thép bày đĩa thép và đồ ăn thép, một chiếc taxi thép cùng hành lý thép để trên giá thép - đặc sắc vì y như thật, được chiếu đèn đẹp đẽ và đặt trong nhiều phòng của bảo tàng, mỗi phòng có hai bảo vệ Bình An Vô Sự canh gác. Một vật trưng bày giá thấp nhất, Saddam nói, cũng bằng một căn hộ hai phòng ngủ LIG* (nhóm thu nhập thấp). Nên, cả thấy lại, theo anh tính, chúng trị giá bằng cả khu dân cư. *Art First*, một tạp chí nghệ thuật đương đại tân tiến thuộc sở hữu của một trùm

thép hàng đầu, là nhà tài trợ chính cho buổi triển lãm.

Saddam (Dayachand) được giao mỗi một nhiệm vụ là trông coi vật trưng bày dấu ấn của triển lãm - một cây đa bằng thép không gỉ tuyệt mỹ bằng cỡ phân nửa cây thật, nhưng hết như thật, có những sợi rễ kí sinh bằng thép không gỉ rủ chấm đất, tạo thành một lùm cây thép không gỉ. Cây được đặt trong một sọt gỗ khổng lồ, chuyển từ một phòng trưng bày ở New York đến. Anh đứng xem người ta lấy cây ra khỏi sọt và đặt trên sân cỏ của Bảo tàng Quốc gia, bắt vít xuống đất. Nó có những cái xô thép không gỉ, những hộp đựng bữa trưa thép không gỉ và nồi chảo thép không gỉ treo trên cành. (Gần như thể những người làm ruộng thép không gỉ đã treo những bữa trưa bằng thép lên đó trong khi họ cày những cánh đồng thép không gỉ và gieo những hạt giống thép không gỉ.)

“Chỗ đó thì tôi không hiểu nổi,” Saddam bảo Anjum.

“Những chỗ khác thì hiểu à?” Anjum hỏi, cười.

Người nghệ sĩ, sống ở Berlin, đã gửi về những chỉ dẫn nghiêm ngặt rằng ông không muốn dựng bất cứ hình thức hàng rào hay dây chằng nào quanh cái cây. Ông tha thiết muốn người xem tương tác trực tiếp với tác phẩm của ông, không rào chằng. Họ sẽ được phép chạm vào và đi tha thẩn qua lùm rễ cây nếu muốn. Hầu như ai cũng làm vậy, Saddam nói, trừ lúc mặt trời lên cao và sờ vào thép sẽ nóng bỏng. Nhiệm vụ của Saddam là canh để không ai khắc tên lên cây thép hay làm hỏng nó bằng bất cứ cách nào. Trách

nhiệm của anh còn là giữ cho cây được sạch sẽ và để ý lau sạch dấu tay từ hàng trăm bàn tay sờ vào cây. Để lo nhiệm vụ này anh được giao một cây thang thiết kế đặc biệt, do Johnson's Baby Oil cung cấp và mấy mảnh sari cũ mềm mịn. Đó có vẻ là một phương pháp bất khả thi, nhưng thực ra lại có hiệu quả. Cái khó không phải là lau chùi sạch cái cây, anh nói. Cái khó là để mắt đến nó khi mặt trời hắt nắng. Gần như thể bị yêu cầu để mắt nhìn mặt trời. Sau hai ngày đầu Saddam xin phép bà Sangeeta cho đeo kính râm. Bà khước từ đề nghị của anh, nói rằng chuyện đó sẽ không phù hợp và ban quản lý bảo tàng chắc chắn sẽ mếch lòng. Vậy nên Saddam nghĩ ra một cách là nhìn cái cây ít phút rồi nhìn đi chỗ khác. Dù là vậy, hết bảy tuần và cái cây lại được đóng sọt để chuyển đến Amsterdam cho buổi triển lãm kế tiếp của nhà nghệ sĩ, mắt của Saddam đã bị cháy xém. Hai mắt đau nhức và chảy nước liên tục. Anh thấy không thể nào mở mắt trong ánh sáng ban ngày trừ khi là đeo kính râm. Anh bị đuổi khỏi Công ty bảo vệ Bình An Vô Sự bởi vì không ai lại cần một tên bảo vệ tầm thường ăn mặc cứ như vệ sĩ của ngôi sao điện ảnh. Bà Sangeeta nói anh là nỗi thất vọng lớn nhất và hoàn toàn phụ lòng mong đợi của bà. Anh đáp lại bằng cách chửi bà bằng những từ khủng khiếp. Anh bị tống cổ khỏi văn phòng bà.

Anjum cười khục khặc tán thưởng khi Saddam kể những tiếng chửi ấy là gì. Chị cho anh căn phòng mà chị mới xây quanh mộ của chị Bibi Ayesha.

Saddam dựng một cái chuồng tạm thời giáp nhà tắm cho Payal. Con ngựa cái đứng đấy cả đêm, khịt khịt và dặng hắng, một bóng ma/mã* nhợt nhạt trong nghĩa địa. Ban ngày nó là cộng sự làm ăn của Saddam. Anh và con ngựa rảo quanh các bệnh viện lớn trong thành phố. Anh túc trực bên ngoài cổng bệnh viện và loay hoay với một cái móng của nó, gõ gõ đầy lo âu bằng cây búa nhỏ, vờ như đang đóng móng lại cho nó. Payal cũng đóng kịch theo trò bịp. Khi người nhà lo lắng của những bệnh nhân ốm nặng hỏi thì Saddam đành lòng chia tay cái móng ngựa cũ để đem lại may mắn cho họ. Với một cái giá. Anh còn có nguồn cung cấp thuốc - một số kháng sinh thường được kê, Crocin, si rô ho và một loạt dược thảo - mà anh bán cho những người lũ lượt kéo đến các bệnh viện lớn của nhà nước từ các làng quanh Delhi. Hầu hết họ ở luôn trong khuôn viên bệnh viện hoặc ngoài đường bởi họ nghèo rớt mồng tơi không đủ sức thuê bất cứ kiểu chỗ ở nào trong thành phố. Đêm lại, Saddam cưới Payal về nhà qua những con phố vắng như một hoàng tử. Trong phòng anh có một bao móng ngựa. Anh cho Anjum một cái mà chị treo trên tường cạnh cái ná cũ. Saddam còn có các việc kinh doanh phụ khác. Anh bán thức ăn cho chim bồ câu tại một số địa điểm trong thành phố mà những người đi xe máy dừng để cầu phúc chóng vánh bằng cách cho những sinh vật của Thượng Đế ăn. Những ngày không đến bệnh viện, Saddam sẽ ở đấy cùng từng túi nhỏ đựng hạt và tiền lẻ. Khi người

lái xe máy phóng đi rồi, khá thường xuyên, anh sẽ khiến lũ bồ câu buồn thiu, hốt chỗ hạt lên bỏ vào lại một túi, sẵn sàng cho khách hàng tiếp theo. Tất cả những thứ ấy - xí gạt đám bồ câu và bóc lột người nhà bệnh nhân - là một công việc mệt mỏi, nhất là vào mùa hè, thu nhập thì lại bấp bênh. Nhưng không việc nào dính tới ông chủ cả và đó là điểm chính.

Saddam dọn đến được ít lâu thì Anjum và anh, hợp tác với thầy tế Ziauddin, mở một việc làm ăn mới. Chuyện bắt đầu một cách tình cờ rồi cứ vậy tiến triển. Một buổi chiều anh Anwar, chủ một nhà thổ gần đó trên đường GB, đến nghĩa địa cùng thi thể của Rubina, một cô gái của anh ta, đột tử vì viêm ruột thừa. Anh ta đến cùng tám phụ nữ trẻ trùm burqa, một thằng bé lên ba lẻo đẻo theo sau, con trai của Anwar với một cô trong số đó. Ai nấy đều thiếu não và tức tối, không chỉ vì Rubina qua đời, mà còn vì bệnh viện trả thi thể cô về nhưng không còn đôi mắt. Bệnh viện nói chuột đã moi mất mắt trong nhà xác. Nhưng Anwar cùng các đồng nghiệp của Rubina tin rằng mắt của Rubina đã kẻ nào đó trộm mất mà hẳn biết một đám gái điếm và gã ma cô của họ khó mà đi khiêu nại với cảnh sát. Nếu vậy còn chưa đủ tồi tệ thì, bởi cái địa chỉ ghi trên giấy chứng tử (đường GB), Anwar không tìm đâu ra một nhà tắm để tắm rửa thi thể Rubina, một nghĩa địa để chôn cô, hay một thầy tế để đọc kinh cầu nguyện.

Saddam bảo rằng họ đến đúng chỗ rồi. Anh mời họ ngồi

rồi lấy cho họ cái gì lạnh để uống trong khi anh quây một chỗ đằng sau nhà trọ bằng mấy cái dupatta cũ của Anjum quần quanh bốn cọc tre. Bên trong anh kê một miếng ván cách mặt đất trên mấy viên gạch, phủ một tấm nhựa rồi bảo các cô đặt xác Rubina lên. Anh với Anwar hứng nước ở vòi bơm vào xô và vài hộp sơn cũ rồi xách đến cái nhà tắm tạm bợ. Cái xác cứng đờ rồi nên phải cắt quần áo của Rubina ra. (Saddam mang ra một chiếc lưỡi lam). Trìu mẩn, vỗ về bên xác cô như một đàn quạ, mấy phụ nữ tắm rửa cho cô, thoa xà phòng lên cổ, tai, ngón chân cô. Cũng trìu mẩn như vậy họ trông chừng nghiêm ngặt bất cứ ai trong số họ có thể thấy muốn rút nhanh bỏ túi một chiếc vòng, một chiếc nhẫn chân hay mặt dây chuyền xinh đẹp của cô. (Toàn bộ nữ trang - giả lẫn thật - sẽ được nộp cho Anwar.) Mehrunissa lo rằng nước quá lạnh. Sulekha cứ nhất quyết là Rubina đã mở mắt ra rồi nhắm lại (và một tia sáng thiêng liêng tỏa ra từ nơi từng có đôi mắt). Zeenat đi mua một tấm khăn liệm. Trong khi Rubina được sửa soạn cho hành trình cuối, thằng bé con của Anwar, mặc bộ đồ yếm vải jean và đội chiếc mũ cầu nguyện, bước tới bước lui, đi kiêu chân ngồng như lính gác điện Kremlin, để khoe đôi dép Crocs (hàng nhái) màu tím hoa cà mới toanh đính hoa. Thằng bé nhai Kurkure xào xạo từ trong gói Anjum cho nó. Thỉnh thoảng nó cố ló nhìn vào lán để xem mẹ với các dì (mà trong cả quãng đời ngắn ngủi của mình nó chưa từng thấy trùm burqa) đang làm gì.

Lúc thi thể được tắm rửa xong xuôi, lau khô, xúc nước hoa và quần trong tấm khăn liệm, Saddam, được hai tên nghiện giúp một tay, đã đào được một cái huyệt khá sâu. Thầy tế Ziauddin đọc kinh cầu nguyện và thi thể của Rubina được chôn. Anh Anwar, nhẹ nhõm và biết ơn, dúi năm trăm rupee vào tay Anjum. Chị không chịu nhận. Saddam cũng không chịu nhận. Nhưng anh không phải người bỏ lỡ một cơ hội làm ăn.

Trong vòng một tuần, nhà trọ Jannat đã bắt đầu hoạt động như một nhà quán. Nó có nhà tắm tử tế lợp mái amiăng và bục xi măng để đặt thi thể lên. Ở đó có một nguồn cung liên tục bia, khăn liệm, đất sét thơm Multani (mà hầu hết mọi người chuộng hơn xà phòng) và xô nước. Có một thầy tế thường trú túc trực ngày đêm. Quy định dành cho người chết (cũng là một với quy định cho người sống trong nhà trọ) là bí truyền - mỉm cười chào đón niềm nở hoặc găm rống hắt hủi vô lý, tùy vào cái mà không ai biết. Có một tiêu chuẩn thì rõ ràng đó là Dịch vụ mai táng Jannat chỉ chịu chôn những người mà nghĩa địa và thầy tế ngoài đời từ chối. Có khi nhiều ngày trôi qua không có một đám tang nào rồi khi thì lại tới tấp. Kỷ lục của họ là năm đám trong một ngày. Có khi ngay cả cảnh sát - luật lệ của họ cũng phi lý như của Anjum - đem thi thể tới cho họ.

Khi sư phụ Kulsoom Bi qua đời trong giấc ngủ, bà được chôn với nghi thức trọng thể trong Hijron Ka Khanqah ở Mehrauli. Nhưng Bombay Silk thì được chôn trong nghĩa

địa của Anjum. Và nhiều hijra khác từ khắp Delhi cũng vậy.

(Bằng cách này, cuối cùng thì thầy tế Ziauddin đã nhận được câu trả lời cho câu hỏi rất lâu về trước: “Nói tôi nghe, người các chị, khi các chị chết, họ chôn các chị ở đâu? Ai tắm rửa thi thể? Ai đọc kinh cầu nguyện?”)

Dần dà nhà trọ và dịch vụ mai táng Jannat biến thành một phần trong khung cảnh đến mức không ai thắc mắc xuất xứ của nó hay quyền tồn tại của nó. Nó tồn tại. Vậy là xong. Khi bà Jahanara qua đời ở tuổi tám mươi bảy, thầy tế Ziauddin đọc kinh cầu nguyện. Bà được chôn cạnh Mulaqat Ali. Khi Bismillah chết, chị cũng được chôn trong nghĩa địa của Anjum. Và cả con dê của Zainab, có thể được ghi vào *Kỷ lục Guinness thế giới* vì kỳ tích chưa từng có (đối với dê): chết vì nguyên nhân tự nhiên (co thắt ruột) sau khi qua khỏi kỷ lục mười sáu Bakr-Eid ở Shahjahanabad. Công trạng cho chuyện này hẳn nhiên không thuộc về nó, mà thuộc về cô chủ nhỏ dữ dội của nó. Dĩ nhiên *Kỷ lục Guinness* không có hạng mục nào như vậy cả.



Dù Anjum và Saddam sống chung một mái nhà (và nghĩa địa), họ chẳng mấy khi ngồi lại với nhau. Anjum thích tha thẩn, nhưng Saddam phải chia thời gian cho nhiều việc làm ăn (anh đã bán doanh nghiệp thức ăn cho chim bồ câu, vì nó là cái ít sinh lợi nhất), không có thời gian rảnh và ghét ti vi. Một buổi sáng an nhàn bắt buộc khác thường, Anjum với

anh ngồi trên băng ghế taxi đó cũ mà họ dùng làm sofa, uống trà và xem truyền hình. Hôm đó là ngày 15 tháng Tám, ngày Độc lập. Ông Thủ tướng nhỏ choắt nhút nhát lên thay Thủ tướng - nhà thơ nói nhịu (đảng mà ông ta gia nhập không chính thức tin Ấn Độ là một quốc gia Ấn giáo) đang nói với quốc dân từ trên tường thành Pháo Đài Đỏ. Đó là một trong những ngày mà sự cô lập của cổ thành bị phần Delhi còn lại xâm lăng. Từng đám đông khổng lồ do Đảng cầm quyền tổ chức lấp kín sân Ramlila. Năm nghìn học sinh ăn mặc màu quốc kỳ xếp đội hình hoa. Bọn chạy chọt hàng tép riu và đám lon ton muốn được xuất hiện trên truyền hình ngồi vào các hàng trước để còn biến cái thân cận với quyền lực sò sò trước mắt thành những vụ làm ăn. Mấy năm trước, khi Thủ tướng - nhà thơ nói nhịu và đảng những kẻ tin tưởng mù quáng của ông bị bỏ phiếu mất ghế, Anjum đã vui mừng và phung phí cái gần gũi với ngưỡng mộ cho nhà kinh tế học người Sikh rút rề đội khăn xanh lên thay ông ta. Chuyện ông này có mọi sức hút chính trị của một con thỏ mắc bẫy chỉ càng khiến chị bợ đỡ hơn. Nhưng dạo này chị đã quyết định rằng điều thiên hạ nói là đúng - rằng ông quả thật là một con rối và kẻ khác đang giật dây. Cái hữu danh vô thực của ông làm mạnh thêm các thế lực bóng tối đã bắt đầu tụ lại ở đường chân trời và lù lù qua các đường phố một lần nữa. Gujarat ka Lalla vẫn là Thủ hiến Gujarat. Ông đã nhiễm thói vênh váo và bắt đầu nói nhiều về hàng thế kỷ trả thù của Thống trị Hồi giáo. Trong bài phát biểu trước công chúng nào ông cũng tìm cách đưa

vào số đo vòng ngực mình (142 cm). Vì lý do kì quặc nào đó mà dường như chuyện này *lại* làm thiên hạ thấy nể. Có tin đồn rằng ông đang chuẩn bị sẵn sàng cho “Bước tiến về Delhi”, về chủ đề Gujarat ka Lalla, Saddam với Anjum hoàn toàn ăn ý với nhau.

Anjum xem Thỏ Mắc Bẫy - ông này thì hầu như lại chẳng có tí ngực nào - đứng trong khu vực chống đạn với Pháo Đài Đỏ sừng sững đằng sau, đọc ro ro những số liệu thống kê dày đặc về xuất nhập khẩu cho một đám đông lão nháo chẳng biết ông đang nói về cái gì. Ông nói như con rối. Chỉ có hàm dưới là cử động. Không còn gì khác. Hàng lông mày trắng rậm rì trông như được dán vào cặp kính chứ không phải mặt. Biểu cảm của ông không hề biến đổi. Hết bài diễn văn ông giơ tay mềm oặt lên chào và kết thúc bằng mấy chữ the thé, lạo xạo *Jai Hind!* (Chiến thắng cho Ấn Độ!) Một người lính, cao tới hai mét và có một bộ ria tua tua rộng bằng sải cánh của một hải âu con, rút gươm khỏi vỏ và hét chào một tiếng với ngài Thủ tướng nhỏ thó, ông này dường như giật mình khiếp đảm. Khi ông bước, chỉ có hai chân cử động, không còn gì khác. Anjum khinh bỉ tắt ti vi đi.

“Mình lên sân thượng đi,” Saddam hấp tấp nói khi đánh hơi thấy một cảm xúc của chị sắp đến, cái này thường báo hiệu rắc rối cho mọi người trong vòng nửa cây số.

Anh đi trước rồi trải ra tắm thảm cũ với vài cái gối cứng đơ bọc bao gối in hoa có mùi dầu tóc nồng nặc. Có tí gió

nên những người đua điều ngày Độc lập đã đổ ra. Trong nghĩa địa cũng có vài người chơi điều, chơi cũng không tệ lắm. Anjum lên cùng một xoong trà nóng mới pha và một đài bán dẫn. Saddam và chị nằm dài ra, nhìn lên (Saddam đeo kính râm) bầu trời mờ đục điểm những cánh điều giấy rực rỡ. Quanh quần cạnh họ, như thể cả nó cũng đã quyết định có một ngày nghỉ sau tuần làm việc vất vả, là Biroo (có lúc gọi là Roobi), một con chó Saddam bắt gặp lang thang dọc vỉa hè con đường tấp nập, đôi mắt hoang dại thất thần, vói mớ ống trong suốt lủng lẳng bên người. Biroo là một chó săn thỏ, hoặc đã bỏ trốn hoặc qua khỏi dụng đích của nó trong một phòng thử nghiệm thuốc. Nó trông bạc thếch và xơ xác, như bức tranh ai đó cố công xóa. Những màu đen đậm, trắng và nâu bình thường của chó săn thỏ bạc đi vì lớp gỉ xám xám, như khói mà dĩ nhiên có thể không liên quan gì đến thuốc thử nghiệm trên nó. Ngày mới đến sống ở nhà trọ Jannat, Biroo khổ sở vì thường xuyên có những cơn động kinh và những cơn hắt hơi ngược* làm mất sức. Mỗi lần bình phục sau khi kiệt sức vì lên cơn, nó hình thành một tính cách khác - lúc thân thiện, lúc hung hăng, lúc ngại ngủ, lúc gặm gừ hay lười biếng - cũng vô lý và khó lường như bà chủ nhận nuôi nó. Dần dà các cơn đã ít thường xuyên hơn và nó mang hình ảnh ít nhiều thường trực là Chó Lười. Những cơn hắt hơi ngược vẫn còn.

Anjum rót chút trà vào đĩa nhỏ và thổi nguội cho nó.

Con chó liếm soàn soạt. Nó uống mọi thứ Anjum uống, ăn mọi thứ chị ăn - biryani, korma, samosa, halwa, falooda, phirni, zamzam, xoài vào mùa hè, cam vào mùa đông. Tôi tệ cho cơ thể nó, nhưng tuyệt vời cho tâm hồn nó.

Gió mạnh lên một lúc nên điều vút cao, nhưng rồi cơn mưa phùn bắt buộc phải có trong ngày Độc lập đổ xuống. Anjum ré lên với nó như thể đó là một vị khách không mời - *Ai Hai!* Dĩ mẹ cơn mưa! Saddam cười nhưng không ai nhúc nhích, chờ xem mưa lớn hay nhỏ. Cơn mưa nhỏ, và sớm tạnh. Lơ đãng, Anjum vuốt vuốt bộ lông Biroo, lau đi lớp giọt mưa trắng như sương giá mỏng tang. Tầm mưa khiến chị nhớ đến Zainab và cười một mình. Không giống chị chút nào, chị bắt đầu kể Saddam nghe câu chuyện cầu vượt (bản chỉnh sửa) và ngày còn bé Chuột Gộc từng thích câu chuyện đó bao nhiêu. Chị tươi cười kể tiếp, mô tả những trò tinh nghịch của Zainab, tình yêu thú vật của con bé, và con bé làm quen tiếng Anh ở trường nhanh ra sao. Đột nhiên, khi dòng hồi tưởng đang ở lúc vui vẻ nhất, giọng (hay hai giọng) của Anjum vỡ ra và mắt chị róm lệ.

“Tôi được sinh ra để làm mẹ,” chị nức nở. “Cứ chờ xem. Một ngày nào rồi Allah Mian sẽ cho tôi đứa con của riêng mình. Tôi biết vậy mà.”

“Sao được?” Saddam nói, hợp lý, hoàn toàn không biết mình đang bước chân vào vùng đất hiểm trở. “*Haqeeqat* bhi koi cheez hoti hai.*” Suy cho cùng thì có thứ gọi là Hiện Thực.

“Sao không được? Cái quỷ gì mà không được?” Anjum ngồi dậy nhìn thẳng vào mắt anh.

“Tôi chỉ nói là... ý tôi thực tế ra...”

“Cậu là Saddam Hussain được thì tôi làm mẹ được.” Anjum không nói câu đó một cách hằn học, chị nói mà tươi cười, làm duyên làm dáng, chặc lưỡi trên cái răng trắng bóc và hàm răng đỏ đậm. Nhưng có gì đó sắt đá nơi cái điệu dàng làm duyên.

Đề phòng, nhưng không lo lắng, Saddam nhìn lại chị, bản khoản không hiểu chị đã biết gì rồi.

“Một khi cậu đã rơi khỏi vách núi như tất cả bọn tôi, kể cả Biroo,” Anjum nói, “cậu sẽ không ngừng rơi. Và khi rơi xuống cậu sẽ bám vào những người khác cũng đang rơi. Cậu hiểu điều đó càng sớm thì càng tốt. Nơi ta sống đây, nơi ta biến thành nhà, là nơi của những người đang rơi. Ở đây không có *haqeeqat*. *Arre*, dù là *bọn tôi* không có thật. Bọn tôi không thật sự tồn tại.”

Saddam không nói gì. Anh đã dần quý mến Anjum hơn bất kì ai khác trên đời. Anh thích cái cách chị nói, những chữ chị chọn, cách chị chép miệng, cách đôi môi đỏ dính trầu đào qua hàm răng sâu. Anh thích cái răng cửa buồn cười của chị và cách chị ngâm hết từng khổ thơ tiếng Urdu, hầu hết - hoặc toàn bộ - anh không hiểu được. Saddam không biết đến thơ ca mà cũng biết rất ít tiếng Urdu. Nhưng anh lại biết những thứ khác. Anh biết cách nhanh nhất để lột da một con bò hay con trâu mà không làm hỏng

tắm da. Anh biết cách tắm muối lên da cho ẩm rồi ngâm với chanh và tannin cho đến khi nó bắt đầu giãn ra và cứng lại thành da thuộc. Anh biết cách cân độ chua của nước ngâm bằng cách nếm thử, cách khử trùng da thuộc và cạo hết lông và mỡ, cách bôi xà phòng, tẩy trắng, mài bóng, thoa dầu và bôi sáp cho đến khi tắm da bóng lên, Anh còn biết rằng cơ thể người trung bình chứa từ bốn đến năm lít máu. Anh đã nhìn nó tràn ra và loang dần trên đường bên ngoài đồn cảnh sát Dulina, ngay ngoài cao tốc Delhi-Gurgaon. Kỳ lạ thay, điều anh nhớ rõ nhất về mọi chuyện đó là hàng dài xe hơi đắt tiền và mấy con côn trùng vụt vào luồng sáng đèn xe. Và chuyện không ai bước ra mà giúp.

Anh biết không phải tính toán hay tình cờ đã đưa đẩy anh đến Chốn của những người đang rơi. Đó là sóng triều.

“Cậu đang cố lừa ai đây?” Anjum hỏi anh.

“Thượng Đế thôi.” Saddam cười. “Không phải chị đâu.”

“Tụng Kalima đi...” Anjum ngạo nghễ nói, như thể chị chính là Hoàng đế Aurangzeb.

“*La ilaha...*” Saddam đọc. Và rồi, như Hazrat Sarmad, anh im. “Tôi không biết đoạn còn lại. Tôi vẫn đang học mà.”

“Cậu là một Chamar giống hệt mấy người cậu từng làm việc chung ở nhà xác. Cậu đã không nói dối con chó cái Sangeeta *Haramzaadi* đó về tên mình, cậu đang nói dối tôi và tôi không biết vì sao, bởi vì tôi không cần biết cậu là gì... Hồi giáo, Ấn giáo, đàn ông, đàn bà, đẳng cấp này, đẳng

cấp kia, hay là lỗ đít lạc đà. Nhưng sao lại đi gọi mình là Saddam Hussain? Hẳn là một tên khốn, cậu biết thừa còn gì.”

Anjum dùng từ *Chamar* mà không phải *Dalit*, chữ hiện đại hơn và được chấp nhận để chỉ những người mà người Ấn cho là “tiện dân”, cũng trên tinh thần như chị không chịu gọi mình là gì khác ngoài Hijra. Chị chẳng sá gì chữ Hijra hay Chamar.

Hai người nằm cạnh nhau một lúc, trong yên lặng. Thế rồi Saddam quyết định thổ lộ cho Anjum câu chuyện trước giờ anh chưa kể với ai - một câu chuyện về lũ vẹt đuôi dài vàng nghệ và một con bò chết. Câu chuyện của anh cũng là một câu chuyện về bùa may, có lẽ không phải bùa may cho bọn đồ tể, nhưng cũng một chiều hướng tương tự nào đó.

Chị nói đúng, anh bảo Anjum. Anh đã nói dối chị và nói thật với Chó cái Sangeeta *Haramzaadi*. Saddam Hussain là tên anh chọn, không phải tên thật. Tên thật của anh là Dayachand. Anh sinh ra trong một gia đình Chamar - thợ thuộc da - trong một ngôi làng tên là Badshahpur ở bang Haryana, chỉ cách Delhi vài giờ xe buýt.

Một ngày nọ, đáp lại một cú điện thoại, anh với cha, cùng ba người đàn ông nữa, thuê chiếc Tempo lái đến một ngôi làng gần đó để hốt xác một con bò chết trong nông trại của ai đó.

“Đó là việc mà chúng tôi làm,” Saddam nói. “Khi bò chết, những nông dân đẳng cấp cao hơn sẽ gọi chúng tôi

đến lấy xác - vì họ không chịu bị ô uế mà động vào chúng.”

“Rồi, rồi, tôi biết rồi,” Anjum nói, với giọng điệu nghe như thán phục. “Có mấy người họ tinh tươm, sạch sẽ lắm. Họ không ăn hành, tỏi, thịt...”

Saddam mặc kệ chuyện ngắt lời.

“VẬY nên chúng tôi đi lấy xác, lột da chúng, và biến da sống thành da thuộc... Tôi đang nói về năm 2002. Tôi vẫn đang đi học. Chị biết rõ hơn tôi chuyện gì diễn ra lúc đó... nó như thế nào... Chuyện của chị xảy ra vào tháng Hai, của tôi là tháng Mười một. Hôm đó là ngày Dussehra. Trên đường đi lấy con bò, chúng tôi ngang qua một sân Ramlila mà thiên hạ đã dựng các hình nộm quỷ khổng lồ... Ravan, Meghnad và Kumbhakaran, cao bằng cả tòa nhà ba tầng - tất cả sẵn sàng để tối đến cho nổ tung.”

Không một người Hồi giáo ở Old Delhi nào cần nghe giảng giải về lễ hội Dussehra của Ấn giáo. Nó được tổ chức hàng năm trong sân Ramlila, ngay bên ngoài cổng Turkman. Mỗi năm các hình nộm Ravan, Vua “quỷ” mười đầu xứ Lanka, em trai Kumbhakaran và con trai Meghnad của hắn lại thêm cao và được lèn nhiều thuốc nổ hơn. Hàng năm, Ramlila - câu chuyện về thần Ram, vua của Ayodhya, đánh thắng Ravan trong trận chiến Lanka thế nào, mà người Ấn tin là câu chuyện về sự chiến thắng của Thiện trước Ác, được tái hiện ngày càng thêm hung hăng với tài trợ ngày càng hậu hĩ. Một số học giả táo bạo đã bắt đầu gợi ý rằng Ramlila thật ra là lịch sử biến thành thần thoại học,

và rằng những con quỷ xấu xa thật ra là dân Dravidia da ngăm đen - những nhà cai trị bản xứ - và các thần Ấn giáo đã chiến thắng chúng (và biến chúng thành tiện dân cùng các đẳng cấp bị trị khác, những kẻ sẽ suốt đời phục vụ những nhà cai trị mới) là quân xâm lược Arya. Họ chỉ ra các nghi thức làng xã mà người dân thờ phụng thần linh, có cả Ravan mà trong Ấn giáo vốn được cho là ác quỷ. Tuy nhiên trong hệ thống tôn giáo mới, người thường không cần phải là học giả cũng biết, dù cho họ không thể công khai nói ra, rằng trong sự hưng thịnh ngày một thêm của Vương quốc Vệt đuôi dài, bất kể cái có thể đã được hay chưa được ngụ ý trong kinh sách, trong tiếng kêu của vệt đuôi dài vàng nghệ, ác quỷ không chỉ nói đến dân bản xứ, mà còn là tất cả những ai không phải tín đồ Ấn giáo. Dĩ nhiên cái đó thì bao gồm cả cư dân Shahjahanabad.

Khi những hình nộm khổng lồ được cho nổ tung, tiếng nổ sẽ ùng ùng qua khắp các con hẻm chật hẹp của phố cổ. Và ít ai nghi ngờ điều đó nhằm để nói điều gì.

Hàng năm, buổi sáng sau khi Thiện đã thắng Ác, dì Ahlam, bà mẹ trở thành nữ hoàng lang thang tóc tai bẩn thỉu, sẽ đến sân Ramlila, lượm lặt trong đồng rác rưởi, rồi quay về với cung và tên, có khi cả một cái ria mép như ghi đông xe, hay một con mắt nhìn chăm chăm, một cánh tay, hay một thanh gươm chìa ra nơi bao phân bón của bà.

Cho nên khi Saddam nói về Dussehra, Anjum hiểu trong mọi nghĩa bao la đa dạng của nó.

“Chúng tôi dễ dàng tìm được con bò chết,” Saddam nói. “Việc đó bao giờ cũng dễ, ta chỉ cần biết cái nghệ thuật bước thẳng vào trong mùi hôi thối. Chúng tôi chất xác lên xe Tempo rồi lái về nhà. Dọc đường chúng tôi ghé vào đồn cảnh sát Dulina để trả cho tên sĩ quan đồn cảnh sát - tên hăn là Sehwat - phần chia cho hăn. Đó là một khoản đã thỏa thuận trước, tỷ lệ theo con bò. Nhưng hôm ấy hăn đòi thêm. Không chỉ nhiều hơn, mà còn *gấp ba* số tiền. Như vậy coi như thực ra chúng tôi sẽ mất tiền để lột da con bò đó. Chúng tôi biết rõ hăn, Sehwat đó. Tôi không biết hôm đó cái gì ám hăn - có thể hăn cần số tiền đó để mua rượu tối ấy, để ăn mừng Dussehra, hoặc có thể hăn phải trả nợ, tôi không biết. Có thể hăn chỉ đang cố lợi dụng bầu không khí chính trị lúc đó. Cha tôi với bạn ông cố năn nỉ, nhưng hăn không chịu. Hăn nổi điên khi họ nói mình còn không mang theo chừng ấy tiền trong người. Hăn bắt giữ họ vì tội “giết bò” và tống vào đồn cảnh sát. Tôi bị bỏ lại bên ngoài. Khi vào, cha tôi không có vẻ gì lo lắng, nên tôi cũng không thấy lo. Tôi chờ, cho rằng họ đang kỳ kèo kịch liệt rồi sẽ sớm đạt được thỏa thuận thôi. Hai tiếng trôi qua. Từng đám đông đi ngang trên đường đến lễ đốt hình nộm buổi tối. Có mấy người ăn mặc làm các thần, Ram, Laxman và Hanuman - mấy đứa nhỏ có cung tên, một số đeo đuôi khi và mặt mày sơn đỏ, một số thì là quỷ có bộ mặt đen nhẻm, tất cả sẽ đến tham dự Ramlila. Khi đi ngang xe tải của chúng tôi, ai nấy đều bịt mũi vì mùi hôi. Lúc hoàng hôn, tôi

nghe tiếng hình nộm nổ tung và tiếng reo hò của người xem. Tôi buồn vì lỡ mất cuộc vui. Lát sau mọi người bắt đầu kéo nhau về nhà. Vẫn không thấy tăm hơi cha tôi với các bạn ông đâu. Và rồi, tôi không biết sao chuyện lại xảy ra - có thể cảnh sát đã loan tin, hoặc gọi vài cú điện thoại - nhưng một đám đông bắt đầu tụ tập bên ngoài đồn cảnh sát đòi giao nộp 'lũ giết bò' cho họ. Con bò chết trên xe Tempo, bốc mùi hôi thối ra cả vùng, đã đủ là bằng chứng. Thiên hạ bắt đầu làm ùn tắc giao thông. Tôi không biết phải làm gì, trốn ở đâu, nên tôi lẫn vào trong đám đông. Nhiều người bắt đầu hét lên *Jai Shri Ram!* Và *Vande Mataram!* Càng lúc càng có thêm người hòa vào và đám đông thành cuồng loạn. Vài người đàn ông vào trong đồn cảnh sát lôi cha tôi với ba người bạn ra ngoài. Bọn chúng bắt đầu đánh họ, mới đầu bằng nắm đấm, rồi giày dép. Nhưng rồi có kẻ đem tới một cái xà beng, kẻ khác đem đến một cái kích xe. Tôi không thấy gì nhiều, nhưng khi những cú đầu tiên nện xuống thì tôi nghe thấy tiếng họ hét..."

Saddam quay sang Anjum.

"Tôi chưa bao giờ nghe thấy âm thanh nào như vậy... đó là một âm thanh cao vút, kỳ lạ, không phải của người. Nhưng sau đó tiếng đám đông hò hét nhấn chìm chúng đi. Tôi không cần phải nói chị biết. Hẳn chị đã biết rồi..." Giọng Saddam chùng xuống thành tiếng thì thầm. "Ai cũng đứng nhìn. Không ai ngăn bọn chúng lại."

Anh tả khi đám đông đã xong việc thì xe hơi bật đèn lên,

cả loạt, như một đoàn xe hộ tống nhà binh. Cách họ cán tung tóe qua mấy vũng máu của cha anh như thể đó là nước mưa, cách con đường trông như đường phố trong cổ thành vào ngày Bakr-Eid.

“Tôi là một phần trong cái đám đông đã giết chết cha tôi,” Saddam nói.

Pháo đài Phiên muộn của Anjum với những bức tường thành rì rầm và những hầm mộ bí mật lại lăm le dựng lên quanh chị một lần nữa. Saddam và chị gần như còn nghe được nhịp tim của nhau. Chị không tài nào khiến mình nói gì, để thốt ra một lời cảm thông cũng không. Nhưng Saddam biết chị đang lắng nghe. Một lúc rồi anh mới nói tiếp.

“Ít tháng sau chuyện này thì mẹ tôi, vốn đã ốm yếu, qua đời. Tôi được giao cho chú và bà trông nom. Tôi bỏ học, trộm ít tiền của chú rồi lên Delhi. Tôi đến Delhi chỉ với một ít tiền và bộ quần áo trên người. Tôi chỉ có một tham vọng - tôi muốn giết tên khốn Sehrawat ấy. Ngày nào đó tôi sẽ làm vậy. Tôi ngủ ngoài đường, làm người rửa xe tải, trong vài tháng thậm chí còn làm công nhân cầu cống. Và rồi anh bạn Neeraj, người cùng làng, giờ đang làm trong Hội đồng khu tự quản, chị gặp anh ta rồi...”

“Ờ,” Anjum nói, “cái anh chàng cao ráo, đẹp trai...”

“Đúng, là anh ta. Anh ta cố vào nghề người mẫu nhưng không được... dù là muốn làm vậy ta phải trả cho bọn ma cô. Giờ anh ta lái xe tải cho Hội đồng khu... Sao cũng được,

nhưng Neeraj giúp tôi kiếm công việc ở đây, trong nhà xác, nơi ta gặp lần đầu... Lên Delhi được ít năm thì có hôm tôi đi ngang một phòng trưng bày ti vi, và một trong mấy cái ti vi nơi cửa kính đang phát bản tin tối. Đó là lần đầu tiên tôi xem đoạn phim treo cổ Saddam Hussein. Tôi không biết gì về ông ta, nhưng tôi đã rất khâm phục lòng dũng cảm và phẩm giá của người đàn ông ấy khi đối mặt cái chết. Khi tôi có chiếc điện thoại di động đầu tiên, tôi nhờ người bán hàng tìm và tải về đoạn phim. Tôi xem đi xem lại. Tôi muốn được giống ông ta. Tôi quyết định trở thành người Hồi giáo và lấy tên ông. Tôi cảm thấy nó sẽ cho tôi dũng khí để làm việc phải làm và đối mặt hậu quả, như ông ta.”

“Saddam Hussein là thằng khốn,” Anjum nói. “Hắn giết biết bao người.”

“Có thể. Nhưng ông ta dũng cảm... Thấy không... Nhìn này.”

Saddam lấy ra chiếc smartphone mới sành điệu có màn hình lớn sành điệu rồi mở một video. Anh khum tay che màn hình cho bớt chói. Đó là một đoạn tin truyền hình bắt đầu với quảng cáo kem dưỡng ẩm Vaseline Intensive Care mà một cô nàng xinh đẹp thoa kem lên cùi chỏ và ống chân và trông cực kỳ hài lòng với kết quả. Tiếp theo là quảng cáo của Sở Du lịch Jammu & Kashmir - cảnh tuyết và người người vui vẻ trong những bộ quần áo ấm áp ngồi trên các xe trượt tuyết. Giọng thuyết minh nói, “Jammu & Kashmir. Thật trắng. Thật đẹp. Thật thú vị.” Sau đó xướng ngôn viên

nói gì đó bằng tiếng Anh và Saddam Hussein, cựu tổng thống Iraq, xuất hiện, lịch lãm, với bộ râu muối tiêu, mặc chiếc áo choàng đen và sơ mi trắng. Ông đứng sừng sững bên trên nhóm đàn ông lăm rằm đội mũ trùm đen chớp nhẹn của đao phủ bao quanh ông và nhìn ông qua khe mắt. Tay ông bị trói sau lưng. Ông đứng yên khi một trong mấy người đàn ông thắt chiếc khăn choàng đen quanh cổ ông, ra dấu như muốn nói cái khăn sẽ giúp da cổ ông khỏi trầy vì sợi dây của người hành quyết. Khi nó thắt gút lại, khăn choàng làm Saddam Hussein trông càng tao nhã hơn. Với những tên trùm mũ nói lúng búng vây quanh, ông bước tới giá treo cổ. Cái thòng lọng được tròng qua đầu và thắt gút lại quanh cổ. Ông cầu nguyện. Biểu cảm sau cùng trên mặt trước khi ông rơi qua cửa sập là một sự khinh bỉ hoàn toàn đối với những kẻ hành quyết ông.

“Tôi muốn thành tên khốn kiểu này,” Saddam nói. “Tôi muốn làm việc mình phải làm rồi, nếu tôi phải trả giá, tôi muốn trả giá như vậy.”

“Tôi có một người bạn sống ở Iraq,” Anjum nói, xem ra thấy nể cái điện thoại của Saddam hơn là đoạn phim hành quyết. “Guptaji. Ông ta gửi cho tôi xem hình ở bên Iraq.” Chị lấy điện thoại ra cho Saddam xem mấy tấm D. D. Gupta đều đều gửi cho chị - Guptaaji trong căn hộ ở Baghdad, Guptaaji và nhân tình người Iraq đi dã ngoại, và một loạt bức ảnh tường bê tông gia cố mà Guptaaji đã xây trên khắp Iraq cho quân đội Mỹ. Một số còn mới và một số thì lỗ chỗ

vết đạn và đầy hình graffiti. Chạy ngang một bức tường, ai đó viết nguệch ngoạc câu nói trứ danh của một viên tướng quân đội Mỹ: *Hãy chuyên nghiệp, lịch sự và lên kế hoạch giết sạch bất cứ ai các bạn gặp.*

Anjum không đọc được tiếng Anh. Saddam thì có, nếu anh để ý kỹ. Trong dịp này thì không.

Anjum uống nốt trà rồi ngả lưng xuống, vắt cánh tay qua mắt. Trông chị như đang thiu thiu ngủ, nhưng không. Chị lo lắng.

“Sợ có khi cậu không biết,” một lúc sau chị nói, như thể chị đang tiếp tục cuộc trò chuyện - mà thế thật, có điều chị đang nói với chính mình trong đầu. “Để tôi nói cậu nghe người Hồi giáo bọn tôi cũng là lũ dĩ chó thôi, cũng như ai. Nhưng tôi nghĩ thêm một kẻ giết người cũng không làm tổn hại cái tiếng *badnaam qoam** bọn tôi đâu, tên tuổi bọn tôi đã là bùn sẵn rồi. Nhưng thôi thì cũng cứ từ từ, đừng làm gì vội vàng.”

“Tôi không vội đâu. Nhưng Sehrawat phải chết.”

Saddam bỏ kính ra và nhắm mắt lại, nhắm nghiền trước ánh sáng. Anh mở một bản nhạc phim cũ tiếng Hindi trên điện thoại rồi hát theo không ra nhịp điệu gì nhưng tự tin. Biroo liếm láp hết chỗ trà nguội còn trong xoong rồi lon ton chạy đi với mấy lá trà dính trên mũi.

Khi trời nóng lên, họ quay vào nhà mà tiếp tục lửng lơ giữa đời như một cặp phi hành gia, bất chấp trọng lực, chỉ bị giới hạn trong những bức tường ngoài của tàu không

gian màu hoa vân anh với mấy cánh cửa màu hồ trăn nhạt.

Nào phải họ không có dự tính gì.

Anjum chờ chết.

Saddam chờ giết.

Và cách đó hàng dặm xa, trong một khu rừng nhiều
nhương, một đứa bé chờ được chào đời...

*Mưa rơi trên những thành đô thống khổ bằng thứ tiếng
nào?*

PABLO NERUDA

3 CHÀO ĐỜI

Đây là thời bình. Hay thiên hạ nói vậy.

Cả buổi sáng, một cơn gió nóng quét qua phố xá trong thành, lửa từng mảng cát sạn, nắp lon soda và mẫu thuốc lá beedi, quạt vào kính chắn gió xe hơi và mắt người đi xe đạp. Khi gió lặng, mặt trời, đã lên cao trên bầu trời, đốt thủng lớp khói mù và thế là cái nóng lại dâng lên, lung linh trên phố như một vũ công múa bụng. Thiên hạ chờ cơn mưa đông luôn theo sau một cơn gió bụi, nhưng không thấy. Lửa quét qua cả một vạt chòi tím tùm tùm bên bờ sông, thiêu sạch hơn hai nghìn người trong một nháy mắt.

Thế nhưng muông hoàng yến vẫn nở rộ, một màu vàng tươi rực rỡ, thách thức. Mỗi mùa hè thiêu đốt nó lại vươn lên và thì thầm với bầu trời nâu nóng hực, *fuck you*.

Con bé xuất hiện khá đột ngột, quá nửa đêm một chút. Không thiên thần nào hát, không hiền triết nào đem quà tới*. Nhưng cả triệu vì sao mọc ở đằng đông báo tin nó đến. Phút này nó không có ở đây, phút sau - nó đã ở đây trên vỉa hè bê tông, trong một cái nôi rác rưởi: miếng giấy bạc của bao thuốc lá, dăm ba túi nhựa và những gói khoai tây chiên Uncle Chipps rỗng không. Nó nằm trong một

vũng ánh sáng, dưới luồng muối đen đặc trong ánh đèn neon, trần truồng. Da nó xanh đen, láng như da hải cẩu non. Nó mở mắt thao láo, nhưng im re, thật lạ với một đứa nhỏ xiu như thế. Có lẽ, trong mấy tháng ngắn ngủi của cuộc đời, nó đã biết rằng nước mắt, ít ra là nước mắt *của nó*, thì vô ích.

Một con ngựa trắng còm nhom bị cột vào hàng rào, một con chó nhỏ ghẻ chóc, một con kỳ nhông xám bê tông, hai con sóc chuột đáng lẽ ra đã ngủ rồi, và từ trên chỗ đậu kín đáo của mình, một con nhện cái có bọc trứng tròn căng nhìn xuống nó. Còn lại thì con bé có vẻ cực kỳ bơ vơ.

Quanh nó, thành phố ngổn ngang kéo ra hàng dặm. Bà phù thủy nghìn năm tuổi, lim dim, nhưng không ngủ, ngay cả là giờ này rồi. Những cây cầu vượt xám xịt ngoằn ngoèo như rắn ngoi ra từ đầu Medusa, rồi lại rồi gờ ra bên dưới sương mù vàng đục. Những thân người vô gia cư nằm ngủ thành hàng trên các vỉa hè cao chật hẹp, đầu này dưới chân kia, đầu kia dưới chân nọ, đầu nọ dưới chân ấy, lặp lại một đoạn dài. Những bí mật lâu đời xếp cất trong nếp nhăn của làn da tựa giấy, bùng nhùng của bà. Mỗi nếp nhăn là một con phố, mỗi con phố là một hội hóa trang. Mỗi khớp xương là một hí trường đang rã nát mà những câu chuyện về tình yêu, điên loạn, ngu xuẩn, say mê và tàn bạo không sao nói nổi diễn bày hàng thế kỷ. Nhưng đây sẽ là bình minh phục hưng của bà. Những chủ nhân mới muốn bà che đi những tĩnh mạch u sần, giãn to bên dưới những đôi tất lưới hàng

nhập, nhồi hai núm vú héo hon vào cái nịt ngực độn mút
xắc xước và nhét hai bàn chân nhức nhối vào mấy đôi giày
gót nhọn cao vút. Họ muốn bà lắc cái hông già ê ẩm và kéo
cái mặt nhăn nhó lên thành nụ cười mím đờ cứng, vô hồn.
Đó là mùa hè mà Bà Ngoại biến thành con diêm.

Bà phải trở thành siêu thủ đô của siêu cường mới - cực
cung của thế giới. *Ấn Độ! Ấn Độ!* Tiếng tung hô dậy lên rồi
- trên các chương trình truyền hình, trong các video ca
nhạc, trên các báo và tạp chí nước ngoài, tại các hội nghị
kinh doanh và triển lãm khí tài, tại các hội nghị kinh tế và
các cuộc gặp thượng đỉnh về môi trường, ở các hội chợ
sách và các cuộc thi sắc đẹp. *Ấn Độ! Ấn Độ! Ấn Độ!*

Dọc ngang thành phố, những bảng quảng cáo đồ sộ
được một tờ báo tiếng Anh và nhãn hàng kem trắng da mới
nhất (bán hàng tấn) đồng tài trợ ghi: *Thời của chúng ta là
đây. Kmart đang đến. Walmart và Stabucks đang đến, và*
trong quảng cáo của Hàng không Anh trên truyền hình,
Dân Thế Giới (da trắng, da nâu, da đen, da vàng) thấy đều
tụng câu chú Gayatri:

Om bhur bhuvah svaha

Tai savitur varenyam

Bhargo devasya dhimahi

Dhiyo yo nah pracodayat

Kính lạy Thượng Đế, ngài là đấng ban cho sự sống,

Cất đi sầu đau,

Ban cho hạnh phúc,
Lạy Đấng Sáng Hóa,
Xin cho chúng con ánh sáng cao linh diệt trừ tội lỗi,
Xin ngài dẫn dắt lý trí chúng con theo đường ngay.
(Và cầu cho ai ai cũng bay Hàng không Anh.)

Tụng xong, Dân Thế Giới cúi thấp đầu chấp tay chào. *Namaste*, họ nói bằng giọng xứ lạ, nhoẻn cười như mấy người canh cửa đầu quán khăn để ria mép kiểu Maharaja chào khách ngoại quốc trong các khách sạn năm sao. Cùng với nó, ít ra là trong quảng cáo, lịch sử lộn ngược. (Giờ thì ai cúi chào? Ai tươi cười? Ai là người cầu xin? Và ai là người được cầu xin?) Trong giấc ngủ, những công dân con cưng của Ấn Độ mỉm cười lại. *Ấn Độ! Ấn Độ!* Họ hò reo trong mơ, như đám đông ở sân cricket. Trưởng đội trống đánh một nhịp...*Ấn Độ! Ấn Độ!* Cả thế giới đứng lên, hò reo tán thưởng. Những tòa chọc trời và nhà máy thép vụt lên ở nơi xưa kia là rừng, nước sông được đóng chai đem bán trong các siêu thị, cá bị đóng hộp, núi bị đào và biến thành những tên lửa sáng choang. Những con đập đồ sộ thấp sáng thị thành như cây thông Giáng sinh. Ai ai cũng hài lòng.

Cách xa ánh đèn và bảng quảng cáo, làng mạc dần hoang vắng. Thành thị cũng vậy. Hàng triệu người bị di dời, nhưng không ai biết đi đâu.

“Những ai không kham nổi cuộc sống ở thành phố thì

không nên đến đây,” một Thẩm phán Tòa án tối cao nói, và ra lệnh trục xuất tức thì người nghèo trong thành phố. “Paris từng là một vùng lầy lội trước 1870, năm mà mọi khu ổ chuột đều bị giải tỏa,” Phó Thống đốc thành phố nói, chỉnh lại nhúm tóc còn lại vắt qua da đầu, phải qua trái. (Tối tối ông đi bơi thì nó lênh bênh bên cạnh ông trong làn nước clo ở hồ bơi Câu lạc bộ Chelmsford.) “Còn giờ thì nhìn Paris xem.”

Vậy là dân dư thừa bị cấm tiệt.

Thêm vào cảnh sát chính quy còn có vài tiểu đoàn thuộc lực lượng phản ứng nhanh mặc quân phục nguy trang màu da trời kỳ quặc (có lẽ để làm lũ chim rối trí) được triển khai trong các khu nghèo hơn.

Trong các khu ổ chuột và khu định cư của dân lẩn chiếm, trong các khu tái định cư và các khu dân cư “trái phép”, người ta đánh trả. Họ đào đường dẫn đến nhà mình lên rồi lấy đá và đồ hư cũ chặn lại. Trai tráng, ông già, trẻ nhỏ, các mẹ các bà trang bị đá và gậy gộc đi tuần các lối vào khu định cư của họ. Giữa một lòng đường, nơi cảnh sát và xe ủi đã dàn hàng cho đợt tấn công dứt điểm, một khẩu hiệu viết nguệch ngoạc bằng phấn, *Sarkar ki Maa ki Choot*. Cái hăm của Chính phủ.

“Bọn tôi sẽ đi đâu đây?” Dân dư thừa hỏi. “Mấy ông cứ giết bọn tôi đi, nhưng bọn tôi sẽ không đi đâu cả,” họ nói.

Họ đông quá làm sao giết hết liền được.

Thay vì vậy, nhà họ, cửa lớn cửa sổ, mái che tạm bợ, nôi

niều xoong chảo, đĩa, muống, bằng tốt nghiệp, tem phiếu, giấy hôn thú, việc học hành của con cái họ, công việc cả đời họ, diễn tả trong mắt họ, bị những xe ủi vàng nhập từ Úc về san bằng. (Gọi là Ditch Witch, xe ủi.) Chúng là những cỗ máy hiện đại nhất. Chúng có thể ủi dẹp lép lịch sử ra rồi xếp chồng lên nhau như vật liệu xây dựng.

Bằng cách này, trong mùa hè hồi sinh của mình, Bà Ngoại tiêu ma.

Các kênh truyền hình cạnh tranh khốc liệt phủ sóng câu chuyện thành phố đập phá là “Breaking News”*. Không ai chỉ ra cái mĩa mai. Họ tung đám phóng viên trẻ măng, chưa qua đào tạo nhưng ngoại hình hết ý ra, đám này lan khắp thành phố như chúng phát ban, hỏi những câu vội vàng, vô nghĩa; họ hỏi người nghèo thấy nghèo ra sao, hỏi người đói khát thấy đói khát thế nào, người không nhà thấy không nhà ra sao. “*Bhai Sahib, yeh bataaiye, aap ko kaisa lag raha hai...?*” - Nói tôi nghe, người anh em, bạn thấy thế nào khi...? Các kênh truyền hình không bao giờ cạn nguồn tài trợ cho những chương trình phát sóng trực tiếp về nỗi khốn cùng. Họ không bao giờ cạn sự khốn cùng.

Các chuyên gia lên sóng cho ý kiến chuyên môn nhận thù lao: Phải có *ai đó* trả giá cho Tiến bộ, họ nói một cách thạo đời.

Ăn xin bị cấm. Hàng nghìn kẻ ăn mày bị gom lại nhốt trong các trại giam trước khi được chuyển từng lô đi khỏi thành phố. Các nhà thầu họ phải tốn cả bộ tiền để chuyển

họ về lại.

Cha-John-vì-người-nghèo phát đi một lá thư nói rằng, theo hồ sơ cảnh sát, năm ngoài có gần ba nghìn xác chết (người) chưa được nhận diện ngoài đường phố. Không ai hồi âm.

Nhưng các cửa hàng thực phẩm thì ê hề đồ ăn. Các hiệu sách tràn ngập sách. Các tiệm giày dép ngập lụt giày dép. Và người ta (những ai được tính là người) nói với nhau, “Ta chẳng cần ra nước ngoài mua sắm nữa. Hàng nhập đã có ở đây rồi. Nhìn xem, cứ như Bombay là New York của ta, Delhi là Washington của ta còn Kashmir là Thụy Sĩ của ta. Saala* thật là tuyệt quá sá yaar*.”

Từ sáng đến tối đường sá tắc nghẽn xe cộ. Những người mới bị tước đoạt, người sống trong các kẽ nứt khe rãnh của thành phố, chui ra bu đen bu đỏ quanh các xe hơi bóng lộn, có máy điều hòa, bán đồ phủi bụi quần áo, sạc di động, mô hình máy bay, tạp chí kinh doanh, sách quản lý lậu (*Làm sao để kiếm được một triệu đầu tiên, Ấn Độ non trẻ thật sự muốn gì*), các sách hướng dẫn nấu ăn, tạp chí trang trí nội thất với những bức ảnh màu chụp các ngôi nhà đồng quê vùng Provence, và các cẩm nang tâm linh mì ăn liền (*Bạn chịu trách nhiệm về hạnh phúc của chính mình... hay Làm sao để trở thành người bạn thân nhất của chính mình...*). Vào ngày Độc lập người ta bán súng máy đồ chơi và những lá quốc kỳ nhỏ xíu cắm trên các quây có ghi *Mera Bharat Mahan*, Ấn Độ vĩ đại của tôi. Hành khách nhìn ra cửa xe và

chỉ thấy mỗi căn hộ mới họ định mua, Jacuzzi họ mới ráp và mực vẫn còn chưa ráo trên hợp đồng béo bở vừa đóng dấu. Họ điềm tỉnh sau các lớp học thiền và sáng rạng sau buổi tập yoga.

Ở các khu công nghiệp ngoại thành, trong hàng dậm dậm lầy rục rở nén chặt rác thải và túi nhựa muôn màu, nơi những kẻ bị trục xuất đã được “tái định cư”, không khí đầy hóa chất còn nước thì nhiễm độc. Từng đám muỗi bay rào lên từ những cái ao xanh đặc lên. Những bà mẹ dư thừa cheo leo như bầy chim sẻ trên đồng gạch vụn của cái từng là nhà họ và hát ru bầy con thặng dư ngủ.

Sooti rahu baua, bhakol abaiya

Naani gaam se angaa, siyait abaiya

Maama sange maami, nachait abaiya

Kara sange chara, labait abaiya

Ấu ơ con ngủ cho ngoan kéo bầy quỷ tới

Áo mới cho con ầu ơ làng mẹ đem lên

Cậu dì con ầu ơ sẽ lên đây nhảy múa

Vòng tay lắc chân ầu ơ họ sẽ mang lên

Lũ trẻ dư thừa ngủ, nằm mơ thấy bầy xe ủi vàng.

Bên trên khói mù và tiếng máy móc rì rầm của thành phố, đêm bao la đẹp đẽ. Bầu trời là một rừng sao. Máy bay phản lực vút đi như những ngôi sao chổi rì rì, thông thả. Vài chiếc bay lòng vòng, xếp lớp trên bầu trời phi trường quốc

tế Indria Gandhi mờ mịt khói sương, chờ đáp xuống.



Bên dưới, trên vỉa hè, bên rìa Jantar Mantar, đài thiên văn cũ nơi đứa bé của chúng ta xuất hiện, buổi sáng mới giờ này đã khá tấp nập. Những người cộng sản, kẻ xúi giục bạo loạn, chủ trương ly khai, nhà cách mạng, kẻ mộng mơ, đám ăn không ngồi rồi, bọn nghiện, lũ điên, đủ loại người hành nghề tự do, và hiền giả không thể đủ sức lo quà cho những trẻ sơ sinh, ngồi quanh quẩn. Mười ngày qua, họ bị cho ra rìa và hất cẳng khỏi nơi từng là lãnh thổ *của họ* - chỗ duy nhất trong thành phố họ được phép tụ tập - vì gánh hát mới nhất trong thành phố. Hơn hai mươi đài truyền hình, máy quay dựng trên cần cầu vồng, cả ngày cả đêm canh chừng ngôi sao sáng mới mọc: một nhà hoạt động Gandhi mập lùn già rục, vốn là cựu-binh-trở-thành-nhân-viên-xã-hội cấp làng, ông đã thông báo sẽ tuyệt thực đến chết để biến giấc mơ một Ấn Độ không tham nhũng thành hiện thực. Ông nằm ngửa dẹp lép trong dáng điệu một vị thánh khó ở, trên tấm bạt in chân dung Mẹ Ấn - một nữ thần nhiều cánh tay với phần thân mang hình bản đồ Ấn Độ. (Dĩ nhiên là Ấn Độ của Anh thời chưa bị chia cắt, gồm cả Pakistan và Bangladesh.) Mỗi tiếng thở dài của ông, mỗi lời chỉ dẫn thêu thào cho những người xung quanh đều được phát sóng trực tiếp suốt đêm.

Ông già biết thóp cái gì đó. Mùa hè thành phố phục

hung cũng là mùa hè của đủ kiểu gian lận - gian lận than, gian lận quặng sắt, gian lận nhà đất, gian lận bảo hiểm, gian lận chứng từ, gian lận đăng ký điện thoại, gian lận đất đai, gian lận đập nước, gian lận tưới tiêu, gian lận vũ khí quân nhu, gian lận cây xăng, gian lận vắc xin ngựa bại liệt, gian lận hóa đơn điện, gian lận sách giáo khoa, gian lận giáo trưởng, gian lận cứu trợ hạn hán, gian lận biển số xe, gian lận danh sách cử tri, gian lận chứng minh thư - trong đó các chính khách, doanh nhân, chính khách - doanh nhân chuẩn lệ cùng lượng tiền công không tương tượng nổi.

Như một người thăm dò tài ba, ông già đã dò trúng một vĩa giàu có, một hồ chứa phần nộ của công chúng, và chính ông cũng ngạc nhiên quá đỗi khi qua một đêm đã thành nhân vật được sùng bái. Giấc mơ của ông về một xã hội không tham nhũng thì giống như một Đồng cỏ Vui vậy mà mọi người, kể cả những kẻ tham nhũng nhiều nhất, đều được gặm cỏ một lúc. Những người vốn bình thường không có dây mơ rễ má gì với nhau (cánh tả, cánh hữu, không thuộc cánh nào) thấy đều lũ lượt kéo tới gặp ông. Sự xuất hiện bất ngờ của ông, như thể từ trên trời rơi xuống, truyền cảm hứng và đem lại mục đích cho một thế hệ mới, những người trẻ nóng vội đến nay vẫn ngâm thơ về lịch sử và chính trị. Họ đến, mặc quần jean áo thun, với đàn guitar và những bài hát tự sáng tác để đả phá tham nhũng. Họ đem cờ và biểu ngữ riêng có ghi những khẩu hiệu như *Đủ quá rồi!* và *Chấm dứt tham nhũng ngay đi!* Một nhóm chuyên

gia trẻ - luật sư, kế toán và lập trình viên máy tính - lập nên một ủy ban để điều hành sự kiện này. Họ gây quỹ, dựng lều lớn, đạo cụ (chân dung Mẹ Ấn, một mớ quốc kì, mũ Gandhi, băng rôn) và một chiến dịch truyền thông thời đại kỹ thuật số. Thuật hùng biện chất phác và những cách ngôn dân dã của ông già trở thành khuynh hướng trên Twitter và tràn lan trên Facebook. Máy quay truyền hình quay ông không biết chán. Công chức về hưu, cảnh sát và sĩ quan quân đội cũng tham gia. Đám đông lớn dần.

Bỗng chốc thành ngôi sao khiến ông già sừng sột. Nó làm ông thấy có thể phát triển được và có chút hung hăng. Ông bắt đầu cảm thấy rằng bám riết vào chủ đề tham ô không thôi thì sẽ gò bó phong cách và hạn chế sức hút của mình. Ông nghĩ cái tối thiểu có thể làm là chia sẻ với người hâm mộ cái gì đó tinh túy của ông, con người đích thực của ông và sự khôn ngoan thiên bẩm, mục đồng của ông. Vậy là đám xiếc bắt đầu. Ông thông báo rằng mình đang dẫn dắt cuộc đấu tranh giành tự do lần hai của Ấn Độ. Ông có những bài phát biểu khuấy động bằng cái giọng ông già - em bé, dù nghe như một cặp bong bóng cạ vào nhau nhưng dường như chạm đến chính linh hồn đất nước. Như một ảo thuật gia giữa buổi tiệc sinh nhật của trẻ con, ông biểu diễn những trò xảo thuật và hô biến ra những món đồ chơi từ không khí. Với ai, ông cũng có gì đó để cho. Ông sốc điện những kẻ sô vanh Ấn giáo (họ thì đã sẵn háo hức vì bản đồ Mẹ Ấn rồi) bằng tiếng hô xung trận xưa rích vẫn

gây tranh cãi, *Vande Mataram!* Chào Mẹ! Khi một số người Hồi giáo thấy khó chịu, ủy ban sắp xếp cho một ngôi sao điện ảnh Hồi giáo từ Bombay đến thăm, ngồi trên bệ cao cạnh ông già hơn một tiếng đồng hồ mà đội mũ cầu nguyện của người Hồi giáo (chuyện mà bình thường anh ta không bao giờ làm) để nhấn mạnh thông điệp Thống nhất trong Đa dạng. Với đám nệ cổ thì ông già trích dẫn Gandhi. Ông nói rằng hệ thống đẳng cấp là cái cứu rỗi cho Ấn Độ. “Mỗi đẳng cấp phải làm công việc họ được sinh ra để làm, nhưng mọi công việc đều phải được quý trọng.” Khi dân Dalit nổi nộ, đưa con gái nhỏ của một người quét rác đô thị được cho diện váy mới và ngồi cạnh ông cùng một chai nước mà ông thỉnh thoảng nhấp một hớp. Với đám luân lý hiếu chiến thì khẩu hiệu của ông già là *Trộm thì phải chặt tay! Khung bố thì phải treo cổ!* Với những kẻ dân tộc chủ nghĩa thuộc mọi tầng lớp ông gào lên, “*Doodh maangogey to kheer dengey! Kashmir maangogey to chiir dengey!*” - Đòi sữa, chúng ta cho các người kem! Đòi Kashmir, chúng ta xé xác các người ra!

Trong các buổi phỏng vấn, ông cười nụ cười dính cả bột ăn dặm Farex và mô tả những thú vui của cuộc sống đơn sơ, chay tịnh của mình trong căn phòng thông với ngôi đền ở làng, và giải thích việc thực hành *rail sadhana* - hãm tinh - của Gandhi đã giúp ông duy trì sinh lực trong suốt kỳ tuyệt thực ra sao. Để minh họa điều này, đến ngày tuyệt thực thứ ba, ông ra khỏi giường, mặc kurta* quần dhoti*

trắng chạy lon ton quanh sân khấu và gồng các bắp tay phập phồng. Thiên hạ cười rồi khóc, rồi đem con đến cho ông ban phước.

Lượng người xem truyền hình tăng vọt. Quảng cáo tới tấp. Chưa bao giờ người ta thấy một con cuồng thế này, ít ra cũng kể từ hai mươi năm trước, khi mà vào Ngày Phép Lạ Đồng thời, người ta báo lại là tượng thần Ganesh trong các ngôi đền trên khắp thế giới bắt đầu nhất loạt uống sữa.

Nhưng bây giờ ông già tuyệt thực đến ngày thứ chín rồi, và đã dành kho dự trữ tinh dịch không phun ra, ông yếu đi thấy rõ. Chiều hôm đó tin đồn về mức creatinine của ông tăng và thận suy đã bay khắp thành phố. Đám tai to mặt lớn xếp hàng bên giường ông rồi chụp hình cầm tay ông và (dù không ai thực bụng tin sẽ đến nước đó) giục ông đừng chết. Các nhà công nghiệp đã bị vạch trần lừa đảo cúng tiền vào phong trào của ông, hoan hô sự tận tụy trước sau như một của ông với nguyên tắc bất bạo động. (Những thứ ông kê toa như chặt tay, treo cổ moi ruột được chấp nhận như lời cảnh cáo hợp lẽ.)

Những kẻ tương đối khá giả trong đám hâm mộ ông già, những kẻ được ban phước với các nhu cầu vật chất của cuộc sống, nhưng chưa kinh qua chuyện tăng adrenaline, nếm mùi phần hận chính đáng sẽ có khi tham gia biểu tình quần chúng, đi xe hơi và mô tô đến, vẫy quốc kỳ và hát bài ca yêu nước. Chính phủ của Thỏ Mắc Bẫy, từng là cứu tinh của phép màu kinh tế Ấn Độ, tê liệt.

Ở Gujarat xa xôi, Gujarat ka Lalla nhận ra sự xuất hiện của ông già - em bé như một dấu hiệu từ thần linh. Với bản năng không thể sai lệch của một con thú săn mồi, ông ta tăng tốc Bước tiến về Delhi. Đến ngày thứ năm kỳ tuyệt thực của ông già, Lalla cấm chốt (nói một cách ẩn dụ) ngoài cổng thành. Quân đội hiếu chiến của ông tràn vào Jantar Mantar. Họ làm ông già phát ngợp trong những tuyên bố ủng hộ huênh hoang. Cờ của họ lớn hơn, họ hát to hơn những người khác. Họ dựng các quây và phát thức ăn miễn phí cho người nghèo. (Họ có ê hề quỹ tài trợ từ các giáo trưởng triệu phú ủng hộ Lalla.) Họ được dặn nghiêm ngặt không quần khăn đầu vàng nghệ đặc trưng, không cầm cờ vàng nghệ và không bao giờ nhắc đến tên tục của Con cung Gujarat dù là lỗ miệng. Vậy mà có tác dụng. Trong vòng mấy ngày họ đã làm được cú chuyển giao quyền lực êm thấm. Đám chuyên gia trẻ bấy nay làm việc cật lực để ông già trở nên nổi tiếng bị truất phế khi họ, hoặc ngay cả ông, còn chưa kịp hiểu chuyện gì xảy ra. Đồng cỏ Vui Vầy thất bại. Và không ai nhận ra. Thỏ Mặc Bầy chết chắc. Sớm thôi Con cung sẽ tiến vào Delhi. Người của ông ta, đeo mặt nạ giấy hình ông, sẽ công kênh ông trên vai mà hò reo tên ông - *Lalla! Lalla! Lalla!* - rồi đặt ông lên ngai. Nhìn đâu ông cũng chỉ thấy mình. Hoàng đế mới của Hindustan*. Ông là đại dương. Ông là vô tận. Ông chính là nhân loại. Nhưng chuyện đó thì hãy còn một năm nữa.

Lúc này ở Jantar Man tar, đám người ủng hộ ông gào khản cổ về sự tham nhũng chính phủ. (*Murdabad! Murdabad!* Đả đảo! Đả đảo! Đả đảo! Đả đảo!) Đến tối họ nhào về nhà để xem mình trên truyền hình. Cho đến sáng hôm sau họ quay lại thì ông già và “nhóm nòng cốt” ít ỏi người ủng hộ trông có chút chổng chơ dưới cái lều trắng phồng to đủ lớn để có chỗ cho đám đông hàng nghìn người.

Ngay cạnh lều chống tham nhũng, trong một không gian được vạch ranh giới rõ ràng dưới tàn cây me cổ thụ xòe rộng, một nhà hoạt động Gandhi nổi tiếng khác đã nguyện tuyệt thực đến chết, nhân danh hàng nghìn nông dân và dân bộ tộc bản địa bị chính quyền tịch thu đất để giao cho một tập đoàn hóa dầu làm mỏ than tự tiêu thụ tại chỗ và nhà máy nhiệt điện ở Bengal. Đó là lần biểu tình tuyệt thực vô thời hạn thứ mười chín trong sự nghiệp của bà. Mặc dù bà là một phụ nữ đẹp có bím tóc dài đẹp mắt, nhưng bà kém nổi tiếng với các máy quay truyền hình hơn ông già nhiều. Lý do của chuyện này không có gì là kỳ bí. Tập đoàn hóa dầu sở hữu hầu hết các kênh truyền hình và quảng bá rầm rộ trên các kênh khác. Vậy nên các nhà bình luận giận dữ làm khách mời trên trường quay lên án bà, nói bóng gió là bà đang được một “thế lực nước ngoài” tài trợ. Một số lớn nhà bình luận và cả nhà báo cũng nằm trong bảng lương của tập đoàn nên dốc hết sức mình cho ông chủ. Nhưng trên vỉa hè, những người xung quanh yêu thương bà. Những nông dân tóc hoa râm quạt muối trên

mặt bà. Những đàn bà nông dân mạnh khỏe xoa bóp chân cho bà và nhìn bà trầu mếu. Những nhà hoạt động tập sự, một số là sinh viên trẻ từ châu Âu và Mỹ đến, mặc áo quần hippy thùng thình, soạn các thông cáo báo chí rối rắm cho bà trên máy tính xách tay. Một vài nhà trí thức và công dân quan tâm ngồi xổm trên vỉa hè giải thích quyền nông dân cho những nông dân đã đấu tranh cho quyền lợi của mình hàng năm trời. Nghiên cứu sinh từ các trường đại học nước ngoài đang viết về các phong trào xã hội (một đề tài cực kỳ được săn đón) tiến hành những buổi phỏng vấn dài với nông dân, mừng vì thực địa nghiên cứu của mình đã đến thành phố thay vì chính họ phải lặn lội ra tận vùng thôn quê không có nhà vệ sinh và nước sạch khó kiếm.

Cả chục tên đàn ông lực lưỡng mặc thường phục nhưng kiểu tóc không thường dân (đằng sau và hai bên ngắn) mang tất và giày không thường dân (tất ka-ki, ủng nâu) đã tản ra trong đám đông, nghe lén rành rành các cuộc chuyện trò. Một số giả làm phóng viên đi quay hình các cuộc chuyện trò bằng camera cầm tay nhỏ. Họ đặc biệt để ý những người ngoại quốc trẻ (nhiều người trong số đó sẽ sớm thấy bị từ chối thị thực).

Đèn truyền hình làm cho bầu không khí đã nóng lại càng nóng hơn. Bầy thiêu thân đập rào rào vào các luồng sáng và đêm có mùi côn trùng cháy khét. Mười lăm người tàn tật nặng, ừ ừ mệt mỏi sau một ngày dài nóng bức đi ăn xin, lảng vảng trong bóng tối, ngay bên ngoài quảng sáng,

ngủ ngoi tấm lưng gầy gập và chân tay rã rời trên các xe lăn nhà nước cấp. Đám nông dân bị di dời và lãnh tụ nổi tiếng của họ đã chuyển những người tàn tật ra khỏi vạt vĩa hè mát nhất, râm nhất họ vẫn tá túc. Vậy nên sự đồng tình của họ về hẳn bên ngành công nghiệp hóa dầu. Họ muốn biểu tình của nông dân sớm dứt để còn đòi lại chỗ.

Cách đó một quãng, có một ông để mình trần, dán chanh vàng đầy mình bằng keo siêu dính, hút sột sột nước xoài đặc trong hộp giấy nhỏ. Ông không chịu nói lý do tại sao mình dán chanh lên da hay tại sao ông uống nước ép xoài, dù rằng có vẻ như ông đang khuyến khích dùng chanh, rồi sừng cổ khi có ai hỏi. Một lao động tự do khác, tự xưng là “nghệ sĩ trình diễn”, cố ý lãng vãng qua các đám đông, mặc com lê thắt cà vạt và đội mũ quả dưa kiểu Anh. Nhìn xa, bộ com lê anh ta mặc trông như được in đầy seekh kebab*, nhưng nhìn kỹ hơn thì hóa ra đó là những cục phân có hình thù hoàn hảo. Hoa hồng đỏ héo queo cài trên cổ áo đã thâm xỉ. Một góc tam giác khăn tay trắng lấp ló nơi túi trước ngực. Khi người ta hỏi thông điệp của anh ta là gì, nét tươi mới tương phản với sự lỗ mãng của ông Chanh, anh ta kiên nhẫn giải thích rằng cơ thể mình là công cụ và anh ta muốn cái gọi là thế giới “văn minh” mất đi sự ác cảm với phân và công nhận rằng phân cũng chỉ là thực phẩm đã qua chế biến. Và ngược lại. Anh ta còn giải thích rằng mình muốn đưa nghệ thuật ra khỏi bảo tàng và đem nó đến cho “nhân dân”.

Ngồi gần ông Chanh (ông hoàn toàn không đếm xỉa gì đến họ) là Anjum, Saddam Hussain và thầy Hameed. Cùng với họ là một hijra trẻ trông lộng lẫy, Ishrat, khách tại nhà trọ Jannat từ Indore đến. Dĩ nhiên đó là sáng kiến của Anjum - mong muốn “giúp người nghèo” bấy lâu khiến chị đề nghị họ đến Jantar Mantar để nhìn tận mắt “cuộc đấu tranh giành tự do lần thứ hai” mà các kênh truyền hình quảng cáo là gì. Saddam gạt đi: “Chị không cần tới tận đó mới biết. Tôi nói chị nghe luôn đây cũng được - đó là đồ chó má của mọi trò lừa đảo.” Nhưng Anjum vẫn cương quyết nên đương nhiên Saddam sẽ không để chị đi một mình. Thế là họ tạo thành một nhóm nhỏ, Anjum, Saddam (vẫn đeo kính râm) và Nimmo Gorakhpuri. Thầy Hameed, ghé qua thăm Anjum, bị cưỡng bức đi theo chuyến thám hiểm, Ishrat trẻ cũng vậy. Họ quyết định đi buổi tối khi các đám đông tương đối thưa hơn. Anjum ăn mặc giản dị hơn, lựa bộ Pathan tối màu, mặc dù chị không cưỡng được một cái kẹp tóc, một tấm dupatta và chút son môi. Ishrat ăn mặc như thể ở đám cưới của chính mình - một kurta hồng chói lọi đính kim sa và một salwar Patiala* xanh lá. Cô mặc kệ mọi lời can ngăn mà thoa son hồng rực rỡ và đeo trang sức đủ thấp sáng cả màn đêm. Nimmo chở Anjum, Ishrat và thầy Hameed bằng xe riêng. Saddam đã thu xếp gặp họ ở đấy. Anh cưới Payal đến Jantar Mantar rồi cột nó vào hàng rào cách đó một đoạn (và hứa cho một thằng nhóc đánh giày ngổ ngáo hai thanh kẹo sô cô la và mười rupee để trông

chừng con ngựa). Cảm thấy Nimmo Gorakhpuri nhấp nhóm, Saddam cố giúp vui chị bằng mấy đoạn phim về thú mà anh có trong điện thoại - một số anh tự quay, những con chó, mèo, bò lạc anh bắt gặp mỗi ngày lặn lội khắp thành phố, một số thì anh được bạn bè gửi qua WhatsApp: *Xem này, anh bạn ấy tên là Chaddha Sahib. Nó không bao giờ sửa. Mỗi ngày cứ đúng 4 giờ chiều là nó tới công viên này chơi với con bồ của nó. Con bồ này khoái cà chua lắm. Ngày nào tôi cũng đem cho nó một ít. Con này bị ngứa nặng. Chị có thấy con sư tử đang đứng trên hai chân mà hôn cô này không...? Phải, là đàn bà đó. Ta sẽ biết khi cô ta quay người lại...* Vì không video nào quay về dê hay thời trang phụ nữ phương Tây, chúng không giúp Nimmo Gorakhpuri đỡ buồn chán được nên chẳng mấy chốc chị ta xin kiểu và bỏ về. Anjum thì lại thấy hút hồn theo cái xôn xao, biểu ngữ và những khúc chuyện trò chị nghe được. Chị một hai muốn họ ở lại để “biết đôi chút”. Thế là, như bao người trên vỉa hè, họ ngồi chụm một góc riêng. Đứng đó ở đó rồi, Anjum cử công sứ của mình đi - đại sứ đặc mệnh toàn quyền, Saddam Hussain - từ nhóm này sang nhóm khác để tìm hiểu chớp nhoáng xem họ là dân miền nào đến, họ phản đối cái gì và họ yêu sách cái gì. Saddam tuân lệnh đi từ gian này sang gian khác như người đi mua sắm ở chợ trời chính trị, chốc chốc quay về để tóm tắt cho Anjum nghe những gì anh nghe được. Chị ngồi khoanh chân dưới đất, cúi tới chăm chú lắng nghe, gật gù, cười mỉm, nhưng không nhìn Saddam khi anh nói bởi vì đầu chị quay đi và

đôi mắt sáng rực chú mục vào nhóm nào anh đang nói tới. Thấy Hameed không hứng thú chút nào với thông tin Saddam đem về. Nhưng đây là một chuyển đổi gió đáng mừng khỏi nếp sinh hoạt hằng ngày nên thầy hài lòng tham gia và vừa ngâm nga một mình vừa lơ đãng nhìn quanh. Ishrat, ăn mặc không phù hợp và phù phiếm kỳ lạ, cứ chụp selfie từ nhiều góc độ với nhiều phong nền khác nhau. Dù không ai để ý gì mấy đến cô (đây không phải cuộc thi thố giữa cô và ông già - em bé) cô cũng cẩn thận không đi quá xa tổng hành dinh. Có lúc cô với thầy Hameed lên con cười rúc rích như mấy nữ sinh. Khi Anjum hỏi có gì mà buồn cười vậy, thầy Hameed kể chị nghe mấy đứa cháu ông chỉ cho bà của chúng gọi ông (chồng bà) là một *bloody fucking bitch** mà tội nó làm cho bà tưởng là lỗi nói âu yếm trong tiếng Anh.

“Bà ấy có biết mình đang nói gì đâu, trông bà ấy thật dễ thương khi nói câu đó,” thầy Hameed vừa nói vừa cười. “*Bloody fucking bitch*! Bà xã gọi tôi vậy đó...”

“Nó nghĩa là sao?” Anjum hỏi. (Chị biết từ tiếng Anh *bitch* nghĩa là gì, nhưng không biết *bloody* với *fucking*.) Thấy Hameed chưa kịp mở miệng giải thích (dù chính ông cũng không chắc, ông chỉ biết là nó xấu), thì họ phải ngừng vì một thanh niên tóc dài, để râu, mặc đồ lòng thùng, xoàng xĩnh với một cô gái cũng ăn mặc xoàng xĩnh tương tự, để xoa mái tóc xù lộn lẩy. Họ giải thích là đang làm phim tài liệu về Biểu tình và Phản kháng, và một trong

những nhạc hiệu lặp đi lặp lại trong phim là cho người biểu tình nói, “Một thế giới khác là có thể” bằng bất cứ ngôn ngữ nào. Ví dụ, nếu tiếng mẹ đẻ của họ là Hindi hay Urdu, họ có thể nói, “*Doosri duniya mumkin hai...*” Họ vừa sắp đặt máy quay vừa giải thích và yêu cầu Anjum nhìn thẳng vào ống kính khi nói. Họ không biết “*duniya*” có nghĩa là gì trong từ điển của Anjum. Còn Anjum, không biết mô tả ắt giáp gì, nhìn vào máy quay. “*Hum doosri Duniya se aaye hain,*” chị sốt sắng giải thích, nghĩa là: Bọn tôi đến từ đó... từ thế giới khác.

Hai nhà làm phim trẻ, còn cả đêm dài phải làm việc trước mặt, liếc nhìn nhau rồi quyết định cứ tiếp tục còn hơn là cố giải thích ý mình là sao bởi như vậy thì sẽ mất quá nhiều thời gian. Họ cảm ơn Anjum rồi băng qua đường sang vỉa hè bên kia có một vài nhóm đã giăng lều riêng rồi.

Trong lều đầu tiên, bảy người đàn ông đầu cạo, quần dhoti trắng, đã thề tịn khẩu, quả quyết rằng họ sẽ không nói cho đến bao giờ tiếng Hindi được công nhận là quốc ngữ của Ấn Độ - tiếng mẹ đẻ chính thức - trong hai mươi hai ngôn ngữ chính thức và hàng trăm ngôn ngữ không chính thức khác. Ba người đầu trọc đã ngủ còn bốn người kia kéo khẩu trang trắng (đồ nghề “thề tịn khẩu” của họ) xuống để uống trà lúc khuya. Vì họ không nói, hai nhà làm phim đưa cho họ một áp phích nhỏ có ghi *Một thế giới khác là có thể* để giơ lên. Họ cẩn thận để tám biểu ngữ có yêu sách công nhận tiếng Hindi là quốc ngữ nằm ngoài khuôn

hình, bởi cả hai nhà làm phim đều công nhận yêu sách đó có hơi lạc hậu. Nhưng họ thấy rằng mấy ông đầu cạo trọc đeo khẩu trang đem lại bố cục hình ảnh tốt cho phim của họ, không nên bỏ qua.

Chiếm một phần đáng kể trên vỉa hè khá gần mấy ông cạo đầu là năm mươi đại diện cho hàng nghìn người bị thương tật trong vụ rò rỉ khí của Union Carbide ở Bhopal năm 1984. Họ ngồi vỉa hè đã hai tuần nay rồi. Bảy người trong số họ đang biểu tình tuyệt thực vô thời hạn, tình trạng của họ đều đều giảm sút. Họ đã cuộc bộ từ tận Bhopal lên Delhi, hàng trăm cây số dưới mặt trời mùa hè thiêu đốt, để đòi bồi thường: nước sạch và chăm sóc y tế cho họ cùng các thế hệ trẻ em biến dạng ra đời sau vụ rò rỉ khí ga. Thỏ Mắc Bẫy từ chối gặp nhóm dân Bhopal. Các tổ truyền hình không hứng thú với họ; cuộc đấu tranh xưa rích rồi không làm bản tin được. Hình chụp những đứa bé dị dạng, thai nhi biến dạng bị sấy trong các lọ chứa phoóc-môn và hàng nghìn người tử vong, thương tật và bị mù trong vụ rò rỉ khí ga được treo đầy như cờ trang trí rừng rợn trên các hàng rào. Trên một màn hình ti vi nhỏ (họ xoay xổ câu điện từ một nhà thờ gần đó) phim cũ loang lổ chiếu đi chiếu lại không dứt: một Warren Anderson trẻ trung nhí nhảnh, CEO người Mỹ của tập đoàn Union Carbide, đến sân bay Delhi vài ngày sau thảm họa. “Tôi vừa tới nơi,” anh ta nói với cánh phóng viên xô đẩy. “Tôi vẫn chưa được biết chi tiết. Nên này! Mọi người muốn tôi nói gì

chứ?” Rồi anh ta nhìn thẳng vào máy quay truyền hình và vẫy chào, “Chào mẹ!”

Cả đêm anh ta cứ nói: “Chào mẹ! Chào mẹ! Chào mẹ! Chào mẹ! Chào mẹ...”

Một tấm biểu ngữ cũ, bạc phếch vì đã dùng hàng chục năm, ghi, *Warren Anderson là tội phạm chiến tranh*. Một tấm mới hơn ghi, *Warren Anderson giết nhiều người hơn cả Osama bin Laden*.

Bên cạnh dân Bhopal là Hiệp hội Kabaadi-Wallah (dân tái chế ve chai) của Delhi và Liên đoàn công nhân cống rãnh, biểu tình phản đối tư hữu hóa và tập đoàn hóa rác thải cùng hệ thống cống rãnh thành phố. Tập đoàn bỏ thầu và thắng thầu cũng là tập đoàn được giao đất của nông dân để làm nhà máy điện. Nó đã điều hành phân phối điện nước trong thành phố. Giờ đây nó lại còn sở hữu cả hệ thống thoát phân và chất thải của thành phố.

Ngay bên cạnh hội người nhặt ve chai và công nhân cống rãnh là phần xa hoa nhất trên vỉa hè, một nhà vệ sinh công cộng lấp lánh có kính nổi và sàn đá granite bóng láng. Đèn nhà vệ sinh mở suốt ngày đêm. Mất một rupee để tiểu tiện, hai để đại tiện và ba để tắm. Không mấy ai trên vỉa hè trả nổi mức giá này. Nhiều người tè bên ngoài nhà vệ sinh, lên tường. Vậy là, dù nhà vệ sinh sạch bong bên trong, bên ngoài nó lại bốc mùi hôi khảm mịt mờ của nước tiểu lâu ngày. Chuyện này không phải vấn đề gì mấy đối với ban quản lý; thu nhập của nhà vệ sinh là từ nơi khác. Vách

tường bên ngoài kèm luôn bảng quảng cáo, mỗi tuần một thứ mới.

Tuần này là xe hơi sang trọng đời mới của Honda. Bảng quảng cáo có nhân viên bảo vệ riêng. Gulabiya Vechania sống dưới một tấm nhựa xanh nhỏ ngay cạnh bảng quảng cáo. Chỗ ở này đã là hơn một bậc so với nơi ban đầu anh sống. Một năm trước, khi anh mới tới thành phố, vì kinh hoàng cũng như vì bắt buộc, Gulabiya sống trên cây. Giờ đây anh đã có việc làm, và cái gần như mái che đầu. Tên công ty bảo vệ anh làm việc được thuê trên cầu vai cái sơ mi xanh bản thủ anh mặc: TSGS Security. (Một dịch thủ đáng gờm cho BAVS - Bình An Vô Sự của mục chó cái Sangeeta *Haramzaadi*.) Công việc của anh là ngăn hành vi phá hoại, nói riêng là ngăn những hành động tái diễn của một số kẻ vô lại là tè ngay lên tấm bảng. Anh làm bảy ngày một tuần, mười hai tiếng mỗi ngày. Đêm đó Gulabiya say nên ngủ quên thì có kẻ nào đó phun chữ *Inqilab Zindabad!* Cách Mạng muôn năm! ngang qua chiếc Honda City màu bạc. Bên dưới, kẻ nào khác nguệch ngoạc một bài thơ.

Chheen li tumne garib ki rozi roti
Aur laga diye hain fees karne pe tatti
Bây cướp miếng cơm của dân nghèo
Rồi còn phạch vé đòi tiền cút

Sáng ra Gulabiya sẽ mất việc. Hàng nghìn người như anh sẽ xếp hàng hi vọng thế chỗ anh. (Một người có thể

chính là nhà thơ đường phố.) Nhưng tạm thời lúc này thì Gulabiya ngủ ngon và mơ mộng. Trong mơ anh có đủ tiền để nuôi thân và gửi chút đỉnh về quê cho gia đình. Trong mơ ngôi làng của anh vẫn còn. Không phải ở dưới đáy hồ chứa đập. Cá không bơi qua cửa sổ nhà anh. Cá sấu không đâm thủng cành cao của những cây bông gòn. Du khách không chèo thuyền qua những cánh đồng của anh, bỏ lại từng đám mây cầu vồng diesel trên bầu trời. Trong mơ, anh trai Luariya không phải là hướng dẫn viên ở địa điểm xây đập có nhiệm vụ giới thiệu những phép màu con đập tạo ra. Mẹ anh không làm lao công trong nhà một kỹ sư đập được xây trên mảnh đất mà bà từng sở hữu. Bà không phải hái trộm xoài trên chính cây của mình. Bà không sống ở một khu tái định cư trong cái chòi tôn mà vách và mái tôn nóng đến độ chiên hành trên đó cũng được. Trong giấc mơ của Gulabiya, dòng sông của anh vẫn chảy, vẫn sống. Lũ trẻ cời trần vẫn ngồi trên mấy mòm đá, thổi sáo, nhảy ùm xuống nước bơi giữa bầy trâu khi trời nắng quá. Ở đó có báo đốm, rồi nai, rồi gấu lợn trong rừng cây sala khoác áo cho vùng đồi bên trên làng mà những dịp lễ lạt hội hè dân làng anh sẽ tụ tập cùng trống rồi uống rượu nhảy múa mấy ngày liền.

Tất cả những gì anh bỏ lại từ quãng đời cũ, giờ đã thành ký ức, ống sáo của anh và hoa tai của anh (mà anh không được phép đeo khi làm việc).

Không giống Gulabiya Vechania tặc trách, đã không làm

tròn phen sự bảo vệ chiếc Honda City bạc, Janak Lal Sharma, “phụ trách” nhà vệ sinh, thức cả đêm và cần cù làm việc. Cuốn sổ khách quần quoe được anh ghi chép đầy đủ. Tiền trong ví được anh sắp xếp kỹ càng, theo mệnh giá. Anh có một túi riêng để đựng tiền xu. Anh kiếm thêm thu nhập bằng cách cho các nhà hoạt động, phóng viên và người quay phim truyền hình sạc điện thoại, laptop và pin máy quay nơi ở điện trong nhà vệ sinh với giá bằng sáu lần tám và một lần đại tiện (tức là hai mươi rupee). Thỉnh thoảng anh cho người ta đi ị với giá đi tè và không ghi vào sổ. Lúc đầu anh hơi dè chừng các nhà hoạt động chống tham nhũng. (Không khó nhận diện đám này - họ ít vẻ nghèo nàn hơn và hung hăng hơn mấy người kia. Dù họ ăn mặc đúng điệu quần jean áo thun, hầu hết đội mũ Gandhi trắng dán ảnh phôi sáng của ông già - em bé có nụ cười bột ần dậm Farex). Janak Lal Sharma cẩn thận thu họ đúng phí, rồi cẩn thận và chính xác ghi lại tính chất mỗi lần dõc bầu tâm sự. Nhưng một số người, nhất là đám thứ hai mới đến, còn hung hăng hơn cả đám đầu, dần dà bất bình vì bị tính tiền nhiều hơn người khác. Được ít lâu thì cả với họ, có hàng nghìn người, nó cũng thành chuyện làm ăn như bình thường. Với thu nhập có thêm anh giao lại nhiệm vụ làm sạch nhà vệ sinh - một người đẳng cấp và gia cảnh như anh mà phải làm chuyện đó thì không sao tưởng tượng được (anh là một Bà La Môn) - cho Suresh Balmiki, mà như tên anh cũng chỉ rõ, thuộc về cái mà hầu hết người Ấn công khai, còn chính quyền lén lút, nghĩ là đẳng cấp dọn phen.

Cùng với sự bất ổn ngày càng tăng trong nước, dòng người biểu tình không ngớt đổ tới vỉa hè, rồi toàn bộ tin tức truyền hình, thậm chí dành riêng khoản trả cho Suresh Balmiki rồi, Janak Lal vẫn kiếm đủ để trả hết tiền mua một căn hộ dành cho người thu nhập thấp.

Đối diện nhà vệ sinh, bên phía đường dành cho tổ truyền hình (nhưng cách một quãng ý thức hệ đáng kể), là cái mà mọi người trên vỉa hè gọi là Ranh Giới: các nhà dân tộc chủ nghĩa Manipur đòi bãi bỏ đạo luật Quyền hạn Đặc biệt Lực lượng Vũ trang, đạo luật hợp pháp hóa việc quân đội Ấn giết khi “thấy nghi ngờ”; dân tị nạn Tây Tạng kêu gọi một Tây Tạng tự do; và khác thường nhất (cũng nguy hiểm nhất, cho họ), Hội các bà mẹ của Người mất tích, những người mẹ có con trai mất tích trong cuộc chiến đòi tự do ở Kashmir. (Do vậy mà cũng rộn người khi có cái đoạn nhạc cứ lặp đi lặp lại “Chào mẹ! Chào mẹ! Chào mẹ!” Tuy nhiên, các bà mẹ của những người mất tích không nhận thấy cái vẻ ma quái này vì họ nghĩ mình là *moj* - “mẹ” trong tiếng Kashmir - chứ không phải *mom* trong tiếng Anh.)

Đó là lần đầu Hội đến Siêu thủ đô. Không phải họ đều là mẹ; những người vợ, người chị và một số con nhỏ của người mất tích cũng đến. Mỗi người mang theo một bức hình con trai, anh hay chồng mất tích. Biểu ngữ của họ ghi:

Câu chuyện của Kashmir

NGƯỜI CHẾT = 68.000

NGƯỜI MẤT TÍCH = 10.000

Đây là Democracy hay *Demon Crazy*?*

Không có máy quay truyền hình nào hướng vào biểu ngữ đó, nhỡ tay cũng không. Hầu hết những người tham gia cuộc đấu tranh giành tự do lần hai của Ấn Độ thấy chẳng có gì xúc phạm hơn cái ý tự do cho Kashmir và sự càn quấy của phụ nữ Kashmir.

Một số bà mẹ, giống như một số nạn nhân vụ rò rỉ khí ga Bhopal, cũng đã phần nào thấm mệt. Họ đã kể câu chuyện của mình tại vô số các cuộc họp và phiên tòa trong các siêu thị nổi sần quốc tế, cùng với nạn nhân của các cuộc chiến khác ở những nước khác. Họ đã khóc thường xuyên và không che giấu, vậy mà có được gì đâu. Nỗi kinh hoàng họ đang trải qua đã thành lớp vỏ chai cứng, đắng cay.

Chuyến đi đến Delhi hóa ra là một trải nghiệm không vui cho Hội. Buổi chiều các mẹ, các chị bị vặn vẹo hăm he tại buổi họp báo bên đường của họ, rồi cuối cùng cảnh sát đã phải can thiệp và giăng dây vây các mẹ lại. “Khủng bố Hồi giáo không xứng hưởng nhân quyền!” Đám ủng hộ chìm của Gujarat ka Lalla gào lên. “Chúng tôi đã thấy tội diệt chủng của các người! Chúng tôi đã đổi mặt thanh lọc sắc tộc của mấy người! Dân chúng tôi sống trong trại tị nạn hai mươi năm nay rồi!” Một số thanh niên nhổ nước bọt vào hình những người đàn ông Kashmir chết và mất tích. “Tội

diệt chủng” và “thanh lọc sắc tộc” họ nhắc đến là người Kashmir Ấn giáo di cư hàng loạt khỏi thung lũng Kashmir khi cuộc đấu tranh giành tự do đã thành cuộc chiến trong những năm 1990, và một số chiến binh Hồi giáo quay qua tấn công dân cư Ấn giáo ít ỏi. Vài trăm người Ấn đã bị tàn sát theo những cách rùng rợn, và khi chính phủ thông báo không thể bảo đảm an toàn cho họ, hầu như toàn bộ dân cư Ấn giáo ở Kashmir, gần hai trăm nghìn người, chạy trốn khỏi thung lũng và chuyển vào các trại tị nạn trong vùng đồng bằng Jammu, nơi mà vẫn còn nhiều người đang sống. Vài tên thuộc hạ của Lalla trên vỉa hè hôm ấy là người Ấn giáo ở Kashmir đã tan nhà nát cửa, mất người thân và tất cả những gì họ từng biết.

Có lẽ đau đớn cho các mẹ hơn cho đám khạc nhổ là ba nữ sinh mảnh như cây bút chì, ăn mặc điệu dàng sáng hôm đấy đi ngang trên đường đến Connaught Place mua sắm. “Ái chà! Kashmir! *Dui* quá! Hình như bây giờ đã bình thường hẳn rồi, *ha*, an toàn cho du khách. Bọn mình đi không? Chắc ở đó đẹp sững sờ luôn.”

Hội các mẹ quyết định cố cầm cự cho hết đêm rồi không bao giờ trở lại Delhi nữa. Ngủ ngoài đường là một trải nghiệm mới với họ. Ở quê, họ đều có những túp nhà xinh xắn với vườn rau. Đêm đó, họ có một bữa ăn đạm bạc (đó cũng là một trải nghiệm mới), cuộn các biểu ngữ lại và cố ngủ, chờ trời hửng sáng, ngóng tới chuyến hành trình quay về thung lũng xinh đẹp, bị chiến tranh tàn phá.

Chính tại đây, ngay cạnh các mẹ của người mất tích, đứa bé im lìm của chúng ta xuất hiện. Phải một lúc các mẹ mới nhận ra nó, bởi vì nó có màu của đêm. Một sự vắng mặt in hình rõ nét nơi những cái bóng dưới đèn đường. Hơn hai mươi năm sống với những đợt trừng trị thẳng tay, chiến dịch vây ráp và tiếng gõ cửa lúc nửa đêm (chiến dịch Hồ, chiến dịch Diệt rắn, chiến dịch Bắt giết) đã dạy các mẹ đọc được bóng tối. Nhưng nếu là trẻ sơ sinh, những thứ duy nhất họ từng quen thì trông như những đóa hoa hạnh nhân với hai má quả táo. Các mẹ của người mất tích không biết phải làm gì với một đứa bé vừa Xuất hiện.

Không thể là một đứa *da đen*

Kruhun kaal

Không thể là một *bé gái* da đen

Kruhun kaal hish

Không thể là đứa được quẩn trong rác rưởi

Shikas ladh

Tiếng xì xầm chuyển quanh vỉa hè như một gói hàng. Câu hỏi dần biến thành thông báo: “Bhai baccha kiska hai?” Đứa bé này con ai?

Im lặng.

Rồi có người nói đã thấy người mẹ nôn mửa trong công viên lúc chiều. Ai khác lại nói, “Ô không, không phải chị ta đâu.”

Có người nói chị ta là một người ăn xin. Có người nói chị

ta là nạn nhân cưỡng hiếp (đây là một từ trong mọi ngôn ngữ).

Có người nói chị ta đến cùng một nhóm người ở đó hồi sớm tổ chức vận động lấy chữ ký để phóng thích các tù chính trị. Người ta đồn đại đó là tổ chức Mặt trận cho Đảng Mao bị cấm đang đánh du kích trong vùng rừng Trung Ấn. Có người khác nói, “Ô không, đó không phải chị ta đâu. Chị ta có một mình thôi. Chị ta ở đây mấy ngày nay rồi.”

Có người nói chị ta là người tình cũ của một chính trị gia, bị bỏ rơi sau khi chị có mang.

Ai nấy đều đồng tình rằng chính trị gia là những tên khốn. Chuyện đó cũng không giải quyết được vấn đề:

Làm gì với đứa nhỏ đây?



Có lẽ biết mình đã thành trung tâm chú ý, hoặc có lẽ vì hoảng sợ, đứa bé im lặng cuối cùng cũng khóc oe oe. Một người đàn bà bế nó lên. (Sau này, người ta tả là cô cao, cô thấp, cô da đen, cô da trắng, cô đẹp, cô không đẹp, cô già, cô trẻ, cô là người lạ, thường thấy cô ở Jantar Mantar.) Một mảnh giấy gấp lại nhiều lần thành viên nhỏ vuông vức, dán bằng keo dọc một cạnh, xỏ vào sợi dây đen dày buộc quanh bụng đứa bé. Người phụ nữ (đẹp, không đẹp, cao, thấp) gỡ bằng keo ra đưa mẫu giấy cho người khác đọc. Lời nhắn viết bằng tiếng Anh và mơ hồ: *Tôi không chăm sóc cho đứa bé này được. Nên tôi để nó lại đây.*

Cuối cùng, sau nhiều rì rầm hội ý, chần chừ, buồn bã, miễn cưỡng, đám người quyết định rằng đứa bé là vấn đề của cảnh sát.

Saddam chưa kịp ngăn thì Anjum đã đứng lên bước nhanh về nơi đường như là Ủy ban Phúc lợi Trẻ em thành lập tự phát. Chị cao hơn hầu hết mọi người một cái đầu, nên đi theo chị chẳng khó khăn gì. Khi chị đi qua đám đông, mấy cái chuông trên lắc chân chị, khuấy bên dưới chiếc salwar rộng, kêu *canh canh canh*. Với Saddam, bỗng nhiên hoảng sợ, mỗi tiếng *canh canh canh* nghe như tiếng súng. Đèn đường xanh lam soi sáng cái bóng mờ của đám lông bạc trắng tua tủa trên làn da ngăm, rỗ hoa của Anjum, giờ lấp loáng mồ hôi. Khoen mũi lấp lóe trên cái mũi đường bộ khoằm xuống như mỏ con chim săn mồi. Có cái gì đó xỗ lông trong chị, cái gì đó không cân đo mà vẫn tuyệt đối chắc chắn - có lẽ là cảm giác định mệnh.

“Cảnh sát? Chúng ta sẽ giao nó cho *cảnh sát* sao?” Anjum nói bằng cả hai giọng, riêng rẽ, nhưng vẫn hòa vào nhau, một khào khào, một trầm đục, rõ ràng. Cái răng trắng lóe lên giữa những chân răng đỏ trầu.

Cái đoàn kết trong “chúng ta” của chị là một vòng tay ôm. Cũng dễ thấy trước, nó gặp phải sự xúc phạm tức thì.

Một kẻ hóm hỉnh trong tù trong đám đông nói, “Sao vậy? Bà sẽ làm gì nó? Bà đâu có biến nó thành người như mấy bà được, đúng không? Công nghệ hiện đại cũng tiến xa rồi đó, nhưng vẫn chưa đến mức đó đâu...” Y đang ám

chỉ một điều được nhiều người tin là hijra bắt cóc các bé trai rồi hoạn chúng. Tính khôi hài đem lại cho y những tràng cười ngặt nghẽo.

Anjum không chùn bước trước cái thô tục của lời bình luận. Chị nói với sự mãnh liệt cũng rõ ràng và bức thiết như cái đói.

“Con bé là món quà từ Thượng Đế. Đưa con bé đây. Tôi có thể cho nó tình thương nó cần. Cảnh sát sẽ ném nó vào trại mồ côi của nhà nước thôi. Nó sẽ chết ở đó.”

Đôi lúc sự minh mẫn của chỉ một người có thể làm mất nhuệ khí một đám đông u mê. Trong tình huống này, Anjum đã làm được. Những người hiểu điều chị nói thấy hơi e sợ vì cái tao nhã trong tiếng Urdu của chị. Nó tương phản với đẳng cấp mà họ nghĩ về chị.

“Chắc mẹ nó để nó lại đây cũng với suy nghĩ như tôi, rằng nơi này là Karbala của hôm nay, nơi trận chiến cho công lý, trận chiến của cái thiện chống lại cái ác, đang diễn ra. Chắc chị ta đã nghĩ, ‘Những người này là chiến binh, những người cừ nhất thế giới, một trong số họ sẽ chăm sóc đứa trẻ, việc mà mình không thể’ - vậy mà mấy người muốn gọi *cảnh sát*?” Dù chị đang giận dữ và dù chị cao một mét tám với bờ vai rộng, mạnh mẽ, điệu bộ chị lại uốn éo cái điệu đà quá lỗ và cái phất tay của kỹ nữ Lucknow những năm 1930.

Saddam Hussain gồng mình sẵn sàng cho một trận đấu khẫu. Ishrat với thầy Hameed bước tới để làm những gì có

thể.

“Ai cho mấy hijra này quyền ngồi đây? Họ thuộc về nhóm đấu tranh nào?”

Ông Aggarwal, một người đàn ông trung niên mảnh mai có ria mép tĩa tốt, mặc áo safari, quần cotton xù và cái mũ Gandhi in dòng chữ *Tôi chống tham nhũng, còn bạn?* Có cái vẻ trịch thượng cộc lốc của một công chức, ông là công chức thật cho đến gần đây. Gần cả đời ông làm trong Sở Thuế vụ, cho đến một ngày, nổi húng, phát bệnh vì ngồi ngoài nhìn chế độ thối nát, ông xin thôi việc nhà nước để “phụng sự đất nước”. Ông thử loay hoay làm việc thiện và phục vụ xá hội vài năm, nhưng giờ đây, là cấp phó mập lùn theo Gandhi, ông đã nổi như cồn và hình ông trên báo mỗi ngày. Nhiều người tin (đúng) rằng thực quyền nằm trong tay ông, còn ông già chỉ là một linh vật đẩy lùi cuốn, một kẻ làm thuê phù hợp với hồ sơ công việc và giờ đã bắt đầu đi quá chỉ dẫn. Những kẻ theo thuyết âm mưu tùm tùm bên rìa mọi phong trào chính trị, nhỏ to rằng ông già được cố ý khuyến khích lãng xê mình lên, tự làm khó mình, để sự ngạo mạn của ông không cho phép rút lui. Nếu ông già chết đói trước công chúng, trên truyền hình trực tiếp, tin đồn sẽ lan ra, thì phong trào sẽ có một kẻ tuần đạo và sẽ nổ máy sự nghiệp chính trị của ông Aggarwal theo cách không gì hơn được. Tin đồn này không tử tế cũng không đúng sự thật. Ông Aggarwal là người đứng sau phong trào thật, nhưng ngay cả ông cũng bị bất ngờ trước cơn cuồng

mà ông già theo Gandhi tạo nên, và ông đang theo dòng, chứ không phải mưu toan một vụ tự sát có dàn dựng. Ít tháng nữa thôi, ông sẽ quảng linh vật đi rồi tiến tới trở thành một chính trị gia chính dòng - một kho báu thực sự có nhiều đặc trưng ông từng vạch trần - và là một đối thủ đáng gờm của Gujarat ka Lalla.

Lợi thế đặc biệt của ông Aggarwal với tư cách một chính trị gia đang lên là ngoại hình không có gì đặc biệt. Ông trông cũng giống như bao người. Mọi thứ ở ông, cách ông mặc, cách ông nói, cách ông nghĩ, đều gọn gàng ngăn nắp, cắt tĩa chải chuốt. Ông có giọng cao và điệu bộ thản nhiên, dè dặt, ngoại trừ lúc đứng trước micro. Khi đó ông biến thành một con lốc xoáy gầm rú, gần như không thể kiểm soát được của sự chính đáng kinh hồn. Bằng cách can thiệp vào vấn đề đưa bé, ông hi vọng đánh tạt đi một trận phỉ nhổ trước công chúng khác (như giữa các mẹ Kashmir và Lữ đoàn khạc nhổ) làm cho truyền thông xao lãng khỏi những gì ông cho là Vấn Đề Thực Sự. “Đây là cuộc đấu tranh giành tự do lần hai của chúng ta. Đất nước ta đang ở bên bờ vực cách mạng,” ông dương dương tự đắc nói với cử tọa đang đông lên nhanh chóng. “Hàng nghìn người tụ tập về đây vì những chính trị gia tham nhũng đã khiến cuộc sống chúng ta không sao chịu đựng nổi. Nếu giải quyết được nạn tham nhũng thì chúng ta có thể đưa đất nước lên những tầm cao mới, thẳng lên đỉnh thế giới. Đây là chỗ dành cho chính trị nghiêm túc, không phải gánh xiếc.” Ông

nhằm vào Anjum mà không nhìn chị: “Chị có được cảnh sát cho phép đến đây không? Ai cũng phải xin phép mới được ở đây.” Chị đứng sừng sững trước mặt ông ta. Ông không chịu nhìn vào mắt chị thì cũng cầm bằng như ông đang nhìn thẳng vào ngực chị.

Ông Aggarwal đã đọc sai nhiệt độ, đánh giá sai hẳn tình hình. Những người tụ tập không hoàn toàn đồng tình với ông. Nhiều người hăm hực cái kiểu “đấu tranh cho tự do” của ông giành hết sự chú ý truyền thông và làm suy yếu những người khác. Về phần mình, Anjum không đếm xỉa đến đám đông. Họ đồng tình với bên nào thì cũng chẳng quan trọng với chị. Có gì đó đã sáng bừng lên trong chị và làm chị ngập tràn lòng can đảm cương quyết.

“Cảnh sát cho phép?” Chưa từng có những chữ nào được thốt ra với sự khinh miệt hơn. “Đây là một *đứa bé*, không phải lấn chiếm trái phép đất đai cha ông. Ông đi mà xin cảnh sát, thưa Sahib*. Còn lại bọn tôi sẽ đi đường ngắn hơn mà xin thẳng Thượng Đế.” Saddam chỉ vừa kịp lầm rầm một câu tạ ơn ngắn ngủi là chị dùng từ *Khuda* chung chung để chỉ Thượng Đế chứ không nói cụ thể là *Allah mian* thì chiến tuyến đã được vạch rồi.

Hai địch thủ chuyển sang thế công.

Anjum và ông kế toán.

Cuộc đối đầu lạ lùng.

Mĩa mai thay cả hai đều ở trên vỉa hè đêm ấy để chạy trốn quá khứ và tất cả những thứ đã đóng khung đời họ cho

đến nay. Vậy mà, để trang bị cho trận đấu, họ lui về chính cái mình tìm cách chạy trốn, về chính họ một thời, về con người *thực sự* của họ.

Ông - một nhà cách mạng kẹt trong đầu óc một kế toán viên. Chị - một người đàn bà mắc kẹt trong thân xác đàn ông. Ông - nổi giận trước một thế giới mà bảng cân đối không ăn khớp. Chị - nổi giận với hệ nội tiết của mình, các bộ phận, làn da, món tóc, bề rộng vai, âm sắc giọng nói. Ông - đấu tranh tìm một cách áp dụng sự liêm khiết thuế khóa cho một hệ thống đang mục ruỗng. Chị - muốn ngắt ngay sao trời mà nghiền thành thứ thuốc sẽ cho chị một bộ ngực và cặp hông đang hoang cùng bím tóc dày dài ngúng nguẩy khi chị bước, và phải, thứ chị khao khát hơn hết thảy, là thứ hàng được trữ đầy đủ nhất trong những kho thóa mạ khổng lồ của Dehli, cái xúc phạm trong mọi xúc phạm, một *Maa ki Choot*, một âm vật. Ông - ngày ngày lo truy những kẻ trốn thuế, lót tay và các thương vụ béo bở. Chị - đã sống bao năm như một cái cây trong nghĩa địa lâu đời, nơi mà những sáng uể oải và lúc khuya về, hồn ma các thi nhân đời xưa chị yêu thích, Ghalib, Mir và Zauq, đến để ngâm thơ, uống rượu, tranh luận và cá cược. Ông - người diên tò đơn và đánh dấu các ô. Chị - chưa bao giờ biết phải đánh vào ô nào, đứng vào hàng nào, vào nhà vệ sinh công cộng nào (Vua hay Nữ hoàng? Quý ông hay quý bà? Ông hay bà?). Ông - tin rằng mình luôn đúng. Chị - biết rằng mình đã sai hết, lúc nào cũng sai. Ông - giảm xuống vì những

điều mình chắc chắn. Chị - tăng lên vì sự mập mờ. Ông - người muốn luật lệ. Chị - người muốn một mụn con.

Một vòng tròn vây lại quanh họ: giận dữ, tò mò, đánh giá các đối thủ, chọn phe. Chẳng hề gì. Kế toán viên bảo thủ theo Gandhi làm gì có cơ trong trận đấu tay đôi trước mặt thiên hạ với một hijra kỳ cựu ở Old Delhi?

Anjum cúi xuống sấn mặt vào mặt ông Aggarwal vừa tầm cái hôn.

“Ai Hai! Làm gì giận dữ vậy, *jaan**? Sao ông không chịu nhìn tôi hả?”

Saddam Hussain siết chặt nắm tay. Ishrat ngăn anh lại. Cô hít một hơi sâu rồi bước vào vòng chiến, can thiệp theo cách thành thực mà chỉ các hijra mới biết khi cần phải bảo vệ nhau - tuyên bố chiến tranh và hòa bình cùng lúc. Phục sức của cô, mới vài tiếng trước còn trông trái khoáy, lại hết sức phù hợp cho việc cô cần làm lúc này. Cô bắt đầu xòe mấy ngón tay ra mà vỗ kiểu hijra và nhún nhảy, lắc hông một cách tục tĩu, hất cái *chunni**, cái khăn gọi hung hăng, quá quắt của cô nhằm làm bẽ mặt ông Aggarwal, người cả đời chưa bao giờ đấu một trận đường phố công bằng. Hai mảng ẩm ướt xuất hiện dưới nách áo sơ mi trắng của ông.

Ishrat mở đầu bằng bài hát cô biết là đám đông quen - từ một bộ phim tựa là *Umrao Joan*, bắt tử nhờ nữ diễn viên xinh đẹp Rekha.

Dil cheez kya hai, aap meri jaan lijiye

Sao chỉ trái tim em, cứ đoạt cả cuộc đời em luôn đi

Có người cố hầy cô khỏi vỉa hè. Cô đã di chuyển ra giữa lòng đường rộng, trống trải, và giờ thì vui thú quay tít trên vạch người đi bộ dưới đèn đường. Bên kia đường, ai đó bắt đầu đánh nhịp trên trống lục lạc. Mọi người hát theo. Cô nghĩ đúng. Ai cũng biết bài hát:

Bas ek baar mera kaha maan lijiye

Nhưng chỉ lần này thôi, chàng hời, cho em thỏa lòng mong ước

Bài hát của kỹ nữ ấy, hoặc ít ra là một câu ấy, có thể là quốc ca cho hầu hết mọi người ở Jantar Mantar ngày hôm ấy. Tất cả những ai ở đấy ở đấy bởi vì họ tin rằng có người quan tâm, có người lắng nghe. Rằng sẽ có người chịu nghe họ.



Một trận xô xát nổ ra. Có lẽ ai đó buông lời dâm dật. Có lẽ Saddam Hussain đánh hấn ta. Không rõ chính xác chuyện gì đã xảy ra.

Cảnh sát trực ở vỉa hè choàng tỉnh và vùng *lathi** vào bất cứ ai trong tầm tay. Các xe jeep tuần tra của cảnh sát (Bên bạn, vì bạn, luôn luôn) ập đến với đèn pha lóe sáng và đội cảnh sát đặc nhiệm Delhi - *maader chod behen chod*

*maa ki choot behen ka lauda**.

Máy quay truyền hình bu lại. Nhà hoạt động chính trị trong ngày tuyệt thực thứ mười chín nhìn thấy cơ hội. Bà lộn vào đám đông và hướng về phía máy quay với lời kêu gọi nắm tay siết chặt đã thành biểu tượng của bà, và với sự nhạy bén chính trị không sai lệch, bà giành lấy cái trách nhiệm dúi cui cho người của bà.

Lathi goli khaayenge!

Dúi cui, đạn dược ta sẽ chịu!

Và người của bà đáp lời:

Andolan chalaayenge!

Với đấu tranh, chúng ta bền chí!

Cảnh sát nhanh chóng tái lập trật tự. Trong số những người bị bắt và bị giải đi trong xe cảnh sát có ông Aggarwal, Anjum, một thầy Hameed run cầm cập và nghệ thuật sắp đặt sống trong bộ com lê tục tũ. (Ông Chanh đã lủi mất.) Sáng ra họ được thả về mà không bị cáo buộc.

Đến lúc có người nhớ ra đầu đuôi chuyện thế nào thì đứa bé đã biến đâu mất.

TIẾN SĨ AZAD BHARTIYA

Người sau cùng nhìn thấy đứa bé là Tiến sĩ Azad Bhartiya, người vừa bước vào, theo như tính toán của ông, năm thứ mười một, tháng thứ ba và ngày thứ mười bảy trong cuộc biểu tình tuyệt thực của ông. Tiến sĩ Bhartiya gầy đến độ gần như không còn chiều sâu. Thái dương hõm vào, làn da sạm, râm nắng trượt trên xương mặt, sụn nổi lên nơi cái cổ dài như cây sậy và xương đòn. Cặp mắt bồn chồn, soi mói nhìn đời từ hai cái chén bóng tối sâu hoắm. Một tay ông, từ vai xuống cổ tay, bị bó bột trắng bảnh thui và giữ bằng một sợi băng đeo vòng quanh cổ. Ống tay áo sơ mi sọc cáu ghét trống không lạch phạch bên sườn như lá cờ tiêu điều của một nước bại trận. Ông ngồi sau một tấm biển bìa cứng cũ phủ tấm nhựa trầy xước, mờ đục. Nó ghi:

Họ tên tôi:

Tiến sĩ Azad Bhartiya.

(Dịch: Người Ấn tự do)

Địa chỉ nhà:

Tiến sĩ Azad Bhartiya

Gần nhà ga Lucky Sarai

Lucky Sarai Basti

Kokar

Bihar

Địa chỉ hiện nay:

Tiến sĩ Azad Bhartiya

Jantar Mantar

New Delhi

Học vị của tôi: Thạc sĩ tiếng Hindi, Thạc sĩ tiếng Urdu (hạng ưu), Cử nhân lịch sử, Cử nhân giáo dục, khóa cơ bản tiếng Punjab, Thạc sĩ tiếng Punjab DTNT (dự thi nhưng trượt), Tiến sĩ (còn nợ), Đại học Delhi (Tôn giáo đối chiếu và nghiên cứu Phật giáo), giảng viên Inter College, Ghaziabad, cộng sự nghiên cứu Đại học Jawaharlal Nehru, New Delhi, thành viên sáng lập *Vishwa Samajwadi Sthapana* (Diễn đàn Nhân dân Thế giới) và Đảng Dân chủ Xã hội Ấn (Phản đối tăng giá).

Tôi đang tuyệt thực phản đối những vấn đề sau: Tôi phản đối đế quốc tư bản, cộng với chế độ tư bản Mỹ, chủ nghĩa khủng bố/mọi kiểu vũ khí và tội ác hạt nhân của Ấn và Mỹ, cộng với hệ thống giáo dục yếu kém/tham nhũng/bạo lực/suy thoái môi trường và mọi tội ác khác. Tôi còn phản đối nạn thất nghiệp. Tôi còn tuyệt thực để triệt tiêu toàn bộ tầng lớp tư sản. Mỗi ngày tôi nhớ đến những người nghèo trên thế giới, công nhân/nông dân/dân bộ tộc/Dalit/quý ông bà bị bỏ rơi/gồm cả trẻ em và người khuyết tật.

Túi nhựa mua hàng *Jaycees Sari Palace* dựng thẳng

cạnh ông, như một người nhỏ nhắn áo vàng, đựng giấy tờ, đánh máy và cả viết tay, bằng tiếng Anh và Hindi. Một vài bản photo tài liệu - một bản tin hay một bản ghi chép nào đó - được trải trên vỉa hè, có mấy hòn đá dẫn xuống. Tiến sĩ Azad Bhartiya nói rằng tài liệu được bán giá vốn cho dân thường và giá giảm cho học sinh:

“TIN TỨC & QUAN ĐIỂM CỦA TÔI.” (CẬP NHẬT)

Tên ban đầu cha mẹ đặt cho tôi là Inder Y. Kumar. Tiến sĩ Azad Bhartiya là tên tôi tự đặt cho mình. Nó được đăng ký ở tòa ngày 13 tháng Mười năm 1997 cùng với bản dịch tiếng Anh nghĩa là: Người Ấn tự do/được giải phóng. Bản tuyên thệ của tôi được đính kèm đây. Nó không phải bản gốc; nó là bản sao được Tòa Patiala chứng thực.

Nếu mọi người chấp nhận tên này cho tôi thì mọi người có quyền nghĩ rằng đây không phải chỗ để bắt gặp một Azad Bhartiya, trong chôn nhà tù công cộng trên vỉa hè công cộng - xem xem, nó còn có cả chấn song. Mọi người ắt sẽ nghĩ một Azad Bhartiya thực sự thì lẽ ra phải là một người hiện đại, sống trong một căn nhà hiện đại có xe hơi và máy tính, hoặc có thể trong tòa cao tầng ấy, khách sạn năm sao ấy. Đó gọi là khách sạn Meridian. Nếu nhìn lên tầng mười hai mọi người sẽ thấy căn phòng có máy điều hòa kèm bữa sáng và phòng tắm mà năm con chó của Tổng thống Mỹ ở khi ông ta đến Ấn Độ. Thật ra chúng ta không được gọi chúng là chó bởi chúng là sĩ quan quân đội Mỹ, thuộc hàng hạ sĩ. Một số người nói chúng đánh hơi được mùi bom giấu kín và biết ăn bằng dao nĩa ở bàn. Người ta nói quản lý khách sạn phải chào khi chúng từ thang máy bước ra. Tôi không biết thông tin này đúng hay sai, tôi chưa kiểm

chúng được. Ất mọi người có nghe lũ chó đó đến viếng nơi tưởng niệm Gandhi ở Rajghat? Chuyện đó được xác nhận rồi, nó có đăng trên báo. Nhưng tôi không quan tâm. Tôi không sùng bái Gandhi, ông ta là kẻ phản động, ông sẽ hài lòng về lũ chó thôi. Chúng còn khá hơn Quân giết người Thế giới đều đặn đặt hoa nơi đài tưởng niệm ông.

Nhưng tại sao Tiến sĩ Azad Bhartiya này lại ở đây bên vệ đường trong khi chó của Mỹ ở trong khách sạn năm sao? Đây hẳn là câu hỏi hàng đầu trong đầu mọi người.

Câu trả lời cho điều đó ấy là tôi ở đây bởi vì tôi là nhà cách mạng. Tôi biểu tình tuyệt thực đã hơn mười một năm nay. Đây là năm thứ mười hai liên tiếp. Làm sao một người có thể sống sót mười hai năm biểu tình tuyệt thực? Câu trả lời là tôi đã phát triển một kỹ thuật tuyệt thực mang tính khoa học. Tôi ăn một bữa (nhẹ, đồ chay) cứ mỗi 48 hoặc 58 giờ. Như vậy là quá đủ cho tôi rồi. Mọi người có thể thắc mắc sao một Azad Bhartiya không việc làm và không lương tiền cũng xoay xở được một bữa ăn cứ mỗi 48 hay 58 tiếng. Để tôi nói mọi người nghe, trên vỉa hè này đây, chẳng ngày nào là không có ai có chút gì để ngỏ ý san sát cho tôi. Nếu tôi muốn, chỉ cần ngồi đây thì tôi đã có thể thành béo ú như Maharaja xứ Mysore. Có Thượng Đế làm chứng. Chuyện đó dễ thôi. Nhưng cân nặng của tôi là bốn mươi hai kí lô. Tôi ăn chỉ để sống và sống chỉ để đấu tranh.

Tôi cố hết sức nói sự thật, vì vậy mà tôi nên nói cho rõ rằng cái chỗ Tiến sĩ trong tên tôi thật ra là còn treo, như bằng Tiến sĩ của tôi. Tôi dùng trước cái danh vị đó một chút chỉ để khiến mọi người nghe tôi và tin lời tôi nói. Nếu không có sự cấp bách trong tình hình chính trị nước ta, tôi đã không làm vậy, bởi vì nói đúng ra, điều đó thiếu trung thực. Nhưng thỉnh thoảng, trong chính

trị, ta phải lấy độc trị độc.

Tôi ngồi ở Jantar Mantar đây mười một năm rồi. Thỉnh thoảng tôi mới rời nơi này để dự hội thảo hay hội họp về các đề tài mình quan tâm ở Câu lạc bộ Hiến pháp hay Quỹ Hòa bình Gandhi. Bằng không thì tôi túc trực ở đây. Tất cả những người này từ mọi nơi trên khắp Ấn Độ đến đây cùng những ước mơ và yêu sách của họ. Không có ai để lắng nghe. Không ai lắng nghe. Cảnh sát đánh họ, chính quyền mặc kệ họ. Những người nghèo đó, họ không ở lại đây được, vì chủ yếu họ từ làng mạc và khu ổ chuột tới và họ còn phải kiếm sống. Họ phải quay về với đất đai của mình, hoặc về với địa chủ, với bọn cho vay, với trâu bò còn đắt hơn cả người, hay về với túp nhà lụp xụp của họ. Nhưng tôi ở lại đây thay mặt những người đó. Tôi tuyệt thực vì sự tiến bộ của họ, vì sự chấp nhận mọi yêu sách của họ, vì sự hiện thực hóa những ước mơ của họ và vì niềm hi vọng một ngày nào đó họ sẽ có chính quyền của riêng mình.

Tôi thuộc đảng cấp nào? Có phải mọi người muốn hỏi vậy? Với một nghị trình chính trị đồ sộ như của tôi, mọi người nói tôi nghe thử, tôi phải thuộc đảng cấp nào? Chúa Jesus và Đức Phật Thích Ca thuộc đảng cấp nào? Marx thuộc đảng cấp nào? Đảng tiên tri Mohammed thuộc đảng cấp nào? Chỉ người Ấn mới có đảng cấp, cái bất bình đẳng này chứa đựng trong kinh sách. Tôi là mọi thứ ngoại trừ là một người Ấn giáo. Là một Azad Bhartiya, tôi có thể thẳng thắn nói với mọi người rằng tôi đã bỏ đạo của phần lớn dân ở đất nước này chỉ vì lý do ấy. Vì vậy mà gia đình không nói chuyện với tôi. Nhưng dẫu tôi có là Tổng thống Mỹ đi nữa, người Bà La Môn đảng cấp thế giới đó, tôi vẫn sẽ tuyệt thực vì người nghèo. Tôi không cần đô la. Chủ nghĩa tư bản như mật độc. Người ta bu đến như bầy ong. Tôi không bu vào. Vì vậy mà tôi bị giám sát hai mươi tư

giờ. Tôi bị chính phủ Mỹ giám sát điện tử từ xa suốt ngày suốt đêm. Nhìn sau lưng mọi người đi. Mọi người có thấy ánh đèn đỏ nhấp nháy đó không? Đó là đèn pin camera của họ đấy. Họ còn lắp máy quay trong đèn giao thông đó nữa. Họ có phòng điều khiển cho các máy quay trong khách sạn Meridian, trong phòng của lũ chó. Lũ chó vẫn còn ở đấy. Chúng không bao giờ về lại Mỹ. Visa của chúng được gia hạn vô thời hạn. Bởi giờ đây các Tổng thống Mỹ rất thường đến Ấn Độ cho nên họ giữ lũ chó nơi đây, trú đóng thường trực. Ban đêm khi đèn lên, chúng ngồi trên bậu cửa sổ. Tôi thấy bóng chúng, hình dáng chúng. Tầm nhìn xa của tôi rất tốt và ngày càng tinh tường hơn. Mỗi ngày tôi lại càng nhìn được xa hơn. Bush, Hitler, Stalin, Mao và Ceausescu là thành viên của nhóm một trăm nhà lãnh đạo đang mưu toan hủy diệt mọi Chính phủ tử tế trên thế giới. Tất cả các Tổng thống Mỹ đều là thành viên, kể cả người mới này.

Tuần trước tôi bị một chiếc xe màu trắng tông, Maruti Zen DL 2CP 4362 thuộc về một kênh truyền hình Ấn Độ do Mỹ tài trợ. Nó tông qua hàng rào sắt và úi vào tôi. Mọi người có thể thấy phần lan can gãy vẫn còn. Tôi đang ngủ, nhưng cảnh giác. Tôi lăn mình qua một bên như đặc công, vậy là tôi thoát vụ mưu sát đó, chỉ có tay tôi là bị dập nát. Tôi đang chữa trị. Mọi chỗ khác thì còn an lành. Tên tài xế cố tẩu thoát. Mọi người chặn hãm lại và bắt chở tôi đến bệnh viện Ram Manohar Lohia. Hai người ngồi trong xe tạt hãm suốt quãng đường đến bệnh viện. Các bác sĩ công chữa trị cho tôi rất tử tế. Sáng ra khi tôi về, tất cả những người cách mạng đã ở đây đêm ấy mua cho tôi samosa và một ly lassi* ngọt. Họ đều ký tên hoặc lăn dấu tay trên băng thạch cao của tôi. Nhìn này, đây là dân bộ tộc Santhal từ Hazaribagh, bị các mỏ than Đông Parej

chiếm đất, đây là những nạn nhân của vụ xì ga Union Carbide ở tận Bhopal cuộc bộ lên đây. Họ đi mất ba tuần. Công ty rò rỉ khí ga đó giờ có một tên mới, Dow Chemicals. Nhưng còn những người nghèo bị họ tàn phá này, họ có mua được phổi mới, mắt mới hay không? Họ phải xoay xở với những nội tạng cũ, bị nhiễm độc từ nhiều năm trước rồi. Nhưng không ai quan tâm cả. Những con chó đó chỉ ngồi đó trên bậu cửa sổ khách sạn Meridian nhìn chúng ta chết. Đây là chữ ký của Devi Singh Suryavanshi; ông cũng giống tôi, một người phi liên kết. Ông còn cho tôi số điện thoại. Ông đang đấu tranh chống tham nhũng và lừa dối đất nước của bọn chính trị gia. Tôi không biết yêu sách kia của ông là gì; mọi người có thể gọi ngay ông mà hỏi. Ông đi thăm con gái ở Nashik rồi, nhưng tuần sau ông sẽ quay lại. Ông là một ông lão tám mươi bảy tuổi, nhưng với ông, đất nước vẫn là hàng đầu. Đây là liên đoàn xích lô Rashtravadi Janata Tipahiya Chalak Sangh. Dấu ngón cái này là của Phoolbatti ở Betul, Madhya Pradesh. Bà là một phụ nữ tuyệt vời. Bà đang làm công nhật ngoài đồng thì một cột điện thoại BSNL - Bharat Sanchar Nigam Limited - đổ trúng. Bà bị cưa mất chân trái. Nigam trả bà tiền cưa chân, năm mươi nghìn rupee, nhưng bây giờ bà sẽ làm lụng sao đây, với chỉ một chân? Bà là góa phụ, bà sẽ lấy gì ăn, ai nuôi bà? Con trai không muốn nuôi bà nên anh ta cho bà lên đây làm một satyagraha* để đòi việc làm ngồi yên một chỗ. Bà ở đây ba tháng rồi. Không ai đến gặp bà. Sẽ không ai đến cả. Bà sẽ chết ở đây.

Mọi người có thấy chữ ký bằng tiếng Anh này không? Đó là S. Tilottama. Cô là một người vãng lai. Tôi quen cô nhiều năm nay rồi. Khi thì cô đến ban ngày. Khi thì cô đến lúc khuya hoặc sáng sớm. Cô luôn đi một mình. Cô không có lịch trình gì. Cô viết chữ rất đẹp. Cô còn là

một phụ nữ rất tử tế.

Đây là các nạn nhân của trận động đất Latur mà tiền bồi thường cho họ bị bọn thu thuế và tehsildar* tham những ăn chặn. Trong ba chục triệu rupee chỉ có ba trăm nghìn rupee đến tay người dân, ba phần trăm, số còn lại bị bọn người-gián gặm nhấm dọc đường. Họ đã ngồi đây từ năm 1999. Mọi người đọc được tiếng Hindi không? Mọi người có thể thấy cái họ viết, *Bharat mein gadhey, giddn aur sooar raj kartein hain*. Nghĩa là Ấn Độ do lũ lừa, kèn kèn và heo cai trị.

Đây là lần mưu sát thứ hai nhằm vào tôi. Năm ngoái vào ngày mùng 8 tháng Tư, một chiếc Honda City DL 8C X 4850 ủi vào tôi. Chính chiếc xe mọi người thấy nơi bảng quảng cáo trên nhà vệ sinh đó, trừ việc xe tông tôi màu nâu, không phải bạc. Do một đặc vụ Mỹ lái. Ngày 17 tháng Bảy, mục thành phố tờ *Hindustan Times*, tờ *HT City* có tường thuật sự việc đó. Chân phải tôi bị gãy ba chỗ. Thậm chí bây giờ tôi vẫn còn đi lại khó khăn. Tôi phải đi cà nhắc. Mọi người nói đùa là tôi nên cưới Phoolbatti để chúng tôi có một chân trái lành lặn với một chân phải lành lặn cho cả hai. Tôi cười với họ dù tôi chẳng thấy buồn cười. Nhưng thỉnh thoảng cười cũng quan trọng. Tôi phản đối định chế hôn nhân. Nó được bày ra để nô dịch phụ nữ. Tôi đã kết hôn một lần. Vợ tôi trốn theo em trai tôi. Giờ họ gọi con trai tôi là con của họ. Nó gọi tôi là bác. Tôi chưa bao giờ gặp họ. Sau khi họ trốn đi thì tôi đến đây.

Thỉnh thoảng tôi băng qua đường và tuyệt thực ở bên kia, với dân Bhopal. Nhưng bên đó nóng nực hơn nhiều.

Mọi người có biết nơi này là gì không, Jantar Mantar này? Ngày trước nó là một đài thiên văn. Nó được một

Maharaja nào đó cho xây, tôi quên tên rồi, vào năm 1724. Người nước ngoài vẫn đến đây tham quan cùng các hướng dẫn viên. Họ đi ngang nhưng không nhìn thấy chúng tôi, ngồi đây bên vệ đường, đấu tranh cho một thế giới tốt đẹp hơn trong cái Sở thú Dân chủ này. Người nước ngoài chỉ thấy những gì họ muốn thấy. Trước kia thì chỉ có những người thô miên rần và các sadhu*, bây giờ thì chỉ là những thứ siêu cường, Bazaar Raj*. Chúng tôi ngồi đây như những con thú bị nhốt trong chuồng, và Chính phủ mớm cho chúng tôi mấy rẻo hi vọng vô tích sự qua chấn song hàng rào sắt này. Chẳng đủ sống, nhưng chỉ vừa đủ để chúng tôi khỏi chết. Họ cử phóng viên đến. Chúng tôi kể câu chuyện của mình. Chuyện đó làm vơi gánh nặng của chúng tôi được một lúc. Đó là cách họ kiểm soát chúng tôi. Mọi nơi khác trong thành phố đều có mục 144 Bộ luật tổ tụng hình sự.

Thấy cái nhà vệ sinh họ mới xây này không? Họ bảo là cho chúng tôi. Tách riêng cho nam nữ. Chúng tôi phải trả tiền mới được vào trong. Khi chúng tôi thấy mình trong những tấm gương to đó, chúng tôi đâm sợ.

TUYÊN BỐ

Theo đây tôi tuyên bố rằng mọi thông tin đưa ra ở trên đều đúng với hiểu biết trung thực nhất của tôi và không có tài liệu nào bị giấu bớt đi.



Từ vị trí thuận lợi của mình trên vỉa hè Tiến sĩ Azad Bhartiya thấy rằng không phải chỉ có một mình, đứa bé mất tích có ba bà mẹ trên vỉa hè đêm đó, cả ba được xâu

vào nhau bằng những sợi chỉ ánh sáng.

Cảnh sát biết rằng ông rõ mọi chuyện xảy ra ở Jantar Mantar, ập đến tra hỏi. Họ đánh đập ông chút đỉnh - không có gì ghê gớm, chỉ theo thói quen. Nhưng ông chỉ chịu nói là:

Mar gayee bulbul qafas mein

Keh gayee sayyaad se

Apni sunehri gaand mein

Tu thoons le fasl-e-bahaar

Nó chết trong lồng, con chim nhỏ,

Để lại lời này cho kẻ bắt...

Đi mà thu hoạch vụ mùa xuân

Nhét cho đầy lỗ đít mạ vàng.

Cảnh sát đá ông ngã lăn quay (như thường lệ) rồi tịch thu hết mọi bản *Tin tức & Quan điểm* và cả cái túi *Jaycees Sari Palace* cùng mọi giấy tờ bên trong.

Khi họ đi rồi, Tiến sĩ Azad Bhartiya không để lỡ phút giây nào. Ông ngay lập tức bắt tay vào quá trình cần cù soạn thảo từ con số không.

Dù cảnh sát không có kẻ tình nghi (tên và địa chỉ của S. Tilottama, nhà xuất bản tờ *Tin tức & Quan điểm* của Tiến sĩ Azad Bhartiya, về sau mới đập vào mắt họ), song họ lập biên bản vụ việc này theo mục 361 (Bắt cóc từ người giám hộ hợp pháp), mục 362 (Bắt cóc, cưỡng bức, ép buộc hay

lừa dối dụ dỗ một người khỏi một nơi), mục 365 (Giám giữ trái phép), mục 366A (Tội nhằm vào con gái vị thành niên chưa đủ mười tám tuổi), mục 367 (Bắt cóc để gây đau đớn, bắt làm nô lệ hay bắt người bị bắt cóc chịu ham muốn trái tự nhiên), mục 369 (Bắt cóc một đứa trẻ dưới mười tuổi để trộm đồ của chúng).

Các tội danh này dễ nhận ra, bảo lãnh được và có thể được các Thẩm phán tòa sơ thẩm xét xử. Hình phạt là đi tù không quá bảy năm.

Họ đã lập biên bản một nghìn một trăm bốn mươi sáu vụ tương tự trong thành phố năm đó. Mà lúc này chỉ mới tháng Năm.

5 CUỘC SĂN NGỔNG CHẬM

Tiếng vó ngựa vang vọng trên đường vắng.

Payal - con ngựa cái gầy nhom lóc cóc qua khu vực trong thành phố mà nó không nên có mặt.

Trên lưng, hai kị sĩ ngồi xoạc chân trên yên phủ vải đỏ có ngù kim tuyến vàng: Saddam Hussain và Ishrat Mỹ nhân. Trong khu vực của thành phố mà lẽ ra họ không nên đến. Không có biển báo nào ghi như vậy, vì mọi thứ đều là biển báo mà thằng ngốc nào cũng đọc được: sự yên tĩnh, bề rộng đường sá, chiều cao của cây, những vỉa hè im vắng, những hàng rào xén tỉa, những tòa nhà một tầng sơn trắng mà giới cai trị sống. Ngay cả ánh đèn vàng tỏa ra từ những cột đèn cao trông cũng đổi ra tiền được - những cột vàng lỏng.

Saddam Hussain đeo kính râm lên. Ishrat nói ban đêm mà đeo kính râm trông thật khùng.

“Cô gọi đây là đêm à?” Saddam hỏi. Anh giải thích rằng mình không đeo kính cho đẹp. Anh bảo ánh sáng chói làm mình đau mắt và anh sẽ kể cô nghe chuyện về mắt anh sau.

Payal ép chặt đôi tai ra sau và da giật giật dù không có nhiều ruồi xung quanh. Nó đánh hơi được mình đang xâm

phạm. Nhưng nó thích vùng này trong thành phố. Có không khí để thở. Hẳn nó đã phi nước đại rồi, nếu họ cho phép. Nhưng họ không chịu.

Họ đang đi săn ngỗng chậm, nó và hai người cưỡi nó. Nhiệm vụ của họ là đuổi theo một chiếc xe lam cùng hành khách trên đó.

Họ giữ khoảng cách với chiếc xe khi nó sục sịt như đứa trẻ đi lạc quanh những vòng xoay được trưng bày với tượng, đài phun nước và luống hoa, rồi xuống những đại lộ đang mê hoặc họ, mỗi đại lộ có hai hàng cây khác nhau - me, vối rừng, sấu đầu, sung, trám bầu.

“Nhìn kìa, họ còn có cả vườn để xe nữa,” Ishrat nói khi họ đi quanh một vòng xoay.

Saddam khoái trá cười vào đêm.

“Họ có xe hơi cho chó và vườn cho xe hơi,” anh nói.

Một đoàn Mercedes đen có kính màu, chống đạn bằng đầu hiện ra quét đèn sáng quắc lướt qua họ như con rắn.

Qua Garden City thì người bị đuổi và kẻ đi săn tới gần một cầu vượt gấp ghe. (Tức là gấp ghe đối với xe cộ, không phải với ngựa.) Hàng đèn chạy xuống giữa cầu trông như những đôi cánh thiên sứ bằng máy dựng trên những cột cao. Xe lam bình bịch lên dốc, rồi nhún xuống và khuất tầm mắt. Để đuổi kịp, Payal bèn chạy sang nước kiệu nhẹ nhàng, vui vẻ. Một con kỳ lân mảnh mai đi thị sát cây cầu thiên sứ.

Bên kia cầu vượt thành phố trở nên ít tự tin hơn.

Cuộc rượt đuổi chậm quanh co qua hai bệnh viện đầy bệnh tật đến mức bệnh nhân và người nhà đã tràn ra ngoài và cắm trại luôn trên đường. Một số nằm trên giường tạm bợ và xe lăn. Một số mặc đồ bệnh viện, bị băng bó và truyền nước biển. Trẻ con, trọc lốc vì hóa trị, đeo khẩu trang y tế và bám rịt cha mẹ mắt lác thần. Thiên hạ bu đen quanh các quầy dược phẩm bán suốt đêm, chơi trò cò quay kiểu Ấn. (Cơ may 60:40 thuốc họ mua là thật, không phải thuốc giả) Các gia đình nấu nướng giữa đường, xắt hành, luộc khoai tây lớn nhốn bụi đất trên những bếp dầu nhỏ. Họ phơi đồ giặt trên lan can bảo vệ cây và hàng rào. (Saddam Hussain để ý tất cả những thứ này - vì lý do nghề nghiệp.) Một đám dân làng gầy rộc, chân như que củi, quần dhoti ngồi xổm thành vòng tròn. Ở giữa, ngồi cheo leo như con chim bị thương, là một bà lão nhăn nheo mặc sari vải in và đeo cặp kính râm khổng lồ có bông gòn dán kín bên mép. Một cây nhiệt kế chìa bên khóe miệng như điều xì gà. Không ai để ý gì đến con ngựa trắng và người cưỡi khi họ dừng đỉnh đi ngang.

Thêm một cầu vượt nữa.

Lần này hội săn ngỗng đi bên dưới cây cầu. Gầm cầu chật như nệm người nằm ngủ. Một người đàn ông đầu hói mình trần có cái mào tím bột thơm đóng khô trên đầu và một chòm râu dài rậm rạp xám ngoét vỗ một nhịp trên cái trống tưởng tượng, ngoắt đầu như thầy Zakir Hussain.

“Dha Dha Dhim Ti-ra-ki-ta Dhim!” Ishrat gọi với lại ông

khi họ đi ngang. Ông cười và thưởng cho cô một nhịp trống điệu nghệ lả lướt.

Một khu chợ có cửa chớp, một quầy bán paratha* trứng buổi khuya. Một gurdwara* đạo Sikh. Một khu chợ nữa. Một dãy tiệm sửa xe hơi. Người và chó ngủ bên ngoài mình đẩy dầu xe.

Chiếc xe lam rẽ vào một khu chung cư. Và rồi trái phải trái phải trái. Một con hẻm. Vật liệu xây dựng xếp dọc theo. Những tòa nhà cao ba, bốn tầng.

Xe lam dừng bên ngoài một cổng song sắt sơn bóng mờ màu hoa oải hương. Payal dừng trong bóng tối, cách đó mấy cổng. Một bóng ma khịt khịt. Một con ngựa cái ma quái nhột nhột. Chỉ vàng trên yên của nó lấp lánh trong đêm.

Một phụ nữ xuống xe, trả tiền rồi đi vào nhà. Khi xe lam đi rồi, Saddam Hussain với Ishrat Mỹ nhân tiến lại gần cánh cổng màu oải hương. Hai con bò đen có bướu lúc lắc lảng vảng bên ngoài.

Có ánh đèn vụt sáng trên cửa sổ tầng hai.

Ishrat nói, “Ghi lại số nhà đi.” Saddam nói không cần làm vậy vì anh không bao giờ quên những nơi anh đã bước chân tới. Có đang ngủ anh cũng tìm được.

Cô ngọ ngoạy sau người anh. “*Wah!* Ông này!”

Anh bóp bộ ngực cô. Cô hất tay anh đi. “Đừng. Tốn lắm đó. Tôi còn đang trả góp.”

Người phụ nữ in bóng lên ô sáng chữ nhật trên tầng hai nhìn xuống thấy hai người cưỡi một con ngựa trắng. Họ nhìn lên và thấy cô.

Như thể để công nhận cái liếc nhìn giữa họ, người phụ nữ (đẹp, không đẹp, cao, thấp) nghiêng đầu hôn lên món hàng đánh cắp cô ẵm trên tay. Cô vẫy họ và họ vẫy lại. Đương nhiên cô nhận ra họ có trong nhóm đám ẩu đả ở Jantar Mantar. Saddam xuống ngựa và giơ lên một hình chữ nhật trắng nhỏ - tấm danh thiếp có địa chỉ nhà trọ và dịch vụ mai táng Jannat. Anh thả danh thiếp vào hòm thư thiếc có ghi *S. Tilottama. Tầng hai*.

Đứa bé đã sợ hãi gần hết dọc đường, nhưng cuối cùng cũng ngủ. Những nhịp tim nhỏ xíu và gò má đen nhưng áp trên bờ vai xương. Người đàn bà đu đưa nó khi nhìn con ngựa và người cưỡi khuất dạng trong con hẻm.

Cô không nhớ nổi lần cuối mình hạnh phúc như vậy là khi nào. Không phải vì đứa bé là của cô, mà vì nó không phải.

6 VÀI CÂU HỎI ĐỂ SAU

Khi Hải Cầu Con lớn lên, khi nó (giả dụ) chen chúc quanh một xe kem vào buổi chiều nóng bức, trong một đám nữ sinh chí chóa đòi một que vị cam, nó có bất chợt ngửi thấy một làn hương say ngây của hồng xiêm chín tới thấm đẫm khu rừng ngày nó sinh ra? Cơ thể nó có còn nhớ cảm giác lá khô trên nền rừng, hay cái chạm kim loại nóng rát của họng súng mẹ nó ghì lên trán nó và chốt an toàn đã mở?

Hay là quá khứ của nó đã bị xóa sạch rồi?

Thần chết bay vào, quan lại kém cỏi, từ đồng bằng...

AGHA SHAHID ALI

7 CHỦ NHÀ

Trời lạnh. Một trong những ngày mùa đông mờ đục, bản thủ ấy. Thành phố vẫn còn bàng hoàng vì những vụ nổ đồng loạt làm tan hoang hết một bến xe buýt, một quán cà phê và bãi đậu xe tăng hầm trong một trung tâm mua sắm nhỏ hai ngày trước, khiến năm người thiệt mạng và nhiều người bị thương nặng. Người dẫn chương trình tin tức truyền hình phải mất thời gian lâu hơn người bình thường mới hoàn hồn sau cú sốc. Về phần tôi, những vụ nổ gợi lên một loạt cảm xúc trong lòng, nhưng đáng buồn là sốc đã không còn nằm trong số đó.

Tôi ở tầng trên barsati này, căn hộ gác mái nhỏ, tầng hai. Những cây sồi đầu đã trút hết lá; vệt đuôi dài cổ hồng dường như đã bay về một nơi ấm áp hơn (an toàn hơn?). Sương mù khom mình nơi ô kính cửa sổ. Một bầu trời xanh lam tím tím trên chhajja* đóng đầy phân. Dù đang là giữa ngày, gần giờ ăn trưa, tôi phải bật đèn. Tôi để ý thấy thí nghiệm nền nhà xi măng đỏ của mình đã thất bại. Tôi muốn một sàn nhà ánh diệu, trầm, như mấy tòa nhà cổ duyên dáng dưới miền Nam. Nhưng ở đây, qua năm tháng, cái nóng mùa hạ đã làm bạc thếp màu trên xi măng, rồi cái lạnh mùa đông làm bề mặt co lại và rạn vết

chân chim. Căn hộ bụi bặm và xuống cấp. Cái gì đó nơi sự yên ắng của không gian bị vội vàng bỏ lại này khiến nó trông như một khuôn hình bất động trong một bộ phim chuyển động. Nó dường như chứa hình học động, hình dạng của tất cả những gì đã xảy ra và mọi sự vẫn chưa xảy ra. Sự vắng mặt của người từng sống ở đây rất thực, hữu hình, đến mức gần như một sự hiện diện.

Tiếng ồn trên phố đã im. Mấy cánh quạt trần đứng yên viển vảo ghét, một tụng ca cho không khí bẩn thỉu trứ danh của Delhi. Phước đức cho hai lá phổi của tôi là tôi chỉ đang đến thăm. Hoặc ít ra thì tôi cũng hi vọng vậy. Tôi bị cho về nhà nghỉ phép. Dù tôi không cảm thấy bất ổn, khi nhìn mình trong gương, tôi thấy da mình xỉn còn tóc thì thưa thấy rõ. Da đầu ánh lên qua kẽ tóc (phải, ánh lên). Lông mày thì hầu như không còn. Người ta nói đây là dấu hiệu âu lo. Rượu chè, tôi công nhận, cũng đáng lo. Tôi đã thử thách đức kiên nhẫn của cả vợ lẫn sếp theo những cách không chấp nhận được nên tôi quyết chuộc lỗi. Tôi đã đăng ký vào một trung tâm phục hồi mà tôi sẽ phải sống sáu tuần không điện thoại, không internet và không bất cứ liên lạc nào với đời. Đáng lẽ hôm nay tôi phải vào viện, nhưng tôi sẽ để chuyện đó sang thứ Hai.

Tôi nóng lòng về lại Kabul, thành phố mà có lẽ tôi sẽ chết, theo cách tầm thường, chẳng có gì hào hùng, có lẽ là đang lúc nộp một hồ sơ cho ông đại sứ. BÙM. Tôi không còn nữa. Hai lần họ suýt giết được chúng tôi; cả hai lần

may mắn đều đứng về phe chúng tôi. Sau đợt tấn công thứ hai chúng tôi nhận được một bức thư nặc danh bằng tiếng Pashtu (cái này tôi đọc và viết đều khá): *Nun zamong bad qismati wa. Kho yaad lara che mong sirf yaw waar pa qismat gatta kawo. Ta ba da hamesha dapara khush qismata ve.* Dịch (tạm tạm) ra là: Hôm nay bọn tao không gặp may. Nhưng hãy nhớ bọn tao chỉ cần gặp may một lần. Bọn mày sẽ luôn luôn cần có may mắn.

Mấy câu đó có gì nghe quen quen. Tôi google nó. (Giờ google đã thành một động từ rồi phải không?) Đó là câu dịch gần như nguyên văn cái IRA* nói sau khi Margaret Thatcher thoát vụ đánh bom của họ tại khách sạn Grand ở Brighton năm 1984. Lời phát biểu khủng bố này, cũng là một kiểu toàn cầu hóa.

Mỗi ngày ở Kabul là một trận đấu trí và tôi nghiện mất rồi.

Trong khi chờ được chúng nhận đủ sức khỏe để làm việc, tôi quyết định đến thăm mấy người thuê nhà và xem căn nhà còn trụ vững hay không - tôi mua nó mười lăm năm trước và đã sửa sang lại ít nhiều. Ít ra thì tôi tự nhủ vậy. Khi đến, tôi nhận ra mình đang tránh cổng chính mà đi đến cuối đường và vòng ra sau nhà, để vào cánh cổng mở ra đường nội bộ chạy đằng sau dãy nhà liền kề.

Đó từng là một con hẻm đẹp đẽ và yên tĩnh. Giờ nó trông như một công trường xây dựng. Vật liệu xây dựng - cốt thép, từng phiến đá và từng đồng cát - chiếm hết chút

khoảng trống nào mà xe đậu không chiếm. Hai hố ga để mở bay mùi hôi không bổ sung được vào giá trên trời của bất động sản ở đây. Hầu hết những căn cũ hơn đã bị đập bỏ và những căn hộ xa hoa của các chủ công trình mới đang mọc lên thế chỗ. Một số được xây như nhà sàn, tầng trệt nhường chỗ cho bãi đậu xe. Đó là ý tưởng hay cho thành phố phát triển vì xe hơi này, nhưng không hiểu sao nó làm tôi thấy buồn. Tôi không rõ vì sao. Có lẽ là lòng hoài niệm một thời xưa cũ hơn, tĩnh lặng hơn.

Một đám trẻ con mình mẩy bụi bặm, vài đứa ẵm em bên hông, giỡn chơi bằng cách nhấn chuông cửa rồi chạy vụt đi, cười nắc nẻ khoái trá. Cha mẹ hốc hác của chúng, kéo xi măng và gạch dưới những hố sâu - đào để làm tầng hầm mới, nhìn như thể một công trường xây dựng thời Ai Cập cổ đại, kéo đá để xây kim tự tháp cho Pharaon, cũng sẽ không trông lạc điệu. Một con lừa nhỏ có đôi mắt hiền lành chở gạch trong mấy túi yên đi ngang chỗ tôi. Ở đây các thông báo sau vụ nổ bằng tiếng Anh và Hindi trên loa phát thanh ở đồn cảnh sát trong chợ nghe mờ nhạt hơn: “Vui lòng báo lại bất cứ túi hành lý lạ nào hay người nào trông khả nghi cho đồn cảnh sát gần nhất...”

Chỉ trong ít tháng từ sau lần cuối tôi tới đây, số lượng xe đậu ở hẻm sau đã tăng - và hầu hết đều to hơn, sang hơn. Tài xế mới của bà Mehra hàng xóm, cả đầu quấn khăn quàng nâu chỉ chừa một khe trống cho mắt nhìn ra, đang xối nước rửa một chiếc Toyota Corolla màu kem mới toanh

như thể tấm trâu. Trên nắp ca-pô có kẻ một chữ OM* nhỏ màu vàng nghệ. Mới một năm trước đây thôi bà Mehra còn ném rác thẳng từ ban công tầng một xuống đường. Tôi tự hỏi sở hữu một chiếc Toyota rồi thì ý thức vệ sinh công cộng của bà có khá hơn không.

Tôi còn thấy là hầu hết các căn hộ trên tầng hai và ba đã được chỉnh trang, gắn kính.

Mấy con bò đen sống quanh trụ đèn bê tông đối diện cổng sau nhà tôi suốt nhiều năm, được bà Mehra và đội quân thờ bò của bà cho ăn và nuông chiều, không thấy đây. Chắc chúng đi chạy bộ rồi.

Hai cô gái mặc áo khoác thời trang và mang giày cao gót lách cách đi ngang, cả hai đều hút thuốc. Họ trông như gái gọi Nga hay Ukraina, hạng gái mà ta có thể gọi đến những cuộc truy hoan điên dã. Tuần trước cũng có vài cô ở buổi tiệc độc thân tại nhà tay bạn cũ Bobby Singh ở Mehrauli. Một cô cầm đĩa bánh taco đi quanh, thật ra là một thứ xốt nhúng - cô ta hầu như không mặc áo - hummus* đầy trên ngực. Tôi nghĩ vậy hơi quá, nhưng các khách khác thì dường như thích thú. Cô gái cũng tạo cái ấn tượng đó - dù biết đâu đó là một phần trong mô tả công việc. Khó mà nói.

Đám gia nhân mặc đồ đắt tiền của chủ bỏ đi được những con chó mặc đồ còn đắt tiền hơn dắt đi - Labrador, chó chăn cừu Đức, Dobermann, chó săn thỏ, Dachshund, Cocker spaniel - áo khoác len ghi những thứ kiểu như

Superman và *Woof!* Ngay đến một vài con lai giống đầu đường xó chợ cũng được mặc áo khoác và cho thấy dấu vết giống nòi. Dòng chảy xuống*. Ha! Ha!

Hai gã - một da trắng, một người Ấn - đi ngang, tay trong tay. Con Labrador đen núng nính của họ mặc chiếc áo thun láng đỏ xanh ghi *No. 7 Manchester United*. Như một đạo sĩ Ấn cần ban phát phước đức, nó rưới một vòi nước tiểu ri rỉ lên lớp các xe hơi mà nó lỏn tỏn đi ngang.

Cánh cổng thép tấm của trường tiểu học thành phố tiếp giáp vườn nai mới toanh. Cổng được vẽ hình giả tạo kinh khủng - một đứa trẻ vui sướng trong vòng tay người mẹ vui sướng, được một y tá mặc váy trắng mang tất trắng vui sướng tiêm chủng ngừa bại liệt. Ông tiêm to cỡ gây cricket. Tôi còn nghe thấy giọng trẻ con trong lớp, đọc to *Baa baa black sheep*, vút lên thành tiếng hét ở chữ *Wool!* và *Full!*

So với Kabul, hoặc bất kỳ nơi nào ở Afghanistan hay Pakistan, hoặc bất kỳ quốc gia láng giềng nào cũng vậy (Sri Lanka, Bangladesh, Miến Điện, Iran, Iraq, Syria - lạy Thượng Đế!) thì con hẻm sau nhỏ xíu mịt mờ đen đúa này, với cái đều đều buồn tẻ mỗi ngày của nó, cái dung tục, những bất bình đẳng không may nhưng chấp nhận được, những con lừa và những tàn bạo nho nhỏ của nó, chẳng khác nào một góc nhỏ thiên đường. Những cửa tiệm trong chợ bán thực phẩm, hoa, quần áo, điện thoại di động, không phải lựu đạn hay súng máy. Trẻ con nghịch ngợm nhấn chuông, không phải chơi trò đánh bom liều chết.

Chúng ta có rắc rối của mình, những giờ khắc khủng khiếp của mình, đúng, nhưng đây chỉ là những phút lâm lạc.

Tôi bỗng giận sôi đấm trí thức hằm hè và những kẻ ly khai chuyên nghiệp cứ liên miên chỉ trích đất nước vĩ đại này. Nói thẳng ra, họ làm vậy chỉ vì họ được cho phép. Và họ được phép vì với mọi khiếm khuyết của ta, chúng ta là nền dân chủ chính hiệu. Tôi chẳng khờ đến độ nói công khai thế này quá thường xuyên, nhưng sự thật là tôi thấy rất tự hào được làm công bộc cho Chính phủ Ấn Độ.

Cổng sau đang mở, như tôi nghĩ. (Người thuê tầng trệt đã sơn lại nó màu oải hương.) Tôi đi thẳng đến cầu thang dẫn lên tầng hai. Cửa khóa. Mức độ thất vọng của bản thân làm tôi thấy không yên. Đầu cầu thang trông hoang phế. Thư từ và báo cũ chồng đống trên cửa. Tôi thấy có dấu chân chó trên lớp bụi.

Lúc tôi trở xuống, chị vợ xinh đẹp, múp míp của người thuê nhà tầng trệt, anh ta điều hành một dạng công ty phát hành video, từ nhà bếp bước ra bắt chuyện với tôi trên cầu thang. Chị ta mời tôi vào nhà uống tách trà (vào cái từng là nhà tôi khi vợ chồng tôi nhận nhiệm sở ở Delhi).

“Tôi là Ankita,” chị ta nói với ra khi dẫn tôi vào. Mái tóc dài, duỗi thẳng bằng hóa chất có highlight vàng còn ẩm nên tôi ngửi thấy mùi dầu gội thơm nồng chị ta dùng. Chị ta đeo kim cương trên tai và mặc áo len trắng xù. Túi sau quần jean xanh bó sát - “jeggings”, con gái tôi nói quần này gọi như vậy - căng cứng bên trên cặp mông màu mỡ có

thêu những con rồng Trung Quốc lưỡi chẻ sắc sỡ. Mẹ tôi hẳn sẽ vừa ý, nếu không phải về quần áo thì chắc chắn là cái vẽ tròn trịa. *Dekhte besh Rolypoly**, bà sẽ nói. Người mẹ tội nghiệp của tôi, cả đời sống với chồng ở Delhi, mơ về ngày thơ ấu ở Calcutta.

Chữ đó làm văng lên một tiếng ro ro khó chịu trong đầu tôi. Rolypolyrolypolyrolypoly.

Hết ba bức tường trong phòng được sơn màu hồng dưa hấu. Toàn bộ nội thất kể cả bàn ăn thì có một kiểu màu xanh vỏ quả lăm tăm - tôi tin từ đúng là *giả cổ*. Khung cửa sổ và cửa lớn sơn đen (hạt dưa, chắc thế). Tôi bắt đầu thấy hối hận đã để họ tự do trang trí nội thất. Ankita và tôi ngồi đối diện nhau, ngăn cách bằng chiều dài băng ghế sofa (sofa cũ của tôi, giờ được bọc nệm mới). Đến một lúc chúng tôi phải kẹp đầu gối lại nhắc chân khỏi sàn khi người giúp việc của chị ta luôn bên dưới, lệt bệt trên mông như con vịt nhỏ, chùi sàn nhà bằng thứ gì đó có mùi hăng như sả. Rolypoly để sàn nhà chỗ đó lau chùi sau thì khó lắm hay sao? Khi nào thì dân ta mới học được chút phép tắc sơ đẳng?

Cô giúp việc rõ ràng là người Gond hay Santhal từ Jharkhand hay Chhattisgarh, hoặc có lẽ là một người thuộc các tộc bản địa ở Orissa. Cô trông như một đứa nhỏ độ mười bốn, mười lăm tuổi. Từ chỗ tôi ngồi tôi có thể nhìn xuống cái kurta cô mặc tới cây thánh giá bằng bạc nhỏ xíu nép giữa hai bầu ngực nhỏ xíu. Cha tôi có sự thù địch tự

nhiên với các nhà truyền giáo Cơ Đốc và cả đám họ, ắt sẽ gọi cô là Hallelujah. Dù rất tao nhã song ông cũng có khá nhiều cái khiếm nhã.

Ngự trong quả dưa hấu khổng lồ, rạng rỡ nhìn tôi từ dưới vầng hào quang mái tóc nhuộm màu, Rolypoly thì thầm kể không được mạch lạc cho tôi nghe chuyện xảy ra trên gác. “Tôi nghĩ vậy là chị ta không phải người bình thường,” chị ta nói, không chỉ một lần. Công bằng mà nói, có lẽ chị ta nói mạch lạc còn tôi ác cảm với cái việc nghe chị ta nói cho hết. Chị ta nói gì đó về một đứa bé và cảnh sát (“tôi chết đứng khi cảnh sát gõ cửa”) và bêu riếu nhà này và cả hàng xóm xung quanh. Nghe có hơi hằn học và thái quá. Tôi cảm ơn chị ta và ra về với món quà chị ta dúi vào tay - một DVD phim tài liệu mới nhất chống chị ta làm về hồ Dal ở Kashmir cho Sở Du lịch.

Một, hai tiếng sau, tôi đã ở đây. Tôi phải dẫn theo thợ khóa ở chợ để đánh chìa cho mình. Nói cách khác, tôi phải đột nhập. Người thuê tầng hai của tôi có vẻ đã đi rồi. “Đi rồi”, nếu mà tin được Rolypoly, có thể là cái gì đó như uyển ngữ. Nhưng nghĩ lại thì “người thuê” cũng là một uyển ngữ. Không, chúng tôi không phải tình nhân. Không lúc nào cô gọi cho tôi thấy là cô sẵn lòng cho một mối quan hệ kiểu đó. Nếu có, tôi không rõ bản thân mình đủ để nói chuyện sẽ tới đâu. Vì cả đời, từ lần đầu gặp cô nhiều năm trước khi bọn tôi còn học đại học, tôi xây dựng mình xoay quanh cô. Có lẽ không phải quanh cô, mà quanh những ký ức về tình

yêu tôi dành cho cô. Cô không biết điều đó. Không ai biết, có lẽ chỉ trừ Naga, Musa và tôi, những người đàn ông yêu cô.

Tôi dùng từ *yêu* một cách thoáng, và chỉ vì vốn từ của tôi không đủ sức mô tả thực chất cái mê cung đó, khu rừng cảm xúc kết nối ba người bọn tôi với cô và cuối cùng là với nhau.

Lần đầu tôi gặp cô là gần đúng ba mươi năm về trước, năm 1984 (ai ở Delhi mà quên được năm 1984?), tại buổi tập dượt một vở kịch đại học mà tôi đóng, tựa là *Norman, phải anh không?* Đáng tiếc là sau khi tập luyện cả hai tháng trời bọn tôi lại không bao giờ trình diễn được. Một tuần trước ngày vở kịch mở màn, bà G - Indira Gandhi - bị các cận vệ người Sikh ám sát.

Nhiều ngày sau vụ ám sát, từng đám đông do những người ủng hộ bà cùng đám thuộc hạ đã sát hại hàng nghìn người Sikh ở Delhi. Nhà ở, cửa hiệu, bãi taxi có tài xế người Sikh, từng khu vực người Sikh sinh sống bị thiêu rụi. Từng cụm khói đen bốc lên trời từ các đám cháy trên khắp thành phố. Ngồi bên cửa sổ xe buýt một ngày tươi sáng, đẹp đẽ, tôi thấy đám đông hành quyết một quý ông người Sikh lớn tuổi. Họ giật khăn đóng của ông ra, bứt râu và đeo một lớp xe bọc cháy quanh cổ ông như kiểu Nam Phi trong khi thiên hạ đứng quanh rú lên cổ vũ. Tôi chạy vội về nhà chờ cho nổi bàng hoàng từ những gì tôi chứng kiến ập đến. Thật kỳ lạ, nó không hề đến. Cái bàng hoàng duy nhất tôi

cảm thấy là bàng hoàng trước sự bình thản của mình. Tôi thấy ghê tởm sự ngu xuẩn, sự vô ích của bao thứ đó, nhưng không hiểu sao, tôi không thấy sốc. Có lẽ sự quen thuộc với lịch sử đẫm máu của thành phố tôi lớn lên có liên hệ gì đến điều đó. Nó như thể Bóng Ma mà Ấn Độ chúng ta ai cũng thường trực và rõ rệt nhận thấy nó hiện diện bỗng đâu trôi lên, găm gù, từ dưới đáy sâu, và cư xử đúng như ta đã nghĩ. Một khi thỏa cơn thèm rồi nó lặn xuống về hang ổ dưới lòng đất và sự bình thường khép lại bên trên. Lũ giết người cuồng điên thu móng vuốt lại và quay về với công việc thường ngày - thư ký, thợ may, thợ sửa ống nước, thợ mộc, chủ tiệm - cuộc sống tiếp diễn như trước. Tình trạng bình thường ở vùng chúng ta sống trên thế giới có chút giống như quả trứng luộc: bề mặt yên ả che giấu trong ruột một lòng đỏ bạo lực cực đoan. Nỗi lo thường trực của ta về bạo lực đó, ký ức của ta về giày vò nó gây ra trong quá khứ và nỗi sợ của ta về sự xuất hiện của nó trong tương lai, chính là cái đặt ra quy định một dân tộc phức tạp và đa dạng như chúng ta sẽ phải tiếp tục cộng tồn ra sao - tiếp tục chung sống, bao dung lẫn nhau, và đôi lúc tàn sát lẫn nhau. Chừng nào cái lòng trứng còn cứng, chừng nào phần lòng đỏ chưa chảy lỏng ra, chừng đó chúng ta còn ổn. Trong những giờ khắc khủng hoảng nó giúp ta có cái nhìn tầm xa.

Bọn tôi quyết định hoãn mở màn vở kịch lại một tháng, những mong đến lúc đó mọi chuyện đã lắng xuống. Nhưng đầu tháng Mười hai thảm kịch lại ập đến, lần này còn

khủng khiếp hơn. Nhà máy thuốc trừ sâu Union Carbide ở Bhopal gây ra một vụ rò rỉ khí độc tàn khốc giết chết hàng nghìn người. Báo chí đầy các tường thuật về những người cố chạy trốn từng đám mây độc đuổi theo họ, mắt và phổi bốc cháy. Có gì đó gần như khái huyền trong tính chất và tầm mức nỗi kinh hoàng. Các tạp chí đăng hình ảnh người chết, người ốm, người hấp hối, người không toàn thân và người mù lòa vĩnh viễn, những cặp mắt không còn thị lực nhìn dễ sợ quay về phía máy quay. Rốt cuộc bọn tôi cho rằng thần linh không ở bên chúng tôi và diễn vở *Norman* sẽ không hợp cảnh, nên tất cả bị xếp xó. Nếu mọi người thứ lỗi cho tôi vì cái nhận xét có phần tầm thường này - có lẽ cuộc đời là vậy, hay hầu như cuối cùng sẽ luôn như vậy: tập dượt cho buổi trình diễn sẽ không bao giờ thực hiện được. Dù vậy, trong trường hợp *Norman*, chúng tôi không cần một buổi diễn chung kết nào làm thay đổi chiều hướng đời mình. Hóa ra những buổi tập dượt là đã quá đủ.

David Quartermaine, đạo diễn vở kịch, là một thanh niên người Anh từ Leeds chuyển đến Delhi sống. Y gầy, dáng thể thao, nếu tôi được phép nói, đẹp chết người. Mái tóc hoe xõa xuống vai, đôi mắt xanh huyền ảo, màu xa phía, như mắt Peter O'Toole. Hầu như lúc nào y cũng phê thuốc, và công khai đồng tính, dù y không bao giờ nhắc đến chuyện đó trong cuộc trò chuyện. Mấy cậu thiếu niên da ngăm - con số này lớn - từng đoàn đi qua mấy gian phòng xếp đầy sách của y ở khu dân cư Defence Colony. Bọn họ

nằm ườn trên giường hay cuộn mình trên ghế bập bênh, lật xem mấy cuốn tạp chí mà hẳn họ không đọc được (rõ ràng y chuộng tầng lớp vô sản hơn). Bọn tôi chưa từng thấy thứ gì dù chỉ chút xíu giống như vậy. Ngày bọn tôi tụ tập tại căn hộ hai phòng của y cho buổi tập lời thoại đầu tiên, cô người hầu lặng lẽ, tháo vát của y đã tháo vát sinh hạ đứa con thứ ba trong phòng tắm nhà y. Bọn tôi thấy nể David Quartermaine - tình dục táo bạo của y, bộ sưu tập sách, tâm trạng u uất, thói quen lảm bảm và những quãng im lặng thành linh bí hiếm, mà bọn tôi tin là đặc điểm tiên quyết ở một nghệ sĩ chân chính. Một số đứa trong bọn bắt chước kiểu cách đó những lúc rảnh rỗi, tưởng tượng mình đang sửa soạn cho một cuộc sống trong nhà hát. Bạn cùng lớp tôi là Naga, Nagaraj Hariharan, đóng vai Norman. Tôi sẽ phải đóng vai người tình của cậu ta, Garson Hobart. (Trong các buổi tập đầu bọn tôi gồng nhiều hơn một chút. Tôi cho rằng theo một cách non nớt, khờ khạo bọn tôi cố ra hiệu rằng mình không thật sự đồng tính.) Cả hai đang hoàn thành luận văn Thạc sĩ Sử học tại Đại học Delhi. Vì cha mẹ cậu ta và cha mẹ tôi là chỗ bạn bè (cha cậu ta làm trong ngành ngoại giao, cha tôi là bác sĩ phẫu thuật tim có thâm niên), Naga với tôi đi học phổ thông chung và giờ là đại học. Như hầu hết bọn trẻ kiểu đó, hai đứa tôi chưa bao giờ thân thiết. Bọn tôi không ghét nhau, nhưng quan hệ giữa hai đứa luôn đối địch một chút.

Tilo là sinh viên năm ba ở trường Kiến trúc và đang phụ

trách phần thiết kế sân khấu và ánh sáng. Cô tự giới thiệu với bọn tôi là Tilottama. Khoảnh khắc trông thấy cô, một phần trong tôi bước ra khỏi tôi rồi cuộn mình quanh cô. Và nó vẫn còn ở đó.

Tôi ước mình biết điều gì ở cô làm tôi hoàn toàn mất hồn như vậy và làm tôi hành động như một người không phải tôi - ân cần, có chút sốt sắng quá mức. Cô không giống bất cứ ai trong mấy cô gái xanh xao, trau chuốt tử tế tôi quen ở đại học. Nước da cô là cái mà người Pháp gọi là *café au lait** (thật ít *lait*), điều này, theo hầu hết người Ấn, khiến ngay lập tức cô bị cho là không được đẹp. Tôi thấy khó mà mô tả một người đã in dấu trong tôi, trong tâm hồn tôi, như tem thư hay một kiểu dấu niêm phong suốt bao năm như vậy. Tôi xem cô như tay chân trên cơ thể mình - một bàn tay, hay bàn chân. Nhưng hãy để tôi thử, dù chỉ là bằng những nhát cọ sơ sài nhất. Cô có gương mặt nhỏ, cân đối và sống mũi thẳng tắp, hai lỗ mũi xấp xược, xòe ra. Mái tóc dày để dài, không thẳng cũng không quăn, mà rối và không được chăm chút. Tôi còn tưởng tượng được những chú chim nhỏ làm tổ trong đó. Lấy nó làm phần Trước trong Trước và Sau của quảng cáo dầu gội cũng được. Cô để thả tóc sau lưng thành một bím và thỉnh thoảng vắn lên thành búi xô lệch sau cái gáy dài với cây bút chì màu vàng cắm ngang. Cô không trang điểm và không làm gì cả - không có những thứ thú vị con gái hay làm cho tóc, cho mắt, cho môi - để tôn vẻ bề ngoài. Cô không cao, nhưng mảnh mai, và cô có

kiểu đứng: trọng lượng thân người dồn lên phần trước bàn chân, vai ngang, hơi nam tính, nhưng cũng không phải vậy. Ngày đầu tôi gặp cô mặc bộ đồ ngủ vải bông trắng và một sơ mi đàn ông in hình, rộng thùng thình xấu xí -không hiểu sao cái xấu xí ấy là có dụng ý - dường như không phải của cô. (Tôi đã lăm về chuyện đó: nhiều tuần sau, khi bọn tôi thân hơn, cô nói với chúng tôi nó đúng là của cô. Rằng cô đã mua nó ở một chợ đồ cũ bên ngoài Jama Masjid giá một rupee. Naga - đúng kiểu cậu ta - nói rằng cậu biết từ nguồn đáng tin rằng quần áo bán ở đấy là lấy từ thi thể người chết trong những vụ tai nạn tàu lửa. Cô nói mình không nề hà gì, miễn là nó không dính máu.) Thứ trang sức duy nhất cô đeo là một chiếc nhẫn bạc to trên ngón giữa thuôn dài dính mực và một khoen đeo ngón chân bằng bạc. Cô hút thuốc beedi hiệu Ganesh để trong bao thuốc lá Dunhill màu đỏ thẫm. Cô thường nhìn thấu sự thất vọng trên mặt những người đã cố lừa lấy của cô cái họ tưởng là điếu thuốc đầu lọc nhập khẩu, cuối cùng lại là một điếu beedi mà họ ngượng quá không dám không hút, nhất là khi cô ngỏ ý châm lửa cho họ. Tôi thấy chuyện này xảy ra vài lần, nhưng về mặt cô vẫn luôn thản nhiên - không hề có một nụ cười hay liếc nhìn khoái trá với một người bạn, thế nên tôi không bao giờ biết là cô chơi khăm hay đó chỉ là cách cô làm mọi thứ. Sự vắng bật cái mong muốn chiều lòng, hay khiến ai đó thoải mái, có thể bị hiểu là kiêu ngạo ở một người khó tổn thương. Ở cô nó được hiểu là một kiểu đơn độc bất cần. Đằng sau cặp kính tròn, không kiểu cách cô

đeo, đôi mắt mèo hơi xếch có cái kín đáo vô tư của một kẻ mắc chứng cuồng phóng hỏa. Cô tạo cái ấn tượng rằng bằng cách nào đó cô đã tuột khỏi dây xích cổ. Như thế cô tự dắt mình đi dạo khi cả đám còn lại bọn tôi bị cột dây dắt đi - như thú cưng. Như thế cô đứng xem ý tứ, có hơi lơ đãng, cách một quãng, khi bọn tôi uốn éo đi theo, hàm ơn chủ, sung sướng được kéo dài kiếp nô lệ.

Tôi cố tìm hiểu thêm về cô, nhưng cô ít tiết lộ điều gì. Khi tôi hỏi họ cô là gì, cô bảo mình tên S. Tilottama. Khi tôi hỏi S viết tắt của chữ gì cô nói, “S viết tắt của S.” Cô lảng tránh những câu tôi hỏi khéo như gia đình cô ở đâu, cha cô làm nghề gì. Lúc đó cô chưa nói được nhiều tiếng Hindi. Vậy nên tôi đoán là Nam Ấn. Tiếng Anh của cô thiếu trọng âm kỳ lạ, ngoại trừ thỉnh thoảng Z nhẹ đi thành S, nên, chẳng hạn, cô nói “Sip” thay vì “Zip”. Tôi đoán là Kerala.

Hóa ra tôi đúng về chuyện đó. Những chuyện còn lại - tôi biết được là do cô không lảng tránh; quả tình là cô không phải trả lời những câu hỏi bình thường của đám choai choai đại học ấy: Cô người vùng nào? Cha cô làm nghề gì? Vân vân và vân vân. Từ những câu phát phơ nghe được trong các cuộc chuyện trò thì tôi biết mẹ cô là bà mẹ đơn thân bị chồng ruồng bỏ, hoặc bà bỏ ông, hoặc ông đã chết - tất cả những chuyện đó có hơi bí ẩn. Dường như không ai xếp hạng được cô. Có người đồn cô là con nuôi. Cũng có lời đồn là không phải. Sau này tôi được biết - từ một sinh viên đại học lớp dưới, một thằng bạn tên Mammen

P. Mammen, một tay buôn chuyện cùng quê với Tilo - rằng cả hai tin đồn đều đúng. Mẹ cô đúng là mẹ ruột, nhưng lúc đầu đã bỏ rơi rồi nhận nuôi cô. Có một vụ tai tiếng, một chuyện tình trong một thị trấn nhỏ. Người đàn ông, thuộc về đẳng cấp “tiện dân” (một “Paraya”, Mammen P. Mammen thì thầm, như thể nói to ra cũng làm mình ô uế), đã bị gạt đi theo kiểu các gia đình đẳng cấp cao ở Ấn Độ - trong trường hợp này là người Cơ Đốc Syria ở Kerala - theo truyền thống vẫn cho qua những phiền phức thế này. Mẹ Tilo được mang đi xa cho đến khi đứa bé chào đời và đem vào một trại mồ côi Cơ Đốc. Vài tháng sau bà quay lại trại mồ côi và nhận con ruột của mình làm con nuôi. Gia đình từ bà. Bà không lập gia đình. Để nuôi thân, bà mở một nhà trẻ nho nhỏ, mà qua nhiều năm, mở mang thành một trường trung học thành công. Bà không bao giờ công khai thừa nhận - cũng dễ hiểu thôi - rằng mình là mẹ ruột. Tôi chỉ biết chừng ấy.

Tilottama không bao giờ về nhà vào những kỳ nghỉ. Cô không bao giờ nói tại sao. Không ai đến tìm cô. Cô trả học phí bằng cách làm họa viên thiết kế cho các văn phòng kiến trúc sau giờ học, cuối tuần và ngày nghỉ. Cô không sống trong ký túc xá - cô nói không đủ tiền. Thay vì vậy, cô sống trong một cái lán trong khu ổ chuột gần đó - chạy dọc tường ngoài của khu phố tích cổ. Không ai trong bọn tôi được cô mời đến chơi.

Trong những buổi tập dượt vở kịch *Norman*, cô gọi Naga

là Naga, còn tôi, vì lý do nào đó, cô chỉ gọi là Garson Hobart. Vậy nên bọn tôi, Naga với tôi, sinh viên ngành Sử học, tán tỉnh một cô gái dường như không có một quá khứ, gia đình, cộng đồng, người thân, hoặc ngay cả là mái nhà. Thật ra Naga không hẳn tán tỉnh cô. Thời ấy, cậu ta mê bản thân hơn là mê ai khác. Cậu ta chú ý đến Tilo và bật cái vẽ quuyến rũ (đáng kể) của mình lên, như ta bật đèn pha xe hơi, chỉ vì cô không để mắt đến cậu ta. Naga không quen chuyện đó.

Tôi chưa bao giờ biết rõ mối quan hệ giữa Musa - Musa Yeswi - và Tilo thật sự là sao. Hai người im lặng với nhau, không bao giờ biểu lộ gì. Có lúc họ trông giống anh em hơn là người yêu. Họ là bạn học ở trường Kiến trúc. Cả hai đều là những nghệ sĩ có biệt tài. Tôi đã xem một số tác phẩm của họ, những bức chân dung vẽ bằng chì và than của Tilo, các bức màu nước Musa vẽ phết tích những thành phố cổ hơn cả Delhi, Tughlakabad, Feroz Shah Kotla và Purana Qila, những bức vẽ ngựa bằng bút chì của anh - đôi khi chỉ là một phần con ngựa - đầu, mắt, cái bờm hoang dã, vó ngựa phi nước kiệu. Có lần tôi hỏi anh về mấy bức vẽ đó, anh vẽ theo ảnh chụp hay vẽ lại từ tranh minh họa trong sách, hay anh có ngựa ở quê nhà Kashmir. Anh nói mình nằm mơ thấy chúng. Tôi thấy điều đó đáng ngại. Tôi không giả vờ mình hiểu biết nhiều về nghệ thuật, nhưng trong con mắt kẻ ngoại đạo như tôi, những bức vẽ đó, của cả anh và Tilo, trông khác biệt và lộng lẫy. Tôi nhớ họ có chữ viết

tương tự nhau - cái chữ bay bướm góc cạnh, tự nhiên, từng được dạy ở trường Kiến trúc trước khi mọi thứ được máy tính hóa.

Tôi không thể nói là mình biết rõ Musa. Anh là một chàng trai trầm tính, ăn mặc bảo thủ, vóc người chắc nịch và cao cũng tầm Tilo. Tính lầm lì ít nói ắt là do tiếng Anh của anh không trôi chảy và anh nói với giọng đặc sệt Kashmir. Anh có cái lối ở giữa đám bạn mà không thu hút sự chú ý nào về mình, nó như một dạng kỹ năng, vì anh trông quyến rũ, như kiểu nhiều thanh niên Kashmir cũng thế. Dù không cao, anh có bờ vai rộng, vẻ chắc nịch của anh ẩn giấu sự mạnh mẽ. Tóc anh đen mun, húi cua. Mắt anh màu xanh lá - nâu đậm. Anh cạo râu nhẵn nhụi, làn da trắng xanh mịn màng hoàn toàn tương phản với nước da của Tilo. Tôi nhớ rõ hai điều ở anh: một cái răng cửa bị mẻ (làm anh trông trẻ lạ khi cười, mà rất hiếm khi) và đôi bàn tay lạ lùng - không giống tay họa sĩ chút nào - đó là bàn tay của nông dân, to khỏe, những ngón tay chắc nịch.

Ở Musa có cái vẻ dịu dàng, trầm tĩnh, điều tôi thích, dù có lẽ về sau chính những nét tính cách ấy rắn lại thành cái gì đáng sợ. Tôi chắc chắn anh biết tình cảm tôi dành cho Tilo, nhưng anh không tỏ ra thấy bị đe dọa hay đắc thắng. Điều đó, trong mắt tôi, cho anh cái phẩm cách ghê gớm. Trong mối quan hệ của anh với Naga thì tôi nghĩ ít có sự thư thái hơn, điều đó có lẽ liên quan đến Naga hơn là Musa. Naga tỏ ra thiếu tự tin kỳ lạ và thiếu phong nhã khi

ở gần Musa.

Sự tương phản giữa hai người họ thật rõ rệt. Nếu Musa là (hoặc ít ra cũng cho cái ấn tượng) người rắn rỏi, đáng tin cậy, một khối đá - thì Naga lại phôi phới và đồng bóng. Không tài nào thoả mái được khi ở bên cậu ta. Naga không thể nào ở trong phòng mà không hướng mọi sự chú ý vào mình. Cậu ta đúng là dân trình diễn; náo nhiệt, hóm hỉnh, hơi chút hống hách, và cực kỳ nhấn tâm một cách vui nhộn với những ai cậu ta chọn thọc lét công khai. Naga đẹp trai, mảnh dẻ, trẻ trung, một tay chơi cricket tài ba (ném bóng xoáy), tóc phất phơ và đeo kính - trông rất giống một tay thể thao trí thức, bảnh bao. Nhưng không chỉ ngoại hình, sức hút xỏ lá của cậu ta dường như chính là cái khiến các cô yêu thích. Họ sướng rơn vây từng đám quanh cậu ta, hứng từng lời cậu ta nói, cười khúc khích theo mọi câu đùa ngay cả khi không có gì buồn cười. Khó mà dõi theo được hàng dài bạn gái của cậu ta. Naga có cái đặc tính tắc kè hoa mà các diễn viên giỏi có - khả năng biến đổi ngoại hình, không phải ở bề mặt, mà toàn triệt, tùy theo từng thời khắc nhất định trong đời cậu ta quyết định là ai. Thời bọn tôi còn trẻ, mọi điều đó thật thú vị và vui nhộn. Ai cũng trông ngóng xem hóa thân mới nhất của Naga là gì. Nhưng khi chúng tôi già đầu hơn thì chuyện đó trở nên hơi hợt và mệt mỏi.

Tốt nghiệp trường Kiến trúc ra, dường như Musa với Tilo mỗi người một ngả. Anh quay về Kashmir. Cô kiếm được

chân kiến trúc sư cấp thấp trong một công ty kiến trúc. Trách nhiệm chính của cô ở chỗ làm, cô kể tôi nghe, là nghe chửi vì lỗi của người khác. Với đồng lương còi cọc (cô được trả theo giờ) cô nâng cấp từ khu ổ chuột đến thuê một phòng lụp xụp gần đền thờ Hazrat Nizamuddin Auliya. Tôi có qua đó thăm cô vài bận.

Trong lần đến thăm sau cùng, chúng tôi ngồi bên mộ Mirza Ghalib, trong một vũng mẩu thuốc lá và beedi, bao quanh là những người què cụt, người cùi hủi, người lang thang và dị nhân trông lạ mắt vẫn luôn tụ tập quanh những thánh địa ở Ấn Độ, uống chút trà đặc, dờ tẹ.

“Đây là cách chúng ta đối xử với ký ức về những nhà thơ vĩ đại nhất của mình,” tôi nhớ mình nói, có hơi khoe khoang - thời đó tôi không biết gì về thơ của Ghalib. (Giờ thì tôi biết rồi. Tôi phải biết. Vì lý do nghề nghiệp. Vì không có gì làm ấm lòng dân Hồi giáo ở tiểu lục địa hơn vài dòng thơ tiếng Urdu được chọn kỹ.)

“Có lẽ ông ta thấy vui hơn theo kiểu này,” cô nói.

Sau đó, chúng tôi đi qua những con hẻm ăn xin xếp hàng đến đền thờ nghe nhạc lễ tối thứ Năm. Đó không phải là buổi nhạc lễ Sufi hay nhất tôi từng nghe, nhưng du khách nước ngoài nhắm mắt và đu đưa ngây ngất.

Bài hát cuối cùng dứt, các nhạc công thu dọn nhạc cụ ọp ẹp lại, chúng tôi đi xuống con đường tối chạy dài sau khu dân cư, men những bờ rãnh thoát nước có mùi như cống, rồi leo cầu thang dốc đứng, nhỏ hẹp lên phòng cô. Sân

thượng bụi bặm nhà cô xếp đồ phế thải của ai đó - có lẽ chủ nhà - gõ bạc phếch vì nắng. Một con mèo đực lông vàng gừ gừ thềm tình tuyệt vọng vì con cái đã chặn mình bên trong một ổ liễu gai te tua bung ra từ nệm ghế gãy. Có lẽ tôi nhớ con mèo rõ như vậy bởi nó gọi cho tôi nhớ đến mình.

Căn phòng nhỏ xíu xiu, giống nhà kho hơn là phòng ở. Phòng trống không có gì ngoài một cái giường xếp, một vò đất sét đựng nước và một thùng giấy bìa đựng quần áo với mấy cuốn sách. Một vòng sắt trên kính chắn gió xe jeep cũ kê trên mấy viên gạch làm bếp. Một bức vẽ màu sáp khéo léo, to hơn thật, vẽ một con gà trống màu xanh tím óng ánh chiếm cả bức tường và nhìn chúng tôi bằng một con mắt vàng nghiêm nghị. Như thể để bù lại chuyện mất đi người thật, Tilo hô biến ra một bậc phụ huynh bằng hình graffiti để mắt tới cô.

Tôi nhẹ nhõm khi thoát được ánh nhìn quạu cọ của con gà trống khi chúng tôi ra ngoài sân thượng. Chúng tôi hút chút hashish*, bị muỗi đốt và cười thật nhiều toàn những thứ không đâu. Tilo ngồi khoanh chân, vắt vẻo trên lan can, nhìn ra màn đêm. Một ông trăng lỗ chỗ vươn lên, vẻ đẹp thoát trần của nó tương phản với từng đám hơi nồng nặc, quá đổi trần tục từ cái cống mở nắp bên kia đường. Bất chợt một hòn đá bay vèo lên chỗ chúng tôi từ dưới đường, chút nữa thì trúng Tilo. Cô nhảy phóc xuống, nhưng dường như không mấy nao núng.

“Đó là đám người ở rạp hát. Chắc suất cuối hết rồi.”

Tôi nhìn xuống đường. Tôi nghe tiếng cười khẩy, nhưng không thấy được ai trong bóng tối. Tôi phải thú nhận là mình hơi mất bình tĩnh. Tôi hỏi cô - đó là một câu hỏi ngắn gọn - cô có biện pháp gì để đảm bảo an toàn bản thân. Cô nói mình không phản bác cái tin đồn trong xóm rằng đang làm việc cho một tên buôn ma túy khét tiếng. Như vậy, thiên hạ sẽ tưởng rằng cô được bảo kê.

Tôi quyết định trâng tráo mà hỏi về Musa, anh ở đâu, họ có còn qua lại với nhau không, hai người có định cưới không. Cô nói, "Tôi sẽ không cưới ai hết." Khi tôi hỏi tại sao cô cảm thấy vậy, cô nói mình muốn tự do để chết một cách vô trách nhiệm, không cần báo trước và không vì lý do nào cả.

Tối đó về nhà tôi ngủ thiếp đi khi đang nghĩ về cái vực sâu ngăn cách đời tôi với đời cô. Tôi vẫn đang sống trong căn nhà tôi chào đời. Cha mẹ ngủ ở phòng bên. Tôi còn nghe được tiếng rì rì thân thuộc của cái tủ lạnh ồn ào nhà chúng tôi. Mọi vật dụng - thảm, tủ, ghế bành trong phòng khách, những bức họa của Jamini Roy, những ấn bản đầu tiên của Tagore bằng tiếng Bengal và cả tiếng Anh, bộ sưu tập sách leo núi của cha tôi (đó là một sở thích, ông không phải dân leo núi), mấy cuốn album gia đình, mấy cái rương mà chúng tôi cất quần áo mùa đông, cái giường tôi nằm từ khi còn bé con - như những người lính canh trông chừng cho tôi suốt bao năm qua. Đúng vậy, quãng đời trưởng thành của tôi vẫn còn nằm phía trước, nhưng nền móng xây

nên cuộc đời đó dường như lại bất biến làm sao, khó công phá làm sao. Tilo thì trái lại, như con thuyền giấy trên biển thét gào. Cô hoàn toàn đơn độc. Ngay cả người nghèo ở đất nước chúng ta, dầu là bị đối xử tàn tệ như vậy, cũng còn có gia đình. Làm sao cô sống sót nổi? Được bao lâu thì thuyền cô sẽ chìm?

Sau khi gia nhập Cục và tham gia huấn luyện, tôi mất liên lạc với cô.

Lần tiếp theo tôi gặp cô là ở đám cưới cô.

Tôi không biết điều gì đã đem cô và Musa lại với nhau sau chừng ấy năm, hay làm thế nào mà cô lại có mặt trên nhà thuyền đó với anh ở Srinagar.

Xét theo những gì tôi biết về anh thì chưa khi nào tôi hiểu nổi làm sao mà cái con bão phù phiếm u mê, lầm lạc đó - cái ý niệm vô lý rằng Kashmir có thể có "tự do" - cuốn lấy anh như với cả thế hệ thanh niên Kashmir. Đúng là anh đã trải qua kiểu bi kịch mà không ai nên nếm trải - nhưng khi đó Kashmir là vùng chiến sự. Tôi có thể đặt tay lên tim mà thề rằng, dù cái gì khiêu khích đi nữa thì tôi cũng không đời nào toan tính làm cái anh đã làm.

Nhưng nghĩ lại thì anh không phải là tôi, tôi cũng không phải anh. Anh làm việc của anh. Và anh trả giá cho điều đó. Gieo gió thì gặt bão.

Musa chết được đôi tuần thì Tilo cưới Naga.

Về phần tôi, kẻ mờ nhạt nhất trong đám - tôi yêu cô đến mất cả lòng kiêu hãnh. Và vô vọng. Vô vọng, bởi vì tôi biết

rằng dẫu nhờ chút cơ may nào mà cô đáp lại tình cảm của tôi, thì cha mẹ tôi, cha mẹ Bà La Môn của tôi, cũng sẽ không đời nào chấp nhận cô - người con gái không có quá khứ, không có đẳng cấp - vào gia đình. Nếu tôi kiên trì thì đó cũng cầm bằng như nổi loạn mà quả thực tôi không có gan làm. Ngay cả trong cuộc đời bình lặng nhất thì ta cũng phải chọn đánh trận nào, mà trận này thì không phải của tôi.

Giờ đây, nhiều năm sau, cha mẹ tôi đều đã qua đời. Còn tôi là cái được gọi “người đàn ông của gia đình”. Vợ chồng tôi chịu đựng nhau và yêu thương con cái. Chitra - Chittaroopa - vợ tôi (phải, người vợ Bà La Môn), làm trong ngành ngoại giao và nhận nhiệm sở ở Prague. Con gái chúng tôi, Rabia và Ania, mười bảy và mười lăm tuổi. Chúng ở với mẹ và theo học trường Pháp. Rabia mong được học văn học Anh, còn Ania từ nhỏ đã quyết lòng theo một sự nghiệp trong ngành luật nhân quyền. Đó là một lựa chọn không chính thống, và quyết tâm của nó, sự từ chối ngay cả là cân nhắc những lựa chọn khác, có chút kỳ lạ, nhất là với một đứa con nhỏ như vậy. Mới đầu tôi băn khoăn về chuyện đó. Tôi tự hỏi đó có phải là cách con bé diễn một kiểu nổi loạn tuổi thiếu niên tinh vi chống lại cha nó không. Nhưng xem ra hoàn toàn không phải vậy. Độ mười năm trở lại đây ngành nhân quyền đã trở nên hoàn toàn đáng trọng và thậm chí là một nghề hái ra tiền. Tôi cũng gần như là khuyến khích con bé. Ngả nào thì cũng còn vài năm nữa

mới phải có quyết định dứt khoát. Ta sẽ xem sao. Cả hai đứa đều là học sinh giỏi. Chitra với tôi được hứa sớm nhận nhiệm sở chung - hi vọng là ở đất nước hai đứa con gái theo học đại học.

Tôi chưa bao giờ hình dung nổi mình sẽ làm gia đình buồn phiền hay tổn thương theo bất cứ cách nào cả. Nhưng khi Tilo lại bước vào đời tôi, những ràng buộc pháp lý, những nguyên tắc đạo đức cao ngạo ấy, teo tóp đi và thậm chí còn có vẻ hơi lố bịch. Hóa ra tôi đã lo lắng không đâu - dường như cô còn không nhận thấy cái khó xử hay lúng túng của tôi.

Bằng cách cho cô thuê mấy phòng này khi cô cần, tôi tự nhủ mình đang khéo léo và không gây phiền hà đến bù lại vì sự xâm phạm của mình. Tôi nói “xâm phạm” bởi vì tôi vẫn luôn cảm thấy mình đã phụ lòng cô một cách mơ hồ nhưng cũng cơ bản. Dường như cô không thấy như vậy chút nào - nhưng nghĩ lại thì cô không phải kiểu người như thế.

Thằng hoặc tôi mới gặp cô, từ ngày cô cưới Naga. Đám cưới của họ ở Delhi vẫn còn nung đốt ký ức tôi, và không phải vì cái ắt là những lý do hiển nhiên - đau khổ hay tình yêu ngang trái. Điều đó, thật ra, là lý do ít quan trọng nhất trong tất cả. Lúc đó tôi cũng khá hạnh phúc. Cuộc hôn nhân của tôi mới chưa được hai năm; vẫn còn chút gì na ná tình cảm thực sự giữa vợ chồng tôi, nếu không nói là tình yêu. Cái mong manh hủy hoại ngầm đánh dấu mối quan hệ của tôi với Chitra lúc này vẫn chưa xảy đến.

Cho đến khi cưới Tilo, Naga đã đi qua nhiều chuyển đoạn từ một sinh viên bất trị, đả phá đến một trí thức thất nghiệp thuộc đảng cánh tả cực đoan, rồi một người ủng hộ nhiệt thành sự nghiệp chính nghĩa Palestine (người hùng của cậu ta thời đó là George Habash), rồi đến một nhà báo chính thống. Như nhiều người cực đoan ôn ào, cậu ta đã đi qua cả quang phổ lập trường chính trị cực đoan. Cái duy nhất vẫn trước sau như một là mức độ tiếng ồn decibel. Giờ thì Naga có một người điều khiển - dù cậu ta không nghĩ theo cách đó - trong Cục tình báo. Với vị trí thâm niên ở tờ báo, cậu ta là một tài sản có giá cho chúng tôi.

Hành trình cậu ta về bên tối, nếu mọi người muốn gọi như thế - tôi thì không - bắt đầu bằng chút có đi có lại như thường lệ. Tin hàng đầu của Naga là Punjab. Cuộc bạo loạn đến lúc đó đã ít nhiều bị đập tan. Nhưng Naga dành thời gian đào bới những câu chuyện cũ, cung cấp đạn dược cho những trò hề nực cười gọi là “Tòa án nhân dân”, sau đó thì họ tung ra càng nhiều “cáo trạng của nhân dân” nực cười chống cảnh sát và tổ chức bán quân sự. Một chính quyền đang xung khắc với một phong trào bạo loạn tàn nhẫn không thể theo cùng tiêu chuẩn với cái đang vận hành trong điều kiện bình thường, yên bình. Nhưng ai sẽ giải thích điều đó cho một nhà báo thập tự chinh viết bài với tiếng vỗ tay thường trực rào rào trong tai? Trong một lần nghỉ phép khỏi thương hiệu chủ nghĩa cực đoan trình diễn này, Naga đến Goa, và theo phong cách điển hình của

Naga, yêu say đắm rồi cưới bốc đồng một hippy trẻ người Úc. Lindy, tôi nghĩ tên cô là vậy. (Hay là Charlotte? Tôi không chắc. Cũng quan trọng gì đâu. Tôi giữ nguyên tên Lindy.) Cưới nhau được một năm, Lindy bị bắt ở Goa vì buôn bán ma túy. Cô đối mặt triển vọng vài năm trong tù. Naga lo quỳnh lên. Cha cậu ta là một người có ảnh hưởng và dễ dàng giúp được, nhưng Naga - một kẻ sinh sau đẻ muộn trong đời cha mình - vốn luôn có mối quan hệ sóng gió với ông nên không muốn ông biết. Vậy là cậu ta gọi cho tôi và tôi giật dây vài nơi. Trưởng ty cảnh sát ở Punjab nói chuyện với người đồng cấp ở Goa. Chúng tôi kéo được Lindy ra khỏi cảnh giam giữ và khiến người ta hủy các cáo buộc. Vừa được thả, Lindy lấy ngay chuyến bay đầu tiên về lại quê nhà ở Perth. Vài tháng sau, Naga với cô chính thức ly hôn. Naga tiếp tục công việc ở Punjab, khỏi phải nói, thành kẻ khá là ăn năn hối lỗi.

Khi chúng tôi cần sự giúp đỡ của phóng viên về một vụ việc nhỏ, vụ mà các nhà hoạt động nhân quyền đang làm ầm ĩ lên, dù như thường lệ nhiều thông tin của họ cần được đính chính, tôi gọi cho Naga. Và chuyện xảy ra như vậy. Một sự hợp tác ra đời.

Dần dà, Naga bắt đầu khoái cái lợi thế so với đồng nghiệp nhờ tin cậu ta nhận được từ chúng tôi. Đó là một điều mĩa mai kinh khủng - một kiểu buôn bán ma túy khác. Lần này thì chúng tôi là bọn buôn ma túy. Cậu ta là con nghiện của chúng tôi. Được ít năm, cậu ta đã vươn lên

thành một phóng viên ngôi sao và chuyên viên phân tích an ninh được săn đón trên bầu trời truyền thông. Khi mối quan hệ của cậu ta với Cục hứa hẹn không chỉ trở thành một sự cộng tác tạm thời - là hôn nhân chứ không phải tình một đêm - tôi nghĩ mình nên thận trọng mà tránh qua một bên. Một đồng nghiệp của tôi, R.C. Sharma - Ram Chandra Sharma - tiếp quản. R.C. với Naga cộng tác rất suôn sẻ. Cả hai có cùng cái khiếu hài tàn bạo và tình yêu dành cho rock'n'roll và nhạc blues. Một điều tôi sẽ nói tốt cho Naga là chưa bao giờ hao tay một rupee nào. Về chuyện đó thì cậu ta đã - và tiếp tục - trung thực thái quá. Quan niệm liêm chính nghề nghiệp đòi hỏi cậu ta sống theo nguyên tắc, nên để vẫn là một người chính trực, cậu ta thay đổi các nguyên tắc của mình, và giờ đây tin tưởng ở chúng tôi còn hơn chúng tôi tin mình. Thật mỉa mai cho một cậu học trò với trò chế nhạo yêu thích là gọi tôi bằng cụm từ “con chó lẳng quăng của chủ nghĩa tư bản” ở cái tuổi mà hầu hết bọn tôi còn đang xem truyện tranh *Archie*.

Tôi không rõ từ ai và ở đâu ra mà Naga học được cái ngôn ngữ dữ dội của cánh tả. Có lẽ từ một người thân là cộng sản. Là ai đi nữa thì, ông ta - hoặc bà ta - cũng là một người thầy giỏi và Naga áp dụng cái mình học được thật ngoạn mục. Nó đưa cậu ta đi từ cuộc chinh phục này đến cuộc chinh phục khác. Có lần tôi chơi với cậu ta trong một cuộc tranh luận ở trường. Chắc bọn tôi mười ba hay mười bốn tuổi gì đấy. Chủ đề là “Thượng Đế có tồn tại không?”

Tôi sẽ phải biện hộ định đề, còn Naga phản bác. Tôi phát biểu trước. Sau đó Naga có bài phát biểu nảy lửa, thân hình mảnh mai căng lên như roi bện, giọng run run phẫn nộ. Đám bạn học say sưa cần mẫn ghi lại câu báng bổ huênh hoang của cậu ta: “Cái lừa dối của 330 triệu ông phỗng cam lạng của chúng ta, những thần linh ích kỷ ta gọi là Ram và Krishna sẽ không cứu chúng ta khỏi cái đói, bệnh tật và nghèo khổ. Niềm tin ngu ngốc của chúng ta vào lũ khỉ và những ảo tượng đầu voi sẽ không nuôi sống được quần chúng chết đói của ta...” Tôi không có cơ hội nào. Bài phát biểu của Naga làm cho bài phát biểu của tôi nghe như do một bà dì già cả sùng đạo soạn. Kỳ lạ thay, dù có ký ức rõ ràng, sống động về cái cảm giác cực kỳ bất xứng của mình, tôi lại không có ký ức gì về cái mình đã phát biểu. Hàng tháng sau đó, tôi vẫn len lén ngâm nga câu mạo phạm của Naga trước gương: “Niềm tin ngu ngốc của chúng ta vào lũ khỉ và những ảo tượng đầu voi sẽ không nuôi sống được quần chúng chết đói của ta...” nước bọt li ti bắn như mưa lên bóng tôi trong gương.

Một màn trình diễn đáng nhớ khác của Naga là ít năm sau, tại một sự kiện văn hóa thường niên của trường đại học. Vừa chân ướt chân ráo từ Bastar về sau chuyến nghỉ hè với hai người bạn, ở đó bọn họ cắm trại trong rừng và đi khắp những làng mà các bộ tộc nguyên thủy sinh sống, Naga đứng đỉnh bước lên sân khấu, tóc dài, chân trần, mình trần, chỉ đóng độc cái khố, một cây cung và một bao

tên vắt qua vai. Cậu ta làm bộ nhai sào sạo cái cậu ta gọi là mồi mọt trên bánh mì nướng, gây nên vẻ mặt nín thở vì rụt rè ghê sợ từ các cô trong đám cử tọa, hầu hết đều muốn được lấy cậu ta. Nuốt hết miếng cuối cùng xong, cậu ta bước tới micro và trình bày bài *Sympathy for the Devil* của Stones, xướng âm nhạc nền, bắt chước các nốt trên cây đàn guitar tưởng tượng. Cậu ta là một ca sĩ giỏi, thậm chí xuất sắc, nhưng tôi thấy mọi chuyện đó thật khó chịu, và nghĩ nó biểu lộ sự thiếu tôn trọng vô cùng với những người bản địa cũng như Mick Jagger, người mà tại thời điểm đó trong đời, tôi tin là Thượng Đế. (Tôi ước mình đã nghĩ đến điều đó cho bài thuyết trình ủng hộ Thượng Đế ở trường.) Thực ra tôi còn ôm đồm nên nói vậy với cậu ta. Naga cười và cứ nói quyết rằng tiết mục của mình là để tỏ lòng kính trọng cả hai.

Hôm nay, khi sóng triều vàng nghệ chủ nghĩa dân tộc Ấn dâng lên ở đất nước chúng ta như chữ thập ngoặc đã từng ở một nước khác, bài phát biểu về “niềm tin ngu ngốc” của Naga thời đi học có thể khiến cậu ta bị đuổi học, nếu không do ban giám hiệu thì chắc chắn cũng do một vận động nào đó từ phụ huynh. Thật ra, trong bầu không khí hiện nay, thoát được mà chỉ bị trục xuất là còn may. Thiên hạ đang bị hành hình vì những thứ còn nhẹ hơn nhiều. Ngay cả đồng nghiệp của tôi ở Cục đường như cũng không đủ sức thấy sự khác biệt giữa tín ngưỡng và lòng yêu nước. Họ có vẻ như muốn một kiểu Pakistan Ấn giáo nào đó. Hầu

hết họ là Bà La Môn ngậm, thủ cựa, đeo chỉ thiêng bên dưới đồ safari, và cái đuôi tóc thiêng thông xuống bên trong cái đầu ăn chay. Họ đành chấp nhận tôi chỉ bởi tôi là một gã Tái Sinh (thật ra, đẳng cấp của tôi là Baidya, nhưng chúng tôi tự tính mình là Bà La Môn)*. Nhưng tôi dần bụng những ý kiến của mình. Naga thì trái lại đã trượt vào một cái vào hệ thống tôn giáo mới. Cái bất kính ngày xưa ở cậu ta biến mất không còn dấu vết. Trong hóa thân hiện giờ, cậu ta mặc áo cộc vải tuyết và hút xì gà. Nhiều năm rồi tôi không gặp cậu ta, nhưng tôi thấy cậu ta sắm vai chuyên viên an ninh quốc gia trên mấy show truyền hình hào hứng - cậu ta dường như còn chẳng nhận ra rằng mình không hơn gì con rối sặc sỡ của người diễn màn nói tiếng bụng. Đôi khi tôi thấy buồn, thấy cậu ta bị thuần hóa như vậy. Naga liên tục thí nghiệm đám lông lá trên mặt. Khi thì cậu ta để râu dê kiểu Pháp, khi thì bộ ria mép cong vuốt sáp kiểu Daliesque, khi thì cậu ta giả râu ria lún phún kiểu nhà thiết kế, khi lại cạo nhẵn nhụi. Dường như cậu ta không chịu yên với một “vẻ ngoài” được. Đó là gót chân Achilles trong bộ cánh tự cao tự đại bước bình của Naga. Nó tố cáo cậu ta. Hay ít ra thì tôi thấy vậy.

Không may là gần đây, cậu ta đã bắt đầu bạo tay, và sự thái quá ở cậu ta đã thành của nợ. Trong hai năm, Cục đã phải hai lần can thiệp (tất nhiên là kín đáo) với các chủ báo của cậu ta, để phân xử các trận cãi vã cậu ta có với chủ bút mà rồi cuối cùng bốc đồng xin từ chức. Lần gần đây

nhất chúng tôi làm được một kỳ tích. Chúng tôi không những giúp cậu ta phục chức mà còn được tăng lương.

Nếu cùng nhau đi nhà trẻ, học phổ thông rồi đại học, và đóng vai người tình đồng tính trong một vở kịch còn chưa đủ, thì trong những năm tôi nhận nhiệm sở ở Srinagar, làm phó giám đốc Cục, Naga lại là phóng viên ở Kashmir cho tờ báo của cậu ta. Naga không đóng ở Kashmir, nhưng sống ở đó hầu hết các ngày trong tháng. Cậu ta có một phòng thường trực trong khách sạn Ahdoos, hầu hết phóng viên đều ở đó. Đến lúc ấy, quan hệ của Naga với Cục đã bền chặt, nhưng không rõ rệt như bây giờ. Như vậy thì tiện cho chúng tôi hơn nhiều. Đối với độc giả - và có lẽ là cả cậu ta - cậu vẫn là phóng viên táo bạo có thể tin cậy mà giao cho phơi bày cái gọi là “tội ác” của nhà nước Ấn Độ.

Lúc đó chắc cũng đã quá nửa đêm thì có cuộc gọi đến qua đường dây nóng của Thống đốc tại Nhà khách Rừng xanh ở Vườn quốc gia Dachigam, độ chừng hai mươi cây số ngoài Srinagar. Tôi ở đó như một phần trong đoàn tùy tùng của Thống đốc. (Đến lúc đấy thì chúng ta đã lún sâu trong biến cố. Chính phủ dân sự đã bị giải tán; lúc đó là năm 1996, năm thứ sáu liên tục Thống đốc nắm chính quyền.)

Thống đốc, cựu Tư lệnh quân đội Ấn, muốn né cảnh đổ máu trong thành phố thường xuyên chừng nào hay chừng ấy. Ông thường nghỉ cuối tuần ở Dachigam, tản bộ dọc một con suối cuộn cuộn trên núi với gia đình và bạn bè, trong khi mấy đứa nhỏ trong đoàn, mỗi đứa được một vệ sĩ

nghiêm trang, vũ trang tận răng trông chừng, triệt hạ những chiến binh tưởng tượng (họ hô vang *Allah-hu-Akbar!* khi chết) và đuổi theo những con sóc đá đuôi dài về tận hang. Họ thường có bữa trưa dã ngoại, nhưng bữa tối thì luôn về ăn ở nhà khách - cơm với cà ri cá hồi từ trại cá gần đấy. Mấy cái ao ở nơi ươm trứng đặc lên cả cá đến độ ta có thể cho tay vào - nếu ta chịu được nhiệt độ gần đóng băng - rồi chọn ra con cá hồi ánh sắc cầu vồng còn quẫy tung.

Lúc đó là mùa thu. Khu rừng đẹp đến nín thở theo cách chỉ rừng Himalaya mới có được. Cây tiêu huyền vừa mới đổi màu. Những đồng cỏ màu vàng đồng. Nếu may mắn ta có thể bắt gặp một con gấu đen, báo hay loài nai nổi tiếng của Dachigam, hangul*. (Naga thường gọi một cự Thủ hiến dân đảng khét tiếng của Kashmir là “well-hung ghoul”*. Tôi phải công nhận đó là một lối chơi chữ thông minh, dù dĩ nhiên hầu hết người ta không hiểu.) Tôi gần như thành một người mê chim - một niềm đam mê vẫn còn trong tôi - và có thể phân biệt một con kền kền Himalaya với một con kền kền râu và nhận dạng được chim hoét sọc, chim sẻ ức đỏ lông cam, chim chiến chiến và chim giẻ quạt Kashmir, khi ấy đã bị đe dọa, và chắc bây giờ đã tuyệt chủng. Cái phiên của việc ở Dachigam là nó có hiệu lực làm lung lay quyết tâm của ta. Nó vạch rõ cái vô ích của mọi chuyện đó. Nó làm ta cảm thấy rằng Kashmir thật sự thuộc về những sinh vật đó. Rằng không ai trong chúng ta, những giống dân đang tranh giành nó - người Kashmir, người Ấn, Pakistan,

Trung Hoa (họ cũng có một miếng - Aksai Chin, xưa kia từng là một phần của vương quốc cổ Jammu và Kashmir), hay người Pahar, Gujjar, Dogra, Pashtun, Shin, Ladakh, Baltistan, Gilgit, Purik, Wakhan, Yashkun, Tây Tạng, Mông Cổ, Tatar, Mon, Khowar - không ai trong chúng ta, thánh nhân hay binh lính, có quyền đòi vẻ đẹp thật là thần tiên của nơi đó cho riêng mình. Có lần tôi xúc động mà nói vậy, khá tự nhiên, với một Imran, sĩ quan cảnh sát trẻ người Kashmir đã làm vài công tác ngầm rất đáng khen cho chúng tôi. Anh ta đáp lại, “Ý nghĩ ấy rất cao quý, thưa ông. Tôi cũng có tình yêu thương muông thú như ông vậy. Thậm chí những lần đi lại ở Ấn Độ tôi cũng có cảm giác như thế - rằng Ấn Độ không thuộc về người Punjab, Bihar, Gujarat, Madras, Hồi giáo, Sikh, Ấn, Cơ Đốc, mà thuộc về những sinh vật xinh đẹp kia - công, voi, hổ, gấu...”

Anh ta lẽ phép đến độ khúm núm, nhưng tôi biết anh ta muốn nói điều gì. Chuyện đó thật lạ thường; ta không thể - và vẫn không thể - tin ngay cả những người ta cho là về phe mình. Ngay cả *cảnh sát* chết tiệt.

Tuyết đã rơi trên núi cao, nhưng các đèo biên giới vẫn còn đi qua được và từng toán nhỏ chiến binh - những thanh niên Kashmir cả tin và người Pakistan, Afghanistan đang đẳng sát khí, thậm chí còn có một số người Sudan - thuộc về độ ba mươi nhóm khủng bố còn lại (giảm từ gần một trăm) vẫn đang có hành trình trắc trở băng qua vách kiểm soát, chết dần từng toán dọc đường. Chết dần. Có thể đó là

một mô tả không phù hợp. Cái câu nổi tiếng trong *Apocalypse Now* là gì nhỉ? “Diệt sạch với định kiến cực đoan.” Chỉ thị cho binh sĩ của ta ở vạch kiểm soát cũng gần tương tự.

Còn là chỉ thị nào khác được nữa đây? “Gọi cho mẹ”?

Những chiến binh nào cố mà qua được thì hiếm khi sống sót trong thung lũng được quá hai hay cùng lắm là ba năm. Nếu không bị các lực lượng an ninh bắt hay giết thì họ cũng tàn sát lẫn nhau. Chúng tôi dẫn dắt cho họ theo con đường đó, dù cho họ không cần trợ giúp gì nhiều - họ vẫn không cần. Tín đồ đến cùng với súng ống, tròng hạt cầu nguyện và *Cẩm nang tự sát* riêng.

Hôm qua một người bạn Pakistan gửi tôi cái này - nó được gửi quanh qua điện thoại di động, nên chắc mọi người cũng xem rồi:

Tôi gặp một gã sắp nhảy cầu.

Tôi kêu lên: “Đừng làm thế!”

Gã nói: “Không ai yêu thương tôi cả.”

Tôi nói: “Thượng Đế yêu thương anh mà. Anh có tin vào Thượng Đế không?”

Gã đáp: “Có.”

Tôi hỏi: “Anh là người Hồi giáo hay không phải Hồi giáo?”

Gã đáp: “Hồi giáo.”

Tôi hỏi: “Shia hay Sunni?”

Gã trả lời: “Sunni.”

Tôi nói: “Tôi cũng vậy! Deobandi hay Barelvi?”

Gã trả lời: “Barelvi.”

Tôi nói: “Tôi cũng vậy! Tanzeehi hay Tafkeeri?”

Gã đáp: “Tanzeehi.”

Tôi nói: “Tôi cũng vậy! Tanzeehi Azmati hay Tanzeehi Farhati?”

Gã trả lời: “Tanzeehi Farhati.”

Tôi nói: “Tôi cũng vậy! Tanzeehi Farhati Jamia ul Uloom Ajmer, hay Tanzeehi Farhati Jamia ul Noor Mewat?”

Gã nói: “Tanzeehi Farhati Jamia ul Noor Mewat.”

Tôi nói: “Chết đi, kẻ ngoại đạo!” Rồi tôi xô gã xuống nước.

May là một số người họ vẫn còn có khiếu hài.

Cái mê muội có sẵn trong máu, cái ý jihad* này, đã từ Pakistan và Afghanistan ngấm vào Kashmir. Giờ đây, đã hai mươi lăm năm rồi, theo tôi nghĩ, có lợi cho ta, ta có tám, chín kiểu Hồi giáo “chính hiệu” đánh nhau chí tử ở Kashmir. Mỗi kiểu lại có lò các mullah và maulana* riêng. Một vài người cực đoan nhất trong đám - những kẻ rao giảng bài bác cái ý dân tộc chủ nghĩa và ủng hộ đại Ummah* Hồi giáo - thực ra là ăn lương của chúng tôi. Một tên trong số đó mới đây bay tung khỏi thánh đường vì một quả bom xe đạp. Thay thế hẳn ta sẽ chẳng khó khăn gì. Điều duy nhất giữ Kashmir khỏi tự diệt như Pakistan và

Afghanistan là tầng lớp tiểu tư sản xưa. Dù đầy mộ đạo nhưng dân Kashmir còn là những doanh nhân giỏi. Và mọi doanh nhân rất cuộc đời, cách này hay cách khác, có quyền lợi khi giữ nguyên hiện trạng - hay cái mà ta gọi là “tiến trình hòa bình”, cái này, sẵn cũng nói luôn, là một dạng cơ hội làm ăn khác hẳn với hòa bình.

Những thanh niên đến đều còn trẻ măng, tầm mười mấy, đôi mươi. Cả thế hệ gần như tự sát. Đến năm 1996 thì các đợt vượt biên đã chậm lại, chỉ còn nhỏ giọt. Nhưng chúng tôi vẫn chưa ngăn chặn được hết dòng chảy. Chúng tôi đang điều tra chút thông tin tình báo đáng ngại vừa nhận được là binh sĩ của ta ở một số đồn biên phòng bán các ô cửa sổ “thông hành an toàn” mà họ sẽ kín đáo nhìn đi chỗ khác, trong khi những người chặn cừ Gujar biết rõ những ngọn núi ấy như lòng bàn tay, dẫn đường cho từng toán quân qua. Thông hành an toàn chỉ là một trong bao nhiêu thứ trên thị trường. Còn có diesel, rượu, đạn, lựu đạn, khẩu phần quân đội, dây thép gai và gỗ. Từng cánh rừng đang biến mất. Các xưởng cưa mọc lên bên trong các trại lính. Nhân công Kashmir và thợ mộc Kashmir bị cưỡng bức vào phục vụ. Xe tải trong các đoàn hộ tống quân đội đem đồ tiếp tế từ Jammu đến Kashmir hằng ngày quay về chở đầy bàn ghế gỗ óc chó chạm trổ. Nếu không phải là trang bị tốt nhất thì hẳn chúng ta cũng là quân đội được trang bị nội thất tử tế nhất thế giới - nếu tôi được phép đặt ra một câu. Nhưng ai mà dám động đến quân chiến thắng?

Vùng núi non quanh Dachigam khá yên tĩnh. Thế nhưng, ngoài các đội quân cảnh bán quân sự đóng thường trực ở đó ra, mỗi lần Thống đốc ghé thăm, đội tuần tra lãnh thổ sẽ đến trước một ngày để giữ an ninh các ngọn đồi nhìn xuống tuyến đường đoàn xe bọc thép của ông đi, xe bọc thép chống mìn thì sẽ dò mìn trên đường. Vườn quốc gia luôn đóng cửa không cho dân địa phương vào. Để bảo vệ nhà khách, hơn một trăm lính được bố trí trên nóc, trong các tháp canh xung quanh khu nhà và thành những vòng tròn đồng tâm cả cây số vào tận trong rừng. Ở Ấn, không mấy ai tin chúng tôi phải đi xa đến nhường nào tại Kashmir chỉ để kiếm cho sắp ít cá tươi.

Đêm đó, tôi thức khuya làm cho xong báo cáo hằng ngày để sáng ra điểm tin cho Thống đốc. Âm lượng máy nghe nhạc Sony cũ của tôi vặn nhỏ. Rasoolan Bai hát một điệu Chaiti, *Yahin thaiyan motiya hiraee gaeli Rama*. Rõ ràng Kesar Bai là nữ ca sĩ hát nhạc Hindustan tài hoa nhất, nhưng Rasoolan dứt khoát là ca sĩ gợi tình nhất của ta. Bà có một giọng trầm, khào khào, nam tính, hoàn toàn không giống giọng lúc nào cũng như thiếu niên, the the, tựa trình nữ đã dần dà thống trị trí tưởng tượng tập thể của chúng ta qua những bản nhạc phim Bollywood. (Cha tôi nghiên cứu nhạc cổ điển Hindustan, cho rằng Rasoolan là sự báng bổ. Đây vẫn còn là một trong nhiều điểm khác biệt chưa giải quyết được giữa hai cha con tôi.) Tôi còn mừng tượng được chuỗi ngọc trai trong bài bà hát đứt bung giữa cái

ham muốn ái ân mạnh mẽ, giọng bà lững lờ theo từng hạt gieo xuống sàn phòng ngủ. (Ồ phải, từng có thời một kỹ nữ Hồi giáo có thể khiêu khích đầy ám ảnh một vị thần Ấn giáo như vậy.)

Sáng hôm đó đã có biến loạn trong thành phố. Chính phủ công bố vài tháng tới sẽ có bầu cử. Đó sẽ là cuộc bầu cử đầu tiên sau gần chín năm. Binh lính tuyên bố tẩy chay. Lúc đó khá rõ ràng là dân chúng sẽ không đi bầu nếu không có thuyết phục ra trò từ phía chúng tôi (không như bây giờ các hàng người tại các buồng bỏ phiếu thật không kiểm soát nổi). Báo chí “tự do” sẽ có mặt ở đó với mọi trò xuẩn ngốc huy hoàng, vậy nên chúng tôi sẽ phải thận trọng. Con át chủ bài của chúng tôi sẽ là Ikhwan-ul-Muslimoon, tổ chức Anh em Hồi giáo, lực lượng chống phiến loạn của chúng tôi, một nhóm chiến binh cơ hội đã đầu hàng cả đám - sạch sành sanh. Dần dần hàng ngũ chúng mở rộng thêm nhờ những phần tử ly khai khác bắt đầu đầu hàng (“đèo hàng”* như người Kashmir gọi) từng đám. Chúng tôi tập hợp lại và trang bị vũ khí cho chúng, rồi trả chúng về với xung đột. Đám Ikhvvan là dân đầu gấu, chủ yếu là bọn tổng tiền và tội phạm vặt làm chiến binh khi chúng thấy lợi ích trong nỗ lực đó, và là kẻ *đèo hàng* trước tiên khi mọi chuyện trở nên gay go. Chúng có kiểu tiếp cận tin tình báo địa phương mà chúng tôi không đời nào mơ nổi, và một khi đã được chiêu hồi, chúng có cái lợi là xuất thân mập mờ cho phép tiến hành các chiến dịch nằm ngoài

quyền được trao của lực lượng chính quy chúng tôi. Ban đầu chúng tỏ ra là một tài sản vô giá, nhưng rồi càng lúc càng khó kiểm soát. Tên đáng sợ nhất, Hoàng tử Bóng đêm, trong vùng gọi là Papa, vốn chẳng qua chỉ một tay bảo vệ nhà máy. Trong sự nghiệp lòng lầy của mình với tư cách một Ikhwan, hắn đã sát hại rất nhiều người. (Tôi nghĩ con số bây giờ dừng ở mức một trăm lẻ ba.) Nỗi kinh hoàng hắn gây ra, lúc đầu khiến cán cân nghiêng về phía chúng tôi, nhưng đến năm 1996 thì hắn đã bắt đầu hết hữu dụng nên chúng tôi cân nhắc kìm cương hắn lại. (Giờ hắn đang ngồi tù.) Tháng Ba năm đó, không được chúng tôi chỉ thị mà Papa dám khử biên tập viên nổi tiếng của một tờ nhật báo tiếng Urdu - một tờ nhật báo Urdu vô trách nhiệm, tôi phải nói vậy. (Những tờ nhật báo vô trách nhiệm, hiểm độc chống Ấn Độ, nói quá số người thiệt mạng và đưa thông tin sai cũng có cái hữu ích - chúng làm suy yếu truyền thông địa phương nói chung và khiến chúng tôi dễ dàng xem chúng cùng một giuộc. Nói trắng ra thì chúng tôi thậm chí còn tài trợ cho vài tờ trong số đó.) Tháng Năm, Papa rào một nghĩa trang cộng đồng ở Pulwama lại, kêu đó là tài sản của cha ông hắn. Rồi hắn giết chết một thầy giáo làng rất được mến mộ ở một làng biên giới, ném xác anh ta trong vành đai trắng cài đầy mìn tự chế. Vậy nên không thể đến gần thi thể, không thể có cầu nguyện đám tang, học sinh của người chết phải nhìn thi thể thấy mình bị điều hâu và kèn kèn rĩa rói.

Ấn tượng với những gì Papa kiểm soát được, những tên Ikhwan khác cũng bắt đầu noi gương.

Sáng hôm đó một toán chặn hai vợ chồng già người Kashmir tại rào chắn an ninh dưới khu thương mại Srinagar. Khi ông già không chịu nộp ví tiền, chúng bắt ông rồi lái xe đi. Người dân xúm lại, đuổi theo bọn chúng đến tận doanh trại chung của chúng với lực lượng an ninh biên phòng. Chúng ném ông già khỏi chiếc Gypsy ngay ngoài doanh trại. Vào đến bên trong rồi thì - phải nói sao nhỉ - chúng hóa cuồng. Chúng liệng một quả lựu đạn qua mấy bức tường rồi nã súng máy vào đám đông. Một cậu thanh niên bị thiệt mạng và độ chục người bị thương, phân nửa bị thương nặng. Sau đó, đám Ikhwan đến đồn cảnh sát, hăm dọa cảnh sát và ngăn không cho họ nộp báo cáo. Chiều đó, chúng phục kích đám tang cậu thanh niên và cướp quan tài bỏ chạy. Điều đó nghĩa là sẽ không có xác, do vậy không thể có cáo buộc giết người. Đến tối, các cuộc biểu tình phản đối của dân chúng biến thành bạo loạn. Ba đồn cảnh sát bị thiêu rụi. Lực lượng an ninh nổ súng vào đám đông làm thiệt mạng thêm mười bốn người nữa. Lệnh giới nghiêm được ban bố trong mọi thành phố lớn - Sopore, Baramulla và tất nhiên là Srinagar.

Khi nghe điện thoại reo và sĩ quan phụ tá của thống đốc trả lời, tôi cho là sự vụ đã vượt ngoài tầm kiểm soát nên họ gọi để xin chỉ thị mới. Hóa ra là không phải.

Người đó nói rằng hẳn gọi từ Trung tâm thẩm vấn chung

- JIC*, hoạt động ở nơi vốn là rạp chiếu phim Shiraz.

Nó không như các bạn nghĩ đâu. Chúng tôi không đóng cửa một rạp chiếu phim đang hoạt động và biến nó thành trung tâm thẩm vấn. Rạp Shiraz đã bị đóng cửa nhiều năm trước bởi một đơn vị gọi là Hồ Allah. Họ ra lệnh đóng cửa mọi rạp chiếu phim, tiệm rượu và quán bar vì phản-Hồi-giáo và là “công cụ xâm lược văn hóa của Ấn Độ”. Tuyên bố được một Trung tướng không quân Noor Khan ký. Tội Hồ dán đầy thành phố những áp phích đe dọa và đặt bom trong các quán rượu. Khi cuối cùng Trung tướng không quân cũng bị bắt thì hóa ra y là một nông dân lẩm bẩm đôi ba chữ từ một làng miền núi hẻo lánh chắc còn chưa bao giờ nhìn thấy máy bay. Tôi là thành viên cấp thấp của một tổ điều tra (chuyện này là trước khi tôi nhận nhiệm sở ở Srinagar) đến gặp y và một vài cựu chiến binh khác trong tù với hi vọng chiêu hồi được họ. Y trả lời các câu chúng tôi hỏi bằng những khẩu hiệu, gào lên như thể y đang phát biểu trong cuộc mít-tinh quần chúng: *Jis Kashmir ko khoon se seencha, woh Kashmir hamara hai!* Kashmir mà chúng tôi tưới bằng máu mình, Kashmir đó là của chúng tôi! Hay tiếng kêu xung trận của Hồ Allah: *La Sharakeya wa La Garabeya, Islamia, Islamia!* - đại khái là: Không đông không tây gì hết, Hồi giáo là số một!

Trung tướng không quân là một người gan dạ và tôi gần như ghen tỵ với nhiệt tâm chất phác, vô tư của y. Y vẫn xác xược, ngay cả sau một thời gian ngồi tù ở Cargo. Giờ y ra tù

rồi, sau khi chấp hành hạn tù dài. Chúng tôi vẫn để mắt đến y và những kẻ khác giống y. Có vẻ như y đã tránh xa rắc rối. Y kiếm sống tạm bợ nhờ bán tem thư bên ngoài tòa án quận ở Srinagar. Tôi nghe là y không còn được tỉnh táo, dù tôi không thể xác minh chuyện đó. Cargo có thể là một nơi khá khắc nghiệt.



Sĩ quan phụ tá trả lời điện thoại bảo tôi rằng người gọi xưng là Thiếu tá Amrik Singh và hỏi tìm tôi không chỉ bằng chức vụ, mà thật bất thường, còn theo tên - Biplab Dasgupta, Cục phó, Bravo Ấn Độ (mã điện đài ở Kashmir để chỉ Cục tình báo).

Tôi biết tay này, không trực tiếp - tôi chưa bao giờ gặp mặt - nhưng biết tiếng. Hẳn có tiếng là Amrik Singh “Máy bay chỉ điểm” - vì khả năng thần sầu tìm răn trong cỏ, là chiến binh trà trộn trong dân thường. (Nhân đây cũng nói luôn, bây giờ hẳn nổi tiếng rồi. Sau khi chết. Mới đây hẳn tự sát - bắn vợ, ba đứa con nhỏ và tự bắn một viên đạn vào đầu. Tôi không thể nói là tiếc được. Nhưng dù sao cũng thương cho người vợ và mấy đứa nhỏ.) Thiếu tá Amrik Singh là một trái táo sâu. Không, để tôi diễn đạt lại - hẳn là trái táo thối, và vào thời điểm có cuộc gọi nửa đêm đó, ở ngay tâm một cơn bão khá là tồi tệ. Mấy tháng sau khi tôi đến Srinagar, tháng Giêng năm 1995, Amrik Singh, rất có thể là theo lệnh, bắt một luật sư và cũng là nhà hoạt động

nhân quyền có tiếng, Jalib Qadri, tại một chốt kiểm soát, Qadri thật phiền toái, một gã hỗn xược, khó ưa, không biết nghĩa của từ thái độ. Cái đêm bị bắt, ông ta sẽ phải lên Delhi từ nơi ông đang đi đến Oslo để cung cấp bằng chứng tại một hội nghị nhân quyền quốc tế. Bắt ông chỉ để ngăn chặn đám xiếc ngớ ngẩn ấy diễn ra. Amrik Singh bắt Qadri công khai, trước mặt vợ Qadri, nhưng việc bắt bớ không được lập biên bản chính thức, chuyện này thì không có gì lạ. Có la ó phản đối về việc “bắt cóc” Qadri, lớn hơn nhiều so với chúng tôi dự đoán, vậy nên sau vài ngày chúng tôi nghĩ nên thận trọng mà thả người này ra. Nhưng không thấy ông ta đâu. La ó phản đối ầm ĩ dậy lên. Chúng tôi thành lập một ban tìm kiếm và cố làm dịu tình hình. Mấy ngày sau, thi thể Jalib Qadri nổi lên trong một bao tải lênh bênh phía mạn dưới Jhelum. Thi thể ở trong tình trạng khủng khiếp - sọ bị đập móp xẹp, mắt bị moi ra, và nhiều thứ nữa. Ngay cả theo tiêu chuẩn của Kashmir thì chuyện này cũng có hơi quá. Mức độ phẫn nộ của dân chúng cao ngất trời - lẽ tự nhiên thôi - nên cảnh sát địa phương được phép lập hồ sơ vụ án. Một ủy ban cấp cao được thành lập để điều tra đầu đuôi sự vụ. Nhân chứng vụ bắt cóc, những người thấy Qadri bị Amrik Singh giam giữ trong một trại lính, những người chứng kiến cuộc đấu khẩu giữa hai bên khiến Amrik Singh nổi xung, có trình diện để viết lời khai, chuyện này đúng là hiếm. Ngay cả những tên đồng lõa với Amrik Singh, hầu hết là đám Ikhwan, cũng sẵn sàng khai ra đồng bọn và làm chứng buộc tội hãn trước tòa. Nhưng

rồi lần lượt thi thể của chúng bắt đầu xuất hiện. Ngoài đồng, trong rừng, bên vệ đường... hắn khử không chừa một ai. Quân đội và chính quyền đã phải ít ra cũng vờ vịt làm gì đó, mặc dù họ không thể thực sự chống lại hắn. Hắn biết quá nhiều và chính hắn nói rõ rằng nếu hắn mà rơi thì hắn sẽ kéo theo nhiều người chừng nào hay chừng đó. Hắn đến đường cùng rồi, nguy hiểm nữa. Người ta quyết định thượng sách là lôi hắn đi khỏi xứ và xin tị nạn đâu đó cho hắn. Chuyện này cuối cùng rồi cũng diễn ra. Nhưng không làm ngay được. Khi mà mọi sự chú ý đang dồn vào hắn. Phải có một khoảng thời gian lắng xuống. Bước đầu tiên là rút hắn khỏi tác chiến và giao cho hắn một việc bàn giấy. Trong trung tâm thẩm vấn ở rạp Shiraz, tránh xa rắc rối. Hoặc chúng tôi nghĩ vậy.

Vậy ra gã này đang gọi tôi. Tôi không thể nói là mình mong được nói chuyện với hắn. Một thứ bệnh dịch như vậy tốt nhất nên cách ly.

Khi tôi trả lời điện thoại, hắn nghe có vẻ hào hứng. Hắn nói nhanh đến độ phải một lúc tôi mới nhận ra hắn đang nói tiếng Anh mà không phải Punjab. Hắn nói đã bắt được một tên khủng bố hạng A, một thủ lĩnh Gulrez, một thủ lĩnh Hizb-ul-Mujahideen* nguy hiểm, trong một chiến dịch vây ráp rầm rộ trên một nhà thuyền.

Đây là Kashmir; các phần tử ly khai nói bằng khẩu hiệu, còn người của chúng tôi nói bằng thông cáo báo chí; các chiến dịch vây ráp của họ bao giờ cũng “rầm rộ”, những ai

họ bắt đầu luôn “nguy hiểm”, hiếm khi thấp hơn “hạng A”, còn những thứ họ thu hồi được từ những người họ bắt luôn là “có mùi chiến tranh”. Điều đó không có gì lạ, bởi vì mỗi tính từ đó có một khoản khuyến khích tương ứng - phần thưởng tiền mặt, một nhắc nhở vinh dự trong hồ sơ phục vụ, một huân chương cho lòng dũng cảm hay một sự thăng tiến. Cho nên, như mọi người cũng hình dung được, mẫu thông tin ấy không hẳn là khiến mạch tôi đập nhanh.

Hắn nói tên khủng bố đã bị tiêu diệt khi đang cố tẩu thoát. Vụ đó cũng không ích gì nhiều cho tôi. Chuyện đó xảy ra vài lần một ngày vào ngày tốt - hay ngày xấu, tùy vào cách nhìn của ta. Vậy thì tại sao tôi lại bị gọi lúc đêm hôm về thứ gì bình thường như vậy? Và thói ghen ăn tức ở của hắn thì có liên quan gì đến ban của tôi hay với tôi?

Một “các quý cô” đã bị bắt cùng với thủ lĩnh Gulrez, hắn nói. Cô ta không phải người Kashmir.

Giờ thì chuyện đó mới thật bất thường đây. Thật ra là chưa từng nghe.

“Các quý cô” đã được giao cho phó chỉ huy Pinky, để thẩm vấn.

Chúng tôi ai cũng biết phó chỉ huy Pinky Sodhi có nước da màu đào và bím tóc đen dài cuộn dưới mũ. Người anh song sinh của cô nàng, Balbir Singh Sodhi, là sĩ quan cảnh sát cấp cao bị một chiến binh ở Sopore bắn hạ khi anh ta chạy bộ buổi sáng. (Một chuyện ngu ngốc mà một sĩ quan cảnh sát có thể làm, dù là người lấy làm tự hào, hay hóa ra

tự huỷ hoặc mình là được dân địa phương “yêu mến”.) Phó chỉ huy Pinky đã được giao một nhiệm vụ trong CRPF - lực lượng cảnh sát dự bị trung ương - vì lý do trặc ắc, như để đền bù cho gia đình vì cái chết của người anh. Chưa ai thấy có khi nào cô ta không mặc quân phục. Dù vẻ ngoài lộng lẫy, cô ta là kẻ thâm vẩn tàn bạo thường đi quá giới hạn công việc bởi vì cô ta đang trục xuất quỷ dữ trong mình. Cô ta không cùng hội với Amrik Singh, nhưng cũng vậy thôi - cầu xin Thượng Đế phù hộ cho người Kashmir nào rơi vào tay cô ta. Còn về những người không rơi vào tay cô ta - nhiều kẻ trong số họ còn đang bận làm thơ tình tặng cô ta và thậm chí còn cầu hôn. Sức hấp dẫn chết người của phó chỉ huy Pinky là như vậy.

Tôi nghe nói “các quý cô” mà họ bắt giữ không chịu khai tên. Vì “các quý cô” bị bắt không phải là người Kashmir, tôi hình dung phó chỉ huy Pinky đã phải có chút kiểm chế mà không xổ hết mình ra. Bằng không thì chẳng quý bà, quý ông nào giữ lại thông tin nổi. Mà thôi, tôi cũng đang hết kiên nhẫn. Tôi vẫn chưa hiểu những chuyện đó thì có dính dáng gì đến tôi.

Cuối cùng Amrik Singh nói đến ý chính: trong cuộc thẩm vấn, tên *tôi* xuất hiện. Cô ta đã yêu cầu nhấn lại cho tôi. Hắn nói mình không hiểu lời nhấn, nhưng cô ta bảo rằng tôi sẽ hiểu. Hắn đọc lên, hay đúng hơn là đánh vần, thật to qua điện thoại:

G-A-R-S-O-N H-O-B-A-R-T

Giọng của Rasoolan, vẫn còn tìm lại những hạt ngọc trai vương vãi, lấp kín đầu óc tôi: *Kahan vaeka dhoondhoon re? Dhoondhat dhoondhat baura gaeli Rama...*

Garson Hobart chắc hẳn nghe như ám hiệu cho một vụ tấn công của các chiến binh hay một xác nhận đã nhận một đợt vận chuyển vũ khí. Tên thú tính điên cuồng ở đầu dây bên kia vẫn đang đợi một lời giải thích từ tôi. Còn tôi không nghĩ ra được phải bắt đầu ra sao.

Thủ lĩnh Gulrez có liên quan gì đến Musa hay không? Có *phải* anh ta là Musa? Tôi đã cố liên lạc với anh vài lần sau khi chuyển tới Srinagar. Tôi muốn gửi lời chia buồn đến anh về những gì đã xảy ra với gia đình anh. Không lần nào tôi liên lạc được, trong những ngày ấy thì điều đó thường chỉ có một nghĩa. Anh đang hoạt động bí mật.

Tilo còn có thể ở bên ai khác được? Bọn họ có giết Musa trước mặt cô? Ôi lạy Thượng Đế.

Tôi cố cộc lốc hết sức có thể với Amrik Singh rằng tôi sẽ gọi lại cho hắn sau.

Phản xạ đầu tiên của tôi là cố tránh thật xa người đàn bà tôi yêu. Điều đó có làm tôi thành một thằng hèn hay không? Nếu có, ít ra tôi cũng là người thẳng thắn.

Dẫu tôi có muốn đến chỗ cô thì chuyện đó cũng không thể được. Tôi đang ở giữa rừng lúc nửa đêm. Đi ra có nghĩa là còi hú, báo động, ít nhất cũng bốn xe jeep và một xe bọc thép. Nó sẽ có nghĩa là dẫn theo ít nhất cũng mười sáu tên lính. Đó là thủ tục tối thiểu. Kiểu đám xiếc đó sẽ không

giúp gì được cho Tilo. Hay tôi. Chuyện đó cũng sẽ làm phương hại đến sự an toàn của Thống đốc theo cách có thể dẫn đến những hậu quả khôn lường. Đó có thể là một cái bẫy để dụ tôi ra. Suy cho cùng, Musa biết về Garson Hobart. Đó là ý nghĩ hoang tưởng, nhưng thời đó không có mấy ánh sáng ban ngày giữa thận trọng và hoang tưởng.

Tôi đã hết cách. Tôi gọi đến khách sạn Ahdoos tìm Naga. May thay cậu ta có ở đấy. Cậu ta ngỏ ý đến Shiraz ngay lập tức. Cậu ta càng quan tâm sốt sắng thì tôi càng thấy khó chịu. Tôi có thể nói nghĩa đen là nghe thấy cậu ta lớn dần vào vai mà tôi đã trao cho cậu ta, chộp bằng cả hai tay cơ hội làm cái cậu ta yêu thích nhất - khán đài. Cái hăm dọa của cậu ta làm tôi vừa yên bụng vừa điên tiết.

Tôi gọi cho Amrik Singh bảo hắn chờ một nhà báo tên Nagaraj Hariharan. Người của chúng tôi. Tôi bảo nếu họ không có bằng chứng buộc tội người phụ nữ, họ sẽ phải thả cô ngay lập tức và trao trả cho anh ta.

Vài tiếng sau, Naga gọi để nói rằng Tilo đang ở trong phòng kế phòng anh ta ở Ahdoos. Tôi gọi ý đưa cô lên chuyến bay sáng về Delhi.

“Cô ấy có phải hàng hóa đâu, Das-Goose,” cậu ta nói. “Cô ấy nói sẽ đến dự đám tang gã thù lĩnh Gulrez kia. Dù hắn là ai đi nữa.”

Das-Goose. Từ hồi đại học đến giờ cậu ta mới gọi tôi như vậy. Thời đại học, thời cậu ta cực kỳ cực đoan, cậu ta thường nhạo gọi tôi (vì lý do nào đó mà luôn nói bằng giọng

Đức) “Biplab *Das-Goose-da*” - Biplab Dasgupta theo kiểu cậu ta. Đồng chí cả ngỗng.

Tôi không đòi nào tha thứ cho cha mẹ đã đặt tên tôi là Biplab, theo ông nội tôi. Thời thế đã đổi thay. Lúc tôi sinh ra thì người Anh đã đi hết, chúng ta là một nước tự do. Sao họ lại đi đặt tên một đứa nhỏ là “cách mạng”? Làm sao người ta sống cả đời với cái tên như vậy được? Đã có lúc tôi cũng tính chính thức đổi tên, thành cái gì đó thanh tĩnh hơn một chút như Siddhartha hay Gautam hay đại loại vậy. Tôi bỏ ý đó vì tôi biết với những thằng bạn như Naga, chuyện đó sẽ lách cách theo sau tôi như cái lon thiếc buộc vào đuôi con mèo. Vì vậy mà tôi đó - tôi đây - một Biplab, trong căn buồng tận cùng trong lõi quả tim bí mật nhất của cái thiết chế tự gọi mình là Chính phủ Ấn Độ.

“Có phải Musa không?” Tôi hỏi Naga.

“Cô ấy không chịu nói. Nhưng còn ai vào đây nữa?”

Đến sáng thứ Hai thì tổng số người thiệt mạng lúc cuối tuần trước đã lên đến mười chín; mười bốn người biểu tình thiệt mạng trong vụ nổ súng, cậu thanh niên bị đám Ikhwan bắn, Musa hay thủ lĩnh Gulrez hay cái quỷ sứ gì anh ta tự xưng đi nữa, và ba xác chiến binh thiệt mạng trong cuộc độ súng ở Ganderbal. Hàng trăm nghìn người đưa tang đổ về để khiêng mười chín quan tài ấy trên vai đến nghĩa trang liệt sĩ (trong đó có một hòm trống cho cậu thanh niên bị cướp mất xác).

Văn phòng Thống đốc gọi để nói rằng chúng tôi không

nên tìm cách trở lại thành phố cho đến ngày hôm sau. Tối chiều, thư ký của tôi gọi:

“Thưa ông, *sun lijiye*, xin hãy nghe, thưa ông...”

Ngồi trên hàng hiên Nhà khách Rừng xanh Dachigam, qua tiếng chim hót đẽ kêu, tôi nghe tiếng âm âm rền vang cũng cả hơn trăm nghìn giọng cùng cất lên đòi tự do: *Azadi! Azadi! Azadi!** Cứ mãi hoài vậy. Ngay cả trên điện thoại tiếng đó cũng làm mất bình tĩnh. Hoàn toàn không như nghe Trung tướng không quân hô to khẩu hiệu trong xà lim. Như thế cả thành phố đang hít thở bằng hai lá phổi duy nhất, căng lên như cái cổ họng với tiếng kêu ai oán, khẩn thiết đó. Đến lúc đó thì tôi đã chứng kiến quá đủ các cuộc biểu tình, và nghe quá đủ tiếng hô khẩu hiệu ở những vùng khác trên đất nước. Cái này thì khác, tiếng hô Kashmir này. Nó không chỉ là một yêu sách chính trị. Đó là một bản quốc ca, một bài thánh ca, một lời cầu nguyện. Cái mĩa mai đã là - đang là - nếu ta cho bốn người Kashmir vào một phòng rồi bắt họ nói rõ xem chính xác thì họ nói *Azadi* nghĩa là gì, chính xác thì đường biên địa lý và ý thức hệ của nó thế nào, chắc cuối cùng họ sẽ cửa cổ nhau. Vậy nhưng sẽ sai lầm nếu coi nhẹ nó là sự hoang mang, vấn đề của họ không phải là hoang mang, không hẳn. Đúng hơn nó như một sự sáng tỏ kinh hồn tởm tại bên ngoài ngôn ngữ địa chính trị hiện đại. Mọi vai chính ở mọi phe trong cuộc xung đột, nhất là chúng ta, khai thác đường đứt gãy này không khoan nhượng. Nó được tạo ra cho một cuộc chiến hoàn

hảo - một cuộc chiến không bao giờ có thắng hay thua, một cuộc chiến không có hồi kết.

Tiếng hô tôi nghe qua điện thoại sáng hôm đó là cảm xúc mạnh mẽ đã được đông đặc, chưng cất - và nó cũng mù quáng và phù phiếm như cảm xúc mạnh mẽ vốn vẫn vậy. Những lúc ấy (may thay trong thời gian ngắn) khi tiếng hô lên đến tột đỉnh, nó có sức mạnh chém xả công trình lịch sử và địa lý, lý trí và chính trị. Nó có sức mạnh khiến cho kẻ cứng rắn nhất trong chúng ta cũng phải thắc mắc, dẫu chỉ thoáng qua, chúng ta đang làm cái quái gì ở Kashmir, cai trị một dân tộc căm ghét chúng ta bầm gan tím ruột đến vậy.

Cái gọi là “lễ tang liệt sĩ” luôn là trò cân não. Cảnh sát và lực lượng an ninh được lệnh cảnh giác, nhưng phải tránh đi khuất mắt. Đó không chỉ là vì những lúc như vậy tâm trạng thường căng thẳng và một cuộc đụng độ sẽ không tránh khỏi, dẫn đến một cuộc thảm sát khác - điều này thì chúng tôi học được từ kinh nghiệm xương máu. Chúng tôi quan niệm là thỉnh thoảng cho phép dân chúng giải tỏa cảm xúc và hô to khẩu hiệu sẽ ngăn cơn giận đó chồng chất đắp bồi thành một vách đá thịnh nộ không sao kiểm soát được. Cho đến nay, trong cuộc xung đột dài hơn một phần tư thế kỷ này ở Kashmir, cách đó đã có hiệu quả. Dân Kashmir để tang, khóc lóc, hô khẩu hiệu, nhưng cuối cùng họ cũng luôn quay về nhà. Lâu dần, qua năm tháng, khi điều đó trở thành một thói quen, một chu kỳ chấp nhận

được, lường trước được, họ bắt đầu không tin tưởng và không tôn trọng chính mình, cái nhiệt huyết bất thần và sự đầu hàng dễ dàng của mình. Đó là một cái lợi gộp nằm ngoài dự tính cho chúng tôi.

Tuy nhiên, để cho nửa triệu người, có khi cả triệu, đổ ra đường trong tình huống *nào đi nữa*, chưa nói gì đến một cuộc bạo loạn, là trò mạo hiểm thật sự.

Sáng hôm sau, khi đường sá đã an toàn, chúng tôi trở lại thành phố. Tôi lái xe thẳng đến Ahdoos thì biết là Tilo với Naga đã trả phòng. Naga không quay lại Srinagar trong một thời gian. Người ta cho tôi biết cậu ta nghỉ phép.

Ít tuần sau, tôi nhận được thiệp mời dự đám cưới của hai người. Tất nhiên là tôi đi, sao không đi được? Tôi thấy có trách nhiệm về cái sự bôi bác này. Vì đẩy Tilo vào vòng tay của người đàn ông mà tôi tin chắc không được thành thật với cô. Tôi không nghĩ cô đã được biết về mối quan hệ của chồng sắp cưới với Cục tình báo. Có lẽ cô nghĩ mình sắp cưới một nhà báo vận động, người đi tìm công lý, tai họa cho cái thể chế đã giết chết người đàn ông cô yêu. Sự dối trá làm tôi tức giận, nhưng tất nhiên tôi không làm người giúp cô tỉnh ngộ được.

Tiệc chiêu đãi trên bãi cỏ sáng trắng của tòa nhà lớn sơn trắng phong cách Art Deco của cha mẹ Naga ở khu ngoại giao. Buổi lễ nhỏ, trang lệ, rất khác với những trò ngông khoe mẽ thời nay đã trở nên quá phổ biến. Hoa trắng khắp nơi, loa kèn, hoa hồng, từng xâu hoa nhài đỏ

tầng, được mẹ và chị của Naga bày biện vô cùng khéo léo, không ai trong hai người họ có vẻ vui, ngay cả là giả vờ. Lối đi và luống hoa xếp hàng những cây đèn đất sét. Đèn lồng Nhật treo trên cây. Đèn nhấp nháy dẹt trên cành. Bồi bàn kiểu xưa mặc chế phục có nút đồng thau, khăn thắt lưng đỏ vàng và khăn đóng trắng hồ bột chạy lảng xảng với các khay đồ ăn thức uống. Một đàn chó lông xù có mùi nước hoa và khói thuốc lá chạy loạn giữa khách khứa, như một đội quân nho nhỏ giẻ chùi nhà có gắn động cơ, sủa oảng oảng.

Trên một bụi cao trải khăn trắng, một đoàn nhạc công vùng Barmer, quần dhoti mặc kurta trắng và đội khăn đóng in hình sắc sỡ, đưa chúng tôi về miền hoang mạc Rajasthan. Dàn nhạc dân ca Hồi giáo là lựa chọn kỳ quặc cho một đám cưới kiểu này. Nhưng Naga bạn tôi là người chiết trung và đã phát hiện ra họ trong một lần đến sa mạc. Họ biểu diễn thật tuyệt vời. Tiếng nhạc ám ảnh, hoang sơ của họ mở toang bầu trời thành phố và rũ tung bụi sao. Tuyệt nhất trong số đó, Bhungar Khan, hát về gió mùa sắp về. Trong giọng hát hoang vu, cao vút, gần như giọng nữ, anh ta đã biến bài hát về nỗi mong mưa của hoang mạc khô nẻ thành khúc hát về một người con gái mong ngóng người yêu quay về. Ký ức của tôi về đám cưới Tilo luôn thấm đẫm bài hát đó.

Hơn mười năm rồi từ cái ngày tôi gặp Tilo và hút chung với cô điếu thuốc ngoài sân thượng. Cô gây hơn trong ký ức

tôi. Hai xương đòn nhô ra. Tấm sari mỏng nhẹ có màu hoàng hôn. Đầu cô trùm khăn, nhưng qua làn vải mỏng tôi thấy được dáng đầu nhắn thín. Đầu cô trọc lốc, hay gần như vậy. Tóc cô chỉ lún phún như lớp nhung. Mới đầu tôi nghĩ cô không khỏe và đang được hóa trị hay bị một căn bệnh đáng sợ nào đó làm tóc rụng. Nhưng lông mày dày, gần như rậm và hàng mi dày của cô đẹp cái giả thuyết đó đi. Dứt khoát cô không có vẻ bị bệnh hoặc không khỏe. Cô để mặt mộc không trang điểm, không kajal*, không bindi*, không vẽ henna trên tay trên chân. Cô trông như một người đóng thế cô dâu, tạm thời đứng vào khi cô dâu thực đang thay đồ. *Cô độc*, tôi nghĩ là từ mình muốn dùng để miêu tả. Cô có cái vẻ cực kỳ lẻ loi tách biệt, ngay cả trong đám cưới của mình, vẻ vô tư lự không còn nữa.

Khi tôi bước đến chỗ Tilo, cô nhìn thẳng tôi, nhưng tôi có cảm tưởng như ai đó đang nhìn qua đôi mắt cô. Tôi tưởng sẽ thấy nổi giận dữ, nhưng cái tôi gặp là sự trống rỗng. Có thể do tôi tưởng tượng ra thôi, nhưng khi cô đón ánh mắt tôi thì một cái run rẩy lướt qua cô. Lần thứ chín nghìn tôi nhận thấy cô có cái miệng đẹp làm sao. Tôi sẽ sờ theo cách môi cô mấp máy. Tôi còn như thấy được cái cố gắng khi miệng ấy nói nên lời và giọng đi kèm:

“Chỉ là kiểu tóc thôi mà.”

Kiểu tóc - cạo đầu - chắc hẳn là sáng kiến của phó chỉ huy Pinky Sodhi. Trị liệu của một nữ cảnh sát dành cho cái mà cô ta xem là kẻ phản bội - ngủ với kẻ thù, những kẻ giết

anh trai cô ta. Pinky Sodhi thích đơn giản hóa mọi thứ.

Tôi chưa bao giờ thấy Naga trông ngơ ngác như vậy, bồn chồn như vậy. Cậu ta nắm tay Tilo suốt buổi tối. Hồn ma Musa chen giữa hai người. Tôi gần như thấy được anh - thấp, chắc nịch, cái cười có răng cửa bị mẻ và vẻ trầm lặng của anh. Như thể ba người họ đang cười nhau.

Có lẽ cuối cùng mọi chuyện sẽ hóa ra như vậy.



Mẹ Naga đứng giữa một nhóm quý bà thanh lịch có mùi nước hoa tôi còn ngửi thấy từ bên kia bãi cỏ. Dì Meera xuất thân từ một gia đình hoàng tộc, một trong những Tiểu vương ở Madhya Pradesh. Bà thành góa phụ khi còn niên thiếu, ông chồng hoàng tộc mắc khối u phổi di căn và qua đời khi bà mới làm vợ ông được ba tháng. Không biết phải làm sao với bà, cha mẹ cho bà đi học một trường nữ công gia chánh ở bên Anh, rồi bà gặp cha của Naga tại một bữa tiệc ở London. Không có địa vị nào phù hợp cho một nữ hoàng không vương quốc hơn là làm vợ một viên chức ngành ngoại giao khôn khéo. Bà biến mình thành một bà chủ nhà hoàn hảo - một nữ vương Ấn hiện đại với giọng Anh hoàn hảo, có được nhờ một cô gia sư lúc còn nhỏ và hoàn thiện thêm ở trường tư thục. Bà mặc sari vải the, đeo chuỗi ngọc trai và luôn trùm đầu bằng cái pallu*, đúng điệu một người hoàng tộc Rajput. Bà đang cố diễn bộ mặt ngoan cường trong cơn chấn động mà màu da chường mắt của cô

con dâu mới ập xuống bà. Bản thân bà cũng có nước da màu ngà. Chồng bà, dù là người Tamil, là Bà La Môn và chỉ đậm màu hơn bà một chút. Khi đi ngang qua, tôi nghe đứa cháu ngoại của bà hỏi:

“Ngoại ơi, cô ta là mọi đen hả?”

“Tất nhiên là không phải rồi, cháu yêu, đừng có ngốc vậy. Với lại cháu yêu này, ta không dùng những từ như *mọi đen* nữa. Đó là từ xấu. Ta nói *người da đen*.”

“Người da đen.”

“Ngoan lắm.”

Dì Meera, nguyệt chín, quay sang đám bạn với nụ cười can trường và nói về thành viên mới trong gia đình: “Nhưng con bé có cái cổ đẹp, mấy chị có thấy vậy không?” Mấy bà bạn đều sốt sắng đồng tình.

“Nhưng mà ngoại ơi, cô ta giống người hầu.” Họ khiển trách cô bé và vờ sai đi làm việc vặt.

Những khách khác, bạn học cũ của Naga thời đại học - tay sai hơn là bạn - chưa ai gặp Tilo, túm tụm trên bãi cỏ, đấu láo, giờ đã được đào tạo cái hài tàn nhẫn là dấu ấn riêng của Naga. Một tên nâng cốc chúc mừng.

“Chúc mừng Garibaldi.” (Đó là Abhishek, làm trong công ty của cha gã, gia công và bán ống cống.)

Họ cười ha hả, như những tên đàn ông đang cố làm như còn trai trẻ.

“Cố nói chuyện với cô nàng à? Cô nàng không nói.”

“Cố cười à? Cô nàng không cười.”

“Anh đào đâu ra cô nàng vậy?”



Tôi uống cạn ly cuối rồi đang đi tới cổng thì cha Naga, đại sứ Shivashankar Hariharan, gọi với theo. “Baba!”

Ông thuộc về một thời khác. Ông phát âm chữ baba* theo cách người Anh phát âm - barber. (Tên mình ông phát âm thành Shiver.) Ông không bao giờ bỏ lỡ cơ hội cho mọi người biết ông là dân Balliol.*

“Chào bác Shiva.”

Việc nghỉ hưu hiếm khi tử tế với những người quyền thế. Tôi thấy là ông già đi bất ngờ. Trông ông gầy rộc và hơi nhỏ người so với bộ đồ. Ông cắn chặt điều xì gà giữa hai hàm răng đều tăm tắp như ngọc trai. Những mạch máu to đùn trên da thái dương xanh xao. Cổ ông cũng quá mảnh so với cổ áo. Những vòng thủy tinh thể mờ mờ đã bắt đầu vây quanh tròng đen. Ông bắt tay trù mến hơn tôi từng thấy. Giọng ông the thé, lạo xạo.

“Đang chuẩn đi à, đúng không? Để mặc bọn này tự lo liệu trong dịp vui đây sao?”

Đó là cách duy nhất ông nói đến hành động phiêu lưu gần đây nhất của con trai.

“Cô vợ xinh đẹp của cháu đâu? Dạo này hai cháu nhận nhiệm sở ở đâu?”

Lúc tôi nói ông nghe thì mặt ông đột nhiên đanh lại. vẻ biến sắc úp chụp xuống ông gần như thật đáng sợ.

“Túm dải chúng, Barber. Tim óc sẽ theo sau*.”

Kashmir đã làm vậy với chúng ta.

Sau đó tôi lạc xa đời họ. Từ đó đến nay, tôi gặp cô có một lần, cũng khá tình cờ, Tôi đang đi cùng R.C. - R.C. Sharma - và một đồng nghiệp khác. Chúng tôi đi dạo trong công viên Lodhi, nói với nhau về một số trò chính trị văn phòng khó chịu. Tôi thấy cô từ xa. Cô mặc bộ đồ thể thao, chạy hồng hộc, có con chó bên cạnh. Tôi không biết nó là của cô hay chỉ là một con chó hoang trong công viên Lodhi chạy theo cô. Tôi nghĩ cô cũng thấy bọn tôi, bởi vì cô đi bộ chậm lại. Khi chúng tôi đối mặt nhau, cô đăm mồm hôi và vẫn hực cả hơi. Tôi không biết cái gì nhập vào tôi. Có thể là do ngượng nghịu khi bị thấy đi cùng R.C. Hay cái bối rối mọi khi vẫn úp chụp xuống tôi khi ở bên cô. Dù là gì thì nó cũng khiến tôi nói điều ngu xuẩn - cái tôi sẽ nói với vợ của một đồng nghiệp tình cờ gặp đâu đó - câu bông đùa thân mật ở tiệc cocktail.

“Chào cậu! Ông xã đâu rồi?”

Tôi muốn giết chết mình cho rồi ngay khi vừa thốt ra câu đó.

Cô giơ sợi dây đang cầm trên tay (con chó là của cô) và nói, “Ông xã hả? À thì thỉnh thoảng anh ta cũng cho phép tôi dắt mình đi dạo.”

Nghe khủng khiếp, nhưng không. Cô nói với một nụ

cười. Nụ cười của cô.

Bốn năm trước, bỗng đâu cô gọi để hỏi tôi có phải là Biplab Dasgupta (trên đời này có nhiều người như chúng tôi, bị đặt tên ngớ ngẩn) đã đăng rao vặt trên báo tìm người thuê căn hộ tầng hai. Tôi nói đúng là tôi. Cô nói mình đang vẽ tranh minh họa, thiết kế đồ họa tự do nên cần một văn phòng và có thể trả bất cứ mức tiền thuê nào hiện tại. Tôi nói rất vui lòng. Vài ngày sau, chuông cửa nhà tôi reo và cô đây rồi. Tất nhiên là già đi nhiều, nhưng cơ bản thì không thay đổi - cũng kỳ lạ như trước giờ, Cô mặc một sari tím và áo ngắn kẻ ô đen trắng, thật ra là áo sơ mi có cổ và ống tay dài xắn lên quá nửa. Tóc cô bạc trắng và cắt sát da đầu, ngắn đến mức đầu trông nhọn hoắt. Cô có vẻ hoặc trẻ hơn hoặc già hơn tuổi nhiều. Tôi không định được là thế nào.

Lúc đó, tôi được ủy nhiệm làm trong Bộ Quốc phòng, nên sống ở nhà dưới (chỗ giờ là quả dưa hấu). Hôm đó là thứ Bảy, Chitra và hai con gái đã ra ngoài. Tôi ở nhà một mình.

Trực giác mách tôi cần khách sáo hơn là thân thiết, không gọi lại chuyện quá khứ. Vì vậy tôi dẫn cô lên lầu ngay, để xem phòng. Tôi dẫn cô xem một vòng hai phòng - một phòng ngủ nhỏ và một phòng làm việc lớn hơn. Nó chắc chắn là một cải thiện so với phòng kho của cô ở Nizamuddin, nhưng không sao bì được với nhà cô ở nhiều năm trong khu ngoại giao. Cô chỉ nhìn quanh một cái rồi nói muốn được dọn đến càng sớm càng tốt.

Cô đi qua mấy căn phòng trống rồi ngồi ở cửa sổ lồi, nhìn xuống đường bên dưới. Cô có vẻ hút hồn theo cái cô thấy, nhưng không hiểu sao lúc tôi nhìn ra cũng khung cảnh đó, tôi không nghĩ chúng tôi đang nhìn cùng về một thứ.

Cô không tìm cách trò chuyện và có vẻ thoải mái vì sự im lặng. Cô vẫn còn đeo chiếc nhẫn bạc trơn trên ngón giữa bên tay phải. Tôi có thể thấy cô đang có cuộc trò chuyện nào đó một mình. Bỗng dưng cô trở nên thực tế.

“Tôi đưa anh một tấm séc được không? Tiền đặt cọc chẳng hạn?”

Tôi nói mình không vội, rằng tôi sẽ thảo hợp đồng trong vài ngày tới.

Cô hỏi mình hút thuốc được không. Tôi nói đương nhiên được, giờ đây là chỗ của cô và cô có thể làm bất cứ gì mình muốn. Cô rút ra một điếu thuốc và châm lửa, hai lòng bàn tay che ngọn lửa như đàn ông.

“Bỏ beedi rồi à?” Tôi hỏi.

Nụ cười của cô thấp sáng căn phòng.

Tôi để cô hút xong điếu thuốc rồi đi kiểm tra đèn, quạt, hệ thống nước trong bếp và nhà tắm. Khi đứng lên ra về, cô nói như thể đang tiếp tục cuộc chuyện trò chúng tôi đang có, “Có nhiều dữ kiện quá, nhưng không ai thật sự muốn biết, anh có nghĩ vậy không?”

Tôi không hiểu cô có ý gì. Rồi cô đi mất. Ngày ấy, sự

vắng mặt của cô cũng lấp đầy căn hộ, như bây giờ.

Một, hai ngày sau cô dọn đến. Cô hầu như không có đồ đạc gì. Lúc đó, cô không cho tôi biết là đã bỏ Naga và cô định không chỉ làm việc mà còn sống hẳn trên gác. Tiền thuê được chuyển thẳng vào tài khoản của tôi cứ đúng mỗi đầu tháng.

Sự xuất hiện của cô trong đời tôi, sự hiện diện của cô trên gác, đã mở khóa cái gì đó trong tôi.

Tôi thấy lo vì mình dùng thì quá khứ.



Ngay cả khi nhìn qua căn phòng - nhìn những bức ảnh (được đánh số, ghi chú) ghim trên bảng, từng chồng nho nhỏ tài liệu xếp ngăn nắp dưới sàn và trong mấy thùng giấy và bìa hồ sơ dán nhãn, mấy tờ giấy nhớ vàng dán trên giá sách, tủ, cánh cửa - tôi cũng biết ở đây có gì đó không an toàn, cái gì đó tốt nhất đừng động đến, có lẽ là giao cho Naga, hay nộp cho cảnh sát. Nhưng tôi có thể làm vậy không? Tôi có phải, có nên, có thể cưỡng được lời mời bước vào chốn riêng tư này, cái dịp chia sẻ những bí mật này?

Ở đầu kia phòng có một tấm ván dày, dài kê trên hai giá kim loại làm bàn. Bên trên xếp chồng giấy tờ, băng video cũ, một chồng đĩa DVD. Ghim trên tấm bảng, cùng những bức ảnh, là ghi chú và phác thảo. Ngay cạnh máy tính để bàn cũ là một khay đầy nhãn, danh thiếp, tờ quảng cáo và tiêu đề giấy viết thư - có lẽ công việc thiết kế đồ họa mà cô

từng kiếm sống (*đang kiếm sống*, lạy Thượng Đế!) - những thứ duy nhất trong phòng nom bình thường đến an lòng. Có các tờ in cái có vẻ là vài kiểu nhãn dầu gội, đủ các phong chữ:

Dầu xả dưỡng tóc thiên nhiên cực mượt

Với dầu quả óc chó và lá đào

Dầu xả thiên nhiên cực mượt kết hợp các đặc tính nuôi dưỡng và làm thư giãn của dầu óc chó với các đặc tính xoa dịu của lá đào trong một loại kem đậm đặc làm suôn mượt tan ngay trên tóc bạn.

Kết quả: Cực kỳ dễ chải. Tóc bạn lấy lại sự mượt mà khó cưỡng, không nặng nề. Nuôi dưỡng sâu, tóc bạn cực kỳ bóng bẩy mượt.

MỘT TRẢI NGHIỆM TÚ VỊ.

Bản nào cũng thiếu mất một chữ “h” trong chữ “thú vị”. Tin cô đi, đến giai đoạn này trong đời rồi, thiết kế nhãn dầu gội còn sai chính tả.

Vậy còn dầu gội cho tóc biến đi nhanh chóng?

Trên tường ngay phía trên máy tính có hai bức ảnh nhỏ lồng khung. Một là hình đứa trẻ, có lẽ bốn hay năm tuổi. Mắt nhắm còn người quấn vải liệm. Máu từ vết thương trên thái dương thấm qua lớp vải trắng, một vết có hình hoa hồng. Cô bé được đặt nằm trên tuyết. Một đôi bàn tay làm gối kê đầu cô bé, khẽ nâng lên. Dọc mép trên tấm hình có

một hàng bàn chân, mang đủ kiểu giày mùa đông. Tôi chợt nghĩ đứa bé có thể là con gái của Musa. Thật là một bức ảnh kỳ quặc để chọn đóng khung treo trên tường.

Bức ảnh kia thì đỡ náo lòng hơn. Nó được chụp trên hiên một nhà thuyền. Một trong những chiếc nhỏ hơn, tồi tàn hơn. Ta còn thấy được mặt hồ lác đác vài shikara* ở hậu cảnh và dãy núi xa xa. Bức ảnh chụp một thanh niên thấp khác thường, để râu, mặc pheran của Kashmir màu nâu, cũ kỹ. Cái đầu to không cân xứng với vóc người. Anh ta cài một chùm hoa đại li ti bên tai. Anh ta cười, đôi mắt màu xanh lá long lanh và hàm răng khấp khểnh. Có gì đó ở cái vẻ không phòng thủ ở anh, cái thoải mái hoàn toàn nơi nụ cười, làm anh ta trông như đứa trẻ. Lom khom trong hai bàn tay to bè khum lại là đôi mèo con, một con lông xám khói vằn đen, con kia là nhị thể, có miếng vá đen trên mắt. Anh ta chìa chúng ra, như thể đưa cho người chụp chạm vào hay vuốt ve. Hai con mèo con ló nhìn qua rào chắn - mấy ngón tay to của anh ta, cặp mắt ướt cảnh giác sợ sệt.

Anh ta là ai được đây? Tôi không biết.

Tôi cầm lên một tập hồ sơ màu xanh lá dày cộp từ chồng hồ sơ trên bàn và mở một trang bất kỳ. Hai tấm ảnh được dán trên một tờ giấy. Trong tấm đầu, một người đạp xe mờ mờ, nằm ngoài tâm hình chạy qua một cổng song sắt xây trong tường rào sơn hồng cao khoảng hai mét, lối vào nơi trông như nhà vệ sinh công cộng của nam. Nó nằm trong khu dân cư đông đúc và bao quanh là các tòa nhà một hai

tầng có ban công. Có quảng cáo “Tiệm photo Roxy” viết hẳn lên tường bằng chữ to màu xanh lá. Bức thứ hai được chụp trong nhà vệ sinh. Mấy bức vách hồng bạc màu mưa nắng vằn vện rong rêu ẩm mốc và đường ống gỉ sét chạy ngang dọc. Có một bồn rửa màu trắng cẩu ghét gắn trên tường, và một hàng ba hố ga không đậy dưới sàn bê tông. Mấy cái nắp bằng kim loại có tay cầm, như nắp của những cái xoong khổng lồ, nằm cạnh. Một khung cửa sổ cũ, hư hỏng và một tấm ván dựng trên vách. Đó là những tấm ảnh độc đáo nhất tôi từng thấy. Ai chụp vậy? Sao lại có người đi chụp những bức ảnh như vậy? Và sao lại có người lưu giữ chúng cẩn thận như vậy?

Trang tiếp theo giải thích điều đó:

CÂU CHUYỆN CỦA GHAFOOR

Nơi này gọi là Nawab Bazaar. Có thấy nhà vệ sinh công cộng kia không? Chỗ ghi Tiệm photo Roxy? Ấy là nơi chuyện xảy ra. Đó là năm 2004. Chắc là tháng Tư. Trời lạnh và mưa nặng hạt. Chúng tôi đang ngồi trong tiệm Đồ Điện Mới của bạn tôi, kế bên hiệu may Rafiq, uống trà. Tariq và tôi. Lúc đó khoảng 8 giờ tối. Bỗng chúng tôi nghe tiếng phanh thắng rít. Bên kia đường độ chừng bốn, năm chiếc xe chạy lại rồi giăng dây chặn toilet. Đó là xe STF. STF, mọi người biết rồi, là lực lượng đặc nhiệm. Tám tên lính đến cửa tiệm và chĩa súng bắt chúng tôi qua bên kia đường với chúng. Khi đến chỗ nhà vệ sinh, chúng bảo chúng tôi đi vào trong tìm. Chúng nói một tên khủng bố Afghanistan đã trốn thoát và chạy vào nhà vệ sinh. Chúng muốn chúng

tôi vào trong kêu hấn đầu hàng. Chúng tôi không muốn vào vì nghĩ rằng tên mujahid* có súng. Đám đặc nhiệm kê súng lục vào đầu chúng tôi. Chúng tôi đi vào. Bên trong tối thui. Chúng tôi không thấy gì cả. Không có ai ở đó. Chúng tôi trở ra nói là không có ai trong đó. Chúng yêu cầu chúng tôi trở vào lại. Chúng đưa chúng tôi một cây đèn pin. Chúng tôi chưa bao giờ thấy cây đèn pin nào lớn như vậy. Một tên trong đám chỉ chúng tôi cách dùng, mở tắt, mở tắt, mở tắt. Một tên khác nhìn chúng tôi chăm chăm, mở tắt, mở tắt, mở tắt chốt an toàn súng. Chúng bắt chúng tôi cầm cây đèn pin trở vào. Chúng tôi lia đèn khắp nơi nhưng không thấy ai. Chúng tôi gọi, nhưng không ai trả lời. Chúng tôi hoàn toàn ướt sũng.

Đám đặc nhiệm đã đứng vào vị trí ở tòa nhà bên cạnh. Hai tên trên ban công tầng một. Chúng tôi thấy có người dưới cổng. Sao vậy được? Trời tối thui, sao chúng tôi thấy được gì từ xa như vậy? Tôi rọi đèn pin xuống dãy ba hồ ga. Tôi thấy đầu một người đàn ông. Tôi rất sợ. Tôi nghĩ hấn có súng, tôi tránh qua một bên. Đám lính bảo tôi kêu hấn ra ngoài. Tariq, đứng sau lưng tôi, nói nhỏ, “Chúng đang làm phim. Làm như chúng tôi nói đi.” “Làm phim” bạn tôi không có ý thật sự là “phim” theo nghĩa đó. Ý anh ta là chúng đang dàn cảnh, để tạo một câu chuyện.

Tôi nói người trong hồ ga ra ngoài. Anh ta không trả lời. Tôi dám nói anh ta là người Kashmir. Không phải Afghanistan. Anh ta chỉ trăn trối nhìn lại. Anh ta không nói được. Chúng tôi cầm cây đèn pin của đặc nhiệm đứng vây quanh người này. Trời vẫn đang mưa. Mùi từ hồ ga không chịu nổi. Có lẽ một tiếng rưỡi đồng hồ trôi qua rồi. Chúng tôi không dám nói gì với nhau. Chúng tôi cứ bật tắt đèn pin. Sau đó đầu người này đổ sang một bên. Anh ta đã chết. Bị chôn trong phân.

Đám đặc nhiệm đưa cho chúng tôi xà beng và thuổng. Chúng tôi phải đập gờ bê tông quanh hố ga để kéo anh ta ra. Tất cả chúng tôi đều ướt, run cầm cập, bốc mùi. Khi kéo cái xác ra chúng tôi thấy chân anh ta bị trói và kéo rì xuống bằng một tảng đá.

Chỉ sau này chúng tôi mới biết chuyện gì đã xảy ra trong phim của tội đặc nhiệm.

Đầu tiên, vài người trong số chúng lẳng lặng ngồi một xe đến. Chúng trói người này lại rồi nhét xuống hố ga. Anh ta đã bị tra tấn thể thảm và gần chết. Khi chúng vào thì thấy một thanh niên khác trong một buồng vệ sinh. Chúng bắt anh ta giải đi - có thể anh ta không chịu làm việc mà chúng tôi đồng ý làm. Rồi chúng ngồi xe quay lại và dựng phần phim còn lại có vai cho chúng tôi nữa.

Tên sĩ quan của chúng kêu chúng tôi ký vào tờ giấy. Nếu không ký chắc chúng đã giết chúng tôi rồi. Chúng tôi ký như nhân chứng của một cuộc chạm trán trong đó lực lượng đặc nhiệm đã lần ra và giết một tên khủng bố Afghanistan nguy hiểm bị vây trong một nhà vệ sinh công cộng ở Nawab Bazaar. Chuyện đó được lên bản tin.

Người đàn ông chúng giết là một người lao động vùng Bandipora. Anh thanh niên bị chúng bắt giữ bởi vì đã đi tè vào cái giờ kỳ cục và phiền phức đã biến mất.

Còn Tariq và tôi đã nói sai sự thật và làm trái với lương tâm mình.

Cặp mắt nhìn chúng tôi trần trối trong một tiếng rưỡi đồng hồ - đó là ánh mắt tha thứ, ánh mắt cảm thông. Người Kashmir chúng tôi không còn cần nói với nhau nhiều mới hiểu nhau.

Chúng tôi làm những điều tồi tệ với nhau, chúng tôi đả thương và phản bội và giết chóc lẫn nhau, nhưng chúng

tôi hiểu nhau.



Câu chuyện tồi tệ. Thật ra là kinh khủng. Tức là nếu đó là sự thật. Làm sao kiểm chứng được những chuyện này? Con người không đáng tin. Họ cứ luôn phóng đại. Nhất là dân Kashmir. Rồi họ bắt đầu tin vào những gì mình phóng đại như thể đó là chân lý của Thượng Đế. Tôi không thể tưởng tượng được việc bà Tilottama đang làm, suu tầm cái thứ vô nghĩa này. Cô nên bám lấy mấy cái nhãn dầu gội của mình đi. Dù gì thì đó cũng đâu phải đường một chiều. Đâu kia cũng có kho chuyện kinh dị. Một số chiến binh đó là những kẻ điên. Nếu *phải* chọn, vậy thì cứ cho tôi một tên trào lưu chính thống Ấn giáo thay vì Hồi giáo. Đúng là chúng ta đã làm - chúng ta đang làm - một số chuyện tồi tệ ở Kashmir, nhưng... ý tôi là những gì quân đội Pakistan làm ở Đông Pakistan - đó rõ ràng là diệt chủng. Mở và đóng. Khi quân đội Ấn Độ giải phóng Bangladesh, mấy ông bạn Kashmir tốt bụng gọi - vẫn còn gọi - chuyện đó là “Dhaka *thất thủ*”. Họ không giỏi lắm với nỗi đau của người khác. Nhưng nghĩ lại thì ai? Dân Baloch, đang bị Pakistan hiếp đáp, không quan tâm đến người Kashmir. Người Bangladesh mà chúng ta giải phóng đang săn lùng người Ấn giáo. Mấy ông bạn cộng sản gọi Gulag* của Stalin là một “phần thiết yếu của cách mạng”. Người Mỹ hiện đang rao giảng cho người Việt về nhân quyền. Thứ chúng ta có

trong tay là vấn đề giống loài. Không ai trong chúng ta được miễn trừ cả. Rồi lại còn cái chuyện kia dạo này đang trở nên khá lớn. Con người - các cộng đồng, đẳng cấp, chủng tộc và thậm chí quốc gia - mang lịch sử bị thương và bất hạnh đi quanh như chiến lợi phẩm, hay như chứng khoán, để mua bán trên thị trường mở. Rủi quá, về phần mình, ở điểm đó thì tôi chẳng có chứng khoán nào để mua bán, tôi là người không có bị kịch. Kẻ áp bức đẳng cấp cao, tầng lớp cao về mọi khía cạnh.

Nâng cốc vì điều đó.

Ta còn gì nữa nào?

Có một thùng giấy để mở, một thùng đựng ống mực máy in Hewlett-Packard cũ để mở trên bàn. Tôi nhẹ người thấy những thứ đựng trong đó phần nào sáng sủa hơn - hai bì đựng ảnh màu vàng, một ghi “Ảnh Rái cá” còn cái kia ghi “Con mồi của Rái cá”. Hay quá. Tôi không biết cô lại thích rái cá. Điều đó bỗng khiến cô đỡ - nói thế nào nhỉ - đỡ mạo hiểm hơn. Cái ý nghĩ cô bước trên bãi biển, hay bên bờ sông, gió lùa trong tóc... thư thái, không phòng thủ... tìm rái cá... làm tôi thấy mừng cho cô. Tôi rất mê rái cá. Tôi nghĩ chúng là những sinh vật tôi yêu thích nhất. Tôi từng dành cả tuần ngắm chúng khi cùng gia đình đi nghỉ, một chuyến tàu biển Thái Bình Dương dọc bờ tây Canada. Ngay cả khi trời bão và biển động nguy hiểm, chúng cũng ở đó, mấy con khốn loắt choắt xác lảo đảo, nằm ngửa người trôi lững lờ, trông hệt như đang đọc báo buổi sáng.

Tôi dốc mấy tấm ảnh trong một bao ra.

Không có tấm nào là hình rái cá.

Lẽ ra tôi phải biết. Tôi thấy mình như nạn nhân của một trò chơi khăm.

Tấm trên cùng xấp ảnh là hình chụp trên lối đi dạo quanh Cổng Dal ở Srinagar. Một người lính Sikh ngăm đen mặc áo chống đạn và cặp khẩu súng trường bên hông. Một đầu gối co lên, một đầu gối hạ xuống, đặc thẳng tạo dáng bên xác một thanh niên. Theo dáng nằm thì rõ ràng thanh niên kia đã chết. Anh ta nằm chống trên cái cằm đang cắm vào gờ bê tông cao ba mươi phân chạy quanh hồ, phần thân còn lại thì vồng xuống. Hai chân xoạc ra, một đầu gối gập lại thẳng góc. Anh ta mặc quần dài và áo thun polo màu be. Anh ta bị bắn xuyên qua cổ họng. Không có nhiều máu. Bóng những nhà thuyền mờ mờ phía sau. Đầu người lính được khoanh tròn bằng bút dạ tím. Theo quần áo của người thanh niên đã chết và vũ khí người lính đang cầm mà xét thì đây là hình khá cũ. Trong mỗi tấm hình đỡ bi thảm hơn chụp các toán lính ở chợ, các chốt gác, hay trên cao tốc khi họ vẫy xe cộ lại, đều có một tên lính cũng được vạch riêng ra bằng bút dạ tím. Không có sự liên quan rõ rệt nào giữa mấy tên lính này. Một số thì cạo râu nhẵn nhụi, một số là người Sikh, một số rõ ràng là người Hồi giáo. Ngoại trừ một tấm ra thì bức nào cũng là khung cảnh Kashmir. Trong tấm không phải ở Kashmir, một người lính trông buồn chán ngồi trên ghế nhựa xanh trong công sự đắp bao cát ở chốn rừng

như giữa sa mạc. Nón cối đặt trên đùi và hấn ta cầm một cây vợt muỗi màu cam, mắt nhìn ra xa. Có gì đó trong mắt hấn, cái gì đó trống rỗng và vô hồn khiến ta chú ý. Đầu hấn cũng được khoanh tròn bằng bút dạ tím.

Những người này là ai?

Và rồi, khi trải hết ra bàn thì tôi vỡ lẽ - họ đều là một tên lính. Hấn ta trông khác trong mỗi tấm hình, ngoại trừ đôi mắt. Hấn là một kẻ biến hình. Có lẽ một trong những tay phản gián của chúng tôi. Sao hấn lại có khoanh tròn tím quanh đầu?

Trong thùng giấy có một tập hồ sơ đề “Rái cá”. Tài liệu đầu tiên trông như lý lịch của ai đó. Tiêu đề trên giấy ghi Ralph M. Bauer, LCSW, nhân viên xã hội lâm sàng được cấp phép*, theo sau là hàng dài các học vị bằng cấp của ông ta. Một chữ đập vào mắt tôi. *Clovis*. Địa chỉ đường nhà Ralph Bauer là Đại lộ Đông Bullard, Clovis, California.

Clovis là nơi Amrik Singh tự bắn mình và gia đình. Tại nhà, trong một khu dân cư nhỏ vùng ngoại ô. Và rồi tôi cũng hiểu ra. Máy bay chỉ điểm. Rái cá. Dĩ nhiên rồi. Người đàn ông trong mấy tấm hình là Amrik Singh “Máy bay chỉ điểm”. Tôi chưa lần nào thực sự chạm mặt hấn ở Kashmir. Tôi không biết hấn trông thế nào ngày còn trẻ (đó là những ngày trước khi có Google). Mấy tấm hình này không giống với lúc hấn là một người đàn ông lớn tuổi hơn, béo, mặt mày nhẵn nhụi và trông hoàn toàn thất thần, đăng trên báo sau khi hấn tự sát.

Mạch máu tôi có cảm giác ngập một loại hóa chất, cái gì đó không phải máu. Sao cô có được những tài liệu này? Và tại sao? *Tại sao?* Cô giữ chúng để làm gì? Giờ thì nó là cái gì vậy? Một kiểu *voodoo* trả thù tưởng tượng nào đó?

Ít trang đầu trong hồ sơ là một dạng bản câu hỏi - một loạt kiểu câu hỏi trắc nghiệm tâm lý, điển hình cổ lỗ sĩ: *Có bao giờ anh chị có những giấc mơ đau lòng về sự kiện này? Có bao giờ anh chị không thấy buồn hay không có được cảm giác yêu thương? Anh chị có thấy khó lường tượng một cuộc sống thọ và hoàn thành được các mục tiêu?* Kiểu như vậy. Đính kèm những bản câu hỏi này là hai tờ khai được Amrik Singh và vợ ký (của chị ta thì dài, của hắn thì rất vắn tắt), và những bản photo hai tập dày hồ sơ xin tị nạn ở Mỹ, được điền đầy đủ nắn nót, cũng được họ ký.

Tôi phải ngồi xuống. Tôi cần uống thứ gì đó. Tôi có một chai Cardhu mà lẽ ra tôi không nên mua ở cửa hàng miễn thuế trên đường từ Kabul về, và lẽ ra tôi không nên đem theo đến đây. Nhất là khi tôi đã hứa với Chitra sẽ không bao giờ động vào một ly nào nữa. Không một ly. Không một giọt. Nhất là khi tôi biết công việc của mình đang lung lay. Nhất là khi sếp đã cho tôi một cơ hội cuối cùng này để - theo lời nhảm tai của ông ta - “không tu tỉnh thì bị tống tiền”.

Tôi thích có chút đá, nhưng không có tí nào. Cả ngăn đá đã thành một khối băng và cần được rã đông. Tủ lạnh trông trơn nhưng nhà bếp lại chất đầy thùng đựng trái cây. Có lẽ

cô đã - đang - áp dụng chế độ ăn kiêng giải độc thời thượng - chỉ ăn trái cây. Chắc là cô đã tới đó. Tới lớp học yoga hay gì đó.

Đương nhiên là không phải.

Tôi sẽ phải uống Cardhu không đá. Trời lạnh ngắt và mấy con bồ câu chết bầm ấy nên thôi giao phối trên bậu cửa sổ đi. Sao chúng không chịu dừng?

NGÀY: 16 THÁNG TƯ NĂM 2012

Về: Loveleen Singh tên khai sinh là Kaur và Amrik Singh

Đây là yêu cầu để có Đánh giá tâm lý xã hội của Amrik Singh và vợ, Loveleen Singh nhũ danh là Kaur, để quyết định xem họ có phải là nạn nhân bức hại do ngược đãi, tham nhũng và tổng tiền của cảnh sát mà họ chịu đựng ở quê hương Ấn Độ. Họ thật sự có “lo sợ chính đáng” bị Chính phủ của mình tra khảo hay giết hại không? Họ đang xin tị nạn vì cho rằng Amrik Singh sẽ bị tra tấn hoặc giết chết nếu ông quay về Ấn Độ. Trong suốt buổi phỏng vấn tôi đã tiến hành một tóm tắt triệu chứng tổn thương (TSI-2), kiểm tra tình trạng tâm thần, phỏng vấn sơ bộ rối loạn căng thẳng hậu chấn thương (PTSD), và thang điểm chấn thương Davidson. Một câu chuyện dài đã được ghi lại suốt buổi phỏng vấn hai giờ trực tiếp với từng người để hoàn tất bản tường trình sự thật họ đã trải qua ở Kashmir, Ấn Độ.

Gia cảnh:

Ông bà Amrik Singh sống ở Clovis, California. Loveleen Singh nhũ danh là Kaur sinh ở Kashmir, Ấn Độ,

ngày 19 tháng Mười một năm 1972. Amrik Singh, sinh ở Chandigarh, Ấn Độ, ngày 9 tháng Sáu năm 1964. Cặp vợ chồng có ba đứa con, đứa nhỏ nhất sinh ở Mỹ. Hai người bỏ trốn khỏi Ấn Độ đến Canada với hai đứa con đầu. Họ nhập cảnh vào Mỹ bằng đường bộ ngày mùng 1 tháng Mười năm 2005. Đầu tiên họ vào Blaine, Washington, nhưng hiện sống ở Clovis, California, nơi ông Amrik Singh làm tài xế xe tải. Loveleen Kaur làm nội trợ. Họ không ngừng lo lắng về sự an nguy của gia đình.

Tường trình của Loveleen:

Đây là bản tường trình dựa trên phân ghi chép lại cuộc phỏng vấn Loveleen.

Amrik Singh chồng tôi là thiếu tá quân đội làm nhiệm vụ ở Srinagar, Kashmir. Trong khi chồng làm nhiệm vụ tôi không ở với chồng tại căn cứ, tôi sống cùng con trai ở nhà riêng, trong căn hộ tầng hai tại Jawahar Nagar, Srinagar. Trong khu chung cư đó có nhiều gia đình người Sikh và chỉ một ít gia đình Hồi giáo sinh sống. Năm 1995 một luật sư nhân quyền tên Jalib Qadri bị bắt cóc và giết chết rồi chồng tôi bị cảnh sát địa phương đổ tội, chúng tôi có cảm giác người Hồi giáo đang mưu toan ám hại chồng tôi. Chồng tôi không nhận hối lộ và không thích bọn khủng bố Hồi giáo. Chồng tôi là một người đáng kính. Nói theo lời chồng tôi: “Tôi sẽ không phản bội tổ quốc và các người không mua chuộc tôi được đâu.”

Bạn tôi Manpreet lúc đó là nhà báo ở Srinagar. Cô biết được ai đang âm mưu hại chồng tôi và ai giết Jalib Qadri. Cô cùng mẹ đến đồn cảnh sát để cung cấp thông tin. Cảnh sát không chịu nghe vì cô là phụ nữ và là người thân của bị cáo. Và bởi vì hầu hết cảnh sát Jammu & Kashmir là người Hồi giáo Kashmir. Cảnh sát chỉ huy cuộc điều tra

nói: “Nếu muốn, tôi có thể khiến quý bà bị thiêu sống ngay đây. Tôi có quyền đó.”

Một năm sau, các đơn vị cảnh sát bao vây khu chung cư ở Jawahar Nagar tôi sống mà không có chồng tôi. Họ đập cửa nhà tôi và xâm nhập vào trong. Họ túm tóc kéo lê tôi từ tầng hai xuống tầng một. Một cảnh sát bắt con trai tôi. Họ cướp hết nữ trang của tôi. Suốt lúc đó họ đâm đá tôi và nói: “Đây là gia đình của Amrik Singh, kẻ giết thủ lĩnh của chúng ta.” Tại trụ sở cảnh sát, họ trói tôi vào một tấm ván rồi đâm đá và tát tôi. Họ đập đầu tôi bằng một tấm ván cao su. Họ nói, “Bọn tao sẽ khiến mày thành người thực vật tàn đại đến hết đời.” Tên mang giày kim loại đá và nghiền vào ngực bụng tôi. Rồi họ lăn mấy cọc gỗ dọc hai giò tôi. Sau đó, họ gấn mấy thứ dính lên người và hai ngón cái của tôi rồi sốc điện nhiều lần. Họ muốn tôi khai man về chồng. Tôi bị giam giữ ở đó hai ngày. Họ giữ con tôi trong một phòng khác và nói tôi sẽ được gặp lại con chỉ sau khi tôi khai man. Cuối cùng, họ thả tôi. Sau đó, tôi được gặp con trai. Cả hai mẹ con khóc. Tôi không thể bước tới với nó vì hai bàn chân bị đau. Một tài xế xích lô đón và đưa tôi về nhà mẹ.

Không bác sĩ nào chịu chữa chạy cho tôi vì họ sợ khủng bố Hồi giáo giết. Vợ chồng tôi bị theo dõi thường trực. Chúng tôi sống một cuộc sống rất căng thẳng.

Sau ba năm chúng tôi rời Kashmir và sống ở Jammu. Năm 2003, chúng tôi bỏ xứ đến Canada. Chúng tôi nộp đơn xin tị nạn nhưng bị từ chối. Thật tàn nhẫn. Chúng tôi cần được giúp đỡ. Chúng tôi cho họ xem tất cả bằng chứng, nhưng họ vẫn từ chối. Tháng Mười năm 2005, chúng tôi đến Seattle. Chồng tôi kiếm được việc lái xe tải và năm 2006, chúng tôi chuyển đến Clovis, California. Chúng tôi không được bảo vệ. Chúng tôi không ra ngoài, chúng tôi không

được đi chơi hay có cuộc sống vui vẻ. Nếu ra ngoài, chúng tôi không biết mình có còn sống sót về nhà không. Lúc nào chúng tôi cũng thấy như bị khủng bố theo dõi. Nghe mỗi tiếng động, tôi đều nghĩ mình sắp chết. Tôi trở nên sợ tiếng ồn. Năm ngoái, năm 2011, khi chồng tôi chỉ đang khiển trách các con, tôi đâm sợ đến mức nghĩ là họ đến đây giết mình. Tôi chạy đến chỗ điện thoại gọi 911. Trong lúc chạy, tôi bị thương nặng ở đầu, ngực và chân. Tôi nghĩ mình sắp chết dù chồng tôi chỉ đang khiển trách các con. Tim tôi đập nhanh đến độ tôi thấy mình như người điên. Tôi thường phản ứng thái quá với tiếng la và tiếng ồn lớn. Dù chồng tôi chỉ đang khiển trách các con nhưng tôi cũng gọi cảnh sát rồi không biết nói gì. Họ bắt chồng tôi rồi thả ông ra có bảo lãnh. Tôi vẫn không rõ chuyện gì đã xảy ra. Tin tức trên báo nói chồng tôi thể này thể kia và đã phục vụ ở Kashmir. Họ đăng hình chồng tôi và nhà chúng tôi rồi cho thiên hạ biết rằng chúng tôi sống ở đây. Tin tức đó lên mạng và cả ở Kashmir. Một lần nữa khủng bố Hồi giáo đòi trả chồng tôi về. Một ngày sau, một phóng viên gọi đến cho chúng tôi hay là có một nhà báo từ Ấn Độ tìm chúng tôi. Nhưng chúng tôi biết hẳn không phải người như hẳn nói. Tôi đã thấy hẳn lái xe ngang nhà. Tôi thấy hẳn nhiều lần. Tôi bảo chồng rằng chúng tôi phải đi. Chồng tôi nói: “Ta không có tiền để dọn đi mãi được. Tôi không muốn chạy trốn. Tôi muốn sống.” Tên ấy luôn lảng vảng. Còn những người khác nữa. Toàn khủng bố Hồi giáo. Tôi thường xuyên lo sợ. Tôi kéo hết rèm cửa lại và đứng sau rèm nhìn ra. Họ đứng trên phố và nhìn chăm chăm vào nhà chúng tôi. Bây giờ tôi đóng khóa hết mọi thứ. Lúc trước tôi mở một thẩm mỹ viện nhỏ ở nhà, tẩy lông mày và triệt lông chân cho quý bà, quý cô. Giờ đây tôi thấy không an toàn khi để người lạ vào nhà.

Mười bảy năm rồi mà khủng bố Hồi giáo Kashmir vẫn kỷ niệm cái chết của ông luật sư nọ. Trên báo và trên mạng họ vẫn đổ tội cho chồng tôi. Các con tôi sợ. Chúng cứ hỏi, “Mẹ ơi khi nào thì nhà mình mới được yên vui mà sống?” Tôi bảo chúng, “Mẹ đang cố, nhưng chuyện đó không nằm trong tay mẹ.”



Chị ta bị thương ở chân, đầu và ngực lúc chạy đến điện thoại. Đó là một kỳ công. Tôi không biết chồng chị ta đã làm gì khiến chị ta bãi nại? Có lẽ hôm nay chị ta với các con vẫn còn sống nếu chị ta không làm vậy. Tôi đặc biệt khoái đoạn cảnh sát địa phương vây ráp không đâu cả mà lại nhằm Jawahar Nagar rồi bắt giữ và tra tấn vợ một thiếu tá quân đội đang tại ngũ. Chuyện đó quả là có một không hai. Ở Kashmir câu chuyện này sẽ được đón nhận như một phim hài bạo lực. Cái đoạn “các bác sĩ sợ hãi” cũng là một nét hay nữa. Cái giống thật mới là tất cả. Còn về tường thuật cặn kẽ và rành rẽ của chị ta về vụ tra tấn, tôi hi vọng chồng chị ta chỉ hướng dẫn những kỹ xảo của hấn chứ không thật sự đem ra áp dụng với chị ta. “Chồng tôi chỉ khiển trách các con,” lặp lại ba lần trong một đoạn văn khiến tôi nghe sao kinh khủng quá.

Lời khai của Amrik Singh thì giống tác phong nhà binh. Ngắn gọn và đi vào trọng tâm:

Tôi là sĩ quan phục vụ trong quân đội Ấn. Tôi được bố trí trong nhiều nhiệm vụ chống phiến loạn và cả bảo vệ hòa bình ở Ấn Độ và nước ngoài. Năm 1995, tôi được điều tới làm ở Kashmir, nơi phiến loạn diễn ra từ năm 1990. Năm 1995, một nhà hoạt động nhân quyền mà sau này tôi biết thuộc một toán khủng bố bị cấm, đã bị bắt cóc và giết chết. Cảnh sát Kashmir và Chính phủ Ấn Độ đổ tội cho tôi. Tôi bị biến thành kẻ giơ đầu chịu báng. Tôi không còn cách nào khác ngoài việc cùng gia đình trốn khỏi Ấn Độ. Nếu tôi quay về, Chính phủ Ấn Độ sẽ không thích tôi ra hầu tòa, nơi mà tôi được nêu lên quan điểm của mình. Tôi sẽ bị tra tấn bằng cách đánh đập, sốc điện, trần nước, không cho ăn ngủ hoặc bị giết và không bao giờ còn ai thấy hay nghe đến nữa.

Đơn đăng ký được điền tay. Amrik Singh có chữ viết nắn nót, gần như chữ con gái và chữ ký cũng nắn nót như của con gái. Thật rùng rợn khi nhìn chữ viết của hắn. Nó có cảm giác thân mật kỳ lạ.

Họ đương nhiên biết cách lo liệu công việc, hai người này. Ralph Bauer già tội nghiệp, nhân viên xã hội, sẽ thế nào khi biết rằng câu chuyện của họ nghe thật đến độ đó vì nó là sự thật, có điều nạn nhân và thủ phạm đã đổi vai cho nhau? Thảo nào ông ta đi đến cái kết luận khôի hài này:

Kết luận:

Dựa trên thông tin trình bày ở trên thì trong đầu tôi không còn nghi ngờ gì rằng cả bà Loveleen Singh lẫn ông Amrik Singh đều bị rối loạn căng thẳng hậu chấn thương

trầm trọng. Mức độ căng thẳng này nhất định là biểu hiện ở những cá nhân đã chịu đựng các biến cố tàn khốc và chấn động như tra tấn, những giai đoạn bị tù đầy và bị tách lìa với gia đình vô hạn định. Họ vô cùng sợ rằng nếu quay về Ấn Độ thì những sự việc này sẽ tái diễn. Chắc chắn có những kẻ nhớn nhoe ngoài kia vẫn đang tìm cách rửa hận và thanh toán mỗi thù truyền kiếp trong nhiều blog khác nhau trên mạng World Wide Web.

Qua những sự việc này, tôi rất mong ông bà Amrik Singh và gia đình được bảo vệ và tị nạn ở đây tại nước Mỹ để họ còn bắt đầu sống một cuộc sống bình thường trong giới hạn có thể.

Thế là họ suýt làm được rồi, ông bà Singh. Họ mấp mé thành công dân hợp pháp của Hoa Kỳ. Vậy mà, mấy tháng sau, Amrik Singh chọn cách tự bắn mình và cả gia đình.

Như vậy là nghĩa lý gì?

Lẽ nào đó là cái gì khác chứ không phải tự sát?

Người kịch sĩ lái xe ngang qua mà chị vợ nhắc tới trong lời khai là ai được đây? Và những người khác là ai?

Việc đó có còn quan trọng không?

Với tôi thì không.

Với Chính phủ Ấn Độ cũng không.

Chắc chắn với cảnh sát California cũng không, hẳn trong đầu họ còn có những việc khác.

Dù vậy cũng thương cho chị vợ và mấy đứa con.

Tại sao bà S. Tilottama thuê nhà tôi lại có hồ sơ này?

Và cô đang ở đâu hả trời?

Điện thoại kêu bíp bíp. Quái. Không ai có số này. Theo như thiên hạ biết thì tôi đang nằm trong trung tâm phục hồi. Đang nghỉ phép đi học, là một cách nói khác. Ai đang nhắn tin cho tôi? Ồ. THYROCARE, sao cũng được:

Khách hàng thân mến xin hãy đến dự trại sức khỏe của chúng tôi. VitD+B12, đường, chất béo, xét nghiệm gan, thận, tuyến giáp, sắt, máu, thử nước tiểu với giá 1800 rupee/-

Thyrocare thân mến ơi. Tôi nghĩ mình thà chết còn hơn.

Tôi uống hết một phần tư chai rồi. Đã đến giờ có giấc ngủ buổi trưa bị cấm. Người đang làm việc không được ngủ. Tôi không nên đem chai Cardhu vào phòng ngủ. Nhưng tôi phải làm thế. Nó cứ đòi vậy.

Không có giường. Chỉ một tấm nệm trên sàn. Có sách, sổ tay, từ điển xếp thành những chồng cao gọn gàng.

Tôi bật cây đèn cao loại thường. Tôi thấy một miếng giấy màu dán bằng keo vào cái chao đèn vành rộng của cây đèn bình thường. Lời nhắc nhở chẳng? Ghi chú cho cô? Trên đó ghi:

Còn về cái chết của họ, tôi có cần phải nói các anh nghe không? Với tất cả bọn họ, đó sẽ là cái chết của kẻ mà khi anh ta nghe bởi thẩm đoàn tuyên án tử cho mình, chỉ lắm

bầm bằg giọng vùng Rhine, “Tôi đã vượt xa chuyện đó rồi.”

Jean Genet

T.B: Cái chao đèn này được làm từ một loại da thú. Nếu nhìn kỹ cô có thể thấy lông mọc trên đó.

Cảm ơn.

Căn phòng này dường như đã chứng kiến một kiểu mở gút nào đó. Chứng kiến cái mở gút của bất cứ con người nào thì chắc phải rất kinh hoàng. Nhưng người này? Nó có một chút nguy hiểm, như cái mùi phảng phất, cay sè của thuốc súng văng vất trong không trung tại hiện trường tội ác.

Tôi chưa đọc Genet, tôi có nên không? Mọi người đọc chưa?

Đó là thứ whisky ngon, Cardhu ấy. Và đắt cắt cổ. Tôi phải uống một cách nghiêm cẩn. Tôi đã ngà ngà say rồi - “xay”, như ông bạn cũ Golak của tôi sẽ nói. Ở Orissa người ta thường hay nói ngọng.



Trời tối như mực.

Tôi nằm mơ thấy một chồng nắp xoong xếp lên nhau và những hố ga mở nắp nhét đầy những thứ kỳ lạ - hầu hết là tập hồ sơ, tranh vẽ ngựa của Musa. Và những đợt dài tuyết khô ran trông như xương.

Ai uống hết rượu rồi?

Ai đem vodka và két bia từ xe tôi lên căn hộ?

Ai đã biến ngày thành đêm?

Bao nhiêu ngày đã biến thành bao nhiêu đêm?

Và ai đang ở cửa vậy? Tôi nghe tiếng chìa khóa mở.

Là cô phải không?

Không phải.

Đó là hai người với ba giọng nói. Lạ kỳ. Họ bước vào và bật đèn lên cứ như họ sở hữu chỗ này. Giờ thì bọn tôi đối mặt nhau. Một thanh niên đeo kính râm và một người đàn ông lớn tuổi hơn. Người đàn bà lớn tuổi hơn. Đàn ông. Bà-ông. Sao cũng được. Một kiểu dị nhân nào đó mặc bộ đồ Pathan và trùm cái áo toí nhạ rẻ tiền. Cao ngồng. Miệng đỏ lỏm và một cái răng sáng bóng. Cũng có thể chỉ là tôi vẫn còn nằm mơ. Các giác quan tôi vừa nhạy bén kỳ lạ vừa cùn nhụt cùng một lúc. Chai rượu khắp nơi, đập vào chân bọn tôi, lăn lóc dưới đồ đạc xuống những hố ga mở nắp.

Vì xem ra bọn tôi không có gì nhiều để nói với nhau còn tôi thì đứng chao đảo - tôi cảm nhận được mình đang đong đưa như ngô ngoài đồng - tôi quay lại phòng ngủ nằm vật xuống. Còn gì để tôi làm nữa đâu?

Họ theo tôi vào. Tôi thấy hành động đó không bình thường, dù là trong chuỗi giấc mơ, nếu đó là cái đang diễn ra ở đây. Người đàn bà-dàn ông nói với tôi bằng giọng nghe như hai giọng. Chị ta nói thứ tiếng Urdu tao nhã nhất. Chị

ta xưng tên là Anjum, rằng chị ta là bạn của Tilottama, lúc này đang sống với chị ta, và rằng chị cùng anh bạn Saddam Hussain đến vì Tilo cần vài thứ trong tủ. Tôi bảo mình cũng là bạn của Tilo và họ cứ tự nhiên mà lấy thứ họ cần. Người thanh niên lấy ra một chiếc chìa khóa và mở tủ.

Một chùm bong bóng bay ra.

Thanh niên lấy ra một cái bao rồi bỏ đồ vào. Những thứ bỏ vào - ít ra thì theo những gì tôi thấy - một con vịt cao su, một thau tám trẻ con bom phồng được, một con ngựa vằn nhồi bông to, ít chăn mền, sách và quần áo ấm. Xong xuôi họ cảm ơn tôi vì đã kiên nhẫn. Họ hỏi tôi có muốn nhắn gửi gì với Tilo không. Tôi nói có.

Tôi xé tờ giấy trong một cuốn sổ của cô và viết GARSON HOBART. Máy chữ hóa ra to hơn tôi định bụng. Như một kiểu tuyên bố. Tôi trao mẫu giấy cho họ.

Rồi họ đi mất.

Tôi đi lại chỗ cửa nhìn họ rời tòa nhà. Một người - người lớn tuổi hơn - lên chiếc xe lam, người còn lại, tôi lấy con mình ra mà thề, bỏ đi trên một *con ngựa*. Một cặp dị nhân với một túi của ăn cướp đầy đồ chơi nhồi bông lóc cóc vào trong sương mù trên một con ngựa trắng chết tiệt.

Đầu óc tôi rối mù. Những ảo giác của tôi sao quá đáng thương. Tất cả sao mà quá thật. Tôi còn ngủ được. Tôi không nhớ mình ăn lần cuối là bao giờ. Điện thoại của tôi đâu rồi? Máy giờ rồi? Hôm nay là ngày mấy, hay đêm nào?

Tôi nhìn lại căn phòng. Bong bóng lơ lửng xung quanh

như trên màn hình chờ máy tính. Hai cánh cửa tủ mở toang hoang. Phía trong một bên cửa đánh dấu dày đặc. Đứng chỗ tôi nhìn nó trông như một bảng biểu gì đấy... ghi chép của cha mẹ về chiều cao của đứa con đang lớn - vợ chồng tôi từng làm vậy cho Ania và Rabia khi chúng lớn dần. Tôi thắc mắc cô đo cho đứa con nào được đây. Đến gần thì tôi nhận ra là không phải. Làm sao tôi lại đi tưởng tượng, dù có thoáng qua đi nữa, rằng nó là cái gì đó rất gia đình và trù mẩn như vậy?

Đó như một kiểu từ điển, một việc đang làm - các mục được viết tay không đều và bằng nhiều màu khác nhau:

BẢNG CHỮ CÁI KASHMIR-ANH

A: Azadi/army/Allah/America/Attack/AK-47/Ammunition/
Ambush/Aatankwadi/Armed Forces Special Powers
Act/Area Domination/Al Badr/Al
Mansoorian/Aljihad/Afghanistan/ Amarnath Yatra

B: BSF/body/blast/bullet/battalion/barbed wire/brust
(burst)/ border cross/booby trap/boong ke/byte/begaar
(forced labour)

C: Cross-
border/Crossfire/camp/civilian/curfew/Crackdown/Cordon-
and-Search/CRPF/Checkpoint/Counter-
insurgency/Ceasefire/Counter-Intelligence/Catch and
Kill/Custodial Killing/Compensation/Cylinder
(surrender)/Concertina wire/ Collaborator

D: Disappeared/Defence Spokesman/Double

Cross/Double Agent/Disturbed Areas Act/Dead body

E: Encounter/EIK (extrajudicial killing)/Ex Gratia/Embedded journalists/Elections/enforced disappearance

F: Funerals/Fidayeen/Foreign Militant/FIR (First Information Report)/Fake Encounter

G: Grenade Blast/Gunbattle/G Branch (General branch-BSF intelligence)/Graveyard/Gun culture

H: HM (Hizb-ul-Mujahideen)/HRV (human rights violations)/HRA (human rights activist)/Hartal/Harkat-ul-Mujahideen/Honeymoon/Half-widows/Half-orphans/Human shields/Healing Touch/Hideout

I: Interrogation/India/Intelligence/Insurgent/Informer/I-card/ ISI/intercepts/Ikhwan/Information Warfare/IB/Indefinite Curfew

J: Jail/Jamaat/JKP/JIC (Joint Interrogation Centre)/JKLF (Jammu & Kashmir Liberation Front)/jihad/jannat/jahannum/ Jamiat ul Mujahideen/Jaish-e-Mohammed

K: Kills/Kashmúr/Kashmiryat/Kalashnikov (see also AK)/Kilo Force/Kafir

L: Lashkar-e-Taiba/LMG/Launcher/Love letter/Lahore/Landmine

M: Mujahideen/Military/Mintree/Media/Mines/MPV (mine proof vehicle)/Militant (also Milton, Mike)/Muslim

Mujahideen/ Mistaken Identity/Martyrs/Mukhbir (Informer)/Misfire (Accidental death)/Muskaan (army orphanage)/Massacre/Mout/ Moj

N: NGO/New Delhi/Nizam-e-Mustapha/Nabad (see also Ikhwan)/Night Patrolling/NTR (Nothing To Report)/nail parade/normalcy

O: Occupation/Ops/OGW (overground worker)/overground/official version/Operation Tiger/Operation Sadbhavana

P: Pakistan/PSA (Public Security Act)/POTA (Prevention of Terrorism Act)/picked Up/Prima Facie/Peace/Police/Papa I, Papa II (interrogation centres)/Psyops (psychological warfare)/Pandits/ Press Conference/Peace Process/Paramilitary/PTSD (Post-Traumatic Stress Disorder)/Paar/press release

Q: Koran/Questioning

R: RR (Rashtriya Rifles)/Regular Army/rape/rigging/Road Opening Patrol/RDX/RAW/Renegades/RPG (rocket propelled grenade)/razor wire/referendum

S: Separatists/Surveillance/Spy/SOG/STF/Suspected/Shaheed/Shohadda (martyrs)/Sources/Security/Sadbhavana (Goodwill)/Surrender (aka cylinder)/SRO 43 (Special Relief Order-1 lakh)

T: Third Degree/Torture/Terrorist/tip-off/tourism/TADA

(Terrorist and Disruptive Activities Act)/threats/target/task force

U: Unidentified gunmen/unidentified body/Ultras/underground

V: Violence/Victor Force/Village Defence Committee/Version (local/official/police/army)/victory

W: Warnings/wireless/waza/wazwaan

X: X gratia

Y: Yatra (Amarnath)

Z: Zulm (oppression)/Z plus Security

Không có Musa, vậy ai đã nhồi vào đầu cô thứ rác rưởi này?

Sao cô vẫn còn đắm mình trong câu chuyện cũ này?

Ai cũng đi tiếp.

Tôi tưởng cô cũng vậy.

Tôi đang nằm trên giường cô.

Cái đầu đang hành hạ tôi.

Và căn phòng đầy bóng bay.

Sao tôi luôn thành ra thế này khi bên cô?

Tôi mở cuốn sổ mà tôi đã xé một tờ ra. Trang đầu ghi:

Tiến sĩ thân mến,

Các thiên thần lơ lửng trên đầu khi tôi viết. Làm sao tôi có thể nói với chúng rằng cánh của chúng có mùi như sà

chuông gà được đây?

Nói thật nhé, ở Kabul đơn giản hơn nhiều.

*Bấy giờ, khi cô đã chết bốn, năm lần rồi, căn hộ vẫn sẵn
chỗ cho một tấn tuồng còn hệ trọng hơn cả cái chết của cô.*

JEAN GENET

8 NGƯỜI THUÊ NHÀ

Con cú đốm đậu trên ngọn đèn đường cúi đầu gật gù với sự tao nhã và cung cách không chê vào đâu được của một doanh nhân Nhật. Nó có tầm nhìn thông suốt qua ô cửa sổ của một căn phòng nhỏ, trơ trọi và một người đàn bà kỳ quặc, trần trụi trên giường. Cô cũng có cái nhìn thông suốt tới nó. Có vài đêm cô gật gật lại mà nói, *Moshi Moshi*, tiếng Nhật cô biết chỉ chừng đó.

Ngay cả ở trong nhà thì các bức tường cũng tỏa ra sức nóng ức hiếp, không nhân nhượng. Cây quạt trần chậm rì đảo không khí bị thiêu đốt, xếp lên nó là từng lớp thứ bụi mịn như tro.

Căn phòng cho thấy những dấu vết ăn mừng. Bóng bay buộc vào song cửa sổ đập vào nhau rời rạc, mềm xèo và quất lại vì hơi nóng. Chính giữa phòng, trên cái ghế đầu sơn để ổ bánh có lớp kem dâu màu sáng và hoa bằng đường, một cây nến với sợi bấc đã cháy đen, một hộp diêm và vài que diêm đã đốt. Bánh có ghi *Chúc mừng sinh nhật Miss Jebeen*. Ổ bánh đã được cắt ra, ăn một miếng nhỏ. Lớp kem tan chảy rệu xuống cái đế bằng bìa bọc giấy bạc. Kiến tha những vụn bánh lớn hơn cơ thể nó bò đi. Kiến đen, vụn bánh hồng.

Đứa bé, sinh nhật và lễ rửa tội của nó đã được tổ chức cùng lúc và kết thúc tốt đẹp, đang ngủ say.

Kẻ bắt cóc nó, người lấy tên S. Tilottama, đang thức và chăm chú. Cô còn nghe được tóc nó đang mọc. Nghe như có gì kêu xào xạo. Một thứ bị cháy kêu xào xạo. Than. Bánh mì nướng. Thiêu thân quất lại trên bóng đèn. Cô nhớ đã đọc đâu đó rằng thậm chí sau khi người ta chết, tóc và móng vẫn mọc. Như ánh sao, đi qua vũ trụ rất lâu sau khi chính những vì sao đã tắt. Như những thành phố. Xèo xèo, sôi sục, mô phỏng ảo ảnh cuộc đời trong khi hành tinh chúng đã cướp bóc lại tàn xung quanh.

Cô nghĩ đến thành phố về đêm, những thành phố về đêm. Những chòm sao cũ bị vứt bỏ, từ bầu trời rơi xuống, sắp xếp lại trên Trái Đất thành những hình thù lối đi và tháp. Bị xâm lăng bởi loài mọt gạo đã biết đi thẳng bằng hai chi sau.

Một triết gia mọt có cung cách nghiêm trang và bộ ria nhọn đang đứng lớp, đọc to từ một cuốn sách. Đám mọt non trẻ thán phục căng tai hứng từng chữ tràn ra từ cặp môi mọt khôn ngoan của ông. “Nietzsche tin rằng nếu sự thương hại phải trở thành cốt lõi của đạo đức, khốn khổ sẽ lây lan và hạnh phúc thành đối tượng để nghi ngờ.” Đám trẻ cứ soạt soạt ghi trên sổ tay nhỏ. “Schopenhauer thì trái lại tin rằng thương hại là và nên là đức hạnh một tối cao. Nhưng trước họ rất lâu, Socrates đã hỏi câu hỏi then chốt: Vì sao ta nên có đạo đức?”

Vị giáo sư này bị mất một chân trong Thế chiến Một IV, nên ông chống gậy. Năm (chân) còn lại trong tình trạng tuyệt hảo. Chữ graffiti phun sơn trên tường cuối phòng học ghi:

Lũ một xấu xa luôn đạt yêu cầu.

Những sinh vật khác chen chúc vào phòng học vốn đã đông đúc.

Một con cá sấu xách ví da người

Một con châu chấu có dụng ý tốt

Một con cá đang tuyệt thực

Một con cáo cầm lá cờ

Một con giòi với bản tuyên ngôn

Một con sa giông tân bảo thủ

Một con cự đà thần tượng

Một con bò cộng sản

Một con cú có chức cách

Một con thần lằn trên ti vi. *Xin chào mừng, các bạn đang xem Bản tin thần lằn lúc 9 giờ.* Đã có một trận bão tuyết trên đảo thần lằn.



Đứa bé này là khởi đầu của cái gì đó. Chuyện đó thì kẻ bắt cóc biết. Xương cốt cô thì thăm câu này với cô đêm đó (cái đêm *đã nói*, cái đêm liên quan, cái đêm đã nhắc ở trên,

cái đêm mà sau đây gọi là “cái đêm”) khi cô dần bước trên vỉa hè. Và xương cốt cô chẳng là gì ngoài những kẻ chỉ điểm đáng tin cậy. Đứa bé là Miss Jebeen trở lại. Trở lại, tức là không phải với cô (Miss Jebeen đệ nhất không bao giờ là của cô), mà với đời. Miss Jebeen đệ nhị, bao giờ lớn lên thành một quý cô, sẽ tính sổ. Miss Jebeen sẽ lật ngược tình thế.

Vẫn chưa có hi vọng, cho Thế giới Mọt Độc Ác.

Đúng, Đồng Cỏ Vui Vầy đã thất bại. Nhưng Miss Jebeen đã đến.



Naga nói Tilo cho anh một lý do chính đáng vì sao cô bỏ anh. Anh không yêu cô ư? Anh không quan tâm? Chu đáo? Rộng lòng? Thấu hiểu? Tại sao lại là lúc này? Sau ngần ấy năm? Anh nói mười bốn năm là đã đủ cho bất cứ ai vượt qua bất cứ chuyện gì. Miễn là họ muốn vượt qua. Thiên hạ còn trải qua những điều tồi tệ hơn nhiều.

“Ồ *chuyện đó*,” cô nói. “Em vượt qua mọi chuyện đó từ lâu rồi. Em hạnh phúc và giờ thích nghi tốt. Như dân Kashmir. Em đã biết yêu đất nước mình. Em thậm chí còn có thể đi bỏ phiếu trong đợt bầu cử tiếp theo.”

Anh cho qua chuyện đó. Anh nói cô nên tính chuyện đi gặp bác sĩ tâm thần.

Suy nghĩ làm cổ họng cô đau. Đó là một lý do tốt để

không nghĩ về chuyện đi gặp bác sĩ tâm thần.

Naga đã bắt đầu mặc áo khoác vải tuyết và hút xì gà. Giống cha anh. Và nói chuyện với người làm theo kiểu độc đoán như mẹ anh. Một trên bánh mì nướng, khố khadi* và ban nhạc Rolling Stones đã là một cơn mê sảng lãng quên từ đời quá vắng.

Mẹ của Naga, sống một mình ở tầng trệt căn nhà lớn (cha anh, Đại sứ Shivashankar Hariharan, đã qua đời), khuyên anh nên để Tilo đi. “Nó sẽ không xoay sở được đâu, nó sẽ cầu xin con dẫn nó về.” Naga biết không có chuyện đó. Tilo sẽ lo liệu được. Và dẫu không thì cũng sẽ chẳng có chuyện cầu xin. Anh đánh hơi thấy cô đang trôi dạt trên con sóng triều mà cả anh lẫn cô đều không thể làm gì hơn. Anh không biết được những lần cô lang thang bồn chồn, bức bách và ngày càng không an toàn khắp thành phố đánh dấu sự khởi đầu tình trạng không minh mẫn của đầu óc hay là một kiểu minh mẫn cấp tính, hiểm nghèo. Hay cả hai cũng là một?

Thứ duy nhất để anh quy kết cho sự bồn chồn mới có ở cô là sự qua đời kỳ lạ của mẹ cô, mà anh nghĩ là kỳ quặc, bởi đó là một mối quan hệ hầu như không tồn tại. Phải, Tilo đã ở bên giường bà suốt hai tuần qua trong bệnh viện. Nhưng ngoài ra thì cô chỉ gặp mẹ vài lần trong mấy năm qua.

Naga đúng một nghĩa nhưng lại sai ở nghĩa khác. Cái chết của mẹ cô (bà chết vào mùa đông năm 2009) đã giải

thoát Tilo khỏi một sự cầm tù mà không ai, ngay cả cô, nhận ra vì nó giả trang làm cái gì trái ngược hẳn - một sự độc lập kỳ lạ, cách biệt. Từ khi lớn lên Tilo vẫn định nghĩa và định hình bản thân bằng cách vạch ranh giới và giữ khoảng cách giữa mình và mẹ - mẹ nuôi thật của cô. Khi điều đó không cần thiết nữa, cái gì đó đã đông đá bắt đầu tan ra và có gì đó lạ lẫm bắt đầu chiếm chỗ.

Việc Naga theo đuổi Tilo hóa ra không như dự tính. Đúng ra cô chỉ là một cuộc chinh phục dễ dàng nữa, một phụ nữ nữa quy phục trước tài hoa bất hảo và sức hấp dẫn sắc cạnh của anh và khiến trái tim cô tan vỡ. Nhưng Tilo cứ thấm dần vào anh, trở thành một thứ bắt buộc, gần như cơn nghiện. Nghiện cũng có thuật nhớ riêng - da, mùi, độ dài ngón tay của người yêu. Trong trường hợp Tilo thì đó là đôi mắt xé, khuôn miệng, vết sẹo gần như vô hình làm lệch chút xíu cái cân xứng của đôi môi và khiến cô có vẻ thách thức ngay cả khi cô không chủ định, cách hai lỗ mũi xò ra, thông báo sự bất mãn còn trước khi ánh mắt thể hiện. Cách cô thẳng vai. Cách cô ngồi trên bô, trần như nhộng và hút xì gà. Nhiều năm hôn nhân, chuyện cô không còn trẻ nữa - và cũng không làm gì để giả vờ khác đi - không làm thay đổi cách anh cảm nhận. Vì nó có liên quan đến nhiều thứ hơn thế. Chính là cái cao ngạo (bất chấp cái dấu hỏi đánh trên “xuất thân” của cô, như mẹ anh đã không ngần ngại nói). Nó liên quan đến cách cô sống, trong xứ sở riêng của làn da cô. Một đất nước không cấp

visa và đường như không có lãnh sự quán.

Đúng, đó chưa bao giờ là một đất nước thân thiện gì kể cả lúc thanh bình nhất. Nhưng biên giới đóng và chế độ ít nhiều hoàn toàn biệt lập bắt đầu chỉ sau tai nạn ở rạp Shiraz. Naga cưới Tilo vì anh chưa bao giờ thật sự với tới cô. Và vì anh không thể với tới cô nên anh không thể buông cô ra. (Tất nhiên điều đó làm nảy sinh câu hỏi khác: Vì sao Tilo cưới Naga? Một người rộng lượng sẽ nói rằng vì cô cần một chỗ tá túc. Cái nhìn ít rộng lượng thì sẽ là vì cô cần một vỏ bọc.)

Mặc dù vai của anh chỉ là một vai nhỏ trong câu chuyện, trong tâm trí Naga, “trước” và “sau” Shiraz đôi khi mang những sắc thái như trước Công nguyên và sau Công nguyên.



Sau cuộc gọi nửa đêm của Biplab Das-Goose-*da* từ Dachigam, Naga mất vài giờ và vài cuộc gọi kín đáo cho những thu xếp cần thiết để đi từ Ahdoos đến Shiraz. Lệnh giới nghiêm đã được ban bố. Srinagar đã khóa chặt. An ninh được bố trí cho đám tang những người thiệt mạng cuối tuần qua mà sáng mai sẽ giận dữ đi qua phố xá. Có lệnh thấy là bắn. Đi trong thành phố đêm đó gần như là không thể. Đến khi Naga sắp xếp được một xe, một thẻ thông hành đi trong giờ giới nghiêm, giấy phép qua chốt kiểm soát và một giấy phép vào Shiraz, thì đã gần sáng.

Một tên lính cần vụ đợi anh ngoài sảnh rạp, gần chỗ từng là phòng bán vé và giờ là chốt gác. Hấn nói thiếu tá Sahib (Amrik Singh) đi rồi, nhưng cấp phó của hấn sẽ tiếp anh tại văn phòng. Tên lính cần vụ hộ tống Naga ra sau tòa nhà, lên cầu thang thoát hiểm đến một văn phòng tạm bợ mờ tối trên tầng một. Hấn ta mời Naga ngồi, nói rằng “Sahib” sẽ đến ngay. Khi bước vào phòng, Naga không làm sao biết dáng người mặc pheran trùm balaclava* ngồi trên ghế xoay lưng về phía cửa là Tilo. Đã lâu rồi anh không gặp cô. Khi cô quay lại, điều làm anh hoảng hơn cả ánh mắt cô là việc cô cười gượng và chào. Điều đó, đối với anh, là dấu hiệu của suy sụp thần kinh. Đó không phải cô. Cô không phải là người đàn bà mỉm cười và nói xin chào. Thân thiết cùng cô sau một thời gian sẽ biết rằng với Tilo không chào hỏi thật ra là một tuyên ngôn thân mật cộc cằn. Nhờ tấm balaclava nên cái mà về sau họ gọi là “kiểu tóc” không lộ rõ ngay. Naga cho rằng balaclava chỉ là một phản ứng thái quá của người Nam Ấn với cái lạnh. (Anh có một kho chuyện đùa về người Nam Ấn với mũ khỉ mà anh thường kể nhấn nhá và tự tin, không sợ xúc phạm, vì chính anh cũng có dòng máu Nam Ấn.) Vừa thấy anh, Tilo đứng lên và đi nhanh về phía cửa.

“Là anh! Tôi tưởng Garson...”

“Anh ta gọi cho anh. Anh ta đang ở Dachigam với Thống đốc. Anh tình cờ lại ở thành phố này. Em ổn không? Còn Musa...? Có phải...?”

Anh quàng tay trên vai cô. Cô không run mà đúng hơn là rung rung, như thể có một động cơ ngay bên dưới làn da. Một nhịp đập giật bên khóe miệng cô.

“Ta đi được chưa? Ta đi chứ...?”

Naga chưa kịp trả lời thì Ashfaq Mir, phó chỉ huy trung tâm thẩm vấn rạp Shiraz, bước vào, đi trước là mùi nước hoa cạo râu ngộp thở. Naga buông tay khỏi vai Tilo, cảm thấy có lỗi vì một hành vi khiếm nhã tưởng tượng. (Ở Kashmir ngày ấy, sự khác biệt giữa cái cấu thành nên lỗi và vô tội nằm trong địa hạt thần bí.)

Ashfaq Mir thấp lẹ lõng, trông khỏe mạnh lẹ lõng và trắng lẹ lõng ngay cả là so với người Kashmir. Tai và lỗ mũi hắn có màu hồng vỏ sò. Hắn toát ra một ánh rực rỡ gần như kim loại. Hắn ăn mặc bảnh bao, quần ka-ki xếp li, ủng nâu bóng loáng, khuy cài lấp loáng, tóc vuốt keo và chải ngược từ cái trán bóng láng, mượt mà. Hắn có thể là người Albania, hoặc một sĩ quan trẻ từ vùng Balkan, nhưng hắn lại nói với cung cách của một chủ nhà thuyền thời trước, vốn thấm đẫm các thế hệ mến khách đã thành huyền thoại của dân Kashmir, chào đón một người khách cũ.

“Chào mừng, thưa ông! Chào mừng! Chào mừng! Phải nói tôi là người hâm mộ ông nhất, thưa ông! Bọn tôi cần những người như ông để giữ những người như tôi đi đúng lối!” Cái cười giãn ra trên gương mặt trẻ trung, tươi tắn của hắn là một lá cờ đuôi nheo. Cặp mắt xanh da trời, ngạc nhiên sáng lên cái gì trông như niềm vui thực sự. Hắn kẹp

tay Naga trong hai tay và niêm nở lắc một lúc lâu rồi mới ngồi xuống ghế sau bàn và ra hiệu cho Naga ngồi đối diện. “Xin lỗi tôi hơi trễ. Tôi ra ngoài cả đêm. Trong thành phố có rối ren - chắc ông đã nghe rồi - biểu tình, nổ súng, giết chóc, đám tang... Số đặc biệt Srinagar thường lệ của bọn tôi. Tôi vừa về. sếp bảo tôi đến và đích thân trao trả bà đây.”

Dù hắn gọi cô là “bà”, hắn cư xử như thể Tilo không ở đây. (Điều đó cũng cho phép Tilo cư xử như thể cô không ở đây.) Ngay cả lúc nhắc đến cô, hắn cũng không nhìn. Đó là cử chỉ tôn trọng, thiếu tôn trọng hay chỉ là truyền thống địa phương thì cũng không rõ.

Nhiều điều diễn ra trong căn phòng đó ngày hôm đó vẫn còn chưa sáng tỏ. Màn trình diễn của Ashfaq Mir hoặc được viết kịch bản kỹ lưỡng, kể cả cách thức và thời điểm hắn đến, hoặc là một kiểu ứng biến đã thành thực. Điều duy nhất không mập mờ là cái ẩn ý nơi lời đe dọa tươi cười, lảng xảng: “bà” sẽ được trao lại tận tay, nhưng ông bà chỉ được đi bao giờ Ashfaq Mir cho phép. Vậy nhưng hắn cư xử như thể mình là kẻ đòi hèn mọn chỉ biết thi hành, theo cách nhả nhận hết mức có thể, một nhiệm vụ được giao. Hắn tạo ấn tượng như hoàn toàn không hay biết chuyện gì đã xảy ra, Tilo đang làm gì ở trung tâm thẩm vấn hay vì sao cần phải “trao trả” cô.

Không khí trong phòng (nó rung lên), nếu không phải thứ gì khác nữa, thì hiển nhiên rằng đã có gì đó cực kỳ tàn

ác xảy ra. Không rõ kẻ phạm tội là gì, hay ai tội ác đó nhằm vào ai.

Ashfaq Mir bấm chuông gọi trà với bánh quy mà không hỏi khách có muốn không. Trong lúc chờ được phục vụ, hắn theo ánh nhìn của Naga về tấm áp phích đóng khung trên tường:

Bọn ta có luật riêng
Hung thần chính là ta
Tàn sát đủ mọi kiểu
Chế ngự cả sông triều
Bọn ta đùa với bão
Các người đoán đúng rồi
Bọn ta
Mặc quân cảnh

“Thơ cây nhà lá vườn của bọn tôi...” Ashfaq Mir ngửa đầu ra sau cười hô hố.

Hoặc trà - hoặc kịch bản - khiến hắn huyền thuyên. Không cần biết đến sự lo lắng (và cả sự im lặng) của người nghe, hắn cứ ba hoa thân tình về những ngày đại học, chính trị, công việc của hắn. Ashfaq Mir nói hắn từng là thủ lĩnh sinh viên, và là một người ly khai cứng cựa cũng như hầu hết những người trẻ cùng thế hệ. Nhưng đã nếm trải cuộc đổ máu đầu những năm 1990, mất một người anh họ và năm người bạn thân, hắn tỉnh ngộ. Giờ đây hắn tin cuộc

đấu tranh giành tự do của Kashmir đã lạc lối và không thể đạt được gì nếu không có “pháp quyền”. Thế nên hãn gia nhập cảnh sát Jammu và Kashmir và được đề bạt vào SOG, nhóm đặc nhiệm. Kiểu cách cầm miếng bánh giữa ngón trỏ và ngón cái giờ lên lưng chừng, hãn đọc bài thơ của Habib Jalib mà hãn nói là tự nhiên *hiện về* với hãn - đúng khoảnh khắc hãn hồi tâm chuyển ý:

Mohabbat goliyon se bo rahe ho
Watan ka chehra khoon se dho rahe ho
Gumaan tum ko ke rasta katt raha hai
Yaqeen mujhko ke manzil kho rahe ho
Thay tình yêu các người gieo rắc đạn
Quê hương ta các người đem tưới máu
Các người tưởng mình vạch đường chỉ lối
Nhưng ta tin các người đã lầm đường

Không chờ phản ứng hãn đổi từ giọng bình thơ sang giọng bí ẩn:

“Rồi sau Azadi? Có ai nghĩ không? Đa số sẽ làm gì với thiểu số? Kashmir Ấn giáo đi rồi. Chi còn Hồi giáo bọn tôi ở lại. Bọn tôi sẽ làm gì nhau? Salafi sẽ làm gì Barelvi? Sunni sẽ làm gì Shia? Họ nói mình sẽ chắc chắn lên Jannat hơn nếu như họ diệt được một tín đồ Shia thay vì một tín đồ Ấn giáo, số phận của các Phật tử Ladakh sẽ ra sao? Tín đồ Ấn giáo ở Jammu? J&K không chỉ là Kashmir. Đó là Jammu và

Kashmir, Ladakh nữa. Có tên ly khai nào nghĩ đến điều này chưa? Câu trả lời, tôi nói ông nghe, là một chữ ‘chưa’ to đùng.”

Naga đồng tình với điều Ashfaq Mir nói, anh cũng biết mằm mống tự ngờ vực này đã được gieo cẩn thận thế nào bởi một chính quyền đã từ bỏ vực cực kỳ hỗn loạn ngoi ngóp lên nắm quyền kiểm soát lại. Nghe Ashfaq Mir thì giống như nhìn các mùa thay đổi và mùa vụ chín tới. Nó khiến Naga choáng ngợp trong giây lát, một cảm giác thông tuệ sùng kính. Nhưng anh không muốn làm gì để kéo dài cuộc gặp. Vậy nên anh không nói gì. Anh làm bộ ngheh cổ đọc danh sách những “kẻ bị truy nã” - khoảng hai mươi lăm cái tên - viết bằng bút dạ xanh lá trên bảng trắng sau bàn. Bên cạnh hơn một nửa tên đó có ghi (chết) (chết) (chết).

“Chúng đều là người Pakistan và Afghanistan,” Ashfaq Mir nói, không quay lại, cứ nhìn Naga. “Thời hạn sống của chúng không quá sáu tháng đâu. Đến cuối năm chúng sẽ bị diệt hết. Nhưng bọn tôi không bao giờ giết mấy anh chàng Kashmir. KHÔNG BAO GIỜ. Không bao giờ trừ khi chúng là bọn nòng cốt.”

Lời dối trá tro trên lưng lơ giữa không trung mà chẳng bị phản bác. Đó là mục đích của nó - để thăm dò.

Ashfaq Mir nhấp trà, tiếp tục nhìn chăm chăm Naga với đôi mắt ngạc nhiên, không chớp. Đột nhiên - hoặc có lẽ không đột ngột lắm - dường như hần nảy ra một ý. “Ông có

muốn gặp một tên chiến binh không? Tôi đang giữ một tên bị thương ở đây chờ xét xử. Một tên Kashmir. Tôi cho gọi nó cái nhỉ?”

Hắn lại bấm chuông. Trong vòng vài giây một người nghe máy và nhận “lệnh” như thể đó là món ăn nhẹ được gọi thêm với trà.

Ashfaq Mir cười ma mĩnh. “Xin đừng nói lại với sếp tôi. Ông ta sẽ mắng tôi. Chuyện thế này không được phép. Nhưng ông - và bà đây - sẽ thấy nó rất thú vị.”

Trong khi chờ phục vụ món ăn nhẹ mới, hắn chuyển sang để tâm đến giấy tờ trên bàn, ký nhanh trên mấy tờ, với vẻ hớn hở đắc thắng, tiếng bút sột soạt trên giấy khuếch đại thêm vì cảnh im lặng. Tilo ngồi trên ghế cuối phòng, đứng lên bước tới cửa sổ hướng ra một bãi đỗ xe âm ỉm đầy xe tải nhà binh. Cô không muốn làm khán giả cho buổi diễn của Ashfaq Mir. Đó là một cử chỉ theo bản năng đoàn kết của một tù nhân chống lại một tên cai ngục - không cần biết những lý do khiến tù nhân thành tù nhân và cai ngục thành cai ngục.

Từ chỗ là người cố biến sự có mặt của mình trong phòng thành sự vắng mặt, hình thức không có mặt của cô giờ đã thành khí nóng, tỏa ra thành luồng mà cả hai người đàn ông trong phòng nhận thấy rất rõ, dù theo những cách khác nhau.

Ít phút sau, một tên cảnh sát lực lưỡng bước vào, ẵm một cậu thanh niên gầy đét. Một ống quần cậu ta xắn lên,

khoe ống chân tong teo như que diêm cặp nép từ mắt cá đến đầu gối. Cánh tay cậu ta bị bó bột còn cổ bị băng bó. Dù mặt nhăn nhúm lại vì đau, cậu ta không nhàn mặt khi tên lính đặt cậu ta xuống sàn.

Không chịu để lộ ra nỗi đau là một giao ước mà cậu thanh niên tự lập với mình. Đó là một hành động thách thức đơn độc mà cậu ta cố phô bày bất kể cái thua cuộc toàn diện, khốn khổ. Và điều đó làm hành động ấy thật huy hoàng. Ngoại trừ việc chẳng ai lưu tâm. Cậu ta vẫn câm lặng, một con chim bị thương, nửa ngồi, nửa nằm, chống người trên cùi chỏ, hơi thở nông xọt, cái nhìn hướng vào trong, vẻ mặt không để lộ điều gì. Cậu thanh niên không tỏ ra tò mò gì về khung cảnh xung quanh hay những người có mặt trong phòng.

Còn Tilo, lưng quay lại phòng, với một kiểu thách thức cũng đơn độc như vậy, không chịu để lộ sự tò mò nào về cậu ta.

Ashfaq Mir phá tan hoạt cảnh cũng bằng giọng điệu ngâm nga mà hẳn đọc bài thơ. Điều hẳn nói lúc này cũng là một dạng thơ ngâm:

“Tuổi trung bình của một chiến binh là từ mười bảy đến hai mươi. Nó bị tẩy não, nhồi sọ và được cấp súng. Chúng hầu hết là mấy thằng bé nhà nghèo, đẳng cấp thấp - phải, để ông có thông tin đúng thì ngay cả người Hồi bọn tôi cũng vui vẻ áp dụng chế độ đẳng cấp. Chúng không biết chúng muốn gì. Chúng chỉ được bọn Pakistan sử dụng để

làm Ấn Độ đổ máu. Ta có thể gọi đó là chính sách ‘châm chích và đổ máu’ của chúng. Thằng này tên là Aijaz. Nó bị bắt trong một chiến dịch tại vườn táo gần Pulwama. Ông cứ nói chuyện với nó. Hỏi nó bất kỳ câu nào. Nó theo một *tanzeem** gần đây bắt đầu các chiến dịch ở đó. Lashkar-e-Taiba. Thủ lĩnh của nó, Abu Hamza, là người Pakistan. Hắn bị vô hiệu hóa rồi.”

Trò chơi đã trở nên rõ ràng với Naga. Anh đang được mời một vụ làm ăn bằng tiền tệ đặc biệt của Kashmir. Buổi phỏng vấn với một chiến binh bị bắt từ một đơn vị khá mới và - theo như tin tình báo anh được biết - đơn vị tử thần, để đổi lấy hòa bình về những sự kiện đêm qua - cho bất cứ chuyện gì xảy ra với Tilo và bất cứ sự khủng khiếp nào cô có thể đã chứng kiến.

Ashfaq Mir bước lại chỗ con mồi và nói với cậu ta bằng tiếng Kashmir, bằng giọng điệu như người ta nói với người bị lãng tai.

“*Yi chut* Nagaraj Hariharan Sahib. Ông ấy là nhà báo có tiếng ở Ấn Độ.” (Dấy loạn là một sự lây lan ở Kashmir - đôi khi nó cũng tự ý lên vào từ vựng của nhóm trung thành.) “Ông ấy công khai viết bài chống bọn tao, nhưng bọn tao vẫn nể trọng ông ấy. Ý nghĩa của dân chủ là đây. Một ngày nào đó mày sẽ hiểu cái từ đây đẹp đẽ chừng nào.” Hắn quay qua nói với Naga, chuyển sang tiếng Anh (cậu thanh niên hiểu, nhưng không biết nói). “Sau khi ở bên bọn tôi và dần hiểu rõ bọn tôi, thằng này đã thấy ra mình lầm đường

lạc lối. Giờ đây nó xem bọn tôi như gia đình. Nó đã già từ quá khứ và tổ giác các đồng chí cùng những ai cưỡng bức nhồi sọ nó. Chính nó yêu cầu bọn tôi giam giữ nó hai năm để được an toàn. Cha mẹ nó được phép đến thăm. Ít ngày nữa nó sẽ được đưa đến trại giam, bị giam giữ theo pháp luật. Có nhiều đứa như nó đang ở đây với bọn tôi, sẵn sàng làm việc với bọn tôi. Ông cứ nói chuyện với nó - hỏi nó bất cứ gì. Không sao cả. Nó sẽ nói.”

Naga không nói gì. Tilo vẫn đứng ở cửa. Bên ngoài trời lạnh, nhưng không khí râm rập và có mùi diesel. Cô nhìn đám lính áp giải một thiếu phụ ẵm đứa bé trên tay đi qua mê cung những xe tải và lính tráng. Người phụ nữ có vẻ miễn cưỡng đi. Cô cứ quay lại nhìn cái gì đó. Đám lính bỏ cô lại bên ngoài cánh cổng kim loại cao của rạp Shiraz, bên kia hàng rào kẽm gai cuộn ngăn trung tâm thẩm vấn với đường cái. Thiếu phụ vẫn đứng đó. Một dáng người liêu xiêu, tuyệt vọng, khiếp sợ, một đảo giao thông giữa ngã tư không dẫn về đâu.

Trong một lúc sự im lặng trong phòng trở nên khó xử.

“Ồ tôi nghĩ là tôi hiểu rồi... ông muốn nói chuyện riêng với nó? Tôi ra ngoài chứ hả? Không sao. Tôi ra được mà.” Ashfaq Mir bấm chuông. “Để tôi ra ngoài,” hắn báo cho tên lính hậu cần trả lời chuông. “Ta sẽ ra ngoài. Ta sẽ ngồi ở phòng ngoài.”

Sau khi ra lệnh cho mình ra khỏi văn phòng của chính mình, hắn bỏ đi, đóng cửa lại. Tilo quay nhanh nhìn hắn đi

khỏi. Qua khe hở dưới cánh cửa và sàn nhà cô thấy đôi giày nâu của hắn chắn ánh sáng. Giây sau hắn đã quay lại với một tên cắm vào một ghế nhựa xanh. Ghế được đặt đối diện cậu thanh niên trên sàn nhà.

“Mời ông ngồi. Nó sẽ nói thôi. Ông không phải lo. Nó sẽ không làm gì ông được đâu. Giờ tôi đi đây, OK? Ông cứ nói chuyện riêng.”

Hắn bỏ đi, khép cửa lại. Hắn quay lại gần như tức thì.

“Tôi quên không nói ông biết nó tên là Aijaz. Cứ hỏi nó bất cứ điều gì.” Hắn nhìn Aijaz và giọng điệu hắn trở nên hơi cưỡng bách. “Hãy trả lời bất cứ gì ông ấy hỏi. Tiếng Urdu cũng không sao. Mà có thể nói tiếng Urdu.”

“Ji, ông,” cậu thanh niên nói, không nhìn lên.

“Nó là người Kashmir, tôi là người Kashmir, bọn tôi là anh em - vậy mà nhìn bọn tôi xem! OK. Tôi ra đây.”

Ashfaq Mir lại rời phòng một lần nữa. Và một lần nữa đôi giày của hắn bước tới bước lui ngay bên ngoài cánh cửa.

“Em có muốn nói gì không?” Naga hỏi Aijaz, lơ đi cái ghế mà ngồi lom khom trên sàn trước mặt cậu ta. “Em không cần phải nói. Chỉ khi em muốn nói thôi. Có ghi âm hoặc không.”

Aijaz nhìn lại ánh mắt Naga một lúc. Cái bàng hoàng khi bị miêu tả là kẻ phản bội đã quét sạch nỗi đau thể xác mà cậu ta đang chịu. Cậu ta biết Naga là ai. Cậu ta không biết mặt anh, đương nhiên rồi, nhưng tên Naga nổi tiếng trong

giới chiến binh như một nhà báo dũng cảm - không phải cảm tình viên gì, nhưng là người có thể hữu ích - một thành viên của “cánh nhân quyền”, như một số chiến binh gọi đùa các phóng viên Ấn Độ viết công tâm và cũng tận tình về những thái quá mà các lực lượng an ninh cũng như chiến binh phạm phải. (Bước chuyển dịch chính trị của Naga vẫn chưa nổi rõ như một khuôn mẫu dễ thấy, ngay cả với chính anh.) Aijaz biết mình chỉ có ít giây để quyết định làm gì. Như một thủ môn trước cú đá phạt đền, cậu ta phải dẫn thân cách này hay cách khác. Cậu ta còn trẻ - cậu ta chọn cách mạo hiểm hơn. Cậu ta bèn nói, nhỏ nhẹ rõ ràng, bằng tiếng Urdu giọng Kashmir. Cái tương phản giữa bề ngoài và lời lẽ của cậu ta cũng bàng hoàng như chính lời lẽ ấy.

“Em biết anh là ai, thưa anh. Những người tranh đấu, những người chiến đấu vì tự do và phẩm giá, biết Nagaraj Hariharan như một nhà báo trung thực, ngay thẳng. Nếu anh viết về em, anh phải viết sự thật. Cái hấn ta - Ashfaq Sahib - nói không đúng sự thật. Chúng tra tấn em, sốc điện em và bắt em ký một tờ giấy trắng. Đó là điều chúng làm với mọi người ở đây. Em không biết sau đó chúng viết gì trên đó. Em không biết chúng đã bắt em nói gì trong đó. Sự thật là em không tố giác ai cả. Sự thật là em quý trọng những người đã huấn luyện em làm jihad hơn cả cha mẹ em. Họ không ép em gia nhập. Chính em đi tìm họ.”

Tilo quay lại.

“Em học lớp 12 ở trường công ở Tangmarg. Mất một

năm em mới được tuyển chọn. Họ - Lashkar - rất nghi ngờ em vì em không có người nhà nào bị giết, bị tra tấn hay mất tích. Em gia nhập vì Azadi và vì Hồi giáo. Họ mất một năm để tin em, để thử thách em, xem em có phải gián điệp của quân đội không, hay gia đình em có mất đi một trụ cột nếu em thành chiến binh không. Họ rất cẩn thận về...”

Bốn tên cảnh sát xộc vào phòng cùng những khay trứng ốp lết, bánh mì, kebab, hành tây, cà rốt xắt và thêm trà. Ashfaq Mir xuất hiện đằng sau cả bầy như tên xà ích khiển ngựa. Hắn tự dọn đồ ăn ra đĩa, dùng đũa sắp cà rốt thành vòng ngoài cùng, hành bên trong, như một đội hình không sao công phá nổi. Căn phòng im bật đi. Chỉ có hai cái đĩa. Aijaz lại đưa mắt nhìn xuống sàn. Tilo quay lại cửa sổ. Các xe tải đến rồi đi. Thiếu phụ bế con nhỏ vẫn đứng giữa đường. Bầu trời là một đóa hồng rực lửa. Rặng núi xa xa đẹp tuyệt trần, nhưng đó là một năm kinh khủng nữa cho ngành du lịch.

“Xin cứ tiếp tục. Xin mời. Ông có muốn dùng kebab không? Bây giờ hay lát nữa? Xin mời, cứ nói chuyện đi. Không sao hết. OK, để tôi đi.” Và lần thứ tư trong vòng mười phút Ashfaq Mir rời văn phòng và đứng bên ngoài cửa.

Naga hài lòng về những gì Aijaz nói về anh và khoái chí vì điều đó được nói trước mặt Tilo. Anh không nhin được mà diễn đôi chút.

“Em vượt biên qua? Em được huấn luyện ở Pakistan?”

Naga hỏi Aijaz khi đã chắc là Ashfaq Mir ngoài tầm nghe thấy.

“Không. Em được huấn luyện ở đây. Ở Kashmir. Bây giờ ở đây có mọi thứ. Huấn luyện, vũ khí... Chúng em mua quân nhu của quân đội. Hai mươi rupee cho một viên đạn, chín trăm cho...”

“Của *quân đội*?”

“Phải. Bọn chúng không muốn nổi dậy chấm dứt. Chúng không muốn rời Kashmir. Chúng rất hài lòng với hiện trạng. Mọi người ở các phía đang làm tiền trên xác những thanh niên Kashmir. Rất nhiều vụ nổ lựu đạn và thảm sát là do chúng làm.”

“Em là người Kashmir. Vì sao em chọn Lashkar* thay vì Hiztr* hay JKLF*?”

“Bởi vì ngay cả Hizb cũng nể nang một số lãnh tụ chính trị ở Kashmir. Trong Lashkar bọn em không có kính nể những lãnh tụ này. Em không tôn trọng lãnh tụ nào hết. Họ đã lừa dối và phản bội bọn em. Họ đã tạo dựng sự nghiệp chính trị trên xác người Kashmir. Họ không có kế hoạch. Em gia nhập Lashkar vì em muốn chết. Em lẽ ra phải chết. Em chưa bao giờ nghĩ mình sẽ bị bắt sống.”

“Nhưng trước tiên - trước khi chết - em muốn tiêu diệt...?”

Aijaz nhìn vào mắt Naga.

“Phải. Em muốn tiêu diệt những kẻ giết dân em. Điều đó là sai sao? Anh cứ viết điều đó.”

Ashfaq Mir xộc vào, cười toe toét, nhưng cặp mắt không cười lia từ người này qua người kia, cố đánh giá xem chuyện gì đã xảy ra giữa họ.

“Đủ chưa? Vừa lòng chưa? Nó có chịu hợp tác không? Trước khi đăng ông vui lòng xác nhận lại với tôi thông tin nó nói với ông. Suy cho cùng, nó là khủng bố mà. Cậu em khủng bố của tôi.”

Và một lần nữa hắn cười hô hô sung sướng và bấm chuông. Tay cảnh sát lực lưỡng quay lại, ẵm Aijaz trên tay đi mất.

Khi món ăn nhẹ trên cái khay đồ sộ đã được dọn đi, Naga và Tilo được phép vui vẻ (nhưng không nói thành lời) rời đi. Đồ ăn trên đĩa vẫn chưa động đến, đội hình không bị phá vỡ.

Trên đường quay về Ahdoos, ngồi trên ghế sau bít bùng của chiếc Gypsy bọc sắt, Naga nắm tay Tilo. Cô nắm lại tay anh. Naga biết rất rõ hoàn cảnh mà sự trao đổi dịu dàng e dè đang diễn ra. Anh cảm nhận được cái xao động, cái động cơ dưới làn da cô. Nhưng, trong bao phụ nữ trên đời, được nắm bàn tay người phụ nữ này làm anh vui khôn tả.

Mùi trong xe jeep ngột thở - một hỗn hợp hôi nồng kim loại chua, thuốc súng, dầu tóc, sợ hãi và phản trắc. Hành khách thường lệ của nó là những kẻ chỉ điểm chìm, gọi là “Mèo”. Trong những chiến dịch vây ráp, đàn ông trưởng thành trong khu giảng dạy sẽ bị dồn lại và đi diễu ngang chiếc Gypsy bọc thép, cái biểu tượng kinh hoàng đi đâu

cũng thấy đó trong thung lũng Kashmir. Từ trong đáy sâu cái lồng kim loại của mình, Mèo giấu mặt sẽ gật đầu, hay nháy mắt, vậy là một người đàn ông sẽ bị lôi ra khỏi hàng để tra tấn, “mất tích”, hoặc chết. Dĩ nhiên Naga biết hết mọi chuyện này, nhưng điều đó không sao làm giảm đi được mức độ mãn nguyện của anh.

Thành phố ử ê thức trắng nhưng giả ngủ. Đường phố vắng tanh, chợ búa đóng cửa, quán xá kéo cửa và nhà cửa khóa kín lướt qua khe cửa sổ xe jeep - “cửa sổ chết chóc”, dân địa phương gọi như vậy, vì cái lộ nhìn ra thì hoặc là súng ống của lính hoặc là mắt của bọn chỉ điểm. Từng đám chó hoang khuynh khuynh đi quanh như những con gấu nhỏ, bộ lông tua tủa dày lên chờ mùa đông đang đến. Ngoài những tên lính căng thẳng đề phòng sẵn sàng nổ súng ra thì không có một bóng người. Đến giữa buổi sáng, lệnh giới nghiêm sẽ được gỡ bỏ và lực lượng an ninh rút lui để dân chúng giành lại thành phố trong vài giờ. Họ sẽ đổ ra khỏi nhà hàng trăm nghìn người và diễu hành đến nghĩa địa, không biết rằng ngay cả cái tràn trề niềm đau và phần nộ của họ cũng đã thành một phần trong kế hoạch quản lý chiến lược, quân sự.

Naga đợi Tilo nói đôi điều. Cô không nói gì. Khi anh cố gọi chuyện thì cô nói, “Xin anh. Ta có thể... có thể... không nói chuyện có được không?”

“Garson nói họ đã giết một người đàn ông, một thủ lĩnh Gulrez... họ nghĩ, hoặc anh không biết ai nghĩ... Garson

nghĩ... hay có thể họ bảo anh ta đó là Musa. Phải không? Chỉ vậy thôi. Chỉ cho anh biết vậy thôi?”

Cô không nói gì một lúc. Rồi cô quay lại nhìn thẳng anh. Đôi mắt cô là mảnh kính vỡ.

“Việc này không sao biết được.”

Khi viết bài về xung đột ở Punjab, Naga đã thấy khá thường xuyên tình trạng các thân thể khi ra khỏi các trung tâm vấn. Vậy nên anh xem điều Tilo nói là cái khẳng định những nghi ngờ của mình. Anh hiểu rằng phải mất một thời gian Tilo mới vượt qua điều cô vừa trải qua. Anh đã sẵn sàng đợi. Anh nghĩ mình đã biết đủ - hay ít ra là những gì anh thực sự cần biết - về chuyện đã xảy ra. Anh miễn thứ cho mình về chuyện nỗi đau của Tilo, đối với anh đó là nguồn mẫn nguyện vô song.

Lời đáp Tilo cho câu hỏi của Naga không hẳn là nói dối. Nhưng tất nhiên đó không phải sự thật. Sự thật là theo tình trạng thi thể cô nhìn thấy, nếu cô không biết trước đó là ai thì cũng không thể nào biết được. Nhưng cô biết đó là ai. Cô biết rất rõ đó không phải Musa.

Với cái không phải sự thật hay phân nửa sự thật hay một phần mười sự thật (hay phần nào sự thật đi nữa), hàng rào chắn đã dựng lên và biên cương của đất nước không lãnh sự quán đã niêm phong. Sự việc ở Shiraz được cất hồ sơ như một đề tài đã khép lại rồi.

Khi họ trở về Delhi, vì Tilo ở trong tình trạng không thể bỏ lại một mình ở cái Naga gọi là “phòng kho” của cô ở

Nizamuddin Basti, anh mời cô đến ở tạm một thời gian trong căn hộ nhỏ của mình trên gác nhà cha mẹ. Khi cuối cùng cũng thấy “kiểu tóc” của cô, anh nói nó thật sự hợp với cô và ai nghĩ ra kiểu tóc đó đi nữa cũng nên thành thợ cắt tóc. Câu đó làm cô cười.

Vài tuần sau, anh hỏi cô có bằng lòng lấy anh không. Cô làm anh hạnh phúc khi nói bằng lòng. Rất nhanh, kệ cha mẹ anh thất đảm, buổi lễ, như người ta nói, đã được cử hành long trọng. Họ kết hôn vào ngày lễ Giáng sinh năm 1996.

Nếu vỏ bọc là điều Tilo cần, không còn cách nào hay hơn là thành con dâu của ngài Đại sứ Shivashankar Hariharan với một địa chỉ nhà ở khu ngoại giao.

Cô giữ gìn đời sống chung đó mười bốn năm, thế rồi đột nhiên, cô không giữ được nữa. Có nhiều lý do cho điều này, nhưng lý do chính trong số đó là sự kiệt sức. Cô đâm chán sống một đời không thật sự của cô ở một địa chỉ cô không nên ở. Thật trớ trêu, khi cái rạn nứt bắt đầu, cô lại thích Naga hơn bao giờ hết. Chính cô là người tự làm mình kiệt sức. Cô đã mất khả năng giữ các thế giới kín kẽ của mình cho kín kẽ - một kỹ năng mà nhiều người cho là nền móng của sự minh mẫn. Giao thông trong đầu cô như đã không còn tin tưởng ở đèn giao thông. Kết quả là tiếng ồn không ngớt, vài vụ đâm xe tồi tệ và cuối cùng là tắc đường.

Giờ nhìn lại, Naga nhận ra là suốt bao năm mình đã sống với nỗi sợ trong tiềm thức rằng Tilo chỉ đang đi qua

đời anh, như con lạc đà băng qua sa mạc. Rằng chắc chắn một ngày nào đó cô sẽ bỏ anh mà đi.

Dẫu là vậy, khi điều đó xảy ra thật, phải một thời gian anh mới tin nổi.

Bạn cũ của anh là R.C., y vẫn luôn giữ ý tưởng là làm việc ở Cục tình báo và đọc các biên bản thẩm vấn cho người ta một hiểu biết không gì sánh nổi về bản tính con người, sâu sắc hơn nhà truyền giáo, nhà thơ hay nhà tâm lý học nào từng mong đạt đến, lo cho anh.

“Cái cô ấy cần, tôi xin lỗi khi nói điều này, là hai cái tát thật mạnh. Phương pháp hiện đại đó của anh không phải lúc nào cũng hiệu quả. Suy cho cùng ta đều là những con vật. Ta cần được chỉ cho chỗ *đờ ung đưng sắc đứng* của ta. Một chút rõ ràng sẽ giúp rất nhiều cho mọi bên có liên quan. Anh sẽ ban cho cô ấy một ân huệ mà một ngày nào đó, cô ấy sẽ thấy biết ơn. Tin tôi đi, tôi nói theo kinh nghiệm.” R.C. thường hạ giọng giữa câu và đánh vần vài chữ ngẫu nhiên, như thể y đang chơi xỏ một kẻ nghe lén tưởng tượng không biết đánh vần. Y luôn gọi mọi người là “các bên”. “Suy cho cùng” là bộ phóng ưa thích của y cho mọi lời khuyên nhủ và nhận định, cũng như khi y muốn làm giảm giá trị ai đó thì y luôn bắt đầu bằng, “Hoàn toàn tôn trọng đúng mực”.

R.C. trừng phạt Naga vì để Tilo từ chối có con. Y nói con cái sẽ gắn bó cô với hôn nhân mà không gì khác làm được. Y nhỏ con, dịu dàng, như đàn bà có ria mép muối tiêu. Y có

cô vợ nhỏ nhắn, dịu dàng và cô con gái thiếu niên nhỏ bé, dịu dàng đang học ngành Sinh học phân tử. Họ trông như một gia đình người mẫu đồ chơi nhỏ nhắn, dịu dàng. Thế nên từ miệng y, lời khuyên nam tính này khiến ngay cả Naga, vốn quen biết y đã nhiều năm, cũng giật mình. Naga bỗng thắc mắc về bản chất và mức độ thường xuyên của những cái tát mạnh giữ cho bà R.C. yên vị. Nhìn bề ngoài thì chị ta trông điềm tĩnh và hoàn toàn an phận - nhà đầy đồ kỷ niệm và bộ sưu tập trang sức có phần vô vị cùng khăn choàng Kashmir đắt tiền. Anh không sao tưởng tượng được chị ta thật sự là một ngọn núi lửa chôn chặt những cơn cuồng nộ thỉnh thoảng phải đưa vào khuôn phép và tát tai.

R.C., vốn yêu nhạc blue, mở cho Naga nghe một bản nhạc. *No Good Man* do Billie Holiday trình bày.

*Tôi là người
Bị lừa tránh,
Lẽ ra tôi phải ghét anh
Vậy mà
Tôi yêu anh biết bao
Vì tôi mong ước
Tình yêu nồng cháy*

R.C. đã nghe “lẽ ra tôi phải ghét anh” thành ra là “toàn đánh anh”.

“Đàn bà,” y nói. *Tất cả* đàn bà. Không có ngoại lệ. Hiểu chưa?”

Tilo luôn khiến Naga nhớ tới Billie Holiday. Không phải người đàn bà đó mà đúng hơn là chất giọng. Nếu một người có thể gợi nhớ một giọng, một âm thanh, thì với Naga, Tilo gợi nhớ giọng Billie Holiday - cô cũng có cái kiểu bất ngờ thông thả, khiến ta bàng hoàng, điên đảo. R.C. không hề biết mình đã khơi mào cái gì khi lấy Billie Holiday ra minh họa cho điểm y muốn nói.

Một buổi sáng, Naga, dù những khuyết điểm khác là gì đi nữa thì về cơ sở vẫn là người đàn ông dịu dàng nhất trong mọi đàn ông, đánh vợ. Không mấy thuyết phục, cả hai đều nhận thấy. Nhưng anh đã đánh cô. Rồi anh ôm cô mà khóc. “Đừng đi. Xin em đừng đi.”

Hôm đó, Tilo đứng bên cổng nhìn anh đi trên xe của văn phòng, có tài xế của văn phòng lái. Cô không thấy được anh khóc ở ghế sau suốt dọc đường đến chỗ làm. Naga không phải người hay khóc. (Khi anh xuất hiện với tư cách khách mời trên một tranh luận truyền hình giờ cao điểm về an ninh quốc gia đêm đó, anh không để lộ chút nào nỗi buồn riêng. Anh sắc sảo trong ứng đối và hạ gục người đàn bà Nhân quyền nói rằng Ấn Độ Mới đang trượt dài tới chủ nghĩa phát xít. Câu trả lời xúc tích của Naga làm dấy lên tiếng cười khúc khích từ cử tọa được tuyển chọn kỹ trong phòng quay gồm những sinh viên ăn mặc chải chuốt và những chuyên gia trẻ tham vọng. Một khách mời khác,

tướng về hưu, già lão, cả râu ria và huân chương, thường được các phòng quay truyền hình đều đặn lựa ra để mỗi sự ác ý và ngu ngốc cho mọi cuộc tranh luận về an ninh quốc gia, cười và tán thưởng.)

Tilo đón xe buýt ra ngoại ô. Cô đi qua hàng dặm rác thải thành phố, một bãi rác rục rở túi nhựa nén chặt với một quân đoàn trẻ con rách rưới đang lọc lựa. Bầu trời cuộn cuộn đen kịt qua và diều hâu tranh với đám trẻ, lợn và từng đàn chó tìm chiến lợi phẩm. Phía xa, xe tải rác len lỏi từ từ lên núi rác. Từng vách rác thải đổ sụm cho thấy độ sâu của cái đã dồn tụ.

Cô đón một xe buýt khác ra mé sông. Cô dừng chân trên cầu nhìn một người chèo chiếc bè làm bằng chai nước khoáng cũ và can xăng nhựa qua con sông bẩn thỉu, đặc lên, chậm chạp. Trâu sung sướng hụp trong dòng nước đen. Trên vỉa hè, hàng rong bán những quả dưa mon mon và dưa chuột xanh láng trống bằng nước tinh khiết nhà máy thải ra.

Cô mất một tiếng trên xe buýt thứ ba rồi xuống ở sở thú. Một hồi lâu, cô nhìn con vượn nhỏ vùng Borneo trong cái chuồng to, trống trơn, một chấm lông lá ôm rịt một cây cao như thể mạng sống của nó tùy thuộc vào đó. Mặt đất bên dưới cây la liệt những gì khách tham quan ném vào để lôi kéo sự chú ý của nó. Có một thùng rác bằng xi măng hình con vượn bên ngoài chuồng vượn và một thùng rác hình hà mã bên ngoài chuồng hà mã. Cái mồm xi măng của con hà

mã mở to nhét đầy rác. Con hà mã thật đang đắm mình trong cái ao đầy váng, cái mông láng, phình to, có màu lấp xe ướt, cặp mắt ti hí lún sâu trong mí mắt hồng, húp húp, dè chừng, trên mặt nước. Chai nhựa và bao thuốc lá rỗng lênh bênh xung quanh. Một người đàn ông cúi xuống cô con gái nhỏ mặc đầm rực rỡ, mắt lem nhem phấn đen. Anh ta chỉ con hà mã nói, “Cá sấu.” “Cá sấu,” đưa con gái nói, làm bộ cho thêm dễ thương. Một đám thanh niên huyền não búng lưỡi dao cạo qua hàng rào chắn song xuống bờ xi măng ao hà mã. Khi hết lưỡi lam bọn họ nhờ Tilo chụp hình. Một tên đeo nhẫn kín hết mấy ngón tay và chỉ đỏ phai màu nơi cổ tay, chỉnh sẵn khuôn hình cho cô, đưa cô cái điện thoại rồi chạy đứng vào khung hình. Y khoác vai đám bạn và làm dấu chiến thắng. Khi trả điện thoại, Tilo chúc mừng họ vì hẳn phải gan dạ lắm mới cho một con hà mã bị nhốt trong chuồng ăn lưỡi dao cạo. Mất một lúc mới hiểu ra sự xúc phạm. Khi hiểu ra, bọn họ theo cô quanh sở thú với cái giọng trầm sang giọng kim láu cá kiểu Delhi “Ê! Bà hapshie!” Nè! Bà mọi đen! Bọn họ chòng ghẹo cô không phải vì màu da của cô bất thường ở Ấn Độ, mà bởi vì bọn họ thấy ở cô dáng điệu và cung cách của một “hapshie” - tiếng Hindi để chỉ abyssinia - người đã vươn lên trên địa vị mình. Một “hapshie” rõ ràng không phải đầy tớ hay người lao động chân tay.

Mỗi lồng trong chuồng rắn đều có một con rắn đá Ấn Độ. Rắn giả. Trong chuồng hươu đực thì có bò. Hươu giả.

Trong chuồng hổ Siberia có các nữ thợ hồ vác bao xi măng. Hổ Siberia giả. Hầu hết chim trong chuồng là những con ta cũng thấy trên cây rồi. Chim giả. Bên lồng của vẹt màu vàng, một thanh niên chen vào đứng cạnh Tilo mà hát cho vẹt màu, chế lời cho tiết tấu một bài Bollywood thịnh hành:

Duniya khatam ho jayegi

Chudai khatam nahi hogi

Thế giới sẽ lụi tàn,

Ái ân thì không đâu.

Chuyện này có ý xúc phạm gấp đôi vì ít ra Tilo cũng gấp đôi tuổi y.

Bên ngoài chuồng của bồ nông hồng, cô nhận được tin nhắn trên điện thoại:

Nhà hữu cơ ở NH24 Ghaziabad

1 PN 1,5tr

2 PN 1,8tr

3 PN 3,1tr

Giá chỉ từ 35.000 rupee

Gọi 91-103-957-9-8 để được giảm giá

Báo Nicaragua già nua bụi bặm kê cằm trên gờ chuồng bụi bặm. Nó cứ nằm yên như vậy, cực kỳ dửng dưng, hàng giờ. Có lẽ là hàng năm.

Tilo cảm thấy giống như nó. Bụi bặm, già nua và cực kỳ dửng dưng.

Có lẽ cô *là* nó.

Biết đâu một ngày nào cô sẽ có một chiếc chiếc xe hơi tiết kiệm năng lượng đắt tiền đặt theo tên cô.



Khi dọn đi, cô không đem theo nhiều đồ đạc. Mới đầu Naga không rõ, ngay cả với cô cũng vậy, là cô đã dọn đi. Cô nói đã thuê được một chỗ làm văn phòng, cô không nói ở đâu. (Garson Hobart cũng không nói cho anh.) Trong vài tháng cô đi đi về về. Dần dà cô đi nhiều hơn về, rồi dần dần cô không về nhà nữa.

Naga bắt đầu cuộc sống đàn ông mới ly dị bằng cách lao vào công việc và cả xâu chuyện tình u sầu. Là người thường xuất hiện trên truyền hình khiến anh thành cái mà các báo và tạp chí gọi là “người nổi tiếng”, dường như thiên hạ nghĩ tự nó đã là một nghề. Trong nhà hàng và ở sân bay, người lạ thường đến chỗ anh xin chữ ký. Nhiều người còn không chắc anh là ai, hay chính xác anh làm gì hay vì sao trông anh quen quen. Naga chán đến mức không buồn từ chối. Không như đa phần đàn ông cùng độ tuổi, anh vẫn thon thả, tóc dày. Được công nhận là “thành công” cho anh quyền lựa chọn một loạt phụ nữ, một số còn độc thân và trẻ hơn anh nhiều, một số bằng tuổi hoặc lớn hơn, đã kết hôn và đang tìm kiếm sự đa dạng, hay đã ly dị và đang tìm cơ

hội thứ hai. Người dẫn trước trong số họ là một góa phụ mảnh dẻ, hợp thời trang, độ ba lăm, ba sáu với làn da trắng sữa và mái tóc óng mượt - thuộc hoàng tộc của một Tiểu vương - ở nàng ta, mẹ Naga thấy chính mình thời trẻ, nên thèm muốn còn hơn cả con trai. Bà mời quý cô và Thái tử Charles - con chó chihuahua của nàng ta, ở dưới nhà với bà như khách của gia đình, từ đó họ có thể cùng nhau lập kế hoạch lên đến đỉnh cao.

Cuộc tình của họ được vài tháng thì công chúa bắt đầu gọi Naga là “jaan” - người yêu. Nàng dạy người ăn kẻ ở trong nhà gọi mình là Bai Sa theo truyền thống hoàng gia Rajput. Nàng nấu cho Naga những món theo công thức gia truyền từ bếp hoàng gia nhà mình. Nàng đặt mua rèm cửa mới, gối thêu và những tấm thảm nhỏ dễ thương trải sàn nhà. Nàng đem tới một thoáng ngọt ngào, tươi sáng, nữ tính cho căn hộ bị bỏ bê quá đỗi. Những quan tâm chăm sóc của nàng là thuốc xoa dịu cho lòng kiêu hãnh bị tổn thương của Naga. Dù anh không đáp lại tình cảm của nàng với cùng độ mãnh liệt anh được hiến dâng, anh chấp nhận với sự nhả nhận mệt mỏi. Anh gần như đã quên là người được si mê trong một cặp đôi thì như thế nào. Dù anh có định kiến chung chung về những con chó nhỏ, dần dà anh đắm mê tí tít Thái tử Charles. Anh đều đặn dẫn nó đến công viên gần nhà, ném cho nó cái frisbee nhỏ xíu cỡ bằng chiếc đĩa trà anh tìm mua trên mạng. Thái tử Charles chạy đi nhặt cái frisbee nhỏ bằng đĩa trà, lơn ton qua đám cỏ dại

cao gần bằng nó về chỗ Naga. Công chúa đóng vai chủ nhà trong vài bữa tối Naga tổ chức. R.C. bị cô nàng hút hồn nên bắt Naga phải nhớ rằng anh nên mau mau mà cưới khi nàng vẫn còn ở độ tuổi sinh nở.

Naga, vẫn còn quẫn trí và vẫn còn dễ bị những lời khuyên tai hại của R.C. tác động, hỏi Công chúa có muốn dọn đến sống thử không. Nàng nhoài người qua và dịu dàng vuốt gọn đôi lông mày bất trị của anh, ép tóc lại thành chòm giữa ngón trỏ và ngón cái. Nàng nói không gì khiến nàng thấy hạnh phúc hơn, nhưng trước khi dọn đến nàng cần giải phóng *hơi hám* của Tilo vẫn còn vương vất trong nhà. Được Naga cho phép, nàng rang cả đám ớt đỏ rồi cầm cái nồi đồng bốc khói đi từ phòng này sang phòng khác, ý tứ ho và quay mái đầu óng mượt tránh khói cay sè mà mắt nhắm tịt. Khi ớt đã ngừng bốc khói, nàng cầu nguyện rồi chôn luôn cả ớt lẫn nồi trong vườn. Sau đó nàng buộc một sợi chỉ đỏ quanh cổ tay Naga và thấp những cây nến thơm đất tiền, mỗi phòng một cây, để cho cháy đến lụi tắt. Nàng mua cả tá thùng bìa để Naga đóng gói đồ đạc của Tilo đem xuống tầng hầm. Chính lúc Naga đang dọn trống tử của Tilo (nó rành rành có mùi của cô) thì anh bắt gặp hồ sơ bệnh án dày cộp của mẹ Tilo từ bệnh viện Lakeview ở Cochín.

Trong bao năm anh với Tilo lấy nhau, Naga chưa một lần gặp mẹ Tilo. Cô không bao giờ nói về bà. Tất nhiên anh cũng biết những nét đại khái. Tên bà là Maryam Ipe. Bà

thuộc về một dòng họ quý tộc, lâu đời người Syria theo đạo Cơ Đốc, sa cơ thất thế. Hai thế hệ gia đình - cha và anh trai bà - từng tốt nghiệp Oxford còn bà được giáo dục tại trường nữ tu ở Ootacamund, một nơi an dưỡng vùng núi ở Nilgiris, rồi đến một trường Cơ Đốc ở Madras, sau đó bệnh tình của cha buộc bà trở về quê nhà ở Kerala. Naga biết bà là bà giáo dạy tiếng Anh ở một trường trong vùng, trước khi bà mở trường riêng, phát triển thành một trường học cực kỳ thành công nổi tiếng nhờ những phương pháp cải cách giáo dục - trường Tilo theo học trước khi lên đại học ở Delhi. Anh có đọc vài bài báo viết về mẹ của Tilo mà Tilo không bao giờ được nhắc tên, nhưng luôn được nhắc là đứa con nuôi sống ở Delhi. R.C. (công việc của y là biết mọi thứ của thiên hạ và để cho thiên hạ biết mình biết mọi thứ về thiên hạ) có lần làm một tập hồ sơ những bài báo cho anh, nói: "Mẹ nuôi của vợ anh là một thiếu phụ được lắm đấy, *yaar*." Các bài báo trải ra qua một giai đoạn nhiều năm - một số nói về trường học của bà, phương pháp giảng dạy và khuôn viên đẹp đẽ, một số nói về những vận động xã hội và môi trường mà bà dẫn dắt hay những giải thưởng bà đạt được. Chúng kể câu chuyện về người vượt qua nghịch cảnh khắc nghiệt thời trẻ để trở thành người phụ nữ hôm nay - một người ủng hộ nữ quyền tiêu biểu không bao giờ lên thành phố lớn sống, mà chọn con đường gian truân tiếp tục sống và đấu tranh trong cái thị trấn nhỏ bảo thủ quê nhà - nơi bà thuộc về. Chúng mô tả việc bà chống lại những phe cánh đàn ông ức hiếp, rồi sau cùng bà giành được sự kính

trọng nề nang của những người từng hành hạ bà và truyền cảm hứng cho cả một thế hệ phụ nữ trẻ theo đuổi ước mơ khát vọng của mình.

Ai quen Tilo cũng biết rõ cô không phải con nuôi của người phụ nữ trong hình trên các bài báo đó. Dù màu da họ khác nhau rõ rệt, nét mặt hai người lại giống nhau đến lạ lùng.

Từ ít ỏi những gì mình biết, Naga đánh hơi thấy một mảnh quan trọng còn thiếu trong trò ghép hình trong các câu chuyện trên báo - một kiểu điên rồ trường thi kiểu Macondo*, một thứ văn chương chứ không phải báo chí. Dù chưa bao giờ nói ra, anh cảm thấy thái độ của Tilo với mẹ là để trừng phạt và vô lý. Theo anh, dẫu đúng Tilo là con đẻ mà bà không chịu công khai thừa nhận, thì cũng đúng rằng với một phụ nữ trẻ thuộc cộng đồng truyền thống mà chọn cuộc sống độc lập, chọn tránh hôn nhân để đòi một đứa con đẻ hoang - dù cho điều đó có nghĩa là nguy trang bằng lòng nhân từ và cải trang làm mẹ nuôi của đứa bé - là một hành động can đảm và yêu thương vô bờ.

Naga nhận thấy là trong mọi bài báo, đoạn về Tilo luôn là một dàn cảnh: “Xơ Scholastica gọi tôi nói rằng có người đàn bà lao động bỏ lại một đứa trẻ sơ sinh trong giỏ ngoài trại mồ côi núi Carmel. Xơ hỏi tôi có muốn nhận nuôi nó không. Gia đình tôi cấm tuyệt chuyện đó, nhưng tôi nghĩ nếu nhận nuôi, tôi có thể cho nó một cuộc sống mới. Nó là đứa bé đen muối, như hòn than nhỏ. Nó nhỏ đến độ gần

vừa khít trong lòng bàn tay tôi nên tôi gọi nó là Tilottama, nghĩa là ‘hạt vừng’ trong tiếng Phạn.”

Dù điều đó có thể đau lòng cho Tilo, Naga nghĩ cô nên biết nhìn theo góc nhìn của mẹ cô - bà cần tránh xa đứa con để có thể đòi lại được nó, làm mẹ nó và yêu thương nó.

Theo Naga, công lao để Tilo có cái tính tự lập, tính kỳ cục và khác thường - bất kể ta tán thành trường phái nào, tự nhiên hay dưỡng dục - hoàn toàn nhờ người mẹ. Nhưng anh có nói gì, trực tiếp hay gián tiếp, cũng không dẫn đến một sự hàn gắn.

Vậy nên Naga thấy khó hiểu khi đã tránh xa mẹ bấy nhiêu năm vậy rồi, Tilo lại rất vui vẻ bằng lòng đến Cochín chăm sóc bà trong bệnh viện. Anh hình dung (dù anh không nhớ có bao giờ Tilo tỏ ra tò mò gì về đề tài này) rằng đó có thể là do hi vọng kiếm được chút thông tin, có lẽ một tiết lộ phút lâm chung, về cô và người cha thực sự. Anh đoán đúng. Nhưng lại thành ra hơi muộn cho chuyện kiểu thế này.



Khi Tilo tới Cochín thì hai lá phổi đang suy của mẹ cô đã dẫn đến sự tích tụ CO₂, trong máu, điều này dẫn đến viêm não, làm bà bị lẩn trầm trọng. Đã vậy, thuốc thang và thời gian kéo dài ở khu chăm sóc đặc biệt đã gây nên một dạng rối loạn tâm thần mà các bác sĩ nói là ảnh hưởng đặc biệt đến những người mạnh mẽ, bừng tỉnh bỗng thấy mình bất

lực và phó mặc cho những người họ từng đối xử như tôi đòi. Ngoài nhân viên bệnh viện, sự tức giận và lú lẫn của bà còn nhằm vào những người giúp việc già trung thành với bà và các thầy cô ở trường thay phiên nhau trực ở bệnh viện. Họ lảng vảng trong hành lang bệnh viện và cứ vài tiếng lại được phép vào thăm Ammachi* yêu quý của họ ít phút trong khu chăm sóc đặc biệt.

Hôm Tilo đến, mặt mẹ cô sáng lên.

“Mẹ gãi suốt,” bà nói như để chào. “Ông ta nói gãi được thì tốt, nhưng mẹ không chịu đựng thêm được nữa, nên mẹ uống thuốc. Con thế nào?”

Bà giơ hai cánh tay tím ngắt lên, một tay gắn với một ống truyền, để cho Tilo thấy da bà thế nào khi cứ bị kim đâm chọc liên miên khi bác sĩ tìm những tĩnh mạch chưa vỡ. Hầu hết tĩnh mạch đã xẹp xuống, tắc tạo thành mạng lưới tím thâm hơn bên dưới làn da đã tím ngắt rồi.

“Rồi anh ta sẽ xắn tay áo lên cho xem những vết sẹo. Và nói, ‘Những vết thương này tôi bị trong ngày thánh Crispin.’ Nhớ không? Mẹ dạy con rồi.”

“Dạ phải.”

“Câu tiếp theo là gì?”

“Người già hay quên; nhưng dẫu quên bao điều khác, người ta cũng sẽ nhớ, cùng bao điều tô vẽ. Những chiến công mình đã làm nên ngày hôm đó.”*

Tilo quên là mình còn nhớ. Shakespeare quay về với cô không phải như một kỳ tích của ký ức mà đúng hơn là của

âm nhạc, như một giai điệu cũ còn nhớ. Cô thấy bất ngờ vì tình trạng của mẹ, nhưng các bác sĩ hài lòng và nói rằng mẹ cô còn nhận ra cô đã là một cải thiện đáng kể. Ngày hôm đó, họ chuyển mẹ cô sang phòng riêng có cửa sổ nhìn ra phá nước mặn và đám cây dừa nghiêng mình xuống phá và bão gió mùa thổi thốc qua.

Sự cải thiện không kéo được bao lâu. Những ngày sau đó bà cụ cứ lúc tỉnh lúc mê và không phải lúc nào cũng nhận ra Tilo. Mỗi ngày là một chương mới khó đoán trước về diễn tiến bệnh tình của bà. Bà mắc những chứng tật kỳ cục mới và những bận tâm vô lý. Nhân viên bệnh viện, bác sĩ, y tá và ngay cả những người hầu hạ đều tử tế, dường như không để bụng những gì bà nói. Họ cũng gọi bà là Ammachi, thấm nước lau cho bà, thay tã và chải tóc cho bà mà không tỏ vẻ khó chịu hay hiềm thù. Thật ra, bà càng làm quấy thì họ dường như càng thương bà hơn.

Tilo đến được ít hôm thì mẹ cô mắc chứng mê muội kỳ quặc. Bà biến thành một kiểu quan tòa về đẳng cấp. Bà bắt đầu khẳng khẳng đòi biết đẳng cấp rồi giai tầng của mọi người hầu hạ bà. Nếu họ nói mình là “tín đồ Cơ Đốc Syria” thì không đủ - bà phải biết họ là Marthoma, Yacoba, Giáo hội Nam Ấn hay C’naah. Nếu họ là “Ấn giáo”, họ mà nói Ezhava thôi thì vẫn chưa đủ, bà phải biết họ là Theeya hay Chekavar. Nếu họ nói “tầng lớp cùng đinh”, bà phải biết họ là Paraya hay Pulaya, Parava, Ullada. Xuất thân họ có phải đẳng cấp hái dừa không? Hay tổ tiên họ được quy định làm

người khiêng xác, hốt phân, giặt đồ hay bắt chuột? Bà cứ một hai phải biết chi tiết cụ thể và biết rồi bà mới để cho họ chăm sóc. Nếu họ là Cơ Đốc Syria, vậy họ tên của họ là gì? Cháu trai của ai cưới cháu gái của chị dâu ai? Ông ngoại ai cưới con gái của chị của đứa chít của ai?

“COPD,” các y tá tươi cười nói với Tilo khi họ thấy vẻ mặt cô. “Đừng lo. Chuyện này lúc nào cũng vậy.” Cô tra từ này. Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính. Các y tá bảo Tilo đó là căn bệnh có thể khiến những bà ngoại vô hại có cung cách như tú bà và làm giám mục chửi đổng như thằng say. Tốt nhất đừng để bụng gì. Họ là những cô gái tuyệt vời, các cô y tá ấy, chính xác và chuyên nghiệp. Mỗi người đều đang đợi một công việc sẽ đưa họ đến một nước vùng vịnh, hoặc đến Anh hay Mỹ, ở đó họ sẽ gia nhập cộng đồng tinh hoa các y tá Malayali đó. Cho đến lúc ấy, họ lao xao quanh bệnh nhân ở bệnh viện Lakeview như bướm bướm chữa bệnh. Họ thành bạn của Tilo, trao đổi số điện thoại và địa chỉ email. Nhiều năm sau đó cô vẫn nhận được các chúc mừng Giáng sinh trên WhatsApp và các câu đùa y tá Malayali cứ chuyển quanh.

Khi bệnh trở nặng, bà cụ trở nên bồn chồn không yên và gần như bất trị. Bà không ngủ được và thức trắng, đêm này qua đêm khác, đồng tử giãn ra, mắt khiếp hãi, nói không ngừng một mình và với bất cứ ai chịu lắng nghe. Cứ như bà nghĩ mình có thể tỉnh táo thường trực mà đánh lừa tử thần được. Nên bà nói liên miên, khi thì hung hăng, khi lại dễ

chịu và buồn cười. Bà hát từng khúc các bài hát cũ, tụng ca, thánh ca Giáng sinh, các bài ca đua thuyền Onam. Bà đọc thơ Shakespeare bằng tiếng Anh hoàn hảo học ở trường nữ tu. Khi bị bêu, bà lảng mạt hết mọi người xung quanh bằng thứ lời lẽ tục tĩu trong tiếng Malayalam đầu đường xó chợ mà không ai hiểu làm sao (và từ đâu ra) một người đàn bà thuộc tầng lớp và giáo dục như bà lại biết được. Mỗi ngày qua, bà lại càng thêm hung hăng. Bà bỗng thấy thèm ăn hơn nhiều và bà ngốn trứng luộc lòng đào rồi bánh dừa úp ngược với kiểu cấp bách của tên tù được tha sớm. Bà khai thác nguồn dự trữ thể lực đúng là siêu nhân đối với một người phụ nữ ở tuổi bà. Bà hất y tá, bác sĩ đi, giật ống dẫn và ống tiêm khỏi tĩnh mạch. Không thể cho bà dùng thuốc an thần vì nó sẽ ức chế chức năng của phổi. Cuối cùng bà được chuyển về lại khu điều trị đặc biệt.

Điều đó làm bà phẫn nộ và đẩy bà vào chứng rối loạn tâm thần hơn nữa. Mắt bà trở nên ranh mãnh và như bị săn đuổi, bà liên tục nghĩ kế bỏ trốn. Bà hối lộ y tá và người chăm sóc. Bà hứa với một bác sĩ trẻ là sẽ ký giấy chuyển quyền sở hữu ngôi trường cùng đất đai của trường cho anh ta nếu giúp bà trốn thoát. Hai lần bà trốn được tới hành lang trong bộ đồ bệnh viện. Sau sự việc này, hai y tá phải liên tục canh chừng, đôi khi còn phải ghìm bà xuống giường. Khi bà làm những người xung quanh mệt mỏi rồi thì bác sĩ nói bệnh viện không kham nổi y tá chăm sóc bà thường trực và cần phải câu thúc thân thể bà, cột vào

giường. Họ yêu cầu Tilo, vì là người ruột rà của bà, ký giấy tờ cho phép họ làm vậy. Tilo xin họ một cơ hội cuối để cố làm mẹ bình tâm lại. Các bác sĩ đồng ý, dù có hơi miễn cưỡng.

Lần cuối Tilo gọi cho Naga từ bệnh viện, cô nói mình được đặc cách ở bên mẹ trong khu chăm sóc đặc biệt vì cuối cùng cô đã tìm ra cách làm mẹ dịu lại. Anh nghĩ đã phát hiện thấy một tiếng cười thoảng và thậm chí tình cảm trong giọng cô. Tilo nói đã tìm ra một giải pháp đơn giản, dễ thực hiện. Cô ngồi trên ghế cạnh giường với cuốn sổ và mẹ đọc vô số ghi chú cho cô. Đôi lúc đó là thư: *Cha mẹ yêu quý phẩy xuống dòng... con được biết rằng... con đánh dấu phẩy sau. chữ cha mẹ yêu quý chưa?* Chủ yếu đó chỉ là những câu lấp bấp. Tilo nói không hiểu sao cái ý đọc cho viết dường như làm mẹ cô cảm thấy bà vẫn là thuyền trưởng trên tàu, vẫn còn nắm quyền cái gì đó, và điều đó làm bà bình tâm đáng kể.

Naga không hiểu Tilo đang nói gì và nhận xét rằng chính cô nghe cũng có hơi mê sảng. Cô cười và nói anh sẽ hiểu khi đọc những mẫu ghi chép. Anh còn nhớ lúc đó đã thắc mắc kiểu người gì mà lại hòa thuận với mẹ hơn cả khi bà bị ảo giác trên giường bệnh trong một khu chăm sóc đặc biệt trong khi cô ta, đứa con gái, giả trang làm người viết tốc ký cho bà.

Dù vậy, cuối cùng mọi sự ở bệnh viện Lakeview hóa ra không tốt đẹp. Tilo quay về sau đám tang mẹ, gầy guộc và

trầm lặng hơn bao giờ hết. Cô tả vắn tắt việc mẹ qua đời và gần như lãnh đạm. về lại Delhi được vài tuần thì cô bắt đầu đi lang thang không ngơi nghỉ.

Naga chưa bao giờ được xem mấy ghi chép đó.



Sáng hôm đó, khi lật xem băng quơ hồ sơ bệnh án trong tủ của Tilo, anh bắt gặp một số ghi chép đó. Chúng được viết bằng chữ của Tilo, trên trang có dòng kẻ xé trong sổ tay, gấp lại nhét vào giữa những tờ hóa đơn bệnh viện, toa thuốc, phác đồ bảo hòa oxy và kết quả xét nghiệm khí máu. Lúc đọc, Naga nhận ra mình biết ít về người phụ nữ mình cưới ra sao. Và anh cũng sẽ luôn biết ít thế nào:

9/7/2009

Trông chừng kèo mấy chậu cây đổ.

Còn cái nẹp gấp đó - chỗ nhàu trên chăn - chắc ta phải dẹp quách hết.

Đứa con gái Paraya kiến trúc sư bà đại sứ là cái nghĩa lý gì vậy?

Mấy người mặc đồ xanh đó, họ lo dọn phân.

Họ là bà con với con à?

Theo như ta biết Paulose không hợp với cây phong lan, hẳn làm hoa chết hết. Chắc đó là rắc rối của người Paraya.

Bảo Biju hay Reju lo thay đi.

Con có nghe lũ chó ban đêm không? Chúng đến ngoạm

chân của mấy người bị tiểu đường phải cắt bỏ vứt đi. Mẹ nghe tiếng chúng tru gặm tay chân người bỏ chạy. Không ai bảo ban chúng cả.

Chúng là chó của con à? Đực hay cái vậy? Chúng có vẻ thích đồ ngọt.

Con kiểm cho ta trái táo ta ngon ngon được không?

Đám người áo xanh phải thôi lảng vảng quanh chúng ta đi.

Ta phải rất cẩn thận, cả hai chúng ta. Con biết mà, đúng không?

Họ đã đo nước mắt của ta và OK về muối và nước rồi. Mắt ta bị khô nên phải nhỏ nước và ăn cá mòi để có nước mắt. Cá mòi đầy nước mắt.

Đứa con gái mặc đồ kẻ ô này gây chấn động với vé số đây.

Chúng ta đi thôi.

Bảo Reju gọi xe đi. Ta không đi được đâu. Ta không muốn đi.

Chào! Gặp chị mừng quá! Đây là cháu gái tôi. Không sao kiểm soát nó được. Xem chỗ đây đã được dọn sạch này.

Reju tới thì lấy xe trốn đi. Đem theo cái xô. Bỏ phân lại.

Giờ con đến đây nào. Nói nhò với ta. Ta bị kẹt rồi. Con có vậy không?

Ta sẽ ngồi xô và chuồn đi.

Ta sẽ có một chai Johnnie Walker, ông ta có ở trên người chúng ta không?

Ta sẽ lấy hai tấm trái thôi. Nhưng chân chúng ta phải làm gì đây?

Sẽ có ngựa phải không?

Một cuộc chiến lớn đã bắt đầu giữa ta và lũ bướm.

Con ra ngoài ngay khi có thể với Princey, Nicey và các bạn nhé? Mang theo cái bình đồng cắm hoa, cây violon và vĩ. Để phân và kính râm lại đó và quên mấy cái ghế gãy đi, chúng cứ ở quanh đây, có đó rồi không có.

Đứa con gái mặc áo kẻ ô đó sẽ giúp con dọn phân. Cha nó chốc nữa sẽ đến đem rác đi. Ta không muốn người ta thấy lão với con. Ta nghĩ chúng ta nên chuồn đi.

Khi con đứng sau rèm cửa đó nhìn ra, con có cảm thấy có một đám đông không? Ta cảm thấy là có. Nhất định là có một mùi. Mùi đám đông. Hơi thối một chút, như mùi biển.

Ta nghĩ con nên để mấy bài thơ và mọi kế hoạch của con lại cho Alicekutty. Bà ta xấu thê thảm. Ta muốn có một tấm hình bà ta để cười. Ta ác vậy đấy.

Giám mục sẽ muốn thấy ta trong quan tài. Thật nhẹ nhõm vì nó là dành cho đám tang của ta. Ta chưa từng nghĩ sẽ đến đó. Trời đang mưa, trời đang nắng, trời tối hay là ban ngày hay là ban đêm? Ai nói ta biết đi?

Giờ thì XÉO ĐI.

Dắt lũ ngựa ra luôn.

Ta nghĩ thật xấu xa khi bắt đứa con gái này rồi moi hết ruột gan nó ra.

Đứng lên đi!!!

Ta ra ngoài đây. Con muốn làm gì thì làm. Con sẽ thua thảm hại cho xem.

Thật xấu hổ khi con cứ đứng đấy mà nói mình là Tilottama Ipe trong khi không phải. Ta sẽ không nói con nghe về những điều ta hay về con hết.

Ta sẽ chỉ đứng đây mà nói, “Làm cái này làm cái kia đi.” Còn con sẽ phải làm. Từ ngày mai sẽ không lương bổng

gì con cho hết. Con viết cái đó chưa? Mỗi lần vậy ta sẽ phạt con.

Đi mà nói với mọi người rằng “Đây là mẹ tôi, bà Maryam Ipe, và bà ta một trăm năm chục tuổi rồi.”

Họ có thuốc cho tất cả lũ ngựa này không?

Con có để ý thấy người ta trông giống ngựa khi ngáp không?

Phải dữ dằn coi chừng rằng con và đừng để ai nhỏ hết.

Thỉnh thoảng người ta nói sẽ giảm giá cho con và chuyện đó thật ngu ngốc.

Kiểm tra mọi thứ rồi mình đi thôi.

Rồi còn Hannah nữa. Ta nợ tiền nó và ta sẽ phải nhào vào cả lũ trẻ với mấy ống thông tiểu.

Có nhiều ống thông tiểu quá và ai cũng khá hài lòng rằng bà Ipe đang quen dần. Nhưng nó rất ngoan. Con không rút ống thông tiểu của mẹ. Nó thì có. Nó đúng là người Paraya. Con đã quên làm người Paraya là sao rồi.

Có người tới rồi người nữa rồi người nữa.

Cái đáng ngạc nhiên nhất trong mọi chuyện đó là CON đang đặt ra luật lệ cho mọi người. Nhưng ta mong người ta tuân theo mình.

Nhưng ta ĐANG nắm quyền. Rất khó mà từ nhiệm như chắc chắn con sẽ thấy. Annamma là sinh vật trầm tĩnh nhất trong cộng đồng mình.

Annamma đóng vai Sherlock Holmes là ai và Sherlock Holmes là ai? Bà ta đóng cả hai vai có duyên lắm. Bà ta là cô chủ nhiệm của mẹ đã chết một cách thật đẹp. Bà ta về nhà và lây ho cho mẹ.

Chào bác sĩ đây là con gái tôi học ở nhà. Nó rất hư. Hôm nay ở cuộc đua nó tệ quá. Nhưng tôi cũng khá tệ nữa.

Chúng tôi làm mọi người bất ngờ.

Tôi mất cả đời làm những điều lỗi bịch. Tôi để đứa con. Nó.

Còn cái thằng bé mặc đồ bẩn thỉu đeo ống thông tiểu bẩn thỉu kia và mẹ ngồi hàng giờ dưới con sông dơ bẩn.

Ta thấy như xung quanh toàn đám lại cái. Có phải vậy không?

Nhạc... nó thì có gì sai? Ta không thể nhớ gì nữa.

Nghe đi... đó là oxy. Sục bọt đến chết. Ta đang hết oxy. Nhưng ta chẳng cần biết đang hết hay đang còn.

Ta muốn ngủ. Ta muốn chết. Lấy nước nóng đắp chân ta đi.

Mẹ muốn ngủ. Mẹ không xin phép.

Ta như phụt phụt phụt... TÚC! TÚC! TÚC!

Đây là máy của ta.

Khi nào chết, con cứ níu lấy một đám mây rồi thì bọn ta sẽ lấy được thông tin từ con. Sau đó họ đưa hóa đơn cho con.

TIỀN CỦA TA ĐÂU?

Ông tiêm động mạch này là cái đinh vít của Chúa. Chẳng đau gì hết.

Ta chỉ là một con ma-nơ-canh xiu xiu.

Ta thích cái mộng của mình. Ta không hiểu vì sao bác sĩ Verghese lại muốn bỏ nó đi.

Mấy bông hoa đông cứng không chịu biến đi. Chúng cứ lảng vảng đâu đó. Ta nghĩ chúng ta cần phải nói về mấy bình hoa.

Con có nghe tiếng cái bông hoa trắng không?

Những gì Naga tìm thấy chỉ là mẫu. Những ghi chú đã chép, nếu không biến mất theo rác thải của bệnh viện thì đã có thể đóng thành vài cuốn sách.



Một buổi sáng, sau một tuần ghi tốc ký không ngừng nghỉ, Tilo kiệt sức, đang đứng bên giường bệnh của mẹ, hai tay tì nơi lưng ghế cô thường ngồi. Lúc đó là thời gian bận rộn nhất trong ngày ở khu Chăm sóc đặc biệt, bác sĩ đi thăm bệnh, y tá và người chăm sóc bận bịu, phòng bệnh được lau chùi. Sáng nay, Maryam Ipe đặc biệt khó chịu. Mặt bà đỏ phừng và mắt loang loáng sốt. Bà đã kéo váy bệnh viện lên và nằm quẩn tã, hai chân như cây thông nòng sừng thẳng đuột và xoạc ra. Lúc hết, giọng bà trầm như giọng đàn ông.

“Nói bọn Paraya là đến giờ dọn phân cho ta rồi!”

Máu Tilo rời quốc lộ rồi bốc hơi dọc những đường rừng điên khùng. Không báo trước, cái ghế cô đang dựa tự động nhấc lên rồi nện rầm xuống. Tiếng gõ văng vạng vọng khắp phòng bệnh. Máy dây kim bung ra khỏi tĩnh mạch. Những lọ thuốc trên khay lắc lư. Những trái tim yếu lữ một nhịp. Tilo nhìn tiếng động đi qua thân mẹ, từ chân lên đầu, như tấm vải liệm kéo trùm lên xác.

Cô không biết mình tiếp tục đứng đấy bao lâu hay ai đã dẫn cô đến văn phòng bác sĩ Verghes.

Bác sĩ Jacob Verghese, trưởng khoa Chăm sóc đặc biệt, cho đến bốn năm trước là một bác sĩ quân y trong quân đội Mỹ. Ông là cấp phó bộ phận Chăm sóc đặc biệt của đơn vị mình trong cuộc chiến Kuwait và về lại Kerala khi hết hạn phục vụ. Dù đã sống gần cả đời ở nước ngoài, lối nói của ông không mang chút giọng Mỹ nào, điều này thì thật đáng kinh ngạc, vì ở Kerala người ta đùa rằng nộp đơn xin visa Mỹ là đủ để giọng người ta lai Mỹ rồi. Ở bác sĩ Verghese không có gì cho thấy ông là gì khác ngoài một người Cơ Đốc Syria địa phương cả đời sống ở Kerala. Ông cười hiền từ với Tilo và gọi cà phê. Ông là người cùng thị trấn với Maryam Ipe nên có lẽ biết khá rõ mọi lời đồn đại xì xầm. Máy điều hòa trong phòng ông đang được sửa chữa nên tiếng lách cách làm mất đi sự ngưng ngệ trong phòng. Tilo chăm chú theo dõi người thợ, như thể tính mạng cô tùy thuộc vào điều đó. Đàn ông, đàn bà mặc áo xanh và quần dài, đeo khẩu trang, lặng lẽ qua lại ngoài hành lang trên đôi dép phòng mổ. Vài người có máu dính trên găng phẫu thuật. Bác sĩ Verghese nhìn Tilo qua cặp kính lão, dò xét cô như thể đang cố chẩn đoán. Có lẽ đúng là vậy. Ông nhoài người qua bàn nắm tay cô một lúc. Ông hẳn không biết mình đang cố dỗ dành một tòa nhà bị sét đánh. Nó cũng chẳng còn lại gì nhiều mà an ủi. Sau khi cà phê của ông đã hết và của cô vẫn còn nguyên, ông đề nghị quay lại khu Chăm sóc đặc biệt rồi cô hãy xin lỗi mẹ.

“Mẹ cô là một người phụ nữ phi thường. Cô nên hiểu là

không phải bà thốt ra những lời xấu xa đó.”

“Ồ. Nếu vậy thì là ai?”

“Một người khác. Bệnh của bà. Máu của bà. Những đau đớn của bà. Tình thế của ta, những định kiến của ta, lịch sử của ta...”

“Vậy thì tôi phải xin lỗi ai đây? Định kiến? Hay lịch sử?”

Nhưng cô đã theo ông xuống hành lang, rồi quay lại khu Chăm sóc đặc biệt.

Khi họ tới nơi thì mẹ cô đã rơi vào tình trạng hôn mê. Bà đã không còn nghe được, đã nằm ngoài lịch sử, ngoài định kiến, ngoài xin lỗi. Tilo cuộn mình trên giường và vùi mặt vào hai bàn chân mẹ cho đến khi chúng lạnh ngắt. Cái ghế gãy nhìn theo họ như một thiên thần u sầu. Tilo thắc mắc sao mà mẹ biết cái ghế sẽ làm gì. Làm sao mà mẹ biết?

Quên mấy cái ghế gãy đi, chúng cứ ở quanh đây.

Sáng sớm hôm sau, Maryam Ipe lìa trần.

Nhà thờ Cơ Đốc Syria không chịu tha thứ cho bà về những xâm phạm và thách thức từ chối chôn bà. Vậy nên đám tang, hầu hết là thấy cô trong trường và một vài phụ huynh học sinh đến dự, diễn ra ở lò thiêu của nhà nước. Tilo đem tro của mẹ về lại Delhi. Cô bảo Naga rằng mình cần suy nghĩ thật kỹ việc phải làm gì với nó. Cô không nói gì thêm. Cái bình đựng tro để trên bàn làm việc của cô tới chừng nào anh còn nhớ được. Gần đây Naga nhận ra nó không còn ở đó nữa. Anh không chắc Tilo đã tìm được một chỗ thích hợp để đim tro (hay rải, hay chôn), hay cô chỉ

đem theo đến chỗ ở mới.



Công chúa bắt gặp Naga đang ngồi giữa sàn xem tập hồ sơ bệnh án dày. Nàng đứng sau lưng anh và đọc to những tin nhắn qua vai anh.

“‘Ổng tiêm động mạch này là cái đinh vít của Chúa’... ‘Con có nghe tiếng cái bông hoa trắng không?’ Anh đang đọc cái đồ tào lao gì thế này, jaan? Hoa mà lại phát ra tiếng từ bao giờ vậy?”

Naga vẫn ngồi không nói gì một lúc lâu. Anh có vẻ đang chìm trong suy nghĩ. Rồi anh đứng dậy ôm gương mặt xinh đẹp của nàng trong tay.

“Anh rất xin lỗi...”

“Vì chuyện gì, jaan?”

“Sẽ không đi tới đâu...”

“Cái gì?”

“Chúng ta.”

“Nhưng chị ấy đi rồi! Chị ấy đã bỏ anh!”

“Phải. Phải, đúng thế... Nhưng cô ấy sẽ quay lại. Cô ấy phải thế. Cô ấy sẽ quay lại.”

Công chúa nhìn Naga đầy thương hại rồi dọn đi. Ít lâu sau nàng cưới tổng biên tập một kênh tin tức truyền hình. Họ thành một cặp đẹp đôi, hạnh phúc rồi tiến tới sinh nhiều đứa con sung sướng, khỏe mạnh.



Mấy căn phòng Tilo thuê trên tầng hai một tòa nhà trên phố nhìn ra một trường tiểu học công đầy những đứa trẻ tương đối nghèo và một cây sấu đầu đầy vệt đuôi dài tương đối sung túc. Sáng sáng, giờ chào cờ, bọn trẻ gào lên hết bài *Hum Hongey Kaamyab - Chúng ta sẽ chiến thắng* - phiên bản Ấn. Cô hát cùng chúng. Cuối tuần và ngày nghỉ, cô nhớ mấy đứa nhỏ và giờ chào cờ, nên cô hát bài đó một mình đúng 7 giờ sáng. Những ngày không hát, cô cảm thấy sáng hôm đó chỉ là ngày hôm trước kéo dài, rằng ngày mới vẫn chưa lộ dạng. Hầu hết các sáng, ai áp tai lên cửa sẽ nghe thấy tiếng cô.

Không ai áp tai lên cửa phòng cô.

Sinh nhật và lễ rửa tội của Miss Jebeen đánh dấu năm thứ tư và đêm cuối Tilo ở trên căn hộ tầng hai. Cô phân vân không biết nên làm gì với chỗ bánh còn lại. Có thể lũ kiến sẽ mời bà con chòm xóm đến dự tiệc hoặc là chén sạch hoặc là khênh đến vụn bánh cuối cùng về cất trữ.

Cái nóng đứng lên, đi rảo trong phòng. Xe cộ ì ầm ngoài xa. Tiếng sấm của thành phố.

Trời không mưa.

Con cú đốm vụt bay đi để gập gù cái đầu và thể hiện phép lịch sự với một phụ nữ khác qua một cửa sổ khác.

Khi nhận ra con cú đã đi, Tilo cảm thấy buồn không nói nên lời. Cô biết mình cũng sắp đi, và ắt không bao giờ còn

gặp lại nó nữa. Con cú là *ai đó*. Cô không chắc là ai. Có thể là Musa. Với Musa thì vẫn luôn là như vậy. Mỗi lần anh bỏ đi, sau chuyến thăm chóng vánh, bí ẩn, trong lốt giả trang kỳ lạ, nhìn như ông Không Ai Cả từ quận Không Đâu Cả, cô biết ắt mình sẽ không bao giờ còn gặp lại anh nữa. Thường thì anh là người bắt thăm còn cô là người chờ đợi. Lần này đến lượt cô bắt thăm. Cô không có cách nào cho anh biết nơi cô ở. Anh không dùng điện thoại di động, và những lần duy nhất anh gọi cho cô là gọi tới điện thoại bàn, giờ đây nó sẽ không được trả lời. Cô bỗng ngợp cái mong muốn truyền đạt tính chất mơ hồ cuộc chia tay của họ với con cú đêm đó. Cô hí hoáy một dòng trên mẫu giấy và nhét trên cửa sổ, hướng ra phía con cú để nó đọc:

Ai biết được từ hai chữ tạm biệt có kiểu biệt ly nào dành sẵn cho ta.

Cô quay lại nệm, hài lòng về mình và cái sáng tỏ vay mượn trong cách liên lạc đó. Nhưng rồi, tức thì, cô thấy xấu hổ. Khi viết câu đó Osip Mandelstam có nhiều việc hệ trọng hơn trong đầu. Ông đang phải thương lượng trong trại Gulag của Stalin. Không phải nói chuyện với cú. Cô rút lại mẫu giấy và trở lại giường.



Cách vài dặm nơi cô nằm thức trắng, ba người đàn ông bị một xe tải mất lái cán chết đêm trước. Có lẽ tài xế đã ngủ gật. Trên ti vi người ta nói rằng mùa hè năm đó, người

vô gia cư đã bắt đầu ngủ trên vệ đường giao thông dày đặc. Họ phát hiện ra rằng khói khí xả diesel từ xe tải và xe buýt đi qua là thứ đuổi muỗi hiệu nghiệm và bảo vệ họ khỏi bị những đợt sốt xuất huyết đã giết chết vài trăm người trong thành phố.

Cô tưởng tượng ra mấy người đó: những người nhập cư mới vào thành phố, những thợ nề, về nhà là chỗ đã đặt sẵn trả trước, mà tiền thuê được tính bằng độ đậm đặc tối đa của khí xả chia cho độ dày đặc muỗi chấp nhận được. Đại số chính xác; không dễ mà tìm thấy trong sách giáo khoa.

Mấy người đó mệt mỏi vì công việc ban ngày trên công trường, mi mắt và phổi xám xịt bụi đá do cắt đá, lát sàn trong những trung tâm mua sắm nhiều tầng và khu dân cư mọc lên khắp thành phố như một khu rừng mọc nhanh. Họ trải *gamchha** mềm, rách bươm ra vật cở chật hẹp trên bờ kè dốc rải rác phân chó và các bức tượng thép không gỉ - nghệ thuật quần chúng - được Pamnani Group tài trợ, họ đang lãng xê những nghệ sĩ độc đáo dùng thép không gỉ làm chất liệu sáng tác, những mong các nghệ sĩ độc đáo này sẽ quảng bá cho nền công nghiệp thép. Các bức tượng trông như từng cụm tinh trùng bằng thép, cũng có thể chúng chỉ là bóng bay. Không rõ. Thế nào thì chúng trông cũng tươi vui. Đám đàn ông châm điếu beedi cuối. Những vòng khói cuộn vào đêm. Đèn đường neon khiến cỏ có màu xanh như kim loại còn người thì xám xịt. Có tiếng châm chọc và tiếng cười, vì hai người trong số họ biết thổi ra

từng vòng khói còn người thứ ba thì không. Anh ta vụng về, luôn biết cách làm mọi chuyện chậm hơn ai hết.

Con buồn ngủ ập đến, nhanh chóng và dễ dàng, như tiền đến với các triệu phú.

Nếu không chết vì xe tải, họ cũng chết vì:

(a) Sốt xuất huyết

(b) Cái nóng

(c) Khói beedi

hoặc

(d) Bụi đá

Cũng có thể không. Có thể họ sẽ phát lên thành:

(a) Các nhà triệu phú

(b) Các siêu mẫu

hoặc

(c) Các sếp bàn giấy

Họ bị cán dẹp lép xuống đám cỏ đang nằm thì có quan trọng gì không? Chuyện đó thì quan trọng với ai? Những kẻ thấy chuyện đó quan trọng thì có quan trọng gì không?

Chào tiến sĩ,

Bọn tôi bị xe cán. Có thuốc chữa không?

Thân chào,

Biru, Jairam, Ram Kishore

Tilo cười và nhắm mắt.

Bọn chó chết bất cần. Ai bảo họ chặn đường xe tải chạy?

Cô thắc mắc làm sao để không còn biết một số chuyện nhất định, một số chuyện cụ thể cô biết nhưng ước rằng không biết. Làm sao để không còn biết, ví dụ như khi người ta chết vì bụi đá, phổi họ không chịu cháy khi hỏa thiêu. Ngay cả khi những phần còn lại trên cơ thể đã hóa thành tro, hai phiến đá hình lá phổi vẫn còn, không cháy. Bạn cô là Tiến sĩ Azad Bhartiya, sống trên vỉa hè ở Jantar Mantar, đã kể cô nghe về anh trai ông, Jiten Y. Kumar, làm việc trong mỏ đá granite và chết khi mới ba mươi lăm. Ông mô tả mình đã phải dùng xà beng đập vụn phổi anh trai trên giàn hỏa táng để cho linh hồn ông siêu thoát. Ông nói đã làm vậy, dù ông là một người cộng sản và không tin vào linh hồn.

Ông làm vậy để chiêu lòng mẹ mình.

Ông nói hai lá phổi của anh ông lấp lánh, vì nó lấm tẩm cả silica.

Tiến sĩ mến,

Thật ra thì không có gì. Tôi chỉ muốn chào một tiếng. Thật ra là - có một chuyện. Hình dung việc nghiền phổi anh mình để chiêu lòng mẹ. Ông có gọi đó là hành động con người bình thường?

Cô tự hỏi một linh hồn không được siêu thoát, một hòn đá có hình dạng linh hồn trên giàn thiêu, có thể trông ra sao. Có lẽ trông như con sao biển. Hay một con rết. Hay một con ngài đốm với cái thân còn sống và đôi cánh bằng

đá - con ngài tội nghiệp - bị phản bội, bị đè xuống bởi chính những thứ vốn là để giúp nó bay.

Miss Jebeen đệ nhị cự mình trong giấc ngủ.

Tập trung nào, kẻ bắt cóc tự nhủ khi vuốt vầng trán ẩm, mồ hôi của con bé. Nếu không mọi thứ có thể hoàn toàn vượt ngoài tầm kiểm soát. Cô không biết tại sao một người chẳng muốn có con nhất như cô lại bế đứa bé lên bỏ chạy. Nhưng giờ thì xong rồi. Vai của cô trong câu chuyện đã được viết. Nhưng không phải cô viết. Vậy thì ai? Ai đó.

Tiến sĩ mến,

Nếu muốn ông có thể thay đổi từng milimét về tôi. Tôi chỉ là một câu chuyện.

Miss Jebeen là đứa bé nhân hậu và có vẻ thích súp nhật và rau nghiền Tilo làm cho nó. Đối với một người đàn bà có rất ít kinh nghiệm về trẻ con, Tilo dễ dàng với nó lạ lẫm và tự tin với cách cô chăm sóc nó. Trong ít lần Miss Jebeen khóc, cô có thể dỗ nó nín ngay. Cách làm hay nhất, Tilo thấy (không kể việc cho ăn), là đặt nó xuống sàn với đàn cún năm con lông có màu sừng mà đồng chí Laali, con chó lai lông đỏ, để ra trên đầu cầu thang bên ngoài cửa phòng cô năm tuần trước. Cả hai bên (bầy cún và Miss Jebeen) dường như có nhiều điều để nói với nhau. Cả hai bà mẹ là chỗ bạn thân. Nên những buổi gặp mặt thường tốt đẹp. Khi ai nấy đều đã mệt, Tilo sẽ trả bầy cún về cái bao tải của chúng ở đầu cầu thang, và cho đồng chí Laali một chén sữa

với bánh mì.

Lúc đầu ngày, Tilo thấp nển cái bánh và bông Miss Jebeen mới được đặt tên nhảy điệu vanxơ quanh phòng mà hát ngâm nga *Chúc mừng sinh nhật* thì Ankita, người thuê nhà tầng trệt, gọi điện. Chị ta nói rằng lúc sáng một cảnh sát đã ghé qua hỏi thăm về Tilo và hỏi Ankita có biết gì về một đứa bé mới đến trong tòa nhà không. Anh ta đang vội và để lại một tờ báo cho chị ta trong đó cảnh sát đã đăng một cáo thị. Ankita cho con bé hầu Adivasi mang tới. Mẫu tin ghi:

THÔNG BÁO BẮT CỐC DP/1146

NEW DELHI 110001

Sau đây xin thông báo với toàn thể công chúng rằng một đứa bé không rõ danh tính, con của KHÔNG RÕ, thường trú KHÔNG RÕ, không mặc quần áo bị bỏ rơi ở Jantar Mantar, New Delhi. Sau khi cảnh sát được thông báo nhưng trước khi lực lượng cảnh sát đến hiện trường thì đứa bé nói trên đã bị một người/những người lạ mặt bắt cóc. Biên bản thông tin sơ bộ đã được lập theo mục 361, 362, 365, 366A, mục 367 & 369. Có thông tin gì xin vui lòng liên lạc sĩ quan Đoàn cảnh sát đường Nghị viện, New Delhi. Miêu tả đứa bé theo sau:

Tên: KHÔNG RÕ, tên cha: KHÔNG RÕ, địa chỉ: KHÔNG RÕ, tuổi: KHÔNG RÕ, trang phục: KHÔNG MẶC QUẦN ÁO.

Giọng Ankita nghe có vẻ trịch thượng và không đồng tình trên điện thoại. Nhưng đó chỉ là thái độ mọi ngày của

chị ta với Tilo. Chị ta hay có cái vẻ hơi hợm hĩnh, đắc thắng của người-đàn-bà-có-chồng nói với người-đàn-bà-không-có-chồng. Không liên quan gì đến đứa bé cả. Chị ta không biết chuyện Miss Jebeen. (May là Garson Hobart đã lo xây nhà kiên cố và tường cách âm.) Không ai trong khu biết. Tilo chưa đem nó ra ngoài. Chính cô cũng không ra ngoài nhiều, ngoại trừ thỉnh thoảng, cần thiết phải ra chợ khi đứa bé đã ngủ. Máy chủ quán có thể đã thắc mắc về những lần mua đồ ăn trẻ em khác thường. Nhưng Tilo không nghĩ cảnh sát sẽ đưa cuộc điều tra đi xa đến mức đó.

Lần đầu đọc thông báo của cảnh sát trên báo, Tilo không để tâm lắm. Nó trông như một đòi hỏi quan liêu, thủ tục được thực hiện một cách vô tâm. Tuy nhiên, đọc lần thứ hai, cô nhận ra nó có thể báo trước rắc rối thật sự. Để cho mình thời gian suy nghĩ, cô chép cẩn thận thông báo vào sổ, từng chữ một, bằng chữ thư pháp kiểu xưa, trang trí viền dây leo và hoa trái như thể nó là *Mười điều răn*. Cô không tưởng tượng nổi làm sao mà cảnh sát lần ra cô và đến gõ cửa. Cô biết mình cần một kế hoạch. Nhưng cô không có. Nên cô gọi người duy nhất trên đời cô tin rằng sẽ hiểu rắc rối này và cho cô lời khuyên đáng tin cậy.

Họ đã thành bạn hơn bốn năm nay, cô với Tiến sĩ Azad Bhartiya. Họ gặp nhau lần đầu khi cả hai đang chờ ông thợ sửa giày bên vỉa hè ở Connaught Place nổi tiếng là khéo tay và nhỏ người sửa cho đôi xăng đan. Trong tay ông, từng chiếc giày hay dép ông sửa trông như của người khổng lồ.

Trong khi họ đứng xấn vắn chân giày chân không, Tiến sĩ Bhartiya làm Tilo ngạc nhiên khi hỏi (bằng tiếng Anh) cô có điều thuốc nào không. Cô làm ông ngạc nhiên lại bằng cách đáp (bằng tiếng Hindi) rằng cô không có thuốc lá, nhưng có thể mời ông một điều beedi. Ông thợ sửa giày nhỏ choắt giăng giải cho họ hồi lâu về hậu quả của hút thuốc. Ông kể cha mình, một người hút như ống bễ, đã chết vì ung thư thế nào. Ông dùng ngón tay vẽ hình khối u phổi của cha trên cát. “Nó to thế này đây.” Tiến sĩ Bhartiya cam đoan với ông ta là mình chỉ hút thuốc trong những dịp chờ sửa giày. Cuộc trò chuyện chuyển sang chính trị. Ông thợ sửa giày nguyên rửa bầu không khí hiện hành, chửi rửa các thần thánh của mọi tín ngưỡng và tôn giáo, và kết lại màn công kích kịch liệt bằng cách cúi xuống hôn lên cái cốt giày bằng sắt của mình. Ông nói đó là Thượng Đế duy nhất ông tin. Đến khi đế dép họ được sửa xong, ông thợ sửa giày và những khách hàng đã thành bè bạn. Tiến sĩ Bhartiya mời cả hai người bạn mới đến nhà ông trên vỉa hè ở Jantar Mantar. Tilo đi. Từ đó trở đi cô không có gì phải hối tiếc.

Cô đến thăm ông mỗi tuần hai lần hoặc hơn, thường đến vào buổi tối rồi về lúc bình minh. Thi thoảng cô mang cho ông một viên thuốc tẩy giun, mà vì lý do nào đó, cô cho là cần thiết cho sức khỏe của mọi người, còn ông thì xem là đạo đức khi uống hết mặc dù đang biểu tình tuyệt thực. Cô xem ông là một người của thế giới, trong những người

thông thái nhất, tỉnh táo nhất cô biết. Cuối cùng cô thành người dịch/sao chép cũng như nhà in/nhà xuất bản giấy khổ rộng một trang của ông: *Tin tức & quan điểm của tôi*, mà ông xem lại và cập nhật hàng tháng. Họ cũng bán được tám, chín tờ mỗi ấn bản. Nhìn chung đó là một hợp tác truyền thông phát đạt - sắc sảo, không khoan nhượng về mặt chính trị, và lỗ hoàn toàn.

Hơn tám ngày rồi các đối tác truyền thông không gặp nhau -từ khi Miss Jebeen đệ nghị xuất hiện. Khi Tilo gọi cho Tiến sĩ Bhartiya kể về thông báo của cảnh sát, ông thấp giọng xuống thành thì thầm. Ông nói họ nên nói qua điện thoại càng ít càng tốt, vì họ đang bị tình báo quốc tế theo dõi thường trực. Nhưng sau giây phút thận trọng ban đầu đó, ông cứ tươi tỉnh tán gẫu. Ông kể cảnh sát đã đánh ông như thế nào và tịch thu hết giấy tờ. Ông nói rất có thể họ đã lần được đầu dây từ đó (vì tên và địa chỉ nhà xuất bản có ghi bên dưới tập sách mỏng). Hoặc vì vậy hoặc vì chữ ký bay bướm của cô trên thạch cao bó tay ông, mà họ đã cưỡng bức chụp hình theo nhiều góc cạnh. “Không ai khác ký tên bằng mực xanh lá và ghi địa chỉ,” ông nói. “Vậy nên cô chắc chắn là người đầu tiên trong danh sách của họ. Chắc đó chỉ là kiểm tra thường lệ thôi.” Nhưng ông đề nghị cô ngay lập tức cùng Jebeen lánh đến chỗ gọi là nhà trọ và dịch vụ mai táng Jannat trong phố cổ, trước mắt tạm thế đã. Người liên lạc ở đó, ông nói, là Saddam Hussain, hay chính chị chủ nhà, Tiến sĩ Anjum, người này, Tiến sĩ

Bhartiya nói, là một người vô cùng tốt bụng và đã gặp ông vài lần sau sự việc (vào cái đêm *đã nói*), hỏi thăm về đứa bé. Do cái danh vị ông đã tự tiện ban cho mình (dù bằng Tiến sĩ của ông vẫn còn “treo”), Tiến sĩ Bhartiya thường gọi những người mình thích là “Tiến sĩ” không vì lý do thật sự nào ngoài việc ông thích và quý họ.

Tilo nhận ra tên nhà trọ cũng như cái tên Saddam Hussain từ tấm danh tiếp mà người đàn ông đi ngựa trắng theo cô từ Jantar Mantar về nhà đã bỏ vào hộp thư của cô (vào cái đêm *đã nói*). Khi cô gọi anh, Saddam bảo cô rằng Tiến sĩ Bhartiya có liên lạc, và anh đang đợi cô gọi. Anh nói mình cũng nghĩ như Tiến sĩ Bhartiya, và anh sẽ quay lại gặp cô với một kế hoạch hành động. Anh khuyên cô không nên vì lý do gì mà ra khỏi nhà cùng đứa bé cho đến khi nghe tin từ anh. Cảnh sát không thể vào nhà cô mà không có lệnh khám nhà, anh nói, nhưng nếu họ đang theo dõi căn nhà, vì họ có thể làm thế, và bắt gặp cô cùng đứa bé trên đường, họ có thể làm bất cứ điều gì họ muốn. Tilo yên tâm nhờ giọng điệu và cách cuộc thân tình, có hiệu quả của anh trên điện thoại. Còn về phần Saddam, anh cũng yên tâm ở cô.

Vài tiếng sau anh gọi cô để nói đã lo liệu xong mọi thứ. Anh sẽ đón cô ở nhà lúc bình minh, có thể là từ 4 đến 5 giờ sáng, trước khi hết giờ “lấy rác” trong khu vực. Nếu *quả là* căn nhà đang bị theo dõi thì sẽ dễ thấy vào giờ đó, khi đường phố vắng tanh. Anh sẽ đến cùng một người bạn lái

chiếc xe chở rác Đô thị của Delhi. Họ phải lấy xác một con bò chết - nổ banh - vì ăn phải quá nhiều túi nhựa ở bãi rác chính ở Hauz Khas. Địa chỉ nhà cô sẽ không phải đi vòng vo nhiều. Đó là một kế hoạch dễ ợt, anh nói. “Không tên cảnh sát nào lại đi chặn một xe rác Đô thị đâu,” anh cười nói. “Nếu cô để cửa sổ mở thì cô có thể ngửi được mùi trước khi nhìn thấy bọn tôi.”

Thế là, lại một lần nữa cô chuyển đi.

Tilo xem xét căn nhà như tên trộm, bần khoản không biết mang theo cái gì. Tiêu chuẩn thế nào đây? Những thứ cô có thể cần? Hay những thứ không nên bày la liệt ở đây? Hay cả hai? Hay không cái nào? Cô chợt lơ mờ nghĩ rằng nếu cảnh sát dùng vũ lực ập vào, bắt cóc có thể hóa ra là tội nhẹ nhất trong những tội của cô.

Thứ đáng buộc tội nhất trong tất cả đồ đạc trong căn hộ của cô là chồng thùng giấy đựng hoa quả màu sáng đã được một người Kashmir bán trái cây giao tới cửa nhà cô, từng thùng một, trong vài ngày. Chúng đựng cái mà Musa gọi là “đồ vớt” của anh từ sau trận lũ đã làm ngập lụt Srinagar một năm trước.

Khi Jhelum dâng lên tràn bờ, thành phố biến mất. Từng khu dân cư ngập dưới nước. Trại lính, những trung tâm tra tấn, bệnh viện, tòa án, bót cảnh sát - đều chìm xuống. Nhà thuyền nổi trên nơi từng là các khu chợ. Hàng nghìn người xúm xít bấp bênh trên những mái nhà dốc đứng và trong các lều dựng tạm trên những chỗ đất cao hơn, đợi những

người cứu hộ không bao giờ đến. Một thành phố bị chìm là một cảnh tượng. Một cuộc nội chiến bị chìm là một hiện tượng. Quân đội biểu diễn những màn trực thăng cứu hộ tuyệt vời cho các đoàn truyền hình. Trong các bản tin trực tiếp suốt ngày đêm, phát thanh viên lấy làm nể những binh sĩ Ấn dũng cảm đang làm quá nhiều cho những người Kashmir vô ơn, gắt gỏng, không thật sự đáng được cứu. Khi lũ rút đi, nó để lại một thành phố không thể sinh sống, bùn đọng bánh. Quán xá ngập bùn, nhà cửa ngập bùn, các ngân hàng ngập bùn, tủ lạnh, tủ áo và tủ sách ngập bùn. Và một dân tộc vô ơn, gắt gỏng, sống sót mà không được cứu.

Suốt những tuần lũ kéo dài, Tilo không có tin tức gì của Musa. Cô còn không biết anh có ở Kashmir không. Cô không biết anh sống sót hay chết chìm rồi, thi thể anh dạt vào một bờ xa. Những đêm đó, khi chờ tin anh, cô dỗ ngủ mình bằng những liều thuốc ngủ mạnh, nhưng ban ngày lúc đang tỉnh thao láo cô lại mơ thấy lũ. Thấy mưa và nước cuộn cuộn, đặc kín từng cuộn dây kẽm gai ngụy trang thành rong rêu. Cá là súng máy có vây và nòng quấy qua dòng chảy xiết như đuôi tiên cá, nên ta không thể biết thực ra chúng nhắm vào ai, và ai sẽ chết khi chúng khai hỏa. Binh lính và chiến binh ghì nhau dưới nước, chuyển động chậm, như trong các phim James Bond cũ, hơi thở nổi bong bóng qua làn nước đục ngầu, như những viên đạn bạc sáng loáng. Nồi áp suất (tách rời còi), bếp ga, ghế sofa, giá sách, bàn và đồ dùng nhà bếp quay tít trong dòng nước, khiến nó

như một đường cao tốc tấp nập, hỗn loạn. Gia súc, chó, bò yak và gà bơi vòng tròn. Bản khai, biên bản thẩm vấn và thông cáo báo chí quân đội tự gấp lại thành thuyền giấy và chèo đến nơi an toàn. Các chính trị gia và người dẫn chương trình truyền hình, nam cũng như nữ, từ thung lũng cũng như đất liền đang nhảy chơi chơi qua trong những bộ đồ tắm kim sa, như một đoàn vũ công cá ngựa, diễn các tiết mục ba lê nước được biên đạo đẹp đẽ, hụp xuống, trôi lên, xoay tròn, nhón chân, sung sướng dưới nước đầy rác rưởi, cười toe toét, răng loang loáng như dây thép gai trong nắng. Riêng một chính trị gia nọ, quan điểm của ông ta không phải là không giống của bọn SS Đức quốc xã, nhào lộn dưới nước, trông đặc thẳng, quần dhoti hồ trắng tạo ấn tượng như không thấm nước.

Nó cứ trở lại, ngày này qua ngày khác, cơn ác mộng ban ngày này, mỗi lần lại có những thêm thắt mới.

Một tháng trôi qua rồi cuối cùng Musa cũng gọi điện. Tilo nổi giận với anh vì giọng anh có vẻ vui. Anh nói ở Srinagar không còn nhà an toàn nào để anh cất “đồ vót” của anh sau trận lũ, và hỏi anh có thể để chúng ở căn hộ cô cho đến khi thành phố gượng dậy được không.

Anh có thể. Dĩ nhiên là anh có thể.

Chúng thật hảo hạng, những trái táo Kashmir được chuyển đến trong mấy thùng giấy đặt làm, những thùng đỏ, đỏ nhạt hơn, xanh lá, và gần đen - Delicious, Golden Delicious, Ambri, Kaala Mastana - tất cả đều được bọc

riêng trong giấy vụn. Mỗi thùng đều có danh thiếp của Musa - một phác họa đầu ngựa - nhét trong một góc. Mỗi thùng đều có đáy giả. Mỗi đáy giả chứa “đồ vót” của anh.

Tilo mở mấy cái thùng để nhớ lại cái gì trong đó và xem phải làm gì - mang đi hay để lại? Musa giữ một chìa duy nhất khác của căn hộ. Garson Hobart đã đáp an toàn ở Afghanistan. Dù có thế nào anh cũng không có chìa khóa. Vậy nên để yên đây không phải nguy hiểm gì lắm. Trừ khi, trừ khi, trừ khi - có khi nào cảnh sát sẽ ập vào?

“Đồ vót” ít ỏi và rõ ràng là được gửi vội vàng. Lúc mới chuyển đến có mấy thùng còn đóng bùn - dày, phù sa sông đen kịt. Một số còn nguyên vẹn và rõ ràng đã thoát được trận lũ. Có một cuốn album hồng có hình ảnh gia đình loang nước, hầu hết khó nhận ra, của con gái Musa, Miss Jebeen đệ nhất, và mẹ, Arifa. Có một xấp hộ chiếu đựng trong túi nhựa Ziploc - bảy cái cả thủy, hai cái Ấn Độ và năm cái quốc tịch khác - Iyad Khareef (Musa hồn nhiên người Lebanon), Hadi Hassan Mohseni (Musa thông thái và hướng dẫn viên người Iran), Faris Ali Halabi (Musa người cưới ngựa Syria), Mohammed Nabil al-Salem (Musa nhà quý tộc Qatar), Ahmed Yasir al-Qassimi (Musa người giàu có từ Bahrain). Musa mày râu nhẵn nhụi, Musa có chòm râu muối tiêu, Musa tóc dài và không để râu, Musa tóc húi ngắn và bộ râu cắt tỉa. Tilo nhận ra cái tên đầu tiên, Iyad Khareef, là cái tên Musa vẫn luôn thích, và họ đã cùng cười về nó suốt thời đại học, vì nó có nghĩa là “người hồn nhiên

sinh vào mùa thu”. Tilo có một biến thể về đề tài này dành cho người cô thấy bức - Gandoo Khareef. Tên khốn sinh vào mùa thu. (Hồi trẻ cô cực kỳ xấu miệng, và khi cô mới học tiếng Hindi, lấy làm thú mà dùng các thán ngữ mới học làm nền để xây một vốn từ cơ sở.)

Một gói nhựa khác có các thẻ tín dụng đóng bìa với tên khớp trên hộ chiếu, thẻ lên máy bay và một vài vé máy bay - tàn tích từ thời vé máy bay còn tồn tại. Có những cuốn sổ điện thoại cũ, nhồi nhét tên tuổi, địa chỉ và số điện thoại. Viết xiên, ngang trang sau một cuốn, Musa nguệch ngoạc một đoạn bài hát:

*Đêm chuyển sang ngày rồi ngày trở sang đêm
Ba xe ngựa đen, ba cỗ xe kéo trắng,
Cái hợp đoàn ta cũng là cái chia lìa,
Anh em ta mất, trái tim ta cũng mất.*

Anh đang than khóc cho ai? Cô không biết. Có lẽ là cả một thế hệ.

Có một bức thư viết dở, trên một mẫu giấy viết thư màu xanh lam nội địa. Nó không đề gửi cho ai. Có thể anh đang viết cho chính mình... hay cho cô, vì nó mở đầu bằng một bài thơ tiếng Urdu anh cố dịch ra, chuyện anh thường làm cho cô:

*Duniya ki mehfilon se ukta gaya hoon ya Rab
Kya lutf anjuman ka, jab dil hi bujh gaya ho*

Shorish se bhagta hoon, dil dhoondta hai mera

Aisa sukoot jis pe taqreer bhi fida ho

Ôi Chúa, con đã chán những cuộc vui trần thế

Còn gì vui, khi ánh sáng tim con đã tắt?

Con chạy trốn chốn đông vui huyên náo,

Lòng con tìm thứ lặng im lời nói cũng say sưa

Bên dưới anh ghi: Tôi không biết dừng ở đâu, hay làm sao để đi tiếp. Tôi dừng lúc không nên dừng. Tôi đi tiếp khi nên dừng. Có mệt mỏi. Nhưng cũng có bất chấp. Cùng nhau, chúng định nghĩa về tôi những ngày này. Cùng nhau, chúng lấy cặp giắc ngủ của tôi, và cùng nhau, chúng khôi phục tâm hồn tôi. Có nhiều vấn đề mà không thấy giải pháp đâu. Bạn thành thù. Nếu không phải những kẻ nói thành lời thì cũng là im lặng, lảm lì. Nhưng tôi chưa thấy kẻ thù hóa thành bạn. Dường như không có hi vọng. Nhưng giả vờ có hi vọng là ân huệ duy nhất chúng tôi có...

Cô không biết bạn anh nói là ai.

Cô biết rằng chẳng khác nào phép lạ khi Musa vẫn còn sống.

Trong mười tám năm trôi qua kể từ 1996, anh sống một cuộc đời mà mỗi đêm đều rất có thể là đêm thanh trừng. “Làm sao chúng còn giết anh được nữa?” Anh sẽ nói nếu đánh hơi thấy vẻ lo lắng ở Tilo. “Em đến đám tang của anh rồi. Em đặt hoa lên mộ anh rồi. Chúng còn làm gì anh được nữa đây? Anh là cái bóng lúc giữa trưa. Anh không tồn tại.”

Lần cuối gặp cô, anh nói gì đó với cô, thản nhiên, khôi hài, nhưng nỗi đau trong ánh mắt. Nó làm máu cô đông lại.

“Những ngày này ở Kashmir, ta có thể bị giết vì còn sống.”

Trong chiến trận, Musa bảo Tilo, kẻ thù không thể bẻ gãy ý chí ta, chỉ bạn bè mới làm được.



Trong một thùng khác có một con dao đi săn và chín điện thoại di động - rất nhiều, đối với một người không dùng điện thoại - những điện thoại cũ cỡ viên gạch nhỏ, những điện thoại Nokia nhỏ xíu, một smartphone của Samsung và hai iPhone. Khi được chuyển tới, dính bùn, chúng trông như mấy thanh sô cô la hóa thạch. Giờ đây, không còn bùn, chúng chỉ trông cũ kỹ và không dùng được. Có một xấp bài báo cắt ra đã ố vàng, quắt queo, bài đầu có một phát biểu của Thủ hiến Kashmir thời đó. Có người đã gạch chân câu đó:

Chúng ta không thể cứ tiếp tục đào cả nghĩa trang lên được. Chúng ta ít nhất cũng cần hướng dẫn chung từ người thân của những người mất tích, nếu không nói là thông tin thật cụ thể. Đâu có nhiều khả năng là nơi thân nhân mất tích của họ bị chôn hơn?

Thùng thứ ba đựng một khẩu súng lục, vài viên đạn ròi, một lọ thuốc viên (cô không biết thuốc viên gì, nhưng đủ sức đưa ra một suy đoán hiểu biết - cái gì đó bắt đầu bằng

chữ C) và một cuốn sổ có vẻ như không bị trận lũ tàn phá. Tilo nhận ra cuốn sách và chữ viết trong đó là của cô, nhưng cô tò mò đọc qua nội dung trong đó, như thể nó do ai khác viết. Dạo này nào cô có cảm giác như một thứ “đồ vớt” - đóng bừa. Không chỉ nào, mà chính cô, cả người cô, có cảm giác như một thứ đồ vớt lại được - một sự tích tụ các thứ đồ vớt đóng bừa, gộp lại một cách ngẫu nhiên.

Rất lâu trước khi trở thành người viết tốc ký cho mẹ và Tiến sĩ Azad Bhartiya, Tilo là người ghi tốc ký kỳ lạ, bán thời gian cho quân đội chiếm đóng toàn thời gian. Sau biến cố ở Shiraz, sau khi quay về Delhi và cưới Naga, cô quay trở lại Kashmir như bị ám, tháng này qua tháng khác, năm này sang năm khác, như thể tìm kiếm cái gì đó cô bỏ lại. Cô với Musa hiếm khi gặp nhau trong những chuyến đi đó (khi gặp, chủ yếu là ở Delhi). Nhưng khi cô ở Kashmir, anh dõi theo cô từ chỗ đậu kín đáo của mình. Cô biết những người thân tình xuất hiện không biết từ đâu, để lảng vảng bên cô, đi cùng cô, mời cô về nhà, là người của Musa. Họ niềm nở với cô và kể cô nghe những điều họ cũng khó mà nói với chính mình, chỉ vì họ quý Musa - hay ít ra là cái họ nghĩ về anh, người họ biết là cái bóng trong những cái bóng. Musa không biết cô đang tìm kiếm gì, cô cũng không biết. Nhưng cô tiêu hầu hết tiền kiếm được từ việc thiết kế và in ấn vào các chuyến đi này. Thỉnh thoảng cô chụp những tấm kỳ lạ. Cô ghi lại những điều lạ lùng. Cô sưu tầm những mẫu chuyện và những sự việc đáng nhớ khó lý giải mà có vẻ như

không có dụng đích gì. Dường như không có một mô thức hay chủ đề nào khiến cô thích thú hẳn. Cô không có nhiệm vụ nhất định nào, không dự án. Cô không viết cho một tờ báo hay tạp chí, cô không viết sách hay làm phim. Cô không để tâm đến những thứ mà đa số sẽ cho là quan trọng. Qua nhiều năm, kho lưu trữ kỳ lạ, rời rạc của cô trở nên nguy hiểm lạ lùng. Đó là kho đồ vớt, không phải từ trận lũ, mà từ một kiểu thảm họa khác. Theo bản năng cô cất kín nó không cho Naga hay biết, và đánh số thứ tự theo một logic phức tạp nào đó của riêng cô mà cô làm theo bản năng nhưng không hiểu. Không có gì trong những thứ đó bằng được cái hung hăng của lý lẽ thật sự trong đời thật. Nhưng chuyện đó không quan trọng.

Sự thật là cô về lại Kashmir để làm dịu trái tim khắc khoải của mình, và để chuộc lại tội ác mà cô không gây ra.

Và để đặt hoa tươi lên mộ thủ lĩnh Gulrez.

Cuốn sổ Musa gửi trả lại cùng những “đồ vớt” là của cô. Chắc cô đã bỏ lại trong một chuyến đi. Ít trang đầu kín chữ viết của cô, còn lại trống trơn. Cô cười toét khi thấy trang mở đầu:

*Sách Reader's Digest ngữ pháp và đọc hiểu tiếng Anh
cho trẻ em*

do S. Tilottama biên soạn

Cô lấy cho mình cái gạt tàn, ngồi xếp bằng giữa sàn rồi

hút tì tì đến hết cuốn sách. Nó chứa đựng những chuyện kể, bài báo và vài mục nhật ký:

ÔNG GIÀ & CON TRAI

Khi Manzoor Ahmed Ganai thành chiến binh, lính tới nhà bắt cha anh, Aziz Ganai đẹp đẽ, luôn chần chu. Ông bị giam giữ ở trung tâm thẩm vấn Haider Baig. Manzoor Ahmed Ganai làm chiến binh một năm rưỡi. Cha anh vẫn ngồi tù trong một năm rưỡi.

Ngày Manzoor Ahmed Ganai bị giết, lũ lính tươi cười mở cửa buồng giam cha anh. “*Jenaab*, ông muốn Azadi hả? *Mubarak ho aapko*. Xin chúc mừng! Hôm nay điều ước của ông đã thành hiện thực. Tự do của ông tới rồi.”

Dân làng khóc cho kẻ thương tật tập tễnh chạy qua vườn quả, áo quần rách tươm, cặp mắt thất thần và râu tóc không cắt một năm rưỡi nhiều hơn là cho cậu con trai bị giết.

Kẻ thương tật tập tễnh vừa kịp giở tấm vải hôn lên mặt người con trai trước khi họ chôn anh.

Câu hỏi 1 (CH1): Tại sao dân làng khóc cho kẻ thương tật tập tễnh?

CH2: Tại sao kẻ thương tật tập tễnh?

TIN TỨC

Thông tấn Chỉ đạo Kashmir

Hàng chục gia cầm băng qua vạch kiểm soát ở Rajouri.

Ít nhất 33 gia súc bao gồm 29 con trâu đã băng qua phía Pakistan ở khu Nowshera thuộc quận Rajouri ở Jammu và Kashmir.

Theo kênh truyền hình KGNS, gia súc băng qua vạch kiểm soát trong tiểu khu Kalsia. “Đàn gia súc thuộc về Ram Saroop, Ashok Kumar, Charan Das, Ved Prakash và những người khác đang ăn cỏ gần vạch kiểm soát thì chúng băng qua bên kia,” dân địa phương

trả lời KGNS.

Đánh dấu vào ô:

CHI: Tại sao gia súc băng qua vạch kiểm soát?

- (a) Để được huấn luyện
- (b) Vì các chiến dịch lên vào
- (c) Không phương án nào.

VỤ ÁN HOÀN HẢO (câu chuyện của J)

Chuyện này xảy ra vài năm trước, trước khi tôi giải ngũ. Có lẽ là năm 2000 hay 2001. Lúc đó tôi là phó Cảnh sát trưởng, nhận nhiệm sở ở Mattan.

Một đêm, vào khoảng 11 giờ rưỡi, chúng tôi nhận được cuộc gọi từ làng bên. Người gọi là dân làng, nhưng hấn không chịu khai tên. Hấn nói ở đó có một vụ án mạng. Thế là chúng tôi đi. Tôi, cùng với sếp, Cảnh sát trưởng. Lúc đó là tháng Giêng. Rất lạnh. Tuyết bốn bề.

Chúng tôi đến làng. Dân làng ở cả trong nhà. Cửa khóa. Đèn tắt. Tuyết đã ngừng rơi. Đêm quang đãng. Trăng tròn. Trăng soi trên tuyết. Ta có thể thấy mọi thứ rất rõ ràng.

Chúng tôi thấy thi thể một người đàn ông, một người to khỏe. Hấn ta đang nằm trên tuyết. Hấn vừa bị giết. Máu ngập trên tuyết. Máu vẫn còn ấm. Máu làm tan băng. Tuyết vẫn đang bốc hơi. Hấn nằm đấy như đang được nấu...

Ta có thể thấy rằng sau khi bị rạch họng, hấn đã lết khoảng ba mươi mét để gõ cửa một nhà. Nhưng vì sợ mà không ai ra mở cửa, nên hấn chảy máu tới chết. Như tôi đã nói, hấn là một người to khỏe, vậy nên máu nhiều lắm. Hấn mặc đồ Pathan - salwar kameez - hấn mặc áo chống đạn ngực trang, và một băng đạn còn nguyên. Một khẩu AK-47 nằm gần hấn. Chúng tôi không nghi ngờ gì rằng hấn là chiến binh - nhưng ai giết hấn? Nếu là quân đội thì dĩ nhiên

họ đã đem xác đi mà nhận trách nhiệm giết ngay. Nếu là một nhóm chiến binh đối địch thì chúng đã tước vũ khí của hắn rồi. Đây là một câu đố lớn cho chúng tôi.

Chúng tôi đồn dân làng lại tra hỏi. Không ai nhận có nhìn thấy hay nghe hay biết gì. Chúng tôi đem thi thể về đồn cảnh sát Mattan. Ở đó, Cảnh sát trưởng của tôi gọi cho sĩ quan chỉ huy trại Rashtriya Rifle (RR) - trại lính - gần đấy xem anh ta có biết gì về chuyện đó không. Không biết gì.

Không khó nhận diện thi thể. Hắn ta là một thủ lĩnh chiến binh có tiếng, cao cấp. Hắn thuộc Hizb. Hizb-ul-Mujahideen. Nhưng không ai nhận trách nhiệm giết. Nên cuối cùng sĩ quan chỉ huy quân đội và Cảnh sát trưởng của tôi quyết định nhận mình làm. Họ thông báo hắn thiệt mạng trong cuộc đụng độ theo sau một chiến dịch vây ráp do RR và JKF (Cảnh sát Jammu và Kashmir) phối hợp tiến hành.

Câu chuyện đăng trên báo chí trong nước như sau: *Trong một cuộc đọ súng dữ dội kéo dài nhiều giờ, một chiến binh nguy hiểm đã thiệt mạng trong một chiến dịch phối hợp giữa Rashtriya Rifles và Cảnh sát Jammu và Kashmir do thiếu tá XX và Cảnh sát trưởng YY chỉ huy.*

Cả hai bên, RR và JKP, được nêu tên nên chúng tôi chia nhau tiền thưởng. Chúng tôi trả thi thể tên chiến binh về cho gia đình và kín đáo dò hỏi xem họ có biết ai giết hắn không. Chúng tôi không biết được gì thêm.

Bảy ngày sau, tại một làng khác, người ta phát hiện một chiến binh Hizb khác bị chặt đầu. Hắn là cấp phó của người đàn ông đầu tiên chúng tôi tìm thấy xác. Hizb nhận trách nhiệm vụ sát hại. Trong nội bộ với nhau thì họ để mọi người hiểu rằng hắn bị giết vì đã sát hại thủ lĩnh và cướp đi hai mươi lăm lakh* tiền mặt đáng ra để chia nhau trong lực lượng nòng cốt.

Câu chuyện đăng trên báo quốc gia như sau:

Chiến binh chặt đầu rừng rợn thường dân vô tội

CH1: Ai là nhân vật chính trong câu chuyện này?

KỂ CHỈ ĐIỂM - I

Trong vùng đã được khai báo ở Tral. Một ngôi làng được gọi là Nav Dal. Đó là năm 1993. Khắp làng nhan nhản chiến binh. Đó là một làng “được giải phóng”. Quân đội đóng ở ngoại ô, nhưng binh lính không dám vào làng. Một thế bí hoàn toàn. Không người dân nào đến gần doanh trại. Không có bất kì kiểu trao đổi giữa binh lính và dân làng.

Thế mà, tên sĩ quan chỉ huy trại biết từng động tĩnh của các chiến binh. Dân làng có ai ủng hộ phong trào, ai không, ai tình nguyện cung cấp lương thực và chỗ tá túc cho các chiến binh, ai không.

Suốt nhiều ngày, họ tổ chức canh phòng nghiêm ngặt. Không một ai bén mảng đến doanh trại. Không một tên lính nào vào làng. Vậy mà, thông tin vẫn đến tai quân đội.

Sau cùng các chiến binh để ý thấy một con bò đực đen lảng vảng của làng cứ thường xuyên đến trại. Họ chặn con bò lại. Buộc trên sừng, cùng với đủ thứ *taveez* (để giữ nó khỏi bệnh tật, khỏi bùa ngải, khỏi liệt dương), là những mẫu giấy nhỏ ghi thông tin.

Ngày hôm sau, chiến binh gắn một quả bom tự chế vào sừng con bò. Họ cho nổ khi con bò đến gần trại. Không ai chết cả. Con bò bị thương nặng. Người mổ bò trong làng đề nghị làm “halal” để dân làng ít ra còn được chén thịt.

Chiến binh đưa ra một sắc lệnh. Đó là một Bò chỉ điểm. Không ai được ăn thịt nó.

Amen.

CH1: Ai là nhân vật chính trong câu chuyện?

KẺ CHỈ ĐIỂM - II

Hắn thích bán đứng mọi người, vì điều này làm hắn mất nhân phẩm. Tự làm mình mất nhân phẩm là khuynh hướng cơ bản nhất của tôi.

Jean Genet

Tôi vẫn chưa thôi hạnh phúc.

Anna Akhmatova

CH1: Ai là nhân vật chính trong câu chuyện?

TRINH NỮ

Vụ tấn công cảm tử nhắm vào trại lính bị hủy vào phút chót bởi không ai hết ngoài chính đội cảm tử. Họ có quyết định này vì Abid Ahmed biệt danh Abid Suzuki, tài xế chiếc Maruti Suzuki họ đi, lái dở tệ. Chiếc xe nhỏ quặt sang trái, rồi quặt sang phải, như thể đang né cái gì đó. Nhưng đường vắng và không có gì để tránh cả. Khi các bạn đồng hành của Abid Suzuki (không ai biết lái) hỏi anh ta có chuyện gì vậy, anh ta nói đó là những tiên nữ đến để đưa tất cả họ lên thiên đường. Họ trần truồng và nhảy trên ca-pô, làm anh phân tâm.

Không làm sao biết chắc các tiên nữ khóa thân còn trong trắng hay không.

Nhưng Abid Suzuki thì chắc chắn là còn trinh.

CH1: Tại sao Abid Suzuki lái xe dở tệ?

CH2: Ta xác định trinh tiết một người đàn ông bằng cách nào?

NGƯỜI QUẢ CẢM

Mehmood là thợ may ở Budgam. Ước ao lớn nhất của anh là được chụp hình tạo dáng với súng. Cuối cùng một người bạn học của anh đã gia nhập cánh chiến binh đưa anh đến sào huyệt của họ và biến giấc mơ của anh thành hiện thực. Mehmood quay về

Srinagar cùng phim âm bản và đem đến tiệm chụp hình Taj để rửa. Anh thương lượng giảm giá mỗi tấm 25 paisa. Khi anh đến lấy hình thì lực lượng biên phòng bao vây tiệm chụp hình Taj và bắt anh ngay tại trận với những tấm hình. Anh bị giải về trại tra tấn nhiều ngày. Anh không chịu tiết lộ thông tin. Anh bị kết án mười năm tù.

Vài tháng sau thủ lĩnh chiến binh đã giúp chụp hình bị bắt. Hai khẩu AK-47 và vài băng đạn của anh bị thu hồi. Hai tháng sau anh được thả.

CH1: Vậy có đáng không?

KẺ MUU LỢI

Thằng bé vẫn luôn muốn làm một cái gì đó. Nó mời bốn chiến binh đến ăn tối rồi lén bỏ thuốc ngủ vào đồ ăn. Khi họ ngủ nó gọi cho quân đội. Họ giết các chiến binh rồi thiêu rụi căn nhà. Quân đội đã hứa cho thằng bé một nghìn mét đất và một trăm năm mươi nghìn rupee. Họ chỉ đưa nó năm mươi nghìn và cấp chỗ ở trong khu ngay ngoài trại lính. Họ nói nếu nó muốn một công việc lâu dài với họ thay vì chỉ làm công nhật, nó sẽ phải bắt cho họ hai chiến binh nước ngoài. Nó cũng bắt được một chiến binh Pakistan “còn sống” nhưng khó tìm được người nữa. “Xui là dạo này công chuyện tệ hại,” nó nói với PI*. “Mọi chuyện đã đến nước mà ta không thể cứ giết ai đó rồi giả vờ hắn là chiến binh nước ngoài. Vậy nên công việc của tôi không thể lâu dài được.”

PI hỏi nó, nếu có một cuộc trưng cầu dân ý nó sẽ bầu ai, Ấn Độ hay Pakistan?

“Đương nhiên là Pakistan.”

“Vì sao?”

“Bởi vì đó là Mulk (tổ quốc) của chúng tôi. Nhưng chiến binh Pakistan không thể giúp chúng tôi theo cách này. Nếu tôi giết được họ và có một công việc tốt thì nó sẽ giúp tôi.”

Nó kể với PI rằng khi Kashmir trở thành một phần của Pakistan,

anh ta sẽ không thể sống sót ở đó. Nhưng nó thì được. Nhưng đó, nó nói, chỉ là chuyện lý thuyết. Vì sẽ bị giết ngay.

CH1: Thăng bé nghĩ mình sẽ bị ai giết?

- (a) Quân đội
- (b) Chiến binh
- (c) Pakistan
- (d) Những người chủ ngôi nhà bị đốt cháy.

NGƯỜI ĐƯỢC GIẢI NOBEL HÒA BÌNH

Manohar Mattoo là một người Kashmir Ấn giáo ở lại thung lũng kể cả sau khi những người Ấn giáo khác đã đi khỏi. Anh trầm chán nản và đau đớn vô cùng vì những châm chọc từ các bạn Hồi giáo nói rằng tất cả những người Ấn giáo ở Kashmir thật ra, cách này hay cách khác, là gián điệp của lực lượng chiếm đóng Ấn Độ. Manohar đã tham gia vào mọi cuộc biểu tình phản đối Ấn Độ, và hét lên *Azadi!* to hơn bất cứ ai. Nhưng xem ra chẳng được gì. Có lúc anh còn tính cầm vũ khí và gia nhập Hizb, nhưng sau cùng anh quyết định không làm. Một ngày nọ một bạn học cũ của anh, Aziz Mohammed, một sĩ quan tình báo, đến nhà thăm và bảo rằng thấy lo cho anh. Hắn nói đã thấy hồ sơ theo dõi Mattoo. Hồ sơ đề nghị giám sát anh vì anh cho thấy “những khuynh hướng phản quốc”.

Khi nghe tin Mattoo cười tươi và nở ngực vì tự hào.

“Anh đã trao cho tôi giải Nobel!” Anh nói với bạn.

Anh dẫn Aziz Mohammed ra quán Café Arabica và mời hắn cà phê và bánh hết 500 rupee.

Một năm sau Mattoo bị một tay súng lạ mặt bắn vì là một kafir*.

CH1: Vì sao Mattoo bị bắn?

- (a) Vì anh ta là người Ấn giáo
- (b) Vì anh ta muốn Azadi
- (c) Vì anh ta được giải Nobel Hòa bình

- (d) Tất cả đều sai
- (e) Tất cả các phương án trên

CH2: Tay súng không rõ có thể là ai?

- (a) Một chiến binh Hồi giáo nghĩ rằng tất cả kafir phải chết
- (b) Một gián điệp của lực lượng chiếm đóng muốn mọi người nghĩ rằng mọi chiến binh Hồi giáo nghĩ rằng tất cả kafir phải chết
- (c) Không có phương án nào
- (d) Ai đó muốn mọi người điên lên hết khi thử đi tìm đáp án

KHADIJA NÓI...

Ở Kashmir khi chúng tôi ngủ dậy và nói “Chào buổi sáng” thì ý chúng tôi thực ra là “Chào buổi tang”.

THỜI GIAN ĐỔI THAY XOÀNH XOẠCH

Cô Dil Afroze là một người cơ hội ai cũng biết, theo nghĩa đen, khá là tin vào việc thay đổi theo thời thế. Khi phong trào dường như đang lên vùn vụt, cô ta sẽ chỉnh giờ đồng hồ đeo tay nhanh hơn nửa tiếng so với giờ chuẩn Pakistan. Khi quân chiếm đóng giành lại kiểm soát cô ta sẽ chỉnh đồng hồ sang giờ chuẩn Ấn. Trong thung lũng người ta kháo nhau, “Đồng hồ của cô Dil Afroze không hẳn là đồng hồ, đó là một tờ báo.”

CH1: Bài học trong câu chuyện này là gì?

NGÀY CÁ THÁNG TƯ 2008: Thật ra đó là đêm Cá tháng Tư. Cả đêm tin đến lác đác, gửi từ điện thoại di động này sang điện thoại di động khác: *“Đụng độ” tại một ngôi làng ở Bandipora*. BSF* và STF nói họ nhận được thông tin cụ thể rằng có chỉ huy chiến dịch của Lashkar-e-Taiba và một số người nữa - trong một căn nhà ở làng Chithi Bandi. Có một cuộc trưng trị thẳng tay. Cuộc đụng độ diễn ra cả đêm. Quá nửa đêm quân đội thông báo chiến dịch đã

thành công. Họ nói hai chiến binh bị tiêu diệt. Nhưng cảnh sát nói không có thi thể.

Tôi cùng P. đến Bandipora. Chúng tôi lên đường lúc bình minh.

Từ Srinagar đến Bandipora con đường quanh co qua những cánh đồng mù tạc. Hồ Wular như mặt gương, khôn dò. Những chiếc thuyền thanh mảnh điệu dàng trên hồ như người mẫu thời trang, P. kể tôi rằng mới đây, như một phần của “Chiến dịch thiện chí”, quân đội đưa hai mươi một trẻ em đi dã ngoại trên một tàu hải quân. Tàu bị lật. Cả hai mươi một đứa trẻ chết chìm. Khi cha mẹ những đứa trẻ chết chìm biểu tình thì họ bị bắn. Những người may mắn hơn thì chết.

Bandipora là vùng “giải phóng”, họ nói. Như Sopore trước kia. Như Shopian hiện tại. Bandipora có núi cao sau lưng che chở. Khi chúng tôi tới nơi thì thấy là cuộc trừng trị thẳng tay vẫn chưa dứt.

Dân làng nói nó bắt đầu từ 3 giờ 30 chiều hôm trước. Người dân bị dí súng cưỡng bức ra khỏi nhà. Họ phải để nhà mở toang, trà nóng chưa uống, sách mở, bài về nhà làm chưa xong, đồ ăn trên lò, hành đang chiên, cà chua đã xắt chờ bỏ vào nồi.

Có hơn một nghìn binh lính, dân làng nói. Có người nói bốn nghìn. Ban đêm nổi kinh hoàng nhân lên gấp bội, lá cây tiêu huyền chắc hẳn trông như lính. Khi cuộc đàn áp tiếp diễn, và bình minh hừng, không chỉ những phát súng thỉnh thoảng xé toạc mọi người, mà còn những âm thanh nhỏ hơn, tiếng tử mở, tiền và trang sức bị cướp mất, của gia bảo bị đập nát. Gia súc bị nướng sống trong chuồng.

Một căn nhà to thuộc về anh của một nhà thơ bị san bằng. Nó thành một đồng gạch vụn. Không tìm thấy thi thể nào. Các chiến binh đã chạy thoát. Hoặc có thể họ chưa từng ở đây.

Nhưng sao quân đội vẫn còn ở đây? Binh lính với súng máy, xẻng và súng cối khổng lồ chế đám đông.

Thêm tin tức:

Hai thanh niên đã bị bắt tại một trạm xăng gần đây.

Đám đông chết lặng.

Quân đội thông báo đã giết hai chiến binh ở Chithi Bandi. Nên giờ họ phải trình xác ra. Dân biết đời thực là thế nào. Thỉnh thoảng kịch bản được viết sẵn từ trước.

“Nếu xác hai thanh niên đó vừa bị chết cháy thì chúng tôi sẽ không chấp nhận câu chuyện của quân đội.”

Ấn Độ rút đi! Quay về đi!

Người ta thoáng thấy một tên lính đứng trong thánh đường của làng, nhìn xuống họ. Hắn không cởi giày ra trong chốn linh thiêng. Tiếng la ó rộ lên. Từ từ nòng súng giờ lên nhắm. Không khí co rúm và đặc lại.

Một tiếng súng vang lên từ nhà cũ của anh trai nhà thơ. Đó là một thông báo. Quân đội sẽ rút. Đường làng không đủ rộng cho chúng tôi và họ, vậy nên để nhường đường cho họ, chúng tôi nép người vào tường. Lính đi hàng một qua. Tiếng la ó đuổi theo họ như gió hú xuôi đường làng. Ta còn cảm nhận được cơn giận và sự xấu hổ của đám lính. Ta còn cảm nhận được sự bất lực của họ nữa. Điều đó có thể thay đổi trong chớp mắt.

Tất cả những gì họ phải làm là quay lại bắn.

Tất cả những gì người dân phải làm là nằm xuống chết.

Khi tên lính cuối cùng đi rồi, dân leo lên đồng đồ nát của ngôi nhà đã cháy. Những tấm tôn từng là mái vẫn còn cháy âm ỉ. Một cái rương cháy thiêu mở nắp, lửa vẫn từ đó vọt ra. Cái gì trong đó mà cháy đẹp thế kia?

Trên đồng gạch vụn nhỏ bốc khói, dân đứng hát:

Hum Kya Chahtey?

Azadi!

Và họ kêu gọi Lashkar:

Aiwa Aiwa!

Lashkar-e-Taiba!

Lại có thêm tin.

Mudasser Nazir đã bị đội đặc nhiệm bắt.

Cha anh đến. Ông thở sườn sượt. Mặt mày đen nhẻm. Một chiếc lá mùa thu trong mùa xuân.

Họ đã bắt con ông về trại.

“Nó không phải chiến binh. Nó bị thương trong cuộc biểu tình năm ngoái.”

“Chúng nói nếu muốn con trai quay về thì cho con gái ông qua đây. Chúng nói nó là một OGW - một người hoạt động công khai. Rằng cô đã giúp một người của Hizb vận chuyển đồ.”

Có thể đúng, có thể không. Đằng nào thì cô cũng tiêu rồi.

Tôi sẽ giúp một người của Hizb vận chuyển đồ.

Rồi anh ta sẽ giết tôi vì tôi là tôi.

Đàn bà xấu xa, không che kín.

Người Ấn

Người Ấn?

Sao cũng được

Cứ như vậy.

KHÔNG CÓ GÌ CẢ

Tôi muốn được viết một câu chuyện phức tạp, trong đó dù không có gì xảy ra nhiều nhưng có nhiều thứ để viết. Chuyện đó không thể làm được ở Kashmir. Chuyện không phức tạp, chuyện ở đây. Máu me nhiều quá không văn chương nào hay được.

CH1: Vì sao chuyện không phức tạp?

CH2: Lượng máu chấp nhận được trong văn hay là bao nhiêu?



Mục ghi chép cuối cùng trong sổ tay là một thông cáo báo chí của quân đội, dán vào một trang:

**PHÒNG THÔNG TIN BÁO CHÍ
(LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG)
VĂN PHÒNG QUAN HỆ CÔNG CHÚNG
CỦA CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA ẤN ĐỘ,
BỘ QUỐC PHÒNG, SRINAGAR**

CÁC BÉ GÁI BANDIPORA ĐI DU NGOẠI

Bandipora 27 tháng Chín: Hôm nay là một ngày trọng đại trong cuộc đời của 17 bé gái làng Erin và Dardpora thuộc quận Bandipora khi chuyển du ngoại SADHBHAVANA 13 ngày đến Agra, Delhi và Chandigarh, xuất phát do bà Sonya Mehra và lữ đoàn trưởng Anil Mehra, chỉ huy, lữ đoàn Sơn cước 81 từ các khu vực đánh cá làng Erin dẫn đầu. Các cô bé được hai bà lớn tuổi và hai hội đồng thôn đi kèm cùng với các sĩ quan của Rashtriya Rifles 14. Họ sẽ tham quan các địa điểm có ý nghĩa lịch sử và giáo dục ở Agra, Delhi và Chandigarh. Họ sẽ có vinh dự tiếp xúc Thống đốc của Punjab và bang sở tại.

Lữ đoàn trưởng Anil Mehra, chỉ huy lữ đoàn Sơn cước 81, trong khi phát biểu với những người tham gia chuyển tham quan, dặn họ tận dụng cơ hội tuyệt vời họ có được. Anh ta cũng dặn mọi người nhiệt tình quan sát tiến bộ các bang khác đạt được và xem mình là những sứ giả hòa bình. Có mặt trong dịp này để nồng nhiệt đưa tiễn là đại tá Prakash Singh Negi, sĩ quan chỉ huy, 14 Rashtriya Rifles, các trưởng thôn được bầu của hai làng và phụ huynh của những em tham gia cùng dân chúng trong vùng tụ tập.

Đọc cuốn *Reader's Digest* ngữ pháp và đọc hiểu tiếng Anh cho trẻ em mất thời gian bằng hai điều beedi và bốn điều thuốc. Tất nhiên nếu điều chỉnh tốc độ đọc/hút, cả hai đều có thể thay đổi.

Tilo mỉm cười một mình, nhớ lại một chuyến du ngoạn thiện chí khác như chuyến được miêu tả trong thông cáo báo chí mà quân đội đã rất tốt bụng tổ chức cho các cậu bé Muskaan, trại mồ côi của quân đội ở Srinagar. Musa hẳn muốn cô gặp anh ở Pháo Đài Đỏ. Chuyện đó có lẽ là mười năm trước. Lúc đó cô vẫn còn sống với Naga.

Vào dịp đó, Musa, lúc táo bạo nhất, là một trong những thường dân theo hộ tống nhóm. Họ đi ngang Delhi trên đường đến Agra để tham quan Taj Mahal. Lúc ở Delhi, các trẻ mồ côi được dẫn đi xem Qutb Minar, Pháo Đài Đỏ, cổng Ấn Độ, Rashtrapati Bhavan, Tòa nhà Quốc hội, Birla House (nơi Gandhi bị bắn), Teen Murti (nơi Nehru từng sống) và số 1 đường Safdarjung (nơi Indira Gandhi bị các cận vệ người Sikh của bà bắn). Không ai nhận ra được Musa. Anh tự xưng là Zahoor Ahmed, cười nhiều hơn cần thiết và tập tành cái vẻ xun xoe, lom khom, hơi đần độn.

Anh và Tilo gặp nhau như người dung tình cờ ngồi cạnh nhau, trên băng ghế trong bóng tối ở Buổi diễn Âm thanh và Ánh sáng tại Pháo Đài Đỏ. Hầu hết khán giả còn lại là du khách nước ngoài. “Đây là hợp tác làm ăn giữa bọn anh và lực lượng an ninh,” Musa thì thầm với cô. “Thỉnh thoảng, trong những hợp tác kiểu này, các đối tác không biết mình

là đối tác của nhau. Quân đội nghĩ đó là dạy trẻ con tình yêu đối với Tổ quốc. Còn bọn anh thì nghĩ mình đang dạy chúng biết Kẻ thù, để khi đến lượt thế hệ chúng đấu tranh, chúng sẽ không hành động như Hassan Lone.”

Một đứa trong đám trẻ mồ côi, một thằng bé nhỏ xíu có đôi tai lớn, trèo lên đùi Musa, trao anh ngàn nụ hôn và rồi ngồi im, nhìn Tilo từ khoảng cách chưa tới một gang tay, với ánh mắt căng thẳng, vô cảm. Musa cộc lốc với nó, không đáp lại. Nhưng Tilo thấy cơ mặt anh giật giật, và trong một thoáng, mắt anh sáng lên. Cô để khoảnh khắc qua đi.

“Hassan Lone là ai?”

“Đó là hàng xóm của anh. Một người tuyệt vời. Một người anh em.”

“Anh em” là hình thức khen ngợi cao nhất của Musa.

“Anh ta muốn gia nhập chiến binh, nhưng lần đầu tới Ấn Độ, đến Bombay, anh ta thấy các đám đông tại nhà ga VT nên bỏ cuộc. Lúc quay về anh ta nói, ‘Các anh em, mọi người có thấy bao nhiêu là người ở đó không? Ta không có cơ hội đâu! Tôi bỏ cuộc.’ Anh ta *thực sự bỏ* cuộc! Giờ anh ta đang có cơ sở vài dật nhỏ nhỏ.”

Musa, cười toét trong bóng tối, hôn choách lên đầu đứa trẻ ngồi trên chân để tưởng nhớ anh bạn Hassan Lone. Anh bạn nhỏ nhìn thẳng trước mặt, sáng rực như ngọn đèn.

Trên đoạn nhạc thì đó là năm 1739. Hoàng đế Mohammed Shah Rangeela ngồi trên Ngai Công ở Delhi

gần ba mươi năm. Ông là một vị Hoàng đế thú vị. Ông xem các trận đấu voi mà mặc đồ đàn bà và mang dép đính ngọc ngà. Được sự bảo trợ của ông, một trường phái mới tranh tiểu họa mô tả tình dục chi tiết và những phong cảnh điền viên ra đời. Nhưng không chỉ là tình dục và truy lạc. Các vũ công kathak* và qawwal* tài ba trình diễn trong triều đình của ông. Nhà học giả thần bí Shah Waliullah dịch kinh Koran sang tiếng Ba Tư. Khwaja Mir Dard và Mir Taqi Mir ngâm thơ trong các quán trà ở Chandni Chowk:

Le saans bhi ahista ki nazuk hai bahut kaam

Afaq ki iss kargah-e-shishagari ka.

Thở nhẹ thôi, với cái mong manh mọi thứ đều trĩu nặng,
Chốn này, công xưởng cuộc đời, đồ thủy tinh được tạo tác.

Nhưng rồi, có tiếng vó ngựa. Thằng bé nhỏ xiu đứng lên trên đồi Musa và quay lại xem âm thanh phát ra từ đâu. Đó là đội kỵ binh của Nadir Shah đang phi nước đại từ Ba Tư về Delhi, cướp bóc các thành phố nằm trên đường đi của họ. Hoàng đế trên Ngai Công không nao núng. Ông tin rằng thi ca, âm nhạc và văn học không nên bị cái tầm thường của chiến chinh làm gián đoạn. Đèn trong Diwan-e-Khas đổi màu. Tím, đỏ, xanh lá. Trên đoạn nhạc có tiếng cười của đám nữ nhi trong chốn khuê phòng. Lục lạc trên cổ chân những nữ vũ công. Tiếng khúc khích trầm đục, làm duyên làm dáng, không lẫn vào đầu được của một hoạn quan.

Sau buổi diễn đám trẻ mồ côi và người hộ tống chúng qua đêm ở ký túc xá trong Vishwa Yuvak Kendra ở khu ngoại giao. Chỗ đó tình cờ lại nằm ngay cuối đường nhà của Tilo (và Naga).

Khi Tilo về đến nhà, Naga đang ngủ mà ti vi còn để mở. Cô tắt đi và nằm xuống cạnh anh. Đêm đó cô mơ thấy một con đường trên sa mạc không vì đâu mà lộng gió. Cô với Musa đang đi trên đường. Có mấy xe buýt đậu một bên đường và các container gửi hàng thì đậu bên kia - mỗi cái có một cửa vào và một tấm màn the tả tơi. Có gái làng chơi bên một số khung cửa và lính ở những ô cửa khác. Lính Somalia dài hạn. Những người bị thương nặng được đem ra và người bị xiềng xích đem vào. Musa dùng chân nói chuyện với một người mặc đồ trắng. Y trông như một người bạn cũ. Musa theo y vào một container hàng trong khi Tilo chờ bên ngoài. Lúc anh không trở ra, cô đi vào tìm anh. Đèn trong phòng màu đỏ. Một đôi nam nữ đang làm tình trên giường trong một góc container. Có cái bàn trang điểm lớn có gương soi. Musa không ở trong phòng, nhưng hình ảnh anh phản chiếu trong gương. Anh đang đánh đu trên mái bằng hai tay, xoay vòng vòng. Có rất nhiều phấn rôm trong phòng, cả dưới nách Musa.

Tilo thức dậy băn khoăn làm sao mà cô lại ở trên thuyền. Cô nhìn Naga hồi lâu và thoáng ngợp một cái gì đó có cảm giác như tình yêu. Cô không hiểu nên cũng không làm gì.



Cô tính là cũng đã ba mươi năm từ khi tất cả bọn họ - Naga, Garson Hobart, Musa và cô - lần đầu gặp nhau khi dựng vở *Norman, phải anh không?* Và họ vẫn tiếp tục xoay quanh nhau theo những cách kỳ lạ này.



Thùng cuối cùng không phải là thùng trái cây và cũng không phải là “đồ vót” từ trận lũ. Nó là một hộp giấy nhỏ đựng ống mực máy in Hewlett-Packard có tài liệu về Amrik Singh mà Musa bỏ lại chỗ cô sau khi anh về từ một chuyến đi Mỹ. Cô mở ra để kiểm lại lần nữa là trí nhớ mình vẫn còn nhớ chính xác. Đúng rồi. Có một bao ảnh cũ, một bìa hồ sơ các bài báo cắt ra tường thuật vụ Amrik Singh tự sát. Một báo cáo có ảnh chụp ngôi nhà của vợ chồng Singh ở Clovis cùng xe cảnh sát đậu bên ngoài và cảnh sát đi lại bên trong khu vực cấm vào mà họ ngăn lại bằng dải băng vàng ta hay thấy trên các phim truyền hình nhiều tập và phim hình sự. Có một hình rời chụp Xerxes, con robot gắn trên máy quay mà cảnh sát California cho vào nhà trước khi họ vào để cho chắc không có ai lẩn lút phục kích họ. Ngoài các bài báo ra còn có một hồ sơ các bản photo đơn của Amrik Singh và vợ xin tị nạn ở Mỹ. Musa đã giải thích cô nghe hồi lâu, khôi hài làm thế nào anh có được hồ sơ. Anh, cùng viên luật sư đã tranh cãi cho hàng trăm vụ xin tị nạn ở West Coast - bạn

của một “người anh em” - đã đến gặp nhân viên xã hội Mỹ ở Clovis đang giải quyết vụ Amrik Singh. Musa nói nhân viên xã hội đó là một người tuyệt vời, già và hom hem, nhưng tận tụy với công việc. Ông có khuynh hướng chủ nghĩa xã hội và tức giận với chính sách nhập cư của Chính phủ. Văn phòng nhỏ của ông xếp hàng những hồ sơ - những hồ sơ pháp lý của hàng trăm người ông đã giúp xin tị nạn ở Mỹ, hầu hết là người Sikh chạy trốn khỏi Ấn Độ sau 1984. Ông quen với những câu chuyện về sự tàn bạo của cảnh sát ở Punjab, quân đội xâm chiếm Đền Vàng* và cuộc thảm sát người Sikh năm 1984 theo sau vụ ám sát Indira Gandhi. Ông sống trong một sự sai lệch thời gian và không cập nhật tình hình hiện tại. Nên ông đã đúc Punjab với Kashmir thành một và nhìn ông bà Amrik Singh qua lăng kính đó - như một gia đình người Sikh bị bức hại khác. Ông chồm người qua bàn nói nhỏ rằng ông tin thảm kịch xảy ra vì cả Amrik Singh lẫn vợ đều không chấp nhận được vụ cưỡng hiếp mà bà Amrik Singh nhất định là đã chịu khi bị cảnh sát giam giữ. Ông đã cố thuyết phục bà rằng nhắc đến nó sẽ tăng đáng kể cơ hội được tị nạn. Nhưng bà không chịu thừa nhận và đâm nóng nảy khi ông nói không có gì phải xấu hổ khi nói về nó cả.

“Họ là những người tử tế chân chất, cả hai người, tất cả những gì họ cần là một số tư vấn, cho họ cùng mấy đứa trẻ,” ông nói rồi giao lại các bản sao giấy tờ của họ cho Musa. “Một số tư vấn cùng vài người bạn tốt. Chỉ một chút

giúp đỡ thôi thì họ vẫn còn sống rồi. Nhưng trông đợi như vậy là quá nhiều ở đất nước tuyết vùi này, đúng không?”

Ngay dưới đáy thùng mực in là một hồ sơ pháp lý dày kiểu cũ mà Tilo không nhớ là đã thấy. Đó là một tập giấy rời, không đóng lại, có lẽ năm, sáu chục tờ, xếp vào một bìa cứng và cột lại bằng đai đỏ và dây trắng. Lời khai của nhân chứng trong vụ Jalib Qadri từ ngót nghét hai chục năm về trước:

Biên bản lời khai của Ghulam Nabi Rasool con của Mushtaq Nabi Rasool, thường trú Barbarshah. Nghề nghiệp - phục vụ trong Sở Du lịch. Tuổi 37. Lời khai ghi lại theo mục 161/ LHS

Nhân chứng khai như sau:

Tôi là cư dân của Barbarshah ở Srinagar. Vào ngày 08.03.1995 tôi thấy một toán quân đóng tại Parraypora. Họ khám xét xe cộ ở đó. Một xe nhà binh và một xe bọc thép cũng đậu ở đó. Một sĩ quan quân đội người Sikh cao lớn vây quanh là nhiều binh lính mặc sắc phục đang tiến hành khám xét. Một chiếc taxi tư nhân cũng đậu ở đó. Trong xe taxi có vài cán bộ dân sự quần tằm chần đỏ. Vì sợ nên tôi vẫn đứng cách hiện trường một quãng. Rồi tôi thấy một chiếc xe Maruti trắng chạy đến. Jalib Qadri cầm lái còn vợ ông ngồi ghế phụ. Khi thấy Jalib Qadri viên sĩ quan quân đội cao lớn chặn xe ông lại và bắt ông ra ngoài. Họ xô ông vào chiếc xe bọc thép và tất cả các xe kể cả chiếc taxi tư cũng chạy đi thành đoàn bằng đường vòng.

Biên bản lời khai của Rehmat Bajad con của Abdul

Kalam Bajad, thường trú Kursoo Rajbagh, Srinagar. Nghề nghiệp - Sở Nông nghiệp. Tuổi 32. Lời khai ghi theo mục 161/LHS

Nhân chứng khai như sau:

Tôi là cư dân ở Kursoo Rajbagh và làm trợ lý thực địa ở Sở Nông nghiệp. Hôm nay, ngày 27.03.1995, tôi ở nhà thì nghe tiếng ồn bên ngoài. Tôi đi ra thì thấy người ta bu quanh một xác chết nhồi trong bao tải. Xác chết đã được một thanh niên trong vùng lôi lên từ kênh chắn lũ Jhelum. Thanh niên này đã lôi cái xác trong bao tải ra. Tôi phát hiện đó là xác của Jalib Qadri. Tôi nhận ra vì ông đã sống trong xóm tôi mười hai năm qua. Sau khi xem xét kỹ tôi nhận diện được y phục như sau:

1. Áo len chui đầu màu kaki
2. Áo sơ mi trắng
3. Quần xám
4. Áo lót trắng.

Ngoài chuyện này ra thì hai mắt đã không còn. Trán ông dính máu. Cơ thể teo tóp lại và phân hủy. Cảnh sát đến tiếp quản và soạn một biên bản bảo quản mà tôi đã ký.

Biên bản lời khai của Maroof Ahmed Dar con của Abdul Ahad Dar, thường trú Kursoo Rajbagh, Srinagar. Nghề nghiệp - kinh doanh. Tuổi 40. Lời khai ghi lại theo mục 161/LHS

Nhân chứng khai như sau:

Tôi là cư dân ở Kursoo Rajbagh và lo việc kinh doanh, vào ngày 27.03.1995 tôi nghe tiếng ồn từ bờ kênh chắn lũ Jhelum. Tôi đến nơi thì thấy xác của Jalib Qadri đang nằm trên đê nhét trong bao tải. Tôi nhận ra người chết vì ông

sống trong xóm tôi trong thời gian mười hai năm và chúng tôi cầu kinh tại cùng thánh đường trong vùng. Trên thi thể người chết thấy có y phục như sau:

1. Áo len chui đầu màu kaki
2. Áo sơ mi trắng
3. Quần xám
4. Áo lót trắng.

Ngoài chuyện này ra thì hai mắt đã không còn. Trán ông dính máu. Cơ thể teo tóp và phân hủy. Cảnh sát đến tiếp quản và soạn biên bản bảo quản mà tôi đã ký.

Biên bản lời khai của Mohammed Shafiq Bhat con của Abdul Aziz Bhat, thường trú Ganderbal. Nghề nghiệp - thợ nề. Tuổi 30. Lời khai ghi lại theo mục 161/LHS

Nhân chứng khai như sau:

Tôi người vùng Ganderbal. Tôi làm thợ xây và gần đây đang làm trong nhà của Mohammed Ayub Dar ở Kursoo Rajbagh. Hôm nay, ngày 27.03.1995 khoảng 6 giờ 30 sáng tôi đến kênh chắn lũ Jhelum rửa mặt. Tôi thấy một thi thể trong một bao tải nổi trên sông. Một chân và một tay thò ra ngoài. Vì sợ, tôi không báo lại chuyện này với ai. Lúc sau tôi đến nhà Mohammed Shabir War để làm việc. Tôi thấy cũng cái xác trong bao tải đó được người trong vùng vớt dưới kênh chắn lũ Jhelum lên. Xác chết đã bị phân hủy và ươn sũng. Y phục trên thi thể như sau:

1. Áo len chui đầu màu kaki
2. Áo sơ mi trắng
3. Quần xám
4. Áo lót trắng.

Ngoài chuyện này ra thì hai mắt đã không còn. Trán

ông dính máu. Cơ thể teo tóp lại và phân hủy. Cảnh sát đến tiếp quản và soạn biên bản bảo quản mà tôi đã ký.

Biên bản lời khai của em trai người quá cố, Parvaiz Ahmed Qadri con của Altaf Qadri, thường trú Awantipora. Nghề nghiệp - phục vụ trong Viện hàn lâm Nghệ thuật, văn hóa và ngôn ngữ. Tuổi 35. Biên bản ghi lại theo mục 161/LHS

Nhân chứng khai như sau:

Tôi sống ở Awantipora và là em của người đã khuất Jalib Qadri. Hôm nay sau khi nhận diện và khám nghiệm pháp y tôi nhận xác anh Jalib Qadri từ cảnh sát. Cảnh sát lập riêng biên bản thương tổn và giấy nhận xác. Nội dung các biên bản được đọc cho tôi mà tôi công nhận là đúng.

Biên bản lời khai của Mushtaq Ahmed Khan tức Usman tức Bhaitoth, thường trú thành phố Jammu. Tuổi 30. Biên bản ghi lại ngày 12.06.95 theo mục 164/LHS

Nhân chứng khai như sau:

Thưa ông, tôi là thợ làm bánh. Tôi có một cửa tiệm ở Rawalpura và từng cung cấp bánh mì cho người trong quân đội từ năm 1990 đến năm 1991. Sau đó tình hình ở Kashmir xấu đi và các chiến binh đe dọa tôi vì cung cấp bánh mì cho quan chức quân đội. Đó là đường sống duy nhất cho chuyện làm ăn của tôi, vì vậy tôi đóng cửa tiệm bánh và về làng quê ở Uri. Tôi ở đó được ba tháng thì chiến binh bắt đầu trù dập vợ tôi. Không chỉ có vậy, họ cưỡng bức bắt đi cô em 15 tuổi của tôi và buộc nó cưới một đồng bạn của họ. Vì chuyện này tôi rời làng sinh quán và trở về Srinagar sống trong một nhà thuê ở Magarmal Bagh. Được ít lâu thì chiến binh Mặt trận Giải phóng Jammu Kashmir

(JKLF) tràn đến đó và ép tôi gia nhập lực lượng của họ. Sau này trong các xung đột giữa những phần tử chiến binh khác nhau, chiến binh thuộc đơn vị Al-Umar bắt tôi và tôi dính líu với họ trong hai năm. Thế rồi lực lượng an ninh bắt đầu quấy rầy tôi và bắt con tôi. Vì vậy tôi đầu hàng Bravo Ấn Độ (IB) và giao nộp khẩu AK-47 cho họ. Tôi bị giam giữ ở Baramulla tám tháng và được tha nhưng cứ mỗi mười lăm ngày phải trình diện IB. Tôi làm vậy được ba tháng thì trốn đi vì lo sợ, bởi nếu có ai thấy tôi với IB thì tôi chỉ có nước chết, ở Srinagar, một người, gọi là Ahmed All Bhat tức Rắn hổ mang gặp tôi và giới thiệu tôi đến gặp phó Cảnh sát trưởng đồn cảnh sát Kothi Bagh, ông ta nhận rồi cử tôi đi làm với nhóm đặc nhiệm ở trại Rawalpura. Rắn hổ mang và Parwaz Bhat là dân Ikhwan và từng làm việc trong trại với thiếu tá Amrik Singh. Họ khích thiếu tá Amrik Singh dùng tôi và nói rằng tôi biết hết các chiến binh nên có thể giúp ông ta bắt họ. Một ngày nọ thiếu tá Amrik Singh dẫn tôi theo nhằm mục đích vây ráp sào huyệt của chiến binh ở Wazir Bagh rồi hai chiến binh bị bắt và được thả sau khi nộp 40.000 rupee. Tôi làm việc cùng thiếu tá Amrik Singh nhiều tháng và chứng kiến ông ta thanh trừ những người sau:

1. Ghulam Rasool Wani.
2. Basit Ahmed Khanday đang làm việc trong khách sạn Century.
3. Abdul Hafeez Pir.
4. Ishfaq Waza.
5. Một thợ may người Sikh tên Kuldeep Singh.

Kể từ đó tất cả họ đều được ghi biên bản là mất tích.

Sau đó vào một dịp tháng Ba năm 1995, thiếu tá Amrik Singh và bạn là Salim Gojri, người cũng như tôi, một

chiến binh đầu hàng và thường xuyên tới trại, bắt một người mặc áo khoác, sơ mi trắng thắt cà vạt và mặc quần xám. Lúc đó, Sukhan Singh, Balbir Singh và bác sĩ cũng có mặt. Ông mặc áo khoác quần tây là người có học thức, ông tranh cãi với họ trong trại rằng “Tại sao các người bắt giải tôi tới đây?” Vì việc này thiếu tá Amrik Singh nổi giận và đánh ông tàn nhẫn rồi đưa ông vào một phòng riêng biệt. Sau khi giam ông kia rồi ông ta đi ra mà nói, “Anh có biết người đó là luật sư nổi tiếng Jalib Qadri không? Chúng ta bắt giữ hắn vì bất cứ kẻ nào chơi xấu quân đội và giúp chiến binh sẽ không được tha bất kể địa vị hắn là gì.” Đêm đó tôi nghe tiếng kêu la gào thét từ chính căn phòng giam Jalib Qadri. Tiếp theo tôi nghe có tiếng súng trong phòng đó. Về sau tôi quan sát thấy một bao tải được chất lên một xe.

Vài ngày sau khi người ta tìm thấy xác của Jalib Qadri và báo đăng tin về chuyện này, thiếu tá Amrik Singh hối hận nói với tôi rằng ông ta đã sai, và rằng ông ta không nên giết Jalib Qadri, nhưng ông ta đâu làm gì được vì các sĩ quan khác đã tin tưởng giao việc này cho ông ta với Salim Gojri. Khi ông ta nói vậy, tôi cảm thấy một mối đe dọa cho tính mạng mình.

Rồi Salim Gojri và cộng sự, Mohammed Ramzan là người nhập cư bất hợp pháp từ Bangladesh, Muneer Nasser Hajam và Mohammed Akbar Laway, không đến trại nữa. Thiếu tá Amrik Singh cử tôi đi cùng Sukhan Singh và Balbir Singh lên xe tìm họ đem về trại. Chúng tôi tìm thấy Salim Gojri ngồi trong một tiệm ở Budgam và hỏi vì sao đã một tuần rồi anh ta không đến trại. Anh ta nói mình bận đi vẩy rập và mai sẽ đến. Hôm sau anh ta lại đến cùng ba đồng sự. Họ đến bằng taxi Ambassador. Vũ khí của họ được giữ lại ở cổng. Thiếu tá Amrik Singh nói chuyện này là vì sĩ quan

chỉ huy trại sắp đến thăm. Sau đó, thiếu tá Amrik Singh, Salim Gojri và các cộng sự ngồi trên ghế trong khu nhà uống với nhau. Hai tiếng sau, thiếu tá Amrik Singh dẫn Salim Gojri và các cộng sự đến phòng ăn. Tôi đang ở ngoài hàng hiên. Sukhan Singh, Balbir Singh, một thiếu tá Ashok và bác sĩ trói Salim Gojri và các cộng sự bằng dây thừng và đóng cửa lại. Hôm sau xác họ được tìm thấy ngoài đồng ở Pampore cùng xác tài xế taxi Mumtaz Afzal Malik. Sau đó, tôi chuyển vợ con đến nhà một người bạn đang sống ở đường vòng. Rồi tôi trốn đến Jammu. Thêm nữa thì tôi không được biết.



Tilo bỏ các hồ sơ và bao hình vào lại trong thùng và để nó lại trên bàn. Chúng là các hồ sơ pháp lý và không chứa đựng điều gì buộc tội.

Cô gói ghém “đồ vót” của Musa - súng, con dao, máy điện thoại, máy hộ chiếu, thẻ lên máy bay và mọi thứ khác - vào các hộp đựng thực phẩm bằng nhựa kín và xếp vào trong tủ đông. Bên trong một hộp cô để danh thiếp của Saddam Hussain, để Musa sẽ biết đi đâu. Tủ lạnh của cô đã cũ - loại sẽ bị đông đá nếu không được rửa đông thường xuyên. Cô biết nếu giảm nhiệt độ tủ lạnh xuống trước khi đi, bằng chứng buộc tội sẽ biến thành khối đá. Cô lập luận là đồ vót sống sót qua trận lũ tàn phá chắc hẳn có những năng lực đặc biệt. Chúng cũng sẽ sống sót một trận bão tuyết nho nhỏ nữa.

Cô gói ghém một giỏ xách nhỏ. Quần áo, sách, đồ trẻ con, máy tính, bàn chải đánh răng. Cái hũ đựng tro cốt mẹ cô.

Quyết định còn lại là làm gì với ổ bánh và đám bong bóng. Cô nằm trên giường, ăn mặc xong xuôi và sẵn sàng để đi. Lúc đó là 3 giờ sáng.

Vẫn không thấy bóng dáng (lẫn mùi) của Saddam Hussain.

Đọc tài liệu Rái cá là một sai lầm. Một sai lầm tai hại. Cô có cảm giác như bị niêm kín trong một thùng hắc ín với hắc ta cùng tất cả những người hắc đã giết hại. Cô còn ngửi được mùi hắc. Và thấy đôi mắt lạnh lùng, vô cảm của hắc như thể hắc ngồi bên kia thuyền nhìn cô. Tilo cảm thấy được bàn tay hắc trên da đầu mình.

Chiếc giường cô nằm không hẳn là giường, chỉ một tấm nệm trên sàn xi măng đỏ. Kiến lằng xằng quanh những vụn bánh. Cái nóng ngấm qua nệm và ga trải có cảm giác thô sần trên da cô. Một con tắc kè non bước loạng choạng qua sàn nhà. Nó dừng cách mấy mét, ngong cái đầu to lên nhìn cô bằng cặp mắt sáng, thô lỗ. Cô nhìn lại nó.

“Trốn đi!” Cô thì thầm. “Bọn ăn chay đang đến đây.”

Cô mời nó một con muỗi chết từ đồng muỗi chết cô gom trên tờ giấy trắng. Cô bỏ xác con muỗi xuống, nửa đường giữa cô và con tắc kè. Mới đầu con tắc kè lờ nó đi, rồi dóp trong chớp mắt, khi cô nhìn đi chỗ khác.

Cái mình lẽ ra nên trở thành, cô nghĩ, là người cho tắc

kè ăn.



Ánh đèn neon chói chang hóa trang làm ánh trăng tuôn tràn qua cửa sổ. Vài tuần trước, khi đi qua một cầu vượt dốc đèn đuốc sáng lòa ban đêm, cô nghe lỏm được cuộc đối thoại giữa hai người đàn ông đang đạp xe: “*Is sheher mein ab raat ka sahaara bhi nahin milta.*” Trong cái thành phố này bọn mình còn mất cả chỗ trú đêm.

Cô nằm im lìm, như thi thể trong nhà xác.

Tóc cô đang dài ra.

Móng chân cũng vậy.

Tóc trên đầu cô bạc trắng.

Tam giác lông giữa hai chân cô thì đen tuyền.

Như vậy *nghĩa là* sao?

Cô đã già hay còn trẻ?

Cô chết rồi hay còn sống?

Và rồi, thậm chí không quay đầu, cô biết chúng đến rồi. Máy con bò. Những cái đầu to sụ có cặp sừng tuyệt hảo in hình lưới liềm trên ánh đèn. Hai con. Màu của bóng đêm. Màu bị đánh cắp của cái từng là đêm. Những cái xoáy thô sần in vào trán ẩm ướt của chúng như khăm trùn đầu Damask. Mũi ẩm, như nhung loang loáng, và chúng bậm cặp môi tím ngắt. Chúng không phát ra tiếng động. Chúng không bao giờ làm hại cô, chỉ nhìn. Tròng trắng trong mắt

khi chúng nhìn quanh phòng là hai mảnh trắng lười liêm. Chúng không có vẻ tò mò hay nghiêm nghị gì lắm. Chúng như bác sĩ nhìn một bệnh nhân, đang cố thống nhất chẩn đoán.

Tụi bay lại quên đem ống nghe nữa rồi à?

Thời gian có một tính chất khác khi chúng xuất hiện. Cô không biết chúng nhìn cô bao lâu rồi. Cô không bao giờ nhìn lại chúng. Cô chỉ biết chúng đã rời đi khi ánh đèn mà chúng che mắt trở lại soi sáng căn phòng.

Khi chắc rằng hai con bò đi rồi, cô đến bên cửa sổ thì thấy chúng thấp xuống ngang mặt đường rồi bỏ đi. Bọn thành thị. Một cặp du côn. Một con nhấc chân lên như chó tè lên một cửa xe. Một con chó cao ngồng. Cô bật đèn lên và tra từ vô ưu. Từ điển ghi: *Hồn nhiên vui vẻ hay không lo lắng về điều gì đó*. Cô để những cuốn từ điển gần giường, xếp chồng thành tháp.

Cô lấy tờ giấy từ một tập, và một cây bút chì từ cốc cà phê đầy bút chì xanh chuốt nhọn, bắt đầu viết:

Tiến sĩ mến,

Tôi là nhân chứng của một hiện tượng khoa học kỳ lạ. Hai con bò sống trong đường nội bộ bên ngoài căn hộ tôi. Ban ngày chúng có vẻ khá bình thường, nhưng ban đêm chúng cao lên - tôi nghĩ cái từ có thể là "vươn lên" - và nhìn chăm chăm tôi qua cửa sổ tầng hai. Khi tè, chúng nhấc chân như chó. Đêm qua (vào khoảng 8 giờ tối), khi tôi đi chợ về, một con găm gù với tôi. Điều này thì tôi chắc chắn. Câu hỏi của tôi là: Có khi nào chúng là những con bò biến đổi

gen, được cấy gen tăng trưởng chó hay tăng trưởng sói, xống khỏi phòng thí nghiệm? Nếu vậy, chúng là bò hay chó? Hay là sói?

Tôi chưa từng nghe thí nghiệm nào như vậy thực hiện trên gia súc, ông đã nghe chưa? Tôi có biết gen tăng trưởng của người dùng cho cá hồi, làm chúng to khổng lồ. Những người nuôi thứ cá hồi khổng lồ này nói mình làm vậy để nuôi dân các nước nghèo. Câu hỏi của tôi là ai sẽ cho cá hồi khổng lồ ăn? Gen tăng trưởng người cũng được dùng cho lợn. Tôi đã thấy kết quả thí nghiệm đó. Nó là con đột biến gen mắt lé, nặng đến nỗi không đứng lên được hay gánh nổi sức nặng của nó. Phải kê nó lên trên tấm ván. Chuyện đó khá là góm.

Thời nay ta không bao giờ thật sự biết chắc một con bò có phải là con chó không, hay một bắp ngô thực ra là cái giò heo hay miếng thịt bò. Nhưng có lẽ đây là con đường đi đến hiện đại thật sự? Suy cho cùng, sao một cái ly không thể là một con nhím, một bờ rào không thể là một cấm nang dạy phép xã giao, và nhiều thứ nữa?

Thân chào,

Tilottama

T.B: Tôi được biết các nhà khoa học làm trong nền công nghiệp gia cầm đang cố loại bỏ bản năng làm mẹ ở gà mái để giảm bớt hay loại hẳn mong muốn ấp trứng. Hình như mục tiêu của họ là ngăn gà lãng phí thời gian vào những chuyện không cần thiết và do đó tăng năng suất sản xuất trứng. Dù theo cá nhân tôi và trên nguyên tắc mà nói thì tôi hoàn toàn phản đối tính hiệu quả, song tôi tự hỏi liệu tiến hành kiểu can thiệp này (ý tôi là loại bỏ bản năng làm mẹ) của các maaj - bà mẹ của người mất tích ở Kashmir - có giúp gì không. Ngay bây giờ họ là những đơn vị không hiệu quả, kém năng suất, sống nhờ chế độ ăn bắt buộc - niềm hi vọng tuyệt vọng, loay hoay trong vườn rau của nhà, tự hỏi nên trồng gì nấu gì, phòng khi con trai họ trở về. Tôi chắc ông sẽ đồng ý rằng đây là một loại hình kinh doanh kém cỏi. Ông có đề nghị loại hình nào tốt hơn không?

Một công thức khả thi, thực tiễn (dù tôi cũng chống lại chủ nghĩa thực dụng) để đi đến một Lượng Hi vọng có hiệu quả? Ba biến số trong trường hợp của họ là Cái chết, Mất tích và Tình ruột thịt. Mọi dạng tình yêu khác, cho là chúng thật sự tồn tại, không đủ điều kiện và nên bỏ qua. Tất nhiên trừ Tình yêu Thượng Đế. (Cái đó thì khỏi phải nói.)

T.B. của T.B: Tôi đang dọn đi. Tôi không biết mình sẽ đi đâu. Điều này khiến tôi ngập tràn hi vọng.

Viết xong thư cô gấp lại cẩn thận bỏ vào giỏ. Cô cắt bánh, bỏ vào một hộp hồ sơ và đặt vào tủ lạnh. Cô tháo dây chùm bong bóng từng cái một bỏ vào tủ khóa lại. Cô bật ti vi lên mà tắt tiếng. Một người đàn ông đang rao bán lông mày. Ông ta đã từ chối đề nghị đầu tiên năm trăm đô la. Cuối cùng, với một nghìn bốn trăm đô ông đồng ý cạo đi bằng dao cạo điện. Ông ta nở nụ cười ngộ nghĩnh, ngoan ngoãn trên mặt. Ông trông như Elmer Fudd trong *The Wacky Wabbit*.

Trước bình minh.

Vẫn không thấy Saddam Hussain.

Kẻ bắt cóc nhìn từ cửa sổ xuống hơi sốt ruột.

Một tin nhắn trên điện thoại:

Hãy hội ngộ vào Ngày Yoga Quốc tế để tập yoga có nền bên hồ bơi và thiền bên sư phụ Hanumant Bhardwaj

Cô bấm tin trả lời:

Thôi đừng

Ngay bên cạnh cổng trường mà một y tá vẽ đang tiêm cho một đứa bé vẽ vác xin ngựa bại liệt vẽ, một vòng tròn đàn bà, người lao động nhập cư ngái ngủ từ công trình cầu đường gần đó, đứng vây quanh một thằng bé nhỏ xíu khi nó ngồi xổm như dấu phẩy trên gờ hố ga mở nắp. Đám đàn bà tì trên thuổng và cuốc chim chờ ngôi sao của mình biểu diễn. Dấu phẩy nhìn chăm chăm vào một bà. Mẹ của nó. Tự nhiên vẫy gọi. Nó làm một vũng. Một chiếc lá vàng. Mẹ nó bỏ cuốc xuống và rửa đít nó bằng nước sinh trong một chai Bisleri cũ. Với chỗ nước còn lại bà rửa tay, và xối chiếc lá vàng xuống hố ga. Không có gì trong thành phố thuộc về đám đàn bà. Không một rẻo đất nhỏ, không một mái che trong một khu ổ chuột, không một tấm tôn trên đầu. Hệ thống cống cũng không. Nhưng giờ họ đã làm một ký gửi trực tiếp, không chính thống, một cú chuyển phát nhanh thẳng vào hệ thống. Có thể nó đánh dấu sự khởi đầu của một chỗ đứng trong thành phố. Mẹ của dấu phẩy ẵm nó lên tay, gác cuốc lên vai, và toán người nho nhỏ bỏ đi.

Đường phố vắng hoe.

Và sau đó, như thể anh đang đợi đám đàn bà đi khỏi rồi mới vào, Saddam Hussain xuất hiện. Theo trình tự sau:

Âm thanh

Hình ảnh

Mùi (hôi thối).

Xe rác Đô thị màu vàng rẽ vào đường nội bộ nhỏ và đậu cách mấy nhà. Saddam Hussain nhảy phốc ra từ ghế bên (cũng với cái khoa trương mà anh thường nhảy phốc xuống mình ngựa), ánh mắt anh đã quét qua cửa sổ tầng hai tòa nhà Tilo. Cô ló đầu ra dấu là cổng đã mở và rằng anh nên lên.

Cô đón anh ngay cửa với một va li đầy, một đứa bé và một hộp hồ sơ đầy bánh dâu. Đồng chí Laali mừng Saddam trên đầu cầu thang như thể đang tái hợp với người tình lưu lạc. Nó giữ yên đầu và quấy người, tai bẹt ra, mắt nhìn chênch chênh làm duyên.

“Nó là của cô à?” Saddam hỏi Tilo sau khi cả hai đã tự giới thiệu. “Ta có thể nhận nuôi nó, nơi ta sắp đến còn nhiều chỗ.”

“Nó có đàn con.”

“Arre, thì sao...?”

Anh nhẹ nhàng đẩy đàn cún khỏi bao tải chúng nằm, mở ra, bỏ chúng vào - một đám cà tím kêu ằng ằng, ngo ngoạ. Tilo khóa cửa và đám rước nhỏ kéo xuống cầu thang ra đường.

Saddam với cái va li đầy và bao lóc nhóc cún con.

Tilo cùng đứa bé và một hộp hồ sơ.

Còn đồng chí Laali thì lẻo đẻo theo tình yêu mới với sự tận tụy không biết ngượng.

Khoang tài xế to như một phòng khách sạn nhỏ. Neeraj

Kumar - tài xế và Saddam Hussain là bạn cũ. Saddam (bác thầy lo xa và để ý chi tiết) đã kê sẵn cái sọt gỗ trái cây gần cửa xe tải. Một bậc thang tạm bợ. Đồng chí Laali nhảy vào, theo sau là Tilo và Miss Jebeen đệ nhị. Họ ngồi sau, trên giường tầng Rexine đỏ mà tài xế xe tải ngủ trong những chuyến đường trường khi họ mệt và phụ lái cầm vô lăng. (Xe rác Đô thị không bao giờ đi đường trường, nhưng họ vẫn có giường.) Saddam ngồi đằng trước, trên ghế hành khách. Anh bỏ bao chó con giữa hai chân, mở ra cho thoáng, đeo kính râm lên, võ cửa bên hành khách hai cái, như lơ xe buýt, thế là họ lên đường.

Chiếc xe tải vàng đánh dấu đường đi qua khắp thành phố, để lại mùi hôi của con bò banh xác dọc đường đi. Lần này không như chuyến lần trước, Saddam đi với món hàng tương tự, anh ngồi trên xe rác đô thị trong thủ đô của đất nước. Gujarat ka Lalla vẫn còn một năm mới lên ngôi, vệt đuôi dài vàng nghệ vẫn chờ thời, chờ trong cánh gà. Vậy nên tạm thời, chuyện này an toàn.

Chiếc xe tải lạch cạch qua dãy tiệm sửa xe, người và chó lấm lem dầu mỡ, vẫn ngủ ngoài trời.

Đi ngang một khu chợ, một đền của đạo Sikh, một chợ nữa. Băng qua một bệnh viện có bệnh nhân và người nhà tá túc trên đường bên ngoài. Qua từng đám đông chen chúc ở các tiệm thuốc mở 24/7. Qua một cầu vượt, đèn đường vẫn sáng.

Quá Garden City với những vòng xoay có tiểu cảnh xanh

mướt.

Khi xe chạy tiếp, những khu vườn biến mất, đường sá gập ghềnh hơn và đầy ổ gà, các vỉa hè đầy ắp người nằm ngủ. Chó, dê, bò, người. Xe xích lô đậu nối đuôi nhau như những đốt sống xương rắn.

Xe tải bốc mùi dọc đường dưới những cống vòm bằng đá đổ nát và ngang các tường thành Pháo Đài Đỏ. Nó đi men phố cổ tới nhà trọ và dịch vụ mai táng Jannat.

Anjum đang đợi họ - một nụ cười ngây ngất tỏa sáng từ giữa những năm mộ.

Chị ăn mặc lộng lẫy, kim sa và xa tanh thời vàng son. Chị trang điểm và tô son, chị đã nhuộm tóc và đính một bím tóc đen dày, dài kết sợi ruy băng đỏ. Chị ôm cứng cả Tilo và Miss Jebeen, hôn cả hai người nhiều lần.

Chị đã tổ chức một bữa tiệc mừng về nhà. Nhà trọ Jannat được trang hoàng bong bóng và băng giấy màu.

Khách khứa, thấy đều ăn mặc lộng lẫy, gồm: Zainab, giờ là một thiếu nữ mười tám tròn trịa, học thiết kế thời trang ở trường Bách khoa trong vùng, Saeeda (mặc một cái sari sành điệu, không những là sư phụ của Khwabgah, chị còn đứng đầu một tổ chức phi chính phủ lo về quyền người chuyển giới), Nimmo Gorakhpuri (đã chạy xe từ Mewat cùng ba kí thịt dê tươi cho bữa tiệc), Ishrat Mỹ nhân (đã kéo dài thời gian đến chơi), Roshan Lal (vẫn mặt tỉnh bơ), thầy tế Ziauddin (đưa chòm râu cù Miss Jebeen rồi ban

phước cho con bé và đọc kinh). Thầy Hameed chơi đàn harmonium và chào mừng cô bằng điệu Tilak Kamod:

Ae ri sakhi mora piya ghar aaye

Bagh laga iss aangan ko

Ôi các bạn, tình yêu tôi đã quay về

Sân trơ bưng nở thành vườn hoa xinh

Saddam và Anjum dẫn Tilo đến phòng họ soạn sẵn cho cô ở tầng trệt. Cô sẽ ở chung với đồng chí Laali và gia đình, Miss Jebeen và mộ dì Ahlam. Ngựa cái Payal được cột bên ngoài cửa sổ. Căn phòng trang hoàng bằng giấy màu và bong bóng. Không rõ phải bày biện thế nào cho một phụ nữ, một phụ nữ thực sự, từ ngoài thế giới - và không chỉ là thế giới mà còn là thế giới Nam Delhi - họ đã chọn kiểu bài trí tiệm làm tóc - một bàn trang điểm mua ở chợ đồ nội thất cũ có gắn tấm gương lớn. Một xe đẩy kim loại trên có một loạt chai sơn móng tay Lakmé nhiều sắc độ và son môi, một cây lược, một bàn chải tóc, ống cuốn tóc, một máy sấy tóc và một chai dầu gội. Nimmo Gorakhpuri đã đem từ nhà ở Mewat đến bộ sưu tập cả đời những cuốn tạp chí thời trang và xếp thành từng chồng cao trên cái bàn cà phê lớn. Ngay cạnh giường là cũi em bé có con gấu bông to để trên gối. (Chủ đề gây tranh cãi là Miss Jebeen đệ nghị sẽ ngủ ở đâu và ai sẽ được gọi là mẹ - không phải “mẹ *badi*” hay “mẹ *chhoti*”, mà mẹ - về sau được nêu lên. Chuyện này cũng dễ phân xử vì Tilo khá vui vẻ chiều theo đòi hỏi của Anjum.)

Anjum giới thiệu Tilo với dì Ahlam như thể dì vẫn còn sống. Chị kể lại những tài nghệ và thành tích của bà và liệt kê tên tuổi một số danh nhân ở Shahjahanabad mà bà đã giúp chào đời - Akbar thợ làm bánh, người làm *sheermal** ngon nhất cổ thành, chú Jabbar thợ may, Sabiha Alvi người có con gái mới vừa mở một tiệm bán sari Benares ở tầng một nhà họ. Anjum nói như thể đó là thế giới mà Tilo quen thuộc, một thế giới mà mọi người nên quen thuộc; thật ra, thế giới duy nhất *đáng* để quen thuộc.

Lần đầu tiên trong đời, Tilo cảm thấy cơ thể mình có đủ chỗ dung chứa hết mọi bộ phận.

Khách sạn đầu tiên mở ở thị trấn nhỏ cô lớn lên được gọi là khách sạn Anjali. Pa nô ngoài đường quảng cáo sự mở mang mới thú vị này ghi là *Hãy đến Anjali ở đến hết đời**. Cách chơi chữ không cố ý, nhưng ngày còn nhỏ cô luôn tưởng tượng khách sạn Anjali chứa đầy xác những người khách cả tin bị sát hại khi đang ngủ và sẽ ở lại đấy đến hết đời (đã chết). Trong trường hợp nhà trọ Jannat, Tilo cảm thấy cái câu đó không chỉ phù hợp, mà còn an ủi. Bản năng mách cô rằng cuối cùng cô đã tìm thấy một mái ấm để sống đến hết đời.

Bình minh vừa hừng thì bữa yến tiệc bắt đầu. Anjum đã đi mua sắm cả ngày (mua thịt, đồ chơi và đồ nội thất) rồi nấu nướng cả đêm.

Thực đơn gồm có:

Korma dê

Cơm dê

Cà ri óc dê

Rogan Josh kiểu Kashmir

Gan chiên

Shami Kebab

Nan

Tandoori Roti

Sheermal

Phirni

Dưa hấu với muối đen.

Đám nghiện cùng bọn vô gia cư từ bên ngoài nghĩa địa tụ tập lại để dự yến tiệc và vui chơi. Payal húp soàm soạt hết một khẩu phần đáng kể phirni*. Tiến sĩ Azad Bhartiya đến hơi trễ, nhưng được mọi người rất đổi yêu mến hoan nghênh vì đã điều phối vụ trốn chạy và về nhà. Công cuộc tuyệt thực vô hạn định của ông đã bước vào năm thứ 11, tháng thứ 3 và ngày thứ 25. Ông không chịu ăn, nhưng bằng lòng dùng một viên xỏ giun và một cốc nước.

Chút kebab và ít biryani được để dành lại cho các quan chức thành phố chắc chắn sẽ ghé lúc cuối ngày.

“Mấy gã đó cũng chỉ như hijra bọn mình thôi,” Anjum nói và cười trêu mến. “Không hiểu sao họ cũng đánh hơi thấy mùi lể lặt và đến đòi phần.”

Biroo với đồng chí Laali xơi xương và đồ ăn thừa. Vì thận trọng quá mức, Zainab để riêng đám cún con ra một chỗ

mà Biroo không tới được, rồi ngồi hàng giờ mê mẩn theo chúng và tán tỉnh quá trớn với Saddam Hussain.

Miss Jebeen đệ nhị được mọi người chuyển tay nhau ôm ấp, hôn hít và cho ăn phủ phê. Bằng cách này con bé bước vào cuộc đời mới toanh ở một nơi tương tự nhưng vẫn một trời cách xa với nơi mà hơn mười tám năm trước, Miss Jebeen đệ nhất từ giã cõi đời.

Trong nghĩa địa.

Một nghĩa địa khác, nhưng xa về phía bắc một chút.

*Họ không chịu tin tôi chính vì họ biết những gì tôi nói là
thật.*

JAMES BALDWIN

9 CÁI CHẾT TRẺ CỦA MISS JEBEEN ĐỂ NHẤT

Từ khi đủ lớn để biết đòi, cô cứ đòi được gọi là Miss Jebeen. Đó là cái tên duy nhất cô chịu thừa. Mọi người đều phải gọi cô như vậy, cha mẹ, ông bà, hàng xóm nữa. Cô là người từ nhỏ đã sính chữ “Miss/Cô” vốn xâm chiếm thung lũng Kashmir trong những năm đầu nổi dậy. Bỗng đâu, các quý cô trẻ sành điệu, nhất là trong thị trấn, cứ đòi được gọi là “Miss”. Miss Momin, Miss Ghazala, Miss Farhana. Đó chỉ là một trong nhiều thứ được sùng bái thời đó. Trong những năm đẫm máu ấy, vì những lý do không ai hiểu hết, thiên hạ trở thành cái chỉ còn biết gọi là sính. Ngoài sính “Miss” ra còn có sính y tá, sính huấn luyện viên thể dục và sính trượt pa tanh. Thế là, bên cạnh các chốt kiểm soát, boong ke, vũ khí, lựu đạn, mìn, xe chống mìn Casspir, dây thép gai, binh lính, quân phiến loạn, lực lượng đàn áp phiến loạn, gián điệp, đặc nhiệm, điệp viên hai mang, điệp viên ba mang và các va li tiền mặt từ các cơ quan tình báo ở cả hai bên biên giới, thung lũng còn đầy cả y tá, huấn luyện viên thể dục và người trượt pa tanh. Và dĩ nhiên là cả các “cô” nữa.

Trong số họ có Miss Jebeen, sống không đủ lâu để thành y tá hay ngay cả là một người trượt pa tanh.

Trong Mazar-e-Shohadda, nghĩa trang liệt sĩ, nơi cô được chôn, tấm biển bằng gang uốn vòng cung trên cổng chính có ghi (bằng hai thứ tiếng): *Chúng tôi hiến dâng hôm nay của mình cho ngày mai của các hạn*. Giờ nó đã mòn, lớp sơn xanh lá đã phai, chữ viết uốn lượn thanh tao lấm tấm lỗ ánh sáng. Nhưng nó vẫn còn đấy, sau ngàn ấy năm, in bóng như một mẫu đăng ten cứng trên nền trời màu xa phía và núi tuyết lởm chởm.

Nó vẫn còn đấy.

Miss Jebeen không phải là thành viên trong ủy ban quyết định ghi cái gì trên tấm biển. Nhưng cô chưa đủ tư cách để phản đối quyết định của họ. Hơn nữa, Miss Jebeen chưa vạch được nhiều cái Hôm nay để đổi lấy Ngày mai, nhưng nghĩ lại thì đại số công bằng vô hạn chưa bao giờ tàn nhẫn như vậy. Bằng cách đó, không được hỏi ý, cô trở thành một trong những liệt sĩ nhỏ tuổi nhất phong trào. Cô được chôn ngay cạnh mẹ, bà Arifa Yeswi. Hai mẹ con chết bởi cùng một viên đạn. Nó bay vào đầu Miss Jebeen qua thái dương trái rồi nằm lại trong tim mẹ cô. Trong bức hình cuối cùng chụp cô, vết đạn trông như một đóa hồng mùa hạ tươi tắn cài ngay trên tai trái cô. Vài cánh hoa rơi trên *kaffan* của cô, tấm khăn liệm trắng cô quàng trước khi được chôn cất.

Miss Jebeen và mẹ được chôn cùng mười lăm người

khác, đưa số người thiệt mạng trong vụ thảm sát lên mười bảy.

Ngày có đám tang họ, Mazar-e-Shohadda vẫn còn khá mới nhưng giờ đã trở nên đông đúc. Tuy vậy, Intizamiya Commette, ủy ban tổ chức, đã nghe ngóng ngay từ đầu phiên loạn và có được một ý niệm thiết thực về những chuyện trong tương lai. Họ hoạch định sơ đồ bố trí mộ cẩn thận, tận dụng hiệu quả, thứ lớp không gian có được. Ai cũng hiểu phải chôn cất thi hài liệt sĩ trong khu mộ tập thể mà không thể để chúng vương vãi (hàng nghìn), như mỗi cho chim, trên núi, trong rừng quanh các trại lính và trung tâm tra tấn đã mọc lên như nấm khắp thung lũng thì quan trọng chừng nào. Khi cuộc chiến bắt đầu và quân chiếm đóng siết chặt gọng kìm, dân thường thấy sự đoàn kết của những người đã khuất, tự nó, trở thành một hành động thách thức.

Người đầu tiên được cho an nghỉ trong nghĩa trang là một *gumnaam shaheed*, liệt sĩ vô danh, quan tài được đem đến lúc nửa đêm. Anh ta được chôn trong nghĩa trang vẫn chưa là nghĩa trang với đầy đủ lễ nghi trọng thể trước một nhóm người đưa tang trang trọng. Sáng hôm sau, khi nến được thắp và những cánh hoa hồng tươi rải trên nấm mộ mới, cùng những lời cầu nguyện mới được đọc trước hàng nghìn người dân tụ tập về, sau thông báo cầu-nguyện-sau-thứ-Sáu trong các thánh đường, ủy ban bắt đầu rào lại vạt đất rộng cỡ bằng một đồng cỏ nhỏ. Mấy ngày sau tắm biển

dựng lên: Mazar-e-Shohadda.

Có tin đồn là người liệt sĩ không rõ danh tính được chôn đêm ấy - thi hài sáng lập - chẳng phải xác người, mà là một túi vải bố trống không. Nhiều năm sau, công trình sư (nghe nói) của kế hoạch (nghe nói) này bị tra hỏi bởi một *sang-baaz* trẻ, kẻ ném đá, một thành viên của thế hệ mới những người đấu tranh giành tự do, đã nghe được câu chuyện và bắn khoản: “Nhưng *jenaab, jenaab**, chẳng phải như vậy có nghĩa là phong trào của ta, *tehreek* của ta, dựa trên một sự dối trá?” Công trình sư (nghe nói) tóc hoa râm đáp lại rằng, “Đây là rắc rối của những người trẻ các anh, các anh tuyệt không biết chiến tranh người ta đánh đấm ra sao.”

Đương nhiên nhiều người cho rằng tin đồn cái túi liệt sĩ chỉ là một tin đồn nữa trong những tin đồn không dứt mà Cánh Tin Đồn ở Badami Bagh, tổng hành dinh quân đội, Srinagar dựng ra và rêu rao; chỉ một chước khác của lực lượng chiếm đóng nhằm làm suy yếu *tehreek*, khiến dân tình mất ổn định, nghi ngờ và khổ sở vì tự nghi ngờ.

Có tin đồn rằng quả là có một Cánh Tin Đồn với một sĩ quan cấp thiếu tá phụ trách. Có tin đồn là một tiểu đoàn nguy hiểm từ Nagaland (chính họ cũng bị chiếm đóng ở phía đông), những người ai cũng biết ăn thịt heo và thịt chó, thỉnh thoảng cũng thưởng thức tí thịt người, nhất là thịt “người già”, những người biết chuyện để nói. Có tin đồn rằng bất cứ ai có thể đem tới (cho một ai đó, địa chỉ không rõ) một con cú khỏe mạnh nặng ba kí hoặc hơn (cú

trong vùng đó chỉ nặng phân nửa, kể cả những con béo tốt nhất) sẽ giành được giải thưởng một triệu rupee. Dân tình bèn đổ xô đánh bắt điều hâu, chim ưng, cú nhỏ và chim ăn thịt đủ loại, cho chúng ăn chuột, gạo và nho khô, tiêm steroid và cân chúng hàng giờ, mỗi giờ, dù cho họ không rõ lắm phải gửi chim đến cho ai. Đám hoài nghi nói lại là chính quân đội tìm cách khiến những người cả tin bận rộn và khỏi làm loạn. Có những tin đồn và những phản bác tin đồn. Có những tin đồn có thể là thật, cũng có những sự thật chỉ nên là tin đồn. Ví dụ, đúng là trong nhiều năm, bộ phận nhân quyền trong quân đội do trung tá Stalin phụ trách - một gã thân thiện người vùng Kerala, con trai một người cộng sản già. (Người ta đồn rằng ông ta có sáng kiến lập ra Muskaan - có nghĩa là “cười” trong tiếng Urdu - một chuỗi trung tâm “Thiện chí” của quân đội để phục hồi cho các góa phụ, nửa góa phụ, trẻ mồ côi và nửa mồ côi. Những người thịnh nộ, họ buộc tội quân đội đã tạo ra nguồn cung trẻ mồ côi và góa phụ, đều đặn thiêu rụi các nhà trẻ mồ côi và trung tâm may vá “Thiện chí”. Chúng luôn được xây lại, to hơn, tốt hơn, xa hoa hơn, thân thiện hơn.)

Tuy nhiên, về chuyện nghĩa trang liệt sĩ, câu hỏi năm mộ đầu tiên chôn một cái túi hay một cái xác hóa ra không thực sự quan trọng gì. Sự thật đáng nói là một nghĩa trang khá mới đang đầy lên, với xác người thật, với tốc độ báo động.



Phong trào liệt sĩ lên vào thung lũng Kashmir từ bên kia vách kiểm soát, qua những con đèo sáng trắng trên núi có lính canh. Đêm này sang đêm khác, nó đi trên những lối hẹp, sỏi đá như chỉ quần quanh những vách đá xanh đóng băng, băng qua những băng hà bao la và đồng cỏ cao tuyết ngập đến thắt lưng. Nó ì ạch ngang những thanh niên bị bắn gục trong bão tuyết, xác xếp thành từng tấm đông cứng, ma mị dưới cái nhìn không thương xót của phiến trắng mờ trên bầu trời đêm lạnh, và những vì sao sà thấp đến nỗi ta thấy như gần chạm được chúng rồi.

Lúc đến thung lũng, nó cứ là là mặt đất và lan qua các rừng cây óc chó, những cánh đồng nghệ, những vườn táo, hạnh nhân, anh đào như sương giá trườn dần đến. Nó thì thầm những lời chiến tranh vào tai các bác sĩ, kĩ sư, học sinh, công nhân, thợ may, thợ mộc, thợ dệt, nông dân, mục đồng, đầu bếp và người hát rong. Họ chăm chú lắng nghe rồi bỏ sách và dụng cụ xuống, kim chỉ, dùi đục, thước, cày, dao phay cùng trang phục hề dát vàng. Họ dùng khung cửi đã dệt những tấm thảm đẹp nhất và những tấm khăn san mịn nhất, đẹp nhất thế giới từng thấy, rồi lần mấy ngón tay chai sần bỡ ngỡ trên nòng súng Kalashnikov láng muốt mà những người lạ tìm đến để cho họ sờ. Họ đi theo Pied Pipers mới lên tận các đồng cỏ cao và trắng trên núi mà các trại huấn luyện đã được dựng lên. Chỉ khi được giao súng riêng rồi, khi ngón tay họ co lại quanh cò và cảm nhận nó nhún vào, cứ thật nhẹ tênh, khi họ đã cân nhắc

thiệt hơn và quyết định đó là một lựa chọn khả dĩ, chỉ khi ấy họ mới để cho cơn giận và nỗi tủ nhục vì sự nô dịch đã cam chịu hàng thập kỷ, hàng thế kỷ, chảy trong cơ thể và biến máu trong huyết quản mình thành khói.

Sương mù cuộn cuộn lan tới, trong một chiến dịch tuyển mộ không phân biệt. Nó thì thâm vào tai những kẻ buôn bán chợ đen, đám cuồng tín, bọn côn đồ và lũ bịp bợm. Bọn họ cũng lắng nghe chăm chú trước khi vạch lại kế hoạch. Bọn họ vuốt mấy ngón tay ma mãnh trên chỗ gỗ kim loại lạnh ngắt của phần lưu đạn được phân phát quá hào phóng, như những gói thịt dê ngon nhất trong ngày lễ Eid. Bọn họ ghép ngôn ngữ của Thượng Đế và Tự Do, Allah và Azadi, vào những vụ giết người và lừa đảo mới của mình. Bọn họ ăm tiền bạc, của cải và phụ nữ cao chạy xa bay.

Dĩ nhiên là phụ nữ.

Phụ nữ là dĩ nhiên.

Phiến loạn đã bắt đầu như vậy. Chết chóc khắp nơi. Cái chết là kết cục tất cả. Sự nghiệp. Dục vọng. Ước mơ. Thi ca. Ái tình. Ngay cả tuổi trẻ. Chết trở thành một cách sống khác. Nghĩa địa mọc lên trong công viên và đồng cỏ, bên suối dọc sông, ngoài đồng và trắng rừng. Những bia đá nhú lên trên đất như răng trẻ con. Mỗi làng, mỗi vùng đều có nghĩa địa riêng. Nghĩa địa là đối tượng duy nhất dung nạp những người bị giết mà không cần nơm nớp lo bị xem là kẻ cộng tác. Ở những vùng biên giới hẻo lánh, gần vạch kiểm soát, tốc độ và mức độ thường xuyên thi thể xuất hiện, và

tình trạng của vài thi thể, không dễ gì lo liệu. Một số được đem đến trong bao tải, một số trong những túi polythene nhỏ, chỉ là những miếng thịt, chút tóc và răng. Các mẫu giấy nhỏ mà các sĩ quan hậu cần lo về người chết dính lên đó ghi: *1kg, 2,7kg, 500g*. (Phải, một trong những sự thật mà đúng ra chỉ nên là tin đồn.)

Du khách bay đi. Phóng viên bay vào. Người đi hưởng tuần trăng mật bay đi. Binh lính bay vào. Đoàn bà lũ lướt quanh các đồn cảnh sát và trại lính giờ lên cả rừng ảnh cỡ hộ chiếu quần góc, đầy dấu vân tay, mềm nhũn vì nước mắt: *Làm ơn thưa ông, ông có thấy con trai tôi đâu không? Cô thấy chồng tôi đâu không? Có khi nào anh tôi qua tay ông không?* Các ông thì ưỡn ngực, vểnh ria, máy mó huân chương và nheo mắt dò xét họ, để xem nỗi tuyệt vọng của ai đáng chuyển thành hi vọng mỗi mòn (*Tôi sẽ xem làm gì được không*), và hi vọng đó xứng với cái gì của ai. (Một khoản phí? Một châu? Một cú? Một xe tải hạt óc chó?)

Nhà tù đầy lên, việc làm bốc hơi. Hướng dẫn viên, đám phe vé, chủ trại ngựa (cùng ngựa), nhân viên gác cửa, phục vụ bàn, lễ tân, người kéo xe trượt băng, người bán vòng nhẫn, người bán hoa và người chèo thuyền trên hồ ngày càng nghèo đói hơn.

Chỉ có những người đào mộ là không ngơi nghỉ. Cứ làm làm làm. Không được trả tiền cho giờ làm thêm hay ca đêm.



Trong Mazar-e-Shohadda, Miss Jebeen và mẹ được chôn cạnh nhau. Trên bia mộ của vợ, Musa Yeswi viết:

ARIFA YESWI

12/9/1968 - 22/12/1995

Vợ của Musa Yeswi

Và bên dưới:

Ab wahan khaak udhaati hai khizaan

Phool hi phool jahaan thay pehle

Nay bụi cuốn theo làn gió thu

Nơi xưa kia hoa mọc, toàn hoa

Bên cạnh, trên mộ Miss Jebeen có ghi:

MISS JEBEEN

2/1/1992 - 22/12/1995

Con gái yêu của Arifa và Musa Yeswi

Và rồi ngay bên dưới, chữ nhỏ xíu, Musa nhờ những người khắc mộ viết cho cái mà nhiều người sẽ xem là lời đề từ không phù hợp cho một liệt sĩ. Anh cho viết câu này ở nơi mà anh biết vào mùa đông tuyết sẽ ít nhiều vùi lấp và thời gian còn lại trong năm, cỏ cao cùng hoa thủy tiên dại sẽ che khuất. Ít nhiều. Đây là cái anh viết:

Akh daleela wann

Yeth manz ne kahn bai ai aasi

Na aes soh kunni junglas manz roazaan

Đó là những gì Miss Jebeen vẫn nói với anh đêm đêm khi cô bé nằm cạnh anh trên thảm, dựa lưng trên gối ôm bọc nhung đã sờn (giặt, mạng, giặt lại), mặc cái pheran của riêng mình (giặt, mạng, giặt lại), nhỏ xíu như đồ bọc ấm trà (xanh ngọc lam thêu họa tiết cánh hoa màu hồng cam viền theo cổ và tay áo) và bắt chước hệt dáng nằm dài của cha - chân trái gập lại, mắt cá chân phải kê trên đầu gối chân trái, nắm tay nhỏ xíu trong nắm tay lớn của anh. *Akh daleela wann*. Kể chuyện con nghe đi. Rồi sau đó cô sẽ tự mở đầu câu chuyện, gào to vào đêm giới nghiêm âm u, niềm vui thích lạnh lạnh của cô nhẩy nhót ra khỏi cửa sổ rồi đánh thức xóm giềng. *Yeth manz ne kahn balai aasi! Na aes soh kunni junglas manz roazaan! Không có phù thủy đâu, mẹ ta cũng không sống trong rừng. Kể chuyện con nghe đi, mà mình bỏ cái thứ nhảm nhí phù thủy với rừng đi được không? Ba kể con nghe một chuyện có thật được không?*

Lính lạnh ngắt từ vùng khí hậu ẩm đi tuần đường quốc lộ đóng băng chạy vòng khu vực của họ đóng tai và thả cò. *Ai đó? Tiếng gì đó? Dừng lại không bọn tao bắn!* Chúng từ xa lắng đến nên không biết những từ tiếng Kashmir để nói *Dừng* hay *Bắn* hay *Ai*. Chúng có súng, vậy nên chúng không

cần biết.

Người trẻ nhất đám, S. Murugesan, chỉ vừa trưởng thành, chưa bao giờ thấy lạnh như vậy, chưa bao giờ thấy tuyết và vẫn còn ngẩn ngơ theo hình thù hơi thở khi nó quánh lại trong không khí lạnh giá. “Nhìn này!” anh ta nói đem đầu đi tuần, hai ngón tay kê trên môi, rít một điệu thuốc tưởng tượng, thở ra một bùm khói xanh. “Thuốc lá miễn phí!” Nụ cười với hàm răng trắng bóc trên gương mặt đen nhẻm lảng đãng trong đêm rồi chìm đi, ỉu xiu vì cái khinh khỉnh chán nản của đồng đội. “Hút đi, Rajinikant,” chúng nói với anh ta, “Hút hết bao đi. Khi bọn chúng thổi bay đầu mày rồi thì thuốc lá không ngon vậy đâu.”

Bọn chúng.

Cuối cùng họ *cũng* tóm được anh ta. Chiếc xe jeep bọc thép anh ta đang đi nổ tung trên đường quốc lộ ngay bên ngoài Kupwara. Anh ta và hai người lính nữa chảy máu đến chết bên vệ đường.

Xác anh ta được bỏ hòm trả về cho gia đình ở làng trong quận Thanjavur, Tamil Nadu, cùng với một DVD phim tài liệu *Huyền thoại chưa kể về lòng dũng cảm* do một thiếu tá Raju đạo diễn và Bộ Quốc phòng sản xuất. S. Murugesan không có mặt trong phim, nhưng gia đình anh ta tưởng là có vì họ chưa bao giờ được xem. Họ không có đầu đĩa DVD.

Trong làng anh ta, dân Vanniyar (không phải “tiện dân”) không cho khiêng xác S. Murugesan (là tiện dân) ngang nhà họ đến bãi hỏa táng. Nên đám ma đi vòng vo men làng

đến bãi hỏa táng riêng dành cho tiện dân ngay cạnh đồng rác của làng.

Một trong những thứ S. Murugesan vẫn thầm thích khi ở Kashmir là người Kashmir da trắng thường chọc tức lính Ấn bằng cách chế nhạo da ngăm đen của họ và gọi họ là “Chamar nasl” (xuất thân Chamar). Anh ta thấy khoái trá cái giận dữ mà chuyện đó kích lên trong số các chiến hữu tự xem mình là đẳng cấp trên và không nghĩ gì đến chuyện *mình* bị gọi là Chamar, là cách người Bắc Ấn thường gọi tất cả người Dalit, bất kể họ thuộc về đẳng cấp nào trong rất nhiều đẳng cấp tiện dân. Kashmir là một trong ít nơi trên thế giới mà dân có làn da trắng bị dân da đen hơn cai trị. Sự đảo ngược đó thấm đẫm những gièm pha thất kinh với một kiểu chính đáng.

Để tưởng nhớ lòng quả cảm của S. Murugesan, quân đội góp tiền xây một bức tượng xi măng người lính Ấn S. Murugesan, mặc quân phục, súng trường trên vai, ở cổng làng. Thỉnh thoảng cô góa phụ trẻ của anh ta chỉ nó cho đứa con nhỏ của họ, khi cha nó chết nó được sáu tháng tuổi. “Appa,” chị ta nói, vẫy chào cái tượng. Và đứa bé sẽ nhoẻn cười, làm bộ hết cái vẫy tay của mẹ, khoanh thịt bé con núng nính trên cổ tay bé con như cái vòng. “Appappappappappappappa,” nó kêu, nhoẻn cười.

Không phải trong làng ai cũng bằng lòng với cái ý dựng một tượng tiện dân ở cổng làng. Nhất lại là một tiện dân cầm vũ khí. Họ cảm thấy nó sẽ phát đi ý đồ sai, khiến mọi

người có ý kiến. Tượng dựng lên được ba tuần thì khẩu súng trên vai biến đâu mất. Gia đình anh lính S. Murugesan cố làm đơn kiện, nhưng cảnh sát không chịu lập biên bản vụ này, nói rằng khẩu súng chắc đã rơi ra hay chỉ bị rỉ do dùng xi măng kém phẩm - một lỗi làm ăn gian trá khá phổ biến - và không đổ tội cho ai được cả. Một tháng sau hai bàn tay tượng bị chặt đứt. Một lần nữa cảnh sát không chịu lập hồ sơ, dù lần này họ cười khẩy đầy hiểu biết và còn chẳng buồn đưa ra lý do. Hai tuần sau khi hai tay bị chặt, tượng lính S. Murugesan bị chặt đầu. Đã có ít ngày căng thẳng. Dân từ các làng bên cùng đảng cấp với S. Murugesan tổ chức một cuộc biểu tình. Họ bắt đầu chia kíp biểu tình tuyệt thực dưới chân tượng. Một tòa án trong vùng nói họ sẽ lập một Ủy ban Thẩm phán để xem xét sự vụ. Trong lúc đó thì tòa ra lệnh giữ nguyên hiện trạng. Biểu tình tuyệt thực bị gián đoạn, ủy ban Thẩm phán không bao giờ được thành lập.

Ở vài quốc gia, một số người lính chết đến hai lần.

Bức tượng không đầu vẫn còn đứng ở cổng vào làng. Dù không còn giống với người được tưởng nhớ, nó hóa ra lại là một biểu tượng thời gian chân thực.

Đứa con của S. Murugesan tiếp tục vẫy chào cha.

“Appappappappa...”



Khi cuộc chiến tranh tiếp diễn trong thung lũng

Kashmir, nghĩa địa trở nên thường thấy như các bãi đậu xe nhiều tầng mọc lên trong các thành phố mới nổi ở vùng đồng bằng. Khi nghĩa địa không còn chỗ trống, một số mộ thành hai tầng, như xe buýt ở Srinagar từng đưa du khách qua lại Lal Chowk và đại lộ.

May sao, mộ Miss Jebeen không chịu số phận đó. Nhiều năm sau, sau khi chính phủ tuyên bố đã trấn áp được phản loạn (mặc dù nửa triệu binh lính vẫn ở lại chỉ để chắc ăn), sau khi các nhóm chiến binh chính trở mặt (hay bị xúi giục trở mặt) với nhau, sau khi người hành hương, du khách và người đi hưởng tuần trăng mật từ đất liền bắt đầu quay lại thung lũng để nô đùa trên tuyết (để được vù lên vèo xuống những bờ tuyết dốc đứng - rú ré - trên những xe trượt tuyết do các cựu chiến binh điều khiển), sau khi đám gián điệp và bọn chỉ điểm (vì các lý do sạch sẽ và thận trọng thừa thừa) bị những kẻ điều khiển giết, sau khi phản quân được thu hút vào công việc thường nhật của hàng nghìn tổ chức phi chính phủ làm trong Lĩnh vực Hòa bình, sau khi doanh nhân địa phương làm giàu nhờ cung cấp cho quân đội than và gỗ cây óc chó, bắt đầu đầu tư tiền của vào Lĩnh vực Nhà hàng-Khách sạn đang tăng trưởng nhanh (lúc trước thì được gọi là cho dân chúng “quyền lợi trong tiến trình hòa bình”), sau khi các giám đốc ngân hàng cấp cao biến thủ tiền không người nhận vẫn còn trong tài khoản các chiến binh tử trận, sau khi các trung tâm tra tấn được cải tạo thành nhà ở xa hoa cho các chính khách, sau khi các nghĩa

trang liệt sĩ đã có phần tàn tạ và con số liệt sĩ chỉ còn nhỏ giọt (con số tự sát thì tăng đáng kể), sau khi các cuộc bầu cử được tổ chức và dân chủ được ban bố, sau khi kênh Jhelum dâng lên rút xuống, sau khi cuộc phiến loạn nổi lên lại và bị đập tan lại rồi nổi lên lại rồi bị đập tan lại rồi nổi lên lại - thậm chí sau bao chuyện này, năm mộ của Miss Jebeen vẫn giữ nguyên một tầng.

Cô đã rút trúng cọng rơm may mắn. Cô có năm mộ xinh xinh với hoa dại mọc quanh và mẹ cô bên cạnh.

Cuộc thăm sát cô là vụ thứ hai trong thành phố trong vòng hai tháng.

Trong mười bảy người chết ngày hôm đó, bảy người là khán giả như Miss Jebeen và mẹ (trong trường hợp của họ, nói cho đúng thì họ là người ngồi xem). Họ đang ngồi trên ban công nhà xem, Miss Jebeen, đang hơi sốt, ngồi trong lòng mẹ, khi hàng nghìn người đưa tang khiêng xác Usman Abdullah, một giảng viên đại học được mền mộ, qua các đường phố. Ông bị bắn bởi cái mà chính quyền tuyên bố là “UG” - một tay súng chưa xác định - dù danh tính hẳn là một bí mật ai cũng biết. Dù Usman Abdullah là một nhà ý thức hệ có tiếng trong cuộc đấu tranh đòi Azadi, đã nhiều lần ông bị hăm dọa bởi các phần tử chiến binh mới lên theo đường lối cứng rắn từ bên kia vạch kiểm soát về, trang bị vũ khí mới và những ý niệm mới hà khắc mà ông công khai bài bác. Vụ ám sát Usman Abdullah là lời tuyên bố rằng cái thuyết hủ lậu cho Kashmir mà ông đại diện sẽ không được

dung thứ. Sẽ không còn cái thứ chan hòa, cổ hủ đó nữa. Không còn thờ phụng các thánh cây nhà lá vườn và nhà tiên tri ở các đền thờ trong vùng, chiến binh mới tuyên bố, không còn ngớ ngẩn nữa. Không được có các thánh rạp xiếc và thầy tu địa phương nữa. Chỉ có Allah, Thượng Đế độc tôn. Đã có kinh Koran. Đã có nhà tiên tri Mohammed (cầu mong ngài yên nghỉ). Chỉ có một cách cầu nguyện, một cách giải thích luật trời và một định nghĩa Azadi - nó là thế này:

Azadi ka matiab kya?

La ilaha illallah

Tự do nghĩa là gì?

Không có Thượng Đế nào ngoài Allah

Không được tranh luận gì nữa về chuyện này. Trong tương lai, mọi tranh luận sẽ được giải quyết bằng đạn. Shia không phải là Hồi giáo. Và đàn bà sẽ phải học cách ăn mặc cho đúng đắn.

Dĩ nhiên là đàn bà.

Đàn bà là dĩ nhiên.

Một số điều này khiến dân thường thấy không thoải mái. Họ thích các đền thờ của mình - nhất là Hazratbal, nó cất giữ thánh tích, *Moi-e-Muqaddas*, một cọng tóc của nhà tiên tri Mohammed. Một mùa đông năm 1963, hàng trăm nghìn người đổ ra đường phố khi thánh tích biến đâu mất. Hàng

trăm nghìn người vui mừng khi một tháng sau nó lại hiện ra (và được người có thẩm quyền quan tâm xác nhận là đồ thật). Nhưng khi đám Cứng rắn đi đây đi đó trở về, họ tuyên bố rằng thờ phụng các thánh địa phương và thờ sợi tóc trong đền là dị giáo.

Đường lối Cứng rắn ném thung lũng vào một tình thế tiến thoái lưỡng nan. Dân biết rằng tự do họ khao khát sẽ chẳng đến nếu không có một cuộc chiến, và họ biết đám cứng rắn cho đến nay là những chiến binh cừ khôi hơn. Họ được huấn luyện tốt nhất, có vũ khí tốt hơn, và theo quy định thiêng liêng, mặc quần ngắn hơn và để râu dài hơn. Họ được ban phúc nhiều hơn và có nhiều tiền hơn từ bên kia vạch kiểm soát. Niềm tin sắt đá, không dao động đã tôi luyện họ, đơn giản hóa họ, và trang bị họ để đảm nhận sức mạnh đội quân lớn thứ hai trên thế giới. Chiến binh tự gọi mình là “thế tục” thì ít cứng rắn hơn, dễ tính hơn. Điều đàn ông hơn, khoa trương hơn. Họ làm thơ, tán tỉnh mấy y tá và người trượt pa tanh, đi tuần các phố với súng trường khoác hờ trên vai. Nhưng họ dường như không có cái cần để thắng một cuộc chiến.

Dân chúng thích đám Đờ cứng rắn hơn, nhưng họ sợ và nể đám Cứng rắn. Trong trận chiến tiêu hao diễn ra giữa hai phe, hàng trăm người đã thiệt mạng. Cuối cùng, bên Đờ cứng rắn hơn tuyên bố ngừng bắn, hoạt động công khai và thể tiếp tục chiến đấu như những Gandhi. Phe Cứng rắn tiếp tục cuộc chiến và qua nhiều năm bị săn lùng từng

người một. Cứ mỗi người thiệt mạng lại có một người khác thay thế.

Vài tháng sau vụ ám sát Usman Abdullah, kẻ ám sát ông (UG ai cũng biết) bị quân đội bắt rồi giết. Xác hắn được trả về cho gia đình, lỗ chỗ vết đạn và dấu thuốc lá. ủy ban nghĩa trang, sau khi bàn chuyện này hồi lâu, quyết định hắn cũng là liệt sĩ nên xứng đáng được chôn trong nghĩa trang liệt sĩ. Họ chôn hắn ở đầu kia nghĩa trang, có lẽ hi vọng để Usman Abdullah và kẻ ám sát ông xa nhau ra chừng nào hay chừng đó thì ngăn được họ cãi cọ ở thế giới bên kia.

Khi cuộc chiến tiếp diễn, trong thung lũng đường lối mềm mỏng dần rắn lại, còn đường lối cứng rắn thì càng đánh rắn hơn. Mỗi đường lối lại đẻ ra thêm những đường con lối phụ nữa. Những kẻ Cứng rắn đẻ ra thêm những kẻ Cứng rắn hơn. Thường dân xoay xở, khá kỳ lạ, chiều chuộng tất cả họ, ủng hộ tất cả họ, lật đổ tất cả họ, và tiếp tục đường lối cũ, có thể bị cho là ngớ ngẩn. Cộng tác *Moi-e-Muqaddas* tiếp tục trị vì không suy suyển. Và ngay cả khi họ trôi trên những dòng cứng rắn chảy xiết, từng đám dân chúng ngày một đông hơn vẫn tiếp tục lũ lượt kéo đến các đền thờ để khóc than cho nguôi vui cõi lòng tan nát.



Ngồi an toàn trên ban công, Miss Jebeen và mẹ xem đám tang tiến lại. Như những đàn bà trẻ con khác chen

chúc trên ban công gỗ các ngôi nhà cũ kỹ suốt dọc con phố, Miss Jebeen với bà Arifa cũng đã soạn sẵn một chén cánh hoa hồng tươi để rắc xuống thi hài Usman Abdullah khi ông đi ngang bên dưới. Miss Jebeen được quấn kín mít để khỏi lạnh trong hai lớp áo len và găng tay len. Trên đầu cô đội một cái hijab trắng nhỏ bằng len. Hàng nghìn người hô vang *Azadi! Azadi!* đổ dần vào làn đường hẹp. Miss Jebeen và mẹ cũng hô theo, mặc dù Miss Jebeen, lúc nào cũng hư, đôi khi hô *Mataji!* (mẹ) thay vì *Azadi!* - vì hai chữ nghe giống một, và vì cô biết rằng khi cô làm vậy, mẹ sẽ nhìn xuống cô và nhoẻn cười hôn cô.

Đám rước phải đi ngang một công sự lớn của Tiểu đoàn 26 thuộc lực lượng biên phòng đóng cách chỗ bà Arifa với Miss Jebeen ngồi chưa đầy ba chục mét. Những họng súng máy thò ra cửa sổ lưới thép của một bót bụi bặm dựng từ mảnh tôn và ván gỗ. Công sự được chắn bao cát và dây thép gai. Từng cặp chai Old Monk và Triple X Rum phát cho quân đội rỗng không lủng lẳng trên dây thép gai, va lanh canh vào nhau như chuông - một hệ thống báo động sơ khai mà hiệu nghiệm. Một tiếng chạm lanh canh vào dây thép gai nào cũng khiến họ sẵn sàng. Chai rượu để phục vụ đất nước. Chúng còn có thêm cái lợi là xúc phạm tàn nhẫn tín đồ Hồi giáo thành tâm. Lính trong công sự cho chó hoang ăn, dân địa phương thì tránh xa (tín đồ Hồi giáo sùng mộ thì phải vậy), thế nên lũ chó kiêu luôn vai trò một vòng an ninh bổ sung. Họ ngồi chực, nhìn đám rước, cảnh

giác, nhưng không hoảng hốt. Khi đoàn người đến gần công sự, đám lính bị nhốt trong đó tan vào bóng tối, mồ hôi lạnh nhỏ long tong xuống lưng bên dưới quân phục mùa đông và áo chống đạn.

Bất thần, có một tiếng nổ. Tiếng nổ không lớn quá, nhưng cũng đủ to và đủ gần để tạo ra cơn hoảng loạn cuống cuồng. Đám lính trong công sự tóa ra, vào vị trí và nã súng máy hạng nhẹ thẳng vào đám đông không vũ khí đang chen vào đường hẹp. Chúng bắn cho chết. Ngay cả khi mọi người quay đầu bỏ chạy, đạn vẫn đuổi theo họ, cắm vào những tấm lưng, những cái đầu và những cẳng chân lùi dần. Một vài tên hoảng hốt quay súng qua những người đứng xem từ cửa sổ và ban công, nhả đạn vào người và lan can, tường và ô kính cửa sổ. Vào Miss Jebeen và mẹ, Arifa.

Quan tài của Usman Abdullah và những người khiêng quan tài bị trúng đạn. Quan tài của ông mở tung, thi hài bị giết lán nửa đổ ra đường, gập lại khó coi, trong tấm liệm tuyết trắng, chết đến hai lần giữa những người chết và bị thương.

Một số người Kashmir cũng chết hai lần.

Súng chỉ ngừng nhả đạn khi đường sá đã vắng tanh, khi tất cả những gì còn lại chỉ là xác của người chết và người bị thương. Và giày dép. Hàng nghìn đôi giày.

Và câu khẩu hiệu đình tai ở đó mà không còn ai để hô:

Jis Kashmir ko khoon se seencha! Woh Kashmir hamara hai!

Xứ Kashmir mà chúng tôi tưới bằng máu mình! Kashmir đó là của chúng tôi!

Thủ tục sau vụ thảm sát nhanh gọn hiệu quả - đã thuận thực. Trong vòng một giờ, xác chết được đưa đến nhà xác trong phòng kiểm soát của cảnh sát, người bị thương được đưa đến bệnh viện. Đường được xối nước, máu chảy thẳng xuống mấy cái cống mở. Quán xá mở cửa lại. Tình trạng bình thường được ban bố. (Tình trạng bình thường luôn được ban bố.)

Về sau, người ta xác minh được rằng tiếng nổ là do một chiếc xe cán phải một hộp giấy Mango Frooti rỗng ở đường kế bên. Trách ai đây? Kẻ nào đã vứt hộp Mango Frooti (*Fresh n' Juicy*) lại giữa đường? Người Ấn Độ hay Kashmir? Hay Pakistan? Kẻ nào cán nó? Một phiên tòa được lập ra để điều tra nguyên nhân vụ thảm sát. Chúng cứ không bao giờ được xác lập. Không ai bị trách tội. Đây là Kashmir. Đó là lỗi của Kashmir.

Cuộc sống tiếp tục. Cái chết tiếp tục. Chiến tranh tiếp tục.



Tất cả những ai đứng nhìn Musa Yeswi chôn cất vợ và con gái đều để ý thấy hôm đó anh lặng lẽ đến đường nào. Anh không tỏ ra buồn đau. Anh có vẻ khép kín và lơ đãng, như thể anh không thực sự ở đó. Có lẽ đó là cái khiến anh cuối cùng cũng bị bắt. Cũng có thể là do nhịp tim của anh.

Có lẽ nó đập nhanh quá hoặc chậm quá so với một thường dân vô tội. Tại các chốt kiểm soát khét tiếng, đôi khi lính áp tai vào ngực đám thanh niên mà nghe nhịp tim của họ. Người ta đồn là có mấy tên còn mang theo cả ống nghe. Chúng nói: “Tim tên này đập cho Tự Do” và đó sẽ đủ là lý do để cho tấm thân làm chủ trái tim đập nhanh quá hay chậm quá làm một chuyến đến Cargo, hay Papa II, hay rạp Shiraz - trung tâm thẩm vấn đáng sợ trong thung lũng.

Musa không bị bắt ở một chốt kiểm soát. Anh bị bắt tại nhà sau đám tang. Thời đó, sự điềm tĩnh quá mức ở đám tang vợ con không phải là không bị để ý.

Mới đầu tất nhiên ai cũng im lặng, sợ sệt. Đám tang nghèo nghèo đi qua thành phố nhỏ bùn lầy, xám xịt trong im lặng như tờ. Tiếng duy nhất là *lép lép lép lép* của hàng nghìn đôi giày không tất trên đường ướt như bạc dẫn đến Mazar-e-Shohadda. Thanh niên khiêng mười bảy quan tài trên vai. Mười bảy cộng một, tức là cho Usman Abdullah bị giết lần nữa, hiển nhiên không được ghi sổ hai lần. Vậy là, mười bảy cộng một quan tài thiếp lên lối qua đường sá, nháy mắt với mặt trời mùa đông. Với kẻ đứng nhìn xuống thành phố từ dãy núi cao bao quanh, đám rước sẽ trông như một hàng kiến nâu khênh mười bảy cộng một tinh thể đường đến gò kiến cho kiến chúa xoi. Có lẽ với một người nghiên cứu lịch sử và xung đột của nhân loại, trong thuật ngữ tương đối thì đám rước nhỏ nhoi thật ra chỉ có nghĩa như vậy: một hàng kiến cuỗm những vụn thức ăn trên bàn

cao rơi xuống bỏ chạy. Chiến tranh còn tiếp diễn thì đây chỉ là một cuộc chiến nhỏ. Không ai để ý gì nhiều. Nên nó cứ tái diễn hoài không dứt. Nên nó cứ mở ra khép lại hàng thập kỷ, gom mọi người vào vòng tay rã rời của nó. Những sự tàn khốc của nó trở nên tự nhiên như các mùa thay phiên nhau, mỗi mùa đến với một loạt mùi hương và loài hoa riêng, chu kỳ lụt tàn và hồi sinh riêng, gián đoạn và bình thường, phiến loạn và tuyển cử.

Trong mọi tinh thể đường mà đàn kiến cống đi buổi sáng mùa đông đó, tinh thể nhỏ nhất tất nhiên có tên là Miss Jebeen.

Những con kiến quá hoảng sợ không dám hòa vào đám rước thì đứng xếp hàng bên đường, đứng trên bờ tuyết cũ ngả nâu trơn trượt, hai tay khoanh trong pheran ấm áp, để ống tay áo đánh lật phật trong làn gió. Người không vũ trang ở tâm điểm một cuộc nổi dậy có vũ trang. Những ai quá sợ không dám liếc ra thì đứng nhìn từ cửa sổ và ban công (mặc dù họ cũng đã thấy rõ cái nguy của điều đó). Mỗi người đều biết mình đang bị dò theo trong đầu ruồi súng của bọn lính đã vào vị trí khắp thành phố - trên mái nhà, cầu, thuyền, thánh đường, tháp nước. Chúng đã chiếm đóng các khách sạn, trường học, cửa tiệm và thậm chí một số nhà riêng.

Sáng hôm đó trời lạnh; lần đầu tiên trong nhiều năm hồ đã đóng kín băng và dự báo thời tiết cho thấy còn có tuyết nữa. Cây cối vươn cành trơ trụi, loang lổ lên trời như người

đưa ma đứng lạng tang thương.

Trong nghĩa trang, mười bảy cộng một cái huyết đã sẵn sàng. Gọn gàng, tươi mới, sâu hoắm. Đất từ mỗi hố dôn bên cạnh, một tháp sô cô la nâu đen. Một toán đi trước đã mang vào những cái cán kim loại bê bết máu mà xác được trả về cho gia đình sau khi được giao nghiệm. Chúng được dựng lên, xếp quanh những thân cây, như cánh hoa thép lấm máu của một đóa hoa ăn thịt nào đó miền sơn cước.

Khi đoàn người rẽ vào cổng nghĩa trang, một đám phóng viên, run cầm cập như vận động viên trên bàn nhấn xuất phát, ủa khởi hàng, tràn tới. Các quan tài được đặt xuống, mở nắp, xếp thành hàng trên đất đóng băng. Đám đông nể nang nhường chỗ cho giới báo chí. Họ biết rằng không có các phóng viên và nhiếp ảnh gia thì cuộc thăm sát sẽ bị xóa sạch và người chết sẽ thực sự chết. Nên các xác chết được đem ra mời, trong hi vọng cùng nỗi giận dữ. Một bữa tiệc người chết. Tang quyến đã tránh đi, được mời quay lại vào trong khuôn hình. Nỗi sầu đau của họ phải được lưu trữ. Trong những năm sau này, khi chiến tranh trở thành một lối sống, sẽ có sách, phim và triển lãm nhiếp ảnh được chọn xoay quanh đề tài đau thương và mất mát của Kashmir.

Musa không chịu xuất hiện trong bức hình nào cả.

Trong dịp này, Miss Jebeen cho đến giờ vẫn hút nhất. Các máy quay tập trung vào cô, ro ro lách cách như một

con gấu bốn chồn. Từ vụ gặt hái hình chụp đó, một tấm nổi lên như tác phẩm kinh điển địa phương. Suốt nhiều năm nó được in lại trên báo, tạp chí và trên bìa các báo cáo nhân quyền mà chưa từng có ai đọc, với những chú thích như *Máu trên tuyết, Thung lũng nước mắt* và *Nỗi sầu có bao giờ tận?*

Ở đất liền, vì những lý do hiển nhiên, bức ảnh Miss Jebeen lại không nổi danh bằng. Trong siêu thị nổi sầu, thằng bé Bhopal, nạn nhân của vụ rò rỉ khí ga của Union Carbide, vẫn dẫn trước cô trong các biểu đồ. Vài nhiếp ảnh gia hàng đầu đòi quyền tác giả bức ảnh trứ danh chụp thằng bé đã chết bị vùi sâu tận cổ trong một nấm mộ bằng gạch nát, đôi mắt nhìn trừng trừng, mờ đục mù đi vì khí độc. Đôi mắt đó kể câu chuyện về cái đã xảy ra vào đêm khủng khiếp ấy mà không gì kể được. Chúng nhìn trừng trừng từ các trang tạp chí bóng loáng khắp thế giới. Tất nhiên cuối cùng chuyện đó cũng chẳng quan trọng. Câu chuyện bùng lên, rồi tắt. Cuộc chiến giành bản quyền bức ảnh tiếp tục nhiều năm, cũng khốc liệt gần như cuộc đấu tranh đòi bồi thường cho hàng nghìn nạn nhân bị khí ga rò rỉ tàn phá.



Con gấu bốn chồn giải tán, để lộ ra Miss Jebeen còn lành lặn, không xây xước, ngủ say. Bông hồng mùa hè của cô vẫn còn nguyên vẹn.

Khi các thi hài được hạ huyết đám đông bắt đầu lầm rầm đọc kinh.

Rabbish rahlee sadree; Wa yassir lee amri

Wahlul uqdatan min lisaanee; Yafqahoo qawlee.

Lạy Thượng Đế! Xin ngài làm vui tâm trí con, xin làm nhẹ gánh cho con

Và cởi gút buộc lười con. Để họ hiểu được lời con.

Đám trẻ nhỏ hơn, đứng mới ngang hông ở khu vực riêng rẽ, cách ly dành cho đàn bà, ngộp thở vì len thô của áo quần mẹ chúng, không thấy được nhiều, hầu như không thở được, tiến hành các giao dịch ngang hông riêng: *Mày đưa tao một quả lựu đạn tịt thì tao sẽ đưa mày sáu vỏ đạn.* Một giọng đàn bà cô lẻ vút lên tầng không, cao ma mị, cái đau còn mới nguyên đâm xuyên qua như mũi giáo. *Ro rahi hai yeh zameenl Ro raha hai asmaan...* Một giọng nữa hòa vào rồi giọng nữa: Trái đất này khóc than! Trời cao cũng khóc... Chim chóc dừng lú lo một chốc mà lắng nghe, mắt tròn xoe, khúc hát của người. Lũ chó hoang khuynh khuynh đi qua các chốt gác không bị lực soát, nhịp tim đập đều. Điều hâu và kền kền lượn vòng trên các tầng khí nóng, thần thờ bay qua bay về vạch kiểm soát, chỉ để nhạo cùm người xiu xiu tụ tập bên dưới.

Khi bầu trời dậy tiếng khóc than thảm thiết, cái gì đó bùng lên. Đám thanh niên bắt đầu nhảy vọt lên, như ngọn lửa rục lên từ than hồng âm ỉ. Họ nhảy mỗi lúc một cao

hơn, như thể mặt đất bên dưới chân họ là lò xo, là đệm nhún. Họ mặc nổi đau như áo giáp, cơn giận lũng lảng ngang người như băng đạn. Lúc đó, có lẽ vì được vũ trang như vậy, hay vì họ đã quyết định đón nhận một sự sống chết, cũng có thể vì họ biết mình đã chết rồi, họ trở nên bất khả chiến bại.

Đám lính bao quanh Mazar-e-Shohadda có chỉ thị rõ ràng không được nã súng, bất luận thế nào. Những kẻ chỉ điểm cho chúng (anh em ruột, anh em họ, cha, chú, cháu), trà trộn trong đám đông và hô khẩu hiệu cũng khí thế như ai (thậm chí còn thật bụng hô), có chỉ thị rõ ràng là nộp hình và nếu được thì video của từng thanh niên nào bị cuốn theo sóng triều thịnh nộ, đã nhảy vọt lên và biến mình thành ngọn lửa.

Sớm thôi mỗi người trong số họ sẽ nghe tiếng gõ cửa nhà, hay bị giữ riêng tại chốt gác.

Có phải mày là thế này thế kia? Con của người này người nọ? Làm việc ở chỗ này chỗ kia?

Thường thì sự hăm dọa không đi xa hơn vậy - chỉ cái dò hỏi vô nghĩa, chiếu lệ. Ở Kashmir, ném thông tin tiểu sử của một người vào anh ta thì đôi khi cũng đã đủ làm đảo dòng đời anh ta.

Nhiều lúc thì không.



Chúng đến tìm Musa vào giờ thăm viếng thường lệ - 4 giờ sáng. Anh đang thức, ngồi bên bàn viết một lá thư. Mẹ anh ở trong phòng bên. Anh còn nghe được bà khóc và những tiếng rì rầm dỗ dành của các chị và người thân của bà. Con hà mã xanh lá nhồi bông (và bị thủng) yêu quý của Miss Jebeen - với cái miệng cười hình chữ V và miếng vá trái tim màu hồng - ở chỗ thường lệ của nó, dựng trên cái gối ôm chờ người mẹ nhỏ và câu chuyện kể vào giờ ngủ mọi ngày. (*Akh daleela wann...*) Musa nghe tiếng xe đến gần. Từ cửa sổ tầng một anh thấy nó rẽ vào đường hẻm rồi dừng lại bên ngoài nhà anh. Anh không cảm thấy gì, không giận dữ hay hồi hộp, khi anh nhìn bọn lính ra khỏi chiếc Gypsy bọc thép. Cha anh, Showkat Yeswi (với Musa và các bạn thì ông là Godzilla), cũng đang thức, ngồi xếp bằng trên thảm ở phòng trước. Ông là nhà thầu xây dựng cộng tác mật thiết với công binh, cung cấp vật liệu xây dựng và làm các dự án chìa khóa trao tay cho họ. Ông đã cho con hai lên Delhi học kiến trúc những mong anh sẽ giúp ông mở rộng dây chuyền kinh doanh. Nhưng khi *tehreek* bắt đầu năm 1990, và Godzilla vẫn tiếp tục làm việc với quân đội, Musa tránh hẳn ông. Giằng xé giữa đạo làm con và mặc cảm tội lỗi khi hưởng cái anh thấy là bổng lộc từ việc cộng tác, Musa thấy càng lúc càng khó sống chung một mái nhà với cha.

Showkat Yeswi dường như đang đợi đám lính. Ông không có vẻ hoảng. “Amrik Singh gọi. Y muốn nói chuyện

với con. Không có gì đâu, đừng lo. Y sẽ thả con trước khi trời sáng.”

Musa không đáp. Anh còn chẳng liếc nhìn Godzilla, sự khinh ghét hiện rõ trong cách anh uốn vai, còn lưng thẳng tắp. Anh bước ra cửa trước với hai tên có vũ trang áp giải hai bên rồi lên xe. Anh không bị còng tay cũng không bị trùm đầu. Chiếc Gypsy lướt qua những phố sá đóng băng, trơn trượt. Trời lại đổ tuyết.



Rạp chiếu phim Shiraz là điểm nhấn của một khu doanh trại và nhà ở của sĩ quan, được rào bằng thứ phụ kiện cầu kỳ hoang tưởng - hai vòng đồng tâm dây thép gai kẹp ở giữa một hào cạn, đầy cát; vòng thứ tư và trong cùng là một tường ranh giới cao trên gắn mảnh chai lởm chởm. Các cổng bằng tôn uốn có tháp canh ở hai bên, có lính cầm súng máy đứng gác. Chiếc Gypsy chở Musa nhanh chóng đi qua các chốt gác. Rõ ràng người ta đang chờ nó. Xe chạy thẳng qua khu nhà đến lối vào chính.

Sảnh rạp chiếu phim thấp đèn sáng trung. Một bức tranh khảm bằng những miếng gương nhỏ xíu điểm lấp lánh cái trần giả bằng thạch cao trắng có rãnh, xộp như lớp kem trên một ổ bánh cưới khổng lồ lộn ngược, làm phát tán và khuếch đại ánh sáng từ các đèn chùm rủ tiền, lấp lóe. Thảm đỏ mòn vẹt xơ chỉ, làm lộ ra từng mảng sàn xi măng. Không khí lâu ngày, không được thông thoáng có mùi súng,

diesel và áo quần cũ. Cái từng là quầy bán đồ ăn nhẹ của rạp chiếu phim giờ làm quầy tiếp tân kiêm đăng ký cho những kẻ tra tấn và người bị tra tấn. Nó tiếp tục quảng cáo những thứ đã không còn bán nữa - kẹo sô cô la Cadbury's Fruit & Nut và vài hương vị kem Kwality, kẹo sô cô la, cam, xoài. Những áp phích phim cũ bạc màu (*Chandni*, *Maine Pyar Kiya*, *Parinda* và *Sur tử hoang mạc*) - từ thời trước khi phim ảnh bị cấm và rạp bị Hồ Allah đóng cửa - vẫn còn dán trên tường, một số vung vãi nước trâu đỏ. Hàng dãy thanh niên, bị trói và còng tay, ngồi xõm trên sàn như gà, một số bị đánh thê thảm đến mức họ đổ nghiêng qua một bên, hầu như không còn sống, vẫn trong tư thế ngồi xõm, cổ tay bị trói vào cổ chân. Lính lượn lơ xung quanh, đem tù nhân vào, giải những người khác đi để thẩm vấn. Những tiếng phảng phất vẳng ra qua mấy cánh cửa gỗ lớn dẫn vào khán phòng có thể là tiếng nhạc bị chặn lại trong một phim bạo lực. Những con kangaroo xi măng với cái cười thảm nảo và túi là thùng rác có ghi *Dùng tôi đi* giám sát triều đình kangaroo.

Musa và tên áp giải không bị các thủ tục tiếp tân hay đăng ký giữ chân. Cái nhìn của những người đàn ông bị đánh đập, bị trói theo chân, họ lướt qua như hoàng gia thẳng lên cầu thang lớn, uốn cong dẫn đến chỗ ngồi trên ban công - chỗ ngồi của nữ hoàng - rồi đi tiếp lên một cầu thang hẹp hơn đến phòng chiếu đã mở rộng thành văn phòng. Musa biết rằng ngay cả việc dựng vở kịch này cũng

cố ý, không hề vô tư.

Thiếu tá Amrik Singh đứng dậy để chào Musa từ sau cái bàn làm việc chen chúc bộ sưu tập đồ chặn giấy kỳ lạ của hắn - nhọn hoắt, vỏ sò lổm đổm, bức tượng nhỏ bằng đồng thau, tàu buồm và các nữ vũ công ba lê bị cầm tù trong những quả cầu thủy tinh. Hắn có làn da ngăm đen, cao khác thường - có khi cũng một mét chín - độ ba lăm, ba sáu. Hóa thân hắn chọn tối đó là người Sikh. Da má bên trên đường râu quai nón của hắn có lỗ chân lông to, như bề mặt một cái bánh souffle. Khăn đóng màu xanh lục đậm, quấn chặt quanh tai và trước trán, kéo hai khóe mắt và lông mày hắn lên, cho hắn cái vẻ ngái ngủ. Những ai dù chỉ quen sơ hắn cũng biết rằng bị cái vẻ ngái ngủ đó đánh lừa sẽ là một sự hiểu lầm nguy hiểm. Hắn đi vòng quanh bàn để chào Musa kiểu sốt sắng, quan tâm và trù mến. Mấy tên lính giải Musa vào được bảo lui ra.

"As salaam aleikum huzoor... Xin mời ngồi. Anh dùng gì? Trà? Hay cà phê?"

Giọng điệu hắn đâu đó giữa hỏi ý và ra lệnh.

"Không gì cả. Shukriya."*

Musa ngồi xuống. Amrik Singh nhắc ống nghe điện thoại liên lạc nội bộ màu đỏ lên gọi trà và "bánh quy dành cho sĩ quan". Tầm vóc và thân hình hắn khiến cái bàn trông nhỏ và không cân xứng.

Đây không phải lần đầu họ gặp nhau. Musa từng gặp Amrik Singh vài lần, không đâu khác ngoài nhà anh, khi

Amrik Singh tạt vào để thăm Godzilla, người hân đã quyết định ban cho món quà hữu nghị - một lời mời mà Godzilla không hân được tùy ý khước từ. Amrik Singh đến được ít lần thì Musa nhận ra sự thay đổi khủng khiếp trong bầu không khí ở nhà. Nó trở nên lạnh lẽ hơn. Các tranh luận chính trị gay gắt giữa anh và cha giảm dần đi. Nhưng Musa cảm thấy ánh mắt bỗng ngờ vực của Godzilla thường trực nhìn anh, như thể đang cố đánh giá anh, cân đo anh, thăm dò anh. Một chiều nọ, từ trên phòng xuống, Musa trượt chân trên cầu thang, đứng thẳng lại ngay giữa lúc đang trượt, và đứng lại được. Godzilla, này giờ nhìn màn trình diễn của anh, sáp đến bắt chuyện Musa. Ông không cao giọng, nhưng ông thịnh nộ và Musa còn thấy mạch đập giần giật gần thái dương ông.

“Làm sao mà mày học cách ngã như vậy? Ai dạy mày ngã thế này?”

Ông dò xét con trai với bản năng rèn giũa kĩ của một người cha Kashmir lo lắng. Ông tìm những điểm bất thường - một vết chai sần trên ngón tay bóp cò, hai đầu gối và cùi chỏ cứng, nổi vảy và bất cứ dấu hiệu “huấn luyện” nào có thể nhận trong các trại chiến binh. Ông không tìm được gì. Ông quyết định đem hỏi thẳng Musa cái thông tin đáng ngại Amrik Singh đã cho ông - về mấy hộp “kim loại” được chuyển qua các vườn quả nhà ông ở Ganderbal. Về những lần Musa vào núi, về chuyện anh gặp một vài “người bạn”.

“Con có gì để nói về những chuyện này không?”

“Ba hỏi thiếu tá Sahib bạn ba đi. Hấn sẽ nói ba rằng tin tức không đem dùng được thì chẳng khác nào rác,” Musa nói.

“Tse chhui marnui assi sarnei ti marnavakh,” Godzilla nói.

Mày sẽ chết và kéo cả nhà chết theo.

Lần sau khi Amrik Singh tạt vào, Godzilla nhất quyết bắt Musa có mặt. Trong dịp đó họ ngồi xếp bằng trên sàn quanh tấm khăn trải bàn bằng nhựa in hoa còn mẹ Musa dọn trà. (Musa đã dặn Arifa nhớ kỹ cô với Miss Jebeen không được xuống nhà cho đến khi khách ra về.) Amrik Singh toát ra vẻ niềm nở và hữu hảo. Hấn tự nhiên như ở nhà, ngồi dựa vào mấy gối ôm. Hấn kể vài câu đùa tục tĩu Người Sikh Ngu ngốc về Santa Singh và Banta Singh, rồi cười to hơn ai khác. Và rồi, lấy cớ là như vậy thì không ăn được nhiều như hấn muốn, hấn cởi khóa thắt lưng cùng khẩu súng lục vẫn nằm trong bao. Nếu cử chỉ này nhằm ra dấu rằng hấn tin tưởng chủ nhà và thấy thoải mái với họ thì nó đã có tác dụng ngược lại. Vụ sát hại Jalib Qadri vẫn chưa xảy ra, nhưng hàng loạt vụ giết người và bắt cóc khác hấn làm thì ai cũng biết. Khẩu súng lục nằm độc địa giữa mấy đĩa bánh và thức ăn nhẹ với mấy phích *noon chai** mận. Khi cuối cùng Amrik Singh cũng đứng lên ra về, ợ lên cảm kích, hấn quên khẩu súng, hay có vẻ đã quên. Godzilla cầm lên đưa cho hấn.

Amrik Singh nhìn thẳng Musa và cười khi gài khoen khẩu súng vào lại.

“May là cha anh nhớ ra. Thử nghĩ coi nó được tìm thấy ở đây trong một cuộc vây ráp. Đừng nói là tôi, ngay cả Thượng Đế cũng không giúp anh được. Thử nghĩ mà coi.”

Ai nấy đều cười ngoan ngoãn. Musa thấy trong mắt Amrik Singh không có cái cười. Chúng dường như hút ánh sáng vào mà không phản chiếu. Chúng là hai hình tròn mờ đục, đen thẫm thẫm không có một thoáng lung linh hay lấp lánh.

Cũng đôi mắt mờ đục đó giờ đang nhìn Musa từ bên kia cái bàn đầy đồ chặn giấy trong phòng chiếu phim của rạp Shiraz. Đó là một cảnh tượng khác thường - Amrik Singh ngồi bên bàn. Rõ ràng hẳn tuyệt không biết làm gì với cái bàn hơn là dùng nó làm bàn cà phê để bày kỷ vật. Bàn được kê sao để hẳn chỉ cần ngả người trên ghế và ló nhìn qua cái ô chữ nhật nhỏ xíu trên tường -từng là cổng nhìn của người chiếu phim, giờ là một lỗ do thám - để theo dõi bất cứ gì đang diễn ra dưới sảnh chính. Từ đó đi ra các buồng thẩm vấn, qua các cửa trên có biển hiệu đèn neon đỏ sáng chữ *EXIT* (và đôi khi cũng có nghĩa như vậy). Màn ảnh vẫn còn thả màn nhung đỏ có nùm tua kiểu cũ - kiểu ngày xưa vẫn kéo lên theo tiếng nhạc sáo: *Bắp rang* hay *Voi con đều bước*. Các ghế rẻ tiền hơn trong các lô đã bị tháo ra dồn đống trong một góc, dọn chỗ cho một sân cầu lông trong nhà để lính mệt mỗi xả hơi. Ngay cả vào giờ này, cái tiếng

vút vút thoảng nhẹ của một quả cầu lông gặp vợt cũng vọt vào văn phòng Amrik Singh.

“Tôi cho mời anh đến đây để có lời xin lỗi và chia buồn tận đáy lòng của cá nhân tôi về chuyện xảy ra.”

Sự suy đồi ở Kashmir ăn sâu đến mức Amrik Singh thực tình không biết cái mĩa mai khi bắt một người có vợ con vừa bị bắn chết, rồi lính canh vũ trang áp giải hắn, đến trung tâm thẩm vấn lúc 4 giờ sáng, chỉ để nói lời chia buồn.

Musa biết Amrik Singh là một con tắc kè hoa và bên dưới cái khăn đóng của hắn là một “Mona” - hắn không để tóc dài như một người Sikh. Hắn đã phạm cái tội báng bổ tội cùng đối với giáo luật của người Sikh khi cắt tóc nhiều năm trước. Musa đã nghe hắn khoác lác với Godzilla rằng khi đi tác chiến chống bạo loạn hắn có thể giả làm một người An, một người Sikh hay một người Pakistan Hồi giáo nói tiếng Punjab, tùy theo chiến dịch đòi hỏi cái gì. Hắn cười hô hố khi mô tả chuyện để nhận diện và khiến “cảm tình viên” lộ mặt, hắn và lính mặc salwar kameez - “bộ đồ Khan” - rồi gõ cửa nhà dân làng giữa đêm khuya khoắt, giả làm chiến binh Pakistan xin tá túc. Nếu họ được mời vào, ngày mai lại dân làng đó sẽ bị bắt như là OGW (người hoạt động công khai).

“Làm sao mà dân làng không có vũ khí lại dám từ chối một toán đàn ông có súng đang đêm gõ cửa nhà họ được? Không cần biết họ là chiến binh hay quân đội?” Musa không nhịn được mà hỏi.

“Ô, bọn này có cách để đo cái niềm nở trong sự đón tiếp mà,” Amrik Singh trả lời. “Bọn tôi có nhiệt kế riêng.”

Cũng có thể. Nhưng bọn bay không có cái hiểu biết chiều sâu tính hai mặt của dân Kashmir, Musa nghĩ mà không nói ra. Bọn bay không biết một dân tộc như chúng tao, đã sống sót qua một lịch sử và trên một địa thế như của chúng tao, đã học cách giấu kín niềm kiêu hãnh của mình. Tính hai mặt là vũ khí duy nhất bọn tao có. Bọn mày không biết chúng tao cười rạo rỡ trong khi tim chúng tao tan nát. Chúng tao có thể tàn khốc trở mặt với những người mình yêu thương trong khi hòa nhã ôm hôn những kẻ chúng tao khinh bỉ. Bọn mày không biết chúng tao có thể niềm nở tiếp đón bọn mày khi tất cả những gì chúng tao thực sự muốn là bọn mày cút đi. Ở đây thì nhiệt kế của bọn mày không được tích sự gì cả.

Đó là một cách nhìn vấn đề. Mặt khác, có thể, vào thời điểm đó, Musa mới là người ngây thơ. Vì Amrik Singh đương nhiên có nếm đủ cái mùi địa ngục trần gian mà hắn đang hoạt động - một nơi mà dân cư không có biên giới, không lòng trung thành và không giới hạn cho độ sâu họ sẽ rơi xuống. Còn về tâm lý của dân Kashmir, nếu quả thực có cái như vậy, Amrik Singh không tìm cách hiểu hay thấu suốt. Với hắn đó là một trò chơi, một cuộc săn, trong đó sự khôn lanh của con mồi chọi với mưu trí của hắn. Hắn tự thấy mình là kẻ đi săn hơn là người lính. Cái được nhắm tưởng là một tâm hồn vui vẻ. Thiếu tá Amrik Singh là một

con bạc, một sĩ quan liêu lĩnh, một kẻ khảo cung tàn khốc và một sát thủ máu lạnh hơn hở. Hấn vô cùng thích thú công việc của mình và thường trực tìm những cách thức làm tăng trò vui. Hấn liên lạc với một vài chiến binh thỉnh thoảng dò theo tần số vô tuyến của hấn, hay hấn dò theo tần số của họ, và họ chòng ghẹo nhau như mấy cậu học trò. “*Arre yaar*, tôi có là gì đâu ngoài một đại lý du lịch hèn mọn?” Hấn thích nói họ như vậy. “Với jihad các anh thì Kashmir chỉ là một điểm quá cảnh thôi mà, phải không? Đích đến thực sự của các anh là *jannat** mà các tiên nữ đang chờ các anh. Tôi ở đây chỉ để giúp các anh đi đường nhanh chóng hơn thôi.” Hấn gọi mình là *Jannat Express*. Và nếu hấn đang nói tiếng Anh (mà thường có nghĩa là hấn đang say), hấn dịch ra là *Paradise Express*.

Một trong những câu đã thành huyền thoại của hấn là: *Dekho mian, mein Bharat Sarkar ka lund hoon, aur mera kaam hai chodna*.

Nghe này người anh em, tôi là con cu của chính phủ Ấn Độ và việc của tôi là đi mà chọc ngoáy mọi người.

Trong cuộc tìm kiếm trò vui không ngừng nghỉ, người ta biết hấn đã thả một chiến binh mà hấn truy lùng và bắt được vô cùng khó khăn, chỉ vì hấn muốn sống lại cái thú được bắt anh ta lần nữa. Chính và để theo cái thú đó, với đề mục tai ác trong sách cấm nang sẵn sẵn của riêng hấn mà hấn cho gọi Musa đến rạp Shiraz để xin lỗi. Trong vài tháng qua Amrik Singh đã, có lẽ chính xác, nhận ra Musa

là một đối thủ tiềm tàng xứng đáng, một người như là đối cực của hắn nhưng vẫn có gan cùng trí thông minh để nâng tiền cược và có lẽ làm thay đổi tính chất cuộc săn đến mức sẽ khó biết ai là kẻ đi săn và ai là người bị săn đuổi. Vì lý do này Amrik Singh cực kỳ bức tức khi nghe tin vợ con Musa chết. Hắn muốn Musa biết rằng hắn không nhúng tay vào chuyện đó. Rằng đó là đòn bất ngờ và, về phần hắn mà nói, đánh vào hạ bộ, không bao giờ là một phần trong dự tính của hắn. Để cuộc săn tiếp diễn, hắn cần phải làm rõ điều này với con mồi.

Đi săn không phải là đam mê duy nhất của Amrik Singh. Hắn có những sở thích tốn kém và một lối sống mà hắn không chu cấp nổi bằng đồng lương của mình. Nên hắn khai thác các con đường có tiềm năng làm ăn khác mà việc nằm bên phe thắng của một quân đội chiếm đóng mời chào. Ngoài những lợi lộc bắt cóc và tổng tiền, hắn còn sở hữu (vợ hắn đứng tên) một xưởng cưa trên núi và một cơ sở kinh doanh đồ nội thất trong thung lũng. Hắn tàn bạo thế nào thì cũng rộng rãi phóng tay thế ấy, và phân phát hậu hĩ quà cáp là các bàn cà phê chạm khắc và ghế gỗ óc chó cho những ai hắn thích hay cần. (Godzilla bị ép nhận một bộ bàn để đầu giường.) Vợ của Amrik Singh, Loveleen Kaur, là người thứ tư trong năm chị em - Tavleen, Harpreet, Gurpreet, Loveleen và Dimple - có tiếng là xinh đẹp - và còn hai em trai. Họ thuộc về một cộng đồng nhỏ người Sikh định cư trong thung lũng nhiều thế kỷ trước. Cha họ là tiểu

nông có ít hoặc không có điều kiện nuôi gia đình đông đúc. Người ta nói gia đình nghèo đến mức khi mấy cô gái đến trường và đánh rơi hộp đồ ăn trưa mang theo, mấy chị em đói bụng liền ăn đồ ăn đổ ngay trên vỉa hè. Khi mấy cô gái lớn lên, đủ hạng đàn ông bắt đầu vây quanh họ như ong bắp cày, với đủ thứ đề nghị, không cái nào là lời cầu hôn. Nên cha mẹ họ quá mừng khi gả được một đứa con gái (mà không phải có của hồi môn) cho một người Sikh ở đất liền - một sĩ quan quân đội, có lạ không. Sau khi họ cưới nhau Loveleen không dọn vào khu nhà dành cho sĩ quan của Amrik Singh trong nhiều trại khác nhau hắn được bổ nhiệm ở Srinagar và quanh đó. Vì, người ta nói (đồn), ở chỗ làm hắn có một người đàn bà khác, một “vợ” khác, là đồng nghiệp từ cảnh sát dự bị trung ương, một phó chỉ huy Pinky thường cộng tác với hắn trong các cuộc tác chiến cũng như các buổi thẩm vấn tại các trại. Cuối tuần, khi Amrik Singh về thăm vợ và thằng con sơ sinh trong căn hộ tầng một ở Jawahar Nagar, khu người Sikh nho nhỏ ở Srinagar, hàng xóm xì xầm về bạo hành gia đình và những tiếng kêu cứu bị bóp nghẹt của chị ta. Không ai dám can thiệp.

Dù Amrik Singh sẵn lòng và trừ khử chiến binh một cách tàn nhẫn, thực ra hắn nhìn họ - ít ra thì cũng những người giỏi nhất trong số họ - với một kiểu ngưỡng mộ hậm hực. Người ta nói hắn đã đến viếng mộ một số người, có cả vài người chính tay hắn giết. (Một người thậm chí còn được phát súng chào không chính thức.) Những người hắn không

chỉ không nể nang mà còn thực lòng khinh bỉ là các nhà hoạt động nhân quyền - chủ yếu là luật sư, nhà báo và biên tập viên báo chí. Với hãn, họ là những con sâu bọ làm hỏng và sai lệch quy tắc cam kết của trò chơi lớn khi cứ mè nheo và kêu ca liên tục. Mỗi khi Amrik Singh được phép bắt một người trong số họ hay “vô hiệu hóa” họ (những “phép” này không bao giờ đến dưới dạng lệnh giết, mà thường là không có lệnh *không được* giết) hãn lúc nào cũng quá sốt sắng thực thi nhiệm vụ này. Trường hợp của Jalib Qadri thì lại khác. Lệnh cho hãn chỉ là hãm dọa và giam giữ người này. Mọi chuyện trở nên hỏng bét. Jalib Qadri phạm sai lầm là không sợ hãi. Hay là cãi lại. Amrik Singh hối hận là đã mất tự chủ và hối hận hơn nữa là cũng vì chuyện ấy, hãn đã phải loại trừ người bạn và cũng là bạn đồng hành của hãn, Salim Gojri thuộc nhóm Ikhwan. Chúng đã có những lúc vui vẻ bên nhau và nhiều chuyến ngao du lớn, hãn với Salim Gojri. Hãn biết rằng nếu mọi chuyện ngược lại, chắc hãn Salim cũng làm tương tự. Và hãn, Amrik Singh, chắc cũng hiểu. Hay là hãn tự nhủ như vậy. Trong mọi thứ hãn làm, giết Salim Gojri là thứ duy nhất khiến hãn ngập ngừng. Salim Gojri là người duy nhất trên đời, tính luôn cả Loveleen vợ hãn, mà Amrik Singh cảm thấy cái gì đó gần gần như tình yêu thương. Để công nhận điều này, khi thời điểm đến, chính hãn kéo cò bắn vào bạn hãn.

Dù vậy hãn không phải một kẻ ưa trầm ngâm, và quên được mọi chuyện rất nhanh. Ngồi bên kia bàn đối diện

Musa, thiếu tá là con người mọi ngày, vênh váo tự phụ. Người ta đã rút hẳn khỏi chiến trường và giao cho việc bàn giấy, phải, nhưng với hẳn mọi chuyện còn chưa bắt đầu mở nút nữa mà. Thỉnh thoảng hẳn làm vài chuyến thực địa, trong các chiến dịch, hẳn quen thuộc với lý lịch của một chiến binh hay một người hoạt động công khai. Hẳn khá chắc mình đã ngăn chặn được tổn thất, và đã thoát hiểm.

“Bánh quy dành cho sĩ quan” và trà được dọn ra. Musa nghe loáng thoáng tiếng tách trà lách cách trên khay kim loại trước khi người mang bánh quy xuất hiện sau lưng anh. Musa và người mang bánh tới nhận ra nhau tức thì, nhưng vẻ mặt họ vẫn thờ ơ và âm u. Amrik Singh nhìn họ kỹ lưỡng. Căn phòng cạn không còn không khí. Hít thở trở nên bất khả. Phải giả thở thôi.

Junaid Ahmed Shah là một thủ lĩnh khu vực của Hizb-ul-Mujahideen bị bắt vài tháng trước khi anh phạm cái sai lầm tai hại, rất thường thấy là nửa đêm về thăm vợ và thằng con sơ sinh tại nhà ở Sopore mà lính nằm chờ sẵn. Anh là người cao ráo, uyển chuyển, có tiếng, được yêu mến vì vẻ ngoài điển trai và những hành động dũng cảm thật sự và cả giả tạo. Anh có thời để tóc dài ngang vai và bộ râu đen dày. Giờ anh cạo nhẵn, tóc húi sát, theo kiểu binh sĩ Ấn. Đôi mắt đờ đẫn, hững hờ nhìn ra từ hai hố sâu xám xịt. Anh mặc quần thể thao cũ sờn chỉ tới ngang ống quyển, tất len, giày Keds bằng vải bố quân đội phát và áo chèn phục vụ đồ bị mỗi một găm có nút đồng thau, quá nhỏ so với khổ người

nên khiến anh trông khôì hài. Cái run run nơi tay anh khiến đồ sứ nảy tung trên khay.

“Được rồi, giờ biến đi. Còn đứng đó làm gì?” Amrik Singh nói với Junaid.

“Ji Jenaab! Jai Hind!”

Dạ thưa ông! Chiến thắng cho Ấn Độ!

Junaid chào và rời phòng. Amrik Singh quay qua Musa, điệu bộ đúng là thương cảm.

“Cái xảy ra với anh là cái lẽ ra không được xảy ra với bất cứ ai. Chắc là anh đang bàng hoàng. Đây, làm một miếng Krackjack đi. Tốt cho anh lắm đó. Năm mươi năm mươi. Năm mươi phần trăm đường, năm mươi phần trăm muối.”

Musa không đáp.

Amrik Singh uống cạn trà. Musa để nguyên không động đến.

“Anh có bằng kỹ sư, phải không?”

“Không. Kiến trúc.”

“Tôi muốn giúp anh. Anh biết quân đội bao giờ cũng cần kỹ sư. Có nhiều việc lắm. Lương rất cao. Làm rào biên giới, xây trại mồ côi, họ đang tính làm một số trung tâm giải trí, phòng tập cho thanh niên, ngay cả chỗ này cũng cần sửa sang lại... Tôi có thể kiếm cho anh vài hợp đồng ngon lành. Ít ra thì bọn này cũng nợ anh chừng đó.”

Musa, không nhìn lên, đưa đầu ngón trỏ thử mũi nhọn cái vỏ sò.

“Tôi đang bị bắt, hay tôi được ông cho phép ra về ngay?”

Vì không ngẩng lên, anh không thấy cái màng mờ mờ giận dữ thả xuống mắt Amrik Singh, êm ru và nhanh gọn như con mèo nhảy qua bức tường thấp.

“Anh đi được rồi.”

Amrik Singh vẫn ngồi khi Musa đứng lên ra khỏi phòng. Hắn bấm chuông dặn người trả lời hộ tống Musa ra.

Dưới sảnh rạp chiếu phim đang có giờ nghỉ tra tấn. Trà dọn cho lính, rót từ những cái ấm lớn bốc hơi. Có bánh samosa nguội trong các xô sắt, mỗi người hai cái. Musa đi băng qua sảnh, lần này đón cái nhìn của một trong những thanh niên bị đánh đập, bị trói, chảy máu mà anh biết rõ. Anh biết mẹ của chàng trai đã đi từ trại này qua trại khác, đồn cảnh sát này sang đồn cảnh sát khác, tuyệt vọng tìm con trai. Chuyện đó có thể mất cả đời. *Ít ra thì tối nay cũng có được một cái gì đó hay khủng khiếp*, Musa nghĩ.

Anh đã bước gần ra cửa thì Amrik Singh hiện ra ở đầu cầu thang, cười tươi rói, toát ra vẻ thân thiện tử tế, một người khác hẳn với người Musa bỏ lại trong phòng chiếu. Giọng hắn oang oang vọng qua sảnh.

“Arre huzoor! Ek cheez main bilkul bhoool gaya tha!”

Có cái này tôi quên mất!

Tất cả mọi người - người tra tấn và kẻ bị tra tấn như nhau - quay qua nhìn hắn. Biết thừa là mình đã được khán

giả chú ý, Amrik Singh chạy ton ton dẹo dai xuống cầu thang, như ông chủ nhà vui vẻ chào tạm biệt khách đến thăm khiến ông ta rất mừng rỡ. Hắn ôm Musa trù mển rồi dúm vào tay anh một túi hăn đang cầm.

“Cái này gửi cho ông cụ. Bảo là tôi đặt riêng cho ông ấy.”

Đó là một chai whisky nhãn đỏ.

Cả sảnh im bật. Tất cả, khán giả cũng như các vai chính của vở kịch đang diễn ra, đều hiểu kịch bản. Nếu Musa hất món quà đi, đó sẽ là công khai tuyên chiến với Amrik Singh - cái đó thì khiến anh, Musa, chết chắc. Nếu anh nhận, Amrik Singh rồi sẽ có thể giao án tử cho nhóm chiến binh làm. Vì hắn biết tin sẽ lan ra, và mỗi nhóm chiến binh, không cần biết họ bất đồng về cái gì khác, đều đồng tình rằng cái chết là hình phạt cho những kẻ cộng tác và làm bạn với quân chiếm đóng. Và uống whisky - ngay cả những người không cộng tác uống - cũng là một hành động tự xưng mình không phải Hồi giáo.

Musa bước lại quầy bán đồ ăn nhẹ và bỏ chai whisky xuống.

“Cha tôi không uống rượu.”

“Arre, có gì đâu mà phải giấu? Có gì xấu hổ đâu. Đương nhiên là cha anh có uống! Anh biết rõ vậy mà. Tôi mua chai này riêng cho ông ấy. Thôi không sao, tự tôi sẽ đem cho ông ấy.”

Amrik Singh, vẫn tươi cười, ra lệnh cho lính theo Musa

và canh chừng cho anh về nhà an toàn. Hấn hài lòng với cách mọi chuyện xoay chiều.

Bình minh hửng lên. Một chút hồng đào trên bầu trời xám bồ câu. Musa đi bộ qua những đường phố chết về nhà. Chiếc Gypsy đi theo anh cách một quãng an toàn, tài xế chỉ thị hết chốt gác này đến chốt gác khác bằng bộ đàm để Musa đi qua.

Anh bước vào nhà với tuyết trên vai. Cái lạnh của nó không là gì khi sánh với cái lạnh đang tụ lại trong anh. Khi thấy mặt anh, cha mẹ và các chị biết tốt hơn là không đến gần hay hỏi đã có chuyện gì. Anh đi thẳng về bàn mình và tiếp tục lá thư đang viết trước khi đám lính đến tìm. Anh viết bằng tiếng Urdu. Anh viết nhanh, như thể đó là nhiệm vụ cuối cùng, như thể anh đang chạy đua với cái lạnh và phải viết xong trước khi hơi ấm ngấm ra khỏi thân anh, có lẽ là mãi mãi.

Đó là lá thư cho Miss Jebeen.

Babajaana,

Con tưởng ba sẽ nhớ con sao? Con sai rồi. Ba sẽ không bao giờ nhớ con, vì con luôn luôn ở bên ba.

Con muốn ba kể con nghe những chuyện thật, nhưng ba không biết cái gì là thật nữa rồi. Cái từng là thật thì giờ đã nghe như một câu chuyện cổ tích ngớ ngẩn - kiểu ba từng kể con nghe, kiểu con sẽ chẳng chịu được. Cái ba biết chắc chỉ là điều này: trong đất nước Kashmir của chúng ta, người chết sẽ sống mãi; còn người sống chỉ là người chết, giả vờ.

Tuần tới mọi người sẽ cố đi làm thẻ căn cước riêng cho con. Con cũng biết đó, jaana, giờ đây thẻ của ta thì quan trọng hơn chính chúng ta. Cái thẻ đó là thứ quý giá nhất người ta có thể có. Nó quý giá hơn tấm thảm dệt đẹp nhất, hay tấm khăn san ấm áp nhất, mềm mại nhất, hay khu vườn lớn nhất, hay mọi anh đào và mọi hạt óc chó từ mọi vườn trái trong thung lũng chúng ta. Con hình dung được điều đó không? Thẻ căn cước của ba có số M 108672J. Con nói với ba đó là con số may mắn vì nó có một chữ M để chỉ Miss và chữ J để chỉ Jebeen. Nếu là vậy thì nó sẽ đem ba đến với con và Ammijaan của con thật nhanh. Vậy nên con hãy sẵn sàng mà làm bài tập trên thiên đàng nghe. Con sẽ cảm thấy thế nào nếu ba nói con nghe rằng có một trăm nghìn người đến dự đám tang con? Con là người chỉ biết đếm đến năm mươi chín? Ba nói đếm hả? Ý ba là hét tướng lên - con là đứa chỉ hét tướng lên đến năm mươi chín. Ba hi vọng là bất kể con đang ở đâu thì con cũng không hét tướng. Con phải học cách ăn nói nhỏ nhẹ, như một quý cô, ít ra cũng thỉnh thoảng. Ba sẽ giải thích cho con một trăm nghìn thế nào đây? Con số lớn quá. Thôi cha con mình cố mà nghĩ đến nó theo mùa nhé? Vào mùa xuân hãy nghĩ đến bao nhiêu lá trên cây, và bao nhiêu viên sỏi con thấy được dưới suối khi băng tan. Hãy nghĩ đến bao nhiêu hoa anh túc đỏ ngoài đồng. Cái đó sẽ cho con một ý niệm đại khái một trăm nghìn là sao trong mùa xuân. Vào mùa thu nó bằng lá cây tiêu huyền vỡ rãng rắc dưới chân con trong sân trường đại học ngày ba dẫn con đi dạo (và con giận dỗi con mèo không chịu tin con và không chịu ăn miếng bánh mì con cho nó. Tất cả chúng ta đang trở thành một chút như con mèo đó, jaana à. Ta không tin tưởng được ai. Bánh mì chúng mời ta thì nguy hiểm vì nó biến ta thành nô lệ và những kẻ tôi đòi xu nịnh. Có lẽ con sẽ giận tất cả chúng ta). Dù sao. Cha con ta đang nói về một con số. Một trăm nghìn. Vào mùa đông tất cả chúng ta đều phải nghĩ đến bông tuyết từ trời rơi xuống. Còn nhớ cha con mình từng đếm chúng không? Con từng cố đón bắt chúng ấy? Chừng ấy người là một trăm nghìn.

Ở đám tang con đám đông phủ kín mặt đất như tuyết. Giờ con hình dung được chưa nào? Tốt rồi. Mà đó chỉ mới là người. Ba sẽ không kê con nghe về gấu lợn từ trên núi xuống, con hoẵng đứng trong rừng nhìn ra, con báo tuyết để lại dấu chân trên tuyết và bầy điều hâu lượn vòng trên bầu trời, theo dõi mọi thứ. Nói chung lại, cảnh tượng mới thật lạ kỳ. Chắc là con thích lắm, vì con thích đám đông, ba biết. Con sẽ luôn là đứa con gái thành thị. Chuyện đó thì đã rõ từ đầu. Giờ đến lượt con. Kể ba nghe về...

Nửa chừng câu anh chịu thua cuộc đua với cái lạnh. Anh ngừng viết, xếp lá thư bỏ vào túi áo. Anh không bao giờ viết xong, nhưng anh mang nó theo bên mình.

Anh biết mình không còn nhiều thời gian. Anh sẽ phải đón trước bước tiếp theo của Amrik Singh, và thật nhanh. Cuộc đời như anh từng biết đã hết. Anh biết rằng Kashmir đã nuốt chửng mình và giờ đây anh là một phần trong ruột nó.

Anh dành ngày hôm đó lo liệu những gì có thể - trả mấy hóa đơn thuốc lá anh dồn lại, hủy tài liệu, lấy ít món đồ anh yêu quý và cần. Sáng hôm sau khi người nhà Yeswi thức dậy buồn khổ, Musa đã đi. Anh để lại mẫu thư cho một bà chị về cậu thanh niên bị tra tấn anh đã gặp ở rạp Shiraz cùng với tên và địa chỉ của mẹ cậu ta.

Cuộc sống ngấm của anh bắt đầu như vậy. Một cuộc sống kéo dài đúng chín tháng - như một thai kỳ. Chỉ có điều ít ra là một cách nói, hậu quả của nó là cái trái ngược

với mang thai. Nó chấm dứt bằng một kiểu chết, thay vì một kiểu sống.

Những ngày lẫn trốn, Musa dời hết chỗ này sang chỗ khác, không bao giờ lưu lại một chỗ mấy đêm liền. Bao giờ cũng có người quanh anh - trong những chỗ ẩn náu trong rừng, trong những ngôi nhà xa hoa của doanh nhân, trong cửa tiệm, dưới tầng hầm, trong nhà kho - bất cứ đâu *tehreek* cũng được đón tiếp với tình yêu thương và đoàn kết. Anh học hỏi mọi thứ về vũ khí, mua ở đâu, làm sao vận chuyển, giấu ở đâu, cách sử dụng. Anh dần có những cục chai hắc hoi ở những chỗ mà cha anh đã từng tưởng tượng ra những bóng ma của nó - trên đầu gối và cùi chỏ, trên ngón tay kéo cò. Anh mang một khẩu súng, nhưng không bao giờ dùng đến. Cùng các bạn đường, thầy đều còn trẻ hơn anh nhiều, anh chia sẻ tình yêu mà những người đàn ông đầy nhiệt huyết sẽ vui vẻ hi sinh đời mình cho nhau chia sẻ. Cuộc đời của họ ngắn ngủi. Nhiều người trong số họ bị giết, bị tù đầy, hay bị tra tấn đến mất trí. Những người khác sẽ đứng lên thay thế họ. Musa qua khỏi hết cuộc thanh trừng này đến cuộc thanh trừng khác. Những mối ràng buộc của anh với đoạn đời cũ dần dà (và có chủ tâm) bị tẩy xóa. Không ai biết thật ra anh là ai. Không ai hỏi. Gia đình anh không biết chuyện đó. Anh không thuộc về riêng một tổ chức nào. Trong lòng một cuộc chiến bẩn thỉu, đương đầu với một sự thú tính khó mà hình dung nổi, anh làm những gì có thể để thuyết phục các đồng chí giữ

gìn cái tương tự nhân tính, không biến thành chính cái họ ghê tởm và chống lại. Không phải lúc nào anh cũng thành công. Mà không phải lúc nào anh cũng thất bại. Anh rên giữa nghệ thuật lẫn vào hậu cảnh, khuất trong đám đông, lằm bằm và giả lơ, chôn vùi những bí mật anh biết tận tâm can đến nỗi anh đã quên rằng mình biết. Anh học nghệ thuật buồn chán, chịu đựng cũng như tự bắt mình chịu sự buồn chán. Anh hầu như không nói. Đêm lại, chán ngấy chế độ im lặng, các cơ quan trong anh rì rầm với nhau bằng ngôn ngữ của loài dế đêm. Lá lách liên lạc với thận. Tuyến tụy thì thăm qua khoảng không vắng lặng với phổi anh:

Chào

Bạn nghe tôi không?

Bạn còn đó không?

Anh trở nên lạnh lùng hơn, lạnh lẽ hơn. Cái giá cho cái đầu anh tăng rất nhanh - từ một lakh đến ba lakh. Chín tháng trôi qua, Tilo đi Kashmir.



Tilo đang ở nơi hầu như tối nào cô cũng có mặt, tại quầy trà trong một hẻm nhỏ gần đền thờ Hazrat Nizamuddin Auliya, trên đường đi làm về, thì một thanh niên đi lại chỗ cô, xác nhận cho chắc tên cô là S. Tilottama, rồi trao cho cô một mẫu thư. Thư viết: *Bến 33, NT Shaheen, hồ Dal. Xin*

đến vào ngày 20. Không có chữ ký, chì phác họa bằng bút chì nhỏ xíu đầu con ngựa ở một góc. Khi cô ngẩng nhìn lên, người đưa tin đã biến mất.

Cô xin nghỉ làm hai tuần ở công ty kiến trúc ở Nehru Place, đón tàu đi Jammu, rồi một xe buýt lúc sáng sớm từ Jammu đến Srinagar. Một thời gian rồi Musa với cô không liên lạc với nhau. Cô đi, vì chuyện giữa hai người họ vẫn thường như vậy.

Cô chưa từng đến Kashmir.

Khi chiếc xe buýt ló ra khỏi đường hầm dài đâm xuyên qua núi, mối nối duy nhất giữa Ấn Độ và Kashmir, thì đã xế chiều.

Mùa thu ở thung lũng là mùa ê hề tro trên. Mặt trời chiếu chếch xuống màu oải hương mờ ảo của nghệ tây đang ra hoa. Những vườn quả trĩu nặng trái, cây tiêu huyền bùng cháy. Hành khách đi cùng Tilo, hầu hết là dân Kashmir, có thể tách làn gió và không chỉ biết phân biệt mùi hương của táo với mùi hương của lê và đồng lúa chín thoảng qua cửa sổ xe buýt, mà còn đang chạy xe qua táo *của ai*, lê *của ai* và đồng lúa chín *của ai*. Còn một mùi nữa mà ai cũng biết rõ. Mùi sợ hãi. Nó khiến không khí chua lè và biến người họ thành sỏi đá.

Khi chiếc xe buýt lọc rọc, âm ỉ chở những hành khách lặng lẽ, im phắc chạy sâu vào thung lũng thì cái căng thẳng trở nên hữu hình hơn. Cứ năm chục mét, ở cả hai bên đường, lại có một tên lính vũ trang đầy mình, cảnh giác và

căng thẳng một cách nguy hiểm. Lính ngoài đồng, tận trong vườn quả, trên cầu và cống, trong quán xá và kẻ chợ, trên nóc nhà, tên này yểm trợ cho tên kia, thành một mạng lưới kéo lên đến tận núi. Từng nơi trong thung lũng huyền thoại Kashmir, dù dân chúng đang làm gì - đi đứng, cầu nguyện, tắm rửa, nói đùa, tách vỏ hạt óc chó, ái ân hay đón chuyến xe buýt về nhà - họ đều nằm trong tầm ngắm súng trường của một tên lính. Và vì họ trong tầm ngắm súng trường của một tên lính, dù họ đang làm gì - đi đứng, cầu nguyện, tắm rửa, nói đùa, tách vỏ hạt óc chó, ái ân hay đón chuyến xe buýt về nhà - họ cũng đều là con mồi hợp lệ.

Tại mỗi chốt gác con đường được chắn bằng rào ngang dòi được, bên trên là mũi sắt nhọn có thể xé tưa lớp bánh xe thành sợi. Tại mỗi chốt gác xe buýt phải dừng, mọi hành khách phải xuống xe và xếp hàng cùng giỏ xách để bị lục soát. Đám lính lật hết hành lý để trên nóc xe. Hành khách cúi mắt xuống. Đến chốt gác thứ sáu hay thứ bảy, một chiếc Gypsy bọc thép với những khe làm cửa sổ đậu bên vệ đường. Sau khi hội ý với một người ngồi khuất trong Gypsy, một sĩ quan trẻ lấp lánh, khệnh khạng kéo ba thanh niên trong đám hành khách đang xếp hàng - *Mày, mày, mày nữa*. Họ bị xô lên xe nhà binh. Họ đi không do dự. Hành khách vẫn cúi mắt nhìn xuống.

Đến khi xe buýt tới Srinagar thì ánh sáng tắt dần.

Những ngày ấy thành phố nhỏ Srinagar chết cùng ánh sáng. Quán xá đóng cửa, đường phố vắng tanh.

Ở bến xe buýt một người đàn ông đi lên tới chỗ Tilo và hỏi tên cô. Từ phút đó trở đi, cô được chuyển từ tay này qua tay khác. Một chiếc xe lam đưa cô từ bến xe buýt đến đại lộ. Cô băng qua hồ trên một thuyền gỗ mà không thể ngồi trên đó được, chỉ có tư thế nằm dài. Nên cô nằm dài ra trên những miếng nệm sặc sỡ, in hoa, một người đi hưởng tuần trăng mật vắng bóng người chồng. Bù lại cho chuyện đó, cô thầm nghĩ, là hai lưỡi mái chèo màu sáng của người chèo thuyền đẩy qua rong rêu có hình trái tim. Mặt hồ tĩnh lặng như tờ. Tiếng mái chèo nhịp nhàng trên nước ắt là nhịp đập bất an của thung lũng.

Tóc

Tóc

Tóc

Những nhà thuyền bỏ neo san sát nhau trên bờ đối diện - NT *Shaheen*, NT *Jannat*, NT *Nữ hoàng Victoria*, NT *Derbyshire*, NT *Snow View*, NT *Gió hoang mạc*, NT *Zam-Zam*, NT *Gulshan*, NT *New Gulshan*, NT *Cung điện Gulshan*, NT *Mandalay*, NT *Clifton*, NT *New Clifton* - âm u và vắng tanh.

NT, người chèo thuyền cho Tilo biết khi cô hỏi, để chỉ nhà thuyền.

NT *Shaheen* là cái nhỏ nhất và xập xệ nhất trong số đó. Khi thuyền gỗ tấp lại, một người nhỏ nhắn, chìm ngụp trong pheran nâu cũ sồn gằn chấm mắt cá, bước ra chào Tilo. Về sau cô biết tên anh ta là Gulrez. Anh ta chào như

thể biết rõ cô, như thể cô đã sống ở đó cả đời và vừa đi mua đồ ăn ở chợ về. Cái đầu to bè của anh ta và cái cổ gầy kỳ lạ bên trên bờ vai rộng, chắc khỏe. Khi anh ta dẫn Tilo qua phòng ăn nhỏ xuống một hành lang hẹp trải thảm đến phòng ngủ, cô nghe tiếng mèo con kêu meo meo. Anh ta ném cái cười lấp lánh qua vai, như một người cha tự hào, đôi mắt phù thủy màu ngọc bích sáng lên.

Căn phòng chật chội chỉ lớn hơn cái giường đôi một chút phủ đầy khăn trải giường thêu. Trên bàn cạnh giường có khay nhựa hình hoa với bình đựng nước bằng hợp kim chạm lõng, hai cốc thủy tinh màu và một máy CD nhỏ. Tấm thảm trải trên sàn có hình hoa văn, cửa tủ chạm khắc thô sơ, trần gỗ lỗ chỗ như tổ ong, thùng rác bằng giấy bồi có hoa văn cầu kỳ. Tilo tìm một chỗ nào không có hoa văn, thêu, khắc hay chạm lõng, để dừng ánh mắt. Khi cô không tìm được chỗ nào, một nỗi lo lắng chồm lên trong cô. Cô mở mấy cánh cửa sổ gỗ nhưng chúng nhìn thẳng qua mấy cánh cửa sổ gỗ đóng kín của nhà thuyền bên cạnh cách đó chừng một mét. Mấy bao thuốc lá rỗng và đầu thuốc lá trôi lềnh bềnh trong một mét nước ngăn cách hai thuyền. Cô bỏ túi xách xuống đi ra hiên, châm điếu thuốc và nhìn mặt hồ như tấm gương ngả màu bạc khi những vì sao đầu tiên xuất hiện trên bầu trời. Tuyết trên núi lấp lánh, như lân tinh, ngay cả khi màn đêm đã buông xuống.

Cô chờ trên thuyền cả ngày hôm sau, ngắm Gulrez phủi bụi đồ đạc không tí bụi bặm và trò chuyện với những quả

cà tím và *haakh** lá to trong vườn rau trên bờ ngay sau thuyền. Sau khi dọn dẹp bữa trưa đơn sơ, anh ta cho cô xem bộ sưu tập các thứ anh ta cất trong một túi hàng miễn thuế to màu vàng có ghi *Xem! Mua! Bay!* Anh ta bày từng cái một ra bàn ăn. Đó là kiểu sổ lưu khách của anh ta: một chai nước hoa dùng sau cạo râu hiệu Polo đã hết, một loạt thẻ lên máy bay cũ, một ống nhòm nhỏ, một kính râm mà một bên tròng đã rơi mất, một cuốn hướng dẫn *Lonely Planet* cũ dùng nhiều, một túi đồ dùng toilet của hãng Qantas, một cây đèn pin nhỏ, một chai thảo mộc xua muỗi, một lọ kem chống nắng, một vỉ thuốc tiêu chảy đã hết hạn, một quần lót của nữ hiệu Marks & Spencer màu xanh nhét trong một hộp thuốc lá cũ. Anh ta cười khúc khích khiến cặp mắt trông quý quyết khi anh ta cuộn chiếc quần lót thành điệu xì gà mềm rồi bỏ vào lại trong hộp. Tilo lục trong túi đeo vai của mình rồi góp thêm vào bộ sưu tập một cục tẩy nhỏ có hình trái dâu và một lọ từng đựng đầu bút chì bấm. Gulrez mở cái nắp lọ nhỏ rồi vặn lại, mừng rơn. Cân nhắc một lát rồi anh ta bỏ cái tẩy vào trong túi nhựa và bỏ cái lọ vào túi áo. Anh ta rời phòng rồi quay lại với một tờ giấy in cỡ bưu thiếp có hình anh ta đỡ mấy con mèo con trong lòng bàn tay mà người khách sau cùng trên thuyền đã tặng anh ta. Anh ta trịnh trọng đưa nó cho Tilo, đưa ra bằng cả hai tay như thể nó là một chứng nhận công trạng trao cho cô. Tilo cúi đầu nhận lấy. Cuộc đổi chác giữa họ đã xong.

Trong một cuộc chuyện trò mà tiếng Hindi ngập ngừng của cô gặp tiếng Urdu ngắc ngứ của anh ta, Tilo hình dung ra rằng “Muzz-kak” mà Gulrez cứ nhắc tới là Musa. Anh ta đem ra một bài báo cắt từ tờ báo tiếng Urdu đăng ảnh tất cả những người bị bắn cùng ngày với Miss Jebeen và mẹ. Anh ta hôn lên tấm hình nhiều lần, chỉ vào đứa bé gái và người đàn bà trẻ. Dần dà Tilo xâu kết lại được cái gần như một câu chuyện kể: người đàn bà là vợ của Musa, còn đứa trẻ là con gái họ. Mấy tấm hình được in tề đến mức không thể đoán ra nét mặt để biết họ trông ra sao. Cho chắc Tilo đã hiểu điều mình muốn nói, Gulrez áp đầu vào cái gối là hai lòng bàn tay mình, nhắm mắt lại như đứa trẻ rồi chỉ lên trời.

Họ đã lên thiên đàng rồi.

Tilo không biết Musa đã có gia đình.

Anh không nói cô biết.

Anh có phải nói không?

Sao anh lại phải nói?

Và sao cô lại phải phiền lòng?

Cô mới là người bỏ anh mà đi.

Nhưng cô lại thấy phiền lòng.

Không phải vì anh đã có gia đình, mà vì anh không cho cô biết.

Suốt ngày hôm đó một bài đồng dao tiếng Malayalam vu vơ cứ quanh đi quẩn lại không dứt trong đầu cô. Nó là bài

hát mùa mưa của một đoàn trẻ con bé xiu, còn mặc quần xi
líp - cô, một trong đám - giẫm bành bạch trong mấy vũng
bùn và ì ạch xuôi bờ sông đây leo bò, xanh rì trong mưa
tầm tã, hát the thé.

Dum! Dum! Pattalam

Saarinde veetil kalyanam

Aana pindam choru

Atta varthadu upperi

Kozhi theetam chamandi

Pằng! Pằng! Đây là toán quân

Đám cưới nhà chúa đất

Gạo cút voi đây!

Rết chiên đây, ngon lắm!

Cút gà băm làm gia vị đây!

Cô không hiểu được. Còn có phản ứng nào không phù
hợp hơn cho cái cô vừa nghe không? Cô đã không nghĩ đến
văn thơ này từ hồi lên năm. Sao giờ lại nghĩ đến?

Có lẽ trời đang mưa trong đầu cô. Có lẽ đó là chiến
thuật sinh tồn của một đầu óc có thể đóng sập cửa lại nếu
nó đủ ngu mà tìm cách hiểu những nét hoa văn chạm trổ
rối rắm nối những ác mộng của Musa với của cô.

Không có sẵn người hướng dẫn du lịch để cho cô biết
rằng ở Kashmir ác mộng là bất chợt. Rằng chúng bất trung
với chủ, chúng nhào bừa vào giấc mơ của người khác,

chúng không thừa nhận ranh giới nào, chúng là nghệ sĩ mai phục tài ba hơn hết thảy. Không thành trì, không rào giậu nào ngăn được. Ở Kashmir, thứ duy nhất để đối trị ác mộng là ôm hôn chúng như bạn cũ và xử lý chúng như cự thù. Tất nhiên cô sẽ học được điều đó. Sớm thôi.

Cô ngồi trên băng ghế bọc nệm, gấn chết trước hiên nhà thuyền ngắm hoàng hôn thứ hai. Một con cá đêm âm u (không bà con gì với ác mộng) vươn lên từ đáy hồ đón bóng núi trong nước. Toàn thể. Gulrez đang dọn bàn cho hai người (cho hai người, rõ ràng anh ta biết điều gì đó) thì Musa bỗng tới, lặng lẽ, vào từ sau thuyền.

“Salaam.”

“Salaam.”

“Em đến rồi.”

“Tất nhiên.”

“Em thế nào? Đi đường ra sao?”

“OK. Còn anh?”

“OK.”

Bài đồng dao trong đầu Tilo dậy lên thành bản giao hưởng.

“Anh xin lỗi anh đến muộn quá.”

Anh không giải thích gì thêm. Ngoài chuyện trông hơi hốc hác, anh không thay đổi gì mấy, vậy mà anh gần như không nhận ra được. Anh đã để râu lún phún gần thành bộ râu. Mắt anh dường như sáng lên và tối sầm lại tức thì, như

thể chúng đã bị rửa, một màu đã nhạt đi còn màu kia thì không. Đồng tử màu xanh nâu viền một vòng tròn đen mà Tilo không nhớ. Cô thấy rằng hình dáng bên ngoài của anh - hình hài anh được sinh ra ở đời - không hiểu sao đã trở nên mờ mờ, nhòe nhoẹt. Anh lẫn vào khung cảnh xung quanh còn nhiều hơn trước. Nó không liên quan gì đến bộ pheran Kashmir màu nâu đi đâu cũng gặp lật phật bên người anh. Khi anh cởi mũ len, Tilo trông thấy tóc anh đã đầy sợi bạc. Anh nhận ra là cô đã để ý thấy nên lần mấy ngón tay ngượng ngùng lên tóc. Mấy ngón tay vẽ ngựa, mạnh mẽ, có một chỗ chai sần ở ngón kéo cò súng. Anh bằng tuổi cô. Ba mươi mốt.

Sự im lặng giữa họ dâng lên rồi lại dịu xuống như hộp xếp của cây phong cầm chơi một điệu mà chỉ họ nghe thấy. Anh biết rằng cô biết rằng anh biết rằng cô biết. Giữa họ vẫn như vậy.

Gulrez đem vào một khay trà. Cả với anh ta cũng không có nhiều chào hỏi, dù rõ ràng có sự thân quen, thậm chí yêu thương. Musa gọi anh ta là Gul-kak rồi thỉnh thoảng “*mout*” và đem về cho anh ta lọ thuốc nhỏ tai. Thuốc nhỏ tai đánh tan cảnh im lặng mà không gì khác làm được.

“Cậu ta bị nhiễm trùng tai, cậu ta sợ. Khiếp sợ,” Musa giải thích.

“Anh ta đang đau à? Cả ngày thấy anh ta không sao mà.”

“Không phải sợ đau, không đau. Mà sợ bị bắn. Cậu ta

nói mình không nghe rõ và lo rằng mình sẽ không nghe thấy chúng ở mấy chốt gác khi chúng bảo ‘Đứng lại!’ Nhiều lúc chúng để ta đi qua rồi dừng ta lại. Nên nếu ta không nghe thấy là...”

Gulrez, đánh hơi thấy sự căng thẳng (tình yêu nữa) trong phòng và lệ làng với chuyện mình có thể đóng một vai làm dịu tình hình, quỳ trên sàn rất kịch, kê má lên chân Musa hướng một bên tai to như bắp súp lơ lên để được nhỏ thuốc. Nhỏ thuốc cho cả hai bắp súp lơ và ngăn thuốc trào lên bằng mấy nùi bông gòn xong, Musa đưa lọ thuốc cho anh ta.

“Giữ cẩn thận. Khi không có anh ở đây thì nhờ chị ấy, chị ấy sẽ làm cho,” anh dặn. “Chị ấy là bạn anh.”

Gulrez, đã đành rất thèm thuồng cái lọ nhỏ xíu có vòi bằng nhựa, dù anh ta cảm thấy chỗ đứng của nó là trong sổ khách *Xem! Mua! Bay!*, giao phó nó cho Tilo và cười tươi với cô. Trong chốc lát họ thành một gia đình ngẫu nhiên tạo thành. Gấu cha, gấu mẹ, gấu con.

Gấu con cho đến giờ là người hạnh phúc nhất. Anh ta dọn bữa tối với năm món thịt: *gushtaba*, *rista*, *martzwangan korma*, *shami kebab*, *chicken yakhni*.

“Nhiều thức ăn quá...” Tilo nói.

“Bò, dê, gà, cừu... chỉ có nô lệ mới ăn thế này,” Musa nói, xúc một mớ bất lịch sự lên đĩa. “Bao tử chúng ta là nghĩa địa.”

Tilo không sao tin nổi là gấu con đã một tay nấu bữa

tiệc.

“Anh ta trò chuyện với cà tím và chơi với mèo con cả ngày. Em có thấy anh ta nấu nướng gì đâu.”

“Chắc cậu ta làm trước khi em tới. Cậu ta nấu giỏi lắm. Cha cậu ta là một người chuyên nghiệp, một *waza*, người làng với Godzilla.”

“Sao anh ta lại ở đây có một mình?”

“Cậu ta không một mình. Có tai có mắt và tim quanh cậu ta. Nhưng cậu ta không sống trong làng được... quá nguy hiểm cho cậu ta. Gul-kak là cái bọn anh gọi là ‘*mout*’ - cậu ta sống trong thế giới riêng, với luật lệ riêng. Có chút giống em, về một số mặt.” Musa ngẩng lên nhìn Tilo, nghiêm nghị, không cười.

“Anh muốn nói là người khủng, một người khủng trong làng?” Tilo nhìn lại anh, cũng không cười.

“Ý anh là một người đặc biệt. Một người có phước.”

“Ai ban phước? Ban phước kiểu rắc rối thấy mồ tổ đi.”

“Được phú cho một tâm hồn đẹp. Ở đây bọn anh tôn sùng *maet** của mình.”

Lâu rồi, Musa mới nghe một câu bóng bở súc tích kiểu này, nhất là từ một phụ nữ. Nó rơi xuống, nhẹ nhàng như con dế trên trái tim kìm nén của anh, và khuấy động ký ức về chuyện tại sao, như thế nào và nhiều chừng nào, anh đã yêu Tilo. Anh cố trả ý nghĩ đó về cái phần đã khóa kỹ trong hồ sơ lưu trữ mà nó rơi ra.

“Hai năm trước bọn anh suýt mất cậu ta. Có chiến dịch vây ráp trong làng cậu ta. Đàn ông được lệnh ra khỏi nhà và xếp hàng ngoài đồng. Gul chạy ra để chào đám lính, khẳng khẳng họ là quân Pakistan, đến để giải phóng họ. Cậu ta hát hò, reo lên *Jeevey! Jeevey! Pakistan!* Cậu ta muốn hôn tay chúng. Chúng bắn vào đùi cậu ta, dùng báng súng trường đánh rồi để cậu ta chảy máu giữa tuyết. Sau sự cố đó cậu ta bị động kinh và thường cố bỏ chạy mỗi khi thấy có lính, tất nhiên làm vậy là hết sức nguy hiểm. Nên anh đem cậu ta về Srinagar sống với gia đình anh. Nhưng giờ vì hầu như không còn ai ở nhà - anh không sống ở đó nữa - cậu ta cũng không muốn ở lại đó. Anh kiếm cho cậu ta việc này. Thuyền này thuộc về một người bạn; cậu ta được an toàn ở đây, cậu ta không cần phải ra ngoài. Cậu ta chỉ cần nấu nướng cho vài người khách, hầu như cũng chẳng có ai đến. Lương thực được giao đến cho cậu ta. Nguy hiểm duy nhất là con thuyền cũ đến mức chắc chìm mất.”

“Thật sao?”

Musa nhoẻn cười.

“Không. Nó khá an toàn.”

Căn nhà mà “hầu như cũng chẳng có ai” trong đó chiếm chỗ ở bàn ăn, một người khách thứ ba, với con thềm ăn ngón ngấu của một nô lệ.

“Hầu như mọi *maet* ở Kashmir đều bị giết cả rồi. Họ là những người bị giết trước hết, vì không biết tuân lệnh. Có

lẽ vì vậy mà bọn anh cần họ. Để dạy bọn anh làm sao có tự do.”

“Hay là làm sao để bị giết?”

“Ở đây thì chuyện đó cũng là một. Chỉ có người chết mới được tự do.”

Musa nhìn bàn tay Tilo để trên bàn. Anh biết rõ nó hơn cả bàn tay mình. Cô vẫn còn đeo chiếc nhẫn bạc anh tặng, nhiều năm trước, khi anh là ai khác, vẫn còn mực dính trên ngón giữa của cô.

Gulrez, biết thừa mọi người đang nói về mình, lảng vảng quanh bàn, rót thêm nước vào ly và tiếp thêm thức ăn vào đĩa, với một con mèo con meo meo trong mỗi bên túi áo pheran. Trong một lần cuộc chuyện trò ngừng, anh ta giới thiệu chúng là Agha và Khanum. Con xám văn vện là Agha. Con nhị thể đen trắng là Khanum. “Thế còn Sultan?” Musa cười hỏi anh ta. “Nó sao rồi?”

Như thể được nhắc, mặt Gulrez sa sầm đi. Câu anh ta đáp là một tràng chửi rửa dài lẫn lộn tiếng Kashmir và Urdu. Tilo chỉ hiểu được câu cuối: *Arre uss bewakoof ko agar yahan mintree ke saath rehna nahi aata tha, to phir woh saala is duniya mein aaya hi kyun tha?*

Nếu đồ ngu đó không biết làm sao để sống ở đây với quân đội, sao từ đầu nó còn ra đời làm gì?

Rõ ràng đó là cái Gulrez đã nghe phụ huynh hay láng giềng lo lắng nói về anh ta, và đã cất đi để dùng mà phàn nàn về Sultan, dù Sultan là ai đi nữa.

Musa cười to, ôm Gulrez và hôn lên trán anh ta. Gul cười. Một tiểu yêu sung sướng.

“Sultan là ai vậy?” Tilo hỏi Musa.

“Anh sẽ kể em nghe sau.”

Ăn tối xong họ ra hiên hút thuốc và nghe tin trên đài bán dẫn.

Ba chiến binh đã thiệt mạng. Bất chấp lệnh giới nghiêm vẫn có những cuộc biểu tình lớn.

Đêm đó trời không trăng, tối như mực, nước hồ đen như vệt dầu.

Các khách sạn trên đại lộ chạy dọc bờ hồ đã bị biến thành trại lính, quần dây thép gai, bao cát và đóng ván kín. Các phòng ăn là phòng ngủ của lính, quầy tiếp tân là nơi giam giữ ban ngày, phòng của khách là trung tâm thẩm vấn. Màn dày, thêu công phu và thảm tuyệt mỹ im đi tiếng gào thét của các thanh niên bị chọc điện cực vào bộ phận sinh dục và đổ dầu hỏa vào hậu môn.

“Em có biết dạo này ai đang ở đây không?” Musa hỏi. “Garson Hobart. Em có liên lạc gì anh ta không?”

“Vài năm rồi không liên lạc.”

“Anh ta là phó giám đốc, Bravo Ấn Độ. Vị trí đó khá quan trọng.”

“Mừng cho anh ta.”

Không có một làn gió. Mặt hồ tĩnh lặng, chiếc thuyền đứng yên, sự im lặng run rẩy.

“Anh có yêu cô ấy không?”

“Anh yêu chứ. Anh đã muốn nói em nghe chuyện đó.”

“Sao phải vậy?”

Musa hút hết điếu thuốc rồi châm điếu khác.

“Anh cũng không biết. Cái gì đó làm với danh dự. Của em, của anh và của cô ấy.”

“Vậy sao anh không nói em biết sớm hơn?”

“Anh cũng không biết nữa.”

“Là hôn nhân sắp đặt à?”

“Không.”

Ngồi cạnh Tilo, thở bên cô, anh có cảm giác như một căn nhà hoang, cửa sổ cửa lớn đóng kín đang kéo kẹt mở hé một chút, cho những bóng ma bị nhốt bên trong được thoáng khí. Khi nói tiếp thì anh nói vào đêm, nói với núi non, khi đã hoàn toàn không nhìn thấy được, trừ ánh sáng nhấp nháy từ các trại lính giăng ngang tầm nhìn, như trang trí sơ sài cho một lễ hội rừng rợn nào đó.

“Anh gặp cô ấy theo một cách hết sức khủng khiếp... khủng khiếp nhưng vẫn đẹp đẽ... điều đó chỉ có thể xảy ra ở đây. Lúc đó là mùa xuân năm 91, năm hỗn loạn của bọn anh. Bọn anh - tất cả trừ Godzilla, anh nghĩ vậy - đều nghĩ Azadi sắp đến rồi, chỉ còn một nhịp tim nữa thôi. Mỗi ngày đều có độ súng, bom nổ, người thiệt mạng trong các cuộc chạm trán. Các chiến binh đi ngang nhiên trên phố, vênh vang khí giới...”

Musa nói nhỏ dần đi, xao động vì chính tiếng nói của mình. Anh không quen chuyện đó. Tilo không làm gì để giúp anh. Một phần trong cô tránh câu chuyện Musa đã bắt đầu kể cô nghe, và thấy mừng vì anh xao lãng sang những điều chung chung.

“Dù sao. Năm đó - năm anh gặp cô ấy - anh vừa có việc làm. Lẽ ra chuyện đó là ghê gớm lắm, nhưng không, vì thời đó tất cả đều đóng cửa. Không đâu làm việc... tòa án, trường đại học, trường phổ thông... cuộc sống bình thường hoàn toàn bị tê liệt... anh không biết nói em nghe chuyện đó thế nào... nó điên loạn ra sao... mọi người tha hồ... cướp bóc, bắt cóc, giết chóc... gian lận hàng loạt trong các kỳ thi cử. Đó là điều khôi hài nhất. Bỗng đâu, giữa lúc chiến tranh, ai cũng muốn tốt nghiệp phổ thông vì nó sẽ giúp họ có được các khoản vay lãi suất thấp của Chính phủ... Thực ra thì anh biết có một gia đình ba thế hệ, ông nội, cha, và con trai, tất cả cùng dự thi cuối cấp với nhau. Thử nghĩ mà xem. Nông dân, người lao động, người bán trái cây, thầy đều hết lớp hai, lớp ba, gần như mù chữ, dự thi, chép từ trong sách hướng dẫn ra rồi tốt nghiệp xuất sắc. Họ thậm chí còn chép cả cái dấu ‘Vui lòng sang trang’ ở cuối trang - cái ngón tay chỉ - nhớ không? Nó hay nằm cuối sách giáo khoa của mình? Đến giờ rồi, khi bọn anh muốn chửi ai đó ngu si, bọn anh vẫn còn nói, ‘Mày là thằng *namtuk pass** hả?’”

Tilo hiểu rằng anh cố tình nói lạc đề, đi vòng quanh một

câu chuyện mà anh thấy khó kể - khó hơn là cô nghe.

“Mày trong lứa 1991 hả?” Tiếng cười êm của Musa đầy trù mến với những nhược điểm của dân mình.

Cô vẫn luôn yêu điều đó ở anh, cách anh trọn vẹn thuộc về một dân tộc mà anh vừa yêu quý vừa cười nhạo, kêu ca và chửi rủa, nhưng không bao giờ tách khỏi họ. Có lẽ cô yêu điều đó vì chính cô không - không thể - nghĩ ra được ai là “dân mình”. Có lẽ không tính hai con chó cứ đứng 6 giờ sáng là tới công viên nhỏ bên ngoài nhà cô mà cô cho chúng ăn, và đám lông bông cô cùng uống trà ở quây trà gần đền thờ Nizamuddin. Nhưng ngay cả họ cũng không phải, không hẳn.

Rất lâu về trước cô từng nghĩ Musa là “dân mình”. Hai người với nhau là một đất nước xa lạ một thời gian, một đảo quốc đã ly khai với thế giới còn lại. Từ ngày họ quyết định ai đi đường nấy, cô đã không còn “dân mình”.

“Bọn anh đấu tranh và chết hàng nghìn người vì Azadi, vậy mà đồng thời bọn anh cũng chạy vạy kiếm cho được khoản vay lãi suất thấp của chính cái Chính phủ bọn anh đang đấu lại. Bọn anh là một thung lũng những kẻ ngốc nghếch và tâm thần phân liệt, bọn anh cũng đang đấu tranh giành tự do để được ngốc nghếch và...”

Musa ngừng giữa lúc cười khục khặc, ngổng đầu lên. Một tàu tuần tra bình bịch đi qua cách đó một quãng, lính trên thuyền quét những luồng ánh sáng từ các đèn pin cực lớn qua mặt hồ. Khi chúng đi rồi, anh đứng lên. “Ta vào

trong thôi, *babajaana*. Trời trở lạnh rồi.”

Chữ đó buột ra thật tự nhiên, cái từ âu yếm ngày xưa đó. *Babajaana*. Em yêu. Cô nhận thấy. Anh thì không. Trời không lạnh. Nhưng họ vẫn vào.

Gulrez ngủ trên thảm trong phòng ăn. Agha với Khanum tỉnh như sáo, đùa nghịch trên người anh ta như thể thân anh ta là công viên giải trí chỉ dựng lên cho chúng chơi. Agha nấp trong khuỷu đầu gối anh ta, Khanum dàn trận phục kích từ độ cao chiến lược trên hông.

Musa đứng ở cửa phòng ngủ chạm khắc, thêu, hoa văn, chạm lõng rồi nói, “Anh vào được không?” Và điều đó tổn thương cô.

“Nô lệ đâu nhất thiết phải ngu ngốc, đúng không?” Cô ngồi trên mép giường và nằm ngửa ra, hai lòng bàn tay kê dưới đầu, hai bàn chân vẫn để trên sàn. Musa ngồi cạnh cô và đặt tay lên bụng cô. Cái căng thẳng lên ra khỏi phòng như một kẻ lạ không mời. Tối om trù ánh đèn từ hành lang.

“Anh mở em nghe một bài của Kashmir nhé?”

“Thôi đi ông. Em đâu phải người dân tộc chủ nghĩa Kashmir.”

“Em sẽ sớm vậy thôi. Trong ba hay có lẽ là bốn ngày nữa.”

“Sao vậy?”

“Em sẽ vậy mà, vì anh biết em. Khi em thấy cái em thấy và nghe cái em nghe, em sẽ không được chọn lựa. Vì em là

em.”

“Sẽ có lễ tốt nghiệp chứ? Em sẽ được nhận bằng?”

“Ừ. Và em sẽ đậu cao. Anh biết em mà.”

“Anh không thực sự biết em đâu. Em là người yêu nước. Em nổi da gà khi nhìn thấy quốc kỳ. Em trở nên đa cảm đến mức không nghĩ cho thông được. Em yêu quốc kỳ, binh lính và hết mấy thứ duyệt binh đó. Bài hát gì?”

“Em sẽ thích mà. Anh mang qua giờ giới nghiêm về cho em. Nó được viết cho mình, cho em và cho anh. Do một gã tên Las Kone, trong làng anh. Em sẽ thích mà.”

“Em khá chắc là không đâu.”

“Thôi mà. Cho anh một cơ hội đi.”

Musa lấy trong túi áo pheran ra một đĩa CD và bỏ vào máy. Ít giây sau mấy nốt guitar dạo đầu, Tilo mở choàng mắt.

*Cô nàng ngao du hồi, lưu lại đây một lát
cho đến khi đêm tàn.*

*Anh chỉ là nhà ga trên đường em đi,
Anh biết mình nào phải người tình của em.*

“Leonard Cohen.”

“Ừ. Bản thân ông ta cũng không biết mình thật ra là một người Kashmir. Hay tên thật của ông ta là Las Kone...”

Tôi đã sống với người con của tuyết

*khi tôi là người lính,
đấu với mọi gã đàn ông vì nàng
đến khi đêm trở lạnh.
Nàng từng để tóc như em
trừ khi nàng ngủ,
rồi nàng dệt tóc trên khung cửa
bằng khói, bằng vàng, bằng hơi thở.
Vậy thì sao giờ em im lặng thế
đứng đó nơi khung cửa?
Em đã chọn hành trình từ lâu
trước khi tìm thấy con đường này.*

“Làm sao ông ta biết?”

“Las Kone biết hết.”

“Cô ấy có để tóc như em không?”

“Cô ấy là người văn minh, *babajaana* à. Không phải một *mout*.”

Tilo hôn Musa, và khi cô ôm anh vào lòng rồi không chịu buông ra cô nói, “Tránh xa em ra, đồ đàn ông sơn cước bẩn thỉu.”

“Đàn bà miền sông tắm sạch quá thể.”

“Bao lâu rồi anh chưa tắm?”

“Chín tháng.”

“Thôi đi, nói thật đi.”

“Chắc một tuần? Anh không biết.”

“Gã khốn bản thủ.”

Musa tắm lâu hơn thường lệ. Cô còn nghe anh hát ư ử theo Las Kone. Anh bước ra mình trần, tắm khăn quấn quanh hông, có mùi xà phòng và dầu gội của cô. Chuyện đó làm cô cười như nắc nẻ.

“Anh có mùi như hoa hồng mùa hè ấy.”

“Anh thật lòng thấy có lỗi,” Musa nói, mỉm cười.

“Ừ. Anh trông có lỗi thật.”

“Sau mấy tuần rộng lòng đón tiếp chấy rận anh lại đuổi chúng khỏi nhà rồi.”

“Chấy” khiến cô yêu anh hơn một chút.

Họ vẫn luôn vừa khít với nhau như mấy mẫu xếp hình chưa ghép hết (và có lẽ không ghép nổi) - sương khói của cô khớp vào cái vững chãi của anh, cái lẻ loi của cô hợp vào tư chất thủ lĩnh của anh, cái xa lạ của cô vào cái thẳng thắn của anh, cái vô tư của cô vào cái tiết chế của anh. Cái trầm tĩnh của cô vào cái trầm lặng của anh.

Và rồi tất nhiên còn những phần khác nữa - những phần không chịu khớp.

Chuyện xảy ra đêm đó trên nhà thuyền *Shaheen* ít ái ân hơn là than van. Những vết thương của họ xưa quá và mới quá, khác quá, và có lẽ sâu quá không chữa lành được. Nhưng trong một khắc thoáng qua, họ có thể gộp chung như nợ cò bạc tích lũy và chia đều nỗi đau, không gọi tên

những thương tích hay hỏi cái nào của ai. Trong một khắc thoáng qua, họ có thể khước từ thế giới mình đang sống và vọt lên một thế giới khác, cũng thực hữu như vậy. Một thế giới trong đó *maet* ra lệnh còn lính tráng cần thuốc nhỏ tai để nghe rõ lệnh và thi hành đúng.

Tilo biết có một khẩu súng để dưới nệm. Cô không nhắc gì đến nó. Ngay cả sau đó, khi đã đếm những vết chai sần của Musa. Và hôn. Cô nằm dài trên người anh, như thể anh là tấm nệm, cầm tựa trên mấy ngón tay đan lại, cặp mộng rõ ràng không giống Kashmir của cô dễ tổn thương trước đêm Srinagar. Một cách nào đó hành trình của Musa đến nơi giờ anh đang đứng không hoàn toàn làm cô ngạc nhiên. Cô nhớ rõ một ngày nhiều năm trước, năm 1984 (ai mà quên được năm 1984), khi báo chí đưa tin một người Kashmir tên Maqbool Butt đi tù vì giết người và mưu phản, bị treo cổ trong nhà lao Tihar ở Delhi, xác anh ta bị chôn trong sân tù, vì sợ mộ anh ta sẽ thành một đài tưởng niệm, một điểm tụ tập ở Kashmir, nơi bạo động đã bắt đầu âm ỉ. Tin tức này chẳng quan trọng cho dù chỉ với một người trong trường, sinh viên hay giáo sư. Nhưng đêm đó Musa đã nói với cô, ôn tồn, thản nhiên: “Một ngày nào em sẽ hiểu tại sao, với anh, lịch sử bắt đầu từ hôm nay.” Dù cô không hiểu hết ý nghĩa lời anh nói lúc đó, nhưng sự căng thẳng trong câu nói ấy đến giờ vẫn còn trong cô.

“Mẫu hậu ở Kerala sao rồi?” Musa hỏi vào cái tổ chim được cho là tóc người tình.

“Không biết. Chưa đi thăm.”

“Em nên đi thăm.”

“Em biết.”

“Dì ấy là mẹ em. Dì ấy là em. Em là dì ấy.”

“Đó chỉ là cái nhìn của người Kashmir. Ở Ấn Độ thì khác.”

“Nói thật mà. Không đùa đâu. Chuyện này phần em không đúng, *babajaana* à. Em *nên* đi thăm.”

“Em biết.”

Musa lần mấy ngón tay dọc gờ cơ bắp hai bên sống lưng cô. Cái bắt đầu là vuốt ve biến thành kiểm tra thể chất. Trong một thoáng anh thành người cha đa nghi của mình. Anh kiểm vai cô, hai cánh tay mảnh mai, săn chắc.

“Mấy thứ này đâu ra?”

“Tập luyện.”

Một thoáng im lặng. Cô quyết định không kể anh nghe về những gã đàn ông bám theo cô, gõ cửa nhà cô vào những giờ trái cựa đêm cũng như ngày, có cả S.P.P Rajendran, một sĩ quan cảnh sát về hưu giữ chức vụ hành chính trong công ty kiến trúc cô làm. Hắn được thuê vì có các đầu mối liên lạc trong Chính phủ hơn là vì khả năng quản trị. Hắn ngang nhiên phóng đảng với cô trong văn phòng, có những gạ gẫm dâm dục, thường để quà trên bàn cô mà cô mặc kệ. Nhưng đêm khuya, có lẽ bạo gan nhờ rượu, hắn thường lái xe đến Nizamuddin và đập rầm rầm

cửa nhà cô, gào lên đòi vào. Hấn trơ tráo vì biết nếu chuyện gặp rắc rối, trong mắt cảnh sát, cũng như tại tòa, lời hấn sẽ thắng thế lời cô. Hấn có lý lịch công chức gương mẫu, một huân chương cho lòng dũng cảm, còn cô là một người đàn bà đơn độc ăn mặc không khiêm tốn và hút thuốc, không có gì cho thấy cô xuất thân từ một gia đình “đàng hoàng”, sẽ đứng lên bảo vệ cô. Tilo biết điều này nên đã có những biện pháp đề phòng. Nếu Rajendran làm quá thì hấn chưa kịp nhận ra cô đã có thể ghìm chặt hấn xuống sàn.

Cô không nói gì về chuyện này vì nó có vẻ bẩn thỉu và vụn vặt so với cái Musa đang trải qua. Cô lẩn khỏi người anh.

“Kể em nghe về Sultan đi... kể *bewakoof** mà Gulrez rất bức tức. Anh ta là ai vậy?”

Musa cười.

“Sultan hả? Sultan không phải người. Nó cũng không *bewakoof*. Nó là một anh bạn rất thông minh. Nó là con gà trống, một con gà trống mồi còi mà Gul nuôi từ khi nó còn là gà con. Sultan tận tụy với cậu ta, cứ lẻo đẻo đi theo cậu ta, hai người thường trò chuyện với nhau hồi lâu mà không ai hiểu ai, họ là một đội... không thể tách rời. Sultan nổi danh trong vùng. Người từ các làng bên thường đến để xem nó. Nó có bộ lông đẹp, tím, cam, đỏ, nó thường khệnh khạng đi quanh hệt như một ông hoàng đích thực. Anh biết rõ nó... bọn anh ai cũng biết rõ nó. Nó rất... cao ngạo, lúc

nào nó cũng làm như bọn anh nợ nó cái gì... em biết không? Một hôm một tên chỉ huy quân đội đến làng cùng vài tên lính... Hắn tự xưng là đại úy Jaanbaaz, anh không biết tên thật của hắn là gì... mấy thằng này luôn tự cho mình những cái tên như phim... chúng đến không phải để vây ráp hay gì cả... chỉ để nói với dân làng, đe dọa họ chút đỉnh, hành hạ họ chút đỉnh... chuyện thường ngày. Đàn ông trong làng đều phải tập hợp trong chợ. Nhóm trừ danh Gul-kak với Sultan cũng ở đó, Sultan đóng tai nghe chăm chú như người, một bô lão. Tên chỉ huy có dẫn theo một con chó. Một con chó chần cừ giống Đức to sụ, cột dây. Hắn dọa và giảng đạo xong, hắn tháo dây cho con chó, nói, 'Jimmy! Bắt đi!'. Jimmy nhảy xổ vào Sultan, giết nó, và lũ lính đem nó về làm một bữa. Gul-kak đau đớn vô cùng. Cậu ta khóc suốt mấy ngày, như người ta khóc cho người thân bị giết hại. Với cậu ta thì Sultan là một người thân... không hơn không kém. Và cậu ta giận Sultan đã làm cậu ta thất vọng, vì không chống cự, hay chạy thoát thân - như thể nó là chiến binh lẽ ra phải biết những chước này. Nên Gul thường chửi rủa Sultan và rên la, 'Nếu mày không biết sống sao với quân đội, sao mày lại ra đời làm cái gì?'"

"Vậy sao anh lại làm anh ta nhớ đến chuyện đó? Xấu tính quá đi..."

"Gul là em trai anh, *yaar*. Bọn anh mặc đồ của nhau, bọn anh giao phó tính mạng cho nhau. Anh muốn làm gì cậu ta cũng được."

“Anh vậy là không tốt rồi, Musakuttan. Ở Ấn Độ bọn em không làm những chuyện này...”

“Bọn anh thậm chí còn mang cùng tên...”

“Nghĩa là?”

“Đó là cái mọi người gọi anh. Thủ lĩnh Gulrez. Không ai biết anh là Musa Yeswi.”

“Mệt óc bỏ xừ đi được.”

“Khẽ nào... ở Kashmir bọn anh không dùng lối nói như vậy.”

“Ở Ấn Độ thì có.”

“Mình nên ngủ thôi, *babajaana*.”

“Phải rồi.”

“Nhưng trước hết mình cần mặc đồ vào đã.”

“Tại sao?”

“Thủ tục. Đây là Kashmir.”

Sau cái can thiệp tình cờ đó, ngủ không còn là lựa chọn thiết thực nữa. Tilo, mặc nguyên đồ, hơi lo sợ cái mà “thủ tục” ngụ ý, nhưng mạnh mẽ vì tình yêu và thỏa mãn vì ái ân, chống người trên cùi chỏ.

“Nói chuyện với em đi...”

“Thế mình gọi cái này giờ mình làm là gì?”

“Bọn em gọi là ‘mào đầu’.”

Cô cọ má lên râu lún phún của anh rồi nằm ngửa ra, kê đầu trên gối bên cạnh gối của Musa.

“Anh nói em nghe cái gì bây giờ?”

“Từng chuyện một. Không được bỏ sót.”

Cô châm hai điếu thuốc.

“Kể em nghe câu chuyện kia... câu chuyện kinh khủng và đẹp đẽ... chuyện tình. Kể em nghe chuyện thật ấy.”

Tilo không hiểu tại sao cái cô vừa nói khiến Musa ôm cô chặt hơn và khiến mắt anh sáng lên cái có lẽ là nước mắt. Cô không biết anh muốn nói gì khi anh thì thầm “*Akh daleela wann...*”

Và rồi, ôm cô như thể tính mạng anh tùy thuộc vào điều đó, Musa kể cô nghe về Jebeen, làm sao cô bé cứ nằng nặc đòi mọi người gọi mình là Miss Jebeen, về những yêu cầu cụ thể cho các chuyện kể giờ đi ngủ và mọi thói hư khác của cô bé. Anh kể cô nghe về Arifa và lần đầu anh gặp cô - trong một tiệm văn phòng phẩm ở Srinagar:

“Hôm đó anh cãi nhau to với Godzie*. Về đôi ủng mới của anh. Đôi ủng đó đẹp - giờ Gul-kak đang mang. Dù sao... anh đang đi mua ít văn phòng phẩm, và anh mang đôi ủng đó. Godzie bảo anh cởi ra và mang giày thường, vì thanh niên mang giày tốt thường bị bắt như chiến binh - vào thời đó, như vậy đã đủ là bằng chứng rồi. Dù sao, anh không chịu nghe lời ông, nên cuối cùng ông nói: ‘Mày muốn làm gì thì tùy, nhưng nhớ lời tao, đôi ủng đó sẽ mang họa.’ Ông nói đúng... nó mang họa thật - họa lớn, nhưng không phải theo kiểu ông nghĩ. Tiệm văn phòng phẩm anh thường đến, văn phòng phẩm JK, nằm ở Lal Chowk, trung tâm thành

phố. Anh đang ở bên trong thì một quả lựu đạn nổ ngay ngoài đường. Một chiến binh ném nó vào một tên lính. Màng nhĩ anh muốn thủng. Mọi thứ trong cửa tiệm rung lắc, mảnh kính khắp nơi, hỗn loạn ở chợ, ai cũng la hét. Bọn lính điên tiết - hiển nhiên rồi. Chúng đập tan tàn quán sá, ập vào đánh đập bất cứ ai chúng nhìn thấy. Anh đang nằm trên sàn. Chúng đá anh, dùng báng súng đánh anh. Nhưng anh nhớ chỉ nằm đó, cố bảo vệ đầu, nhìn máu mình tràn ra sàn. Anh bị thương, không nặng lắm, nhưng sợ quá không nhúc nhích. Một con chó nhìn anh chằm chằm. Nó dường như khá cảm thông. Khi hoàn hồn sau cú sốc ban đầu rồi, anh cảm thấy sức nặng trên hai bàn chân. Anh nhớ ra đôi ủng mới và thắc mắc không biết nó có sao không. Vừa nghĩ là đã an toàn thì anh từ từ ngóc đầu lên, hết sức cẩn thận, nhìn thử. Và anh nhìn thấy gương mặt xinh đẹp này đang kê trên đôi ủng của anh. Chẳng khác nào tỉnh dậy dưới địa ngục và thấy một thiên thần trên giày anh. Đó là Arifa. Cô ấy cũng chết lặng, sợ quá không nhúc nhích. Nhưng cô hết sức bình tĩnh, cổ không cười, không nhắc đầu lên. Cô chỉ nhìn anh mà nói, 'Ủng *asal*' - 'ủng đẹp' - anh không tin nổi cái bình thản của chuyện đó. Không than van, la hét, nức nở, khóc lóc - chỉ hết sức bình thản. Bọn anh cùng cười. Cô vừa lấy bằng bác sĩ thú y. Mẹ anh bàng hoàng khi anh nói muốn cưới vợ. Bà tưởng anh không đời nào kết hôn. Bà đã hết hi vọng về anh rồi."

Tilo với Musa có thể có cuộc trò chuyện kỳ lạ này về một

người yêu đầu thứ ba, vì họ vừa là người yêu vừa là người yêu cũ, người tình và người tình cũ, anh em và anh em cũ, bạn học và bạn học cũ. Vì họ tin tưởng nhau lạ kỳ đến độ họ biết dù có vì vậy mà đau lòng, rằng ai đi nữa mà người kia yêu thì cũng đáng được yêu. Trong những chuyện tình cảm, họ gần như có một rừng lưới an toàn vô hình.

Musa cho Tilo xem tấm hình Miss Jebeen và Arifa mà anh mang theo trong ví. Arifa mặc pheran màu xám ngọc trai thêu chỉ bạc và đội hijab trắng. Miss Jebeen nắm tay mẹ. Cô bé mặc bộ jeans liền thân trên có thêu hình trái tim trên ngực. Một hijab trắng tём quanh gương mặt tươi cười, hai má như quả táo. Tilo nhìn tấm hình một lúc lâu rồi mới trả lại. Cô thấy Musa bỗng sòm đi và hốc hác. Nhưng lát sau anh bình tĩnh lại. Anh kể cô nghe Arifa với Miss Jebeen chết ra sao. Về Amrik Singh và vụ giết hại Jalib Qadri, và loạt vụ sát hại theo sau. Về lời xin lỗi đầy hung hiểm của hắn ở rạp Shiraz.

“Anh sẽ không bao giờ xem cái xảy ra cho gia đình anh là chuyện riêng. Nhưng anh cũng sẽ chẳng bao giờ *không* xem đó là chuyện riêng. Vì điều đó cũng quan trọng.”

Họ nói chuyện thâu đêm. Nhiều giờ sau, Tilo quay vòng trở lại tấm hình.

“Cô ấy thích đội khăn trùm đầu à?”

“Arifa?”

“Không phải, con gái anh.”

Musa nhún vai. “Đó là phong tục. Phong tục của bọn

anh.”

“Em không biết anh là người theo phong tục như vậy. Nên nếu em đã bằng lòng cưới anh, anh cũng muốn em đội khăn?”

“Không, *babajaana*. Nếu em bằng lòng cưới anh, *anh* sẽ phải đội hijab còn em thì xách súng chạy quanh hoạt động bí mật.”

Tilo cười to.

“Vậy ai sẽ làm quân em?”

“Anh không biết. Chắc là không có con người rồi.”

“Một tiểu đội bướm đêm và một lũ đoàn cây mangut...”

Tilo kể Musa nghe về công việc chán phèo của cô và cuộc sống thú vị trong phòng kho gần đền thờ Nizamuddin. Về con gà trống cô vẽ trên tường - “Kỳ lạ thật. Có lẽ Sultan thần giao cách cảm hiện về với em - phải nói thế không?” (Lúc này là trước thời điện thoại di động, nên cô không có hình đưa anh xem.) Cô mô tả hàng xóm của mình, lão thầy lang chữa giới tính dỏm ria mép vuốt sáp có bệnh nhân xếp hàng rồng rắn bên ngoài cửa, và bạn bè cô, đám lông bông và ăn xin mà cô cùng uống trà trên phố mỗi sáng, thấy đều tin cô làm việc cho trùm ma túy.

“Em cười, nhưng em không phủ nhận chuyện đó. Em để lập lờ.”

“Sao thế? Vậy nguy hiểm mà.”

“Không. Ngược lại. Nó bảo vệ miễn phí cho em. Họ

tưởng em được dân anh chị bảo kê. Không ai động đến em. Ta đọc một bài thơ rồi ngủ đi.” Đó là một thói quen ngày cũ, từ thời họ còn học đại học. Một người mở hủ họa một trang. Người kia sẽ đọc bài thơ. Thường thì hóa ra nó có ý nghĩa kỳ bí cho họ và riêng khoảnh khắc họ đang trải qua. Trò bói thơ. Cô tụt xuống giường rồi quay lại với một tập sách mỏng cũ mèm của Osip Mandelstam. Musa mở sách ra. Tilo đọc:

Em tắm trong sân đêm,

Sao chói trên bầu trời.

Sao sáng, như muối trên lưỡi rìu...

Thùng nước mưa đầy tràn đông đá.

“Thùng nước mưa là gì? Không biết... để kiểm lại đã.”

Cổng khóa,

Đất hết lòng lạnh lẽo.

Hiếm có gì giản đơn, tinh khiết hơn

Khuôn vãi trắng trơn chân lý.

Một vì sao tan, như muối, trong thùng

Nước đóng băng đen thẫm hơn,

Cái chết sạch hơn, bất hạnh mặn hơn,

Đất cũng thật hơn, khủng khiếp hơn.

“Một nhà thơ Kashmir nữa.”

“Người Kashmir gốc Nga,” Tilo nói. “Ông ấy chết trong

trại Gulag của Stalin. Tụng ca ông ấy dành cho Stalin được xem là chưa đủ thành tâm.”

Cô hồi hận là đã đọc bài thơ.

Họ ngủ chập chờn. Trước bình minh, vẫn còn mơ ngủ, Tilo nghe Musa lại khóa nước trong phòng tắm, tắm rửa, đánh răng (tất nhiên là bằng bàn chải của cô). Anh bước ra với tóc đã chải mượt rồi đội mũ và mặc pheran vào. Cô nhìn anh cầu nguyện. Trước đây cô chưa từng thấy anh làm vậy. Cô ngồi thẳng dậy trên giường. Chuyện đó không làm anh phân tâm. Cầu nguyện xong anh đến ngồi bên mép giường với cô.

“Chuyện đó có làm em lo không?”

“Phải thế sao?”

“Đó là một thay đổi lớn...”

“Có. Không. Chỉ làm em... nghĩ ngợi.”

“Bọn anh không thể thắng trận chiến này chỉ bằng thân xác. Bọn anh phải tuyển mộ cả linh hồn mình nữa.”

Cô châm hai điếu thuốc khác.

“Em biết điều nặng nề nhất cho bọn anh là gì không? Thứ nặng nề nhất phải đấu tranh? Thương hại. Bọn anh quá dễ tủi thân... những điều khủng khiếp như vậy đã xảy ra với dân anh... trong mỗi gia đình đều có gì khủng khiếp xảy ra... nhưng tủi thân thì rất... rất nhu nhược. Rất nhục nhã. Hơn cả Azadi, giờ là chuyện chiến đấu vì nhân phẩm. Và cách duy nhất để bọn anh giữ lấy nhân phẩm là đánh

trả. Dù cho bọn anh có thua. Dù cho bọn anh có chết. Nhưng để làm vậy bọn anh như một dân tộc - như một dân tộc bình thường - phải trở thành một lực lượng chiến đấu... một đội quân. Để làm vậy bọn anh phải đơn giản hóa mình, chuẩn hóa mình, tiết giảm mình... ai ai cũng phải nghĩ như nhau, muốn cùng một thứ... bọn anh phải loại bỏ những phức tạp của mình, những sai biệt, những xuẩn ngốc, những sắc thái của mình... bọn anh phải biến mình thành một đội quân cũng đồng lòng... cũng vững chắc... cũng ngu ngốc... như quân đội bọn anh đương đầu. Nhưng bọn chúng là những kẻ chuyên nghiệp, bọn anh chỉ là thường dân. Đây là điều tệ hại nhất của quân chiếm đóng... cái chúng khiến bọn anh làm với chính mình. Cái tiết giảm này, chuẩn hóa này, cái *ngu muội hóa* này... Đó có phải một từ không?"

"Nó cũng thành một từ rồi."

"Cái ngu muội hóa này... cái ngớ ngẩn hóa này... nếu và khi bọn anh đạt được... sẽ là cái cứu rỗi bọn anh. Nó sẽ khiến bọn anh bất khả chiến bại. Đầu tiên nó sẽ là cái cứu rỗi bọn anh và rồi... khi bọn anh đã thắng... nó sẽ là báo ứng của bọn anh. Đầu tiên là Azadi. Rồi đến hủy diệt. Mô thức là như vậy."

Tilo không nói gì.

"Em có nghe không đấy?"

"Có chứ."

"Anh đang nói chuyện sâu xa mà em lại không nói gì."

Cô ngẩng lên nhìn anh và ghì ngón cái lên chữ "V"

ngược tí xú giữa hai răng cửa bị mẻ của anh. Anh cầm tay cô hôn lên chiếc nhẫn bạc.

“Anh thấy vui vì em vẫn còn đeo nó.”

“Nó chật mất rồi. Có muốn em cũng không tháo ra được.”

Musa mỉm cười. Họ im lặng hút và khi hút xong cô cầm gạt tàn ra cửa sổ, thả đám dầu mẩu xuống cho nhập dòng với những dầu thuốc lենh bệnh và ngược nhìn bầu trời rồi mới quay lại giường.

“Em vừa làm chuyện bẩn quá. Xin lỗi.”

Musa hôn lên trán cô rồi đứng lên.

“Anh đi sao?”

“Ừ. Một con thuyền đang đến đón anh. Chở cải bó xôi, dưa gang, cà rốt và ngó sen. Anh sẽ là một *haenz*... bán rau quả trên chợ nổi. Anh sẽ bán rẻ hơn, kỳ kèo không thương tiếc với mấy bà nội trợ. Và trong cảnh nhốn nháo anh sẽ trốn đi.”

“Khi nào thì em gặp lại anh?”

“Sẽ có người đến tìm em - một phụ nữ tên Khadija. Cứ tin tưởng chị ấy. Đi với chị ấy. Em sẽ đi đây đó. Anh muốn em nhìn thấy mọi thứ, biết hết mọi thứ. Em sẽ được an toàn.”

“Khi nào thì em gặp lại anh?”

“Sớm hơn em tưởng. Anh sẽ tìm em. *Khuda hafiz**, *babajaana*.” Rồi anh đi.



Sáng ra Gulrez dọn cho cô một bữa điểm tâm Kashmir. Roti *lavasa** dai với bơ và mật. *Kahwa** không đường, với hạnh nhân bào mà cô phải múc lên từ đáy tách. Agha với Khanum giở trò đáng trách, nhảy chồm chồm trên bàn ăn, hất đổ ly tách, làm đổ muối. Đúng 10 giờ, Khadija tới cùng hai thằng con trai nhỏ. Họ băng qua hồ trong một thuyền gỗ rồi chạy xuống thị trấn trong chiếc Maruti 800 đỏ.

Trong mười ngày sau đó, Tilo đi khắp thung lũng Kashmir, mỗi ngày có một nhóm bạn đồng hành đi cùng, khi thì đàn ông, khi thì đàn bà, khi thì các gia đình có con nhỏ. Đó là chuyến đầu tiên trong nhiều chuyến cô đi suốt nhiều năm. Cô đi bằng xe buýt, taxi chung, thỉnh thoảng bằng xe hơi. Cô thăm các điểm du lịch mà điện ảnh Ấn làm cho nổi tiếng - Gulmarg, Sonmarg, Pahalgam và thung lũng Betaab, thực ra được đặt tên theo bộ phim đã quay ở đó. Các khách sạn mà mấy ngôi sao điện ảnh từng lưu lại đều vắng vẻ, các túp lều hướng tuần trăng mật (ở đó, các bạn đường của cô nói đùa, những kẻ áp bức họ được thụ thai) bỏ hoang. Cô lặn lội qua đồng cỏ nơi mà một năm trước, sáu du khách, người Mỹ, người Anh, người Đức, và người Na Uy, đã bị Al-Faran, một toán chiến binh mới thành lập không được nhiều người biết, bắt cóc. Năm trong sáu người bị giết, một người chạy thoát được. Người Na Uy trẻ, một nhà thơ và vũ công, bị chặt đầu, xác anh phơi ngoài đồng cỏ Pahalgam. Trước khi chết, khi những kẻ bắt cóc đưa anh

từ chỗ này sang chỗ khác, anh để lại một vệt dài những bài thơ viết trên từng vụn giấy anh lén đưa cho mọi người anh gặp dọc đường.

Cô đến thung lũng Lolab, được xem là nơi đẹp đẽ và nguy hiểm nhất của Kashmir, rừng tua tủa chiến binh, lính và đám Ikhwan đều cáng. Cô đi trên những đường rừng ít ai biết gần Rafiabad chạy sát vạch kiểm soát, dọc những bờ cỏ bên suối nguồn mà cô thường chuôi cả người xuống uống dòng nước trong vắt như con thú khát, môi tím xanh vì lạnh. Cô thăm các ngôi làng có vườn quả và nghĩa địa bao quanh; cô lưu lại trong nhà của dân làng. Musa thường xuất hiện rồi đi không báo trước. Họ ngồi quanh đám lửa trong một chòi đá vắng hoe tít trên núi mà những người chăn cừu Gujjar thường dùng vào mùa hè, khi họ lừa cừu từ đồng bằng lên. Musa chỉ một tuyến đường các chiến binh thường dùng để băng qua vạch kiểm soát:

“Berlin có bức tường. Bọn anh có rặng núi cao nhất thế giới. Nó sẽ không đổ sụp, nhưng phải trèo lên.”

Trong một túp nhà ở Kupwara, Tilo gặp chị gái của Mumtaz Afzal Malik, người thanh niên vô tình lái xe chở đồng lõa của Amrik Singh là Salim Gojri đến trại cái ngày họ bị giết. Chị kể lại, khi người ta tìm thấy xác em trai chị ngoài đồng và đem về nhà, hai nắm tay anh nắm lại cứng đờ, đầy cả đất và hoa mù tạc vàng giữa những kẽ tay.

Tilo quay lại nhà thuyền *Shaheen* sau những chuyến du ngoạn trong thung lũng, một mình. Cô với Musa đã chào

tạm biệt nhau, thân nhiên, phòng hờ. Tilo sớm biết rằng trong những chuyện thế này, sự thân nhiên và bông đùa là cực kỳ nghiêm túc, còn sự nghiêm túc thường được diễn đạt bằng lời bông đùa. Họ nói bằng mật mã ngay cả khi họ không cần phải làm vậy. Đó là cách Amrik Singh “Máy bay chỉ điểm” có cái mật hiệu của hắn: Rái cá*. (Không có một hội nghị chính thức, nhưng mức độ bông đùa của họ đã được hội ý và chấp thuận. Dù Tilo hết sức bất kính với câu khẩu hiệu *Azadi ka matlab kya? La ilaha illallah*, giờ cô có thể được mô tả chắc chắn, và chính xác, là kẻ thù quốc gia.) Ngày sau khi cô về lại, khi thấy Gulrez dọn bàn cho hai người, cô biết Musa sẽ đến.

Anh về lúc khuya, trông lo lắng. Anh nói đã có biến động lớn trong thành phố. Họ bật đài lên:

Một toán Ikhwan đã giết một thanh niên và làm xác anh ta “mất tích”. Trong các cuộc biểu tình theo sau mười bốn người bị bắn chết. Ba chiến binh thiệt mạng trong một cuộc đụng độ. Ba đồn cảnh sát bị đốt. Số người chết trong ngày là mười tám.

Musa ăn nhanh rồi đứng lên để đi. Anh thì thăm tạm biệt cộc lốc với Gulrez. Anh hôn lên trán Tilo.

“Khuda hafiz, babajaana. Đi an toàn nhé.”

Anh dặn cô ở lại bên trong, không ra ngoài tiễn anh. Cô không chịu nghe. Cô bước ra với anh đến cái cầu tàu kéo kệt, tạm bợ có một thuyền chèo gỗ nhỏ đang đợi. Musa trèo vào rồi nằm dài ra dưới đáy thuyền. Người lái thuyền

phủ tấm cỏ dệt lên người anh rồi khéo léo xếp mấy giỏ không và vài bao rau lên trên. Tilo nhìn chiếc thuyền chèo đi với món hàng hóa yêu quý của nó. Không băng qua hồ đến đại lộ, mà dọc theo dãy nhà thuyền trập trùng, mãi miết.

Ý nghĩ về Musa nằm ở đáy thuyền, phủ giỏ không, khiến cô đau. Tim cô như hòn sỏi xám dưới lòng suối trên núi - thứ gì đó lạnh băng lừa qua.

Cô đi ngủ, đặt đồng hồ báo thức để dậy kịp giờ đón xe buýt đi Jammu. May sao cô theo thủ tục Kashmir, không phải vì cô định bụng vậy, mà vì cô quá mệt không cởi đồ ra. Cô còn nghe Gul-kak lảng vảng quanh, hát ư ử.

Chưa đầy một giờ sau cô thức giấc - không phải choàng tỉnh, mà từ từ, boi qua từng tầng giấc ngủ - đầu tiên là vì âm thanh rồi văng bặt âm thanh. Đầu tiên vì tiếng động cơ rì rầm dường như văng tới từ mọi hướng. Rồi, khi chúng lịm tắt thì vì sự im lặng bất thần.

Tàu máy. Nhiều lắm.

Nhà thuyền *Shaheen* nhấp nhô chòng chành. Không nhiều, chỉ một chút.

Cô đã đứng lên rồi, sẵn sàng cho biến cố thì cửa phòng ngủ chạm, thêu, chạm lộng bị đá sập và căn phòng đầy cả lính với súng ống.

Chuyện xảy ra trong ít giờ sau đó xảy ra hoặc nhanh quá hoặc chậm quá. Cô không nói được là cái nào. Hình ảnh rõ ràng và âm thanh chuẩn xác, nhưng không hiểu sao xa lắc.

Cảm nhận tụt lại đằng sau. Cô bị bịt miệng, hai tay bị trói, phòng bị lục soát. Chúng xô dúi cô dọc hành lang vào phòng ăn và cô lướt qua Gul-kak trên sàn, bị cũng cả chục tên đàn ông đâm đá.

Hắn đâu?

Tôi không biết.

Mày là ai?

Gulrez. Gulrez. Gulrez Abroo. Gulrez Abroo.

Mỗi lần anh ta nói thật thì chúng lại đánh mạnh hơn.

Những tiếng rên rỉ của anh ta đâm gọn qua người cô như mũi lao rồi vèo qua mặt hồ. Khi mắt đã quen với bóng tối bên ngoài, cô thấy một đội tàu nhỏ đầy lính tráng bập bênh trên mặt nước đen, tương đương với một cuộc vây ráp trên nước. Có hai hình vòng cung đồng tâm, vòng ngoài là toán tuần tra lãnh thổ, vòng bên trong, toán yểm trợ. Đám lính tạo nên đội yểm trợ đứng trên thuyền, đâm chọt xuống mặt nước bằng dao cột vào một đầu sào dài - lao móc tự chế - để cho chắc người chúng truy lùng không tẩu thoát dưới nước. (Chúng ê mặt vì cuộc tẩu thoát gần đây nhưng đã thành huyền thoại của Haroon Gaade - Haroon người cá - thoát đi ngay cả khi toán vây ráp tưởng đã dồn được anh tại hang ổ trên bờ hồ Wular. Lối thoát duy nhất khả dĩ anh có là chính cái hồ, ở đó một đội lính thủy đã nằm phục kích chờ. Nhưng Haroon Gaade thoát được bằng cách nấp dưới nước trong đám rong, dùng ống tre để thông hơi. Anh nấp được hàng giờ - cho đến khi những kẻ săn lùng rồi trí bỏ

cuộc.)

Chiếc thuyền chở đội tấn công đậu ở bến, chờ hành khách về với chiến lợi phẩm. Tên chỉ huy chiến dịch là một gã người Sikh cao lớn đội khăn màu lục. Tilo cho rằng, rất đúng, hẳn là Amrik Singh. Cô bị xô lên thuyền và bắt ngồi xuống. Không ai nói gì với cô. Không ai trong các thuyền bên cạnh bước ra xem có chuyện gì. Mỗi thuyền đã bị một toán lính nhỏ lục soát.

Lát sau, Gulrez bị giải ra. Anh ta không bước nổi, nên chúng kéo lê anh. Cái đầu to, giờ bị trùm mũ, đổ gục tới trước. Anh ta ngồi đối diện Tilo. Cô chỉ nhìn thấy cái mũ trùm, pheran và đôi ủng. Cái mũ trùm còn chẳng phải mũ trùm. Đó là một túi quảng cáo gạo thơm Basmati hiệu Surya. Gul-kak im lìm và dường như đã bị đánh bầm dập. Anh không ngồi thẳng lên được nếu không được đỡ. Hai tên lính giữ cho anh ngồi thẳng lên. Tilo mong là anh đã bất tỉnh rồi.

Toán lính lên đường theo hướng thuyền của Musa đã đi. Ngang qua dãy nhà thuyền trống, tối tăm dài dằng dặc rồi rẽ phải, vào một chốn trông như đầm lầy.

Không ai nói gì, chỉ có im lặng ngoại trừ tiếng rì rì của động cơ thuyền và tiếng meo meo rên rĩ của một con mèo con lấp đầy đêm khiến bọn lính khó chịu. Tiếng meo meo dường như đi cùng họ, nhưng trên tàu không thấy bóng dáng mèo đâu. Cuối cùng nó cũng bị tìm ra - Khanum nhị thể - trong túi của Gulrez. Một tên lính lôi nó ra liệng

xuống hồ như thể nó là miếng rác. Con mèo bay qua không trung, ré lên, hai răng nanh nhe ra và mấy móng vuốt nhỏ xíu giương ra, sẵn sàng một mình đương đầu với cả quân đội Ấn. Nó chìm xuống không một tiếng động. Đó là kết cục của một *bewakoof* nữa không biết cách sống trong một nơi *mintree** chiếm đóng. (Con chị Agha của nó sống sót - là kẻ cộng tác, thường dân hay mujahid thì chưa bao giờ xác định được.)

Mặt trăng lên cao, và qua rừng lau sậy Tilo nhận ra bóng dáng những nhà thuyền, nhỏ hơn những cái dành cho du khách nhiều. Một cấu trúc gỗ lụp xụp, trước có cây cầu ván gỗ kéo kẹt - một lối mua sắm mặt sông đã nhiều năm rồi không thấy khách - đứng ngay bên mép nước trên những cột chống mục rã. Các cửa tiệm, hiệu thuốc, một tiệm bán đồ phụ nữ A-l và vài “thương xá” để bán hàng mỹ nghệ địa phương, thảy đều bị đóng ván bít kín. Những chiếc thuyền chèo nhỏ đậu trên bờ cái trông như những cù lao bùn lầy điểm những túp nhà gỗ cũ mục nát. Dấu hiệu duy nhất mà cái im lặng rợn người trùm phủ đầm lầy không hẳn là không có người là tiếng lách tách của dùi và thảng hoặc từng khúc hát vẳng ra từ những cửa sổ chắn song, kéo cửa chớp. Con thuyền đậu thấp trong nước. Vùng hồ đó đặc lên rong rêu đến mức có cảm giác siêu thực, như thể họ đang rẽ qua một bãi cỏ lỏng, đen kịt. Rác rưởi từ chợ nổi bán rau quả buổi sáng lênh bênh xung quanh.

Tất cả những gì Tilo nghĩ đến được là chiếc thuyền nhỏ

chở Musa đã đi cùng lối đó chưa đầy một giờ trước. Thuyền của anh không có động cơ.

Lạy Chúa, dù ngài là ai, dù ngài đang ở đâu, xin hãy làm các tàu này chậm lại. Cho anh kịp thoát.

Chậmlạichậmlạichậmlạichậmlạichậmlạichậmlạichậmlạị.

Có người nghe thấy lời cầu nguyện của cô và đáp. Khó mà có thể là Chúa trời.

Amrik Singh, ngồi cùng thuyền với Tilo và Gulrez, đứng lên khoát tay cho các thuyền hộ tống, ra dấu cho chúng cứ đi tiếp. Khi chúng đi rồi, hắn chỉ thị người lái tàu rẽ trái vào một đường nước hẹp đến độ họ phải chậm lại và nói đúng nghĩa là lách qua lau sậy. Sau mười phút ngột ngạt họ ló ra vùng nước thoáng đãng. Họ rẽ trái lần nữa. Người lái tắt máy tàu và họ cập bến. Cái tiếp theo có vẻ là một diễn tập quen thuộc. Dường như không ai cần được chỉ thị. Gulrez bị nhắc lên và lôi sênh sịch qua vài mét nước lên bờ. Một tên lính ngồi lại trên thuyền với Tilo. Những tên còn lại, kể cả Amrik Singh, lội lên bờ. Tilo còn thấy bóng dáng một căn nhà lớn, đồ nát. Mái đã sập xuống và ánh trăng soi qua bộ khung rui mè lù lù trên nền đêm - một trái tim phát sáng trong lồng ngực tam giác.

Một tiếng súng, theo sau là tiếng nổ đánh gọn làm kinh động lũ chim làm tổ dưới đất. Trong một lúc bầu trời đầy đặc cả diệc, chim cốc, chim chơi chơi, te te, gọi nhau như thể ngày đã hừng. Chúng chỉ đóng kịch rồi cũng sớm yên ắng lại. Giờ kỳ quắc và đoạn nhạc khác thường của quân

chiếm đóng giờ đây là chuyện thường tình với chúng. Khi đám lính quay lại thì không thấy Gulrez đâu. Nhưng chúng mang một bao tải nặng, không hình thù, phải hai người mới nhấc lên được.

Theo cách này tù nhân rời thuyền là Gul-kak Abroo, quay lại là thi thể của thủ lĩnh chiến binh nguy hiểm Gulrez, bắt và giết anh sẽ đem lại cho những kẻ giết anh ba trăm nghìn rupee.

Số người thiệt mạng ngày hôm đó giờ đây là mười tám cộng một.



Amrik Singh về lại thuyền, lần này ngồi ngay trước mặt Tilo: “Bất kể cô là ai, cô cũng bị buộc tội đồng lõa với một tên khủng bố. Nhưng cô sẽ không hề hấn gì nếu khai với bọn tôi mọi thứ.” Hấn nói dễ chịu, bằng tiếng Hindi. “Cứ thông thả. Nhưng bọn tôi cần mọi chi tiết. Làm sao cô biết hấn. Cô đi đâu. Cô gặp những ai. Mọi thứ. Cứ thông thả. Cô cũng nên biết bọn này đã biết những chi tiết đó rồi. Cô không giúp gì bọn tôi đâu. Bọn tôi sẽ kiểm tra cô.”

Cũng cặp mắt đen không chiều sâu, vô cảm, giả cười về chuyện giả vờ để quên khẩu súng lục trong nhà Musa giờ nhìn chăm chăm Tilo trong bãi lầy sáng trắng. Cái nhìn làm cái gì đó sôi lên trong máu cô - một cơn giận câm nín, một thôi thúc tự sát, ương ngạnh. Một quyết tâm ngu ngốc là cô sẽ không nói gì, bất kể có chuyện gì đi nữa.

May thay, điều đó chưa bao giờ được kiểm tra; chuyện không hề đến mức ấy.

Thuyền chạy thêm hai mươi phút nữa. Một chiếc Gypsy bọc thép và một xe nhà binh mui trần đang đậu dưới cây, chờ chờ họ đến Shiraz. Trước khi họ lên xe, Amrik Singh tháo miếng bịt miệng Tilo nhưng vẫn trói hai tay.

Trong sảnh rạp chiếu phim, tất nập như một trạm cuối xe buýt, thậm chí vào giờ đó, Tilo được giao lại cho phó chỉ huy Pinky đang ngủ, được triệu tập để xử lý tù nhân đặc biệt này. Cuộc bắt bớ không được ghi lại. Chúng còn chẳng hỏi tên tù nhân. Phó chỉ huy Pinky dẫn cô ngang qua quầy tiếp tân mà chín tháng trước Musa bỏ lại chai whisky nhãn đỏ của Amrik Singh, ngang các quảng cáo sô cô la Cadbury và kem Kwaliti và những áp phích phim bạc phếch *Chandni*, *Maine Pyar Kiya*, *Parinda* và *Sur tử hoang mạc*. Họ len lỏi qua từng dãy đàn ông gần đây nhất bị đánh, bị trói và mấy thùng rác bằng xi măng hình con kangaroo, vào rạp, băng qua sân cầu lông tự chế, đi ra cửa lớn gần sát màn ảnh nhất rồi vào một cửa nữa mở ra sân sau. Ở đấy có nhiều hơn vài cái liếc nhìn khoái trá và tiếng lầm bầm nhận xét dâm dục khi hai người đàn bà đi tới trung tâm thẩm vấn chính của Shiraz.

Đó là một cấu trúc độc lập - một phòng hình chữ nhật dài, không có gì đáng chú ý ngoài nét chính là mùi hôi. Mùi nước tiểu và mồ hôi bị chồng lên mùi máu lâu ngày lợm ruột. Dù tấm biển trên cửa ghi *Trung tâm thẩm vấn*, thực

ra nó là trung tâm tra tấn. Ở Kashmir, “thăm vấn” không phải là một phạm trù có thực. Có “tra hỏi”, nghĩa là vài cái tát và đấm đá, và “thăm vấn”, có nghĩa là tra tấn.

Căn phòng chỉ có một cửa lớn mà không có cửa sổ. Phó chỉ huy Pinky bước tới bàn trong góc, lấy ra ít tờ giấy trắng và cây bút trong ngăn kéo rồi đập phạch lên bàn.

“Đừng làm mất thời gian của nhau. Mười phút nữa tôi quay lại.”

Cô ta mở trói tay Tilo rồi bỏ đi, đóng cửa lại.

Tilo chờ cho hết tê cứng và máu trở lại ngón tay rồi mới cầm bút lên. Ba lần đầu cô thử viết đều không được. Hai tay cô run đến độ cô không đọc được cả chữ mình viết. Cô nhắm mắt nhớ lại các bài tập thở. Có tác dụng. Bằng chữ rõ ràng cô viết:

*Vui lòng gọi cho ông Biplab Dasgupta, phó giám đốc
Bravo Ấn Độ*

Nhắn lại với ông ấy thế này: G-A-R-S-O-N H-O-B-A-R-T

Trong khi chờ phó chỉ huy Pinky quay lại, cô xem xét căn phòng. Thoạt nhìn nó trông như một nhà kho để dụng cụ thô sơ, trang bị vài bàn thợ mộc, búa, tua vít, bào, dây thừng, cái trông như những trụ đá hay bê tông mài mòn, ống, một chậu nước bẩn thỉu, can xăng, phễu kim loại, dây điện, ổ cắm điện, từng cuộn dây, gậy đủ kích cỡ, vài cái xẻng, cuốc chim.

Trên giá có một lọ ớt bột đỏ. Sàn nhà la liệt đầu thuốc lá. Tilo đã nghe đủ trong mười ngày qua để biết mấy thứ

bình thường đó có thể được sử dụng khác thường.

Cô biết rằng các trụ là công cụ thuộc hình thức tra tấn được ưa chuộng nhất ở Kashmir. Chúng được dùng làm “trục lăn”, tù nhân bị trói xuống trong khi hai người lăn các trụ trên người họ, đúng nghĩa là nghiền nát các cơ. Lắm lúc, “điều trị lăn” có kết quả là suy thận cấp tính. Cái chậu là để trấn nước, các đồ bảo dùng rút móng tay, dây điện để dùng sốc điện vào bộ phận sinh dục, ớt bột thường được bôi vào gây nhét vào hậu môn tù nhân hay pha vào nước rồi tưới xuống cổ họng họ. (Nhiều năm sau, một người đàn bà khác, Loveleen, vợ của Amrik Singh, thể hiện một hiểu biết rành rẽ về các phương pháp này trong đơn xin tị nạn ở Mỹ. Chính cái nhà kho dụng cụ này là địa điểm nghiên cứu thực địa của chị ta, trừ chuyện chị ta đến không phải như nạn nhân, mà vợ của tên chỉ huy tra tấn, đi tham quan văn phòng của chồng.)

Phó chỉ huy Pinky quay lại cùng thiếu tá Amrik Singh. Tilo thấy ngay, theo ngôn ngữ cử chỉ và cách cuộc thân mật mà chúng nói với nhau, rằng chúng không chỉ là đồng nghiệp. Phó chỉ huy Pinky cầm tờ giấy Tilo đã viết lên và đọc to, thông thả và hơi khó nhọc. Rõ ràng rồi, đọc không phải thế mạnh của cô ta. Amrik Singh lấy tờ giấy nơi cô ta. Tilo thấy hấn biến sắc.

“Ông ta là ai với cô, Dasgupta này?”

“Một người bạn.”

“Một *người bạn* hả? Một lúc mà ngủ với mấy thằng?”

Câu này là của phó chỉ huy Pinky.

Tilo không nói gì.

“Tao đã hỏi mày một câu. Một lúc mày ngủ với mấy thằng?”

Thái độ im lặng của Tilo gây nên cả lô lốc thóa mạ theo kiểu thấy trước (mà Tilo nhận ra mấy chữ “đen”, “điểm” và “jihadi*”) rồi câu hỏi lặp lại lần nữa. Sự im lặng tiếp tục của Tilo không liên quan gì đến lòng can đảm hay ngoan cường. Nó liên quan đến việc không có lựa chọn. Máu trong cô đã đông lại.

Phó chỉ huy Pinky nhận thấy cái cười mỉa trên mặt Amrik Singh - rõ ràng một cách nào đó hằn thấy nỗi vẻ bất chấp đang bộc lộ. Cô ta biết tổng cái biểu hiện đó và nó làm cô ta điên tiết. Amrik Singh cầm tờ giấy bỏ đi. Đến cửa hắn quay lại nói:

“Cứ cố tìm hiểu đi. Đừng để lại dấu vết thương tích. Đây là một sĩ quan cấp cao, người mà cô ta ghi tên này. Để tôi kiểm tra đã. Có thể là nhầm nhí thôi. Nhưng cho đến lúc đó thì không được có dấu thương tích.”

“Không dấu vết” là bài toán cho phó chỉ huy. Cô ta không có kinh nghiệm trong lĩnh vực đó, vì cô ta không phải là kẻ tra tấn chuyên nghiệp, cô ta vừa làm vừa học, ngoài chiến trường, và “không dấu vết” không phải là một phép xã giao kéo đến tận Kashmir. Cô ta không tin chỉ thị của Amrik Singh có liên quan gì đến một sĩ quan cấp cao. Cô ta nhận ra cái nhìn trong mắt hắn, và cô ta biết cái gì

thu hút hẳn ở đàn bà. Chuyện phải tự kiềm chế làm xúc phạm đến phẩm giá của cô ta và chuyện đó không tốt cho tâm trạng cô ta. Những cái tát và đá (cái này thuộc phạm trù “tra hỏi”) của cô ta không moi được gì từ người cô ta giam giữ ngoài sự im lặng lạnh tanh, vô cảm.

Amrik Singh mất hơn một giờ mới tìm được Biplab Dasgupta và nói với anh trên đường dây nóng đến nhà khách Rừng xanh ở Dachigam. Chuyện anh là một phần trong bầu đoàn nghỉ cuối tuần của Thống đốc là nguyên cớ để hoảng sợ thực tình. Rõ ràng người đàn bà này biết anh ta. Còn nữa. Phó giám đốc Bravo Ấn Độ dường như biết đích xác G-A-R-S-O-N H-O-B-A-R-T nghĩa là gì. Nhưng tên sẵn mỗi trong Amrik Singh đánh hơi thấy mùi do dự, thậm chí e dè. Hẳn biết mình có thể gặp rắc rối nữa, rắc rối lớn, nhưng cũng không phải quá muộn để xí xóa mọi chuyện nếu hẳn thả một người đàn bà không sút mẻ. Có không gian để xoay trở. Hẳn vội vàng quay lại trung tâm thẩm vấn để ngăn chặn bất kì tổn hại nào thêm. Hẳn có hơi trễ, nhưng không trễ quá.

Phó chỉ huy Pinky đã tìm ra một cách rẽ tiên, sáo mòn để đi vòng cái rắc rối của mình. Cô ta cầu khẩn hình phạt sơ khai cho Người Đàn Bà Phải Được Dạy Cho Một Bài Học. Lòng hận thù trong cô ta chẳng mấy liên quan đến chống khủng bố hay với Kashmir - có lẽ trừ chuyện chỗ này là lò ấp cho mọi kiểu điên rồ.

Mohammed Subhan Hajam, người thợ cắt tóc trong trại,

vừa ra về thì Amrik Singh chạy nhào vào phòng.

Tilo đang ngồi trên ghế gỗ với hai cánh tay bị cột xuống. Mái tóc dài của cô nằm trên sàn, những lọn tóc lả tả, không còn là của cô, lẫn với rác rến và đầu thuốc lá. Trong khi cúi cho cô, Subhan Hajam cũng đã cố thì thầm, “Xin lỗi, thưa bà, rất xin lỗi.”

Amrik Singh và phó chỉ huy Pinky có cuộc cãi cọ giữa người tình với nhau suýt thành đánh đấm. Pinky sung sĩa nhưng bất chấp.

“Đưa tôi xem luật nào cấm cắt tóc.”

Amrik Singh cời trói cho Tilo rồi giúp cô đứng lên. Hắn làm bộ làm tịch phủi tóc trên vai cho cô. Hắn đặt bàn tay to sụ vể bảo bọc lên đầu cô - một sự ban phước của tên đồ tể. Phải nhiều năm Tilo mới quên được sự tọc tũ nơi cái chạm đó. Hắn cho đem đến một tấm balaclava để cô che đầu. Trong khi họ chờ, hắn nói, “Xin lỗi về chuyện này. Lẽ ra nó không được xảy ra. Bọn tôi đã quyết định thả cô. Cái gì rồi thì cũng đã rồi. Cô sẽ không nói. Tôi sẽ không nói. Nếu cô nói, tôi sẽ nói. Và nếu tôi nói, cô và ông bạn sĩ quan của cô sẽ bị lôi thôi lắm. Cộng tác với bọn khủng bố thì không phải chuyện nhỏ đâu.”

Tấm balaclava tới cùng với một hộp thiếc nhỏ màu hồng phấn rôm Dreamflower của Pond. Amrik Singh thoa phấn lên đầu trọc lóc của Tilo. Cái balaclava bốc mùi còn kinh khủng hơn cá chết. Nhưng cô để cho hắn đội lên đầu cô. Họ ra khỏi trung tâm thẩm vấn, qua sân và lên một cầu

thang thoát hiểm đến một văn phòng nhỏ. Phòng trống không có ai. Amrik Singh nói đó là văn phòng của Ashfaq Mir thuộc đội đặc nhiệm, phó chỉ huy trại. Hắn ta đang ra ngoài tác chiến, nhưng sẽ sớm về để trao trả cô cho người mà ông Biplab Dasgupta phái đến.

Tilo lịch sự từ chối lời mời trà của Amrik Singh và ngay cả là nước lọc. Hắn bỏ cô lại trong phòng, rõ ràng nóng lòng muốn riêng cái chương này khép lại. Đó là lần cuối cô thấy hắn, cho đến khi giờ tờ báo sáng hơn mười sáu năm sau, đọc thấy tin hắn đã tự bắn mình cùng vợ và ba thằng con nhỏ tại nhà họ trong một thị trấn ở Mỹ. Cô thấy khó mà liên kết bức hình trên báo chụp một người đàn ông phục phịch, mặt mày húp híp, nhẵn nhụi cùng đôi mắt kinh hoàng với người đã giết Gul-kak và rồi quan tâm, gần như dịu dàng, thoa phấn lên da đầu cô.

Cô chờ trong văn phòng vắng, nhìn chăm chăm tấm bảng trắng có danh sách tên bên cạnh có ghi (chết), (chết), (chết) và một áp phích trên tường ghi:

Bọn ta có luật riêng
Hung thần chính là ta
Tàn sát đủ mọi kiểu
Chế ngự cả sóng triều
Bọn ta đùa với bão
Các người đoán đúng rồi
Bọn ta
Mặc quân cảnh

Hai giờ trôi qua rồi Naga mới bước qua cửa, theo sau là Ashfaq Mir hớn hở có mùi nước hoa cạo râu đi kèm. Thêm một giờ nữa để Ashfaq Mir xong mấy trò kịch với người chiến binh Lashkar bị thương làm đạo cụ, để trứng tráng và kebab dọn lên và việc “trao trả” hoàn tất. Suốt buổi gặp và chuyển xe lúc bình minh về Ahdoos qua những con phố vắng tanh trong khi Naga cầm tay cô, những gì cô có thể nghĩ đến là đầu Gul-kak đổ gục về trước trong bao gạo thơm Basmati hiệu Surya (vì lý do nào đó mà hai cái quai, nhất là hai cái quai, của cái bao dường như bất kính quyết) và Musa nằm dưới đáy ghe phủ những cái giỏ không, được chèo vào vô tận.

Naga đã rất chu đáo đặt cho cô một phòng cạnh phòng anh trong khách sạn Ahdoos. Anh hỏi cô có muốn anh ở lại với cô không (“Thuần thế tục thôi,” như anh nói). Khi cô nói không, anh ôm cô và đưa cô hai viên thuốc ngủ. (“Hay em muốn một điều hơn? Anh đã sẵn sàng một điều rồi.”) Anh gọi phục vụ buồng đem cho cô hai xô nước nóng. Tilo cảm động vì mặt ân cần, tốt bụng này ở anh. Cô chưa bao giờ gặp điều đó. Anh để lại cho cô một áo sơ mi đã ủi và một quần dài của anh phòng khi cô muốn thay. Anh gợi ý họ lấy chuyến bay chiều về Delhi. Cô nói cô sẽ cho anh biết. Cô biết mình không thể đi mà chưa nghe gì từ Musa. Chỉ là cô không làm vậy được. Cô cũng biết rằng một lời nhắn sẽ đến. Không hiểu sao nó sẽ đến. Cô nằm trên giường không

sao nhắm mắt, gần như sợ đến độ không dám chớp mắt, sợ cái có thể hiện hình ra trước mắt cô. Một phần bên trong mà cô không nhận ra muốn quay lại Shiraz, đấu một trận ngang ngửa với phó chỉ huy Pinky. Nó giống như nghĩ đến cái gì thông minh để nói khi khoảnh khắc đó đã qua lâu rồi. Cô nhận ra điều đó cũng trễ tiền và ti tiện. Phó chỉ huy Pinky chỉ là một người đàn bà bạo tàn, bất hạnh. Cô ta không phải là Rái cá, cổ máy giết chóc. Vậy thì tại sao lại có cái mơ tưởng trả thù lầm lạc?

Cô thấy nhớ mái tóc của mình. Cô sẽ không bao giờ để tóc dài nữa. Để tưởng nhớ Gul-kak.

Khoảng 10 giờ sáng hôm đó có một tiếng gõ nhẹ hầu như không nghe thấy ngoài cửa phòng. Cô tưởng là Naga, nhưng đó là Khadija. Họ hầu như không biết nhau, nhưng trên đời này không có ai (ngoài Musa ra) mà Tilo lại mừng hơn khi gặp Khadija. Chị giải thích nhanh làm sao lại tìm được Tilo: “Chúng tôi cũng có người của mình.” Trong trường hợp này họ gồm cả người lái trên một thuyền trong toán vây ráp rồi người trên các thuyền bên cạnh và suốt dọc đường, họ báo tin lại, gần như theo đúng thời gian thực. Trong rạp Shiraz, có thợ cắt tóc Mohammed Subhan Hajam. Còn ở Ahdoos có một anh chàng gác cửa.

Khadija có tin. Quân đội thông báo đã bắt giết thủ lĩnh chiến binh nguy hiểm Guhez. Musa vẫn còn ở Srinagar. Anh sẽ đến dự đám tang. Chiến binh từ vài nhóm sẽ dự để

bắn phát súng tiễn biệt thủ lĩnh Gulrez. Họ được an toàn đi lại vì sẽ có hàng chục nghìn người đổ ra đường. Quân đội sẽ phải lùi lại để tránh một cuộc thảm sát toàn diện. Tilo sẽ phải đi với chị đến nhà an toàn ở Khanqah-e-Moula mà Musa sẽ đến gặp cô sau đám tang. Anh nói chuyện quan trọng. Khadija có mang theo cho Tilo một bộ quần áo sạch - một salwar kameez, một pheran và một hijab màu chanh. Cái thản nhiên của chị lôi Tilo ra khỏi cái đầm lầy than thân nhỏ nhen cô đã để mình chìm ngấm. Nó nhắc cô rằng cô đang ở giữa một dân tộc mà với họ khổ hình của cô đêm trước được gọi là cuộc sống bình thường.

Người ta đem nước nóng đến. Tilo tắm rồi thay đồ sạch vào. Khadija chỉ cho cô cách cài hijab quanh mặt. Nó làm cô trông vương giả, như nữ hoàng Ethiopia. Cô thích nó, dù cô thích dáng vẻ với mái tóc của mình hơn nhiều. Tóc cũ. Tilo rút mẫu thư dưới cửa phòng Naga nói rằng cô sẽ về trước khi trời tối. Hai người đàn bà rời khách sạn rồi bước ra phố sá của thành phố chỉ nhộn nhịp lên khi nó phải chôn người chết.

Thành phố Đám tang bỗng choàng tỉnh, sôi nổi, nhộn nhịp. Khắp xung quanh đều có chuyển động. Đường phố là chi lưu; từng dòng sông người, chảy đều đổ về cửa sông - Mazar-e-Shohadda. Nhóm quân nhỏ, nhóm quân lớn, người từ thành phố cũ, thành phố mới, từ làng mạc và từ các thành phố khác nhanh chóng tụ tập về. Ngay cả trong các hẻm hẹp nhất, từng tốp đàn bà đàn ông và thậm chí những

đứa trẻ nhỏ nhất cũng hô vang *Azadi! Azadi!* Dọc đường những thanh niên đã dựng các trạm tiếp tế nước uống và bếp ăn chung cho những người từ xa đến. Khi họ phân phát nước, khi họ múc đồ ăn vào đĩa, khi mọi người ăn uống, khi họ hít thở bước đi, theo một nhịp trống mà chỉ họ nghe thấy, họ hô vang: *Azadi! Azadi!*

Khadija dường như có bản đồ chi tiết các đường hẻm thành phố của mình trong đầu. Điều này khiến Tilo thấy ấn tượng vô cùng (vì chính cô không có những kỹ năng như vậy). Họ đi lộ trình dài, vòng vo. Tiếng hô *Azadi!* trở thành tiếng ầm ầm rền vang nghe như một cơn bão sắp đến. (Garson Hobart, nấp ở Dachigam với đoàn tùy tùng của Thống đốc, không thể quay về thành phố cho đến khi đường sá được an toàn, nghe thấy nó trên điện thoại mà thư ký của anh giơ ra đường.) Chín tháng sau đám tang của Miss Jebeen, đây là một đám tang nữa. Lần này có mười chín quan tài. Một cái trống không, cho cậu thanh niên mà đám Ikhwan đã cướp mất xác. Một quan tài khác đựng thi thể be bét của người đàn ông nhỏ xíu có đôi mắt màu ngọc bích đang trên đường đến họp đoàn cùng Sultan, *bewakoof* yêu dấu của anh, trên thiên đường.

“Tôi muốn được dự đám tang,” Tilo nói với Khadija.

“Ta dự cũng được. Nhưng sẽ là mạo hiểm. Ta có thể bị trể. Và ta cũng chẳng đến gần được đâu. Đàn bà không được phép đến gần mộ. Ta có thể đến viếng sau, khi mọi người về cả rồi.”

Đàn bà không được phép. Đàn bà không được phép. Đàn bà không được phép.

Đó là để bảo vệ năm mộ trước đàn bà hay bảo vệ đàn bà khỏi năm mộ?

Tilo không hỏi.

Sau bốn mươi lăm phút chạy xe lòng vòng, Khadija đậu xe và họ bước nhanh qua một mê cung đường sá chật hẹp, quanh co trong một khu của thị trấn dường như nối liền với nhau theo nhiều cách - dưới lòng đất và trên mặt đất, thẳng đứng và xiên, qua đường phố nóc nhà đường hành lang bí mật - như một cơ thể duy nhất. Một cụm san hô khổng lồ, hay một tổ kiến.

“Vùng này trong thị trấn vẫn là của chúng tôi,” Khadija nói. “Quân đội không vào được trong này.”

Họ bước qua cánh cửa gỗ nhỏ vào một căn phòng trống trải, trải thảm xanh lá. Một thanh niên lầm lì chào và dẫn họ vào. Anh ta dẫn họ đi nhanh qua hai phòng và khi họ vào phòng thứ ba, anh ta mở cái trông như một tủ lớn. Ở đó có một cửa giả với cầu thang hẹp, dốc đứng dẫn xuống một tầng hầm bí mật. Tilo theo chân Khadija xuống cầu thang. Trong phòng không có bàn ghế, nhưng có vài tấm nệm giữa sàn và vài cái gối kê. Trên tường treo một tấm lịch, nhưng nó là của hai năm trước rồi. Ba lô của cô dựng trong một góc. Ai đó đã liêu mà lấy lại nó từ nhà thuyền *Shaheen*. Một cô gái đi xuống cầu thang và trải ra một tấm khăn bàn trắng ten bằng nhựa. Một phụ nữ lớn tuổi hơn theo sau

cùng khay trà và mấy cái tách, một đĩa bánh mì khô và một đĩa bánh bông lan cắt sẵn. Bà ôm mặt Tilo và hôn lên trán cô. Không nói gì nhiều, nhưng cả mẹ và con gái đều ngồi lại trong phòng.

Khi Tilo uống trà xong, Khadija vỗ vỗ mấy tấm nệm họ đang ngồi.

“Ngủ đi. Ít nhất một, hai tiếng nữa anh ấy mới về tới.”

Tilo nằm xuống và Khadija đắp tấm chăn chần chần cho cô. Tilo đưa tay ra nắm tay Khadija dưới tấm chăn. Trong những năm sau đó, họ sẽ thành bạn thân. Tilo nhắm mắt. Giọng đàn bà rì rầm nói những điều cô không hiểu được như dầu thoa trên thịt da thô ráp.

Cô còn đang ngủ thì Musa đến. Anh ngồi xếp bằng cạnh cô, nhìn xuống gương mặt cô ngủ một hồi lâu, ước gì anh có thể đánh thức cô dậy với một thế giới khác, tốt đẹp hơn. Anh biết sẽ còn lâu nữa anh mới gặp lại cô. Và cũng là nếu họ may mắn.

Không có nhiều thời gian. Anh phải đi khi thủy triều lên, khi đường phố vẫn thuộc về dân chúng. Anh đánh thức cô nhẹ nhàng hết mức.

“*Babajana*. Dậy đi.”

Cô mở mắt và kéo anh xuống nằm cạnh cô. Một hồi lâu không có gì để nói. Tuyệt không có gì.

“Anh vừa từ đám tang của mình về. Anh bắn cho mình hai mươi một phát súng chào,” Musa nói.

Và rồi bằng giọng sẽ không cao hơn một tiếng thì thầm vì mỗi lần lên cao nó lại vỡ ra dưới sức nặng của cái nó đang cố nói, Tilo kể anh nghe chuyện xảy ra. Cô không quên một thứ gì. Không một thứ gì cả. Không một âm thanh. Không một cảm giác nào. Không một chữ nào đã được nói ra hay không được nói ra.

Musa hôn lên đầu cô.

“Chúng không biết chúng đã làm gì đâu. Thật sự là chúng không hề biết.”

Rồi đến lúc anh phải đi.

“*Babajaaria*, nghe kỹ đây. Khi về lại Delhi em tuyệt không được ở một mình. Như vậy quá nguy hiểm. Ở với bạn bè... có lẽ là Naga. Em sẽ giận anh vì nói thế này - nhưng hoặc là lấy chồng hoặc về với mẹ em. Em cần vỏ bọc. ít nhất cũng một thời gian. Cho đến khi bọn anh lo liệu xong Rái cá. Bọn anh sẽ thắng cuộc chiến này, và rồi ta sẽ bên nhau, em với anh. Anh sẽ trùm hijab - dù em trông rất đáng yêu trong cái này - còn em có thể cầm vũ khí. OK?”

“OK.”

Tất nhiên chuyện không diễn ra như vậy.

Trước khi đi Musa trao cho Tilo một phong thư dán kín.

“Đừng mở ra lúc này. *Khuda hafiz*.”

Phải hai năm sau cô mới gặp lại anh.



Mặt trời vẫn chưa lặn khi Khadija và Tilo đến Mazar-e-Shohadda. Mộ thủ lĩnh Gulrez nổi bật giữa những ngôi mộ khác. Một khung tre nhỏ đã dựng lên bên trên. Nó được trang hoàng dây kim tuyến vàng bạc và một lá cờ xanh lá. Đền thờ tạm thời cho một chiến sĩ tự do yêu quý đã cống hiến hôm nay cho ngày mai của dân mình. Một người đàn ông nước mắt ràn rụa trên má đứng nhìn nó cách một quãng.

“Ông ấy là cựu chiến binh,” Khadija nói lí nhí. “Ông ấy ngồi tù nhiều năm. Tội nghiệp, ông khóc nhăm người rồi.”

“Có lẽ không phải đâu,” Tilo đáp lại. “Cả thế giới nên khóc thương Gul-kak.”

Họ rải cánh hồng lên mộ Gul-kak và thắp một ngọn nến. Khadija tìm được mộ của Arifa và Miss Jebeen đệ nhất, và cũng làm vậy cho họ. Chị đọc câu khắc trên bia mộ của Miss Jebeen cho Tilo:

MISS JEBEEN

2/1/1992 - 22/12/1995

Con gái yêu của Arifa và Musa Yeswi

Và một câu gần như khuất bên dưới:

Akh daleela warm

Yeth manz ne kahn balai aasi

Noa aes sa kunni junglas manz roazaan

Khadija dịch ra cho Tilo, nhưng không ai hiểu thực sự nó nghĩa là sao.

Mấy câu cuối trong bài thơ của Mandelstam cô đọc với Musa (và ước gì mình đã không đọc) không mời mà lửng lơ hiện về trong óc Tilo.

*Cái chết sạch hơn, bất hạnh mặn hơn,
Đất cũng thật hơn, khủng khiếp hơn.*

Họ quay về Ahdoos. Khadija không chịu quay đi cho đến khi thấy Tilo đã về phòng. Khi Khadija đi rồi, Tilo gọi cho Naga để báo mình đã về và cô sẽ đi ngủ. Chẳng hiểu vì lý do gì, cô tụng một câu cầu nguyện ngắn (không với vị thần nào cô biết) trước khi mở phong thư Musa trao.

Bên trong có một toa thuốc bác sĩ kê thuốc nhỏ tai và bức hình Gul-kak. Anh ta mặc áo sơ mi ka-ki, quần trang và *ủng asal* của Musa, tươi cười vào máy ảnh. Anh ta có băng gài đạn da đẹp để vắt qua hai vai, một bao súng lục bên hông. Anh ta được vũ trang đầy mình. Trong mỗi khoen đạn da có một trái ớt xanh. Cài trong bao súng là một củ cải trắng lá mọng nước, tươi rói.

Ở mặt sau tấm hình Musa viết: *Thủ lĩnh Gulrez yêu quý của chúng ta.*

Nửa đêm, Tilo gõ cửa phòng Naga. Anh mở cửa và vòng tay quanh người cô. Họ qua đêm với nhau trên cơ sở thuận thế tục.



Tilo đã bắt cắn.

Cô từ thung lũng chết về mang theo một sự sống nhỏ nhoi.

Cô và Naga cưới nhau được hai tháng thì cô phát hiện mình có thai. Đám cưới của họ vẫn chưa qua cái gọi là “động phòng”. Nên trong óc cô không có gì nghi ngờ trong chuyện ai là cha đứa bé. Cô tính đi đến cùng. Sao lại không? Gulrez nếu là con trai. Jebeen nếu là con gái. Cô không thể thấy mình là người mẹ cũng như cô không thể thấy mình là cô dâu - dù cô *đã* là cô dâu. Cô đã làm vậy và sống sót. Vậy nên chuyện này sao lại không được?

Quyết định cuối cùng của cô không liên quan gì đến tình cảm cô dành cho Naga hay tình yêu của cô đối với Musa. Nó xuất phát từ một chốn ban sơ hơn. Cô sợ rằng sinh linh nhỏ bé cô tạo ra cũng sẽ phải băng qua đại dương đầy loài cá lạ lùng và nguy hiểm mà cô đã phải vượt qua trong mối quan hệ với mẹ. Cô không tin tưởng rằng mình sẽ là người mẹ tốt hơn Maryam Ipe. Đánh giá bằng con mắt tinh tường về chính mình thì cô sẽ là người mẹ còn tệ hơn nhiều. Cô không mong bắt một đứa con chịu đựng mình. Cô cũng không mong bắt thế giới gánh một bản sao của mình.

Tiền là một vấn đề. Cô có một ít nhưng không nhiều. Cô đã bị đuổi việc vì vắng mặt quá nhiều, lại chưa có việc mới. Cô không muốn mở miệng hỏi tiền Naga. Thế nên cô đến

bệnh viện nhà nước.

Phòng chờ đầy những phụ nữ quần trí bị chồng ném ra khỏi nhà vì không thể thụ thai. Họ đến đó để làm xét nghiệm thụ tinh. Khi đám đàn bà biết ra rằng Tilo đến đó để làm cái gọi là MTP - phá thai - họ không giấu nổi sự thù địch và khinh ghét. Các bác sĩ cũng không tán thành. Cô hững hờ nghe họ giảng giải. Khi cô nói rõ rằng cô sẽ không đổi ý, họ nói sẽ không gây mê cho cô trừ phi có ai với cô để ký giấy chấp thuận, tốt hơn cả là cha của đứa bé. Cô nói họ cứ làm đi không cần thuốc mê. Cô ngất đi vì đau và tỉnh dậy trong phòng bệnh chung. Có người nữa nằm với cô trong giường. Một đứa trẻ, bị rối loạn thận, gào thét đau đớn. Giường nào cũng có hơn một bệnh nhân. Bệnh nhân trên sàn nhà, hầu hết khách hay thân nhân bu đên quanh họ trông cũng ốm yếu như vậy. Các bác sĩ, y tá tất bật len lỏi qua cảnh hỗn loạn. Giống như phòng bệnh thời chiến. Ngoại trừ ở Delhi không có cuộc chiến tranh nào ngoài cuộc chiến thường lệ - cuộc chiến người giàu chống lại người nghèo.

Tilo đứng lên loạng choạng ra khỏi phòng bệnh. Cô lạc lối giữa các dãy hành lang bệnh viện bẩn thỉu và chật như nêm người bệnh cùng người chờ chết. Dưới tầng trệt, cô hỏi một người đàn ông nhỏ thó có bắt tay đường như thuộc về ai khác chỉ cho cô lối ra. Lối ra ông chỉ cho cô dẫn cô ra sau lưng bệnh viện. Đến nhà xác, và xa hơn, đến nghĩa địa Hồi giáo hoang tàn dường như đã bị bỏ phế.

Bầy doi quạ treo mình trên cành cây cổ thụ to, như những lá cờ đen rủ rượi sau một cuộc biểu tình. Quanh đó không có ai. Tilo ngồi trên một ngôi mộ đổ nát, cố định hướng cho mình.

Một người đàn ông gầy, hói, mặc áo chèn phục vụ đồ thăm lách cách đi vào trên chiếc xe đạp cũ. Anh ta có một bó cúc vạn thọ nhét trên yên sau. Anh ta rẽ đường đến một nấm mộ với hoa và chổi quét bụi. Quét xong, anh ta đặt hoa lên, đứng lặng một lát rồi hối hả đạp đi.

Tilo bước lại chỗ nấm mộ. Nó là mộ duy nhất, theo như cô thấy, trên mộ chỉ có khắc tiếng Anh. Đó là mộ của Begum Renata Mumtaz Madam, vũ nữ múa bụng người Romania từ giã cõi đời vì trái tim tan nát.

Người đàn ông là Roshan Lal trong ngày nghỉ làm ở quán bar Nụ Hồng. Mười bảy năm sau Tilo sẽ gặp anh ta, khi cô trở lại nghĩa địa với Miss Jebeen đệ nhị. Tất nhiên cô sẽ không sao nhận ra anh ta. Cô cũng sẽ không nhận ra nghĩa địa, vì đến lúc đó, nó không còn là một nơi hoang phế cho những người đã khuất bị lãng quên.

Khi Roshan Lal đi rồi, Tilo nằm xuống trên mộ Begum Renata Mumtaz Madam. Cô khóc một chút rồi ngủ thiếp đi. Khi thức dậy cô cảm thấy đã sẵn sàng hơn để về nhà mà đối mặt với phần đời còn lại.

Phần đời đó bao gồm bữa ăn dưới nhà, ít nhất mỗi tuần một lần, với ông Đại sứ Shivashankar và phu nhân, quan điểm của họ về hầu như mọi thứ, kể cả Kashmir, khiến tay

Tilo run rẩy và dao dĩa lách cách trên đĩa.

Cái ngu muội của đất liền đang tăng tốc với nhịp độ chưa từng có, mà nó còn chẳng cần một quân đội chiếm đóng.

Rồi còn có chuyện các mùa đổi thay. “Đây cũng là một hành trình,” M. nói, “và họ không thể lấy của ta được.”

NADEZHDA MANDELSTAM

10 BỘ TỐT CÙNG HẠNH PHÚC

Tiếng đồn lan nhanh trong các khu xóm nghèo hơn rằng một phụ nữ thông minh đã dọn đến nghĩa địa. Cha mẹ trong vùng lũ lượt kéo đến ghi danh cho con vào học các lớp Tilo mở ở nhà trọ Jannat. Học trò gọi cô là bà Tilo và thỉnh thoảng là Ustaniji (cô giáo, trong tiếng Urdu). Mặc dù cô nhớ cái tiếng hát buổi sáng của bọn trẻ trong trường đối diện căn hộ mình, cô không dạy học trò mình hát bài *Chúng ta sẽ chiến thắng* bằng thứ tiếng nào cả, vì cô không chắc chiến thắng đã hiện ra ở đường chân trời của ai chưa. Nhưng cô dạy chúng số học, vẽ, đồ họa (trên ba cái máy tính để bàn cũ mua bằng học phí tối thiểu cô thu), một chút khoa học thường thức, tiếng Anh và tính lập dị. Cô học ở chúng tiếng Urdu và cái gì đó về nghệ thuật hạnh phúc. Cô làm suốt ngày dài, và lần đầu tiên trong đời, ngủ trọn đêm. (Miss Jebeen đệ nhị ngủ với Anjum.) Mỗi ngày qua, đầu óc Tilo lại có cảm giác đỡ giống như một thứ “đồ vớt” của Musa hơn. Đã đành cứ cách ngày lại lên kế hoạch, cô vẫn chưa đến căn hộ kể từ khi bỏ đi. Ngay cả sau khi nhận tin Garson Hobart nhờ Anjum với Saddam nhắn lại khi họ tới (vì tò mò muốn thấy người đàn bà kỳ lạ đã nhảy dù xuống đời họ sống ở đâu và ra sao) để lấy vài món đồ của cô. Tilo

tiếp tục trả tiền thuê nhà vào tài khoản của anh, mà cô nghĩ là phải đạo cho đến chừng nào cô dọn hết đồ đi. Khi vài tháng trôi qua mà không có tin tức gì của Musa, cô nhắn lại một lời với người bán trái cây đã đem “đồ vót” của anh đến cho cô. Nhưng cô vẫn chưa nghe tin anh. Vậy mà, cái gánh nặng lo sợ thường trực cô đã mang theo bao năm - là bỗng hay tin Musa chết - nhẹ đi phần nào. Không phải vì cô yêu anh ít đi, mà vì những thiên thần tả tơi trong nghĩa địa trông chừng những người tan nát của chúng để mở cửa giữa hai thế giới (trái phép, chỉ một khe), để linh hồn người có mặt và người đã khuất được trộn lẫn, như khách ở cùng bữa tiệc. Điều đó làm cho đời sống đỡ hạn hẹp và cái chết đỡ chung cuộc. Không hiểu sao mọi thứ trở nên dễ chịu hơn một chút.

Được thành công và tiếng tăm của mấy lớp dạy kèm của Tilo khích lệ, thầy Hameed lại một lần nữa khởi sự dạy nhạc cho những học sinh ông thấy là có triển vọng. Anjum dự các lớp này như thể chúng là tiếng gọi đến giờ cầu nguyện. Chị vẫn không chịu hát, nhưng ngâm nga như chị từng làm khi cố bắt Zainab Chuột Gộc học hát. Lấy cớ giúp Anjum với Tilo trông nom Miss Jebeen đệ nhị (con bé đang lớn nhanh như thổi, trở nên hư và được nuông chiều quá mức), Zainab bắt đầu ở lại cả buổi chiều, buổi tối và đôi khi cả ban đêm trong nghĩa địa. Lý do thực - không ai là không biết - là chuyện tình gây choáng váng của cô với Saddam Hussain. Cô đã tốt nghiệp trường Bách khoa và thành một

nhà thiết kế thời trang nho nhỏ mập lùn may quần áo phụ nữ theo đơn đặt hàng. Cô thừa hưởng mọi tạp chí thời trang cũ của Nimmo Gorakhpuri cũng như mấy đồ uốn tóc và mỹ phẩm đã để sẵn trong phòng Tilo để chào mừng khi cô mới tới. Lời tỏ tình đầu tiên, không nói ra của Saddam là để Zainab đùa giỡn sơn móng tay, móng chân cho anh đỏ choét, cả hai cứ cười rúc rích. Anh không tẩy sơn đi mà cứ để cho đến chúng tự tróc ra.

Zainab và Saddam, hai người đã biến nghĩa địa thành một sở thú - một Thuyền Noah cho thú bị thương. Có một con công còn nhỏ không bay được, rồi một con công mái, có lẽ mẹ nó, không chịu rời xa. Có ba con bò già ngủ cả ngày. Một hôm Zainab đi xe lam tới với vài cái lồng đầy nhóc ba chục con vẹt đuôi dài được nhuộm màu chói lố bịch. Cô mua chúng trong cơn giận dữ từ một người bán chim xếp mấy lồng trên yên sau xe đạp đi bán dạo ở cổ thành. Bị nhuộm màu vậy rồi, không thả chúng được, Saddam nói, vì chúng sẽ thu hút thú ăn thịt ngay lập tức. Thế là anh làm cho chúng cái lồng cao, thoáng khí, rộng bằng bề ngang hai ngôi mộ. Lũ vẹt vẹt qua vẹt lại trong lồng, sáng rực trong đêm như những con đom đóm to. Một con rùa nhỏ xíu - một con thú cưng bị bỏ rơi - mà Saddam bắt gặp trong công viên, cọng cỏ ba lá xỏ một bên mũi, giờ đắm mình trong vũng bùn riêng trên sân thượng. Ngựa cái Payal có một con lừa què làm bạn. Chú ta được gọi là Mahesh vì lý do gì không ai biết. Biroo đang già đi, nhưng

con cháu của nó với đồng chí Laali đã đông đúc thêm, đi ngúc ngắc khắp nơi. Vài con mèo đến rồi đi. Cũng như khách nhân trong nhà trọ Jannat.

Vườn rau đằng sau nhà trọ cũng đang tươi tốt lên, đất trong nghĩa địa tự nó là một hỗn phân trộn có nguồn gốc từ xa xưa. Dù không ai đặc biệt thích ăn rau (Zainab lại càng không), họ cũng trồng cà tím, đậu, ớt, cà chua, và vài loại bầu, tất cả, mặc cho khói bụi từ xe cộ như nệm trên các đường giáp ranh nghĩa địa, thu hút nhiều loài bướm. Một số tên nghiện có khả năng lao động được tuyển mộ để giúp chăm lo vườn tược và bày thú. Dường như việc đó đem lại cho họ chút khuây khỏa tạm thời.

Anjum nêu ra ý là nhà trọ Jannat nên có một hồ bơi. “Sao không được?” Chị nói. “Sao chỉ người giàu mới có hồ bơi? Còn ta thì không được?” Khi Saddam chỉ ra rằng nước là yếu tố chính trong hồ bơi và thiếu nó có thể là vấn đề, chị nói người nghèo sẽ quý một hồ bơi ngay cả khi không có nước. Chị cho đào một cái, sâu vài mét, cỡ bằng bể nước lớn, và cho lát gạch men phòng tắm màu xanh lam. Chị nói đúng. Mọi người quý nó thật. Họ đến xem rồi cầu nguyện cho cái ngày (*Insha’Allah, Insha Allah*) nó sẽ đầy nước trong xanh.

Nói chung, với một Bể bơi Nhân dân, Sở thú Nhân dân và một Trường học Nhân dân, mọi chuyện đang diễn ra tốt đẹp trong khu nghĩa địa lâu đời. Thế nhưng không thể nói như vậy với ngoài đời.

D.D. Gupta bạn cũ của Anjum đã từ Baghdad về, hay phần còn lại của nó, cùng những câu chuyện kinh khủng về chiến tranh và tàn sát, ném bom và giết chóc - của cả một vùng đã một cách cố ý và có hệ thống bị biến thành địa ngục trần gian. Ông mừng là còn sống và có mái nhà mà quay về. Ông chẳng còn ham tường gia cố nữa, hay kiểu kinh doanh nào cũng vậy, nên sung sướng thấy con ma bơ vơ, tàn tạ mà ông chia tay ngày ông đi Iraq đã tươi thắm và phát đạt. Ông với Anjum ngồi hàng giờ bên nhau, chém gió, xem mấy phim Ấn cũ trên truyền hình, trông coi các kế hoạch mở mang xây cất mới (chính ông trông coi xây hồ bơi), về phần mình, bà Gupta cũng đã xa lìa tình yêu trần tục mà dành hết thời gian cho thần Krishna trong phòng thờ.

Địa ngục cũng đang bủa vây trên mặt trận trong nước. Gujarat ka Lalla thắng áp đảo và thành tân Thủ tướng. Thiên hạ tôn thờ ông, đền đài mà ông là thần quản hạt bắt đầu mọc lên trong các thị trấn nhỏ. Một người hâm mộ tặng ông một bộ đồ kẻ sọc bằng vải dệt chữ *LallaLallaLalla*. Ông mặc nó để đón các nguyên thủ quốc gia đến thăm. Mỗi tuần ông nói chuyện trực tiếp với quốc dân bằng một bài phát thanh cảm động. Ông truyền bá thông điệp Sạch sẽ, Thanh tịnh và Hi sinh cho Quốc gia, hoặc là với một truyện ngụ ngôn, một chuyện kể dân gian, hay một sắc lệnh nào đó. Ông phổ cập tập yoga đại chúng trong các công viên cộng đồng. ít nhất mỗi tháng một lần, ông thăm một khu

dân cư nghèo và thân chinh quét đường. Khi danh tiếng nổi như cồn, ông trở nên hoang tưởng và kín kẽ. Ông không tin tưởng ai và không tìm lời khuyên. Ông sống một mình, ăn một mình, không bao giờ giao du. Để bảo vệ tính mạng, ông thuê người nếm thức ăn và cận vệ từ các nước khác. Ông có những thông báo kịch tính và những quyết định quyết liệt có ảnh hưởng sâu rộng.

Tổ chức đã đưa ông lên nắm quyền có cái nhìn lơ mờ về sùng bái cá nhân và cái nhìn tầm xa về lịch sử. Nó tiếp tục ủng hộ ông, nhưng bắt đầu âm thầm chuẩn bị cho người kế tục.

Lũ vẹt đuôi dài vàng nghệ bấy nay chờ thời được xõ lỏng. Chúng sà vào các sân trường đại học và tòa án, cắt ngang các buổi hòa nhạc, phá phách sảnh chiếu phim và đốt sách. Một ủy ban giáo dục vẹt đuôi dài được lập nên để hợp thức hóa quá trình biến lịch sử thành thần thoại học và thần thoại học thành lịch sử. Màn diễn Âm thanh và Ánh sáng ở Pháo Đài Đỏ được đưa vào hội thảo để xem xét lại. Chẳng mấy chốc, hàng thế kỷ cai trị Hồi giáo sẽ bị tước sạch thơ ca, âm nhạc, kiến trúc và đổ sụp theo tiếng giáo gươm khua và một tiếng kêu xung trận rộn người chỉ lâu hơn tiếng cười khúc khích khùng khục mà sư phụ Kulsoom Bi từng khắp khởi chờ một chút. Thời gian còn lại thì câu chuyện về vinh quang Ấn giáo sẽ chiếm trọn. Như mọi khi, lịch sử thường là cái hé lộ tương lai cũng chẳng khác nào một tìm hiểu quá khứ.

Từng toán nhỏ côn đồ, tự xưng là “người bảo vệ tín ngưỡng Ấn”, lùng sục làng mạc, giành lấy giành để từng lợi thế có thể. Các chính trị gia tham vọng nỗ lực sự nghiệp bằng cách tự quay phim mình có những bài phát biểu hằn học hay đánh đập người Hồi giáo rồi tải video lên YouTube. Mọi cuộc hành hương và lễ hội Ấn giáo đều biến thành một diễn hành mừng chiến thắng đầy khiêu khích. Các đội hộ tống có vũ trang ngồi xe tải và mô tô chạy theo bên cạnh người hành hương và người ăn mừng, tìm cách gây sự trong các khu xóm yên bình. Thay cho lá cờ vàng nghệ, giờ đây chúng kiêu hãnh phát ngọn quốc kỳ - một chước chúng học được ở ông Aggarwal cùng bùa may béo phệ theo Gandhi của ông ở Jantar Mantar.

Bò thiêng trở thành quốc huy. Chính phủ hậu thuẫn các cuộc vận động khuyến khích dùng nước đái bò (làm nước uống cũng như bột giặt). Tin tức từ các đồn lũy của Lalla lọt về là những người bị tố ăn thịt bò hay giết mổ bò bị đánh roi trước công chúng và thường bị hành hình.

Nhờ kinh nghiệm gần đây ở Iraq, ông D.D. Gupta từng trải có phán đoán sáng suốt về mọi hoạt động này là rồi đây nó sẽ tạo ra một thị trường cho tường gia cố.

Một kỳ cuối tuần, Nimmo Gorakhpuri đến chơi với một bản tường thuật tỉ mỉ câu chuyện truyền lại đến tai người thứ tư (theo đúng nghĩa đen) là người bà con của bạn một hàng xóm bị một đám đông đánh chết trước mặt gia đình anh ta vì họ tố anh ta là giết và ăn thịt bò.

“Tốt nhất là mọi người đuổi hết mấy con bò già này đi,” chị nói. “Nếu chúng chết ở đây - không phải nếu, mà *khi* chúng chết - tội nó sẽ nói mọi người giết chúng và sẽ tiêu cả đám. Chắc giờ tội nó đã để mắt đến nhà này rồi. Đạo này tội nó làm vậy đó. Tội nó tố ta ăn thịt bò rồi chiếm nhà chiếm đất và tống ta tới trại tị nạn. Vấn đề là tài sản, không phải bò. Mọi người phải hết sức cẩn thận.”

“Cẩn thận cách nào đây?” Saddam gào lên. “Cách duy nhất để cẩn thận với lũ khốn này là không tồn tại nữa! Nếu chúng muốn giết ta thì chúng sẽ giết, dù ta có cẩn thận hay không, ta có giết bò hay không, thậm chí ta có để mắt đến nó hay không.” Đó là lần đầu tiên có ai nghe anh nổi nóng. Ai cũng thấy sững sốt. Không ai biết câu chuyện của anh. Anjum không nói cho ai hay. Là người giữ bí mật thì chị đúng là đẳng cấp Olympic.

Vào ngày Độc lập, theo cái đã thành lệ, Saddam ngồi cạnh Anjum trên ghế xe hơi bọc da đỏ mà đeo kính râm. Anh đổi kênh giữa bài phát biểu hiếu chiến của Gujarat ka Lalla tại Pháo Đài Đỏ và một đám biểu tình đông đảo quần chúng ở Gujarat. Hàng nghìn người, chủ yếu là tầng lớp Dalit, đã tụ tập trong quận gọi là Una để phản đối đánh roi trước công chúng năm người Dalit bị chặn giữa đường vì họ có xác một con bò trong xe thu gom. Họ không giết con bò. Họ chỉ đi thu gom xác, như cha của Saddam đã làm nhiều năm về trước. Không chịu được sự sỉ nhục xảy ra với họ, cả năm người đã cố tự sát. Một người đã thành công. “Đầu

tiên chúng cố khử người Hồi giáo và Cơ Đốc giáo. Giờ thì chúng sang đến người Chamar,” Anjum nói.

“Ngược lại thì có,” Saddam nói. Anh không giải thích mình muốn nói gì, nhưng trông hồi hộp khi hết người này đến người khác phát biểu ở buổi biểu tình thể rằng họ sẽ không bao giờ đi thu gom xác bò cho người Ấn đẳng cấp cao nữa.

Cái không được lên truyền hình là từng toán côn đồ đã vào vị trí trên các xa lộ chạy từ địa điểm tụ tập, chờ nhắm vào người biểu tình khi họ giải tán.

Lệ xem truyền hình ngày Độc lập của Anjum và Saddam bị gián đoạn vì những tiếng la hét điên loạn của Zainab đang phoi đồ bên ngoài. Saddam phóng ra, theo sau là một Anjum lo lắng, chậm chạp hơn. Phải mất một lúc họ mới tin được cái mình thấy là thật chứ không phải bóng ma. Zainab, cái nhìn hướng lên trời, chết khiếp.

Một con quạ im phắc lơ lửng giữa không trung, một bên cánh xòe ra như cái quạt. Một Chúa Ki Tô có lông vũ, rũ qua một bên, trên một thánh giá vô hình. Bầu trời đầy đặc hàng nghìn con quạ đồng bạn sà thấp, náo động, tiếng chúng kêu quàng quạc quẩn trí làm át hết mọi âm thanh khác của thành phố. Bên trên chúng ở tầng cao hơn, những con diều hâu lặng lẽ lượn vòng, có lẽ là tò mò, nhưng bí hiểm. Con quạ bị đóng đinh thập giá hoàn toàn bất động. Rất nhanh một đám nhỏ người tụ lại xem diễn tiến, để sợ

muốn chết, để răn bảo nhau ý nghĩa thần bí của bầy quạ chết lặng, và bàn về thực tính của những nỗi kinh hoàng mà cái đêm gở này, cái lời nguyên rùng rợn này, sẽ giáng xuống họ.

Chuyện xảy ra không có gì kỳ bí. Lông cánh con quạ đã bị vướng rách toạc khi nó đang bay vào một sợi dây điều không thấy được giăng ngang cành mấy cây đa già trong nghĩa địa. Thủ phạm - một con điều giấy màu tím - ló nhìn biết lỗi qua một tàn cây. Sợi dây, một nhãn hiệu Trung Quốc mới toanh bỗng đâu tràn ngập thị trường, được làm bằng nhựa trong suốt, chắc chắn, phủ lớp thủy tinh vụn. Những người đua điều ngày Độc lập dùng nó để “cửa” dây điều của nhau, và hạ điều của người khác xuống. Nó đã gây ra một số tai nạn thảm khốc trong thành phố.

Mới đầu con quạ vùng vẫy, nhưng dường như nhận ra rằng mỗi khi nó động đây, sợi dây lại cửa sâu hơn vào cánh nó. Nên nó giữ yên, nhìn xuống bằng con mắt sáng ngơ ngác trong cái đầu nghiêng xuống những người tụ tập bên dưới. Mỗi phút trôi qua bầu trời lại dày đặc hơn những con quạ khổ sở, cuống cuống.

Saddam, đã chạy vội đi sau khi đánh giá tình hình, quay lại với một sợi dây thừng dài làm từ vài khúc dây gói bưu phẩm và dây phơi đồ cột gút với nhau. Anh cột hòn đá vào một đầu và, nheo nheo mắt nhìn lên mặt trời qua cặp kính râm, liệng hòn đá lên trời, dùng trực giác để căn quỹ đạo của sợi dây điều vô hình, hi vọng vòng được sợi dây qua sợi

dây điều và kéo xuống cùng sức nặng của hòn đá. Mất vài lần thử và vài lần thay hòn đá khác (nó phải đủ nhẹ để xoáy cao lên trời, và đủ nặng để thành đường cong qua sợi dây và kéo nó qua tàn lá nó bị mắc vào) rồi anh mới làm được. Khi cuối cùng anh cũng làm được, sợi dây điều rơi xuống đất. Con quạ ban đầu cũng rơi xuống theo, và rồi, như có phép lạ, bay đi. Bầu trời nhẹ hẫng lên, tiếng quạ kêu xa dần.

Tình trạng bình thường đã được ban bố.

Với những người đứng xem trong nghĩa địa có tư chất phi lý trí và thiếu khoa học (có nghĩa là tất cả họ, kể cả Ustaniji), rõ ràng một sự khải huyền đã được đẩy lùi và thay vào đó họ được ban phúc lành.

Người Hùng của Khoảnh Khắc được chào mừng, ôm chầm và hôn hít.

Không phải là người bỏ lỡ một cơ hội như vậy, Saddam quyết định rằng Thời Khắc của anh là Đây.



Khuya hôm đó anh đến phòng Anjum. Chị đang nằm nghiêng, nhóm người trên cùi chỏ, dịu dàng nhìn xuống Miss Jebeen đệ nhị, đang ngủ say. (Giai đoạn đọc truyện không phù hợp trước lúc ngủ vẫn chưa đến.)

“Thử nghĩ xem,” chị nói, “nếu không nhờ ân sủng của Thượng Đế, lúc này đây sinh linh bé nhỏ này đã ở trong

một trại trẻ mồ côi nào đó của Chính phủ rồi.”

Saddam tính kỹ một khoảnh khắc im lặng lễ phép rồi mới long trọng xin chị cho phép cưới Zainab. Anjum đáp lại có hơi chua cay, không nhìn lên, nỗi đau ngày xưa bỗng hiện về.

“Sao lại hỏi tôi? Hỏi Saeeda ấy. Chị ta mới là mẹ nó.”

“Tôi có biết câu chuyện. Vì vậy tôi mới hỏi chị.”

Anjum vừa lòng, nhưng không để lộ ra. Thay vì vậy chị chăm soi nhìn Saddam từ đầu xuống chân như thể anh là người dung.

“Nói tôi nghe thử một lý do tại sao Zainab lại phải cưới một người đang chờ để phạm tội và rồi bị treo cổ như Saddam Hussein của Iraq?”

“*Arre yaar*, chuyện đó qua rồi. Qua rồi. Dân tôi đã nổi dậy.” Saddam lấy điện thoại di động ra và kéo đoạn video hành quyết Saddam Hussein lên. “Này, nhìn đi. Giờ tôi xóa nó, ngay trước mặt chị. Thấy chưa, mất rồi. Tôi không cần nó nữa. Giờ tôi có một cái mới rồi. Nhìn đi.”

Khi nhòm người trên giường và cút két sang tư thế ngồi, Anjum lăm bầm hiên lành trong miệng, “*Ya Allah!* Tôi đã phạm tội gì mà phải chịu đựng cái gã tâm thần này?” Chị đeo kính lão vào.

Video mới Saddam cho chị xem bắt đầu bằng một hình chụp vài xe tải gỉ sét đậu trong sân một nhà nghỉ trường giả kiểu thuộc địa xưa - văn phòng của một viên thu thuế quận trong vùng ở Gujarat. Các xe tải chất đồng xác và

xương bò lâu ngày. Đám thanh niên Dalit thịnh nộ đã dỡ xác chết xuống rồi liệng vào hiên sâu hút, có hàng cột của nhà nghỉ. Họ để lại một hàng dài bộ xương bò rùng rợn trên lối xe chạy, để một cái đầu to sụ có sừng trên bàn làm việc của viên thu thuế và vắt bộ xương bò ngoằn ngoèo trên lưng ghế bành xinh xắn của hắn như vải bọc.

Anjum xem video mà trông bàng hoàng, ánh sáng màn hình điện thoại hắt lên cái răng trắng bóc của chị. Rõ ràng đám người đang gào thét, nhưng âm lượng trên điện thoại đã vặn nhỏ để không làm Miss Jebeen thức giấc.

“Họ gào la cái gì vậy? Nó ở Gujarati hả?” Chị hỏi Saddam.

“Mẹ mày! Mày coi chừng mẹ mày!” Saddam thì thầm.

“*Ai hai!* Giờ chúng sẽ làm gì với mấy anh chàng này đây?”

“Tụi nó làm gì được, lũ khốn tội nghiệp đó? Chúng tự chùi dít còn không được nữa. Chúng chôn mẹ chúng còn không được nữa. Tôi chẳng biết chúng sẽ làm được cái gì. Nhưng đó là chuyện của chúng nó, không phải của bọn tôi.”

“Vậy còn bây giờ?” Anjum nói. “Anh xóa video đi rồi... vậy có nghĩa là anh bỏ cái ý giết thẳng cảnh sát chó má đó?” Chị nghe có vẻ thất vọng. Không đồng tình, gần như vậy.

“Giờ tôi không cần giết hắn nữa. Chị xem video rồi đó - dân tôi đã vùng lên! Họ đang đấu tranh! Giờ thì một thẳng

Sehrawat là cái gì với bọn tôi chứ? Chẳng là cái thá gì hết!”

“Anh có mọi quyết định lớn trong đời mình dựa trên mấy video trong điện thoại sao?”

“Bây giờ là vậy đó, *yaar*. Giờ thế giới chỉ là video thôi. Nhưng xem họ làm được gì! Chuyện thật đó. Không phải phim đâu. Họ không phải diễn viên. Chị muốn xem lại không?”

“*Arre*, không dễ vậy đâu. Chúng sẽ đánh đập mấy anh chàng này, mua chuộc họ... dạo này chúng làm vậy... với lại nếu họ bỏ việc của họ, họ sẽ kiếm sống sao đây? Họ sẽ lấy gì ăn? Thôi, ta nghĩ chuyện đó sau. Anh có tấm hình nào tử tế của cha mình không? Ta có thể treo nó lên trong phòng xem ti vi.”

Anjum đang gợi ý treo một tấm hình cha của Saddam bên cạnh chân dung cụ Zakir được trang hoàng những con dùm bằng tiền cứng tô điểm cho phòng để ti vi. Đó là cách chị bằng lòng cho Saddam làm con rể.

Saeeda vui mừng, Zainab sướng rơn. Họ bắt đầu sửa soạn cho lễ cưới. Ai ai cũng được đo để may đồ mới do Zainab thiết kế, kể cả bà Tilo. Một tháng trước lễ cưới Saddam thông báo rằng anh sẽ dẫn gia đình ra ngoài chiêu đãi đặc biệt. Một bất ngờ. Thầy tế Ziauddin già yếu quá không đi được và hôm đó lại là sinh nhật cháu thầy Hameed. Tiến sĩ Azad Bhartiya nói địa điểm đãi tiệc Saddam chọn là trái với nguyên tắc của ông và dù gì ông cũng không ăn. Vậy nên cả nhóm gồm Anjum, Saeeda,

Nimmo Gorakhpuri, Zainab, Tilo, Miss Jebeen đệ nhị và Saddam. Dù có mơ tưởng ngông cuồng nhất cũng không ai có thể thấy trước anh dành cho họ cái gì.

Naresh Kumar, một người bạn của Saddam, là một trong năm tài xế được một nhà tử phú tư bản công nghiệp thuê, ông ta duy trì một tòa nhà như cung điện và một đội xe đắt tiền, dù mỗi tháng ông ta chỉ ở Delhi ba, bốn ngày. Naresh Kumar tới nghĩa địa để đón đoàn người ăn mừng trước đám cưới trong chiếc Mercedes-Benz màu bạc của ông chủ, có ghế bọc da. Zainab ngồi trên chân Saddam đằng trước, còn mọi người khác chen chúc đằng sau. Tilo chưa bao giờ tưởng tượng được mình lại thích đi qua đường sá Delhi trên một chiếc Mercedes. Nhưng điều đó, cô nhanh chóng nhận ra, chỉ là do trí tưởng tượng hạn chế ngặt nghèo của cô. Hành khách kêu ré lên khi chiếc xe tăng tốc. Saddam không chịu nói cho họ biết anh đang đưa họ đi đâu. Khi họ chạy xe qua vùng giáp ranh cổ thành, họ háo hức nhìn ra cửa sổ, hi vọng được bạn bè, người quen nhìn thấy. Khi họ tiến vào Nam Delhi, cái tương phản giữa hành khách và xe họ ngồi thu hút rất nhiều ánh nhìn tò mò và đôi khi là giận dữ. Hơi sợ, họ kéo kính cửa sổ lên. Xe dừng ở một ngã tư cuối đại lộ dài hai bên hàng cây có một tốp hijra ăn diện ngất trời đang ăn xin - đúng nghĩa là ăn xin, nhưng thực ra đang nện rầm rầm lên cửa sổ xe mà đòi tiền. Xe cô dừng lại ở đèn giao thông đều kéo cửa sổ lên. Người ngồi trong xe cố hết sức tránh chạm ánh mắt nhóm hijra. Khi thoáng

thấy chiếc Mercedes bạc, cả bốn hijra, đánh hơi thấy mùi của cải, và họ hi vọng có người nước ngoài ngây thơ, vẫy lấy xe. Họ ngạc nhiên khi cửa sổ hạ xuống còn trước cả khi họ kịp tung chiêu, và Anjum, Saeeda, Nimmo Gorakhpuri nhoẻn cười với họ, xòe ngón tay vỗ kiểu hijra lại với họ. Cuộc chạm trán nhanh chóng biến thành một màn tán gẫu qua vế. Bốn người họ thuộc về gharana nào? Sư phụ của họ là ai? Rồi sư phụ của sư phụ họ? Bốn người cúi khom người qua cửa sổ chiếc Mercedes, cùi chỏ tì trên gờ, mông chống ra khiêu khích xe cộ lưu thông. Khi đèn giao thông chuyển, các xe đằng sau sốt ruột bấm còi. Họ đáp lại bằng một tràng tục tũ đầy sáng tạo. Saddam cho họ một trăm rupee và danh thiếp của anh. Anh mời họ đến dự lễ cưới.

“Mấy chị phải đến đấy nhé!”

Họ nhoẻn cười vẫy chào tạm biệt, đứng đỉnh ưỡn ẹo đi qua xe cộ lưu thông hăm hực. Khi xe họ phóng đi, Saeeda nói rằng vì phẫu thuật chỉnh lại giới tính đang ngày một rẻ hơn, tốt hơn, và mọi người dễ tiếp cận hơn, hijra sẽ sớm biến mất. “Sẽ không ai phải trải qua cái mình đã chịu nữa.”

“Em muốn nói là không còn Ấn-Pakistan nữa á?” Nimmo Gorakhpuri hỏi.

“Cũng không phải tệt cả đâu,” Anjum nói. “Tôi nghĩ bọn mình mà tuyệt chủng thì tiếc quá.”

“Tệt hết,” Nimmo Gorakhpuri nói. “Em quên cái lão bác sĩ lang băm Mukhtar rồi hả? Lão moi của em hết bao nhiêu tiền rồi?”

Chiếc xe lướt đi như quả bong bóng thép qua phố sá rộng hẹp, bằng phẳng và ổ gà, suốt hơn hai tiếng đồng hồ. Họ lướt qua rừng chung cư san sát, qua những công viên giải trí bê tông khổng lồ, những sảnh tiệc cưới thiết kế kỳ lạ và các tượng xi măng sừng sững cao như tòa nhà chọc trời, thần Shiva quấn khố da báo bằng xi măng với rắn hổ mang xi măng quanh cổ và con khỉ Hanuman đồ sộ lù lù bên trên đường xe điện ngầm. Họ chạy qua cây cầu vượt không sao mà đứng đái được rộng như một đồng lúa mì, hai mươi làn xe vun vút chạy trên đó và các tòa tháp bằng thép và kính mọc lên hai bên. Nhưng khi rẽ ra khỏi cầu vượt vào một đường khác, họ thấy rằng thế giới bên dưới cầu vượt lại khác hẳn - một thế giới không được lát đường, không chia làn, không đèn soi, không điều khiển giao thông, hỗn loạn và nguy hiểm, trong đó xe buýt, xe bò, xe xích lô, xe đạp, xe đẩy và người đi bộ chen lấn nhau để sinh tồn. Một kiểu thế giới bay bên trên một kiểu thế giới khác mà cũng chẳng buồn dừng lại hỏi giờ.

Cái bong bóng thép tiếp tục trôi đi, ngang những thị trấn nhà lụp xụp và những đầm lầy công nghiệp mà không khí là làn khói sương nhọt nhọt màu hoa cà, ngang những đường ray tàu hỏa đóng dày cả rác và khu ổ chuột hai bên. Cuối cùng họ tới đích. Rìa. Nơi mà vùng thôn quê đang cố, nhanh chóng, vụng về và bi thảm, biến thành thành phố.

Một trung tâm mua sắm.

Hành khách trong chiếc Mercedes im bất sững sờ khi nó

rẽ vào bãi xe dưới hầm, nhấc ca-pô và ngăn hành lý lên như đưa con gái vén váy, để được kiểm nhanh xem có bom không, và rồi lướt xuống vào tầng hầm đầy kín xe hơi.

Khi họ vào trung tâm mua sắm có mái vòm sáng trưng, Saddam với Zainab trông sung sướng háo hức, hoàn toàn thoải mái trong khung cảnh mới lạ. Một người kia, kể cả Ustaniji, trông như họ vừa bước qua cổng vào một vũ trụ khác. Cuộc tham quan mở màn bằng chút trực trặc - một rắc rối nho nhỏ trên thang cuốn. Anjum không chịu bước lên. Mất cũng cả mười lăm phút để dỗ dành khách lệ. Cuối cùng, trong khi Tilo bế Miss Jebeen đệ nhị thì Saddam đứng cạnh Anjum trên bậc thang quàng tay quanh vai chị, Zainab đứng trên bậc thang bên trên, nhìn mặt chị, nắm cả hai tay chị. Được gia cố như vậy rồi, Anjum lịch xịch đi lên và rú lên *Ai Hai!* như thể chị đang liều mạng sống trong một trò thể thao phiêu lưu mạo hiểm. Khi họ đi loanh quanh mà sững sốt, cố phân biệt ra người mua sắm với các ma-nơ-canh trong tủ kính bày hàng, Nimmo Gorakhpuri là người đầu tiên tỉnh táo lại được. Chị ta nhìn tán thưởng mấy cô gái trẻ mặc quần soóc và váy ngắn, xách những túi mua sắm to và đeo kính râm đẩy lên trên mái tóc sậy phồng, lộng lẫy.

“Thấy chưa, hồi còn trẻ tôi muốn trông thế này đây. Tôi có khiếu thời trang thật mà. Nhưng có ai hiểu đâu. Tôi quá tân tiến so với thời mình.”

Sau một giờ chỉ ngó mà tuyệt không mua gì, họ ăn trưa

trong một gian hàng nhỏ tên Nando. Chủ yếu là những phần tử phục vụ gà rán to tướng. Zainab được phân công trông chừng Nimmo Gorakhpuri, còn Saddam lo cho Anjum, vì hai người họ trước giờ chưa bao giờ đi nhà hàng. Anjum cứ trố mắt nhìn thẳng thừng gia đình bốn người ở bàn bên - một cặp lớn tuổi và một đôi trẻ hơn. Hai phụ nữ, rõ ràng là mẹ và con gái, ăn mặc giống nhau áo cộc vải in không tay và quần dài, mặt đóng dày son phấn. Gã thanh niên, có lẽ chồng chưa cưới của cô gái, chống hai cùi chỏ trên bàn và thường xuyên nhìn xuống ngưỡng mộ hai bắp tay (to sụ) của mình lòi ra khỏi áo thun tay ngắn xanh dương. Chỉ có ông lớn tuổi là có vẻ không được vui. Ông ta len lén liếc nhìn quanh cái cột tường tượng mà ông nấp đằng sau. Cứ ít phút, gia đình lại ngừng câu chuyện, dừng cái cười và chụp selfie - chung với tấm thực đơn, với anh phục vụ, với thức ăn và với nhau. Sau mỗi tấm selfie họ lại chuyển điện thoại cho người khác xem. Họ không để ý gì đến ai khác trong nhà hàng.

Anjum để ý đến họ hơn thức ăn trên đĩa mình nhiều, thứ chị chẳng thấy ấn tượng chút nào. Trả tiền xong, Saddam nhìn quanh bàn với vẻ trịnh trọng:

“Chắc mọi người đều thắc mắc tại sao tôi đưa mọi người đến tận đây.”

“Để cho bọn tôi thấy thiên hạ chứ gì?” Anjum trả lời, cứ như đó là câu hỏi đố trên chương trình truyền hình.

“Không. Để giới thiệu cả nhà với cha tôi. Đây là nơi ông

chết. Ngay đây. Ngay chỗ giờ có tòa nhà này. Trước khi tòa nhà này mọc lên đây là những ngôi làng, bao quanh là đồng lúa mì. Có một đồn cảnh sát... một con đường...”

Saddam bèn kể họ nghe chuyện xảy ra với cha anh. Anh kể họ về chuyện anh thể giết Sehrawat, viên sĩ quan đồn cảnh sát Dulina, và tại sao anh bỏ cái ý đó. Tất cả thay phiên nhau chuyển quanh điện thoại của anh để xem cái video bò chết bị liệng vào nhà nghỉ của viên thu thuế quận.

“Chắc hương hồn ba tôi còn lẫn quất nơi đây, bị kẹt trong chỗ này.”

Ai cũng cố hình dung ông - một người thợ thuộc da ở làng, lạc lối giữa những đèn đuốc sáng trưng, cố tìm đường ra khỏi trung tâm mua sắm.

“Đây là mazar* của ông,” Anjum nói.

“Người Ấn họ không chôn. Họ không có mazar, mẹ lớn à,” Zainab nói.

Chắc nó là mazar của cả thế giới, Tilo nghĩ bụng, nhưng không nói ra. Có lẽ mấy ma-nơ-canh-mua-sắm là hồn ma đang cố mua cái không còn tồn tại nữa.

“Vậy không được,” Anjum nói. “Không thể để chuyện này thế này được. Cha anh phải có một đám tang tử tế.”

“Cha tôi có một đám tang tử tế rồi,” Saddam nói. “Ông được hỏa táng trong làng chúng tôi. Tôi đã châm giàn thiêu hỏa táng ông.”

Anjum chưa chịu. Chị muốn làm thêm cái gì đó cho cha

của Saddam, để hương hồn ông được yên nghỉ. Sau một hồi bàn cãi, họ quyết định sẽ mua một chiếc áo lấy tên ông (như người ta mua khăn quàng ở các đền) rồi chôn nó trong nghĩa địa cũ để con cái của Saddam với Zainab sẽ cảm thấy sự hiện diện của ông nội quanh chúng khi chúng lớn lên.

“Con biết một bài cầu nguyện của đạo Ấn!” Zainab chợt nói. “Con tụng ở đây để tưởng nhớ abbajaan nghe?”

Mọi người đều cúi xuống lắng nghe. Và rồi, ngồi bên bàn trong nhà hàng thức ăn nhanh, như thư tình cho người cha chồng quá cố cũng như tương lai, Zainab tụng chú Gayatri mà Anjum dạy khi cô còn bé con (vì chị tin nó sẽ giúp con bé trong một tình huống có đám đông).

*Om bhur bhuvah svaha
Tai savitur varenyam
Bhargo devasya dhimahi
Dhiyo yo nah pracodayat**



Buổi sáng làm đám tang lần hai cho cha của Saddam Hussain, Tilo bỏ thêm một thứ nữa lên bàn. Nói theo nghĩa đen. Cô đem cái lọ nhỏ đựng tro cốt của mẹ ra và nói cô muốn mẹ cô được chôn trong nghĩa địa củ. Họ quyết định là hôm đó sẽ có hai đám tang. Nếu hỏa táng trong lò thiêu điện ở Cochin mà cũng được tính thì đó cũng là đám tang thứ hai cho Maryam Ipe. Saddam Hussain đào huyệt. Một

áo sơ mi kẻ ô Madras kiểu cách được chôn xuống một huyệt. Một lọ tro trong huyệt kia. Thầy tế Ziauddin chần chừ một chút ở tính phi chính thống của lễ, nhưng cuối cùng cũng bằng lòng đọc kinh. Anjum hỏi Tilo có muốn đọc kinh Cơ Đốc cho mẹ không. Tilo giải thích rằng nhà thờ đã không chịu chôn mẹ cô, nên kinh cầu nào cũng được cả. Khi cô đứng bên mộ mẹ, một câu mà Maryam Ipe đã lặp lại nhiều lần trong những cơn ảo giác ở khu chăm sóc đặc biệt hiện về trong tâm trí cô.

Ta thấy như xung quanh toàn đám lại cái. Có phải vậy không?

Lúc đó dường như nó bất quá chỉ là một trong những tràng thóa mạ đều đều của bà trong khu chăm sóc đặc biệt. Nhưng giờ đây câu đó khiến Tilo rùng mình. *Làm sao mà mẹ biết?* Khi hũ tro đã được chôn xuống và mộ đã lấp đầy đất, Tilo nhắm mắt và đọc thầm đoạn mẹ cô ưa thích trong Shakespeare. Và đúng lúc đó thế giới, vốn đã là một nơi kỳ lạ, thành một nơi còn kỳ lạ hơn:

*Và ngày Crispin từ hôm nay trở đi,
Cho đến ngày tàn thế giới,
Không bao giờ chúng ta bị lãng quên -
Ít người chúng ta, nhóm huynh đệ vui vầy;
Vì kẻ nào hôm nay cùng ta đổ máu
Sẽ là huynh đệ của ta; dù anh ta hèn mọn thế nào,
Ngày hôm nay sẽ khiến anh ta thành cao quý;*

*Còn quý ông nước Anh vẫn còn nằm trên giường
Sẽ nghĩ mình hẩm hiu vì không được ở đây,
Lòng đầy nỗi sợ nếu có ai nói
Họ đã chiến đấu với chúng ta trong ngày Thánh Crispin.*

Cô chưa hề hiểu tại sao mẹ đặc biệt yêu thích khổ thơ đầy nam tính, nghe như của người lính và đầy tính chiến tranh này. Nhưng cô đã hiểu. Khi Tilo mở mắt ra, cô bàng hoàng nhận ra mình đang khóc.



Một tháng sau Zainab với Saddam cưới nhau. Khách khứa đủ mọi thành phần tế tục - các hijra từ khắp Delhi (kể cả mấy người bạn họ mới làm quen ở chỗ đèn giao thông), bạn bè của Zainab, hầu hết là sinh viên thiết kế thời trang, một số học trò của Ustaniji cùng phụ huynh, gia đình cụ Zakir, thêm vài bạn cũ của Saddam Hussain từ đủ mọi nghề anh làm - quét rác, nhân viên nhà xác, tài xế xe rác đô thị, nhân viên bảo vệ. Tiến sĩ Azad Bhartiya, D.D. Gupta và Roshan Lal tất nhiên cũng có mặt. Chú Anwar và mấy cô gái của anh ta cùng thằng con trai đã lớn cồ không còn mang đôi dép Crocs màu hoa cà ở đường GB tới, rồi Ishrat Mỹ nhân - người đóng vai trò ngôi sao trong cuộc giải cứu Miss Jebeen đệ nhị - từ Indore đến. Ông bạn sửa giày của Tilo và Tiến sĩ Azad Bhartiya, người đã vạch khối u phổi của cha mình trên đất, ghé vào một chút. Bác sĩ già Bhagat

cũng đến - vẫn mặc đồ trắng, vẫn đeo đồng hồ trên băng cổ tay. Bác sĩ lang băm Mukhtar thì không được mời. Miss Jebeen đệ nhị được cho ăn mặc như nữ hoàng nhí. Cô đội cái mũ miện mặc váy phồng và mang giày chút chút. Trong mọi quà đồ tới tấp lên đôi trẻ, món họ thích nhất là con dê Nimmo Gorakhpuri tặng. Chị ta đã nhập khẩu riêng con dê đó từ Iran.

Thầy Hameed và các học trò hát.

Mọi người cùng nhảy múa.

Sau đó Anjum dẫn Saddam với Zainab đến Hazrat Sarmad. Tilo, Saeeda và Miss Jebeen đệ nhị cũng đi. Họ len lỏi qua những người bán tinh dầu và bùa, những người giữ giày cho người hành hương, người tàn phế, ăn xin, và lũ dê được vỗ béo cho ngày Eid.

Sáu mươi năm đã trôi qua kể từ ngày bà Jahanara dẫn con trai Aftab đến Hazrat Sarmad và xin ngài dạy bà làm sao để yêu thương nó. Mười lăm năm đã qua từ khi Anjum dẫn Chuột Gộc đến chỗ ngài để trục bùa phép. Hơn một năm từ lần đầu Miss Jebeen đệ nhị đến viếng.

Con trai bà Jahanara đã thành con gái bà, Chuột Gộc thì giờ đã là cô dâu. Nhưng ngoài chuyện đó ra thì không có gì thay đổi mấy. Sàn nhà màu đỏ, tường màu đỏ và trần màu đỏ. Máu của Hazrat Sarmad vẫn chưa được gột sạch.

Một ông gầy đét đội mũ cầu nguyện có sọc như đít ong hai tay khấn khoản dâng tràng hạt lên Sarmad. Một bà gầy nhom mặc sari vải in cột chiếc vòng đỏ vào lan can rồi áp

trán đưa con nhỏ xuống sàn. Tilo cũng làm vậy với Miss Jebeen đệ nhị, nó tưởng đó là một trò chơi vui nên làm thêm nhiều lần hơn mức cần thiết. Zainab với Saddam cột vòng vào lan can và đặt một tấm khăn quàng nhung mới viền kim tuyến lên mộ Hazrat.

Anjum cầu nguyện rồi cầu xin ngài chúc phúc cho đôi trẻ.

Và Sarmad - Hazrat Tột cùng hạnh phúc, vị thánh của những Kẻ chưa khuây khỏa và Niềm khuây khỏa của Kẻ do dự, Kẻ báng bổ trong số Tín đồ và Tín đồ giữa những Kẻ báng bổ - đã chúc phúc.

Ba tuần sau có một đám tang thứ ba trong khu nghĩa địa lâu đời.



Một sáng, Tiến sĩ Azad Bhartiya tới nhà trọ Jannat với một lá thư để gửi cho ông. Nó do một người đàn bà không chịu xưng danh tính trao tận tay ông, nhưng nói lá thư từ rừng Bastar. Anjum không biết chỗ đó là gì và ở đâu. Tiến sĩ Azad giải thích sơ về Bastar, các bộ tộc Adivasi* sống ở đó, các công ty khai thác mỏ muốn đất của họ và du kích Mao phát động chiến tranh chống lại các lực lượng an ninh đang dọn đất cho các công ty. Lá thư được viết bằng tiếng Anh, chữ nhỏ li tí, chi chít. Thư không đề ngày. Tiến sĩ Azad Bhartiya nói nó là từ mẹ ruột của Miss Jebeen đệ nhị.

“Xé đi!” Anjum gầm lên. “À ta rút con mình đi rồi quay

lại đây xưng mình là mẹ ruột nó!” Saddam ngăn chị chồm tới chop lá thư.

“Đừng lo,” Tiến sĩ Azad Bhartiya nói, “chị ta không quay lại đâu.”

Đó là lá thư dài, viết trên cả hai mặt trang với từng đoạn bị gạch đi, câu dính liền nhau như thể bị thiếu giấy. Giữa các trang có vài bông hoa ép đã rã vụn khi giấy được gấp thành viên nhỏ để trao. Tiến sĩ Azad Bhartiya đọc to ra, vừa đọc vừa cố hết mức dịch đại khái. Cử tọa của ông gồm Anjum, Tilo và Saddam Hussain. Và Miss Jebeen đệ nhị, làm đủ trò để phá đám.

Đồng chí Azad Bharathiya Garu thân mến,

Tôi viết thư này cho ông vì trong ba ngày ở Jantar Mantar tôi đã quan sát ông cẩn thận. Nếu có ai biết con tôi giờ ở đâu, tôi nghĩ chắc chỉ một mình ông. Tôi là một người đàn bà Telugu và tôi xin lỗi không biết tiếng Hindi. Tiếng Anh của tôi cũng không tốt. Xin lỗi vì chuyện đó. Tôi là Revathy, làm thường trực cho Đảng Cộng sản Ấn Độ (Mao). Khi ông nhận được thư này thì tôi đã bị giết rồi.

Đến đây, Anjum, đang cúi người tới, nghe say sưa chăm chú, ngã người ra sau, trông nhẹ nhõm thấy rõ. Chị có vẻ đã mất hứng thú. Nhưng dần dà, khi Tiến sĩ Azad Bhartiya đọc tiếp, chị trở nên chăm chú lại và lắng nghe mà không ngắt lời.

Đồng chí Suguna của tôi sẽ biết gửi thư này cho ông khi chị

nghe tin tôi không còn nữa. Như ông cũng biết, chúng tôi là người hoạt động bí mật, bị cấm, và ông có thể gọi lá thư này từ tôi là cực kỳ bí mật, nên sẽ mất ít nhất năm, sáu tuần nó mới tới tay ông qua một kênh an toàn. Sau khi tôi bỏ con lại ở Delhi, lương tâm tôi rất day dứt. Tôi không ngủ nghỉ được. Tôi không muốn nó. Nhưng tôi cũng không muốn nó chịu khổ. Nên nếu ông biết nó ở đâu, tôi muốn kể thẳng thắn với ông đôi chút câu chuyện về nó. Còn lại là do ông quyết định. Tên tôi đặt cho nó là Udaya. Trong tiếng Telugu nó nghĩa là Bình Minh. Tôi đặt cho nó tên này vì nó sinh trong rừng Dandakaranya lúc bình minh. Khi nó chào đời, tôi thật tình thấy căm ghét nó và đã tính giết chết nó. Tôi cảm thấy thật sự nó không phải con tôi. Thật ra nó không phải con tôi. Thật ra nếu ông thấy câu chuyện của nó mà tôi viết đây, tôi không phải mẹ nó. Sông là mẹ nó còn Rừng là cha nó. Đây là câu chuyện của Udaya và Revathy. Tôi, Revathy, xuất thân từ miền đông quận Codmiari ở Andhra Pradesh. Đảng cấp của tôi là Settibalija ở dưới đảng cấp thấp. Tên mẹ tôi là Indumati. Bà tốt nghiệp trung học. Bà cưới cha tôi khi mười tám tuổi. Cha tôi làm trong quân đội. Ông lớn tuổi hơn bà nhiều. Ông gặp bà trong lần nghỉ phép ở nhà và phải lòng vì bà vô cùng xinh đẹp. Sau đám hỏi nhưng trước đám cưới, cha tôi bị tòa án binh đuổi khỏi quân đội vì hút thuốc gần kho vũ khí. Ông về sống trong làng mình nằm bên kia sông Godavari đối diện với làng của mẹ tôi. Gia đình ông cũng cùng đảng cấp, nhưng giàu hơn bên nhà gái. Ngay trong lễ cưới, họ bắt mẹ tôi đứng lên khỏi lều cưới và đòi thêm của hồi môn. Ông ngoại tôi phải chạy đi vay mượn. Chỉ khi đó họ mới bằng lòng và đám cưới tiếp tục. Ngay sau khi cưới, cha tôi mắc chứng trụy lạc và bạo dâm. Ông muốn mẹ tôi mặc váy ngắn và khiêu vũ. Khi bà không chịu thì ông dùng lưỡi dao rạch bà và kêu ca là bà không thỏa mãn ông. Được vài tháng thì ông trả bà về nhà ông ngoại tôi. Khi bà có mang tôi năm tháng thì cậu tôi thuê thuyền đem mẹ về lại làng cha tôi. Bà mặc tấm sari thật đẹp và đeo nữ trang và mang hai lọ bạc đựng bánh kẹo cùng hai mươi lăm cái

sari mới cho mẹ chồng. Cha tôi không có ở nhà. Nhà chồng bà không chịu mở cửa rồi ra đá đổ mấy lọ đồ ngọt đi. Mẹ cảm thấy rất nhục nhã. Trên đường về, giữa sông bà tháo đồ trang sức ra rồi nhảy khỏi thuyền. Lúc đó, tôi nằm thàng trong bụng bà. Người chèo thuyền cứu và đưa bà về nhà. Tôi sinh ra trong nhà ông ngoại. Trong thời gian có mang, bụng mẹ tôi rất to. Bà tưởng sẽ sinh đôi. Da trắng, như bà với chồng. Nhưng tôi ra đời. Tôi đen và nặng cân. Thấy màu da tôi, bà ngất đi suốt hai ngày. Nhưng sau đó, bà không bao giờ rời tôi. Cả làng đều đàm tiếu. Gia đình cha tôi đến để xem tôi đen cỡ nào. Họ có cái định kiến về đẳng cấp và màu da đó. Họ nói tôi không phải người đẳng cấp họ mà là một đứa con gái Mala hay Madiga, không phải một đứa con gái đẳng cấp thấp mà là đẳng cấp cùng đinh. Tôi lớn lên trong nhà ông ngoại. Ông làm chăn nuôi. Ông là người cộng sản. Nhà ông chỉ có mái tranh nhưng có nhiều sách, về già, ông ngoại còn bị lừa. Lúc đó, tôi đi học nên thường đọc cho ông nghe. Tôi thường đọc *Illustrated Weekly*, *Competition Success Review* và *Soviet Bhumi*. Tôi còn đọc truyện *Con cá đen nhỏ*. Chúng tôi có nhiều sách của Nhà xuất bản Nhân dân. Ban đêm, cha tôi thường đến nhà ông ngoại để quấy rầy mẹ. Tôi căm ghét ông. Ban đêm, ông ta đi quanh nhà như con rắn. Bà thường đi theo ông, ông hành hạ cắt rạch bà rồi trở về. Ông lại gọi bà và bà lại đi. Sau đó, ông bắt bà và lại giữ bà ở làng ông một thời gian. Rồi bà lại có mang. Trong làng ông ngoại tôi, đàn bà họ cầu cho đứa thứ hai cũng đen để mẹ được chứng minh là người vợ chung thủy. Họ cúng ba mươi con gà mái đen trong đền cho chuyện này. Phước đức làm sao em trai tôi sinh ra cũng da đen. Nhưng rồi cha tôi lại trả mẹ về rồi cưới một người đàn bà khác. Tôi muốn thành luật sư để cho cha tôi ngồi tù một gông. Nhưng ít lâu sau, tôi chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản và tư tưởng cách mạng. Tôi đọc sách vở về chủ nghĩa cộng sản. Ông ngoại dạy tôi các bài ca cách mạng và chúng tôi thường hát với nhau. Mẹ tôi và bà ngoại hái trộm dưa đem bán để trả học phí cho tôi. Họ mua cho tôi những thứ nho nhỏ

và cho tôi ăn mặc thời thượng nên nhiều anh chàng thích tôi. Đậu trung cấp xong tôi dự thi vào trường y và được tuyển, nhưng nhà tôi không có tiền trả học phí. Nên tôi vào trường Cao đẳng công lập ở Warangal. Ở đó phong trào rất mạnh. Trong rừng, cả ở ngoài nữa. Trong năm đầu, tôi được đồng chí Nirmalakka và đồng chí Laxmi tuyển mộ, họ thường đến các ký túc xá nữ sinh và nói chuyện với đám con gái bọn tôi về sự bóc lột của kẻ thù giai cấp và tình trạng nghèo khổ khủng khiếp ở nước ta. Ngay từ khi còn ở trường cao đẳng, tôi đã làm bán thời gian và làm giao liên cho Đảng. Sau đó tôi làm trong Mahila Sangham - tổ chức phụ nữ, tạo ý thức giai cấp trong các khu ổ chuột và làng mạc. Chúng tôi trở thành một kênh truyền thông cho Đảng trên khắp Telangana. Chúng tôi thường đi xe buýt đến các buổi mít-tinh mang theo các tập sách nhỏ và truyền đơn. Chúng tôi thường múa hát ở các buổi mít-tinh biểu tình. Tôi đọc Marx, Lenin và Mao rồi đâm tin tưởng ở chủ nghĩa Mao.

Lúc đó, tình hình rất nguy hiểm. Tất cả cảnh sát, Rắn hổ mang, Chó săn, cảnh sát Andhra thường có mặt khắp nơi. Hàng trăm người làm cho Đảng bị giết như rạ. Cảnh sát cực kỳ ghét các cán bộ nữ. Đồng chí Nirmalakka, khi bị giết, chúng rạch bụng và moi hết mọi thứ ra. Đồng chí Laxmi cũng không được chết đơn giản, mà bị chúng cắt xẻ, và moi mắt. Có cuộc biểu tình lớn cho chị. Một đồng chí nữa là Padmakka, chúng bắt được và đập nát cả hai đầu gối để chị không đi được và đánh chị đến mức bị tổn thương thận, tổn thương gan, tổn thương rất nhiều. Chị ra tù và giờ làm trong Amarula Bandhu Mithrula Sangathan. Mỗi khi người của Đảng bị giết mà gia đình họ nghèo không đủ tiền đi lấy xác về, chị sẽ đi. Bằng máy kéo, xe Tempo, bất cứ gì, đem xác về cho gia đình lo tang ma và những chuyện như vậy. Năm 2008 tình hình trong rừng còn tồi tệ hơn. Chiến dịch Cuộc Săn Xanh được chính phủ ban bố. Chiến tranh chống lại nhân dân. Hàng nghìn cảnh sát và cánh bán quân sự vào rừng. Giết dân Adivasi, đốt làng. Không người Adivasi

nào ở lại trong nhà hay làng mình được nữa. Đêm lại họ ngủ ngoài trời giữa rừng vì ban đêm cảnh sát ập đến, một trăm tên, hai trăm, đôi khi năm trăm tên cảnh sát. Chúng cướp hết, đốt hết, trộm hết. Gà, dê, tiền. Chúng muốn người Adivasi bỏ rừng để chúng xây một khu luyện thép và mỏ. Hàng nghìn người bị tống giam. Mọi thủ đoạn chính trị này ông có thể đọc bên ngoài. Hay trong tờ tạp chí Bước tiến nhân dân của chúng tôi. Nên tôi sẽ kể ông nghe về Udaya thôi. Vào thời gian có chiến dịch Cuộc Săn Xanh, Đảng kêu gọi gia nhập PLGA-Du kích Giải phóng quân Nhân dân. Lúc đó tôi cùng hai người nữa vào rừng Bastar để được huấn luyện quân sự. Tôi làm ở đó hơn sáu năm. Bên trong nội bộ đôi khi mọi người gọi tôi là đồng chí Maase. Nó nghĩa là cô gái da đen. Tôi thích cái tên này. Nhưng chúng tôi cũng mang nhiều tên khác, tên của nhau. Dù tôi ở trong PLGA, song vì tôi là người phụ nữ có học, Đảng còn giữ tôi cho công việc bên ngoài. Đôi khi tôi phải đi Warangal, Bhadrachalam hay Khammam. Có khi Narayanpur. Đây là nhiệm vụ nguy hiểm nhất, vì giờ đây trong các làng mạc thị trấn có nhiều kẻ chỉ điểm làm việc chống lại chúng tôi. Vì vậy mà một lần khi từ ngoài về, tôi bị bắt ở làng Kudur. Lúc đó, tôi mặc sari, đeo vòng, xách ví, quàng hai chuỗi ngọc trai. Tôi không chống cự được. Việc bắt tôi không được công khai. Tôi bị trói và chụp thuốc mê đưa đến một chỗ nào đó tôi không biết. Khi tôi tỉnh lại thì thấy tối đen. Tôi ở trong căn buồng có hai cửa lớn và hai cửa sổ. Đó là phòng học. Có một tấm bảng đen nhưng không có bàn ghế. Đó là trường công. Mọi trường học trong rừng đều là trại của cảnh sát. Không thầy trò nào đến. Tôi trần truồng. Có sáu cảnh sát xung quanh tôi. Một đứa dùng lưỡi dao rạch da tôi. “Vậy mày nghĩ mày là nữ anh hùng ghê gớm hả?” hấn hỏi tôi. Nếu tôi nhắm mắt lại chúng nó sẽ tát tôi. Hai thằng giữ tay tôi còn hai thằng giữ hai chân. “Bọn tao muốn đưa mày một món quà về cho Đảng mày.” Chúng hút và dí thuốc vào người tôi. “Dân bọn mày kêu to lắm mà! Giờ thì kêu đi xem có chuyện gì!” Tôi nghĩ chúng sẽ giết tôi như Padmakka và Laxmi

nhưng chúng nói “Đừng lo cô Đen, bọn tao sẽ thả mày ra. Mày phải đi mà nói chúng những gì bọn tao đã làm với mày. Mày là nữ anh hùng cỡ bự. Mày cung cấp cho chúng đạn dược, thuốc sốt rét, lương thực, bàn chải đánh răng. Bọn tao biết hết. Mày đã cho bao nhiêu đứa con gái ngây thơ gia nhập Đảng của mày rồi? Mày làm hỏng hết mọi người. Giờ mày đi mà cưới ai đó đi. Yên bề đi. Nhưng trước tiên bọn tao sẽ cho mày chút kinh nghiệm hôn nhân.” Chúng tiếp tục đốt và rạch tôi. Nhưng tôi không kêu la tiếng nào. “Sao mày không gào la? Bọn lãnh đạo vĩ đại của mày sẽ tới cứu mày. Dân mày không gào thét hả?” Rồi một tên cạy miệng tôi ra và một thằng khác nhét dương vật vào miệng tôi. Tôi không thở nổi. Tôi nghĩ mình sẽ chết. Chúng cứ tạt nước vào mặt tôi. Rồi cả bọn hiếp tôi hết lần này đến lần khác. Một đứa là cha của Udaya. Đứa nào, làm sao tôi biết được? Tôi ngất đi. Khi tôi tỉnh lại tôi bị chảy máu khắp người. Cửa để mở. Chúng đứng hút thuốc bên ngoài. Tôi thấy cái sari của mình. Tôi từ từ lấy nó. Cửa sau để mở hờ và bên ngoài là đồng lúa. Chúng thấy tôi chạy, mới đầu chúng chạy theo tôi và tôi ngã xuống nhưng rồi chúng nói, “Thôi bỏ đi, cứ để nó đi.” Đây là cái biết bao phụ nữ trong rừng đã trải qua. Từ đó mà tôi có can đảm. Tôi chạy băng đồng. Chỉ có ánh trăng. Tôi tới được một đường nhựa. Tôi ra đường. Tôi chỉ có tấm sari. Không áo cánh, không áo lót. Tôi cũng cố quần tạm quanh người. Một xe buýt chạy tới. Tôi leo lên. Tôi đi chân trần. Chảy máu. Mặt tôi như quả bí ngô. Miệng sưng vù vì chúng cắn miệng tôi nhiều lần. Xe buýt không có khách. Lơ xe không nói gì. Anh ta không đòi tôi vé. Tôi ngồi gần cửa sổ và ngủ quên vì thuốc mê. Đến Khammam anh ta đánh thức tôi và nói, “Đây là bến cuối rồi”. Tôi xuống xe buýt. Khi nhận ra đó là Khammam thì tôi mừng vì tôi quen một bác sĩ Gowrinath có một phòng khám. Tôi đến đó. Tôi đi như người say. Tôi gõ cửa rồi vợ ông ra mở và hét lên. Tôi ngồi trên giường bà. Tôi trông như người điên. Mọi vết thuốc lá đều sưng tấy, trên mặt tôi, trên ngực, núm vú, bụng. Cả giường bà bê bết máu. Bác sĩ Gowrinath đến sơ cứu cho

tôi. Tôi cứ ngủ mê man vì thuốc mê. Khi tỉnh lại, tôi chỉ ngủ. Tôi chỉ muốn về với các đồng chí trong rừng, Renu, Damayanti, Narmada Akka. Bác sĩ Gowrinath giữ tôi lại mười ngày. Sau đó chúng tôi bắt được liên lạc từ bên trong và tôi về lại rừng. Tôi đi bộ mười hai cây số thì một đội PLGA đến rồi chúng tôi đi bộ thêm năm giờ nữa đến trại có các ủy viên quận. Chỉ huy chính, đồng chí P.K. hỏi tôi chuyện gì xảy ra. Giờ ông không còn nữa. Ông cũng thiệt mạng trong một cuộc đụng độ. Lúc đó tôi kể họ nghe, nhưng tôi khóc lóc nên ông không hiểu gì cả. Đầu tiên ông tưởng tôi kêu ca về một đồng chí trong Đảng. Đồng chí P.K. nói, "Tôi không hiểu những tình cảm vớ vẩn này. Ta là người lính. Cứ kể tôi nghe như báo cáo mà không có cảm xúc gì." Thế nên tôi báo cáo ông nghe. Nhưng tôi khóc mà không biết. Tôi đưa thương tích ra cho các đồng chí nữ khám. Sau đó họ họp hai ngày để xem phải làm gì. Rồi ủy ban lại gọi tôi và nói tôi phải ra ngoài thành lập một "ủy ban Atyachar Vedirekh Revathy" - ủy ban chống cưỡng hiếp Revathy. Ngoài ra tôi còn được giao trách nhiệm một chương trình khác phụ trách khu dân cư ổ chuột có 2.000 dân mà chỉ có hai máy bơm nước tay. Tôi đang rất yếu và tôi phải tổ chức mít-tinh quần chúng để đòi thêm máy bơm. Tôi không tin nổi. Nhưng họ nói tôi phải tự giúp mình. Nhưng tôi không thể ra ngoài vì lúc đó tôi vẫn chưa đi được. Máu vẫn chảy không ngừng. Tôi bị ngất lên ngất xuống. Các vết thương bị nhiễm trùng. Tôi không ra ngoài được. Tôi không thể đi diễu hành với các đội. Lần nữa tôi bị bỏ lại trong một ngôi làng trong rừng. Ba tháng sau tôi đi lại được. Đến lúc đó thì tôi đã có thai. Nhưng tôi không bận tâm. Tôi lại gia nhập PLGA. Nhưng khi Đảng biết chuyện thì họ lần nữa bảo tôi ra ngoài vì đàn bà PLGA bị cấm có con. Tôi ở lại làng trong rừng cho đến khi sinh Udaya. Khi mới thấy mặt nó tôi cảm thấy căm giận lắm. Tôi cảm thấy sáu gã cảnh sát đang dùng lưỡi dao rạch tôi và lấy đầu thuốc lá đốt tôi. Tôi tính chuyện giết chết nó. Tôi kê súng vào đầu nó nhưng không bắn được vì nó là đứa bé nhỏ xíu dễ thương. Lúc đó một chiến dịch lớn đang diễn ra bên

ngoài rừng chống chiến tranh nhằm vào nhân dân. Từng nhóm lớn Delhi tổ chức một phiên tòa công cộng. Những người Adivasi đã thành nạn nhân được gọi về Delhi để phát biểu với Truyền thông Quốc gia. Đảng bảo tôi đi cùng họ với các luật sư và nhà hoạt động khác trong vùng. Vì tôi có con nhỏ nên đó sẽ là một vỏ bọc tốt. Tôi nói giỏi tiếng Telugu và rành rẽ mọi chuyện. Họ có những người phiên dịch giỏi ở Delhi. Sau phiên tòa, tôi ngồi với các nạn nhân bộ lạc trong ba ngày biểu tình quần chúng ở Jantar Mantar. Tôi thấy ở đó có nhiều người tốt. Nhưng tôi không thể sống bên ngoài như họ.

Đảng là mẹ là cha tôi. Nhiều lần họ làm nhiều điều sai. Giết nhầm người. Phụ nữ gia nhập vì họ là người cách mạng nhưng cũng còn vì họ không chịu đựng nổi những khốn khổ ở quê nhà. Đảng nói đàn ông, đàn bà đều bình đẳng, nhưng họ không bao giờ hiểu. Tôi biết đồng chí Stalin và lãnh tụ Mao đã làm nhiều điều tốt và cả nhiều điều sai trái. Nhưng tôi vẫn không thể bỏ Đảng. Tôi không thể sống bên ngoài. Tôi thấy nhiều người tốt ở Jantar Mantar nên tôi có ý bỏ Udaya lại đó. Tôi không thể như ông và họ. Tôi không thể biểu tình tuyệt thực và đưa ra các yêu sách. Ở trong rừng, mỗi ngày cảnh sát đốt, giết, hiếp dân nghèo. Bên ngoài có các đồng chí để đấu tranh và lo liệu mọi chuyện. Nhưng trong rừng chỉ có chúng tôi. Nên tôi quay lại Dandakaranya để sống và chết bên khẩu súng của mình.

Cám ơn đồng chí vì đọc thư này.

Lời chào đở*! Lal Salaam!

Revathy



“Lal Salaam Aleikum,” là phản ứng bất giác, vô tình của Anjum với đoạn kết lá thư. Đó có thể là khởi đầu của cả

phong trào chính trị, nhưng chị chỉ muốn nói vậy như kiểu một chữ “Ameen” sau khi nghe một bài giảng đạo cảm động.

Mỗi người lắng nghe đều nhận ra, theo những cách riêng, cái gì đó về mình và câu chuyện của mình, Ấn-Pakistan của riêng mình, trong câu chuyện của người đàn bà lạ ở xa lắc xa lơ không còn trên đời nữa. Nó khiến họ khép chặt hàng ngũ quanh Miss Jebeen đệ nhị như một cụm cây, hay những con voi già - một pháo đài bất khả xâm phạm, trong đó con bé, không như mẹ ruột của nó, sẽ lớn lên được che chở yêu thương.

Tuy vậy, cái nảy sinh để thảo luận tức thì ở Bộ chủ quản nghĩa địa là Miss Jebeen có bao giờ nên biết về lá thư không. Anjum, tổng thư ký, hết sức mập mờ về điểm này. Trong khi Miss Jebeen đứng trên chân chị và véo muốn dứt mũi chị ra, Anjum nói, “Tất nhiên con bé nên biết về mẹ mình. Không bao giờ biết về cha nó.”

Họ quyết định nên chôn Revathy với đầy đủ nghi thức trọng thể trong nghĩa địa. Vì không có xác chị, bức thư của chị sẽ được chôn trong mộ. (Tilo sẽ giữ một bản photo để làm tư liệu.) Anjum muốn biết nghi thức đúng cho đám tang của một người cộng sản thì phải thế nào. (Chị dùng cụm từ *Lal Salaami*.) Khi Tiến sĩ Azad Bhartiya nói rằng theo như ông biết thì không có cái gì như vậy, chị có hơi miệt thị. “Vậy thì nó là cái thứ gì? Loại người nào mà bỏ người đã khuất của mình đó không cầu nguyện?”

Hôm sau, Tiến sĩ Azad Bhartiya kiếm được một lá cờ đỏ. Lá thư của Revathy được bỏ vào một hộp nhựa kín và quấn vào trong lá cờ. Khi chôn nó xuống ông hát *Quốc tế ca* tiếng Hindi và nắm chặt tay giơ lên chào chị. Vậy là xong đám tang thứ hai của mẹ thứ nhất, thứ hai hay thứ ba của Miss Jebeen đệ nhị, tùy vào góc nhìn của ta.

Bộ chủ quản quyết định tên đầy đủ của Miss Jebeen đệ nhị, từ hôm đó trở đi, sẽ là cô Udaya Jebeen. Câu trên mộ chí của mẹ cô ghi vồn vện:

ĐỒNG CHÍ MAASE REVATHY

Mẹ yêu quý của cô Udaya Jebeen

Lal Salaam

Tiến sĩ Azad Bhartiya cố dạy cho cô Udaya Jebeen - con của sáu người cha và ba người mẹ (được xâu lại với nhau bằng những sợi chỉ ánh sáng) - nắm tay lại và nói lời “Lal Salaam” cuối cùng với mẹ.

“...al Salaam,” con bé bập bẹ.

11 CHỦ NHÀ

Tôi vẫn còn đây. Như chắc chắn mọi người cũng đoán được. Tôi không bao giờ vào cái trung tâm phục hồi đó. Nó cứ lúc này lúc kia cũng cả sáu tháng, cuộc chè chén bắt đầu khi tôi mới tới. Tuy nhiên, giờ tôi tỉnh táo rồi - tỉnh táo vào lúc này, có lẽ là cái tôi muốn nói. Cũng hơn một năm rồi tôi không uống ly nào. Nhưng cũng muộn mất rồi. Tôi bị mất việc. Chitra bỏ tôi còn Rabia với Ania không chịu nói chuyện với tôi. Lại là chẳng có chuyện nào khiến tôi không vui như tôi tưởng. Tôi đã dần dà vui hưởng sự cô độc của mình.

Trong mấy tháng qua, tôi sống cuộc đời ẩn dật. Thay vì rượu chè say sưa, tôi đọc say sưa. Tôi tự cho việc của mình là tọc mạch xem không sót một tờ nào - mọi tài liệu, mọi báo cáo, mọi thư từ, mọi video, mọi mẫu giấy nhớ vàng và mọi hình chụp trong mọi hồ sơ trong căn hộ này. Tôi cho rằng mọi người có thể nói tôi cũng đem cả những đặc điểm của nhân cách nghiện vào công việc này - nói vậy có nghĩa là sự chuyên tâm đi cùng với cảm giác có lỗi sâu xa và ăn năn vô ích. Khi đã xem hết cả chỗ hồ sơ lưu trữ kỳ lạ, tôi cố đền bù lại cho cái tò mò thái quá của mình bằng cách đem chút logic và trật tự vào hỗn loạn. Nhưng nghĩ lại thì có lẽ

chuyện đó cũng cầm bằng như một sự xâm lấn nữa. Dù thế nào thì tôi cũng đã sắp xếp lại các hồ sơ và hình ảnh rồi bỏ vào các thùng bìa dán kín, để nếu và khi cô đến, cô có thể đem đi dễ dàng. Tôi đã hạ tấm bảng xuống và để ý xếp hình ảnh và các mẫu giấy nhớ sao để cô dán lên lại theo thứ tự cũ không khó khăn gì. Mọi điều này chỉ để nói là tôi đã dọn vào. Giờ tôi sống ở đây, trong căn hộ này. Tôi không còn nơi nào để đi. Tiền cho thuê căn hộ dưới tầng trệt góp phần nhiều trong thu nhập của tôi. Tilo vẫn tiếp tục trả tiền thuê vào tài khoản của tôi, nhưng tôi định trả lại cho cô khi nào, nếu có bao giờ, tôi còn gặp lại cô.

Kết quả rình mò, tôi phải thú nhận, là tôi đã đổi ý về Kashmir. Giờ tôi nói thế thì nghe có hơi rẻ tiền và tiện cho tôi, tôi biết - chắc tôi nghe giống mấy viên tướng trong quân đội cả đời đi đánh đấm rồi đến lúc giải ngũ dùng một cái trở thành người theo chủ nghĩa hòa bình sùng kính, phản đối hạt nhân. Thứ duy nhất khác biệt giữa họ và tôi là tôi sẽ giữ bụng ý kiến mới thành hình của mình. Dù vậy cũng chẳng dễ gì. Nếu tôi muốn, và nếu tôi chơi đúng bài, có lẽ tôi có thể đem đặt cược vào ít tiền tài đáng kể. Tôi có thể tạo ra cơn bão chính trị nếu “tái xuất giang hồ”, có thể nói vậy, vì theo tin tức thì tôi thấy rằng Kashmir, sau vài năm yên bình lừa mị, đã lại bùng nổ.

Theo như tôi biết, không còn là chuyện các lực lượng an ninh tấn công dân tình nữa. Giờ thì hình như ngược lại rồi. Dân - dân thường, không phải chiến binh - đang tấn công

các lực lượng. Trẻ con trên đường phố cầm đá trong tay chọi lại lính có súng ống; dân làng vũ trang gây gộc cuộc xềng tràn xuống các sườn núi và áp đảo các trại lính. Binh lính mà nã đạn làm họ thiệt mạng dăm ba người thì lại càng làm cho những cuộc biểu tình phản đối dậy lên thêm thôi. Lính bán quân sự dùng súng cao su cuối cùng làm người ta mù mắt - tôi nghĩ vậy thì đỡ hơn là làm họ chết. Dù trong thuật ngữ của giới PR thì nó tệ hại hơn. Thế giới đã quen thấy cảnh xác người chất đống. Nhưng không quen thấy hàng trăm người còn sống bị mù. Xin thứ lỗi cho sự tàn nhẫn của tôi, nhưng mọi người có thể hình dung cái ngoạn mục của cảnh đó. Nhưng ngay cả chuyện đó dường như cũng không ăn thua. Những chàng trai bị mù một bên mắt lại xuống đường, sẵn sàng liều mất bên mắt còn lại. Ta phải làm sao với kiểu thịnh nộ đó?

Tôi không nghi ngờ gì rằng chúng ta có thể - và sẽ - đánh bại họ một lần nữa. Nhưng rồi tất cả những thứ ấy sẽ về đâu? Chiến tranh. Hay chiến tranh hạt nhân. Mấy thứ đó dường như là câu trả lời thực tiễn nhất cho câu hỏi đó. Tối tối khi xem tin tức, tôi lấy làm lạ vì cái dốt nát và ngu xuẩn đang phô bày. Vậy mà nghĩ xem cả đời mình, tôi là một phần trong đó. Tôi chỉ làm được chừng đó để ngăn mình viết cái gì cho báo chí. Tôi sẽ không viết đâu, vì tôi đã phơi mình ra để bị chế giễu thôi - thằng phản đối có lương tâm, thằng bọm rọu, bị sa thải. Kiểu như vậy.

Tất nhiên giờ tôi đã biết chuyện của Musa - trong nghĩa

là tôi biết anh không chết khi chúng tôi tưởng anh đã chết. Anh vẫn còn đó suốt bao năm nay, và dĩ nhiên, khỏi phải nói, người thuê nhà của tôi bấy nay vẫn biết điều đó. Chỉ cần một buổi cúp điện kéo dài là tôi phát hiện ra những thứ cô cất trong ngăn đông.

Vậy nên cứ hình dung niềm vui của tôi một đêm nọ, khi chìa khóa tra trong cửa và Musa bước vào, sững sờ khi thấy tôi hơn là tôi sững sờ khi thấy anh. ít phút đầu chạm trán thật nặng nề. Anh toan bỏ đi, nhưng tôi cũng thuyết phục được anh ở lại và ít ra cũng uống tách cà phê. Thật mừng khi gặp anh. Lần trước gặp nhau, chúng tôi còn là những thanh niên. Thật ra là những thằng con trai. Giờ đây tôi đã gần hói còn tóc anh thì bạc trắng. Khi tôi nói anh rằng tôi không còn làm cho Cục nữa thì anh đỡ căng thẳng hơn. Cuối cùng bọn tôi dành cả đêm và gần cả ngày hôm sau với nhau. Bọn tôi nói nhiều chuyện lắm - khi nhớ lại buổi gặp ấy, tôi hơi tức tối vì kĩ năng anh moi chuyện ở tôi. Đó là kết hợp của sự ân cần từ tốn và kiểu tò mò làm ta hãnh diện hơn là tọc mạch. Có lẽ vì tôi đã sốt sắng cam đoan với anh rằng tôi không còn là “địch” nữa, cuối cùng tôi lại là người nói nhiều hơn cả. Tôi thấy kinh ngạc vì dường như anh biết tường tận hoạt động của Cục. Anh nói về một số sĩ quan như thể họ là bạn anh. Gần như thể thư từ qua lại với một đồng nghiệp. Nhưng tất cả diễn ra thản nhiên, gần như hờ hững, chủ yếu là hàn huyên một cách tự nhiên, gần như là nói chuyện phiếm, đến mức tôi chỉ nhận ra khi anh đi rồi.

Không hẳn bọn tôi nói chuyện chính trị. Bọn tôi cũng không nói về Tilo. Anh ngỏ ý nấu cho tôi bữa trưa với bất cứ nguyên liệu gì tôi có trong bếp. Tất nhiên tôi biết rằng cái anh thực sự muốn là xem qua cái tủ lạnh. Lúc này trong đó chỉ có mỗi một ký thịt dê ngon. Tôi nói anh rằng các thứ trong căn hộ, kể cả nhiều tấm hộ chiếu và các vật dụng cá nhân khác của anh, đã được gói ghém sẵn sàng để đem đi khi nào Tilo muốn lấy.

Bọn tôi nói vòng vo quanh đề tài Kashmir, nhưng chỉ theo cách trừu tượng.

“Suy cho cùng có lẽ anh đúng,” tôi nói với anh trong bếp. “Có thể các anh đúng, nhưng các anh sẽ không bao giờ thắng.”

“Tôi thì nghĩ ngược lại,” anh mỉm cười, đảo cái nồi bốc mùi rogan josh* thơm phức. “Có khi hóa ra chúng tôi sai, nhưng chúng tôi đã thắng rồi.”

Tôi để lửng câu chuyện ở đó. Tôi không nghĩ anh biết Chính phủ Ấn sẽ làm đến mức nào để giữ rịt rẻo đất đó. Nó có thể biến thành bể máu khiến cho những năm 1990 trông như vở kịch ở trường. Mặt khác, có lẽ tôi không biết người Kashmir sẵn sàng - và sẽ sẵn sàng - tự sát thế nào. Ngả nào thì tiền cược cũng cao hơn bao giờ hết. Cũng có thể chúng tôi có ý niệm khác nhau về chuyện “thắng” nghĩa là sao.

Bữa ăn thật ngon lành. Musa là một tay đầu bếp ung dung, tài nghệ. Anh hỏi thăm Naga. “Dạo này tôi không thấy anh ta trên truyền hình. Anh ta OK không?”

Lạ thay, người duy nhất tôi thỉnh thoảng thấy trong cuộc đời ẩn sĩ mới là Naga. Cậu ta đã từ chức ở tờ báo và theo tôi nhớ thì hình như chưa bao giờ cậu ta hạnh phúc như vậy. Có lẽ, trở trêu thay, cả hai chúng tôi đều được giải thoát vì Tilo biến mất dứt khoát và hoàn toàn khỏi đời mình khỏi thế giới mà chúng tôi biết. Tôi kể Musa nghe rằng Naga với tôi đang tính - vẫn chưa gì hơn là dự tính - bắt đầu một kiểu kênh nhạc một thời đã qua, trên radio hay có lẽ file âm thanh. Naga sẽ phụ trách nhạc Tây phương, rock'n'roll, blues, jazz, còn tôi lo nhạc thế giới. Tôi có một bộ sưu tập thú vị, và tôi tin là tuyệt vời, nhạc dân ca Afghanistan, Iran và Syria. Nói xong tôi thấy nông cạn và hời hợt. Nhưng Musa có vẻ thực tình quan tâm nên bọn tôi hàn huyên đôi chút về âm nhạc.

Sáng ra anh gọi một xe Tempo nhỏ trong chợ rồi hai người đàn ông chất lên xe những thùng giấy và đồ còn lại của Tilo. Dường như anh biết cô ở đâu, nhưng không nói, nên tôi cũng không hỏi. Dù vậy, có một câu mà tôi cần phải hỏi trước khi anh đi, điều tôi hết sức muốn biết trước khi thêm ba mươi năm nữa trôi đi. Tôi mà không hỏi thì nó sẽ làm tôi băn khoăn đến hết đời. Tôi phải hỏi. Không có cách tế nhị để hỏi. Không dễ dàng, nhưng cuối cùng tôi cũng hỏi toạc ra.

“Có phải anh giết Amrik Singh không?”

“Không.” Anh nhìn tôi với đôi mắt màu xanh trà. “Tôi không giết.”

Anh không nói gì một lúc, nhưng theo cái nhìn của anh thì tôi biết anh đang đánh giá tôi, tự hỏi có nên nói nhiều hơn không. Tôi nói với anh là tôi đã thấy hồ sơ xin tị nạn và thẻ lên máy bay đến Mỹ với một cái tên khớp với một trong những hộ chiếu giả của anh. Tôi đã bắt gặp một tờ biên lai công ty cho thuê xe ở Clovis. Ngày tháng cũng khớp, nên tôi biết anh có dính líu gì với toàn bộ việc đó, nhưng tôi không biết là làm gì.

“Tôi chỉ tò mò thôi,” tôi nói. “Anh có làm cũng không sao. Hắn đáng chết.”

“Tôi không giết hắn. Hắn tự sát. Nhưng chúng tôi khiến hắn phải tự sát.”

Tôi chẳng hiểu như vậy thì phải nghĩa là cái cóc khô gì.

“Tôi không qua bên Mỹ tìm hắn. Tôi đang qua đó vì một việc khác thì thấy tin trên báo rằng hắn bị bắt vì hành hung vợ. Địa chỉ nhà hắn thành công khai. Tôi đã tìm hắn suốt nhiều năm. Tôi có chút công chuyện còn chưa xong với hắn. Nhiều người chúng tôi cũng có. Nên tôi đi Clovis, dò hỏi và cuối cùng tìm thấy hắn trong garage rửa xe tải và xưởng mà hắn thường đem xe tải tới để bảo trì. Hắn là người khác hẳn với tên sát nhân chúng tôi biết, kẻ giết Jalib Qadri và nhiều người khác nữa. Hắn không có cái bệ đỡ miễn trách để hắn hoạt động hồi ở Kashmir. Hắn sợ hãi và suy sụp. Tôi gần như thấy thương hại cho hắn. Tôi cam đoan với hắn là tôi sẽ không làm hại hắn, và tôi chỉ đến đó để nói rằng chúng tôi sẽ không cho phép hắn quên những gì hắn đã

làm.”

Musa với tôi có cuộc chuyện trò này ngoài đường. Tôi xuống để tiễn anh.

“Những người Kashmir khác cũng đọc được tin. Nên họ bắt đầu tới Clovis để xem giờ Tên Đồ Tể Kashmir sống ra sao. Một số là nhà báo, một số là nhà văn, nhiếp ảnh gia, luật sư... một số chỉ là dân thường. Họ đến chỗ làm của hân, nhà hân, siêu thị, bên kia đường, trường con hân học. Mỗi ngày. Hân buộc phải nhìn chúng tôi. Buộc phải nhớ. Chắc hân chuyện đó làm hân hóa điên. Cuối cùng khiến hân tự sát. Nên... để trả lời câu hỏi của anh... không, tôi không giết hân.”

Điều tiếp theo Musa nói, khi đứng tựa trên nền cổng trường có vẽ hình cô y tá tiêm vắc xin ngựa bại liệt cho một đứa bé, thì giống như... như tiêm nước đá. Càng giống vậy hơn nữa vì nó được nói ra theo kiểu tự nhiên, thân ái anh có, với nụ cười thân thiện, gần như hạnh phúc, như thể anh chỉ đang nói đùa.

“Một ngày nào Kashmir sẽ khiến Ấn Độ tự hủy diệt theo cách như vậy. Đến lúc đó thì có thể các anh đã làm mù mắt tất cả chúng tôi, từng người chúng tôi, bằng đạn cao su. Nhưng các anh vẫn sẽ còn mắt để thấy cái các anh đã làm với chúng tôi. Các anh không hủy diệt chúng tôi. Các anh đang xây dựng chúng tôi. Chính các anh mới là người các anh hủy diệt. *Khuda hafiz*, anh Garson.”

Nói vậy rồi anh đi. Tôi không bao giờ còn gặp lại anh

nữa.

Nếu anh đúng thì sao? Chúng ta đã thấy những nước lớn lụi tàn gần như chỉ trong một sớm một chiều. Nếu chúng ta là người kế tiếp thì sao? Ý nghĩ đó làm tôi ngợp trong một nỗi sầu vạn kỷ.

Nếu con hẻm nhỏ cũng được tính thì có lẽ cái mở nút đã bắt đầu rồi. Mọi thứ bỗng im bật. Mọi việc xây dựng đã dừng. Người lao động biến mất. Mấy cô gái gọi và bọn đồng tính với lũ chó khoác áo điệu đà đâu rồi? Tôi thấy nhớ họ. Sao tất cả lại biến đi nhanh thế này?

Tôi không được tiếp tục đứng đó, như thằng già khùng điên hoài cổ.

Mọi chuyện sẽ trở nên tốt đẹp hơn. Phải như vậy.

Tôi cũng xoay sở tránh mặt được người thuê nhà khêu gọi và liến thoắng Ankita trên cầu thang khi tôi về lại với căn hộ vắng vẻ của mình, nơi sẽ mãi bị những hồn ma của những thùng giấy đi rồi ám ảnh, và mọi câu chuyện chúng chứa đựng bên trong.

Và sự vắng bóng người đàn bà mà, theo cách yếu ớt, ngập ngừng của mình, tôi sẽ không bao giờ hết yêu.

Tôi sẽ như thế nào? Tôi có hơi giống Amrik Singh - già nua, húp híp, sợ sệt, và bị tước mất cái mà Musa hùng biện gọi là “bệ đỡ miễn trách” cả đời tôi hoạt động trong đó. Tôi cũng tự hủy diệt thì sao?

Cũng có thể lắm - trừ phi âm nhạc giải cứu tôi.

Tôi nên liên lạc với Naga. Tôi nên xúc tiến cái ý tưởng file âm thanh đó.

Nhưng trước hết, tôi phải uống cái đã.

12 GUIH KYOM

Đó là đêm thứ ba Musa ở nhà trọ Jannat. Anh tới ít hôm trước như một người giao hàng, cùng một chiếc Tempo đầy thùng bìa cứng. Ai cũng vui khi thấy vẻ linh động trên mặt Ustaniji khi cô nhìn anh. Mấy thùng giấy được xếp sát tường phòng Tilo, chật kín không gian cô chia sẻ với dì Ahlam. Tilo đã kể hết cho Musa những gì cô biết về mọi người ở nhà trọ Jannat. Đêm cuối đó cô nằm cạnh anh trên giường, khoe tài nghệ tiếng Urdu. Cô đã viết ra một bài thơ cô học được từ Tiến sĩ Azad Bhartiya trong cuốn sổ:

Mar gayee bulbul qafas mein

Keh gayee sayyaad se

Apni sunehri gaand mein

*Tu thoons le fasl-e-bahaar**.

“Nghe giống quốc ca của kẻ đánh bom tự sát,” Musa nói.

Tilo kể anh nghe về Tiến sĩ Azad Bhartiya và bài thơ là đáp trả của ông khi bị cảnh sát tra tra hỏi ở Jantar Mantar (vào buổi sáng sau đêm đó, đêm có liên quan, đêm đã nói ở trên, đêm mà sau đây gọi là “cái đêm”).

“Bao giờ em chết,” Tilo vừa nói vừa cười, “em muốn câu này trên bia mộ của mình.”

Dì Ahlam lầm bầm chửi mấy tiếng rồi trở người trong mộ.

Musa liếc nhìn trang giấy trong sổ tay đối diện trang mà Tilo ghi bài thơ.

Nó ghi:

Làm sao

để

kể

một

câu chuyện

tản mác?

Bằng cách

dần dần

trở thành

mọi người.

Mà không.

Bằng cách dần dà trở thành mọi thứ.

Đó là mọi thứ nên nghĩ đến, anh nghĩ bụng.

Nó khiến anh quay qua tình yêu bao năm của anh, người đàn bà mà sự xa lạ đã thành quá đỗi thân yêu đối với anh, và ôm chặt cô.

Ở mái ấm mới của Tilo có gì đó khiến Musa nhớ đến câu chuyện Mumtaz Afzal Malik, người tài xế taxi trẻ mà Amrik

Singh giết, xác vớt lên từ ngoài đồng và giao cho gia đình với đất còn trong hai bàn tay nắm chặt và hoa mù tạc mọc qua kẽ ngón tay. Câu chuyện đó vẫn luôn còn lại trong Musa - có lẽ bởi niềm hi vọng dột cùng nỗi đau thật khăng khít, thật keo sơn.

Sáng mai anh sẽ đi Kashmir, để trở lại với một giai đoạn mới của một cuộc chiến cũ, mà lần này, anh sẽ không còn quay về nữa. Anh sẽ chết theo cách anh muốn, còn mang *đôi ủng asal*. Anh sẽ được chôn theo cách anh muốn - một người không còn gương mặt trong một nắm mộ vô danh. Những người trẻ hơn thay thế anh sẽ cứng rắn hơn, hẹp hòi hơn và ít bao dung hơn. Họ sẽ đủ sức thắng bất cứ cuộc chiến nào họ đấu, vì họ thuộc về một thế hệ không biết đến thứ gì khác ngoài chiến tranh.

Tilo sẽ nhận được một lời nhắn từ Khadija - bức hình một Musa trẻ trung, tươi cười và Gul-kak. Ở mặt sau, Khadija sẽ viết *Hai thủ lĩnh Gulrez và Gulrez giờ đây đã bên nhau*. Tilo sẽ vô cùng đau khổ vì cái chết của Musa, nhưng sẽ không nát tan vì sầu muộn, bởi cô có thể viết cho anh đều đặn và thăm anh thường xuyên qua cái khe cửa mà các thiên thần tả tơi trong nghĩa địa để mở (trái phép) cho cô.

Cánh của chúng không có mùi như đáy chuồng gà.

Trong đêm cuối của họ với nhau, Tilo và Musa ngủ mà hai tay quấn quít lấy nhau, như thể họ vừa mới quen.



Đêm đó Anjum nôn nao không sao ngủ được. Chị đi loanh quanh trong nghĩa địa kiểm tra cơ ngơi của mình. Chị dừng một lát ở bên mộ Bombay Silk để cầu nguyện và kể cho cô Udaya Jebeen ngồi vắt bên sườn chị, câu chuyện lần đầu chị để ý thấy Bombay Silk trong khi chị ta mua mấy chiếc vòng nơi người bán vòng ở Chitli Qabar và đã theo chị ta một mạch về tận Gali Dakotan. Chị cúi xuống nhặt một bông hoa của Roshan Lal trên mộ Begum Renata Mumtaz Madam để lên mộ đồng chí Maase. Hành vi nhỏ nhỏ phân chia lại đó khiến chị cảm thấy vui hơn nhiều. Chị ngoái nhìn lại nhà trọ Jannat với cảm giác hài lòng mãn nguyện. Ngẫu hứng, chị quyết định đưa cô Udaya Jebeen ra ngoài đi dạo một chút lúc nửa đêm cho con bé làm quen với khung cảnh và thấy ánh đèn thành phố.

Chị đi ngang khu nhà xác, ngang bãi đậu xe bệnh viện ra đường cái. Vào giờ đó không có mấy xe cộ. Thế nhưng để cho an toàn, họ cứ đi trên vỉa hè, len lỏi qua những xe xích lô đậu và người đang ngủ. Họ đi ngang một người đàn ông gầy đét, trần truồng có một cọng kẽm gai trên chòm râu. Ông giơ tay lên chào rồi lật đật bỏ đi như thể trễ giờ làm. Khi cô Udaya Jebeen kêu, “Mẹ ơi, tè tè!” Anjum để nó ngồi xuống dưới một ngọn đèn đường. Mắt nhìn mẹ chăm chăm, con bé tè, rồi nhắc mông lên để trắm trồ bầu trời đêm cùng muôn vì sao và thành phố nghìn năm tuổi in bóng trong vũng nước nó tè ra. Anjum bế con bé lên hôn rồi ẵm nó về nhà.

Đến khi họ quay về, đèn đóm đã tắt và mọi người đã ngủ. Mọi người, tức là trừ Guih Kyom bỏ hung. Nó thức thao láo để trực, nằm ngửa chống hai chân lên trời để cứu thế giới phòng khi trời sập. Nhưng ngay cả nó cũng biết rằng cuối cùng mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi. Sẽ ổn thôi, vì phải như thế.

Vì Miss Jebeen, cô Udaya Jebeen, đã đến.

TRI ẢN

Tôi đã dệt tình yêu thương và tình bạn tôi nhận được từ những người tôi nhắc tên bên dưới đây thành một tấm thảm mà ở trên đó tôi suy nghĩ, ngủ, mơ, chạy trốn, và bay quanh trong nhiều năm tôi cần để viết cuốn sách này. Tôi xin cảm ơn:

John Berger, người đã giúp tôi bắt đầu và chờ cho tôi kết thúc.

Mayank Austen Soofi và Aijaz Hussain. Họ biết tại sao. Tôi không cần phải nói.

Parvaiz Bukhari. Cũng như trên.

Shohini Ghosh, kẻ bóc đồng yêu dấu, đã chơi xỏ tôi.

Jawed Naqvi vì nhạc, thơ ca tai hại và căn nhà đầy hoa huệ tây.

Thầy Hameed, người cho tôi thấy rằng ông có thể lên bổng xuống trầm, lửng lơ giữa bất kỳ hai nốt nhạc nào.

Dayanita Singh, là người tôi từng cùng đi lang thang, và một ý tưởng nảy sinh.

Munni và Shigori ở Meena Bazaar vì hàng giờ ngồi chém gió.

Gia đình Jhinjhanvi: Sabiha và Naseer-ul-Hassan, Shaheena và Muneer-ul-Hassan, vì một mái nhà ở

Shahjahanabad.

Tarun Bhartiya, Prashant Bhushan, Mohammed Junaid, Arif Ayaz Parray, Khurram Parvez, Parvez Imroze, P.G. Rasool, Arjun Raina, Jitendra Yadav, Ashwin Desai, G.N. Saibaba, Rona Wilson, Nandini Oza, Shripad Dharmadhikary, Himanshu Thakker, Nikhil De, Anand, Dionne Bunsu, Chittaroopa Palit, Saba Naqvi và Cha Sunil Sardar, những hiểu biết sâu sắc của họ nằm ở đâu đó trong nền móng cuốn *Bộ tốt cùng hạnh phúc*.

Savitri và Ravikumar vì những chuyến du hành cùng nhau và nhiều thứ khác nữa.

J.J. (Heck.) Nhưng cô ở đâu đó trong này.

Rebecca John, Chander Uday Singh, Jawahar Raja, Rishabh Sancheti, Harsh Bora, ông Deshpande và Akshaya Sudame, đã giúp tôi khỏi cảnh tù đày. (Cho đến nay.)

Susanna Lea và Lisette Verhagen, các Đại sứ Thế giới của Bộ tốt cùng hạnh phúc. Heather Godwin và Philippa Sitters, họ làm cho trụ sở có chút nữ tính.

David Eldridge, người thiết kế bìa xuất sắc. Hai cuốn sách, cách nhau hai chục năm.

Iris Weinstein vì những trang tuyệt hảo.

Ellie Smith, Sarah Coward, Arpita Basu, George Wen, Benjamin Hamilton, Maria Massey và Jennifer Kurdyla. Người đọc cẩn thận, biên tập viên nghiêm túc những bản nháp tệ hại và các vai chính sáng láng trong các cuộc chiến đấu phẩy xuyên Đại Tây dương.

Pankaj Mishra, vẫn là Người Đọc Đầu Tiên.

Robin Desser và Simon Prosser. Những biên tập viên đáng mơ ước.

Các nhà xuất bản tuyệt vời của tôi, Sonny Mehta, Meru Gokhale (vì xuất bản cộng với thức ăn giàu năng lượng), Hans Jurgen Balmes, Antoine Gallimard, Luigi Brioschi, Jorge Herralde, Dorotea Bromberg và mọi người khác tôi vẫn chưa được gặp trực tiếp.

Suman Parihar, Mohammed Sumon, Krishna Bhoat và Ashok Kumar, giúp tôi tiếp tục khi mọi chuyện không dễ dàng.

Suzie Q, đền thờ di động, bạn thân và tài xế số một ở London.

Krishnan Tewari, Sharmila Mitra và Deepa Verma vì liều lượng đồ ngọt, sự khỏe khoắn và tiếng cười mỗi ngày.

John Cusack, hết sức dễ thương, đồng soạn thảo Hiến chương Trốn chạy.

Eve Ensler và Bindia Thapar. Những người yêu dấu.

Mẹ tôi không như ai, Mary Roy, người vô cùng đặc biệt.

Anh trai tôi, LKC, người giữ cho tôi tỉnh táo, và chị dâu, Mary, cả hai người, cũng như tôi, đã sống sót.

Golak. Đi. Bạn xưa nhất.

Mithva và Pia. Những đứa nhỏ. vẫn là của tôi.

David Godwin. Đại lý bay. Người đứng đầu. Không có anh.

Anthony Amove, đồng chí, đại diện, nhà xuất bản, rock.

Pradip Krishen, tình yêu bao năm, cây danh dự.

Sanjay Kak. Hang động. Từ hồi nào đến giờ.

Và

Bà Filthi Jaan và Maati K. Lal. Những con người.



Tri ân đặc biệt:

Đoạn mà giáo sư Một đọc cho lớp Một nghe được phỏng theo *Chó rom* của John Gray.

Ca từ *Đêm chuyển sang ngày rồi ngày trở sang đêm* trong *Không còn nữa* của Ioanna Gika.

Bài thơ *Duniya ki mehfilon se ukta gaya hoan ya Rab* của Allama Iqbal.

Cặp câu thơ trên mộ Arifa Yeswi là của Ahmed Faraz.

Xin phép:

Đề từ trong trang 9: Nazim Hikmet, trích trong “Về chuyện của Romeo và Juliet” trong *Những bài thơ của Nazim Hikmet*. Bản quyền dịch © 1994 của Randy Biasing và Mutlu Konuk. In lại với sự cho phép của các nhà xuất bản, PerseaBooks, Inc. (New York), www.perseabooks.com giữ bản quyền.

Đề từ trong trang 98: Pablo Neruda, đoạn trong LXVI từ

Libra de las Preguntas/ Cuốn sách những câu hỏi, William O'Daly dịch. Bản quyền © 1974, Quỹ Pablo Neruda/Pablo Neruda và những người thừa kế của Pablo Neruda. Bản quyền dịch © 1991, 2001 của William O'Daly. In lại với Sự cho phép của Công ty giấy phép, Inc., thay mặt Copper Canyon Press, www.coppercanyonpress.org.

Đề từ trong trang 143: “Muharram ở Srinagar, 1992”, từ trong *Đất nước không có bưu điện* của Agha Shahid Ali. Bản quyền © 1997 của Agha Shahid Ali. Sử dụng theo sự cho phép của w. w. Norton & Company, Inc.

Đề từ trong trang 210: lấy trong *Nàng hoa của chúng ta* của Jean Genet, Benard Frechtman dịch. Bản quyền © Jean Genet, 1943, 1951, 1964, 1973. Bản quyền dịch © Bernard Frechtman, 1943, 1951, 1964, 1973. In lại với sự cho phép của Faber & Faber Ltd.

Bài hát trong trang 229: là *No Good Man*, nhạc và lời của Irene Higginbotham, Dan Fisher và Sammy Gallop, bản quyền © 1944, Universal Music Corp. Universal/MCA Music Limited. All Rights Reserved. International Copyright Secured, sử dụng theo sự cho phép của Music Sales Limited; bản quyền © 1945 (mới), Sammy Gallop Music Company (ASCAP). Mọi quyền nhân danh Sammy Gallop Music Company do WB Music Corp quản lý.

Bài hát trong trang 259: là *Đã mất*, nhạc và lời của Joanna Gikas, bản quyền © UPG Music Publishing, 2012. Universal/MCA Music Limited. All Rights Reserved.

International Copyright Secured, sử dụng với sự cho phép của Music Sales Limited.

Đề từ trong trang 296: nhà xuất bản rất biết ơn vì được phép in lại một trích đoạn trong *Đám cháy lần sau* của James Baldwin, Penguin Classics xuất bản, in lại với sự cho phép của The Baldwin Estate.

Bài hát trong trang 343 lấy từ *Nàng Đông*, nhạc và lời của Leonard Cohen, bản quyền © Sony/ATV SongsLLC, 1966. Chrysalis Songs Limited. All Rights Reserved. International Copyright Secured.

Bài thơ trong trang 352: Osip Mandelstam, *Tuyển tập thơ*, James Greene dịch (Penguin Books; bản quyền © JamesGreene, 1989, 1991); Angel Books cho phép.

Đề từ trong trang 375: từ *Hi vọng hảo huyền* của Nadezhda Mandelstam, Max Hayward dịch, HarvillPress xuất bản. In lại với sự cho phép của The Random House Group Ltd. Bản quyền © Atheneum Publishers, 1970.

Table of Contents

1 LỮ CHIM GIÀ BAY ĐÂU MÀ CHẾT?

2 KHWABGAH

3 CHÀO ĐỜI

4 TIẾN SĨ AZAD BHARTIYA

5 CUỘC SĂN NGỔNG CHẬM

6 VÀI CÂU HỎI ĐỂ SAU

7 CHỦ NHÀ

8 NGƯỜI THUÊ NHÀ

9 CÁI CHẾT TRẺ CỦA MISS JEBEEN ĐỆ NHẤT

10 BỘ TỘI CÙNG HẠNH PHÚC

11 CHỦ NHÀ

12 GUIH KYOM

TRI ÂN